Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh

Dịch Giảng:
Thích Vĩnh Hóa

Lư Sơn Tự
7509 Mooney Drive
Rosemead, CA 91770
USA
Tel: (626) 280-8801

Xuất bản lần thứ nhất.
www.TinhDoDaiThua.org
www.BLI2PL.org

Lời Tựa

Tôi xin thành thật tri ơn công lao và những hy sinh lớn lao mà nhiều Phật tử và đạo hữu đã đóng góp vào để sửa soạn bản kinh này.

Tôi trích nhiều lời dạy quí báu của Hòa thượng Tuyên Hóa trong chú thích của ngài để chia xẻ cùng đọc giả tri kiến thâm sâu của bậc thánh nhân.

Thích Vĩnh Hóa



Địa Tạng Bồ Tát

Mục Lục

Tựa Kinh:

Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh

"Địa" hàm nghĩa có thể nương tựa được, có thể bảo trì và có thể giúp sinh trưởng.

Địa Tạng Thập Luận Kinh nói rằng vị Bồ Tát này có thể an nhẫn và bất động như đại *địa*. *Tạng* ám chỉ chứa nhiều bí mật; đây là quả của tĩnh quán.

地: 能勝依持，令生產

地藏十論經: 安忍不動猶如大地，靜慮深密一秘藏，因此故名地藏

"Địa" có mười khía cạnh:

1. Quảng đại 廣大: rộng và lớn,
2. Chúng sinh y 衆生依: nơi chúng sinh có thể nương tựa,
3. Địa vô hảo ác 地無好惡: không phân biệt tốt xấu,
4. Thọ đại vũ 受大雨: có thể thâu nhận mưa lớn,
5. Sinh thảo mộc 生草木: nơi sinh trưởng của cỏ cây,
6. Chủng sở y ỷ 種所依倚: nơi nương tựa của các chủng tử,
7. Sinh chúng bảo 生眾寶: có thể tạo ra các châu bảo,

8. Sản chư dược 產諸藥: tạo ra các loại dược thảo,
9. Phong xuy bất động 風吹不動: không bị lay đẩy bởi gió,
10. Sư tử hống bất kinh 獅子吼不驚.: không sợ khi sư tử rống.

Đức Phật dặn dò Địa Tạng Bồ Tát:

1. Những kẻ đã tạo ra một ít công đức, dầu chỉ là nhỏ bằng sợi lông, bụi trần, hạt cát hoặc giọt nước 一毛一塵，一沙一滴: họ đều nên được cứu giúp,
2. Tại cổng địa ngục: nếu niệm được hồng danh của Phật hoặc Bồ Tát thì sẽ được giải thoát,
3. Giao cho Bồ Tát công việc cứu chúng sinh, giúp họ không đọa trong tam ác đồ dầu chỉ một ngày đêm, huống chi là đọa địa ngục trường kiếp!

Chỉ một chiêm ngưỡng (瞻; cung kính ngắm nhìn) hoặc một lạy (禮): thì có thể siêu quá (超過) nghiệp của 30 kiếp. Thậm chí nghe được một chữ hoặc một câu kệ trong kinh thì trong kiếp này đắc an lạc và các hoạn nạn được tiêu trừ.

Địa Tạng Bồ Tát cố gắng diệt trừ tà tâm và điều phục ác quỉ. Ngài đi khắp các thế giới ngũ trược, cõi Trời , người và địa ngục, dùng phân thân để cứu độ chúng sinh, giúp họ thoát ly khổ ách.

Một thuở Phật ở núi Linh Thứu 靈鷲山, Địa Tạng Bồ Tát đang ngao du các thế giới để giáo hóa chúng sinh. Ngài đến

vùng núi Tỳ Phú La 毗富羅山 và đến nhà trưởng lão Kiều Đề 喬提長者. Tất cả 500 người nhà đều bị quỉ đoạt tinh khí nên rất chán chường (被鬼奪其精氣，皆悶絕). Địa Tạng Bồ Tát khởi lên tư tưởng: "Thật là khổ, họ thật là đau khổ! Những nỗi đau khổ ở thế giới nầy thật khó nghĩ bàn. Tôi thương hại cho họ và muốn cứu họ thoát". Bồ Tát bèn bay đến núi Linh Thứu và báo cho đức Phật: "Con quan sát thấy sự kiện đó ở nhà trưởng lão Kiều Đề; tình hình như vậy đã khá lâu rồi. Nên con phát tâm thương xót và muốn bảo vệ cho họ. Cúi xin đức Thế Tôn dạy con Pháp để cứu họ và giúp họ hồi phục được như trước." Đức Phật phát quang từ đỉnh đầu (ánh sáng chiếu cả vạn tầm 從於頂上毫放光萬尋; một tầm khoảng tám phút, khoảng 2,44 mét) chiếu sáng toàn thân Địa Tạng Bồ Tát. Đại chúng nói nhau: "Đức Thế Tôn chiếu sáng thân Địa Tạng Bồ Tát; Bồ Tát chắc chắn sẽ thành tựu đại Pháp và dẫn dạy chúng sinh". Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật: "Con có thần chú có thể diệt trừ tà tâm và điều phục ác quỉ. Con nhớ nhiều kiếp lâu xa về trước, có Phật Thiêu Quang 燒光佛 ra đời. Sau khi Phật nhập Niết Bàn, trong thời Tượng Pháp, con làm cư sĩ. Có một tiên ông đang tu ở núi Túc Đặc La 俱特羅山. Con thấy chúng sinh bị quỉ ám như ở nhà trưởng lão Kiều Đề.

Bấy giờ con phát tâm muốn gặp được thiện tri thức để học Pháp dẹp trừ loại quỉ đó. Lúc ấy, vị tiên ông dạy Pháp cho con trong ba ngày. Nhờ thế mà con có thể diệt trừ tất cả các ác trong khu vực rất rộng lớn, lại khiến ác quỉ tụ họp lại xin qui y với con, xin y giáo và phát Bồ Đề tâm. Bỗng nhiên trong chốc lát, tất cả chúng sinh đang chịu khổ nơi địa ngục,

mỗi người đều được ngồi lên hoa sen, và tất cả các khổ đều ngừng lại 停息. Lúc ấy, vị tiên ông thấy thần lực của con như vậy liền nói rằng: Trong tương lai vô số Phật của vô số cõi sẽ thọ ký cho con và đặt tên là Địa Tạng. Tại các ngũ trược thế giới, từ các cõi nhân thiên cho đến địa ngục, con sẽ dùng hóa thân đi cứu độ chúng sinh, giúp họ thoát tai nạn. Sau này, con đến nhà trưởng lão cứu cho họ và giúp họ hồi phục sức khỏe."

Địa Tạng Thập Luận Kinh nói rằng: Mỗi ngày lúc sáng sớm 每晨朝時, vì muốn thành thục 成熟 chúng sinh, Địa Tạng Bồ Tát nhập vô lượng định 殑 伽河沙等諸定, xuất định và đi khắp các Phật độ để thành tựu chúng sinh, khiến họ đắc đại lợi và an lạc. Đã từ vô lượng kiếp, ngay trong thời ngũ trược, hoặc trong thời không có Phật tại thế, Địa Tạng Bồ Tát đã cứu độ rất nhiều chúng sinh. Tại những thế giới ở thời đao binh 刀兵劫, ngài xuất định và hóa giải đao binh. Gặp thời có bịnh dịch 疫病劫, Bồ Tát cũng hóa giải. Tương tự như các thời cơ cận 饑饉劫. Địa Tạng Bồ Tát thường làm vô lượng hạnh giải thoát như thế.

Phật Thích Ca có bốn vị đại Bồ Tát:

1. Văn Thù Sư Lợi: trụ tại Ngũ Đài Sơn 山西的五臺山.
2. Phổ Hiền: ở núi Nga Mi 四川的峨嵋山.
3. Quán Âm: cư trú tại Phổ Đà Sơn 浙江的普陀咯伽山.

4. Địa Tạng: trú ngụ tại Cửu Hoa Sơn 安徽的九華山.

Có rất nhiều thánh tích 聖迹 về bốn vị Bồ Tát này.

Sau khi Phật nhập diệt 1500 năm , Địa Tạng Bồ Tát sinh vào giòng vương tộc Đại Hàn 降迹新羅國, họ Kim, tên Kiều Giác 喬覺，唐高宗永徽四年 thời Cao Tông Vĩnh Huy năm thứ tư đời Đường (653). Lúc 24 tuổi xuất gia và được ban tên là Thiện Thính 善聽. Sau dùng tàu vượt biển đến Trung Quốc. Đến đỉnh núi Cửu Hoa 安徽省池州府青陽縣九華山的山巔, ngồi thiền 75 năm. Đến Huyền Tông Khai Nguyên năm thứ mười sáu 玄宗開元十六年 (728), ngày thứ 30 của tháng bảy, thì đắc đạo. Lúc đó ngài thọ 99 tuổi. Có một nhà thương gia giàu tên Các Lão Mẫn 閣老閔, tâm từ bi, thích làm việc thiện và bố thí. Ông ta tổ chức đại trai tăng. Thiện Thính là người thứ 100 được mời đến tham dự. Sau đó, Bồ Tát xin đất để xây đạo tràng. Thương gia nói: "Tất cả Cửu Sơn từ chân núi lên tới đỉnh là của tôi. Thầy tha hồ mà lấy". Vị tăng nói chỉ cần đất lớn bằng cái cà sa. Thương gia đồng ý. Thiện Thính cởi y trải ra: y che khắp cả đỉnh núi vì thế Sư Thiện Thính được cúng tất cả đất đỉnh núi Cửu hoa. Thấy thần lực của sư, thương gia bảo con trai xuất gia theo Sư Thiện Thính và được đặt tên là Đạo Minh 道明. Sau này thương gia cũng xuất gia và tôn con trai làm thầy. Vì thế nên nhiều bàn thờ Địa Tạng Bồ Tát, ở bên tay trái thờ Đạo Minh, bên phải thờ Mẫn Công 閔公. 29 năm sau (757), ngài nhập diệt.

Chúng ta phân tích đề Kinh qua Thiên Thai ngũ huyền nghĩa:

1. Thích Đề 釋名: Kinh thuộc về Nhân (Địa Tạng) và Pháp (Bổn Nguyện). "Bổn Nguyện" tượng trưng nghiệp (hành động trong quá khứ. Các Bồ Tát đều đã từng lập đại nguyện trong quá khứ: Văn Thù Sư Lợi nguyện giúp tất cả chúng sinh đắc đại trí huệ và phát Bồ Đề tâm; Phổ Hiền Bồ Tát nguyện giúp chúng sinh thực hành vạn hạnh và tích tụ vạn đức; ngay cả Phật Thích Ca cũng thế, trong chương Phương Tiện của Kinh Pháp Hoa: "Xá Lợi Phất, ông nên biết, ta đã từng lập nguyện, muốn khiến tất cả chúng sinh giống như ta..."). Tâm như đại "Địa": có thể sinh trưởng vô số vật và chứa chấp đủ thứ. Vị Bồ Tát này như đại địa: ngài có thể tạo vạn vật và giúp nó sinh trưởng. "Tạng": mặt đất có thể chứa vạn bảo. "Bổn Nguyện": được lập từ xưa: "*Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật* 地獄不空，誓不成佛*; Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ Đề* 眾生度盡，方證菩提". Địa ngục chỉ có thể trống sau khi nghiệp và phiền não chúng sinh hết (không thể nào có được!). Bồ Tát vẫn đang làm việc tại địa ngục để cứu tội nhân. Thời đại này coi hành động đó là điên rồ, nhưng đối với Đại Thừa, đó là đại hiếu thảo.
2. Hiển Thể 顯體: Kinh chứa Thật Tướng (bao gồm cả Chân Không và Diệu Hữu; đó là Trung Đạo).
3. Minh Tông 明宗: Chúng ta có thể liệt giáo lý của kinh vào bốn loại: 1. *Hành hạnh hiếu thảo*: trời và người coi trọng sự hiếu thảo, liệt vào hạng nhất "*Thiên*

địa trọng hiếu;hiếu đương tiên 天地重孝, 孝當先". Một người có hiếu thì cả nhà an ổn. Vì biết báo hiếu cha mẹ nên con cái sẽ có hiếu "*Hiếu thuận hoàn sinh hiếu thuận tử* 孝順還生孝順子". Hiếu thảo với cha mẹ là nhiệm vụ tối cao của con người: nếu không nhờ họ thì chúng ta không thể ra đời và có cơ hội thành Phật! Có bốn loại hiếu thảo căn bản: a. Tiểu hiếu 小孝: có phạm vi hẹp vì chỉ trả hiếu nội trong gia đình thôi và không biết coi cha mẹ người như cha mẹ của chính mình, hoặc coi con của người như con của chính mình. b. Đại hiếu 大孝: báo hiếu cho tất cả thế gian và tất cả thiên hạ 天下 cũng như báo hiếu cho tất cả các cha mẹ (老於老以及人之老; nhưng đây cũng chưa phải là chân hiếu 真孝: Muốn đạt đến chân hiếu thì phải thành Phật (siêu vượt qua bốn loại hiếu đang bàn)) c. Cận hiếu 近孝: bắt chước theo phương pháp báo hiếu thời nay d. Viễn hiếu 遠孝: lòng hiếu thảo với vạn vật, cổ hiếu :giống như 24 hạnh hiếu thảo bên Trung Hoa (vẫn chưa rốt ráo!)); nghiên cứu và làm theo cách báo hiếu đời xưa (vạn cổ 萬古) 2. *Cứu độ chúng sinh* (cứu tất cả 12 loài chúng sinh như được miêu tả trong kinh Lăng Nghiêm) của chín giới: giúp họ vượt từ bờ phiền não và vô minh đến bờ giác ngộ 3. *Bạt khổ* 拔苦: nhổ gốc khổ hoặc giúp chúng sinh ra khỏi khổ nạn 4. *Báo ân* 報恩: cha mẹ và chúng sanh.

4. Luận Dụng 論用 : Sau khi sinh ra đức Phật (từ thân trái trên 左脇), bảy ngày sau Ma Da phu nhân qua đời và sinh lên cõi trời. Sau khi thuyết Pháp 49 năm, tại hơn 300 pháp hội, đức Phật lên cõi trời Đao Lợi giảng Pháp cho mẹ. Thời pháp này ở giữa thời giảng Kinh Pháp Hoa và Đại Niết Bàn. Ngài trụ tại cõi Trời Đao Lợi ba tháng để giảng kinh này báo hiếu cho mẹ.
5. Phán Giáo 判教相: thời Pháp Hoa-Niết Bàn. Kinh này nói về Bồ Tát Thừa, và Nhân Thiên Thừa. Trong tam tạng, kinh này gồm chung cả luật và giáo.

Năm giáo thời là:

1. Thời Hoa Nghiêm: được giảng trong 21 ngày (Viên giáo).
2. Thời A Hàm: được giảng qua 12 năm (Tạng giáo).
3. Thời Phương Đẳng: khoảng 8 năm (Thông giáo).
4. Thời Bát Nhã: truyền trong 22 năm (Biệt giáo).
5. Thời Pháp Hoa – Niết Bàn: tất cả 8 năm (Viên giáo).

Kinh là tên tổng quát của các lời giảng của đức Phật. Kinh có nhiều nghĩa:

1. Tuyến 線: là sợi giây nối lại các giáo lý như giaây nối các hạt chuỗi.
2. Nhiếp 攝 những kẻ có thể được giúp.
3. Thường 常: Không thay đổi; không thể thêm hoặc bớt gì cả.
4. Pháp 法 tu hành, một kiểu mẫu cho tất cả chúng sinh trong tam thế.
5. Dũng tuyền 湧泉: là suối phun vì nghĩa vị 義味

như được phun ra một cách vô tận. Tụng một lần thì lĩnh hội được một ý, tụng nhiều lần thì lĩnh hội được nhiều ý.

6. Thằng mực 繩墨: như giây thợ mộc dùng để kẻ đường thẳng, kinh có thể được dùng để phân biệt chánh tà.
7. Kinh 徑: Con đường dẫn thẳng đến các quả vị.
8. Kiết man 結鬘: kết hợp lại nhiều ý nghĩa như chuỗi hoa.
9. Khế kinh 契經: đời xưa, hai mãnh được ráp lại để hoàn thành hợp đồng; kinh khế hợp với các giáo lý chư Phật bên trên và khả năng các chúng sinh bên dưới.
10. Xuất sanh 出生: có thể sinh diệu thiện. Nếu tụng kinh thì không bao lâu, nhờ kinh lực, có thể biến cang cường thành nhu nhuyễn, ngu thành khôn, nghiệp nhẹ phước sinh và thành tựu vô lượng pháp.
11. Hiển thị 顯示: có thể hiện ra chính lý. Nhờ chỉ một âm thanh mà có thể giác ngộ khi nhân duyên thành thục: như Lục Tổ giác ngộ nhờ nghe một người tụng Kinh Kim Cang.

Đa số nghĩ rằng Kinh này được phiên dịch trong đời Đường bởi Tam Tạng Sa Môn Thật Xoa Nan Đà (實叉難陀: tiếng Phạn nghĩa là "lạc học: sung sướng trong việc học hỏi" về Phật Pháp). Pháp Sư chuyên cần nghiên cứu Tam Tạng được Pháp hỉ hiện tiền. Pháp sư thông thạo về kinh điển Tiểu Thừa và Đại Thừa, luôn cả dị đạo học thuật 異道學術. Mọi người đều kính phục pháp sư. Tài đức của Pháp sư khiến

hoàng đế và hoàng hậu đều kính trọng Tam Bảo và Đại thừa. Pháp sư phiên dịch kinh này và 80 chương của kinh Hoa Nghiêm. Sư còn phiên dịch nhiều kinh khác như kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Thọ Ký Kinh 文殊授記經. Khi Pháp sư nhập diệt và được hỏa táng, lưỡi không cháy thành tro. Xương và lưỡi xá lợi được hộ tống trở về nước Khotan và đặt vào trong tháp tòa bảy từng để cúng dường.

Ngài sinh tại nước Vu Điền (Khotan 于闐國, thuộc Trung Ấn Độ gần quận Vân Nam của Trung Quốc). Vu Điền là tiếng Phạn, nghĩa là: "Địa nhũ 地乳: sữa của đất". Theo truyền thoại, một vị vua thời trước không có con thừa kế, nên vào chùa cầu tự. Từ đầu của hình tượng xuất ra một đứa bé . Đứa bé này không chịu uống sữa người hoặc bò, chỉ chịu uống một loại nước trắng như sữa từ đất phun ra, gọi là sữa của đất (Vu điền). Vì thế vua đổi tên nước theo sự kiện này. Phật Pháp truyền qua nước này 82 năm trước khi Đại thừa được phổ biến. Khi Phật Pháp truyền qua Trung Hoa, rất nhiều kinh điển được thỉnh từ nước này.

Một số người cho rằng Pháp Sư Pháp Đăng 法燈 đời nhà Tống dịch kinh này (thầy người Hoa, thời Đường).

Có năm loại không phiên dịch:

1. Đa nghĩa: như Tỳ Kheo.
2. Tôn kính: như Bạt Già Phạm
3. Không có tại xứ này: như cây Diên Phù Đàn.
4. Thuận theo dụng thời xưa: như A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề: nêu tên tạo rất nhiều công đức)

5. Ý nghĩa bí mật: như thần chú.

Sa Môn là tiếng Phạn nghĩa là "Cần túc". "Cần": tinh tấn tu tam học (giới, định và huệ) để dẹp tam độc (tham, sân và si).

Kinh có ba cuốn (thượng, trung, hạ)chia thành 13 phẩm.

Phẩm 1 và 2: giới thiệu về Địa Tạng Bồ Tát. Ngài chuyên giáo hóa chúng sinh bằng cách phân vô lượng hóa thân, đi vào chốn bùn nhơ, dùng những hạnh báo hiếu giáo hóa chúng sinh giúp họ thoát khỏi tam ác đồ, và sinh cõi trời hoặc người.

Phẩm 3,4 và 5: mô tả những hạng chúng sinh mà Bồ Tát giáo hóa. Họ không biết hiếu thảo với cha mẹ, không cung kính Tam Bảo và tạo nghiệp nên phải chịu quả khổ.

Phẩm 6,7 và 8: Nêu rõ những duyên độ chúng sinh: khuyến khích họ dâng hương, tụng kinh, treo phan, tạo hình tượng, và các thiện pháp duyên khác.

Phẩm 9, 10, 11, 12 và 13: giảng những nhân duyên thành Phật. Dạy chúng sinh thành tâm niệm hồng danh Phật, bố thí tài vật và Pháp, và nêu rõ các loại Bồ Đề chánh nhân để cứu độ vô lượng chúng sinh.

Phẩm 1: Thần Thông Tại Cung Đao Lợi

"Đao Lợi": cũng được gọi là cõi trời ba mươi ba. Một cõi trời ở trung ương, bốn hướng chung quanh mỗi phía có tám cõi, cộng chung là 33. Vua cõi Trời Đao Lợi là Đế Thích. Không như loài người, Đế Thích có thể không ăn, ngũ hoặc làm chuyện tình dục cả 300 ngày hoặc cả năm. Mặc dầu dục vọng của Đế Thích rất ít nhưng vẫn còn. Cõi trời này cao 80.000 do tuần. Thành thị gọi là Thiện Kiến Thành được làm bằng thất bảo và cao 60.000 do tuần. Cung điện của Đế Thích ở trung tâm thành phố. Vua hưởng thiên lạc tuyệt diệu. Đế Thích rất vồn vã với loài người. Một ngày đêm cõi đó tương đương 100 năm cõi người. Nhân dân cõi Trời thọ 1.000 năm. Vào thời Phật Ca Diếp, Đế Thích vốn là một phụ nữ rất nghèo. Bà ta gặp một ngôi miếu đổ nát, nguyện sữa chữa lại, kêu gọi những người quen biết. Một nhóm gồm 32 người (phần lớn là phụ nữ) phát tâm giúp bà. Cả nhóm chung sức trùng tu ngôi miếu. Nhờ công đức đó mà tất cả đều sinh lên trời Đao Lợi, mỗi người làm vua một cõi.

"Thiên": nghĩa là thiên nhiên, tự nhiên. Trời Đao Lợi "tự nhiên" hiện tiền do quả báo của họ.

Cung điện rất đẹp đẽ và trang nghiêm. Nhân dân ở các cõi Trời đều có thần thông, nhưng tùy theo sự thanh tịnh của tâm mà có những giới hạn khác nhau.

Có sáu loại "thần thông":

1. Thiên Nhãn thông,

2. Thiên Nhĩ thông,
3. Tha Tâm thông,
4. Túc Mạng thông,
5. Thần Túc thông (hoặc Như Ý thông),
6. Lậu Tận thông.

Tự tính chúng sanh vốn sẵn có thần thông nhưng thần thông bị lu mờ vì phàm phu sống trong vô minh chấp trước.
Kinh Dịch 易經 nói: "âm dương không thể đo lường được gọi là thần 陰陽不測之謂神; nó tĩnh mà bất động 寂而不動, cảm ứng mà tùy thông 感而隨通".

Anh Lạc 瓔珞 Kinh nói: "神名天心 thần là tên của tâm trời, 徹照無礙 chiếu triệt vô ngại, nên gọi là thần thông".
Có thể nói là khi lục căn thanh tịnh, chúng ta có thể đắc thần thông (mắt: thiên nhãn, tai: thiên nhĩ, thân: thần túc, tâm: túc mạng và tha tâm, phiền não và lậu tận: liễu sinh tử và thành tựu lậu tận).

Đức Phật dùng thần thông để hiện ra các loại thân có đầy đủ Nhất Thiết Trí 一切智, để thuyết Pháp. Ngài có bất khả tư nghì thần thông. Trong phẩm này, đức Phật dùng thần thông để phát ra vô lượng tia sáng.

Lời Kinh:

Tôi nghe như vầy: một thời đức Phật ở tại Đao Lợi thiên cung, thuyết pháp cho mẹ. Bấy giờ bất khả thuyết bất khả thuyết đức Phật đà và các đại Bồ Tát ở khắp mười phương vô lượng thế giới hệ, đều đến tụ hội, tán dương

Thích Ca Mâu Ni Phật có năng lực ở trong thời ngũ trược ác thế, mà thị hiện bất khả tư nghì đại trí huệ và thần thông để điều phục những kẻ ương ngạnh, làm cho họ biết được pháp khổ pháp lạc. Các đức Phật đà lại phái thị giả vấn an đức Thế Tôn .

Lời giảng:

Tôi nghe như vầy: một thời đức Phật ở tại Đao Lợi thiên cung, thuyết pháp cho mẹ.

Tại sao đức Phật dạy ngài A Nan nên dùng bốn chữ "**Tôi nghe như vầy**": để mở đầu bài kinh?

1. Để phân biệt kinh Phật với kinh ngoại đạo. Kinh họ thường bắt đầu với "A 阿" hoặc "Ưu 憂" nghĩa là "vô-hữu 無" hoặc "hữu 有". Đó là vì họ tin rằng tất cả các pháp thế gian đều không ngoài hai chữ trên. Họ chưa biết về Chân Không và Diệu Hữu.
2. Để giải quyết nghi vấn của đại chúng. Thấy A Nan Đà đăng Pháp toà, đại chúng khởi lên ba nghi ngờ a) Phật Thích Ca sống lại b) Một vị Phật khác đến thuyết Pháp c) A Nan thành Phật rồi.
3. Để chấm dứt sự bàn luận của đại chúng: Theo sau là lời Phật dạy chứ không phải lời của A Nan Đà.

Có sáu loại thành tựu để chứng tỏ rằng kinh do đức Phật giảng:

1. Tín: **như vầy** (biểu thị tĩnh; Pháp là như vầy; bước đầu là tin Tam Bảo; tin hoàn toàn vào Tam Bảo giúp chúng 翻ta thâm nhập thể của Tam Bảo; Tam Bảo không thể đắc từ người khác; Phật Bảo: là tự tính; Pháp Bảo: là

trí huệ; Tăng Bảo: là cái hạnh. Đại Trí Luận nói: Phật Pháp như đại dương 佛法大海, chỉ có thể nhập với lòng tin 為信能入, và chỉ có thể vượt qua với trí huệ 為智能度. Kinh Kim Cang nói: tín tâm thanh tịnh 信心精淨, tức sinh Thật Tướng 即生實相; thật tướng chỉ là một danh từ khác của Tam Bảo; tín tâm khiến vạn pháp hiện tiền 信則萬法現前.

2. Người nghe: **Tôi nghe** (từ kim khẩu của Phật; "tôi" chỉ cái giả ngã mà các Bồ Tát thị hiện để giáo hoá chúng sinh; các đệ tử của Phật thân cận ngài, nghe ngài thuyết pháp và ngộ đạo 聞聲悟道).
3. Thời điểm: **một thời** (lúc thiện căn của chúng sinh thành thục (thì giáo lý tự biểu lộ 時節若至, 其理自彰; cũng như Quán Âm Bồ Tát thường thị hiện 32 hoá thân để nói pháp, nếu nhân duyên chưa chín, thì dầu có thuyết Pháp nhưng không có giác ngộ không có khẳng định tính.
4. Chủ: **đức Phật** (tự giác, giác tha và giác ngộ viên mãn).
5. Chỗ: **Đao lợi thiên cung** (đức Phật thường thuyết Pháp tại cõi người, rất hiếm khi giảng tại cõi Trời; lần đầu tiên giảng tại cõi Trời là sau khi thành đạo và lên trời Đao Lợi giảng phẩm Thập Trụ của Kinh Hoa Nghiêm; lần thứ nhì là trước khi nhập Niết Bàn, ngài đến thiên cung với các đệ tử và ở đó ba tháng an cư 三月安居, để giảng kinh này cho mẹ).
6. Chúng: **cho mẹ** (cùng đại chúng gồm 1.250 Tỳ Kheo tùy tùng, Đế Thích và vô lượng chư thiên; Phật mẫu nghe Pháp và chứng Sơ quả A La Hán).

Sáu việc trên chứng minh rằng kinh này thật sự do Phật giảng.

Một thời: có thể được giải thích như sau:

1. Lúc ngài muốn thuyết giảng (về báo hiếu).
2. Khi ngài muốn sửa đổi các kiến thức sai lầm của ngoại đạo vì pháp của họ không khế lý cho nên không thông đủ ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.
3. Lúc thuận tiện để trồng chủng tử cho chúng sanh 下種 (để có thể gặt hái trong tương lai). 莫道出家容易得，皆因屢世種菩提 như có câu: thán phục Đạo mà xuất gia một cách dễ dàng, đó là do đã trồng chủng tử Bồ Đề qua nhiều kiếp.
4. Thời có thầy chân thật (正師, 正教 và 正學): trước hết phải sinh lòng thành tâm muốn tu học. Rồi cần phải tìm thiện tri thức để học phương pháp tu mới có thể có tiến bộ đều đặn.
5. Ngay đúng khi Pháp chủ muốn giảng và đại chúng muốn nghe.

Bấy giờ bất khả thuyết bất khả thuyết đức Phật đà và các đại Bồ Tát ở khắp mười phương vô lượng thế giới hệ, đều đến tụ hội, tán dương Thích Ca Mâu Ni Phật có năng lực ở trong thời ngũ trược ác thế, mà thị hiện bất khả tư nghì đại trí huệ và thần thông để điều phục những kẻ ương ngạnh, làm cho họ biết được Pháp khổ lạc.

bất khả thuyết bất khả thuyết đức Phật đà: "Bất khả thuyết" là một số lớn của Ấn Độ. "Bất khả thuyết bất khả

thuyết" là lũy thừa, ám chỉ con số quá lớn, hơn tâm người có thể nghĩ bàn. Chư Phật đều đồng thể với Phật Thích Ca. Các ngài đều cùng có đức giống nhau. Chỉ vì chúng sinh mê muội nên còn phân biệt tự tha.

Thế giới hệ: Danh từ tiếng Hoa "thế 世 (thời gian : quá khứ, hiện tại, vị lai) giới 界 (thập phương). Có hai loại thế giới:

1. Hữu tình (chúng sinh): chánh báo.
2. Vô tình: y báo.

Thích Ca Mâu Ni Phật**:** Thích Ca nghĩa là "năng nhân", ám chỉ ngài có khả năng cứu độ các chúng sinh. Mâu Ni nghĩa "tĩnh mặc 寂默"; ám chỉ định. Đức Phật tĩnh và bất động nhưng vẫn có thể tùy duyên cảm ứng với chúng sinh. Như có câu: "Như Lai thấy biết tất cả các tư tưởng của chúng sinh. 一切衆生若幹種心, 如來悉知悉見".

Vì thế một phần thành tâm sẽ đem lại một phần cảm ứng; mười phần thành tâm có mười phần cảm ứng. Phật Thích Ca tùy thuận chúng sinh (duyên) nhưng không thay đổi. (Tùy duyên bất biến bất biến tùy duyên). Phật Thích Ca là bậc Thầy tối thượng của Trời và người nên chúng ta thường niệm "Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật".

Phật là đấng giác ngộ. Giác ngộ gồm ba loại:

1. Bổn giác: ám chỉ chúng sinh. Họ mê muội nhưng vốn sẵn có tính giác ngộ.

2. Thỉ giác: chúng sinh mê muội vô minh được gặp thiện tri thức hướng dẫn tu hành nên trí huệ bắt đầu khai mở.
3. Cứu cánh giác: Bổn giác thuộc về lý; thỉ giác thuộc về trí huệ được khai mở từ sự thông đạt giáo lý. Khi trí huệ đó viên mãn thì gọi là trí huệ của Phật. (Nhất thiết trí trí).

Ba loại giác ngộ này thật ra chỉ là một,bởi vì sau khi giác ngộ, Phật Thích Ca đã nói: "Lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có tri kiến Như Lai, sở dĩ họ không chứng đắc được chỉ vì còn chấp trước và vọng tưởng".

Trược ví như bùn lầy: rất khó thoát ra. Trược được diễn tả trong Kinh Lăng Nghiêm: Nước đang trong nếu thảy cát và bùn vào thì trở nên trược. Trược có năm tướng:

1. *Kiếp trược*: thời gian trược, dựa vào bốn trược kia mà khởi lên. Nó lấy sự tăng trưởng của bốn trược kia làm bổn thể (ban đầu, không có trược, rồi tự nhiên khởi lên. Ví dụ có một ngọn lửa không bao giờ tắt (tướng) rồi cứ bỏ củi vào liên tiếp thì càng ngày lửa càng cháy mạnh hơn. Điều này tương tợ như trong thời kiếp giảm (khi thọ mạng còn 20.000 năm là bắt đầu thời kiếp trược). Kiếp trược ngày một ác liệt hơn cho đến khi thọ mạng còn 100 năm thì gọi là ngũ trược ác thế. Đây là lúc Phật Thích Ca ra đời. Đức Phật thành đạo trong thời đại này không phải là chuyện dễ dàng. Có rất nhiều khốn khổ trong kiếp trược.
2. *Kiến trược*: lấy ngũ lợi sử (1. Thân kiến 身: rất yêu thương và chấp vào cái thân, không biết rằng thân này chỉ là do tứ đại giả hợp; nó là giả, như ảo ảnh lại vô thường 2. Biên kiến 邊: tin Diệt hoặc Thường, hai loại

chấp cực đoan này đều sai lầm. Thật ra phải nên tin Trung Đạo 3. Kiến thủ kiến 見取: lầm tưởng là quả mà thật ra không phải quả 非果計果; như Vô Văn Tỳ Kheo tưởng lầm đã đắc tứ quả A La Hán nhưng thật ra chỉ mới đạt tứ thiền 4. Giới Thủ Kiến 戒取: tưởng lầm nhân nhưng thật ra không phải là nhân 非因計因; như tu các hạnh đầu đà vô ích 5. Tà kiến 邪 : không tin luật nhân quả làm bổn thể (các tri kiến sai lầm này khiến chúng sinh tạo nghiệp nên sẽ phải chịu quả khổ và lưu lạc trong giòng sinh tử 去入生死流: vì thế nên gọi là sử). Kiến trược lấy sự hiểu biết sai lầm ví dụ như ngưu giới, khuyển giới v.v... (tất cả các loại tri kiến sinh khởi từ mê hoặc 諸見紛起) làm tướng. Chúng sinh mê muội nên chấp tướng cho là thật, khiến thấy ngã và tha cho nên không thể kiến Đạo.

3. *Phiền não trược*: lấy ngũ độn sử (1. Tham: chấp vào thuận cảnh 順境, không hiểu rằng tất cả các hữu vi pháp đều chỉ là cơn mơ hoặc ảo ảnh 2. Sân: đối với nghịch cảnh, khởi sinh tâm sân hận, không thể nhẫn nại, không ngờ rằng một tư tưởng sân hận mở cửa cho vạn chướng ngại 3. Si: đối với cảnh trung dung (中庸: 不順不逆, không thuận cũng không nghịch) khởi sinh tư tưởng ngu si, không thể hiểu thấu và phân tích tất cả các pháp đều vô thường, rốt ráo đều không (諸行不常, 到底是空) 4. Mạn: đối với chúng sinh không biết khiêm tốn, không hiểu rằng tất cả chúng

sinh vốn có sẵn Phật tính 5. Nghi: đối với Pháp, không hiểu rằng đâu là thiện để thân cận (是善則可親), đâu là Đạo để tiến tới (是道則可進); (năm độn sử thuộc về tư hoặc) lấy ngũ độn sử làm bổn thể, sinh ra phiền não khiến trở thành điên đảo và cảm thấy bị áp bức đó là tướng của phiền não trược. Vì có óc phân biệt nên thường sinh trưởng đủ các loại phiền não và chúng tự kích thích lẫn nhau.

4. *Chúng sinh trược*: lấy sự phối hợp của ba điều kiện: cha, mẹ và bổn nghiệp làm bổn thể. Nó lấy sự luân chuyển không ngừng trong luân hồi (色 "sắc" và tâm 心陋 "xấu" và 劣 "liệt") làm tướng. Ngũ uẩn (1. Sắc: có hàm ý rắn chắc và cản trở 2. Thọ: có hàm nghĩa thu nhận (các ngũ trần) 3. Tưởng: ám chỉ chấp tướng (lục thức nhận thức và tính toán, tư lự về các pháp) 4. Hành: hàm ý trôi chảy (bảy thức luôn luôn phân biệt và tính toán, niệm theo niệm, không ngừng như nước chảy xiết 5. Thức: chứa chấp và duy trì (đệ bát thức chứa ba yếu tố của sinh mạng: hơi thở,hơi ấm và sự sống) phối hợp tạo thành chúng sinh. Ngũ uẩn che lấp chân tính của chúng sinh nên họ sống trong vô minh, tự sinh phiền não và tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì phải lọt vào vòng luân hồi thọ báo, lại tiếp tục làm chúng sinh.
5. *Mạng trược*: lấy sự thọ nhận ngũ ấm làm bổn thể và sự suy hoại cùng tiêu hủy của mạng sống làm tướng. Cả nhân và quả đều hạ liệt (Nhân hạ liệt: kiến và tư trược, kiến và tư hoặc. Quả thô xấu: chúng sinh trược, ngũ uẩn thô xấu, đời sống khốn khổ sinh sản bất tịnh).

Mạng sống không hơn 100 năm, mỗi chúng sinh có thọ mạng riêng biệt.

Tĩnh Ý 寂意 Bồ Tát hỏi đức Phật tại sao lại chọn ngũ trược thế giới mà thành đạo, rồi giảng ba Pháp. Tại sao ngài không chọn thể giới thanh tịnh, khác hơn là ngũ trược ác thế? Đức Phật trả lời: "Đó là vì bổn nguyện của Bồ Tát, nên chọn thế giới bất tịnh để thành tựu tâm đại bi".

làm cho họ biết được Pháp khổ lạc: giúp cho chúng sinh biết khổ là thế nào: khổ là bị luân hồi trong tam giới, và sướng là thế nào: thoát ly tam giới và đắc Niết Bàn.

Chư Phật giáo hoá bằng cách **điều phục** và chỉnh đốn chúng sinh. Cũng như năm vị (chua, cay, ngọt, đắng và mặn) được điều chỉnh và hoà hợp khi nấu ăn để tạo ra một món ăn có dinh dưỡng và vừa miệng.

Các đức Phật đà lại phái thị giả vấn an đức Thế Tôn.
Chư Phật từ vô số thập phương thế giới đến, mỗi thế giới có một vị Phật. Mỗi vị lại đem theo thị giả, thường là một đại Bồ Tát.

Mỗi vị Phật sai thị giả đến **vấn an** Phật Thích Ca: họ vái và hỏi: "Đức Thế Tôn (vì được tôn kính nhất trong các cõi thế giới và xuất thế giới) thân thể an khang, và ít phiền não? Ngài có thường an lạc?" Nên nhớ là đây là ngũ trược ác thế, vì thế nên họ hỏi về bịnh tật, phiền não và sức khoẻ.

Lời Kinh:

Khi ấy đức Thế Tôn mỉm cười, phóng ra ánh sáng ngàn vạn ức đại quang minh vân: đại viên mãn quang minh vân, đại từ bi quang minh vân, đại trí tuệ quang minh vân, đại bát nhã quang minh vân, đại tam muội quang minh vân, đại cát tường quang minh vân, đại phước đức quang minh vân, đại công đức quang minh vân, đại qui y quang minh vân, đại tán thán quang minh vân.

Lời giảng:

Khi ấy đức Thế Tôn mỉm cười, phóng ra ánh sáng ngàn vạn ức đại quang minh vân: đại viên mãn quang minh vân, đại từ bi quang minh vân, đại trí tuệ quang minh vân, đại bát nhã quang minh vân, đại tam muội quang minh vân, đại cát tường quang minh vân, đại phước đức quang minh vân, đại công đức quang minh vân, đại qui y quang minh vân, đại tán thán quang minh vân.

Đức Phật dùng hai loại hiện tướng (dùng thần thông của ngài) để làm họ chú ý và triệu tập đại chúng: ánh sáng và âm thanh.

Mỉm cười: Ngài tủm tỉm cười không hở răng, nhưng tất cả các lỗ chân lông đều mở. Ngài thấy rằng chúng sinh có đầy đủ Phật tính. Họ có thể giác ngộ nhờ nghe Phật Pháp. Thật ra, Phật Pháp hiện diện trong đời sống thường ngày, vì chúng sinh mê muội nên không nhận ra được. Chúng sinh có sẵn vô lượng đức cho nên đức Phật mới **phóng ra ánh sáng** để biểu lộ những loại đức đó. (Ghi chú: lúc ra đời, chư Phật thường phát quang chiếu sáng xung quanh thân nội trong vòng một trượng, khoảng mười phút). Thường lệ, sau khi phóng quang, các ngài thâu lại. Trong kinh này thì đức Phật lại không thâu quang. Đây tượng trưng ứng cơ và thiết giáo 應機設教:

lập giáo lý để tùy thuận căn cơ chúng sinh; phá ác và trừ nghi 破惡除疑; tùng thể khởi dụng 從體起用. Không thâu quang lại nghĩa là sẽ được thành tựu trong tương lai. Ngài bắt đầu nói về sự tích (những tiền thân) của Địa Tạng Bồ Tát.
Quang minh vân của Phật thì vô lượng nhưng chỉ nêu ra "mười" đủ để tượng trưng số rất lớn… Mười cũng đại diện cho mười pháp giới.

Vân: mây, là hơi nước bốc lên từ mặt đất. (Mưa thì hơi nước rơi xuống từ cõi trời.) Đây là lúc âm dương tụ hợp trong khoảng không gian rộng lớn là một hiện tượng thiên nhiên. Mây hiện ra từ núi không cần suy nghĩ, giăng ra hư không mà không có vết tích, làm tràn đầy và che phủ một cách dầy đặc. Đức Phật hiện thân như áng mây (vô tâm; tản mác trong không gian mà không có vết tích) lại thuyết pháp như mưa rơi (tượng trưng cho trí huệ vô phân biệt 無分別智 của ngài, duyên cảm hiện thân 緣感現身: tùy theo duyên mà hiện ra, chúng sinh có thể nương tựa ngài và ngài thuyết pháp cho, khiến Bồ Đề căn tự nhiên trổi dậy).

đại viên mãn quang minh vân 大圓滿光明雲: ánh sáng đại viên mãn, tượng trưng Phật Pháp hiện khắp pháp giới. Ánh sáng này chiếu khắp nơi. Gọi là viên mãn 圓滿 vì không phải chỉ riêng Phật mới có mà chúng sinh cũng có. Cuối cùng, chúng sinh và Phật vô dị vô biệt 無異無別: không khác và không có sự phân biệt.

Đây là thủ lãnh của các quang minh vân, chín cái còn lại đều

phát xuất từ đây. Đại viên mãn: là quả đức tam thân 果德三身 của Như Lai. Nó có đầy đủ tất cả các pháp: vô pháp bất bị 無法不備.

đại từ bi quang minh vân 大慈悲光明雲: ánh sáng đại từ bi. Từ là ban niềm vui. Đại bi cứu chúng sinh thoát khổ. Mây này tượng trưng cho Bồ Tát Thừa. Phổ Hiền Bồ Tát lo việc hành đường ở phòng ăn trong chùa 作行堂. Ngài đem mâm gia vị đi giữa các bàn để phục vụ cho các thầy, thường bị phàn nàn, khó làm vừa lòng mọi người. Hành Bồ Tát đạo là thỏa mãn các nguyện vọng chúng sinh, điều này không phải dễ. Nếu quá gần họ thì họ khinh lờn, không giữ quy cũ ; còn như giữ qúa xa thì bị oán trách. Tuy nhiên tự tính của tất cả chúng sinh vốn sẵn có đại từ bi, có thể hành Bồ Tát đạo: Phát Bồ Đề tâm và lập bốn hoằng thệ nguyện.

đại trí tuệ quang minh vân 大智慧光明雲: ánh sáng đại trí tuệ, đại biểu cho Bích Chi Phật Thừa. Họ tu 12 nhân duyên:

1. Vô minh,
2. Hành,
3. Thức,
4. Danh sắc,
5. Lục nhập,
6. Xúc,
7. Thọ,
8. Ái,
9. Thủ,
10. Hữu,

11. Sinh,
12. Lão tử.

Họ khai trí huệ và ý thức rằng vạn vật tự sinh và tự diệt. Tự tính của chúng sinh vốn có khả năng đoạn vô minh và phiền não.

Chỉ quán 止觀 sinh trưởng định huệ 定慧 (huệ khởi từ định), gọi là đại trí tuệ.

Đại bát nhã quang minh vân 大般若光明雲: ánh sáng đại bát nhã, tượng trưng cho A La Hán Thừa. Họ "văn: nghe" Phật thuyết pháp và đắc "trí huệ Bát Nhã (gồm có ba loại: văn huệ, tư huệ và tu huệ)" và chứng A La Hán quả. Tự tính chúng sinh có trí huệ Bát Nhã và có thể luôn luôn soi chiếu sự và lý, nhân và quả, phàm phu và thánh nhân; họ biết tất cả các pháp khắp pháp giới.

Mây lấy vô sinh làm chính 無生為首, biến phá các hoặc 遍破諸惑: lại có thể tiêu trừ mê chướng khắp nơi. Người tu hành dựa trên vô sinh để nhập môn 入門 (Tư Bát Nhã) thì phá cả hai chiều ngang dọc: không gian và thời gian, tức vũ trụ vạn hữu; tung hoành cụ phá 縱橫具破 (Văn Bát Nhã) khiến Thức và Thể hợp nhất, trở thành phổ biến, diệu dụng (phổ biến tức vạn năng, đây là thật tướng Bát Nhã).

Đại tam muội quang minh vân 大三昧光明雲: ánh sáng đại may mắn, tượng trưng cho cõi người, nơi mà ai ai cũng mong cầu sự kiết tường Những kẻ qui y Tam Bảo và giữ ngũ giới trồng nhân để sinh cõi người. Các Pháp đó tiêu trừ

nghiệp và sinh trưởng phước, xua tan mê hoặc và khai huệ, chuyển xui xẻo thành may mắn, gặp tai nạn thì chuyển thành cát tường, kẻ điếc nghe được, người câm nói được, và bịnh nhân lành mạnh.

Đại phước đức quang minh vân 大福德光明雲: ánh sáng đại phước đức này, đại biểu cho A Tu La. A Tu La, tùy theo nghiệp báo có lúc ở cõi Trời, khi ở cõi người, súc sanh... nhưng có phước báu. Bồ Tát và Phật có đầy đủ phước đức.

Phước đức từ bố thí v.v... Nó phụ trợ Chánh Đạo. Tu Chánh đạo có nhiều chướng ngại khi chưa thông đạt được lý viên dung. Cho nên chúng ta cần tu nhiều phước để giúp khai mở nó.

Đại công đức quang minh vân 大功德光明雲: ánh sáng đại công đức, tượng trưng cõi súc sinh. Ánh sáng này diệt trừ tất cả các tội và giúp họ lìa khổ đắc lạc trong tương lai. Tự tính có thể đoạn kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh, 84.000 phiền não, và cuối cùng đắc Niết bàn lạc.

Kẻ tu hành nếu sinh tâm cao ngạo, khi gặp ánh sáng này, có thể tiêu diệt ác tâm và ngạo mạn, sinh thiện tâm và đức hạnh.

Đại qui y quang minh vân 大皈依光明雲: ánh sáng đại qui y, đại biểu ngạ quỉ giới. Ánh sáng này khiến chúng nó cải đổi và qui y Tam Bảo. Tự tịnh vốn là nhất thể Tam Bảo.

Gặp ánh sáng này, chúng ta có thể yên ổn nhẫn chịu nghịch cảnh. Qui y tức là trở về với tự tính, nương tựa Tam Bảo, thành một thể, sáng chói và trang nghiêm, yên lặng trụ vô

sinh, tiến tới trong tự tại.

Đại tán thán quang minh vân 大讚歎光明雲: ánh sáng đại khen tụng, tượng trưng cõi địa ngục. Đức Phật dùng tâm tán thán để phát quang giúp những ai thấy được: họ sẽ thoát khổ, chuyển ác hướng thiện và phát Bồ Đề tâm. Tự tính có đầy đủ vô số và vô lượng công đức của Tam Bảo. Chúng ta có thể tán thán vô cùng tận .

Lời Kinh:

Phóng ra bất khả tư nghì quang minh vân như vậy rồi, đức Thế Tôn lại xuất ra đủ loại âm thanh vi diệu: đàn ba la mật âm, thi ba la mật âm, sạn đề ba la mật âm, tỳ ly ba la mật âm, thiền ba la mật âm, bát nhã ba la mật âm;

Lời giảng:

Phóng ra bất khả tư nghì quang minh vân như vậy rồi, đức Thế Tôn lại xuất ra đủ loại âm thanh vi diệu: đàn ba la mật âm, thi ba la mật âm, sạn đề ba la mật âm, tỳ ly ba la mật âm, thiền ba la mật âm, bát nhã ba la mật âm;

Đức Phật thuyết Pháp với một **âm thanh** mà mỗi chúng sinh có thể hiểu được qua ngôn ngữ của mình 佛以一音聲演說法, 衆生隨類各得解. Cảnh giới này thật bất khả tư nghì! (Refer to the eight sounds of the Buddha explained in the Sutra in 42 Sections.)

Giọng của Phật khiến cho người nghe không bao giờ nhàm chán và ngược lại còn muốn nghe thêm 無厭無足. Nó có

thể là căn bản và nhân duyên để ban lạc cho tất cả và bạt khổ: dẹp trừ các khổ.

Ma Ha Mục Kiền Liên, đệ nhất thần thông, bay về phương Đông qua hằng hà sa số thế giới. Vậy mà vẫn còn nghe lời giảng của Phật như đang ở trước mặt.

ba la mật là Tiếng Phạn, nghĩa là "đáo bỉ ngạn: đến bờ kia rồi". Có nghĩa là đã thành tựu việc làm. Phật giáo thường nói về từ bờ phiền não này vượt qua biển sinh tử đến bờ kia của Niết Bàn. Bờ có thể là bất cứu cánh (như Sơ quả A La Hán) hoặc cứu cánh (A Nậu Đa La-Tam Miệu-Tam Bồ Đề).

Bàn về Ba La Mật vì:

1. Pháp thân Phật và Bồ Tát tạo ra từ các công đức pháp môn.
2. Khi Phật thuyết pháp, lời ngài nói không ngoài lục ba la mật.

Đàn: 檀 nghĩa là bố thí. Có ba loại bố thí:

1. Tài
2. Pháp
3. Vô úy.

Chúng ta nên bố thí cho đến độ tam luân thể (三輪體空; 1. Người cho 2. Đồ cho 3. Người nhận) đều không (nếu không đạt đến tam luân thể không này thì chỉ được hưởng đến phước cõi trời). Đạt được tam luân thể không trong sự bố thí là thể nhập tự tính, như đại địa, có thể sinh trưởng vạn vật và cũng có thể xả bỏ tất cả để bố thí và làm lợi cho chúng sinh.

Thi: 尸羅 chữ Phạn này nghĩa là "chỉ (ngừng ác) và đắc (thiện)", "tinh lương 精凉", "vô nhiệt não 無熱惱", "phòng chỉ 防止". Đây là giới luật ("chư ác mặc tác: không làm ác, chúng thiện phụng hành: làm tất cả thiện 諸惡莫作, 眾善奉行"). Một đại hộ pháp hỏi một vị đại pháp sư: "Bạch thầy, Phật Pháp là gì?" Tăng trả lời: "Không làm ác và chỉ làm thiện". Cư sĩ nói: "A, đứa trẻ ba tuổi còn có thể nói điều này, làm sao mà có thể gọi là Phật Pháp được?" Sư đáp: "Đức trẻ ba tuổi cũng hiểu được nhưng ông lão 80 tuổi làm không xong 三歲的小兒雖懂得, 八十老翁行不得."

Luật Sư Đạo Tuyên 道宣 giữ giới rất thanh tịnh đến độ loài trời đến cúng ẩm thực. Ngài tiêu biểu hạnh tu 3.000 oai nghi (三千威儀, 八萬細行; hành như phong: đi như gió 行如風, trụ như tùng: đứng như thông 住如松, tọa như chuông: ngồi như cái chuông 坐如鍾 và ngọa như cung: nằm như cây cung 臥如弓; mỗi thứ lại có 250 hạnh nên tổng cộng thành 1.000 nhân lên ba thời quá, hiện, vị lai thành đủ 3.000). Thầy không nói chuyện phiếm, không lập tức trả lời nếu có người hỏi, không bao giờ giận và cũng không quá vui sướng. Ngài luôn luôn có thể giữ Trung Đạo (không biểu lộ tình cảm…) trong mỗi hành động.

Luật sư trụ ở núi Trung Nam (cùng dãy núi Hy Mã Lạp Sơn). Rất nhiều người tu ở đó. Cọp và chó sói làm hộ pháp. Ngài sống trong chòi tranh 茅棚 và ăn mỗi ngày một bữa trước ngọ. Mỗi buổi sáng, một vị tiên tên là Lục Huyền Sướng 陸

玄暢 đem đồ ăn đến cúng. Thời đó, Quốc Sư Qui Cơ 窺基 đến thăm Đạo Tuyên tỏ ý muốn nếm thử thức ăn cõi trời nhưng ngài chờ mãi vẫn chưa thấy bèn bỏ đi. Hôm sau Lục Huyền Sướng lại mang đồ ăn đến, Đạo Tuyên hỏi: Cớ sao hôm qua ông không mang thức ăn đến cúng dường? Thiên nhân đáp: Con không dám đến vì từ trong thất của ngài ánh sáng chói ngời rộng đến 40 dặm đến nỗi không thấy đường đi.

Điều đó chứng tỏ Quốc Sư Quy Cơ là một vị đại Bồ Tát. Quốc sư Quy Cơ thường ngày rất chú ý đến vấn đề ăn uống nhưng tâm ngài vẫn thanh tịnh.

Đừng để bụi trần làm ô uế, giữ tam nghiệp thanh tịnh, đó là điều kiện để chứng Vô Thượng Đạo.

Nếu cầu đại thiện và lợi thì nên giữ giới nghiêm ngặt, không khác gì yêu mến châu báu, hoặc bảo vệ thân mệnh. Cũng như đại địa là nơi nương tựa của vạn vật, thì giới cũng là căn cứ của các thiện Pháp.

sạn đề: 羼提 nghĩa là nhẫn. Muốn thành thục pháp này cần rất nhiều thời gian. Người tu pháp môn này hay bị thử thách: Có một lão ông tu nhẫn đã lâu và tin rằng mình đã thành công. Ông ta treo bảng trước nhà tuyên bố “Tính như tro”. Một người qua đường hỏi nghĩa là gì? Lão ta đáp: “Tính nguội như tro”. Người qua đường hỏi: “Cái gì?” Lão ông lập lại: “bảng nói tính như tro”. Người kia cứ hỏi lão ông cứ phải lập lại ý nghĩa của bảng. Như thế mà qua lại: có giảng bao nhiêu lần đi nữa, người kia cũng không hội ý được. Cuối cùng, lão ông nổi giận và nói: “Vừa phải thôi! Tôi đã bảo ông ít nhất một ngàn lần rồi, bảng viết “Tính nguội như tro”.

Người kia nói :Vậy hả ? Rồi bay bỗng lên không trung và hiện chân tướng là Quán Thế Âm Bồ Tát nói rằng : "trong tro vẫn còn than hồng! Thiện nam tử, cố gắng thêm đi".

Tự tính bất sinh 自性不生. Tất cả các tư tưởng độc ác và mê muội vốn không sinh. Khi chứng Vô Sinh Pháp Nhẫn thì các ác đều không còn sinh.

Bồ Tát tu Sinh Nhẫn 生忍, đắc vô tận phước đức. Nếu tu Vô Sinh Nhẫn thì sẽ đắc vô tận trí huệ. Khi cả huệ và phước đều viên mãn, thì mọi sự như ý 事事如所願.

Tỳ ly da: 毗離耶 nghĩa là tinh tấn. Cẩn thận nên tinh tấn tu Chánh Pháp chứ không phải tà pháp. Lúc đức Phật còn tại thế, ngài có rất nhiều Tỳ Kheo vốn trước theo ngoại đạo. Họ được dạy mỗi ngày tụng câu kệ như sau:

"*Thủ khẩu, nhiếp ý, thân mạc phạm* 守口攝意身莫犯,
Nghĩa là: Giữ miệng, kềm tâm, thân không nên tạo nghiệp,
Mạc não nhất thiết chư hữu tình 莫惱一切諸有情,
Nghĩa là: Đừng làm phiền các chúng sinh,
Vô ích khổ hạnh đương viễn ly 無益苦行當遠離,
Nghĩa là: Không nên tu những khổ hạnh không có lợi,
Như thị hành giả khả độ thế 如是行者可度世,
Nghĩa là: Người tu như vậy sẽ thoát Tam Thế."

Tu tất cả các ba la mật khác đều cần tinh tấn. Bố thí, Trì giới và Nhẫn ba la mật cần thân tinh tấn. Định và Bát Nhã ba la mật cần tâm tinh tấn.

Tự tính không gián đoạn 不間斷. Đó chỉ là tinh tấn 精進. Tinh 精 là không giả hoặc tạp nhạp; Tấn 進 nghĩa là ngộ chân lý. Vì thế, tinh tấn nghĩa là trừ cái giả và ngộ chân lý 去忘悟理. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 40 nói: "*niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm* 念念相續, 無有間斷, 身、語、意業無有疲厭; nghĩa là tư tưởng theo nhau liên tục không ngừng, các nghiệp của thân, miệng và tâm không biết mệt mỏi". Tu tinh tấn ba la mật cũng như gà ấp trứng: nó không thể ngừng. Cũng như mèo rình chuột: không thể rời dầu chỉ trong giây lát.

Đại khái, muốn thành đạo thì có thể theo hai loại pháp môn: 1) Phước đức (bố thí, trì giới và nhẫn nhục; diệt trừ tất cả các nghiệp thì sẽ đắc như ý) 2) Huệ: hoặc Thật Tướng Bát Nhã (không sợ sinh tử, không tham Niết Bàn; cần phải tu thiền định nên thật cần có tinh tấn).

Thân tinh tấn: tức là tu các thiện pháp; tâm tinh tấn: tức là tu thiện đạo.

Thiền: 禪 nghĩa là "tư duy tu: tu các tư tưởng 思惟修" hoặc là "tĩnh tư 靜思 (quán trong tịch tĩnh 靜中思慮; 靜是止, 思是觀; tĩnh tư 靜思 chỉ là tên khác của chỉ quán 止觀 ngừng (các tư tưởng) và quán"; Đại Học nói 大學云: 知止而後有定 có thể ngừng và nhập định, 定而後能靜 định rồi có thể tịch, 而後能安 tịch rồi có thể an, 安而

後能思 an rồi có thể quán, 而後能得 quán thì sẽ đắc). Thiền định có hai loại là thế gian và xuất thế gian .

Bát nhã: 般若 nghĩa là "trí huệ" cũng có thể thuộc thế gian hoặc xuất thế gian. Chung qui, chỉ có một loại trí huệ thôi. Khi áp dụng cho thế gian thì gọi là trí huệ thế gian.

Có câu:

"*Thông minh nãi thị âm chất trợ* 聰明乃是陰騭助,
Nghĩa là: thông minh là do đã âm thầm giúp người,
Âm chất trợ dẫn nhập thông minh lộ 陰騭引入聰明路.
Nghĩa là: âm thầm trợ giúp đưa đến đường thông minh,
Bất hành âm chất sử thông minh 不行陰騭使聰明,
Nghĩa là: được thông minh mà không tích tụ âm đức (lại làm việc ác),
Thông minh phản bị thông minh ngộ 聰明反被聰明誤
Nghĩa là: Thì chính cái thông minh ấy trở lại hại mình (vì dùng nó vào việc tội lỗi)".

Nguyên nhân được thông minh là vì đã giúp người trong kiếp trước. Một nguyên nhân khác là tụng kinh. Nếu kiếp này không biết đạo lý, không tạo âm đức thì sự thông minh trở thành chướng ngại và có hại. Tại sao? Vì có khuynh hướng lạm dụng trí thông minh để tạo nghiệp.

Bát nhã còn được gọi là diệu huệ, hoặc lương tri: cái biết tốt 良知. Trí 智 là bản tính của tâm 心之性, cũng như nước có chất ẩm thấp "濕" là bản tính, lửa thì có chất nóng "熱" là

bản tính, đất lại có sự kiên cố "堅" làm bản tính. Tâm tạo các pháp, trí 智 biết các pháp. Tri nhi vô tri: biết mà không biết 知而無知, vô tri nhi tri: không biết mà biết 無知而知; tri nhất thiết pháp: biết tất cả các pháp 知一切法, ly nhất thiết pháp: lìa tất cả các pháp 離一切相, đắc Nhất Thiết Trí All Wisdom 一切智, đó là Bát Nhã. Bát Nhã là biết các pháp nhưng không có sự chấp trước về ngã và pháp, chứng hai chân lý về Không và Chân Như, đạt đến bỉ ngạn: bờ kia của Chân Như.

Lời Kinh:

từ bi âm, hỷ xả âm, giải thoát âm, vô lậu âm, trí huệ âm và đại trí huệ âm, sư tử hống âm và đại sư tử hống âm, vân lôi âm và đại vân lôi âm...

Lời giảng:

từ bi âm, hỷ xả âm, giải thoát âm, vô lậu âm, trí huệ âm và đại trí huệ âm, sư tử hống âm và đại sư tử hống âm, vân lôi âm và đại vân lôi âm...

từ bi âm 慈悲音: âm thanh từ bi, ai nghe được âm thanh này sẽ lìa các khổ não, đắc lạc và liễu sinh tử

Có ba loại tâm từ:

1. Duyên chúng sinh 緣衆生: coi chúng sinh như cha

mẹ của mình.

2. Duyên pháp 緣法: thấy các pháp duyên sinh.
3. Vô duyên 無緣: không trụ pháp tướng 不住法相 và chúng sinh tướng 及衆生相.

Tâm bi cũng có ba loại cùng tên như tâm từ.

Từ và bi hợp cùng hỉ và xả, gọi chung là tứ vô lượng tâm. Từ và bi là căn bản của đạo 佛道根本 (nhóm một). Hỉ và xả thuộc về nhóm hai vì do nhóm một mà sanh ra.

Hỷ xả âm 喜捨音: âm thanh hỷ xả, hai thứ sau của tứ vô lượng tâm. Âm thanh này đem lại niềm vui và giúp chúng ta xả bỏ. Các công đức tu được hồi hướng cho pháp giới chúng sinh, nghĩa là chúng ta tu mà không cần hưởng nhường phần này cho kẻ khác giúp họ thoát khổ. Kinh Kim Cang nói: "以諸菩薩 Chư Bồ Tát, 不受福德故 không chịu thọ nhận phước đức. 菩薩所作福德 Bồ Tát, đối với những phước đức tạo ra, 不應貪著 không một tí tham lam hoặc chấp trước".

Hỉ: là vui mừng khi kẻ khác đắc lạc; xả: nghĩa là không có tăng 憎 (ghét), cũng không có yêu thích.

giải thoát âm 解脫音: âm thanh giải thoát, giải thoát nghĩa là không bị ràng buộc. Khi chúng ta thoát khỏi vòng luân hồi tức là có sự tự do 自由 của tự tính. "Sinh tử ở trong bàn tay

của chúng ta chứ không phải của Trời". Có hai loại tự tại : 1. Thức thần tự do (識神自由 thuộc về âm giới; ví dụ chúng ta có thể bay qua Nữu Ước nhưng không thể đem gì về được) 2. Căn bản đích Phật tính (根本的佛性; thuộc về dương giới; ví dụ một triệu thế giới nằm trọn trong một niệm, chúng ta có thể đến bất cứ nơi nào, duỗi tay mà túm lấy một vật ở cách xa; Cẩn thận: cảnh giới này không phải để khoe khoang; đức Phật dặn đệ tử là sau khi ngài nhập Niết Bàn, họ không nên thị hiện thần thông vì làm thế thì sẽ không thể tồn tại lâu dài tại thế gian: chúng sinh sẽ kinh dị và tìm cách gia hại).

Vô lậu âm 無漏音: âm thanh không có lậu, đây là các loại âm thanh của các bậc thánh hiền thuyết pháp nên không có vô minh (căn bản của tất cả các phiền não).

Tiểu Thừa dùng Khổ và Tập Đế làm hữu lậu nhân quả 有漏因果; và Diệt và Đạo Đế là vô lậu nhân quả 無漏因果.

Đối với phàm phu, cái lậu thiên về Hữu đoan 落有邊. Lậu của Nhị Thừa thiên về Không đoan 落空邊. Lậu của Tam giáo Bồ Tát 三教菩薩 thiên về lưỡng đoan 漏落二邊.

"*Thử phương chân giáo thể, tinh tịnh tại âm thanh* 此方真教體, 精淨在音聲": Bổn thể của Phật Pháp tại cõi Ta Bà này trụ tại âm thanh. Dùng âm thanh để truyền bá Pháp. Vì thế mới có đủ loại âm thanh để biểu dương 表揚 diễn thuyết 演說, và tán thán 讚歎.

Âm thanh này giúp chúng ta đắc Niết Bàn lạc.

Trí huệ âm 智慧音: âm thanh trí huệ, trí huệ là không có ngu si. Thật ra, cả hai chỉ là một: người Á Đông thường nói khôn như dại. Quí vị có thể không tin là cả hai không khác nhau, nhưng không thể phủ nhận rằng ngu si có thể biến thành trí huệ. Người có trí huệ thường có tự chủ 作主 và không bị động. Họ nhận diện các cảnh giới một cách rõ ràng 認境; biết phân tích chính xác và có Trạch Pháp Nhãn chân chính 摘法眼.

Đây là biết các thế gian pháp.

Đại trí huệ âm 大智慧音: âm thanh đại trí tuệ, Đại trí huệ ám chỉ các đấng giác ngộ. Họ đắc đại trí huệ nhờ nghiên cứu và tu hành Phật Pháp.

Họ biết Pháp xuất thế.

Sư tử hống âm 師子吼音: âm thanh sư tử hống, sư tử là vua loài cầm thú. Rống lên thì có thể làm muôn thú quỵ chân, và chết điếng vì khiếp sợ.

Đây là giảng về Tam Thừa.

Đại sư tử hống âm 大師子吼音: âm thanh đại sư tử hống, Đại ám chỉ cảnh giới của Phật.

Đây chỉ thuyết giảng Nhất Thừa.

Vân lôi âm 雲雷音: âm thanh sấm sét. Sấm sét có thể thức tỉnh chúng sinh. Lại có thể mang mưa đến nuôi dưỡng các căn.

Đây là xuất hiện trong cõi Ta Bà nói Pháp.

Đại vân lôi âm 大雲雷音: âm thanh đại sấm sét. Đại ám chỉ khả năng vô thượng thức tỉnh chúng sinh và thành thục các thiện căn một các mau lẹ.

Đây là thuyết pháp tại Hoa Tạng Thế Giới 華藏世界.

Có câu "*Hiện thân như vân, thuyết pháp như lôi* 現身如雲, 說法如雷: thân hiện khắp nơi như mây, giảng Pháp như sấm sét".

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn xuất ra bất khả thuyết bắt khả thuyết âm thanh như vậy rồi, quốc độ Ta bà này và các quốc độ phương hướng khác, có vô lượng ức thiên long quỉ thần cũng đến tụ tập tại Đao lợi thiên cung, tức thiên chúng ở các tầng trời Tứ thiên vương, Đao lợi, Tu diệm ma, Đâu suất đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại;

Lời giảng:

Đức Thế Tôn xuất ra bất khả thuyết bắt khả thuyết âm thanh như vậy rồi, quốc độ Ta bà này và các quốc độ phương hướng khác, có vô lượng ức thiên long quỉ thần

cũng đến tụ tập tại Đao Lợi thiên cung.

Đức Phật phát mây ánh sáng và tạo những âm thanh vi diệu, bao trùm khắp pháp giới. Những ai có duyên sẽ có thể thấy ánh sáng hoặc được nghe âm thanh. Tất cả tụ hội tại cung trời Đao Lợi nghe Phật Thích Ca thuyết pháp. Thính chúng đến từ cõi Ta Bà cũng như các cõi khác, có vô lượng **thiên**, long, quỉ thần. Tại sao lại đến với thân rồng hoặc trời? Thành rồng vì đã giữ giới không nghiêm ngặt 戒緩 nhưng tu hành rất tinh tấn 乘疾 (có căn cơ văn huệ). Nếu chúng ta có thể kiên cố giữ giới và thường xuyên tụng kinh, tinh tấn với việc tu hành cũng như trì giới 戒疾乘疾, thì sẽ có thể hiện thân Trời tại pháp hội.

Long: thuộc về thiên loại 天類. Chúng nó có thể hiện ra thành tối hoặc sáng, to hoặc nhỏ, dài hoặc ngắn. Mùa Xuân thì thăng thiên. Mùa Thu thì vào nước. Chúng nó có thể có vi (蛇龍), có sừng (有角龍) hoặc không có sừng (無角龍). Chúng nó có thể bảo vệ dân chúng của quốc gia, hoặc phò hộ Chánh Pháp. Có bốn loại rồng: 1) giữ thiên cung để khỏi rơi 2) tạo mây làm mưa mang lợi cho loài người 3) địa long: sống trong nước 4) giữ kho tàng của Chuyển Pháp Luân Vương.

quỉ thần: Quỉ 鬼 nghĩa là 1) "qui 歸": chết và trở về trạng thái đó 2) Uy 威: đáng sợ. Thần là tinh khí của thánh nhân 聖人之精氣. Thần 1) có năng lực 能: những thần có sức thì có thể dời núi lấp biển; 2) thần ít sức hơn thì có thể xuất

hiện, biến mất và biến hóa. Quỉ thần thuộc về quỉ đạo 鬼道.

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: có 36 loại quỉ đói. Phật Thuyết Ma Ni La Đản Chú Kinh 佛說摩尼羅亶咒經 nói: có hơn 100 loại quỉ. Các loại phản ảnh các loại quả báo. Theo Chánh Lý 正理: có quỉ rất giàu, hơi giàu và bần cùng.

Ta bà: là tiếng Phạn, có thể dịch là (dân cư ở đó) "năng nhẫn" (có sức chịu đựng: tam độc,phiền não và ác); cũng có thể dịch thành cực khổ "極苦" (so với cõi Tây Phương Cực Lạc).

và các quốc độ phương hướng khác "他方國土": từ các thế giới khác.

Thiên nghĩa là thiên nhiên 天然. Nghĩa là tự nhiên có phước mà hưởng. Nghĩ đến đồ mặc thì nó hiện ra. Nghĩ thức ăn thì nó tự đến. Không cần phải may thiên y. Nước cam lồ tự hiện ra mà không cần phải sản xuất.

Đại Luận bàn về bốn loại trời:

1. Thiên 天: như sinh làm hoàng đế.
2. Sinh thiên 生天: sinh lên 28 cõi trời.
3. Tịnh thiên 淨天: thánh nhân trong loài người.
4. Tịnh sinh thiên 淨生天: thánh nhân trong dục giới, sơ quả A La Hán, nhị quả A La Hán, tam Quả A La

Hán trong sắc Giới (của năm cõi trời sắc giới dành cho tam quả La Hán); tam quả A La Hán của vô sắc giới.

tức thiên chúng ở các tầng trời Tứ thiên vương, Đao lợi, Tu diệm ma, Đâu suất đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại.

Trước tiên bàn về sáu cõi trời Dục Giới.

Tứ thiên vương: ở giữa bề cao núi Tu Di (84.000 do tuần (13 dặm,16 lý Tàu) cao, ngang và dọc). Vị vua phương Đông tên là Trì Quốc "持國" (đất bằng vàng). Phương Nam, có vị vua tên Tăng Trưởng "增長" (đất bằng lưu ly). Vua phương Tây tên là Quảng Mục "廣目" (đất bằng bạc). Vua phương Bắc tên Đa Văn "多聞" (đất thủy tinh). Do trồng nhân bố thí,trì giới không sát sinh, có hiếu với cha mẹ nên có thể sinh lên cõi trời này. Thần của cõi trời này cao nữa do tuần và thọ mạng là 500 năm. Mỗi ngày cõi này tương đương với 50 năm cõi người. Vì lân cận cõi người nên họ có thể thường xuyên quan sát việc nhân gian. Họ có gia đình như trong cõi người. Đứa trẻ sơ hóa sinh ngồi trên đầu gối, to khoảng bằng đứa bé năm tuổi (Cọng thêm một năm cho mỗi tầng trời cao hơn: ví dụ ở trời Đao Lợi: to bằng đứa bé 6 tuổi, ở Trời Tha Hóa Tự Tại: to bằng đứa bé 10 tuổi). Thiên cam lồ tự nhiên hiện ra trong bình báu. Đứa bé ăn xong thì trưởng thành. Thọ mạng: 9 triệu năm cõi người.

Đao lợi: ở trên đỉnh núi Tu Di. Vị vua tên Đế Thích nghĩa là 能天王 năng thiên vương có khả năng. Thần ở đây cao một do tuần và sống 1.000 năm. Kiếp trước Đế Thích là một phụ nữ nghèo. Bà ta cùng 32 người bạn tu bổ một ngôi chùa.

Một tháng sau họ qua đời, và sinh lên làm vua cõi Trời Đao Lợi. Nhân duyên sinh lên cõi Trời này là: bố thí trong cõi người, trì giới không trộm cắp, cúng dường cho cha mẹ và các tôn đức. Tâm mong cầu thù thắng 心欲求勝, nên họ được sinh lên cõi Trời này. Họ hành thập thiện thượng phẩm 上品十善, không tu thiền định 無禪定功. Thọ mạng là 36 triệu năm cõi người.

Tu diệm ma 須燄摩天: nghĩa là "thiện thời phân 善時分". Cõi trời này rất cao trong không trung nên ánh sáng của mặt trăng và mặt trời không chiếu đến được. Thân các thần trời phát quang. Thời gian căn cứ vào hoa sen: nở (ban ngày) và đóng (ban đêm). Thần Trời cao hai do tuần và sống khoảng 2,000 năm. Cõi Trời càng cao lên thì chiều cao và sinh mạng cũng tăng gấp đôi. Thần trời ở đó rất sung sướng và hưởng thọ ngũ dục. Nhân duyên sinh lên cõi trời này gồm có: bố thí, trì giới không tà dâm, giữ tâm hòa hợp. Hơn nữa, khi ở cõi người tánh không thích động, thiên về tĩnh 動少靜多. Sau khi chết, họ sinh vào không trung và trụ ở đó. Họ là nhóm thân Trời đầu tiên trụ lơ lững trong không trung. Thọ mạng: 144 triệu năm cõi người.

Đâu suất đà 兜率陀天: nghĩa là tri túc "知足": biết vừa đủ; tên của vị vua cõi trời này là Diệu Túc 妙足. Đối với ngũ dục, thiên thần thường biết vừa đủ (có thể ngừng): chỉ túc 止足. Cõi trời này có ngoại viện "外院" và nội viện "內院". Ngoại viện có thể bị tam tai (hỏa, thủy và phong tai) hủy hoại. Nội viện thì được miễn. Nhân duyên để sinh vào

cõi trời này gồm bố thí, không phạm bốn khẩu nghiệp, thích đa văn, phân biệt hảo xú 好醜 (tốt xấu) chuộng Niết Bàn, tâm thiên về tạo công đức. Đương lai hạ sinh Phật (Di Lặc) đang ở trong nội viện chờ ngày giáng sanh. Sinh mạng dài 576 triệu năm.

Hóa lạc 化樂天: dân cư thọ lạc bằng cách biến hóa (của ngũ trần tiêu khiển 五塵娛樂). Ví dụ, muốn thức ăn thì tự nhiên biến ra. Chính họ cũng có thể biến hóa ra năm ngũ dục cảnh giới để thọ hưởng 自能變化五欲之境, 自享受. Nhân duyên để sinh lên cõi trời này là: tâm nặng về bố thí, trì giới, đa văn và tự túc sinh nhai. Thọ mạng: 2.3 tỷ năm.

Tha hóa tự tại 他化自在天: họ đắc lạc bằng sự hưởng dụng không phải do mình làm ra mà dùng thần thông lấy từ cõi trời khác. Họ thật ra là thiên ma, không phải Trời hay thần. Nhân duyên để sinh lên cõi này: bố thí và giữ thanh tịnh, nghiêm túc trì giới, thích đa văn, tự trọng quí và đa tình 自貴情多, ghét khổ và hưởng dụng khoái lạc của kẻ khác. Thọ mạng dài 9.2 tỷ năm.

Những cõi trời trên Tứ Thiên Vương là do Thập Thiện, thượng phẩm. Đế Thích lãnh đạo các vị trời trú trên mặt đất. Vị vua cõi trời thứ sáu của Dục Giới cai quản các vị trời sống trong không trung.

Cõi trời trong không trung (cho đến Tịnh Cư Thiên 淨居) được Phong Luân nâng. Thật ra, họ dựa trên mây (tụ lại rất đầy) được gió nâng. Tứ Thiền thiên thì có mây nhẹ và mỏng

hơn, họ như sao rải rác trên trời.

Ở trên là lục thiên của cõi Dục giới. Cõi trời càng cao thì dục vọng càng ít: dục vọng càng ít thì trí huệ càng cao.

Trong các cõi Trời dục giới thì vẫn còn thọ dụng dục lạc nhưng càng lên cao thì càng nhẹ dần

Tứ Thiên, Đao Lợi dục giao bão 四天忉利欲交抱,
Nghĩa là: Tứ thiên và Đao Lợi còn ôm ấp,
Dạ Ma chấp thủ Đâu Suất tiếu 夜摩執手兜率笑,
Nghĩa là: Dạ Ma cầm tay, Đâu Suất cười
Tha Lạc thục thị Tha tạm thị 他樂熟視他暫視,
Nghĩa là: Tha Lạc nhìn lâu, Tha Hóa thoáng nhìn,
Thử thị lục thiên chi dục lạc 此是六天之欲樂.
Nghĩa là: Đó là lạc thú của lục thiên.

Lời Kinh:

Và chư Thiên thuộc các cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm; Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm; Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh;

Lời giảng:

Và chư Thiên thuộc các cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm; Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm; Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh.

Sắc giới thiên đã lìa dục thô và tán loạn 離欲粗散. Nhưng

họ vẫn chưa thoát ra được sự chấp trước về lồng sắc (hình tướng). Mỗi khi ngồi liền nhập định (cái định của Dục Giới so với họ thì không thấm vào đâu cả). Thân thể họ rất thanh tịnh so với thân qủa báo của cõi Dục Giới (dơ nhớp và bất tịnh 垢染).

Tâm tính cõi Dục Giới còn tán loạn 散亂. Sắc giới thì có tứ vô lượng tâm, bát bối xả 八背捨, bát thắng xứ 八勝處 và chín thứ địa định 九次地定. Tâm họ nhu hợp 柔和 như cưởi ngựa và thả cương để nó tự trở về chuồng. P**hạm** nghĩa là thanh tịnh, không bị dục vọng ô nhiễm. Tất cả 18 cõi trời này của Sắc Giới đều thanh tịnh và không có dục vọng.

大智度論釋初品中三三昧義第三十二(卷第二十)

龍樹菩薩造

後 秦 龜 茲 國 三 藏 鳩 摩 羅 什 奉　詔 譯

【經】　「空三昧、無相三昧、無作三昧，四禪、四無量心、四無色定，八背捨、八勝處、九次第定、十一切處。」　【論】　問曰：何以故次三十七品後，　說八種法？　答曰：三十七品是趣涅槃道，　行是道已，得到涅槃城。　涅槃城有三門，所謂空、　無相、無作。已說道，次應說到處門；　四禪等是助開門法。

復次，三十七品是上妙法，　欲界心散亂，行者依何地、何方便得？當依色界、　無色界諸禪定。於四無量心、八背捨、八勝處、　九次第定、十一切處中，　試心知得柔軟自在隨意不？譬如御者試馬，曲折隨意，然後入陣。

Cõi trời của Sơ, Nhị và Tam Thiền sẽ được bàn đến. Mỗi Thiền đều có ba cõi trời.

Đại Phạm thiên là nơi vua Sơ Thiền trụ (tên là Thi Khí 尸棄 nghĩa là đỉnh kế 頂髻 tóc trên đỉnh đầu; làm chủ Đại Thiên Thế Giới 大千世界; có tất cả 10,000 100,000,000 萬億 vị vua). Ông ta tu hành tinh tấn; nhưng chỉ tu phước nên không chứng được quả; sau chết sinh lên cõi trời này. Quan phụ thần "宰官" ở tại **Phạm phụ thiên** 梵輔天 (họ đắc giác quán ở trong 內有覺觀, ngoài thì có đủ ngôn ngữ : cho nên có thể giúp vua trời tuyên dương phạm đức 宣揚梵德). Thường thần trụ tại **Phạm chúng thiên** 梵眾天 Phạm nghĩa là thanh tịnh (離欲得禪 lìa dục và đắc định, sắc thể họ thanh tịnh 其色精淨 vì thế nên gọi là sắc giới). Thân thể họ không phát quang.

Sơ Thiền được gọi là Ly sinh hỉ lạc địa 離生喜樂地. Lúc đó, mạch 脈 ngừng lại: cho nên thường bị tưởng là cảnh giới

bị chết nhưng thật ra tự tính thăng thiên và thân thể không phân rã, không chết. Định có thể dài đến cả hơn 30 ngày.

Sơ Thiền Thiên vẫn còn phân biệt quí tiện 貴賤. Tu định thù thắng và tâm từ thì sẽ được sinh làm vua, trung phẩm định và từ tâm thì sinh làm phụ quan. Có vạn ức Phạm Thiên Vương. Cõi trời này đạt được sơ thiền là loại định cao nhất, và quả báu của các vị vua đều giống nhau. Cho nên, trong cõi Nhị Thiền Thiên, thượng hạ được phân biệt nhờ công đức.

Sơ Thiền Thiên vẫn còn nương tựa vào ngôn ngữ bên ngoài và quán tưởng ở bên trong. Ở trên thì không còn ngôn ngữ nữa. Khi ở cõi người, họ tu bố thí đắc hỉ lạc nên càng thích bố thí, lại càng có nhiều hỉ lạc thêm lên. Họ lại biết quán, xả bỏ ngũ dục và loại bỏ ngũ cái (五蓋: 1. Tham dục 貪欲 (nhất là tình dục) 2. Sân khuể 瞋恚: oán giận 3. Hôn miên惛眠: lười biếng và thích ngủ 4. Trạo cử 掉舉: lo âu, tâm băn khoăn 5. Nghi 疑: không tin Chánh Pháp): họ nhập được sơ thiền. Tình trạng tương tự cho đến cả bát định.

Tu thượng phẩm, trung phẩm, hoặc hạ phẩm thiền thì sinh lên ba cõi Sơ Thiền Thiên. Tu thượng phẩm, trung phẩm, hoặc hạ phẩm từ tâm thì cũng có kết quả tương tự như vậy.

Quí vị không thể đạt Nhị Thiền trừ phi đã đoạn dục cắt ái. Nếu còn một ít thì sẽ không sinh vào cõi này được. Ánh sáng trong cõi này có ba phẩm thượng, trung và hạ.

Nhân duyên nào khiến thân phát quang?

1. Bố thí, trì giới,

2. Cúng dường đèn để các chỗ tối tăm hoặc hình tượng hoặc chùa,
3. Thường tu từ tâm, phổ niệm tất cả các chúng sinh,
4. Tu luyện Niệm Phật Tam Muội, tưởng niệm tất cả "quang minh Thiền đức光明禪德" của Phật,
5. Dùng trí huệ quang minh 智慧光明 để giáo hóa chúng sinh (và kẻ thờ lửa 修火之人). Cho nên, họ có thể đắc tâm trung huệ minh 心中之慧明, thân phát quang (thân không có bắp thịt hoặc xương; không cần đi tiểu tiện vì bất tịnh; lại còn có ngũ thần thông).

Luận nói: tướng của báo thân của thần trời là: không có xương hoặc thịt, không to hoặc nhỏ, không bất tịnh, thân phát quang ngày đêm, có năm loại thần thông, sắc vô ngại.

Thiểu quang Thiên, Vô lượng quang Thiên (ở đây rất sáng!**) , Quang âm Thiên**: ba cõi trời tiếp theo thuộc Nhị Thiền, cũng được gọi là Định Sinh Hỉ Lạc Địa 定生喜樂地. Thân thể của thần trời của cõi trời này (**Thiểu quang Thiên**) phát quang vì định thể 定體發光, sáng hơn cả ánh sáng thân của cõi trời Tu Diệm Ma, mỗi cõi trời càng cao hơn thì ánh sáng càng nhiều hơn vì định lực tăng trưởng. Thân thể họ phát quang vì lúc ở cõi người, thường giữ giới thanh tịnh; (họ giữ giới rất nghiêm túc; người tu được sinh vào cõi Sơ Thiền cũng giữ giới nhưng không gắt gao bằng nên thân không phát quang). Nhập Nhị Thiền thì hơi thở ngừng (mạch cũng ngừng). Âm thanh được lưu chuyển bằng ánh sáng trong cõi **Quang âm Thiên**. Họ dùng ánh sáng (thay vì ngôn ngữ) để nói (內無覺觀之細念, 外無言語之粗況).

Thiểu tịnh Thiên, Vô lượng tịnh Thiên, Biến tịnh Thiên: là ba cõi trời của Tam Thiền. Thiền định này gọi là Ly Hỉ Diệu Lạc Địa 離喜妙樂地: tư tưởng "念" (vọng niệm 妄念) ngừng (cũng không có mạch và thở). Trong một sát na (剎那; một chốc lát rất ngắn ngủi) có 90 sinh tử 生死 hoặc 900 tư tưởng. Họ có thể nhập định cả vài năm mà không có một ấn tượngvề thời gian. Khi họ muốn trở về thì có tư tưởng "tôi đang ngồi thiền" khởi lên và các tư tưởng họ bắt đầu giao động. Nếu còn có tư tưởng thì không có sự thanh tịnh chân chính (như có bụi trên mặt đất). "Diệu" hiện tiền vì ngay cả lạc cũng phải gạt bỏ và không còn chấp trước vào nó.

Thần cõi Thiểu Tịnh Thiên từ bỏ tâm hoan hỉ của Sơ Thiền "離初禪之喜心, 得淨定之樂境", và đắc cảnh giới hoan lạc của tịnh định. Định lực (và thanh tịnh) của cõi trời cao tiếp gia tăng, cái lạc của thanh tịnh thật vô biên. Trong cõi **Biến tịnh Thiên** 遍淨天, "極淨之樂, 周遍身心" sự thanh tịnh lên đến cực điểm tạo ra tịnh lạc đầy khắp thân tâm. Cõi trời này có tột đỉnh hoan lạc của Tam Giới "三界之樂, 以此天為第一"

Lời Kinh:

Phước sinh, Phước ái, Quảng quả; Vô tưởng; Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh; Đại tự tại; cho đến Phi tưởng phi phi tưởng; thiên chúng như vậy cùng với long chúng, quỉ thần đẳng chúng đều đến tụ hội.

Lời giảng:

Phước sinh, Phước ái, Quảng quả; Vô tưởng; Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh; Đại tự tại; cho đến Phi tưởng phi phi tưởng; thiên chúng như vậy cùng với long chúng, quỉ thần đẳng chúng đều đến tụ hội.

Tiếp theo, chín cõi trời của Tứ Thiền được mô tả. Ba dành cho phàm phu, năm dành cho Tam Quả A La Hán.

1. **Phước sinh thiên** 福生天: không giống như cõi Sơ và Nhị Thiền, dầu mạch và hơi thở ngừng, khổ não vẫn còn tồn tại. Tại cõi trời này, khổ nhân 苦因 không còn tồn tại. Vì họ không còn khổ nên họ cũng không còn chấp vào sướng. Vì thế nên nói cái lạc của họ không trường cữu. Thần trời cõi Nhị Thiền đã đoạn được các tư tưởng dâm dục. Ở cõi trời Tứ Thiền, chủng tử dục (欲; sẽ sinh khổ) bị diệt trừ (và theo đó tất cả các sắc thô và nặng cũng bị diệt luôn 粗重相滅了).

Trong các loại phước, phước của thiền đệ nhất, nên mới gọi là phước sinh 一切福中, 以禪定之福最勝, 固名福生.

2. **Phước ái thiên** 福愛天: là nơi mà xả tâm viên dung 捨心圓融. Cái không thể xả bỏ đều được xả bỏ. Thần trời cõi này đắc tinh tịnh thù thắng giải thoát 勝解精淨. Phước báu của họ thật bất khả tư nghì. Họ đạt được cảnh giới vượt qua trời đất, tất cả đều tùy ý diệu dụng 隨心如意. Họ từ bỏ lạc: nên lìa cả lạc và khổ. Nhưng tâm họ vẫn còn hoài mong đạt lên cõi trời cao hơn (Quảng quả thiên và Vô tưởng thiên).

Rồi lại có ngã ba chia ra thành 3. **Quảng quả thiên** 廣果天 và 4. **Vô tưởng thiên** 無想天. **Quảng quả thiên** là chốn cao nhất mà phàm phu (của lục Dục thiên) có thể đắc. Ở đó tất cả các ô uế của các cõi thấp hơn đều được xả bỏ nên có vô biên và vô tận hỉ lạc. Nơi đây có thần thông quảng đại (nên rất khó sanh vào cõi Trời này). Diệu tùy thuận 妙隨順 đạt được so với cõi trời trước còn vi tế hơn. Các thần trời đều có thể được mọi sự như ý. Phía kia ngã ba là **Vô tưởng thiên**. Tư tưởng đều được đoạn vĩnh viễn: 499 kiếp đầu (1 kiếp khoảng 16 triệu năm) của thọ mạng, họ không có một tư tưởng nào cả. Bán phần sau của kiếp cuối cùng, tư tưởng tự nhiên khơi động, khiến họ bị đọa. Đây là chốn mà ngoại đạo và quần ma tin rằng họ đắc được tối thượng Niết Bàn. Họ có thể đè nén vọng tưởng, nên vọng tưởng không sinh, có thể nhập định cả 500 kiếp, toàn cả tam giới không có chỗ nào yên thân ngoại trừ cõi trời này, nên họ đến đây trụ 厭破妄想, 妄想不生, 一定五百劫, 三界中無處可安住, 固居此天. Tâm họ không bị động bởi các khổ lạc thế gian.

Tiếp theo là 五不還天 Ngũ Bất Hoàn Thiên, nơi các vị Tam Quả A La Hán tạm trú đợi chứng Tứ Quả.

5. **Vô phiền thiên** 無煩天: Ở đây, không còn có kiến (見; tâm tham khởi khi gặp cảnh giới) hoặc tư (思; mê muội về chân lý nên khởi tâm phân biệt) hoặc. Thần trời không có khổ hoặc lạc: họ đắc thanh lương 青涼. Các vị tam quả La Hán ở đây đã đoạn hoặc của hạ giới cho nên hoặc của thượng giới thì thưa "下界惑盡, 上界惑薄". 緣真斷或 Họ duyên

với chân nên đoạn được hoặc. Vì lòng từ bi đối với chúng sinh, các vị tam quả A La Hán này thường thỉnh Phật chuyển Pháp Luân.

Họ không bị kiến, tư và phiền não làm mê. Tâm đấu tranh không kết cấu 鬥心不交.

6. **Vô nhiệt thiên** 無熱天 không có lửa nóng của phiền não 熱惱. Những vị tam quả La Hán sinh vào cõi trời này cùng với những ai đã đoạn hoặc và chuyển kiến thành thưa mỏng 所斷之惑, 轉見為薄.

Họ không bị ngoại cảnh làm phiền não 無煩覺外境, và nội tâm cũng không bị nung nóng 無熱內心.

7. **Thiện kiến thiên** 善見天 ở đây viễn cảnh rất rộng lớn và xa vời (見非常大, 非常遠; các chướng ngại chỉ còn vi tế và định thì thù thắng 障微定勝, 見色明徹 họ có thể thấy sắc rõ ràng và thông suốt.

8. **Thiện hiện thiên** 善現天 là nơi mà dân cư có thể dùng vi diệu biến hóa 微妙變化 để tạo ra đủ loại lạc thú huyền diệu (họ có thể thấy sắc và cũng có thể thị hiện 現 sắc).

9. **Sắc cứu cánh thiên** 色究竟天: Sắc pháp tối cực ở đây 色法最極. Khởi một niệm không sắc 一念空色, 便離

色界 thì sẽ rời Sắc Giới. Đó cũng gọi là **Đại Tự Tại thiên** 摩醯首羅天, (đỉnh của Sắc Giới) 大自在天: vị vua cõi trời này có tám tay, ba mắt, cởi con bò trắng và tay cầm bạch phất trần 白拂. Nội trong một niệm, ông ta có thể ngao du khắp Đại Thiên Thế Giới; trong khoảnh khắc một niệm cũng có thể biết số giọt mưa trong Đại Thiên Thế Giới. Cho nên, ông ta nghĩ là rất tự do. Sự đại tự tại 大自在 là do định lực.

Mười cõi trời trên, ngoại trừ Vô Tưởng Thiên (nơi cư trú của ma và ngoại đạo), thuộc về Tứ Thiền Thiên. Tứ Thiền gọi là Xả Niệm Tinh Tịnh Địa 捨念精淨地, vì tất cả các niệm (ngay cả các niệm vi tế) đều đoạn.

cho đến: chỉ các cõi trời Không Vô Biên Xứ Thiên (大佛頂首楞嚴經: 空無邊處天：從色界四禪，以方便力，滅可見可對色、又滅不可見可對色、更滅不可見無對色；三色一滅，便出色籠，但見虛空無邊，故名「空無邊處天」. "若在捨心。捨厭成就。覺身為礙。銷礙入空。如是一類。名為空處。" Từ cõi Tứ Thiền, dùng phương tiện lực mà diệt khả kiến khả đối sắc, lại diệt bất khả kiến và khả đối sắc, lại diệt bất khả kiến vô đối sắc; tam sắc đều diệt, nên thoát lồng sắc và thấy không vô biên nên gọi là "Không Vô Biên Xứ". Nếu tâm biết xả và thành công trong việc xả yếm, cảm thấy rằng thân chỉ là chướng ngại. Phá tan chướng ngại thì nhập không, nên thuộc chúng trụ tại không xứ), Thức Vô Biên Xứ Thiên (大佛頂首楞嚴經: 識無邊處天：此

天再用方便力，滅空識現，但覺識心無邊際，故名。諸礙既銷。無礙無滅。其中惟留阿賴耶識。全於末那半分微細。如是一類。名為識處。" Lại dùng phương tiện lực mà diệt không nên thức hiện và cảm giác thức tâm không biên cương nên được gọi như thế. Tất cả các chướng ngại tiêu trừ, vô ngại vô diệt. Thì chỉ còn lại A Lại Gia Thức và nữa phần vi tế của Mạt Na Thức công dụng. Họ đến Thức Xứ) và Vô Sở Hữu Xứ Thiên (大佛頂首楞嚴經**:** 無所有處天：再用方便力滅識，識滅一切皆無故。 Lại dùng phương tiện lực diệt thức. Thức diệt thì tất cả không còn gì cả). Tại **Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên** (大佛頂首楞嚴經**:** 非想非非想處天：再以定力滅無，無滅想現；又以定力滅想，想滅無現。總不能想與無及我，三者一時俱滅，所以滅而非滅。空色既亡。識心都滅。十方寂然。迥無攸往。如是一類。名無所有處。 Lại dùng định lực diệt vô. Vô bị diệt thì tưởng hiện tiền. Lại dùng định lực diệt tưởng. Tưởng diệt thì vô hiện tiền. Nói chung, ba cái vô, tưởng và ngã đều diệt. Cho nên diệt mà không diệt. Không và sắc đều tiêu tan. Thức tâm đều diệt. Thập phương tĩnh nhiên, không có một nơi có thể đến hoặc đi. Nên gọi chỗ đó là Vô Sở Hữu Xứ). consciousness is practically non-existent (that's why it said to have no thought). Tại phi tưởng phi phi tưởng định, thức gần như tiêu diệt (nên gọi là phi tưởng) nhưng vẫn còn một tí xíu nên gọi là phi tưởng phi phi tưởng.

Muốn đạt Vô Sắc Giới từ Tứ Thiền: cần mong nhập Không xứ 入空處, mà dùng phương tiện lực để diệt ba loại sắc:

1. Khả kiến,khả đối sắc 可見可對色 (sắc trần 色塵).
2. Bất khả kiến, khả đối sắc 不可見可對色 (ngũ căn, tứ trần).
3. Bất khả kiến, vô đối sắc 不可見無對色 (法入少分 pháp nhập thiểu phần; 無表色 vô biểu sắc).

Dầu không có sắc thô, vẫn còn sắc vi tế 細色. Có câu nói: Vô Sắc không do tứ đại tạo 非無四大造, tạo ra từ định 定果所為, tất cả đều làm bức tường 皆是牆壁 (Kinh Pháp Hoa nói: tường dụ cho ý thức 意識). Tam Giới được duy trì bởi đệ thất thức. Kinh Lăng Nghiêm nói: "tứ không thiên, thân và tâm diệt thì định hiện tiền. Không có nghiệp, quả sắc 無業果色, từ đây cho đến cuối cùng 從此待充.

Trong Vô Sắc Giới, dầu sắc có thể bị diệt (chỉ còn lại bốn ấm) nhưng vẫn chưa thoát được cái lồng vô sắc. Khi phước trời tận, họ vẫn phải xoay trong luân hồi và sinh vào các cõi theo nghiệp lực 此天只有心識而無色身.

Ở tầng trời đầu tiên trong cõi này: tâm lìa ba loại sắc, có thể duyên 緣 với Không nên tương ưng với vô sắc. Vì vậy mới gọi là Vô Biên Không Xứ 無邊空處 (cũng được gọi là Hư Không Định Xứ 虛空定處). Ở đây lìa bỏ được Sắc Giới sắc thân.

Quí vị bỏ ba loại sắc thân nào?

1. Ngũ căn 五根: các giác quan chúng ta.
2. Ngũ cảnh 五境: năm bụi trần.
3. Vô biểu sắc 無表色: những thứ thật sự không có sắc thân có thể thấy nhưng vẫn được coi là sắc. Ví dụ, thức duyên với sắc thân đã thấy trong quá khứ nhưng không còn có sắc thân nữa.

Chúng ta lại từ bỏ Không và duyên 緣 với thức để đạt đến Thức Vô Biên Xứ 識無邊處. Lúc này chúng ta từ bỏ sự nhận thức của cái không nên chỉ còn lại thức 捨空緣識•以識為處•正從所緣處受名.

Tiếp theo, chúng ta chán chường 厭 và từ bỏ cả thức nên nhập vào Vô Sở Hữu Xứ 無所有處 (cũng được gọi là Bất Dụng Xứ 不用處: tu hành loại định này thì không sùng nội cảnh (內境; thức) hoặc ngoại cảnh (外境; không)).

Tại cõi trời **Phi tưởng phi phi tưởng** thức hầu như không còn tồn tại (nên gọi là "phi tưởng"). Nhưng vẫn còn một tí vết, nên mới gọi là "phi tưởng phi phi tưởng".

Có nhiều loại giải thích.

Loại định này không duyên với thức xứ, nên gọi là phi tưởng. Cũng không duyên với Dụng Xứ nên gọi là phi phi tưởng 此定不緣識處•故非想•不緣不用處•故非非想.

Theo Chỉ Quán 止觀, thức tính bất động 識性不動, cứ diệt cùng tận 以滅窮研: đó là phi tưởng 非想. 豈非不緣識處乎 Vậy là không phải không duyên với Thức Xứ sao đây? Ngay ở trong vô tận 於無盡中, phát tuyên tận tính 發宣盡性: đó là phi phi tưởng.

Theo một cách nhìn khác: cũng giống như hữu và vô hữu 如存不存, 即非想: tức là phi tưởng; vì tận mà bất tận nên phi phi tưởng 盡不盡即非非想.

Một cách giải thích khác: Thiền tông nói rằng trong định này, chúng ta bất kiến nhất thiết tướng mạo 不見一切相貌: đó là phi tưởng. Hơn nữa, nếu luôn luôn không có tư tưởng thì có khác gì cây đá. Làm sao biết là phi tưởng? Thế nên gọi là phi phi tưởng.

識性不動。以滅窮研。於無盡中。發宣盡性。如存不存。若盡非盡。如是一類。名為非想非非想處。~大佛頂首楞嚴經正脈疏 - 卷三十五
四、非想非非想處天，此定不緣識處，故非想；不緣不用處，故非非想。此第四天，古多異解，今取止觀者，以見大師雖未見楞嚴，凡所釋義，與經雅合。彼云識性不動，以滅窮研，則是非想，豈非不緣識處乎？於無盡中，發宣盡性，則是非非想，豈非不緣不用處乎？又云：如存

不存，即非想也；若盡不盡，即非非想也。故禪門云：此定中，不見一切相貌，故言非想；若一向無想，如木石無異，云何能知無想，故言非非想。如此釋義，天然吻合，若非古佛再來，安能發此妙義。 ~地藏菩薩本願經卷上科注

Lời Kinh:

Từ các quốc độ khác và thế giới Ta bà này lại có hải thần, giang thần, hà thần, thọ thần, sơn thần, địa thần, xuyên và trạch thần, miêu giá thần, trú dạ thần, không thần, ẩm thực thần, thảo mộc thần ... thần chúng như vậy đến tập hội.

Lời giảng:

Từ các quốc độ khác và thế giới Ta bà này lại có hải thần, giang thần, hà thần, thọ thần, sơn thần, địa thần, xuyên và trạch thần, miêu giá thần, trú dạ thần, không thần, ẩm thực thần, thảo mộc thần ... thần chúng như vậy đến tập hội.

Những chúng sinh có duyên thì tụ họp lại nghe Pháp. Họ đã từng trồng phước với Tam Bảo trong quá khứ. Chư Phật chỉ có thể độ những kẻ có duyên với các ngài thôi. Nói cách khác, nếu không đủ thiện căn thì không thể đến nghe Pháp. Cho nên chúng ta càng nên niệm Phật, tụng kinh, nghiên cứu

giáo lý v.v… nhiều hơn. Chúng ta cần nhiều chủng tử hơn nữa trong A Lại Gia thức để khỏi lở chuyến tàu về cõi Cực Lạc.

Biển, sông và suối là một vài nơi tụ tập âm khí 積陰之氣 accumulation of the yin qi 陰氣- gọi là cam lồ trên cõi trời – trên mặt đất: sông; Đại Luận nói rằng trong vạn vật, nước có nhiều nhất. Trên mặt đất khắp mười phương, không có gì không có nước. Vì thế nếu không có cõi Trời qui định lại số lượng nước mưa (do rồng tạo ra) và không có viên ngọc cản nước của cõi trời thì thiên địa đều bị ngập nước. Trường A Hàm nói 長阿含經: hơi nóng mặt trời thu hút nước từ mặt đất, cây cối và chúng sinh; nước tụ hợp thành các loại hồ, sông, v.v... Kinh Lăng Nghiêm cũng nói rằng nước có mặt khắp cả (như hơi nước đọng lại trên sắt nếu để ngoài qua đêm) và hiện ra tại mọi nơi, cũng như Phật tính vốn có mặt trong mọi chúng sinh. Thật ra, tất cả tứ đại đều có mặt tại mọi nơi. Tứ đại có thể có vẻ tương phản nhau nhưng thật ra bản chất hòa hợp với nhau và không có mâu thuẩn với nhau. Tứ Thiên Vương có Tiêu Thủy Châu 消水珠 nên có thể cản nước nhờ viên ngọc đó. Không có nó thì thiên địa trở thành một thể nước vỉ đại.

Biển là vua của các sông ngòi nên hải thần được nêu ra đầu tiên.

Theo Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經, có 36 loại ngạ quỉ. Kinh Phật Thuyết Ma Ni La Đản Chú 佛說摩尼羅亶咒經, có hơn cả 100 loại quỉ. Vì nhân hạnh khác nhau nên

thọ các loại quả báu khác nhau. Đại khái, ngạ quỉ có thể vô tài, thiểu tài hoặc đại tài: rất giàu có.

Hải thần 海神: bao gồm long vương, Hải Nhược 海若, Dương Hòa 陽和, v.v... Chủ chốt là Hải Nhược: hắn ta có 18 cái đuôi, 8 chân và 8 đầu của loài người (bốn nam, bốn nữ; Nó thuộc loài thú chứ không phải côn trùng). Nó ở trong biển.

Giang thần 江神: (tên là Giang bó) giang "江" có thể rộng nhưng không sâu, nếu so với biển; nước thì được dùng công cọng.

Hà "河" (thần tên là Mật Phi 宓妃) thường nhỏ hơn giang, nước chảy chậm hơn khi không có gió. Biển thì nhận các loại giòng nước, ngược lại sông thì theo địa thế mà chảy liên tục.

Thọ thần 樹神: Chữ Tàu của thọ đồng âm thanh với thẳng đứng hoặc thẳng vuông (khi thần cây rời cây bỏ đi thì cây sẽ bị khô héo; lúc trước, hoàng đế đời Đường viếng thăm Cửu Hoa Sơn, ông ta mơ thấy một lão ông đến van xin hoàng đế cứu giúp vì có người đốn củi đến gia hại, sáng hôm sau, hoàng đế tiếp tục lên núi và thấy một nhóm tiều phu xúm lại cắt một cây thông già nên mới hiểu). Ở Nam Châu, vua loài cây là Diêm Phù Đàn?Jambunada. Các cổ thụ thường là nơi ở của quỉ (Dạ Xoa và La Sát) và thần. Trong thời Tam Quốc, tể tướng Tào Tháo 曹操 ra lệnh cắt một cổ thụ mặc dầu có lời đồn rằng có thần cây ở đó. Tào Tháo không tin những mê tín dị đoan như vậy. Không bao lâu sau, tể tướng hay bị nhức

đầu. Lang y Hoa Đà 華陀 chữa lành bịnh và báo cho Tào Tháo biết là bịnh nhức đầu do thần cây của cổ thụ tạo để trả thù. Tại Nam Hoa 南華 tự, một cây chương 樟樹 thọ giới với Đại Sư Hư Vân. Tại Nam Nhạc 南嶽, Pháp tòa của Tân Sơn Lão Nhân 南嶽津山老人, một cây bạch quả 白果樹 cũng thọ giới.

Đại thụ là nơi ở của các quỉ dạ xoa và la sát. Chúng nó rất khổ sở nếu không có cây mà trú.

Sơn thần 山神: Chữ Hoa của núi do các chữ có nghĩa "nuôi" hoặc "sinh" vì vạn vật có thể sinh trưởng trên hông của núi. Núi lớn thì có thần lớn hơn trú ngụ. Sơn thần của núi Linh Thứu tên là "Bì La 埤羅".

Địa thần 地神: Địa cùng âm với "đáy" theo tiếng Hoa. Dầu ở đáy, nhưng mặt đất vẫn có thể sinh trưởng vạn vật. Thần đất của Diêm Phù tên là "Kiên Lao 堅牢".

Xuyên và trạch thần 川澤神: Xuyên là sông nhỏ, có thể chảy trên mặt đất qua những chỗ mà trước không có nước; cũng có thể chảy bằng cách khoan thủng mặt đất. Trạch hoặc đầm là nơi có nước đọng lớn.

Miêu giá thần 苗稼神: Miêu 苗 có thể sinh thành cao. Giá 稼 thường được trồng trong đất. Bên Trung Quốc, Hậu Tắc 后稷 thuấn luyện dân cày ruộng và trồng trọt 耕種. Sau

khi chết ông ta biến thành miêu giá thần.

Trú thần, dạ thần 晝神、夜神: Trú là ban ngày, thường bắt đầu khuya và dạ là ban đêm, thường bắt đầu trưa. Mặc dầu mặt trời chưa mọc lúc khuya, nhưng dương khí đã bắt đầu tăng trưởng. Trước khi mặt trời mọc, giữa ba và năm giờ sáng, sự tăng trưởng này đi đôi với sự khuấy động của lòng dâm dục trong tâm người. Sau ngọ, khi âm khí bắt đầu tăng trưởng, cũng có hiện tượng tương tự như thế. Nếu có thể kềm chế dục vọng thì có thể biến nó thành huệ. Việc này tương tự như ngã ba ở Quảng Quả Thiên và Vô Tưởng Thiên. Một đàng có thể tăng trưởng dục vọng, đàng kia thì có thể phát triển trí huệ.

Không thần 空神 tên là "Thuấn Nhược Đa 舜若多" phiên âm từ danh từ Phạn (xin tham khảo Kinh Lăng Nghiêm); thân của họ không có tướng thô lại có màu vi tế và huyền diệu; như vậy mà hiện ra trong ánh sáng của đức Phật. Không giống như vạn vật thì tạo chướng ngại do thể tính, bản tính của không gian hư giả và không gây trở ngại. Kinh Niết Bàn nói: đồ vật có thể tạo chướng ngại, bản tính của không gian là giả và không tạo cản trở. Tiểu Thừa thì lấy sáng tối làm thể. Đại Thừa thì lấy không gian hiện tiền sắc làm thể 涅槃云•物體質礙•空性虛通•小乘以明暗為體•大乘以空一顯色為體.

Thiên thần 天神: Thiên hàm ý hiển hiện 顯 (trong không trung). Thiên còn có nghĩa là thản nhiên 坦然: cao mà xa 高而遠. Lảnh đạo của họ là một vị vua tên Hạo Thiên

Thượng Đế 昊天上帝 • hoặc là Thiên Hoàng Đại Đế 亦曰天皇大帝 • hoặc là Thái Nhất 亦名太一 (vị này có năm phụ đế 其佐曰五帝).

Ẩm Thực thần 飲食神: Tất cả những gì chúng ta ăn uống đều do thần cai quản. Vị thần này tên là Táo Thần 灶神 (thần bếp).

Chúng ta cần ăn uống để sống.

Khi xưa, tại Bắc Kinh có một người tên Đoạn Chánh Nguyên 段正元, thường được người khác gọi là "Đoạn Sư Tôn 段師尊. Ông ta kể rằng đã gặp một người phi thường,người này tuổi khoảng trên hai mươi. Cha thì bận rộn làm quan, cai quản mấy trăm người, con là thanh niên lại ngủ gà gật ngày đêm. Hành động đó làm người cha cay cú nên cuối cùng phải đối chất với người con trai.

"Con thấy không?" ông quan nói, "cha hơn lục tuần mà còn phải làm lụng để nuôi nấng cho con dù con đã trên hai mươi tuổi rồi. Thiệt là đáng hổ thẹn!"

Cậu con trai trả lời: "Cha làm quan cõi nhân gian thì con cũng làm quan cõi âm 陰間官."

"Nói tầm bậy gì vậy?"

"Mỗi ngày con phải phân chia ẩm thực cho mọi người dùng. Đó là công việc của con."

"Bộ điên rồi sao đây!" người cha than, và cố gắng đè nén cơn giận, "Làm sao có chuyện như thế được. Nếu thật như vậy, thì con có thể cho cha biết ngày mai sẽ ăn gì không?"

"Cha đợi một tí," cậu con trai nói, "Để con nhắm mắt một chút rồi sẽ có thể cho cha biết."

Người cha quá sức giận nhưng nén giận lắc đầu trong lúc người con trai nhắm mắt ngủ lại. Sau khi thức dậy cậu ta báo cho cha biết ngày hôm sau sẽ bị bỏ đói.

"Bây giờ thì cha chắc chắn là con điên rồi," người cha nói. "Làm sao vị quan lớn như cha mà bị đói được?"

"Thật ra, cha à, ngày mai sẽ được ăn nhưng chỉ ăn trứng sắp thối và nửa tô cơm sắp hư."

"Thật là chuyện hoang đường," người cha thét lên. "Con trai của tôi lại cố ý bịp tôi!" Ông ta lập tức ra lệnh nhân viên sửa soạn vịt, gà, ngỗng, cá, và các cao lương mỹ vị khác cho ngày sau.

Nhân viên bếp thật bận rộn lo nấu ăn từ sáng sớm ngày hôm sau. Vì cần dọn mâm cơm thịnh soạn nên hơi trễ một tí. Ngay khi vị quan được ngồi xuống dùng tối, thì nhận được lệnh phải lập tức ra đánh giặc cướp ở thôn quê. Ông ta liền nhảy lên ngựa đem quân ra trận bỏ mâm cơm thịnh soạn lại. Sau một thời gian khá lâu đương đầu với giặc cướp ông mới đánh bại được chúng.

Binh lính thì đã ăn như thường lệ đúng thời bữa, nên không bị đói lả. Nhưng vị quan chưa được ăn nên vừa đói vừa mệt

muốn xỉu. Ông ta cố gắng đến một nông trại gần đó để kiếm thức ăn.

"Chúng con không có gì cả," chủ nhà trả lời, "ngoại trừ một trứng và nửa tô cơm thô, phần để dành cho vợ con đang mang thai. Trứng thì hơi ung, và tô cơm thì bắt đầu chua chua rồi, nhưng quan có thể dùng tạm nếu muốn."

Vị quan đói quá nên ăn ngấu nghiến và sực nhớ lời tiên tri của cậu con trai ngày hôm qua. Từ đó về sau, ông quan không dám đả động gì đến người con trai, để yên cho cậu ta cai quản việc ăn uống, trong lúc ông ta cai quản việc nhân gian.

Thảo Mộc thần 草木神. Cỏ và gỗ cũng là nơi trú ngụ của thần. Cỏ thì mọc dễ dàng nhưng rễ mỏng manh nên thường chết lúc mùa đông.

Ở trên chỉ nêu ra một cách đại khái. Thật ra, số lượng nhiều như cát sông Hằng.

Lời Kinh:

Từ các quốc độ khác và thế giới Ta bà này còn có các đại quỉ vương, như Ác mục quỉ vương, Đạm huyết quỉ vương, Đạm tinh khí quỉ vương, Đạm thai noãn quỉ vương, hành bịnh quỉ vương, Nhiếp độc quỉ vương, Từ tâm quỉ vương, Phước lợi quỉ vương, Đại ái kính quỉ vương ... những quỉ vương như vậy đến tập hội.

Lời giảng:

Từ các quốc độ khác và thế giới Ta bà này còn có các đại quỉ vương, như Ác mục quỉ vương, Đạm huyết quỉ vương, Đạm tinh khí quỉ vương, Đạm thai noãn quỉ vương, hành bịnh quỉ vương, Nhiếp độc quỉ vương, Từ tâm quỉ vương, Phước lợi quỉ vương, Đại ái kính quỉ vương ... những quỉ vương như vậy đến tập hội.

Thế giới có âm và dương, tối và sáng. Sáng thuộc về dương là cõi của trời và thần. Rồng có thể thuộc âm hoặc dương. Quỉ thuộc âm. Để giữ trật tự nên có vua quỉ cai quản. Nếu không thì tiểu quỉ sẽ làm càng, không tuân theo lề luật và phá hại chúng sinh. Địa Tạng Bồ Tát là vị giáo chủ của cõi âm 幽冥教主.

Kinh nêu ra rất nhiều quỉ. Quỉ thật sự có dầu quí vị có tin hay không. Thật ra, nếu tâm quí vị không động thì không có một con quỉ nào cả: "*Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện, lục căn hốt động bị vân già*; nghĩa là: một niệm không khởi, toàn thể hiện tiền, lục căn bổng nhiên động thì bị mây che 一念不生全體現, 六根忽動被雲遮".

Quỉ đồng âm với "trở về". Sau khi chết con người thường trở về lại chỗ tạo nghiệp.

Vương: có uy đức 威德 (quí 貴; nếu không thì gọi là tiện 賤). Họ có của cải, nhiều áo quần và đủ thức ăn: họ mặc thiên y và dùng thiên thực. Dánh vóc của họ thanh nhã. Họ vô tư và thản nhiên đi đây đó vui chơi. Đây là vì trong kiếp trước, đã từng tu đại bố thí. Hơn nữa, họ lại có khuynh hướng ưa nịnh hót và quanh co 諂曲, không chân thật 諂曲

不實. Cho nên mới bị đọa vào quỉ đạo.

Ác Mục Quỉ Vương 惡目鬼王. Mắt của ông thật là đáng khiếp. Lỡ nhìn ông thì không khỏi lên cơn run bần bật. Vạn vật do tâm tạo. Tâm điều khiển thức ở bên trong và hiện ra ngoài qua sắc. Tâm hướng thiện thì nét mặt từ bi và khoan dung. Tâm ác thường đi đôi với nét mặt xấu xí và cau có. Tâm của vị vua quỉ này thiên về ương ngạnh và bướng bỉnh. Mắt giận dữ rất kinh tởm, không khác gì đang nhình kẻ thù không đội trời chung vậy.

Tâm có thần thức và ánh sáng lộ ra qua mắt. Con ngươi liên quan với gan 竅開於肝. Thận xuất lộ ra qua nhãn cầu 睛出於腎. Chúng ta nên dưỡng thần trong bóng tối 育神於暗. Mắt có tướng tốt hoặc xấu tùy theo tâm từ bi hoặc thiếu kiên nhẫn. Diệu Tí Kinh 妙臂經 nói: cái nhìn giận dữ có thể phá hại thân mạng 嗔目視之•乃至破壞身命.

Đạm Huyết Quỉ Vương 噉血鬼王. Quỉ thích ăn máu tươi. Chúng nó thường đến lò sát sinh, để ăn thịt tươi, cá hoặc thịt dê. Quỉ vương này mới có thể chế phục chúng nó. Quỉ vương thích bôi máu lên đồ ăn trước khi dùng. Đây là do nghiệp sát sinh, ăn huyết trong quá khứ. Quỉ vương không chịu chia đồ ăn cho vợ con, (tham và keo kiệt như thế!), thọ thân quỉ để chịu quả báo ăn đồ dơ dáy vì tính keo kiệt.

Đạm Tinh Khí Quỉ Vương 噉精氣鬼王: "Tỳ Xá Xà" 毗

舍闍 từ tiếng Phạn; 顛鬼một loại quỉ điên, hình dáng trông như đứa trẻ, thích ăn tinh khí của loài người hoặc ngũ cốc五穀之氣, khiến họ bị suy tàn bất ngờ.

Nguyệt Tạng Kinh 月藏經 nói: Có tinh khí mặt đất, tinh khí loài người, và tinh khí Chánh Pháp thượng vị cam lồ. 月藏經云 • 地精氣 • 衆生地精氣 • 正法勝味甘露地精氣 •

Đạm Thai Noãn Quỉ Vương 噉胎卵鬼王: tạo ra các sẩy thai hoặc thai nhi chết trong bụng mẹ. Bào thai tượng hình sau ba tháng: lúc ấy, cả hình lẫn tính tình vẫn chưa thành: nếu được ảnh hưởng tốt thì hài nhi hướng thiện 感於善則善; nếu bị ảnh hưởng xấu thì đứa bé thiên tà. Cho nên cổ nhân giáo dục trẻ ngay lúc còn là bào thai. Lúc bào thai rời bụng mẹ là giai đoạn nguy hiểm nhất vì các bầy ác quỉ giành giựt để ăn cái nhao.

孕三月成胎 • 形猶未具 • 從月台聲 • 爾時生氣未定 • 感於善則善 • 感於惡則惡 • 古有胎教 •

Hành Bịnh Quỉ Vương 行病鬼王: lan truyền bịnh dịch khắp nơi. Quỉ Đan Na 富單那鬼 truyền bịnh nhiệt trong nhân loại. Văn Thù Bảo Tạng Đà La Ni Kinh 文殊寶藏陀羅尼經 nói rằng sau khi Phật nhập Niết Bàn, các ác pháp tăng triển. Thế gian bị đủ loại tai họa. Ác quỉ xuất thế với

dạng đàn bà và lan truyền đủ loại bịnh cho đàn ông.

Nhiếp Độc Quỉ Vương 攝毒鬼王: là một loại vua quỉ có lợi vì có thể tẩy trừ độc tố trong người. Ông ta thiệt ra là Bồ Tát hóa thân, có thể đối trị chất độc của rồng, rắn, cổ 蠱 (một thứ tiểu trùng độc làm hại người) độc và đủ các loại độc.

Từ Tâm Quỉ Vương 慈心鬼王: hướng dẫn các quỉ phát tâm Bồ Đề. Ông có tâm từ, thích đem sự vui vẻ đến cho loài người, niệm niệm thường yêu thương và bảo hộ chúng sinh.

Phước Lợi Quỉ Vương 福利鬼王**:** Phước 福 đối ngược với họa 禍; lợi 利 thay vì tổn 損. Ông ta lãnh đạo các quỉ lo về tài sản 治生財產. Quỉ vương này tha thứ tội lỗi của chúng sinh và ban phước cho họ. Ông ta qui y và thọ ngũ giới với Phật. Ông ta bảo vệ tài sản của chúng sinh 護人財物.

Đại Ái Kính Quỉ Vương 大愛敬鬼王. Quỉ vương yêu thương và bảo vệ người tu hành biết trì giới, lễ Phật và tụng kinh. Ông ta dùng dạng quỉ vương để khuyến khích những người hành thiện.

Diệu Tí Kinh 妙臂經云 nói: khi thiên long bát bộ và tiên nhân gặp người tu hành pháp này, họ cung kính lễ, chắp tay, và nói: "Lành thay! Lành thay! Đại từ bi giả, thường từ mẫn và niệm tất cả các hữu tình".

Các quỉ vương trên là lãnh tụ của loài quỉ. Họ thật ra là Bồ Tát đang tu pháp môn nhiếp 攝 hoặc chiết 折. Chúng sinh gặp quỉ tốt hay xấu là tùy theo nghiệp tốt hoặc xấu đã thành thục. Dầu sao, đừng nên chấp trước vào cảm ứng tốt hoặc xấu: tất cả có thể thay đổi bất ngờ! Họ dùng thân quỉ vương để đến nghe pháp. Tên của họ phản ảnh loại pháp thiện hoặc ác mà họ áp dụng trong công việc của họ.

Lời Kinh:

Lúc bấy giờ, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử Bồ Tát Ma Ha Tát: Ông hãy quan sát, các đức Phật đà và đại Bồ Tát, cùng thiên long quỉ thần, ở thế giới này hay thế giới khác, ở quốc độ này hay quốc độ khác, hiện đến tụ tập tại Đao Lợi thiên cung đây, có biết được số lượng bao nhiêu chăng?

Lời giảng:

Lúc bấy giờ, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử Bồ Tát Ma Ha Tát: Ông hãy quan sát, các đức Phật đà và đại Bồ Tát, cùng thiên long quỉ thần, ở thế giới này hay thế giới khác, ở quốc độ này hay quốc độ khác, hiện đến tụ tập tại Đao Lợi thiên cung đây, có biết được số lượng bao nhiêu chăng?

Văn Thù Sư Lợi: nghĩa là "Diệu Đức 妙德": Ngài hiểu và thấy tam đức và Phật tính 了見三德佛性. Ngài không phóng túng, và không bừa bãi 無縱無橫.

Cũng còn có nghĩa là "Đồng Chân 童真": Ngài nhập và chứng Chân Thường 入證真常. Ngài không chấp trước cảnh giới, tâm vô tư như trẻ thơ 無取著.

Hoặc có nghĩa là "Diệu Cát 妙吉". Lúc ngài sinh ra có mười hiện tượng cát tường:

1. Quang minh mãn thất 光明滿室: ánh sáng chiếu sáng phòng.
2. Cam lồ doanh đình 甘露盈庭: nước cam lồ đầy bình.
3. Địa dũng thất trân 地涌七珍: bảy loại báu hiện ra từ đất.
4. Thần khai phục tàng 神開伏藏: thần mở kho tàng trong đất.
5. Kê sinh phượng tử 雞生鳳子: gà sinh ra phượng hoàng.
6. Trư hài long đồn 豬孩龍肫: heo sinh ra rồng.
7. Mã sản kì lân 馬產騏驎: ngựa sinh ra ngựa một sừng.
8. Ngưu sinh bạch dịch (thú vật giống rắn animal, có một đầu hai thân) 牛生白驛: bò sinh ra dịch trắng.
9. Thương biến kim túc 倉變金粟: thóc lúa biết thành vàng.
10. Tượng túc lục nha 象具六牙: voi có sáu ngà.

Bồ tát vốn là một vị cổ Phật, tên là Long Chủng Thượng Tôn

Vương Phật 龍種上尊王佛. Nay ngài là Hoan Hỉ Tạng Mã Não Bảo Tích Phật 歡喜藏瑪瑙寶積佛 của Hoan Hỉ thế giới 歡喜世界 ở phương Bắc. Trong tương lai, Bồ Tát sẽ lại thị hiện thành Phật, hiệu là Phổ Hiện Như Lai 普現如來. Ngài ẩn đại thị tiểu 隱大示小: dấu cái lớn mà thị hiện cái nhỏ, đảo giá từ hàng 倒駕慈航: chèo thuyền từ bi đi ngược biển sinh tử để cứu độ chúng sinh. Ngài là đệ nhất kiến Phật Tính Trí Huệ 見佛性智慧. Ngài dạy các Bồ Tát, khiến họ phát Bồ Đề tâm và liễu kiến 了見 Phật tính. Cho nên mới được gọi là Đại Trí Văn Thù Sư Lợi 大智文殊師利.

Ngài là sư tổ của Phật Thích Ca 師祖. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật 日月燈明佛, vị Phật cuối cùng của 20.000 vị Phật, có tám con trai. Người con út là Phật Nhiên Đăng 然燈 (thầy của ngài là Diệu Quang Pháp Sư 妙光法師 và) thọ ký cho Phật Thích Ca.

Pháp vương tử 法王子. Tất cả các Pháp vương tử: đức độ của họ đều như Văn Thù Sư Lợi. Trong tất cả các kinh sách Đại thừa, Văn Thù Sư Lợi là lãnh tụ của Bồ Tát chúng.

Quán 觀: ngay cả Huệ Nhãn của quí vị không thể thấy được.

Lời Kinh:

Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch đức Thế Tôn, đem thần lực của con mà tính đến ngàn kiếp đi nữa, cũng không thể biết được.

Lời giảng:

Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch đức Thế Tôn, đem thần lực của con mà tính đến ngàn kiếp đi nữa, cũng không thể biết được.

Pháp bất định tính 無定性. Đôi khi, họ nói họ biết, đôi thì nói không biết. Tất cả chỉ để lợi ích chúng sinh tùy theo hoàn cảnh.

Ngài nói rằng không thể kể hết được các chúng sinh mà Địa Tạng Bồ Tát đã cứu độ. Đó là để chứng nhận đại nguyện của Bồ Tát vô cùng tận và ngài thật sự cứu độ chúng sinh trong tam thế!

Làm sao thiên cung có thể chứa nhiều nhân vật như thế?

1. Họ không chướng ngại nhau.
2. Đây cũng do thần lực bất khả tư nghì của Địa Tạng Bồ Tát.

Lời Kinh:

Đức Phật nói với Văn Thù rằng: đến Như Lai dùng Phật nhãn mà quán, cũng không thấy được cùng tận số lượng ấy. Số đó toàn do Địa Tạng Bồ Tát, từ kiếp xa xưa đến nay, đã hóa độ, đang hóa độ và sẽ hóa độ, đã thành tựu, đang thành tựu và sẽ thành tựu.

Lời giảng:

Đức Phật nói với Văn Thù rằng: đến Như Lai dùng Phật nhãn mà quán, cũng không thấy được cùng tận số lượng ấy.

Phật nhãn là một trong Ngũ Nhãn. Có câu thơ về Ngũ Nhãn:

Thiên Nhãn thông phi ngại
天眼通非礙
Nhục Nhãn ngại phi thông
肉眼礙非通
Pháp Nhãn vi quán Tục
法眼唯觀俗
Huệ Nhãn liễu Chân Không
慧眼了真空
Phật Nhãn như thiên nhật.
佛眼如千日
Chiếu dị thể hoàn đồng.
照異體還同

Dầu dụng khác nhau nhưng thể chỉ là một.

Thiên Nhãn có nhìn thông qua vạn vật. Nhục Nhãn chỉ có thể thấy vật và người nhưng không thể thông qua họ. Muốn "thấy" thì phải sinh ý! Pháp Nhãn có thể giúp thấy kinh điển mà không cần dùng sách vì không gian có đầy Pháp tạng (Pháp Nhãn có thể thấy sự việc thế tục; có thể thấy chân tướng của các pháp 諸法實相; 俗諦 Tục Đế còn được gọi là Giả Đế 假諦). Huệ Nhãn có thể thấy rằng tất cả đều không có thật. Phật Nhãn có thể nhận ra chân tướng của vạn

vật. Đại Luận nói: "佛眼無是不知, 無是不聞, 無是不見 không có gì Phật Nhãn không biết, không nghe hoặc không thấy".

Số đó toàn do Địa tạng Bồ Tát, từ kiếp xa xưa đến nay, đã hóa độ, đang hóa độ và sẽ hóa độ, đã thành tựu, đang thành tựu và sẽ thành tựu.

Phật Nhãn được dùng để chứng minh rằng Địa Tạng Bồ Tát đã cứu độ chúng sinh không ngừng nên số lượng được giúp không thể tính được. Đại nguyện của Bồ Tát thật là vô tận.

thành tựu có thể có hai nghĩa:

1. Thịnh 盛: hưng vượng, ý nghĩa của chữ Hoa.
2. Suy ra từ ý nghĩa đầu, có hàm ý cao cả và quảng đại (tựu 就 nghĩa là cao 高), bao hàm về hoàng đế. Đời xưa, hoàng đế cai trị với hiếu thảo vì thế nên thành tựu công đức rốt ráo. Chỉ hoàng đế mới có quyền tự cho là có hiếu.

Nói tóm lại, cũng như đề tài chính của kinh này, công đức rốt ráo được thành tựu do lòng hiếu thảo.

Lời Kinh:

Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch đức Thế Tôn ! Từ quá khứ, con đã tu thiện căn, chứng vô ngại trí, nên nghe đức Thế Tôn dạy thì con tin thọ ngay. Các vị tiểu quả Thanh Văn, bát bộ thiên long và vị lai chúng sinh đẳng, dẫu được nghe lời nói chân thực của Như Lai chắc chắn sinh nghi, có cung kính mà thọ nhận đi nữa, vị tất khỏi hủy báng.

Thỉnh cầu đức Thế Tôn giảng thêm, trong nhân địa, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đã lập thệ nguyện gì, đã làm công hạnh nào, mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như thế.

Lời giảng:

Văn thù Sư Lợi thưa: Bạch đức Thế tôn, từ quá khứ, con đã tu thiện căn, chứng vô ngại trí, nên nghe đức Thế tôn dạy thì con tin thọ ngay. Các vị tiểu quả Thanh Văn, bát bộ thiên long và vị lai chúng sinh đẳng, dẫu được nghe lời nói chân thực của Như Lai chắc chắn sinh nghi

tiểu quả Thanh Văn 小果聲聞: ám chỉ những vị

1. Chỉ học về Tứ Đế hoặc 12 Nhân Duyên.
2. Có căn cơ eo hẹp 根狹.
3. Võng thức 罔識: ý thức kém cõi.

bát bộ 八部: thường là hạ cơ 下機.
vị lai chúng sinh 未來世諸眾生等 thường là:

1. Chí tính bất kiên 志性不堅: chí khí không vững chắc.
2. Nghiệp chướng của họ rất nặng nề: nên khó mà đắc giải thoát 業障難脫.

Họ không tránh khỏi **hủy báng**: và đọa theo nghiệp lực.

Kiến tính thuộc về Như Lý Trí 如理智 (cũng được gọi là Vô Trước Trí 無著智). Rồi phải tu Hậu Đắc Trí 後得智-

có thể thông đạt các hiện tượng của thế gian; thuộc về Như lượng Trí 如量智 (cũng còn gọi là Vô Ngại Trí 無礙智). Nếu dùng Ngã Vô Ngại Trí 我無礙智 để quán lời dạy của đức Thế Tôn, một lần nghe thì sẽ phát lòng tin. Nhưng kẻ có trí huệ thấp kém không tránh khỏi sinh tâm nghi kỵ vì không thể hiểu được dụng ý của Phật.

vô ngại trí: chỉ về Tứ Vô Biên Ngại 四無邊礙:

1. Pháp Vô Biên Ngại 法無邊礙.
2. Nghĩa Vô Biên Ngại (giảng vô số nghĩa; nhưng đều trở về một) 義無邊礙.
3. Từ Vô Biên Ngại (mỗi chữ đều đầy ý nghĩa) 詞無邊礙.
4. Lạc Thuyết Vô Ngại 樂說無礙: khiến người nghe thích thú không nhàm chán.



Thiên Long Bát Bộ

bát bộ thiên long gồm có:

1. Thiên 天,
2. Long 龍,
3. Dạ Xoa 夜叉,
4. Càn Thát Bà 乾闥婆,
5. A Tu La 阿脩羅,
6. Ca Lâu La 迦樓羅,
7. Khẩn Na La 緊那羅,
8. Ma Hầu La Già 摩侯羅伽.

có cung kính mà đỉnh thọ đi nữa, vị tất khỏi khởi tâm hủy báng

Họ có thể vì sự kính trọng người thầy mà kính thọ lời dạy. Nhưng vì lời giáo huấn quá thâm sâu họ không thể hiểu được, sinh lòng nghi ngờ nên không khỏi tránh được **khởi tâm hủy báng**.

Thỉnh cầu đức Thế tôn giảng thêm, trong nhân địa, Địa tạng Bồ tát Ma Ha tát đã lập thệ nguyện gì, đã làm công hạnh nào, mà thành tựu được sự không thể nghĩ bàn như thế, khiến cho chúng sinh khi nghe những công đức bất khả tư nghì của Bồ Tát có thể tin được**."**

nhân địa: nghĩa trong những kiếp trước đã tạo những nhân nào dẫn đến quả ngày nay.

Sau khi lập **thệ nguyện** thì nhất định sẽ gặp nhiều thử thách. Nguyện tạo cơ hội được dẫn dắt. Lập nguyện mà không hành:

là lập nguyện viễn vông. Hành mà không lập nguyện: chỉ làm một lần thôi.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy: Văn Thù Sư Lợi , ví dụ cả tam thiên đại thiên thế giới này có bao nhiêu cỏ, cây, lùm, rừng, lúa, mè, tre, lau, núi, đá và vi trần, mỗi vật giả thiết là một sông Hằng; rồi số cát trong các sông Hằng ấy, mỗi hạt giả thiết là một thế giới hệ; số bụi của các thế giới hệ này, mỗi hạt giả thiết là một kiếp; mỗi kiếp này tích lũy bao nhiêu hạt bụi thì đem cả ra mà giả thiết mỗi hạt là một kiếp nữa. Thời gian mà Địa Tạng đại sĩ, từ khi trụ Đệ Thập Địa cho đến ngày nay, còn nhiều hơn cả ngàn lần số lượng giả thiết trên, huống chi thời gian mà Địa Tạng đại sĩ trụ quả vị Thanh Văn và Duyên Giác.

Lời giảng:

Đức Phật dạy Văn Thù Sư Lợi: Ví dụ cả tam thiên đại thiên thế giới này có bao nhiêu cỏ, cây, lùm, rừng, lúa, mè, tre, lau, núi, đá và vi trần, mỗi vật giả thiết là một sông Hằng; rồi số cát trong các sông Hằng ấy, mỗi hạt giả thiết là một thế giới hệ; số bụi của các thế giới hệ này, mỗi hạt giả thiết là một kiếp; mỗi kiếp này tích lũy bao nhiêu hạt bụi thì đem cả ra mà giả thiết mỗi hạt là một kiếp nữa.

Đức Phật bắt đầu bằng cách dùng ví dụ để cho thấy số lượng quá lớn nên không thể tính được. Chỉ Phật mới thật sự biết rõ số lượng.

tam thiên đại thiên thế giới: Một (Tiểu) Thiên thế giới 小

千世界 gồm có 1.000:

1. Mặt trời
2. Mặt trăng
3. Tứ châu
4. Cho đến Nhị Thiền Thiên.

Một Nhị Thiên thế giới gồm một ngàn Tiểu Thiên thế giới (cho đến Tam Thiền Thiên). Một Tam Thiên Đại Thiên thế giới gồm một ngàn Nhị Thiên thế giới 三千大千世界. Tổng cộng, có trăm ức 百億:

1. Mặt trời
2. Mặt trăng
3. Tứ châu
4. Cho đến Tứ Thiền Thiên.

Đại Luận nói rằng mỗi Tiểu Thiên thế giới 小千世界名周利 (小千梵名): được Phong Luân nâng. Trên Phong Luân là Thủy Luân. Trên Thủy Luân là mặt đất mà loài người sinh sống.

Thời gian mà Địa Tạng đại sĩ, từ khi trụ Đệ Thập Địa cho đến ngày nay, còn nhiều hơn cả ngàn lần số lượng giả thiết trên, huống chi thời gian mà Địa Tạng đại sĩ trụ quả vị Thanh Văn và Duyên Giác.

Đức Phật dùng ví dụ để diễn tả Địa Tạng Bồ Tát trụ tại Thập Địa bao lâu. Mỗi thứ (trong vô số thứ) coi như một sông Hằng 恆河: thật ra vô lượng. Dầu sông Hằng có hạn định, nhưng thứ vật sông Hằng lại vô lượng. Hơn nữa cát sông Hằng đếm không hết. Vậy mà lại đem mỗi hạt cát tượng trưng cho một thế giới để nói rằng số lượng thế giới không

thể nào tính đếm được. Ở trong mỗi thế giới: mỗi trần sa 塵沙 là một kiếp 劫. Nếu đếm hết các trần sa thì thời gian thật lâu!

Tại sao đức Phật dùng cát **sông Hằng**? Vì có rất nhiều cát. Sông Hằng lớn nhất ở Ấn Độ. Dân chúng tin rằng sông có thể ban phước, và cát tường. Nếu vào sông tắm rửa: thì có thể gội lọc tất cả các ô uế. Sông được coi là linh thiêng, và rất nổi tiếng. Không có cách nào mà đếm được cát sông Hằng (coi là kiếp). Chỉ có Phật Bồ Tát mới biết được.

Thập Địa là:

1. Hoan Hỉ Địa (Can Huệ) 歡喜地.
2. Ly Cấu Địa 離垢地.
3. Phát Quang Địa 發光地.
4. Diễm Huệ Địa 焰慧地.
5. Nan Thắng Địa 難勝地.
6. Hiện Tiền Địa 現前地.
7. Viễn Hành Địa 遠行地.
8. Bất Động Địa 不動地.
9. Thiện Huệ Địa 善慧地.
10. Pháp Vân Địa 法雲地.

Sơ Địa, Hoan Hỉ Địa, dùng Trung Đạo Quán 中道觀 để phá tan một phần vô minh 破一分無明 và có thể hiển một phần Tam Đức 顯一分三德. Cho nên được gọi là Kiến

Đạo vị 見道位, và cũng được gọi là Vô Công Dụng 無功用. Ngài có thể làm Phật tại một trăm thế giới 百界作佛, thể hiện tám tướng thành đạo 八相成道 để lợi ích chúng sinh 行五百由旬初入實相無障礙土. Đây là sơ nhập thật sở 初入實所: lần đầu thấy sự Thật.

Bàn về địa vị, đức Phật chỉ nêu ra Thập Địa, vị thứ 53 của tất cả 54 vị. Đây là chưa nêu ra các địa vị của Tiểu Thừa. Có Quyền 權 và Thật 實 (Thường 常). Vị Tiểu Thừa gồm A La Hán cho đến Duyên Giác.

Địa Tạng Bồ Tát trụ tại mỗi vị thật lâu để có thể cứu độ nhiều chúng sinh hơn.

Lời Kinh:

Văn Thù Sư Lợi, oai thần thệ nguyện của vị Bồ Tát này không thể nghĩ bàn. Trong vị lai, thiện nam hay thiện nữ nào nghe được danh tự của vị Đại sĩ này, hoặc tán thán, hoặc chiêm ngưỡng, lễ bái, hoặc xưng danh, hoặc cúng dường, cho đến vẽ, khắc, làm khuôn, đắp, hoặc sơn hình tượng của Đại sĩ, thì người ấy sẽ được trăm lần sinh lên trời Đao Lợi, vĩnh không đọa ác đạo.

Lời giảng:

Văn Thù Sư Lợi, oai thần thệ nguyện của vị Bồ Tát này bất khả tư nghì.
Tại sao **bất khả tư nghì**? Vì:

1. Không thể khẳng định được 不決定.
2. Không thể khẳng định được các việc giáo hóa 不能決定其化事.

Tất cả các trời, người và các loại của thế gian không tin được:
1. Công đức và thiện căn của Địa Tạng Bồ Tát,
2. Ngài có thể ngộ nhập cảnh giới của Như Lai 善能悟入如來境界.
3. Bồ Tát có thể đắc tự tại đối với các Pháp.
4. Ngài đến lại tất cả thế giới để cứu độ chúng sinh.

Trong vị lai, thiện nam hay thiện nữ nào nghe được danh tự của vị đại sĩ này, hoặc tán thán, hoặc chiêm ngưỡng, lễ bái, hoặc xưng danh, hoặc cúng dường, cho đến vẽ, khắc, làm khuôn, đắp, hoặc sơn hình tượng của Đại sĩ, thì người ấy sẽ được trăm lần sinh lên trời Đao Lợi, vĩnh không đọa ác đạo.
Nếu họ có thể niệm công đức của Địa Tạng Bồ Tát, trong mỗi niệm không ngừng, thì họ có thể được cảm ứng với Đạo. Công đức của Bồ Tát sẽ thấu nhập thân tâm 透入身心. Người ấy sẽ, dựa trên công đức của Bồ Tát, đắc sinh lên cõi trời 100 lần. Hơn nữa, họ còn có thể gặp chư Phật, nghe thuyết Pháp và tu hành, ngừng tất cả các ác, tu thiện nên không bao giờ đọa ác thú. Đây là do các hạnh tôn sùng (văn 聞, tán thán 讚歎, chiêm lễ 瞻禮, xưng danh 稱名, và cúng dường 供養) Bồ Tát.

Từ khi lập nguyện: "*Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật*;

Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ Đề 地獄不空, 誓不成佛; 衆生度盡方證菩提," Địa tạng Bồ Tát đã dùng thần lực để chế phục những chúng sinh đã kết tập ác nghiệp. Cho nên ngài đã trãi qua thời gian không thể nghĩ bàn mà vẫn chưa thành Phật, tại vì cứu được một chúng sinh thì còn có người khác và tiếp theo còn có người khác nữa.

Số người nhập Niết Bàn ít hơn số sinh làm người cả trăm ngàn ức. Tương tự như vậy, trong bất cứ lúc nào, số người sinh nhiều hơn nhiều số người chết. Bởi vì một người mới sinh phải sống thời gian mấy mươi năm hoặc cả trăm năm mới qua đời còn những kẻ đợi được sinh thì chỉ cần phải ở trong bụng mẹ chín tháng mà thôi. Vì vậy sinh sản tương đối nhanh hơn nên số người sinh nhiều hơn số người chết. Vì thế nên Địa Tạng Bồ Tát chưa thành Phật được. Ngài không có một tí luyến tiếc về lời nguyện: chúng sinh càng nhiều thì ngài chỉ làm việc nhiều hơn. Nếu không có chúng sinh thì sẽ không có việc làm. Khi thật sự không còn gì cần làm nữa Địa Tạng Bồ Tát lại đi tìm việc để làm. Mặc dầu có thể an nhàn và hưởng thụ, ngài tiếp tục bận rộn lo cho chúng sinh vì bổn nguyện lực.

Chúng ta không thể nào mường tượng được sức mạnh của loại nguyện như thế. Kinh chỉ có thể bàn qua loa sự quảng đại của nguyện lực mà thôi. Nghe đến đại nguyện như thế, chúng ta nên tự xét hành vi của mình. Nếu quí vị cũng đã phát tâm cứu giúp một hai chúng sinh thì đã không lãng phí thời gian đọc kinh này; nhưng nếu cho rằng đó là chuyện của Bồ Tát, chúng ta chỉ là phàm phu nên là khác, thì không khác gì chưa đọc một chữ của kinh này.

Đừng theo thói ích kỷ để bị châm biếm là "Di Đà Phật các cố các; Ma Ha Tát bất quản tha 彌陀佛各顧各, 摩訶薩不管他, nghĩa là Mô Phật, chuyện ai nấy lo; Đại Bồ Tát, không màng cứu người". Nếu có bạn trai hoặc bạn gái thì nguyện cứu họ. Nếu còn trẻ thì nên lo cha mẹ và nguyện cứu họ. Nếu mồ côi thì chắc có bạn hoặc họ hàng: nguyện giúp họ thành Phật.

Khi chúng ta lạy hình tượng Phật và Bồ Tát; khi chúng ta niệm hồng danh của các ngài, như khi niệm "Nam mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát"; khi chúng ta giảng kinh, như giảng kinh này, nói lên những đức tính cao thượng của Bồ Tát Địa Tạng; hoặc khi chúng ta dâng hoa, quả, và hương trước hình tượng, chúng ta đang chiêm ngưỡng và tôn sùng, niệm hồng danh, tán thán đó là **cúng dường**.

Những ai có thể vẽ họa thì có thể tạo **hình tượng** của Phật Bồ Tát, do tạo nhân này mà dung nhan của mình được tuấn tú, đẹp đẽ hơn. Cứ tạo thêm một hình tượng thì dung nhan càng đẹp thêm. Kẻ muốn thành tựu 32 tướng hão và 80 tùy hình cũng nên tạo hình tượng. Mọi người nên gia tăng tạo tượng để dung nhan hoàn mỹ, và cuối cùng, sau khi đã tạo trăm ngàn ức hình tượng thì các tướng hảo được sẽ cũng thành tựu. Ai muốn được đẹp trai thì nên tạo hình tượng (vẽ, khắc, đúc v.v...). Họ sẽ được sinh lên cõi trời Đao Lợi một trăm lần. Đây nghĩa là họ sẽ được sinh lên khắp lục Dục Thiên. Sau mỗi lần sinh vào cảnh giới như vậy thì họ sẽ được sinh vào cõi trời **Đao Lợi** một lần; cứ như thế được một **trăm lần**. Họ sẽ không bao giờ đọa vào tam ác đồ.

Lời Kinh:

Văn Thù Sư Lợi ! Địa Tạng đại sĩ trong quá khứ lâu xa, bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp về trước, là một đại trưởng giả tử. Thời ấy, có đức Phật xuất hiện, danh hiệu là Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai . Vị đại trưởng giả tử thấy tướng hảo của đức Như Lai ấy, ngàn phước trang nghiêm, hỏi ngài đã làm hạnh nguyện gì mà được tướng hảo như vậy. Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai dạy rằng, muốn đắc thân thể như vầy thì phải độ thoát nhất thiết chúng sanh thọ khổ, trải qua trường viễn kiếp.

Lời giảng:

Đây là câu chuyện lần đầu tiên Bồ Tát lập nguyện cứu độ chúng sinh.

Văn Thù Sư Lợi, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát trong quá khứ lâu xa, bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp về trước, là một vị đại trưởng giả tử

trưởng giả: Theo Pháp Hoa Văn Cú 法華文句 có (tất cả) mười đức:

1. Tính quí 姓貴 (như con cháu hoàng đế, gia phả quyền quí 貂插之家).
2. Vị cao 位高 (quan lớn).
3. Đại phú 大富 (giàu đến độ thường phung phí).
4. Oai mãnh 威猛 (trang nghiêm và thanh tao, không nghiêm khắc nhưng vẫn được kính trọng 嚴霜隆重, 不肅而威).

5. Trí thâm 智深 (Thông minh sâu sắc và biết dùng phương tiện thù thắng 胸如武軍,權奇超拔).
6. Niên kì 年耆 (tướng lớn tuổi và lễ nghi phong cách khiến người phục 蒼蒼稜稜,物儀所伏).
7. Hạnh tịnh 行淨 (hành vi trong sạch, biết giữ lời 白珪无玷,所行如言).
8. Lễ bị 禮備 (cư xử theo lễ nghĩa, làm gương cho người thế gian 節度庠序,世所式瞻).
9. Thượng tán 上歎 (bề trên khen trọng 一人所敬).
10. Hạ qui 下歸 (mọi người muốn đến nương tựa 四海所歸). 子者 • 尊稱也 • 如此方孔老稱子等 • 非長者所生之子 •

Sư Tử Phấn Tấn 師子奮迅. Sư tử là vua loài cầm thú nên không một tí sợ sệt. Tương tự như vậy, đức Phật có thể chế phục 96 loại ngoại đạo.

Phấn tấn tượng trưng cho khả năng đốn thoát trần lao 頓脫塵勞: thình lình hoặc mau chóng thoát bụi trần. Chúng ta có thể diệt trừ các chướng ngại vi tế (trần lao) không cho phép nhập định. Rồi có thể xuất nhập định rất nhanh chóng.

Cụ Túc nghĩa là có đầy đủ **Vạn Hạnh**.

Nhờ định lực này nên ngài chứng Phật quả; vì thế nên có hiệu như trên.

Vị đại trưởng giả tử thấy tướng hảo của đức Như Lai ấy, ngàn phước trang nghiêm, hỏi ngài đã làm hạnh nguyện gì mà được tướng hảo như vậy. Đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai dạy rằng, muốn đắc thân thể như vầy thì phải độ thoát nhất thiết thọ khổ chúng sanh, trải qua trường viễn kiếp.

thấy tướng hảo của đức Như Lai 見佛相好: chỉ về 32 tướng hảo và 80 tùy hình của đức Phật. Tướng hảo mà không có tùy hình thì không được hoàn hảo.

Tu hành Thập Thiện bao gồm cả pháp Ngũ Giới. Cho nên có 50 công lúc bắt đầu và được thêm 50 khi thành tựu, tạo ra 100 tất cả. Mỗi khi dùng 用 bất cứ gì của 100 công, thì trong đó vẫn có Thập Thiện nên tạo ra 1.000 phước. Khi tích tụ được 1.000 phước, thì gọi là thượng phước. Tích tập 1.000 thượng phước đó mới gọi là **ngàn phước trang nghiêm**.

Dùng tam nghiệp hữu lậu của thân, khẩu và tâm để tu thiện và tu lục độ, thì tạo ra 100 phước đức. 100 phước đức là nhân của mỗi 32 tướng hảo.

Bồ Tát hành Thập Thiện. Mỗi thiện có năm tâm (hạ, trung, thượng, thượng thượng, thượng trung thượng). Từ lúc bắt đầu phát ngũ tâm cho đến khi thành tựu: đó là 100 tâm, nên gọi là 100 phước.

Như Kinh Niết Bàn, nhân duyên của Tứ Diệu Đế có vô lượng tướng mà Thanh Văn và Duyên Giác không thể biết hết được. Cho nên phải cần tu **trường viễn kiếp.**

Lời Kinh:

Văn Thù Sư Lợi, lúc ấy vị đại trưởng giả tử phát nguyện: "Cùng tận vị lai, trải qua bất khả thuyết kiếp, con nguyện vì chúng sinh tội khổ trong lục đạo mà vận dụng mọi phương tiện, làm cho họ giải thoát tất cả, bấy giờ con mới chứng quả vị Phật đà". Vì trước đức Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai mà lập đại nguyện như thế nên dẫu đã qua trăm ngàn vạn ức na do tha bất khả thuyết kiếp, ngài vẫn còn làm Bồ Tát.

Lời giảng:

Văn Thù Sư Lợi, lúc ấy vị đại trưởng giả tử phát nguyện: "Cùng tận vị lai, trải qua bất khả kê kiếp, không thể nghĩ bàn được**, con nguyện vì chúng sinh tội khổ trong lục đạo mà vận dụng mọi phương tiện.**
chúng sinh tội khổ trong lục đạo: Kinh Pháp Hoa cho chúng ta thấy được tâm của Bồ Tát. Kinh nói, Bồ Tát thấy chúng sinh trong lục đạo:

1. Bần cùng, và không có công đức,
2. Đi vào các nẽo sinh tử hiểm nghèo,
3. Bị liên tục khổ sở không ngừng,
4. Khó biết phân biệt thiện ác,
5. Không tránh được tứ khổ (sinh, lão, sịnh và tử).
6. Cho nên, Bồ Tát quảng tạo phương tiện
7. Để giúp chúng sinh thoát khỏi cái Giả: Đây là công vụ trọng đại của các ngài.

Chỉ Quán 止觀 nói: nhân duyên đi vào thế tục là:

1 Từ bi tâm trọng 慈悲心重: Nặng lòng từ bi.

1. Ý bổn thệ nguyện 意本誓願: còn nhớ nguyện đã

phát từ xưa.

2. Trí huệ mãnh lợi 智慧猛利: trí huệ thâm sâu.
3. Thiện xảo phương tiện 善巧方便: biết dùng các phương tiện.
4. Đại tinh tấn lực 大精進力: có tinh tấn thật sự.

Tất cả các chúng sinh trong **lục đạo** thường xuyên thích tạo nghiệp 舉心動念無非是罪, 非是業.

làm cho họ giải thoát tất cả, bấy giờ con mới chứng Phật đạo". Vì trước đức Phật đó, mà lập đại nguyện, nên dẫu đã qua trăm ngàn vạn ức na do tha bất khả thuyết kiếp, ngài vẫn còn làm Bồ Tát.

Cho nên Bồ Tát mới lập nguyện. Nguyện càng thâm sâu thì vị càng bất khả tư nghì.

Lời Kinh:

Thêm nữa, trong quá khứ, lâu xa bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Thọ mạng của ngài đến bốn trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp.

Lời giảng:

Thêm nữa, trong quá khứ, lâu xa bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Thọ mạng của ngài đến bốn trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp.

Đức Phật hiếm khi xuất thế. Thông thường, trải qua vô lượng kiếp, khi thiện căn chúng sinh thành thục, thì cảm ứng đức Phật xuất thế. Ví dụ, sau khi Phật Thích Ca nhập Diệt, Phật Di Lặc phải đợi đến khi căn cơ chúng sinh chín chắn thì mới hiện ra giảng Pháp. Nhờ nghe pháp, chúng sinh đắc giác ngộ.

Chúng sinh thường không ý thức được điều này, ngược lại đức Phật thì có tam đạt chi trí 三達之智 (biết quá khứ, hiện tại và vị lai thế giới vô ngại), vì thế ngài mới biết vị Phật nào đã xuất thế.

Giác Hoa 覺華 đại biểu cho nhân (cũng là bổn 本; và là định 定) còn **Tự Tại Vương** 自在王 là quả (cũng là mạt 末: ngọn; là huệ 慧; dùng huệ soi sáng tất cả các pháp nên đắc đại tự tại). Ngài dùng **Định** sau khi đã trồng nhân để hái quả. Một cách nhìn khác là: tâm như hoa sen, dùng trí huệ quán tâm, tâm khai mở và nhập định; Như Lai Tạng Kinh 如來藏經 nói: "trong các tâm bị phiền não, đức Phật thấy một Thế Tôn an tọa liên hoa, nghiễm nhiên 儼然: trang nghiêm và oai hùng, bất động, hoàn bị với tất cả các đức tướng".

Thọ mạng của ngài có thể được giải thích nhiều cách. Tiếng Hoa, "thọ mạng" gồm có hai chữ: một chữ ngụ ý lâu dài và chữ kia chỉ sự liên tục của mạng sống.

Kinh Pháp Hoa giảng rằng Pháp Thân của đức Phật không khác biệt tất cả các pháp. Sự cùng tồn tại này phản ảnh thọ mạng lâu dài. Lý căn bản của Chân Như thiết lập sinh mạng của Pháp Thân.

Thọ mạng của Báo Thân dựa trên Thật Tướng Huệ tức là sự tương ưng giữa cảnh giới và trí huệ (境智相應; cảnh giới là huệ, huệ là cảnh giới; ngài dùng trí huệ để soi chiếu các cảnh giới: ý thức một cách rõ ràng các cảnh giới hiện tiền, phối hợp trí huệ và cảnh giới). Đây là sự hiểu biết trực tiếp và trọn vẹn của trí: cảnh giới đến thì chiếu soi, chiếu tới đâu liễu ngộ tới đó, tuyệt nhiên không bị cảnh giới làm chướng ngại. Tuy ban đầu trí huệ và cảnh giới là hai (nhị nguyên) nhưng rốt ráo trở thành một. Báo Thân y cứ đạo lý này làm thọ, dùng trí huệ làm mạng.

Thân thứ ba của Phật là Ứng Thân hoặc Hóa Thân. Thọ mạng của Ứng Thân được qui định bởi nhân duyên và hoàn cảnh. Thọ mạng của Ứng Thân nơi cõi người là 100 năm.

Theo quan điểm của Kinh Quán (Kinh 16 Loại Quán), không cần phải phân tích "thọ mạng" ra làm hai phần. Thọ mạng của Ứng Thân có thỉ (bắt đầu) có chung (kết thúc). Ứng thân bắt đầu với sự ra đời của Phật và kết thúc khi ngài nhập Niết Bàn. Báo Thân hữu thỉ vô chung. Pháp Thân vô thỉ vô chung. Thọ mạng **bốn trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp** là Ứng Thân của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.

a tăng kỳ 阿僧祇 nghĩa là vô số. Nó gồm có hai phương diện:

1. Vô số ngày, đêm, tháng, năm
2. Vô số đại kiếp.

a tăng kỳ kiếp: đối với đức Phật chỉ là như một ngày. Đây là do lực túc mạng thông bất khả tư nghì của ngài. Phân Hòa Đàn Vương 分和壇王 bày tỏ nghi vấn về phạm vi của sự

hiểu biết của Phật. Đức Thế Tôn bảo vua rằng: “Nếu vua lấy nước của đại dương làm mực, chẻ tất cả các cây làm bút để chép kinh mô tả sự hiểu biết của Phật, nước biển có thể cạn và cây có thể hết nhưng kinh đó chưa kết thúc”.

Lời Kinh:

Trong thời kỳ tượng pháp, có nữ Bà la môn, phước cũ thâm hậu, quần chúng kính nể, đi đứng nằm ngồi đều được chư thiên hộ vệ.

Nhưng mẹ lại tin tà đạo, thường khinh chê Tam Bảo.

Lời giảng:

Thông thường Phật Pháp có ba thời kỳ:

1. Thời “Chánh Pháp” khoảng 1.000 năm: trong thời này chúng sinh rất thành tâm tu hành và rất nhiều người chứng quả,
2. Thời “Tượng Pháp” khoảng 1.000 năm. Trong thời này ít người muốn tu hành. Họ thích tu phước bằng cách xây chùa tháp. Ít người chú trọng tu huệ.
3. Thời “Mạt Pháp”, là thời kỳ của chúng ta, sẽ dài khoảng 10.000 năm, thường có chiến tranh, xung đột, thoái hóa về đạo đức và ô nhiễm trầm trọng môi trường sống.

Trong thời kỳ tượng pháp, có nữ Bà la môn.

Bà la môn nghĩa là thanh tịnh. Tịnh hạnh gồm ăn chay và sống độc thân, nếu không thì không thể có sự thanh tịnh. Họ còn được gọi là “tịnh duệ 淨裔: dòng dõi thanh tịnh”. Họ

mong được sinh vào cõi Phạm Thiên. Người theo Bà la môn giáo thì lúc tu lúc không, nên họ không thể đắc được chân lý rốt ráo. Du già là một trong những pháp môn của họ. Đạo giáo (Lão) của Trung Quốc là pháp tu tương đương.

phước cũ thâm hậu, quần chúng kính nể.

Cô ta được kính trọng vì đã từng làm rất nhiều thiện hạnh. Dung mạo của con người phản ảnh công trạng của họ. Những ai có công trạng hoàn toàn thì sẽ có nét đầy đủ và hòa hợp. Những kẻ thiếu công đức thì xấu xí.

1.000 **phước** bàn ở trước cũng có thể được giải nghĩa như sau: 1.000 thiện cấu tạo một phước. Một khi hoàn hảo thì sẽ kết quả 32 tướng hảo và 80 tùy hình.

Có ba loại phước:

1. Trì giới phước 持戒福: Tất nhiên không tạo ác nghiệp.
2. Bố thí phước 布施福, tiêu trừ tâm bỏn xẻn.
3. Tu Định phước 修定福, điều phục tâm sân hận và tán loạn của người thế gian.

Nữ Bà la môn này có đầy đủ cả ba loại phước (refer to note 22 of appendix). Cho nên mới nói là **phước cũ thâm hậu**.

đi đứng nằm ngồi đều được chư thiên hộ vệ.

Đây là do phước báu từ kiếp trước, nên tướng mạo đoan trang và khiến người thấy sinh lòng mến thích.

Nhưng mẹ lại tin tà đạo, thường khinh chê Tam Bảo.

tin tà đạo: không phải chỉ tin vào những giáo lý sai lầm, nhưng lại còn bán tin bán nghi. Trong tâm bà mẹ thường sinh tà kiến. Bên ngoài, bà ta thích khinh chê Tam Bảo. Tam Bảo là từ hàng trong biển khổ. Nếu biết cung kính (nhận thức rằng Phật Pháp khó gặp, phát tâm tin tưởng mạnh mẽ, ngưỡng mộ và biết lắng tâm lãnh hội 識佛法難遇•弘信仰而澄神) thì sẽ được vô số phước. Ngược lại, nếu khinh khi thì tạo nghiệp nặng vô cùng.

Đặc biệt có một loại người gọi là Nhất Xiển Đề 一闡提: Họ dùng lời thô lỗ và ác ngữ để phỉ báng Chánh Pháp, nói rằng không có Phật, không có Pháp. Họ không tin luật nhân quả, họ cũng không tin có quả báo. Họ không thân cận thiện hữu và cũng không giữ giới của Phật.

Lời Kinh:

Nữ thánh nhân rộng lập phương tiện , khuyến dụ để mẹ sinh chánh kiến. Mẹ của nữ nhân chưa tin hoàn toàn, thì chẳng bao lâu sinh mạng kết thúc, thần hồn đọa vào Vô Gián địa ngục.

Lời giảng:

Nữ thánh nhân rộng lập phương tiện , khuyến dụ để mẹ sinh chánh kiến. Mẹ của nữ nhân chưa tin hoàn toàn, mẹ cô ta tin thích tà kiến hơn**. thì chẳng bao lâu sinh mạng kết thúc, thần hồn đọa vào Vô Gián địa ngục.**

chẳng bao lâu: nhắc lại là cuộc đời thật vô thường. Chúng ta không có nhiều thời gian như mình tưởng. Có câu châm ngôn:

Khi tôi thấy kẻ khác chết, tim tôi đau đớn vô cùng;

Tim nhói không phải cho người; vì tử thần không còn xa tôi nữa đâu.

Cái chết có thể không tốt (như bất đắc kỳ tử) hoặc tốt (như theo ý muốn).

thần hồn 魂神: ám chỉ A lại gia thức.

Vô Gián địa ngục: được gọi như thế vì thời gian, thọ mạng và thân thể đều vô gián đoạn. Một người thì cũng đầy như có nhiều người. Tù nhân phải chịu thống khổ không ngừng. Dầu có bị tra tấn đến chết, thì được hồi sinh cũng phải trở lại cùng thân đang bị dày vò. Phần sau sẽ giải thích rõ ràng hơn.

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn biết mẹ thuở sinh tiền, không tin nhân quả, thì chắc phải tùy nghiệp mà sa vào đường dữ, nên bán nhà cửa, sắm nhiều hương hoa và đồ cúng, lập đại cúng dường tại chùa tháp thờ phụng đức Như Lai.

Trong một ngôi chùa kia, nữ Bà la môn thấy hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai , đầy vẽ oai dung, trang nghiêm và hoàn hảo. Nữ Bà la môn chiêm bái dung nhan của ngài, lòng kính ngưỡng tăng lên bội phần. Nữ nhân tự nghĩ, Phật là bậc đại giác, có đủ nhất

thiết trí. Nếu ngài còn tại thế, sau khi mẹ mất mà đến thưa hỏi, chắc sẽ biết được sa lạc vào chốn nào.

Lời giảng:

Nữ Bà la môn biết mẹ thuở sinh tiền, không tin nhân quả, thì chắc phải tùy nghiệp mà sa vào đường dữ.

không tin nhân quả: có câu: "*nhất thiết tội trung, dĩ bất tín chân lý chi tội tối đại*, nghĩa là trong tất cả các loại tội, tội nặng nhất là không tin Chân Lý 一切罪中, 以不信真理之罪最大."

nên bán nhà cửa, sắm nhiều hương hoa và đồ cúng, lập đại cúng dường tại chùa tháp thờ phụng đức Như Lai.

nhà cửa: nơi an nghĩ của thân tâm. Cô ta bán đi vì không màng tới bản thân.

hương hoa: là của cúng dường tốt đẹp, tượng trưng cho sự bắt đầu của thành tâm. Hương có thể trừ bỏ ô uế 辟穢. Hoa biểu tượng viên nhân 具圓因. Mùi hôi cõi người xông thiên khiến cõi trời ghê tởm (vì họ thanh tịnh). Nhưng họ vẫn phải đến cõi người theo lời dạy của đức Phật. Cho nên, trong Phật Pháp, thường dùng hương đốt, hương là sứ giả 使 của Phật.

đại cúng dường: cho Phật và hiện tiền tăng. Cô ta hy vọng rằng hành động thành tâm sẽ mang lại cảm ứng từ Tam Bảo và hồi hướng công đức cho mẹ.

Trong một ngôi chùa kia, nữ Bà la môn thấy hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai , đầy vẽ oai dung, trang nghiêm và hoàn hảo. Nữ Bà la môn chiêm bái dung nhan của ngài, lòng kính ngưỡng tăng lên bội phần. Nữ nhân tự nghĩ, Phật là bậc đại giác, có đủ nhất thiết trí. Nếu ngài còn tại thế, sau khi mẹ mất mà đến thưa hỏi, chắc sẽ biết được sa lạc vào chốn nào.

chiêm bái dung nhan của ngài giai thoại (về chiêm ngưỡng dung nhan Phật): trong quá khứ, sau khi Không Vương Như Hoàn Lai 空王如還來 nhập Niết Bàn, có bốn tỳ kheo tu hành Phật Pháp với nhau. Họ tinh tấn dụng công nên khởi ra rất nhiều phiền não. Họ bị các phiền não áp đảo đến nỗi muốn tạo ác nghiệp. Ngay lúc sự tự chủ hầu như không còn thì có một nói giọng trong không trung: "Tỳ Kheo! Mau vào trong chùa và quán hình tượng Phật. Quán không khác gì như lúc Phật còn tại thế". Các tỳ kheo tuân theo lệnh và chiêm ngưỡng bạch hào tướng 白毫相. Họ lại nghĩ thêm: "Cũng như đức Thế Tôn còn tại thế với chúng ta. Đại Trượng Phu, xin giúp chúng con diệt trừ các tội và ô uế". Nhờ nhân duyên họ quán hình tượng và sám hối, 80 ức kiếp 八十億劫, không đọa vào ác thú. Sau này thành Phật: A Súc Bệ 阿閦鞞 Phật ở phương Đông, Bảo Sinh 寶生 ở phương Nam, Vô Lượng Thọ ở phương Tây và Thành Tựu 成就 Phật ở phương Bắc.

Có một câu chuyện khác từ Quán Phật Tam Muội Kinh 觀佛三昧經 về chiêm ngưỡng tôn sùng: công đức thật là bất khả tư nghì. Trong quá khứ, có một vị Phật tên Bảo Oai Đức

Thượng Vương Như Lai 寶威德上王如來. Một vị tỳ kheo đến viếng chùa của ngài với chín đệ tử. Họ lễ và tán thán một bảo tượng. Cuối cuộc đời, họ đều đắc vãng sinh về Như Lai Phật độ ở phương Đông bằng cách hóa sinh lên đại liên hoa 大蓮華中. Họ tu hành tịnh hạnh, đắc niệm Phật Tam Muội Hải 念佛三昧海. Đức Phật thọ ký cho họ và tất cả đều thành Phật. Hiện nay, vị Phật ở phương Đông tên Thiện Đức Phật 善德佛 là vị thầy và chín phương Phật tên là Vô Ưu Đức 無憂德佛 là chín vị đệ tử.

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn khóc rất lâu, lại thiết tha chiêm ngưỡng đức Như Lai. Thốt nhiên nghe giữa hư không có tiếng bảo: Thánh nữ đang khóc kia, đừng quá bi lụy, ta nay chỉ cho con biết chỗ mẹ con sinh đến.

Lời giảng:

Nữ Bà la môn khóc rất lâu cảm thấy lạc lỏng và bơ vơ **lại thiết tha chiêm ngưỡng đức Như Lai** để lấy lại bình tĩnh. **Thốt nhiên nghe giữa hư không có tiếng bảo: Thánh nữ đang khóc kia, đừng quá bi lụy, ta nay chỉ cho con biết chỗ mẹ con sinh đến.**

khóc: Cô ta khóc thầm, không phát ra tiếng.

Quyết Định Tỳ Ni Kinh 決定毗尼經 nói: đức Phật bảo Xá Lợi Phất: Ngoài trí huệ của Phật, không có Thừa nào khác có khả năng giúp chúng sinh đắc giải thoát, và đến Niết Bàn.

Chỉ có ngài mới có thể hiển lộ con đường giải thoát, giúp chúng sinh viễn ly tà đạo, tuyên dương thánh đạo. Cho nên mới gọi ngài là **Như Lai**.

Thánh nữ: vì thiện căn thâm sâu. Cô ta rất cực thành tâm.

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn chắp tay, hướng lên không trung mà thưa: Vị Thần đức nào giải tỏa nỗi lo buồn của con đây? Từ khi mất mẹ đến giờ, con thương nhớ ngày đêm, không biết chỗ nào có thể hỏi để biết thế giới mẹ con sinh đến.

Lời giảng:

Nữ Bà la môn chắp tay, hướng lên không trung mà thưa: Vị Thần đức nào giải tỏa nỗi lo buồn của con đây? Từ khi mất mẹ đến giờ, con thương nhớ ngày đêm, không biết chỗ nào có thể hỏi để biết thế giới mẹ con sinh đến.

chắp tay, hướng lên không trung 合掌向空 : Cô ta cực kỳ cảm kích và biết ơn sự cảm ứng.

Cô ta thật có hiếu.

"*Thụ dục tĩnh nhi phong bất chỉ* 樹欲靜而風不止*;*
Nghĩa là: cây muốn yên nhưng gió chẳng ngừng thổi,
*Tử dục dưỡng nhi thân bất tại*子欲養而親不在
Nghĩa là: con muốn chăm sóc nhưng người thân đã qua đời".

Công ơn cha mẹ vô biên như trời cao biển rộng, không có

giới hạn. Cô ta hổ thẹn đã không thể báo ân cho mẹ. Chúng ta cũng nên tự hỏi: "Đã từng làm gì để báo ơn cha mẹ?"

Lời Kinh:

Trong hư không lại có tiếng nói: Ta là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai đã nhập Diệt mà con đang chiêm bái đó. Thấy con nhớ mẹ quá hơn những kẻ thường tình bội phần, nên ta đến chỉ cho con.

Lời giảng:

Trong hư không lại có tiếng nói: Ta là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai đã nhập Diệt mà con đang chiêm bái đó. Thấy con nhớ mẹ quá hơn những kẻ thường tình bội phần, nên ta đến chỉ cho con.

Cô ta được Phật cảm ứng vì lòng thành tâm. Cô ta thật sự lo âu cho mẹ, không màng đến tự thân. Cảm ứng qua âm thanh, tiếng nói phát từ không trung.

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn nghe nói như vậy thì cả người nhẩy lên và rớt xuống, tứ chi rã rời, người hai bên đỡ cứu một lát mới tỉnh. Cô lại hướng lên không gian mà bạch rằng: Xin Phật từ mẫn, dạy cho con biết ngay thế giới mẹ con sinh đến. Thân tâm con sắp phải chết mất.

Lời giảng:

Nữ Bà la môn nghe nói như vậy thì cả người nhẩy lên và

rớt xuống, tứ chi rã rời.

Khi nghe tiếng nói từ không trung phát ra, vì tinh thần quá căng thẳng, cô ta nhảy xổm lên không và rơi xuống như núi bị sập, khiến cho tay chân đều bị thương tích, thân tâm đều đau khổ mà lòng vẫn chỉ lo nghĩ đến mẹ.

情發於中 • 聲感於外 • 舉身撲拜 • 如太山崩 • 急欲知母生界 • 何暇顧惜形骸 • 遂致肢體骨節 • 悉損壞而悶絕矣.

Cô ta chỉ lo cho mẹ chứ không lo cho bản thân. Cảm ứng đạt do lòng nhiệt thành chỉ có âm thanh mà không có sắc hình. Có nghĩa là hiển sinh nhi bất sinh 顯生而不生: biểu hiện ra có sinh nhưng thật không có sinh. Hơn nữa, không có sắc mà lại có âm thanh: biểu lộ có diệt nhưng thật không có diệt 無相而有聲者 • 示滅而不滅.

người hai bên đỡ cứu một lát mới tỉnh. Cô lại hướng lên không gian mà bạch rằng: Xin Phật từ mẫn, dạy cho con biết ngay thế giới mẹ con sinh đến. Thân tâm con sắp phải chết mất.

Người hai bên đỡ cô lên. Cô nói rằng chắc không thể sống thêm bao lâu nữa, vì thân bị tàn phế và tâm thì đại khổ não 形殘心苦: “van xin Phật dạy cho con biết mẹ ở đâu.”

Lời Kinh:

Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai dạy thánh nữ:

Con cúng dường xong, trở về nhà liền, đoan tọa mà tư duy danh hiệu của ta, thì sẽ biết chỗ mẹ con sinh đến.

Nữ Bà la môn lạy Phật xong, về nhà tức khắc. Vì nhớ thương mẹ, đoan tọa, niệm danh hiệu của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.

Lời giảng:

Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai dạy thánh nữ: Con cúng dường xong, trở về nhà liền, đoan tọa mà tư duy danh hiệu của ta, thì sẽ biết chỗ mẹ con sinh đến.

Nữ Bà la môn lạy Phật xong, về nhà tức khắc. Vì nhớ thương mẹ, đoan tọa, niệm danh hiệu của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai.

Cô ta hoàn tất việc cúng dường và về nhà. "Nhà" tượng trưng cho nhà ngũ ấm. Quán ngũ ấm thì trí huệ sẽ hiện tiền.

Cô ta có nghĩ ngơi để thân thể có cơ hội hồi phục không? Không, cô ta ngồi thẳng, tức là xếp bằng ngồi kiết già 端坐即金剛正坐，或全跏 và niệm Phật một ngày một đêm. Cô ta không còn đau đớn sau khi nhập định.

Kiết già là tư thế hàng phục ma. Bán già 半跏 là như ý tọa 如意坐.

Cô ta lập tức về nhà sau khi cúng dường Phật. Đó tượng trưng mê vi ngộ chi tật 表翻迷為悟之疾: tức tốc chuyển

mê muội thành giác ngộ. **Tư duy** nghĩa là quán. Có ba nhân vật: tâm cô, đức **Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai** mà cô ta đang quán và mẹ cô. Mẹ là mẹ của tâm 母即母心. Phật là Phật của tâm 佛即佛心. Tất cả có ba nhưng thật ra thể là một thôi.

Lời Kinh:

Sau một ngày một đêm, bỗng thấy mình đến nơi một bờ biển, nước biển sôi sục, có nhiều thú dữ toàn là mình sắt, bay nhảy trên mặt biển, xua bên này đuổi bên kia. Thấy trăm ngàn vạn kẻ, nam có nữ có, nổi lên ngập xuống trong biển ấy, bị các thú dữ tranh nhau, chụp lấy mà ăn. Lại thấy quỉ dạ xoa hình thù kỳ dị, hoặc lắm tay lắm mắt, nhiều chân nhiều đầu, nanh chĩa ngoài miệng, và sắc nhọn như gươm, một mặt xua đuổi tội nhân đến cho thú dữ, mặt khác tự chụp bắt, túm đầu chân họ lại thành muôn thứ hình trạng, khó dám nhìn lâu.

Lời giảng:

Sau một ngày một đêm, bỗng thấy mình đến nơi một bờ biển, nước biển sôi sục.

một ngày một đêm: "ngày" tượng trưng sự giác ngộ của Bà la môn nữ; ban ngày thì đầy ánh sáng, soi rõ mọi sự vật; "đêm" ám chỉ sự mê muội tối tăm của mẹ cô. "Một " ngụ ý nói tâm, tâm chúng sanh có khi mê khi giác, cũng như có ngày có đêm nhưng tất cả chỉ phát xuất từ một căn bản mà thôi.

Mẹ cô vì tin tà đạo, hợp trần: họp lại với bụi trần, và bội giác: quay lưng với giác ngộ. Thánh nữ thì tổ chức đại cúng dường, khiến chánh huệ thâm nhập tâm, nên hợp giác bội trần. Từ lúc bắt đầu thì chỉ có một tâm thôi, vô minh và giác ngộ tách rời từ đó.

có nhiều thú dữ toàn là mình sắt, bay nhảy trên mặt biển, xua bên này đuổi bên kia. Thấy trăm ngàn vạn kẻ, nam có nữ có, nổi lên ngập xuống trong biển ấy, bị các thú dữ tranh nhau, chụp lấy mà ăn.

Tại sao đức Phật không cho thánh nữ thấy mà lại bắt cô ta đến địa ngục tìm kiếm? Phàm phu bị vô minh che đậy. Họ không biết phân biệt thiện và ác, nhân và quả. Vì thế phải cho thánh nữ chứng kiến sự thống khổ của địa ngục cảnh tĩnh người thế gian đang còn mê muội và ngoan cố. Vô minh có hình dạng như thế nào? Đó là không hiểu biết mà lại đóng tâm; gặp Phật mà không thỉnh Pháp, thấy kinh điển nhưng không chịu đọc, gặp tu sĩ nhưng không phục họ, gần cha mẹ nhưng không kính trọng họ. Chúng ta không ý thức về sự khổ của thế gian, lại vô minh một cách sung sướng về cái quả khổ trong địa ngục. Vì bản chất vô minh nên chúng ta ở mãi trong vòng luân hồi. Hôm nay, nhờ thánh nữ, chúng ta cần thức tỉnh và thật sự làm theo lời Phật dạy: không được làm điều ác hãy làm việc thiện.

Thánh nữ không hề nghỉ ngơi để lo cho thân. Cô ta lại thấy mình đến bờ biển (nghiệp hải 業海). A lại gia thức của cô ta (còn được gọi là linh tính 靈性 hoặc thức thần 識神 hoặc hồn phách 魂魄) bay đến đó. Đây không phải là ảo giác. Thường xảy ra khi ngồi thiền rất lâu với sự nhất tâm. Trong

định này, thức thứ tám của cô đến địa ngục và thấy biển sôi sục với nhiều thú và quỉ: tất cả đều do đã tạo ác nghiệp.

Thông thường, chúng ta cần phải mở Ngũ Nhãn mới có thể "thấy". Trong trường hợp này, khi linh tính 靈性cô ta đã rời nhục thân (ngũ nhãn tự động mở ra), cô ta mới có thể dùng thần nhãn và có thể thấy quỉ, thần, Bồ Tát và Phật.

Lại thấy quỉ dạ xoa hình thù kỳ dị, hoặc lắm tay lắm mắt, nhiều chân nhiều đầu, nanh chĩa ngoài miệng, và sắc nhọn như gươm, một mặt xua đuổi tội nhân đến cho thú dữ,

dạ xoa 夜叉: "quỉ lẹ"; chúng nó có đủ thứ hình tướng (như trâu, ngựa, sư tử, voi, cọp, chó sói; có hai tay cho đến một ngàn tay; một mắt cho đến ngàn mắt v.v…). Khi chúng ta thoát các loài ác thú thì phải chạy gặp dạ xoa.

mặt khác tự chụp bắt, túm đầu chân họ lại thành muôn thứ hình trạng, khó dám nhìn lâu.

Quỉ dày vò tội nhân bẻ thân thể họ tạo nhiều hình dạng khác nhau tạo thành các hình dạng với thân thể của tù nhân.

Theo Chánh Pháp Niệm Kinh 如正法念經: Khi ác nghiệp tận cùng thì tội nhân không còn thấy những loài thú và quỉ ghê tởm nữa.

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn nhờ lực niệm Phật nên không sợ hãi gì cả. Một quỉ vương tên Vô độc, bước đến cúi đầu đón tiếp, hỏi

thánh nữ: Lành thay Bồ Tát, duyên gì mà đến đây?

Lời giảng:

Nữ Bà la môn nhờ lực niệm Phật nên không sợ hãi gì cả.

không sợ hãi: Theo Tâm Địa Quán Phật心地觀佛 đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: cũng như trong rừng rậm, có rất nhiều ác thú đang rình đợi chụp và hại người. Nếu đốt rừng thì các loài thú đều bỏ chạy cả. Khi tâm trống và kiến diệt 心空見滅, thì cũng tương tự như thế: cái ác bị tiêu trừ.

Tất cả các cảnh giới hiện ra tương ưng với tâm. Ngược lại, tâm động tương ưng với cảnh giới. Tâm vốn không. Làm sao mà có được cảnh giới? Khi cả tâm lẫn cảnh giới đều tiêu diệt, làm sao mà có sự sợ hãi được? 諸境由心 • 心由境現 • 心既本空 • 境亦何有 • 心境既亡 • 懼自何生

Một quỉ vương tên Vô Độc, bước đến cúi đầu đón tiếp, hỏi thánh nữ: Lành thay Bồ Tát, duyên gì mà đến đây?

Vô Độc: quỉ vương này không có tam độc của tham, sân và si. Ông ta làm chủ vùng.

cúi đầu 稽首: tay đụng đất. Nhìn thấy tướng của thánh nữ, quỉ vương biết là cô ta không phải người thường nên có thái độ rất cung kính.

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn hỏi quỉ vương: Đây là chốn nào vậy?

Quỉ vương đáp: Chỗ này là lớp biển thứ nhất, ở về phía Tây dãy núi Đại Thiết Vi.

Lời giảng:

Nữ Bà la môn hỏi quỉ vương: Đây là chốn nào vậy?

Đây là chốn nào vậy 此是何處: cô ta hỏi vì bị ngạc nhiên và do lòng hiếu kỳ.

Quỉ vương đáp: Chỗ này là lớp biển thứ nhất, ở về phía Tây dãy núi Đại Thiết Vi.

Tứ châu: xung quanh núi Tu Di 須彌山.

Bên ngoài: Có tám dãy núi. Bên ngoài nữa là Hàm Hải 鹹海: biển muối. Bên ngoài nữa là Đại Thiết Vi Sơn 大鐵圍山.

lớp biển thứ nhất 第一重海 ở trong nước của Đại Thiết Vi Sơn.

準長阿含•起世經等•四洲地心•即是須彌山•山外別有八山•乃至其外鹹海•廣於無際•海外有山•即是大銕圍山•依立世阿毗曇論•云大鹹海外有山•名曰銕圍•入水三百二十由

旬 • 出水亦然 • 廣亦如是 • 從閻浮提南際 • 取鐵圍山 • 三億六萬六百六十三由旬 • 從鐵圍山水際 • 極鐵圍山水際 • 逕度十二億二千八百二十五由旬 • 鐵圍山水際 • 周迴三十六億八千四百七十五由旬 • 第一重海 • 在其中 • (準諸經論閻羅王宮 • 既在界外 • 則業海亦然 • 即泥犁經所云 • 鹹水泥犁是也)

Lời Kinh:

Thánh nữ hỏi: Tôi nghe nói trong núi Thiết Vi có địa ngục, thật vậy chăng?

Lời giảng:

Thánh nữ hỏi: Tôi nghe nói trong núi Thiết Vi có địa ngục, thật vậy chăng?

trong núi Thiết Vi có địa ngục giữa Tiểu Thiết Vi Sơn và Đại Thiết Vi Sơn.

Lời Kinh:

Quỉ vương thưa: Thật có địa ngục.

Thánh Nữ hỏi: Làm sao tôi đến chốn địa ngục này?

Quỉ vương thưa: Uy thần hoặc nghiệp lực, ngoài hai loại ấy thì không thể nào đến được.

Lời giảng:

Quỉ vương thưa: Thật có địa ngục. Đúng vậy, thánh nữ đang ở địa ngục.

Thánh Nữ hỏi: Làm sao tôi đến chốn địa ngục này? Tôi làm sao đến đây được?

Quỉ vương thưa: Uy thần hoặc nghiệp lực, ngoài hai loại ấy thì không thể nào đến được.

Uy thần 威神 (dùng thần thông bản lảnh thì có thể đến đây mà cứu chúng sinh hoặc viếng thăm) hoặc **nghiệp lực** 業力 (các ác nghiệp thành thục và phải chịu quả khổ): là hai cách để đến địa ngục.

Lời Kinh:

Thánh Nữ lại hỏi: Vì sao nước sôi sục, có nhiều tội nhân và lắm thú dữ?

Vô Độc đáp: Đó là những kẻ làm ác ở Diêm Phù Đề mới chết. Trải qua bốn mươi chín ngày, không có ai kế tự để làm công đức cứu khổ nạn cho. Khi còn sống họ cũng không tạo thiện nhân, nên theo nghiệp đã tạo mà cảm lấy quả khổ địa ngục, tự nhiên trước hết phải đi qua biển này. Phía Đông biển này, cách mười vạn do tuần, có một lớp biển nữa, khổ sở gấp đôi. Phía Đông biển sau này lại còn một lớp biển khác, khổ sở lại gấp đôi. Do ba nghiệp ác làm nhân mà chiêu cảm ra biển này, cũng gọi nghiệp hải.

Lời giảng:

Thánh Nữ lại hỏi: Vì sao nước sôi sục, có nhiều tội nhân và lắm thú dữ?

Tại sao **nước sôi**? Là do thói ngạo mạn, và thích đàn áp kẻ yếu. Kết quả là nước luôn luôn có nhiều sóng.

Tại sao có nhiều **tội nhân**? Họ thường làm Thập Ác nên tạo ra các quả báo địa ngục.

Tại sao có nhiều **thú dữ**? Đây là do xúc báo 觸報 (thân nghiệp): lúc trước thích sờ mó nhau, nên kiếp này chịu quả báo khổ thấy ác thú.

Vô Độc đáp: Đó là những kẻ làm ác ở Diêm Phù Đề mới chết. Trải qua bốn mươi chín ngày, không có ai kế tự để làm công đức cứu khổ nạn cho.

Đại Thiết Vi Sơn 大鐵圍山 bao quanh vòng biển quanh núi Tu Di. Quá vòng núi là địa ngục, như chúa quỉ Vô Độc đã xác thực. Quí vị tin rằng có địa ngục không?

Diêm Phù Đề 閻浮提 danh từ Phạn này nghĩa là thượng kim: vàng thượng hạng. Trường A Hàm nói rằng Diêm Phù là Nam châu. Châu này hẹp phía Nam và rộng phía Bắc; 7.000 do tuần ngang dọc. Có cây vàng diêm phù đàn 閻浮檀金樹 (bảy do tuần vòng chu vi, cao 100 do tuần, cành là 枝葉: 50 do tuần bốn phương 四布): mủ cây chảy vào sông thì thành vàng. Loại vàng này còn tốt hơn cả vàng thượng

hạng của quả đất.

Có hai loại **chết**:

1. Sinh mạng kết thúc
   a) Mạng tận: 命盡 • 非是福盡: không phải vì hết phước.
   b) Phước tận: 福盡 • 非是命盡: không phải vì mạng tận.
   c) Cả mạng lẫn phước đều hết: 福命俱盡.
2. Ngoại duyên chết
   a) Tự tử: 非分自害死
   b) Làm kẻ khác chết (như tai nạn): 橫為他死
   c) Cả hai: 俱死

Hoặc có ba loại chết:

a) Do phóng túng 放逸死.
b) Do phá giới 破戒死.
c) Do mệnh căn bị hư 壞命根死.

bốn mươi chín ngày hoặc bảy tuần. Người còn sống nên thế người chết tạo công đức trong thời gian này. Có thể tụng kinh hoặc thần chú để siêu độ 超度 kẻ mới qua đời. Theo Du Già Luận 瑜伽論, cực ác đưa chúng ta đến địa ngục; cực thiện gởi chúng ta đến Tịnh Độ hoặc cõi trời mà không cần phải qua trung ấm thân, dành cho những trường hợp bất định 不定. Thân trung ấm chết mỗi bảy ngày, bảy lần nên mới có bảy tuần.

Khi còn sống họ cũng không tạo thiện nhân, chỉ thích phóng túng tự chiều chuộng**. nên theo nghiệp đã tạo mà cảm lấy quả khổ địa ngục, tự nhiên trước hết phải đi qua biển này. Phía Đông biển này, cách mười vạn do tuần, có một lớp biển nữa, khổ sở gấp đôi. Phía Đông biển sau này lại còn một lớp biển khác, khổ sở lại gấp đôi. Do ba nghiệp ác làm nhân mà chiêu cảm ra biển này, cũng gọi nghiệp hải.**

Họ tự nhiên phải đi qua biển để chịu nhận quả báo của ác nghiệp.

Về phương Đông lại có nhiều biển nữa mà khổ não tăng gấp đôi. Có rất nhiều địa ngục được tạo ra do tam nghiệp ác nhân 三業惡因 của thân, khẩu và ý.

泥犁經云•鹹水泥犁•縱橫數千里水•鹹水如鹽•熱沸湧躍•水中有鳥•喙如銕生•啄人肌•齩人骨•人不能忍是痛•更度水去•守泥犁鬼言•死惡人•汝何等求索•人言•我苦饑渴•鬼即以鉤•鉤其上下齗(音銀•齒根肉)•口皆挓開•復以消銅•灌入口中•唇舌咽腹皆燋盡•銅便下去•其人不能復忍•還入沸鹹水中•其人平生•於作惡甚•故求解不得解•隨波上下•迴澓沉沒•其苦倍增•可勝言哉

Ba biển này hợp lại thành **nghiệp hải**. **Chỗ** này được tạo ra bởi tội nghiệp của chúng sinh.

Khó tránh tạo phước hoặc nghiệp. Nghiệp gì thì quả ấy, không khác gì bóng theo hình, tiếng vang theo âm thanh.

Lời Kinh:

Thánh Nữ lại hỏi quỉ vương Vô Độc: Địa ngục ở đâu?

Vô Độc đáp: Trong ba biển này toàn là địa ngục, số đến trăm ngàn, mỗi mỗi khác biệt. Đại địa ngục có mười tám chỗ. Kế đó thì có năm trăm, khổ độc vô lượng. Kế đó nữa thì có ngàn trăm, cũng vô lượng khổ.

Thánh Nữ lại hỏi Đại Quỉ Vương: Mẹ tôi mới mất, không biết thần hồn đến chỗ nào?

Quỉ vương hỏi Thánh nữ: Mẹ Bồ Tát khi sống quen làm hạnh nghiệp gì?

Thánh Nữ nói: Mẹ tôi có tà kiến, phỉ báng Tam Bảo, nếu có tạm tin rồi chuyển bất kính, chết mới mấy ngày mà không biết sinh đến chỗ nào?

Vô Độc hỏi: Mẹ Bồ Tát tên họ là gì?

Thánh Nữ nói: Cha mẹ tôi thuộc dòng Bà la môn, cha là Thi La, mẹ là Duyệt Đế Lợi.

Lời giảng:

Thánh Nữ lại hỏi quỉ vương Vô Độc: Địa ngục ở đâu?

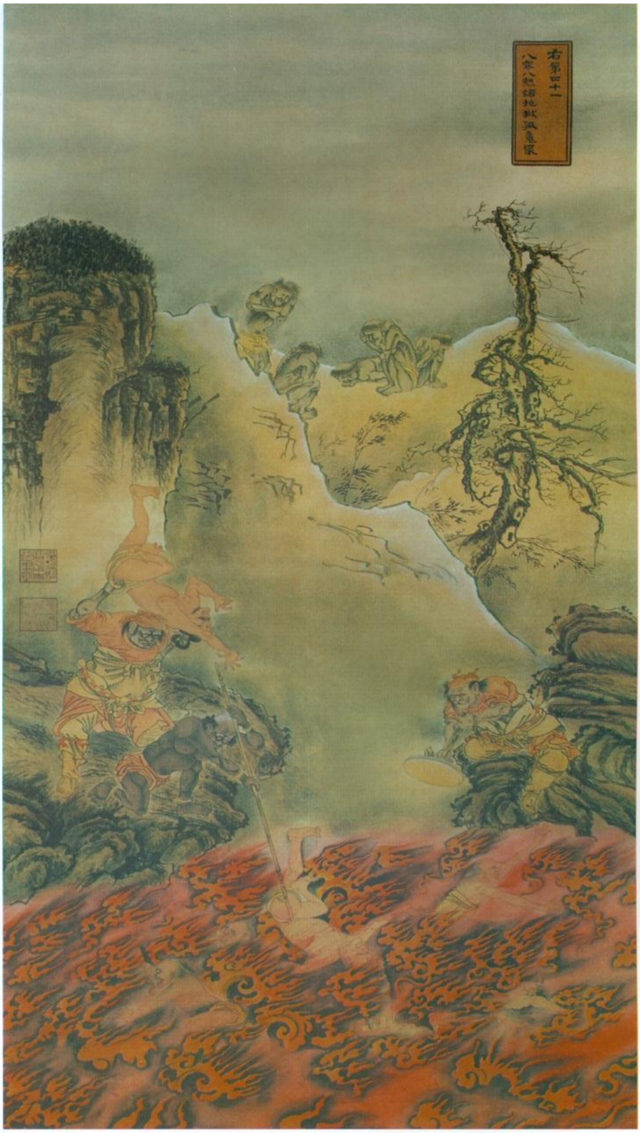
Xác nhận rằng có địa ngục.

Vô Độc đáp: Trong ba biển này toàn là địa ngục, số đến trăm ngàn, mỗi mỗi khác biệt. Đại địa ngục có mười tám chỗ. Kế đó thì có năm trăm, khổ độc vô lượng. Kế đó nữa thì có ngàn trăm, cũng vô lượng khổ.

Quỉ vương bảo thánh nữ: đại địa ngục nằm trong ba biển.

ba biển: tượng trưng số lớn (không chắc chắn là chỉ hoàn toàn nước thôi). Tội nghiệp của chúng sinh tạo ra bao la như đại dương.

大者。具有十八。有二釋一準問地獄經•云十八王者•即主領十八地獄是•一迦延典泥犁•乃至十八觀身典洋銅•則獄名典主•局定十八之數•若觀佛三昧海經•云阿鼻地獄•各有十八小地獄•小地獄中•各有十八••寒冰地獄•黑暗小熱乃至飲銅•各有十八••如是阿鼻大地獄中 • 有此十八地獄•一一地獄中•各有十八隔•(統紀是鬲•郎的切•鼎屬)始從寒冰•乃至飲銅•總三百四十二隔地獄•今謂彼經以阿鼻為最大•故以各有十八為小•今云大者有十八•或不對阿毗•故各名大••例如世間諸王•不對天子•各稱大王•若對至尊•則稱小王矣•



右序第四十一 八寒八热诸地狱孤魂众

Tù nhân tại tám nhiệt và hàn địa ngục

Có ba loại địa ngục: 1) nhiệt 熱 2) hàn 寒 3) biên 邊. Nhiệt địa ngục gồm có tám, chồng chất trên nhau ngay dưới nam châu. Chúng sinh đến đó để chịu quả nhiệt khổ não 熱苦惱. Hàn địa ngục cũng có tám, ở đáy của Thiết Vi Sơn 鐵圍山. Ở đấy, chúng sinh chịu đựng khổ sở băng giá. Biên địa ngục gồm có ba: Chúng sinh chịu quả khổ không phải lạnh và nóng: giữa các núi 山間, giữa nước 水間, hoặc nơi thôn dã 廣野.

Địa ngục Bào Lạc (Nướng Cháy) là một trong 18 đại địa ngục. Mỗi địa ngục có 18 khu vực.

mười tám đại địa ngục và **năm trăm** v.v... dựa trên địa điểm cố định. 18 địa ngục là nơi chốn mà 18 vị vua cai quản. Quán Phật Tam Muội Kinh 觀佛三昧海經 cũng nói rằng địa ngục A Tỳ 阿鼻 có 18 tiểu địa ngục, mỗi tiểu địa ngục lại có 18 địa ngục phụ. A Tỳ có 18 địa ngục, mỗi địa ngục có 18 phân cách 隔.

Ba biển v.v... có liệt ra tám nhiệt và hàn địa ngục. Mỗi địa ngục đại khái có 136 địa ngục phụ, hoặc cả trăm ngàn.

khổ độc vô lượng 苦毒無量: Chuẩn Nê Lê Kinh 準泥犁經 nói: đức Phật dạy: nếu muốn biết loại khổ cực kỳ khó chịu đựng, thì nên quan sát địa ngục. Ở đó, khổ não ghê gớm không thể tưởng tượng được. Ví dụ, Thế Nghịch tặc 世逆賊 bị quan chính phủ bắt. Hắn ta bị quất 300 roi rồi đem đến

trình vua. Vết thương ung thối khiến hắn ta rất đau đớn. Một vị tỳ kheo thưa đức Phật rằng một chỗ lở lói trên thân khiến mỗi cử động rất đau đớn, huống gì là 300 vết thương! Đức Phật đáp: khổ não trong địa ngục ức ức vạn bội phần 億億萬倍. Lại thêm bị quỉ sứ lại tra tấn, tạo thêm đau đớn. Khổ sở ở cõi địa ngục thật là vô tận.

Có vô số địa ngục. Mỗi địa ngục tương ứng với một ác nghiệp của chúng sinh. Địa ngục được tạo ra trong khoảnh khắc để chúng ta chịu quả khổ.

Ví dụ, trong địa ngục Bào Lạc 炮烙 có một cột đồng to lớn cháy rực. Những người phạm tội tà dâm đọa vào địa ngục này và tưởng lầm cột trụ đồng là mỹ nhân. Họ lập tức chạy đến ôm chặt và bị đốt cháy khét lẹt chết. Rồi một "xảo phong 巧風" tự nhiên thổi mà cứu tỉnh tù nhân. Sống lại, tù nhân không nhớ gì cả mà lại chạy đến ôm trụ đồng. Cứ như vậy mà tự tra tấn.

Thánh Nữ lại hỏi Đại Quỉ Vương: Mẹ tôi mới mất, không biết thần hồn đến chỗ nào?

Quỉ vương hỏi Thánh nữ: Mẹ Bồ Tát khi sống quen làm hạnh nghiệp gì?

Nếu muốn biết kiếp sau sẽ về đâu thì xem xét thói quen kiếp này. Nếu thường theo đuổi tam độc thì chắc chắn sẽ đọa vào ác đồ.

thần hồn 魂神: chỉ đệ bát thức. Nó gồm có hai phần:

1. 魂: hồn thuộc dương.
2. 魄: phách thuộc âm.

氣也者。神之盛。魂也者。鬼之盛。道經云。魂者。氣之神。魄者。精之神。。陽神曰魂。陰神曰魄。五教指第八識。法經云。是身為死物。精神無形法。自作受苦樂。身死神不喪。識神造三界。善不善三處。陰行而默至。所往如響應。。故知必隨業而趣矣。

Quỉ vương tôn xưng nữ Bà La Môn là Bồ Tát vì lòng đại hiếu thảo của cô ta.

Thánh Nữ nói: Mẹ tôi có tà kiến, phỉ báng Tam Bảo, nếu có tạm tin rồi chuyển bất kính, chết mới mấy ngày mà không biết sinh đến chỗ nào?

Vô Độc hỏi: Mẹ Bồ Tát tên họ là gì?

Thánh Nữ nói: Cha mẹ tôi thuộc dòng Bà la môn, cha là Thi La, mẹ là Duyệt Đế Lợi.

tà kiến: là một trong ngũ lợi sử. Ngũ lợi sử là:

a) Thân kiến 身見: khiến chúng ta quá lo lắng cho thân thể (sợ bị lỗ lả).
b) Biên kiến 邊見: tin vào thường hoặc diệt.
c) Tà kiến 邪見: không tin nhân quả.

d) Kiến thủ kiến 見取見: không phải là quả mả lại coi là quả (như trường hợp của Vô Văn tỳ kheo).
e) Giới thủ kiến 戒取見: như giữ giới chó vì tin rằng hành động chó trồng nhân sinh lên cõi trời.

Thành Luận 成論 nói: tốt hơn là ngừng lại và không làm, thay vì đi theo tà đạo. Lúc cuối cuộc đời, chắc chắn quí vị sẽ đọa ác đồ. Nếu tâm không kiên cố, tính tình bất định, vì trong một giây lát tin sai lầm, thì có thể hành động tà ác và phỉ báng.

Phỉ báng Tam Bảo có thể đọa địa ngục! Không nên bên trong thì chứa chấp tà kiến và bên ngoài thì khinh khi, nhạo báng.

Một số người trì giới thân và khẩu nhưng tâm thì nuôi dưỡng tà kiến. Họ có thể tu hanh rất tinh tấn nhưng tâm lại thường trồng nhân khổ với các tà kiến. Như vậy thì chẳng thà không trì giới nhưng không có tà kiến thì tốt hơn.

Ấn Độ có bốn giai cấp xã hội:

1. Bà la môn: tịnh hạnh 淨行
2. Sát đế lợi 剎帝利: vương tộc 王種
3. Phệ xa 吠奢: thương gia 商賈
4. Tuất đà la 戍陀羅: thấp nhất: đồ tể v.v...

Giai cấp thượng lưu không giao du với giai cấp hạ lưu.

Bàn về giòng dõi, ở Ấn Độ, Bà la môn được coi là con cháu của trời nên được xếp vào hàng cao quí nhất. Tăng đoàn Phật giáo thì lấy bố thí làm trọng. Vì tăng già tu bố thí và hành

thiện nên được tôn trọng. Theo quan điểm Phật giáo, không cần biết giai cấp dòng họ, mỗi cá nhân được tôn trọng vì sống hữu ích và có tâm giúp đời.

Thi La: 尸羅善 (thiện; bổn tính vốn tốt, chuộng thiện hạnh và không lười biếng) 現 (hiện): tên của cha cô ta nghĩa là "thiện kiến mát mẻ".

Duyệt Đế Lợi 悅帝利: là tên của mẹ cô ta. Có thể giảng nghĩa như sau. Duyệt nghĩa là được thích; Đế nghĩa là hoàng đế. Có thể là được hoàng đế thích vì rất đẹp.

Chế độ giai cấp ở Ấn độ thiếu uyển chuyển, không chấp nhận sự thay đổi. Phật giáo chủ trương quan trọng ở chủng tử, hành động mà ta gieo trồng. Tuy sinh trong một gia đình tầm thường nhưng nếu luôn luôn hành thiện thì vẫn được tôn qúy. Do đó quan niệm này có tính cách uyển chuyển, linh động và thực tiễn hơn. Nếu muốn được tôn quí thì chỉ cần hành thiện.

西天外道•專執婆羅門種•第一最尊••如梵志頞婆羅延問種尊經云•本初起地上人時•皆是我曹婆羅門種•我曹最尊•初從口中出•世人從下去•我種•是第七梵天孫•佛反言天下一種•持我曹種•與剎利•田家•工師種等•我曹死•皆生梵天••佛反持我曹與凡人等•佛言•我經中以施行為本•施行善者•最為大種•其天下尊貴者•皆施行善得•不以種得也•

Lời Kinh:

Chúa quỉ chắp tay cung kính thưa: Xin thánh nữ trở về, khỏi cần lo buồn thương nhớ. Nữ tội nhân Duyệt Đế Lợi đã sinh thiên cách nay ba ngày, được biết rằng nhờ hiếu nữ lập cúng dường và tu phước, bố thí chùa tháp đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Ngày đó không phải một mình mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục, mà tội nhân vô gián ngục cũng đắc lạc, cũng cùng sinh thiên. Nói xong, quỉ vương chắp tay thi lễ và cáo lui.

Lời giảng:

Chúa quỉ chắp tay cung kính thưa: Xin thánh nữ trở về, khỏi cần lo buồn thương nhớ. Nữ tội nhân Duyệt Đế Lợi đã sinh thiên cách nay ba ngày, được biết rằng nhờ hiếu nữ lập cúng dường và tu phước, bố thí chùa tháp đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Ngày đó không phải một mình mẹ của Bồ Tát được thoát địa ngục, mà tội nhân vô gián ngục cũng đắc lạc, cũng cùng sinh thiên. Nói xong, quỉ vương chắp tay thi lễ và cáo lui.

Lời kinh rõ ràng.

chắp tay 合掌: trong tinh thần chúc mừng.

Hành động tạo đại công đức của nữ Bà la môn không những lợi ích cho mẹ mình mà còn giúp những người đang đọa địa ngục vô gián đều được thăng thiên!

Lời Kinh:

Nữ Bà la môn như chiêm bao chợt tỉnh, biết rõ sự việc rồi, liền đến trước hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trong tháp mà lập hoằng thệ nguyện: "Nguyện tận vị lai kiếp, nếu có chúng sinh mắc phải nghiệp khổ con sẽ rộng tạo các phương tiện giúp họ được giải thoát".

Lời giảng:

Nữ Bà la môn như chiêm bao chợt tỉnh, biết rõ sự việc rồi, liền đến trước hình tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai trong tháp mà lập hoằng thệ nguyện: "Nguyện tận vị lai kiếp, nếu có chúng sinh mắc phải nghiệp khổ con sẽ rộng tạo các phương tiện giúp họ được giải thoát".

Cô ta **như chiêm bao chợt tỉnh** (vì địa ngục không phải nơi của cô), sau khi **biết rõ sự việc rồi** (nhờ Phật trợ lực nên biết là sự thật chứ không phải giấc mơ). Cho nên nữ nhân mới **lập hoằng thệ nguyện** vô tận. Đây là lần đầu tiên Bồ Tát phát đại nguyện. Đây là đại nguyện hiếu thảo.

Báo hiếu là khéo biết phụng dưỡng cha mẹ. Đây là đệ nhất hạnh. Phục vụ cha mẹ với thiện chí, với thành tâm. Cổ nhân nói: hiếu tử cấp dưỡng cha mẹ, thích làm họ vừa lòng 樂豫其心, không đi ngược tâm ý họ 不違其志, làm mắt và tai họ vừa lòng 樂其耳目, khiến bữa ăn giấc mộng họ an lạc 安其寢食. Kinh Phạm Võng nói rằng hiếu thảo là căn bản chí Đạo 至道之本.

Phước có thể tiêu trừ nghiệp. Phàm phu tạo nghiệp hữu lậu. Lậu đưa đẩy chúng ta vào sinh tử. Phàm phu lại tạo phước hữu lậu, cũng không ra khỏi vòng sinh tử. Những loại phước hữu lậu này không thể tiêu trừ nghiệp hữu lậu. Chỉ có phước vô lậu mới có thể tiêu trừ được; loại đó không lọt vòng sinh tử. Muốn tạo phước vô lậu thì hướng về Tam Bảo.

Lời Kinh:

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Quỉ vương Vô Độc lúc ấy là Bồ Tát Tài Thủ ngày nay, còn nữ Bà la môn thì chính là Địa Tạng Bồ Tát.

Lời giảng:

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Quỉ vương Vô Độc lúc ấy là Bồ Tát Tài Thủ ngày nay, còn nữ Bà la môn thì chính là Địa Tạng Bồ Tát.

Bồ Tát Tài Thủ 財首 đã đắc được thất bảo:

1. Tín 信 bước đầu,
2. Giới 戒 sinh từ tín,
3. Đa văn 多聞 học hiểu rộng do tính thiện,
4. Xả 捨 hiểu biết thì mới từ bỏ được,
5. Trí huệ 智慧 huệ khai nhờ chịu bỏ,
6. Tàm 慚: hổ thẹn với chính mình,
7. Quí 愧: xấu hổ với người ngoài.

Phật Pháp lấy tín làm căn bản của tất cả thiện pháp, là mẹ của tất cả công đức thất bảo vì nó sinh khởi tất cả 信故持戒 •

善由多聞 • 聞故能捨 • 捨則生慧 • 故信為財首.

Sau khi đức Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn, có vị hoàng tử tên Kim Tràng 金幢. Hoàng tử rất tự mãn và có nhiều tà kiến. Ông không tin Phật Pháp. Có một tỳ kheo tên Định Tự Tại 定自在. Tỳ kheo bảo hoàng tử rằng trong chùa có một tượng Phật rất trang nghiêm, nên vào chiêm ngưỡng. Hoàng tử vào xem và khen tượng quá đẹp; nếu đức Phật còn tại thế chắc tuyệt vời. Tỳ kheo bảo hoàng tử nên đảnh lễ tượng. Hoàng tử chắp tay lại và nói "Nam Mô Phật". Khi hoàng tử trở về cung điện thì không thể quên được Phật. Ông ta mơ thấy Phật nên khi thức dậy, lòng vô cùng sung sướng. Ông từ bỏ các tà kiến và qui y Tam Bảo. Do thiện căn đảnh lễ Phật, hoàng tử gặp 900 vạn ức na do tha Phật. Hoàng tử đắc niệm Phật Tam Muội thâm sâu. Chư Phật hiện tiền và thọ ký cho. Từ đó, hoàng tử trải qua 100 vạn a tăng kỳ kiếp mà không đọa ác thú. Cho đến ngày hôm nay, ông ta đắc Lăng Nghiêm Đại định. Hoàng tử nay chính là Bồ Tát Tài Thủ.

Sau khi chứng kiến sự thống khổ mà mẹ của mình đã chịu đựng tại địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát phát tâm đại từ bi và nguyện xuống địa ngục để cứu mẹ của tất cả chúng sinh. Bồ Tát không phân biệt mẹ mình hoặc mẹ người.

Chúng ta cũng nên noi gương ngài và rộng tâm tu hạnh hiếu thảo.

Phẩm 2: Thân Phân Hóa Qui Tụ Lại

Địa Tạng Bồ Tát phá tan vô minh và chứng Pháp Thân nên có phân thân 分身. Ngài có thể biến hóa một thân thành vô số thân, để đến cúng dường chư Phật bên trên và giáo hóa chúng sinh ở dưới. Pháp Thân như mặt trăng trên khung trời và Hóa thân như các bóng trăng trên nước. Pháp Thân chỉ hiện tiền sau khi vô minh bị phá tan, cũng như trời không bị mây che. Ứng thân chỉ hiển hiện tùy căn cơ 由機示現 cũng như mặt nước phản ảnh hình dáng.

Phân Thân còn được gọi là "phân linh 分靈", "phân tính 分性" hoặc "phân tâm 分心". Bồ Tát có thể tạo cảm ứng ("*do cảm tự thông*, *vô cầu bất ứng* 由感自通, 無求不應 nghĩa là: vì cần cảm ứng nên tự dùng thần thông, nếu không có cầu xin thì không có cảm ứng").

Có câu thơ:

"*Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt* 千潭有水千潭月;
Nghĩa là: ngàn hồ nước, ngàn bóng trăng soi,
Vạn lí vô vân vạn lí thiên 萬里無雲萬里天.
Nghĩa là: Vạn lý trời trong (không mây), tỏa hiện cả khung trời."

Mặt trăng phản ảnh trong tất cả chỗ nào có nước. Mặt trăng

tượng trưng cho "linh" vật đang bàn ở đây. Và cũng tượng trưng cho "tính" hoặc "tưởng". Xin nhớ rằng có rất nhiều phản ảnh của mặt trăng nhưng thể của trăng vẫn là một. Vạn lý không có mây là khung trời hoàn toàn không bị che.

Lời Kinh:

Khi ấy, những phân thân của Địa Tạng Bồ Tát tại trăm ngàn vạn ức, bất khả tư, bất khả nghì, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng a tăng kỳ thế giới có địa ngục, đều đến tụ hội tại Đao Lợi thiên cung. Do thần lực của Như Lai mà từ bốn phương xứ, phân thân này cùng ngàn vạn ức na do tha người đã thoát khỏi nghiệp đạo, đồng cầm hương hoa đến cúng dường Phật. Họ nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa nên đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Giác đã vĩnh viễn không còn thoái chuyển. Những người này, từ nhiều kiếp lâu xa, đã lưu lạc sinh tử trong lục đạo, thọ khổ không một lúc tạm nghỉ. Nay, nhờ từ lòng bi quảng đại và thệ nguyện thâm sâu của Địa Tạng Bồ Tát mà họ đắc chứng đạo quả. Khi đến Đao Lợi, lòng họ vui mừng hớn hở, chiêm ngưỡng Như Lai, mắt không tạm rời.

Lời giảng:

Khi ấy, những phân thân của Địa Tạng Bồ Tát tại trăm ngàn vạn ức, bất khả tư, bất khả nghì, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng a tăng kỳ thế giới có địa ngục, đều đến tụ hội tại Đao Lợi thiên cung.

Số nhân **bất khả tư**, **bất khả lượng**, … Mỗi phân thân từ mỗi thế giới đến: chứng minh rằng thế giới trong vũ trụ nhiều vô số kể.

Địa ngục là nơi rất thống khổ. Cho nên Bồ Tát phân thân đến các địa ngục của vô số thế giới mà cứu chúng sinh. Ngài thường thuyết Pháp trong tam thế. Những kẻ ít chướng ngại, có thể lập tức lìa địa ngục khi nghe Pháp. Những kẻ có nghiệp nặng, mặc dầu họ không hiểu được nhưng vẫn có thể trồng thiện căn trong A lại da thức.

Đương nhiên là ngài rất bận rộn. Nhưng khi thấy hào quang phát từ đỉnh đầu Phật Thích Ca, Bồ Tát biết rằng đây là cơ hội cuối cùng để đến lễ Phật. Cho nên vô số các phân thân của ngài đều tụ hội tại thiên cung. Dầu rất bận rộn tại địa ngục, Bồ Tát không bao giờ bỏ cơ hội thân cận Phật để thỉnh Pháp.

Phân thân của Địa Tạng Bồ Tát: chỉ hiện tiền để đáp ứng nhu cầu chúng sinh. Vô lượng phân thân của ngài trở về trời Đao Lợi từ vô lượng thế giới. Ngài vốn đã gởi mỗi phân thân đến địa ngục của mỗi thế giới để cứu độ chúng sinh.

Do thần lực của Như Lai mà từ bổn phương xứ, phân thân này cùng ngàn vạn ức na do tha người đã thoát khỏi nghiệp đạo, đồng cầm hương hoa đến cúng dường Phật.

Cúng dường: Theo Thập Luận Kinh 準十倫經, có ba loại:

1. Lợi ích 利益: bốn thứ cúng dường (ẩm thực, y phục, phòng xá và y dược).
2. Kính tâm 敬心: bày tỏ lòng cung kính qua hương hoa.
3. Tu hành 修行: thực hành, tâm quen cúng dường khi có cơ hội
    a. Tiếp tục tiến bộ,
    b. Tiếp tục tăng trưởng.

Họ nhờ Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa nên đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, Phật quả, **đã vĩnh viễn không còn thoái chuyển. Những người này, từ nhiều kiếp lâu xa, đã lưu lạc sinh tử trong lục đạo, thọ khổ không một lúc tạm nghỉ. Nay, nhờ từ lòng bi quảng đại và thệ nguyện thâm sâu của Địa Tạng Bồ Tát mà họ đắc chứng đạo quả.**

Rất nhiều chúng sinh đến để chứng minh **lòng bi quảng đại và thệ nguyện thâm sâu của Địa Tạng Bồ Tát**. Bồ Tát lập thệ nguyện vô tận rằng:

““*Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật* 地獄不空，誓不成佛;
Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ Đề 眾生度盡，方證菩提””.

Lưu lạc 流浪: có bốn loại:

1. Kiến lưu 見流: các kiến trong tam giới 三界見.
2. Dục lưu 欲流: các mê hoặc trong Dục Giới; ngoại trừ kiến 除見; và vô minh.
3. Hữu lưu 有流: các hoặc của hai giới trên; ngoại trừ kiến 除見; và vô minh.
4. Vô minh lưu: 無明流: tam giới si 三界癡.

khổ: Theo Đại Luận, chúng sinh có ba loại khổ:

1. Thân khổ 身苦: như già lão, bịnh hoạn, sinh tử.
2. Tâm khổ 心苦: tam độc.

3. Hậu khổ 後苦: địa ngục, súc sinh và ngạ quỉ.

Đạo quả: chỉ Sơ Quả A La Hán và các quả vị khác.

Khi đến Đao Lợi, lòng họ vui mừng hớn hở, chiêm ngưỡng Như Lai, mắt không tạm rời.

lòng họ vui mừng hớn hở, chiêm ngưỡng Như Lai, mắt không tạm rời: Thể hiện lòng cực thành tâm của họ, được cảm ứng do sự oai nghi và trang nghiêm của đức Phật.

chiêm ngưỡng 瞻仰: Chúng ta khâm phục 仰 oai đức thâm sâu của đức Phật và nhìn ngắm 瞻 hảo tướng của ngài mà không biết nhàm chán.

Đại Luận nói: đức Phật ngồi trên tòa Sư tử và thể hiện Ứng Thân rất trang nghiêm, sáng ngời, oai đức viên mãn. Do thần thông bất khả tư nghì của ngài: nên tâm chúng sinh kính nể; những kẻ có lòng tin đều sẽ đắc Phật quả.

Lời Kinh:

Lúc ấy, đức Thế Tôn đưa cánh tay vàng xoa đỉnh đầu của trăm ngàn vạn ức, bất khả tư, bất khả nghì, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng a tăng kỳ thế giới phân thân Địa Tạng Bồ Tát mà bảo: Ta đã ở trong đời ác ngũ trược mà giáo hóa chúng sanh cang cường, làm cho tâm họ điều phục, bỏ tà quy chánh. Nhưng trong mười phần có một hai, vẫn còn quen thói ác. Ta cũng phân thân ra cả trăm ngàn vạn ức, rộng lập phương tiện. Kẻ lợi căn thì nghe một lần liền tin thọ. Kẻ thiện nghiệp thì ân cần

khuyến hóa được thành tựu. Kẻ ám độn thì giáo hóa thật lâu mới biết quay về. Còn kẻ nghiệp nặng thì không sinh tâm kính ngưỡng. Những loài chúng sinh như vậy, mỗi mỗi khác nhau, Như lai đều phân thân độ thoát. Hoặc hiện thân nam tử, hoặc hiện thân nữ nhân. Hoặc hiện thân thiên long, hoặc hiện thân quỉ thần. Hoặc hiện núi rừng, dòng nước, đồng bằng, sông ngòi, ao hồ, suối giếng, ích lợi nhân loại, ai cũng được độ thoát. Hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương. Hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân quốc chúa, hoặc hiện thân tể tướng, hoặc hiện thân thuộc quan. Hoặc hiện các thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di. Cho đến các thân Thanh Văn, La Hán, Duyên Giác, Bồ Tát ... cũng hiện ra để hóa độ. Không phải chỉ thân Phật trước chúng thôi đâu .

Lời giảng:

Lúc ấy, đức Thế Tôn đưa cánh tay vàng xoa đỉnh đầu của trăm ngàn vạn ức, bất khả tư, bất khả nghì, bất khả lượng, bất khả thuyết, vô lượng a tăng kỳ thế giới phân thân Địa Tạng Bồ Tát, mà bảo:
Đức Phật dùng thần thông xoa đỉnh đầu của tất cả các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát.

Đại Luận nói: Tay của đức Thế Tôn có chữ vạn, và rất trang nghiêm 縵網莊嚴. Ngài dùng tay xoa đỉnh để an ủi chúng sinh và ban vô úy.

Ta đã trong đời ác ngũ trược mà giáo hóa chúng sanh cang cường, làm cho tâm họ điều phục, bỏ tà quy chánh.

trong đời ác ngũ trược mà giáo hóa chúng sanh cang cường: đa phần chúng sinh của thời Mạt Pháp đều như vậy (cương cường 剛強: không theo lề luật "tại sao phải theo luật?" họ hay hỏi). Ngũ trược là kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược và thọ mạng trược.

Tâm được **điều phục** 調伏 thì hòa hợp hơn, thường thích thọ nhận giáo pháp, không chống đối hoặc nghi ngờ.

Nhưng trong mười có một hai, vẫn quen thói ác. Ta cũng phân thân ra cả trăm ngàn vạn ức, rộng lập phương tiện. Kẻ lợi căn thì nghe một lần liền tin thọ. Kẻ thiện nghiệp thì ân cần khuyến hóa được thành tựu.

Lợi căn 利根: là do trồng từ kiếp trước. Kẻ lợi căn thông minh và có trí huệ. Khi nghe Pháp, họ lập tức chấp nhận. Ví dụ, Xá Lợi Phất, khi gặp Mã Thắng 馬勝 tỳ kheo và nghe câu kệ:

"*Chư pháp tòng duyên sinh* 諸法從緣生、
Nghĩa là: tất cả các pháp đều sinh từ nhân duyên,
Chư pháp tòng duyên diệt 諸法從緣滅、
Nghĩa là: tất cả các pháp đều do nhân duyên mà diệt,
Ngã Phật Thích Ca sư 我佛釋迦師、
Nghĩa là: Thầy tôi Phật Thích Ca,
Thường tác như thị thuyết 常作如是說.
Nghĩa là: luôn luôn giải thích như thế."

Xá Lợi Phất lập tức chứng sơ quả A La Hán khi nghe câu kệ trên. Ông ta chạy về nhà và kể lại cho bạn, Ma ha Mục Kiền Liên cũng lập tức chứng sơ quả khi nghe câu kệ.

Hơn nữa, 黑氏梵志 Hắc Thị Phạm Chí, hay đem hoa đến cúng dường Phật. Đức Thế Tôn bảo: "Xả đi". Ông ta thả cành hoa trên tay trái. Đức Thế Tôn lại bảo: "Xả nó". Ông ta lại thả cành hoa trên tay phải xuống. Đức Thế Tôn lại nói: "Xả đi". Ông ta hỏi: "Hai tay con đã không, còn gì để thả nữa?" Phật nói: "Như Lai nói ông xả bỏ lục trần bên ngoài, lục căn bên trong và lục thức ở giữa". Ông ta tuân lời và lập tức chứng Vô Sinh Pháp Nhẫn.

Lại có một vị ngoại đạo đến hỏi Phật: "Không hỏi, có một câu; Không hỏi, không có câu nào. Xin đức Thế Tôn chỉ giáo cho con!" Đức Phật im lặng. Đợi một lúc thì ngoại đạo chợt hiểu, đảnh lễ và ra đi. A Nan hỏi ngoại đạo đắc được gì. Phật dạy: "Cũng như ngựa khôn, chỉ cần thấy bóng cây roi thì lập tức xoay đúng đường".

Kinh điển dùng bốn loại ngựa để ám chỉ bốn hạng người xuất gia:

1. Những kẻ hưởng ứng chỉ vì nhìn bóng roi: nghe bàn về "sinh" thì tin lời Phật.
2. Cần roi đụng rất nhẹ mới phản ứng: nghe giảng về "sinh, lão" thì tin Phật.
3. Cần roi đụng nhẹ mới phản ứng: nghe giảng về "sinh, lão, bịnh" thì tin Phật.
4. Cần phải dùng roi quất mạnh đau thấu xương mới hưởng ứng: nghe giảng "sinh, lão, bịnh và tử" thì mới tin Phật.

Chư Phật đã đoạn sinh tử. Các ngài thể hiện nhục thân để cho Trời, người có nơi nương tựa và qui y… Không có gì mà các

ngài không thể làm với thần thông. 化為種種禽獸之身•而不受其法•或時身滿虛空•或時身若微塵•或輕如鴻毛•或重若泰山•如是等神通變化力•皆從禪得•

Bắc cu lô châu không có Phật Pháp. Tây ngưu hóa châu và Đông thắng thần châu thì thiếu trí huệ, hay phiền não, và rất khó giáo hóa. Ở Nam thiệm bộ châu, chúng ta tuy thích tạo nghiệp nhưng có thể giáo hóa được: chúng ta có thể được **khuyến hóa** và cứu thoát.

ân cần khuyến hóa được thành tựu: cần phải làm nhiều lần và dùng nhiều phương tiện khác nhau.

Kẻ ám độn thì giáo hóa thật lâu mới biết quay về. Còn kẻ nghiệp nặng thì không sinh tâm kính ngưỡng.

Một số chúng sinh **ám độn thì giáo hóa thật lâu mới biết quay về**. Những kẻ khác thì nghiệp quá nặng nên **không sinh tâm kính ngưỡng**.

Ám độn: chỉ những chúng sinh sinh từ hơi ẩm hoặc trứng. Một nhóm khác là họ nghe Pháp và không thể phát lòng tin. Tất cả đều cũng có cơ hội khai mở trí huệ xuất thế.

Bàn về lợi và độn căn: Thành Xá Vệ có 900.000 người dân 九億. 300.000 kiến diện 眼見 đức Phật, 300.000 nghe danh ngài, 300.000 không thấy hoặc nghe danh ngài. Ngài ở đó đến cả 25 năm!

Những loài chúng sinh như vậy, mỗi mỗi khác nhau, Như lai đều phân thân độ thoát không có một mảy may phân biệt về loài hay sự khó khăn**. Hoặc hiện thân nam tử, hoặc hiện thân nữ nhân. Hoặc hiện thân thiên long, hoặc hiện thân quỉ thần. Hoặc hiện núi rừng, dòng nước, đồng bằng, sông ngòi, ao hồ, suối giếng, ích lợi nhân loại** ngài có thể hiện ra làm chư hữu tình hoặc vô tình. Phật và Bồ Tát dùng đủ các loại ứng thân để giúp chúng sinh, tùy theo sở thích của họ.

Tất cả, dầu hữu tình hay vô tình đều là Pháp Thân của Như Lai.

ai cũng được độ thoát. Hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Vương. Hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân quốc chúa, hoặc hiện thân tể tướng, hoặc hiện thân thuộc quan. Hoặc hiện các thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di. Cho đến các thân Thanh Văn, La Hán, Duyên Giác, Bồ Tát đẳng, cũng hiện ra để hóa độ.

Chuyển Luân Vương: có nhiều bảo bối 寶貝 như phi xa 飛車: xe ngựa bay. Ngựa kéo xe và có thể bay đến Tam Thiên Đại Thiên thế giới 千大千世界 nội trong một tiếng đồng hồ. Ngài cũng có tàng bối 藏寶. Bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, mà cần tiền bạc (hoặc các loại châu báu), ngài chỉ nói số lượng thì mặt đất mở ra và hiển lộ cái đó. Phước báo của ngài ở chỗ mọi thứ trân quí của mặt đất đều thuộc về ngài. Hơn nữa, ngài lại có nữ bối 女寶 để cung phụng cho các mong muốn của ngài. Vua lại có mã bối 馬寶 lẹ như phi

tiến. Tất cả đều tùy tâm như ý 隨心如意. Ngài được miễn cái khổ cầu bất đắc 求不得. Chúng sinh thường lập tức phát tâm Bồ Đề khi gặp ngài.

尼**:** "Ni" nghĩa là nữ 女 • 大論云 • 尼得無量律儀 • 應次比丘.

Ưu bà tắc, ưu bà di 優婆塞。優婆夷 : là người tại gia thân cận tăng già để giúp tuyên truyền Phật Pháp.

Không phải chỉ hiện thân Phật trước chúng thôi đâu.

Trong một sát na, đức Phật có thể thể hiện bất cứ thân gì để cứu độ chúng sinh.

Lời Kinh:

Ngươi quan sát ta đã trải qua lũy kiếp, cần khổ, độ thoát những chúng sanh tội khổ, cang cường và khó dạy. Tựu trung, kẻ nào chưa điều phục thì phải tùy nghiệp thọ báo ứng. Nếu họ đọa ác thú, thọ đại khổ, thì ông hãy nhớ hôm nay, tại Đao Lợi thiên cung, Như Lai đem Ta Bà thế giới chúng sinh trong quãng từ nay đến ngày Di Lặc xuất thế, thiết tha ký thác cho ngươi, làm cho họ đều được giải thoát, vĩnh ly chư khổ, được gặp Phật Đà thọ ký.

Lời giảng:

Ngươi quan sát ta đã trải qua lũy kiếp, cần khổ, độ thoát những chúng sanh tội khổ, cang cường và khó dạy. Tựu

trung, kẻ nào chưa điều phục thì phải tùy nghiệp thọ báo ứng.

Phật Thích Ca Mâu Ni đã chịu đựng những thứ khổ không thể tưởng tượng được qua vô số kiếp để giúp chúng sinh. Bây giờ nhìn đến chúng ta, thì chỉ thích phóng dật và ngủ nhiều hơn!

tùy nghiệp báo ứng 罪苦: Đại Luận 大論 nói có hai loại khổ báo:

1. Thân khổ: thân thể đau đớn.
2. Tâm khổ: tâm rất phiền não khiến cho cái khổ của thân càng nhiều hơn.

Kinh nói rằng người thế gian vô minh một cách sung sướng, về hậu quả của các hành động. Họ không ngờ rằng có cuộc sống khác sau khi họ chết. Theo lời của vài khoa học gia nổi tiếng, có người sống thoi thóp chờ chết, ngồi trên xe lăn, kéo dài cuộc sống đọa đày, cầu sống không được cầu chết không xong mà vẫn không tin về nghiệp, về nhân quả và đời sống kiếp sau. Người có trí huệ chỉ cần nhìn sức khỏe của đương sự thì hiểu cuộc đời của họ nghèo nàn và thiếu sáng suốt như thế nào. Làm thiện thì được phước báu. Làm ác thì quí vị sẽ tự thấy cuộc sống trong ác đạo khổ đến chừng nào. Chờ khi đọa xuống đó mới hối hận thì quá trễ rồi!

Gần đây, có người hỏi tôi giúp một người bạn đang chết dần mòn. Cô ta biên thư như sau trên mạng:
Bác sĩ phát thuốc kháng sinh như kẹo, nhưng quí vị không nghe về những người như tôi – ruột của tôi bị thuốc kháng sinh làm hư. Tôi có Leaky Gut Syndrome nên tôi đang chết

dần mòn do sự kém dinh dưỡng vì cơ thể không thể hấp thụ chất bổ của thức ăn. Ruột tôi xốp đến độ những hạt xuyên qua từ ruột mà đầu độc cơ thể. Hệ thống kháng bịnh của tôi bây giờ thì như vô dụng. Tôi bị liệt giường vì thân thể thường đau đớn và không đủ sinh lực...
Doctors hand out antibiotics like candy, but you don't hear about people like me - my intestines were destroyed by antibiotics. I have Leaky Gut Syndrome and as a result am slowly dying of malnutrition because I can't absorb the nutrients from my food. Also my intestines are porous, so particles from them leak into my system and poison me. My immune system is also heavily affected and basically useless. I'm bedridden because of constant pain and the lack of fuel to function...

Nghe thì thật bất nhẫn. Cô ta vừa đau đớn về thân thể, lại thêm khổ não vì uất hận bị xã hội hại bởi cả một hệ thống mà cô là nạn nhân victimized by the system. Bây giờ thì quá trễ, chỉ còn biết dùng pháp Dược Sư mà giúp đỡ. Nhất là có thể khuyên cô ta chấp nhận hoàn cảnh nhờ hiểu luật nhân quả. Chúng ta cũng đã tạo nghiệp sát sinh trong quá khứ. Chúng ta cũng có thể lãnh những loại quả cực khổ khi các nghiệp ác cũ thành thục. Trong trường hợp này, nên dùng cơ hội tạo phước để đắc thân tốt hơn ở kiếp sau.

Nếu họ đọa ác thú, thọ đại khổ, thì ông hãy nhớ hôm nay, tại Đao Lợi thiên cung, Như Lai đem Ta Bà thế giới chúng sinh trong quãng từ nay đến ngày Di Lặc xuất thế, thiết tha ký thác cho ngươi, làm cho họ đều được giải thoát,

vĩnh ly chư khổ, được gặp Phật Đà thọ ký.

Phần này chứng minh tâm đại từ bi của Phật. Ngài ra lệnh Địa Tạng Bồ Tát cứu độ chúng sinh lâm đại khổ nạn vì đọa ác đồ.

Thọ ký: Phật quả quyết rằng trong tương lai sẽ thành Phật.

Đến ngày Di Lặc xuất thế: Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Diệt, trải qua 56 ức 7.000 vạn năm 五十六億七千萬年 (nên nhớ thọ mạng cõi Đâu suất đà là 4.000 năm) thì Di Lặc Bồ Tát hạ sinh (tiểu kiếp thứ mười). Khi ngài thành Phật thì sẽ khởi niệm: "Những chúng sinh này đã trồng phước với Phật Pháp. Phật Thích Ca dẫn họ đến ta. Ta nên nhận họ. Thiện lai! Phật Thích Ca có thể dạy các chúng sinh này và dẫn họ đến tôi!" Ngài khen Phật Thích Ca như thế ba lần. Rồi ngài thuyết Tứ Diệu Đế. Những ai nghe được thì đắc Đạo. Lần chuyển Pháp Luân đầu tiên, 96 ức 九十六億 người đắc A La Hán quả. Lần chuyển Pháp Luân thứ hai, 94 ức 九十四億 người đắc quả. Lần chuyển Pháp Luân thứ ba, 92 ức 九十二億 người đắc; 96 ức người thọ ngũ giới, 94 ức người quiy Tam Bảo, 92 ức người niệm "Nam Mô Phật" một lần. Ngài sẽ dạy một ngày một đêm thì sẽ xong việc (một ngày một đêm của thời này không ngắn ngủi như ngày đêm hiện tại của chúng ta).

Lời Kinh:

Khi ấy,các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát ở các thế giới đều hợp lại làm một, cảm kích rơi lệ mà thưa với đức

Phật: Từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, con nhờ đức Thế Tôn tiếp dẫn, mà được bất khả tư nghì thần lực và đầy đủ đại trí huệ. Thân phân của con khắp các bách thiên vạn ức hằng hà sa thế giới, mỗi thế giới lại hóa trăm ngàn vạn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, làm cho họ qui kính Tam Bảo, vĩnh rời sinh tử, đạt Niết Bàn lạc. Trong Phật Pháp, dầu họ làm được điều lành, chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hay chỉ bằng một chút lông tóc đi nữa, con cũng dần dần độ thoát, làm cho họ được ích lợi lớn lao.

Kính xin đức Thế Tôn đừng vì chúng sanh ác nghiệp đời sau mà lo nghĩ . Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng đức Phật ba lần như thế.

Lúc đó, Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát: Lành thay! Lành thay! Như Lai sẽ hổ trợ cho điều ông muốn làm. Ông có thể hoàn thành đại hoằng thệ nguyện đã phát ra từ nhiều kiếp lâu xa, quảng độ hoàn tất, tức chứng Bồ Đề.

Lời giảng:

Khi ấy,các phân thân của Địa Tạng Bồ Tát ở các thế giới đều hợp lại làm một, cảm kích rơi lệ mà thưa với đức Phật,

Trở về hợp thành **hợp lại làm một** nghĩa là trở về nguồn gốc. Thật ra, Bồ Tát không có thân thể vì không có ngã tướng. Chúng ta cũng có thể như thế nếu phát tâm tu hạnh của ngài!

Địa Tạng Bồ Tát **cảm kích rơi lệ** vì bốn lý do:

1. Chúng sinh trong lục đạo thường tạo nghiệp nhưng

không chịu thay đổi. Cho nên chúng ta phải chịu quả khổ nhưng lại không biết hổ thẹn.
2. Chúng sinh cương cường và khó dạy. Dạy Pháp cho họ thì họ dễ nhàm chán. Nói chuyện phiếm thì họ thích chú ý.
3. Phật Thích Ca sắp nhập Niết Bàn nên Bồ Tát lo buồn.
4. Phật dạy Bồ Tát phải làm việc cho đến khi Di Lặc Bồ Tát xuất thế. Công việc không phải là dễ.

Từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, con nhờ đức Thế Tôn tiếp dẫn, mà được bất khả tư nghì thần lực và đầy đủ đại trí huệ.
Chư Phật cần dạy Bồ Tát qua nhiều kiếp.

Thân phân của con khắp các bách thiên vạn ức hằng hà sa thế giới.
Đại Bồ Tát thật là bận rộn!

mỗi thế giới lại hóa trăm ngàn vạn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, làm cho họ qui kính Tam Bảo, vĩnh rời sinh tử, đạt Niết Bàn lạc.
Qui kính Tam Bảo: qui y gọi là "xả tà qui chánh 捨邪歸正: Từ bỏ tâm hạnh ác độc hoặc bất lương để trở về đường ngay nẽo chánh; khí ám đầu minh 棄暗投明: bỏ tối về sáng".

Niết Bàn: có bốn đức tính: thường, lạc, chân ngã và tịnh.

Trong Phật Pháp, dầu họ làm được điều lành, chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước, một hạt cát, một hạt bụi, hay chỉ bằng một chút lông tóc đi nữa, con cũng dần dần độ

thoát, làm cho họ được ích lợi lớn lao.

Dầu chúng chỉ tạo một ít thiện: 善之劣

- **Một sợi lông** 一毛: tượng trưng thiện hạnh rất nhẹ 甚輕 of good deed.
- **Một giọt nước** 一渧: tượng trưng cực ít 極少.
- **Một hạt cát** 一沙: nghĩa là rất vi tế 甚微.
- **Một trần** 一塵: đại biểu cực nhỏ 極小, một phần bảy của hạt mà mắt có thấy được, gần như không có (Kinh Lăng Nghiêm).
- **Một chút lông tóc** 毫髮許:một sợi lông rất mịn (như lông măng).

Ích lợi lớn lao: chỉ Phật quả.

Đại Sĩ vận dụng đủ mọi phương tiện giúp chúng ta đạt Bồ Đề nhưng chúng sinh lại không tin tưởng ngài. Khổng Tử gọi đó là muốn ngừng mà không thể làm được: "*Thệ giả như kì hồ, bất xả chu giạ, tức tá thủy kí thán*! 孔子在川上曰。逝者如斯乎。不捨晝夜。即借水寄嘆 nghĩa là: Cứ xuôi theo dòng mà chảy theo (không có chút tự chủ)".

Kính xin đức Thế Tôn đừng vì chúng sanh ác nghiệp đời sau mà lo nghĩ . Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng đức Phật ba lần như thế.

Địa Tạng Bồ Tát bạch cùng đức Phật ba lần như thế: để nhấn mạnh tầm quan trọng của lời nói.

Lúc đó, Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát: Lành thay! Ông có tốt ý**, Lành thay!** Tôi tán thán tâm nguyện của ông**, Như Lai sẽ hổ trợ cho điều ông muốn làm. Ông có thể hoàn thành đại hoằng thệ nguyện đã phát ra từ nhiều kiếp lâu xa, quảng độ hoàn tất, tức chứng Bồ Đề**. Như Lai không yêu cầu ông giúp đỡ trừ khi đã sẵn sàng xăn tay áo đồng sự với ông.

Quí vị thấy Phật Thích Ca từ bi không? Trước khi ra đi ngài sai Địa Tạng Bồ Tát gia công làm việc thêm đến khi Di Lặc Bồ Tát đến.

Địa Tạng Bồ Tát không thành Phật sau khi **hoàn thành đại hoằng thệ nguyện đã phát ra từ nhiều kiếp lâu xa**? Không có đâu, đại sĩ đã thành Phật rồi và ẩn đại hiển tiểu để giúp chúng ta mà thôi.

Những ai muốn thành Phật mau chóng thì đừng quá quan tâm về câu **quảng độ hoàn tất, tức chứng Bồ Đề**: "tất" nghĩa là xong, thật sự có nghĩa là khi tâm thật sự vô tận như vô tận số chúng sinh mà quí vị hứa sẽ giúp đỡ, thì lúc đó quí vị sẽ tức tốc thành Phật.

Phẩm 3: Quán Sát Nghiệp Duyên Chúng Sinh

Hai phẩm trước mô tả năng hóa chi chủ 能化之主: người chủ nhân có thể hóa độ (Địa Tạng Bồ Tát). Phẩm này nói rõ sở hóa chi cơ 所化之機: những căn cơ được hóa độ (chúng sinh).

Chúng sinh 衆生 nghĩa là "nhiều sinh". Họ chấp trước vào ngũ uẩn (眾陰: sắc, thọ, tưởng, hành và thức) cho nên đắc thân xác này. Họ sinh vào các loại cảnh giới vì kết quả của nghiệp quá khứ 隨境而生. Nhân, dù chỉ tạo một lần, cũng có thể sinh ra quả báo. Duyên có công dụng trợ giúp nhân thành quả 造業的因緣.

Lời Kinh:

Bấy giờ thân mẫu của Phật là Ma Gia phu nhân, cung kính chắp tay hỏi Địa Tạng Bồ Tát : Bạch thánh giả, người Diêm Phù tạo nghiệp khác nhau, vậy thọ báo ứng như thế nào?

Địa Tạng đáp: Ngàn vạn thế giới cho đến các quốc độ, nơi có địa ngục nơi không, nơi có nữ nhân nơi không, nơi có Phật Pháp nơi không, cho đến Thanh Văn Duyên Giác cũng vậy, nơi có nơi không, không phải chỉ có mỗi một loại nghiệp báo địa ngục.

Lời giảng:

Bấy giờ thân mẫu của Phật là Ma Gia phu nhân, cung kính chắp tay hỏi Địa Tạng Bồ Tát : Bạch thánh giả, người Diêm Phù tạo nghiệp khác nhau, vậy thọ báo ứng như thế nào?

Ma Gia phu nhân: Sau khi giảng Pháp 49 năm tại hơn 300 đại hội, đức Phật sắp nhập Niết Bàn. Ngài biết cần thuyết Pháp cho mẹ mình nghe để cứu độ bà ta. Cho nên ngài đến trời Đao Lợi để nói pháp. Phu nhân là mẹ của ngàn vị Phật xuất thế trong thời kỳ Hiền Kiếp. Ma da nghĩa là Đại Thuật 大術 hoặc Đại Huyễn 大幻.

Thánh giả: nghĩa là vô sự bất thông 無事不通: không có gì mà không thông đạt được.

Khổng Tử nói với Lỗ Vương: "Thánh nhân biết và thông đạt cảm ứng vô hạn chế. Người biết nhận thức các tình cảm và thói quen của chúng sinh có thể ứng hiện với vô lượng cách, cho nên mới gọi là thánh nhân. Khi trình bày điều hay lẽ thật thì chúng sinh nghi ngờ, vì vậy họ phải chuyển theo bổn nghiệp. Nghiệp có thượng, trung, hạ, khác biệt nhau.

Trong Chiêm Sát Kinh, Địa Tạng Bồ Tát nói: 'quan sát tướng của tam thế quả báo thiện ác thì có cả thảy 189 loại. Mỗi người nên tự kiểm điểm lấy.'"

孔子 對魯哀公云•所謂聖者•知通大道應變不窮•測物之情性者也•今地藏以不思議方便

•應變無方•故稱聖者•閻浮衆生下•正申疑詞•一切衆生•隨自業轉•有上中下•差別不同••占察經•地藏菩薩云•所觀三世果報善惡之相•有一百八十九種•須者自檢

Địa Tạng đáp: Ngàn vạn thế giới cho đến các quốc độ, nơi có địa ngục nơi không, nơi có nữ nhân nơi không, nơi có Phật Pháp nơi không, cho đến Thanh Văn giác ngộ nhờ nghe Phật thuyết Pháp**, Duyên Giác** giác ngộ vì quán 12 nhân duyên**, cũng vậy, nơi có nơi không, không phải chỉ có mỗi một loại nghiệp báo địa ngục.**

Tây Phương Cực Lạc không có địa ngục và chỉ có đàn ông mà thôi. Cõi Ta Bà chúng ta có địa ngục, đàn ông và đàn bà. Dược Sư Phật Lưu Ly Quang Tịnh Độ có phụ nữ nhưng không có tà kiến dục vọng.

智論云•菩薩觀欲•種種不淨•於諸衰中•女衰最重••火刀•雷電•霹靂•怨家•毒蛇之屬•猶可暫近••女人慳妒•瞋諂妖穢•鬪諍貪嫉•不可親近故也

Không có **Phật Pháp**: chỗ này không có ai giảng Pháp, không có hình tượng Phật, không có kinh điển hoặc tăng ni. Nếu có Phật tại thế thì chúng sinh có thể đắc giải thoát khỏi Tam Giới và địa ngục. Chúng sinh biết phân biệt nghiệp và phước, qui y Tam Bảo, thọ ngũ giới, bát giới, xuất gia v.v..., đủ các loại thiện pháp. Không có Phật pháp là một trong tám nạn. Không có Phật từ bi cứu độ thì trời người còn không

biết tu thiện pháp nói chi đến sự liễu thoát luân hồi . Không phải mọi thế giới đều có Phật Pháp.

Lời Kinh:

Hoàng hậu Ma Gia lại bạch Bồ Tát: Xin được nghe về những ác đạo do nghiệp báo của người Diêm Phù chiêu cảm ra.

Địa Tạng đáp: Phật mẫu, mong ngài nghe và tiếp nhận, tôi sẽ đại lược mà nói.

Phật mẫu thưa: Khẩn xin Thánh giả nói cho.

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật mẫu: Trong cõi Nam Diêm Phù này, nghiệp báo gây ra có những danh xưng như sau: Chúng sinh nào bất hiếu, đến nỗi sát hại cha mẹ, thì đọa vô gián địa ngục; hoặc có chúng sinh làm chảy máu thân Phật, hủy báng Tam Bảo, bất tôn kính kinh, cũng đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.

Lời giảng:

Hoàng hậu Ma Gia lại bạch Bồ Tát: Xin được nghe về những ác đạo do nghiệp báo của người Diêm Phù chiêu cảm ra. Vâng, phu nhân rất muốn nghe về các quả báo.

Địa Tạng đáp: Phật mẫu, mong ngài nghe và tiếp nhận, tôi sẽ đại lược mà nói.

Phật mẫu thưa: Khẩn xin Thánh giả nói cho. Xin quí vị

chú ý sự lễ phép của Phật mẫu đối với Bồ Tát. Khi thỉnh pháp, tâm phải cực kỳ cung kính.

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật mẫu: Trong cõi Nam Diêm Phù này, nghiệp báo gây ra có những danh xưng như sau: Chúng sinh nào bất hiếu, đến nỗi sát hại cha mẹ, thì đọa vô gián địa ngục; hoặc có chúng sinh làm chảy máu thân Phật, hủy báng Tam Bảo, bất tôn kính kinh, cũng đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.

Trước tiên Đại sĩ nêu ra **hiếu** thảo. Báo hiếu tối quan trọng cho chúng sinh. Đó là nền tảng của nhân loại. Ân Trọng Kinh 恩重經 nói:

"*Phụ hề sinh ngã* 父兮生我*,*
Nghĩa là: cha cho tôi sinh mạng,
mẫu hề dưỡng ngã 母兮育我*,*
Nghĩa là: mẹ nuôi nấng tôi,
hạo thiên võng cực 昊天罔極*,*
Nghĩa là: ân tình bao la như võng trời,
toát phát nan báo 撮髮難報
Nghĩa là: bứt hết tóc cũng khó mà báo đền".

Trả hiếu là tùy thuận tâm của cha mẹ 順他的心 (không phải chìu những chuyện vô lý). Thuận tức là không đi ngược lại tâm họ (不逆他的心):

"*Dương hữu quỳ nhũ chi ân* 羊有跪乳之恩*,*
Nghĩa là: Cừu biết ơn quỳ uống sữa mẹ,
Nha hữu phản bộ chi nghĩa 鴉有反哺之義

Nghĩa là: Quạ còn biết nghĩa mớm thức ăn".

Con cừu quỳ xuống để tỏ lòng biết ơn sữa mẹ. Chim quạ được coi là chim có hiếu bên Trung Quốc vì chim trẻ biết trở về tổ nuôi dưỡng cha mẹ khi họ không thể bay nữa. Nếu con người mà không biết hiếu thì còn thua chim và thú.

Trung Hoa có chuyện Quách Cự chôn con 郭巨埋兒. Gia đình rất nghèo. Vợ ông sinh được một đứa con trai. Mẹ già rất cưng cháu. Vì sợ cháu không đủ ăn sẽ không lớn được nên bà cụ thường lấy phần ăn của mình nhường cho cháu. Quách Cự rất khổ tâm vì cảm thấy không đủ khả năng lo cho mẹ già nhưng không biết phải làm sao bây giờ. Cho nên ông thường đợi con trai ra ngoài sân chơi mới đem cơm cho mẹ ăn. Một hôm, cậu con trai sẩy chân rơi xuống sông chết đuối. Vợ Quách Cự cực kỳ đau khổ, khóc lóc thảm thiết. Quách Cự bảo vợ: "Em không nên kinh động mẹ. Mẹ già cả và không còn sống được bao lâu nữa. Nhưng chúng ta còn trẻ và còn có thể đẻ con trong tương lai. Chúng ta nên đem nó đi chôn." Bà vợ không dám trái ý chồng. Hai người mang xác con trai yêu quí ra rừng để chôn. Họ đào hố sâu khoảng ba thước thì bỗng nhiên sét đánh cứu sống lại người con trai và thấy một rương vàng ở trên nắp có viết: "Trời ban cho hiếu tử Quách Cự. Quan không được chiếm đoạt. Dân không được lấy."

Con người cần phải có Ngũ Đức: nhân 仁, nghĩa 義, lễ 禮, trí 智, và tín 信. Nếu chúng ta có thể hành theo ngũ đức thì trên không thẹn với trời, dưới không hổ cùng loài chim thú. Hiếu thảo tối quan trọng!

Hiếu thảo tột cao là xuất gia:
"*Nhất tử nhập Phật môn* 一子入佛門,
Nghĩa là: một con vào cửa Phật,
Cữu tộc sinh thiên 九族生天
Nghĩa là: Cửu huyền thất tổ được sinh cõi trời".

Nan Báo Kinh 難報經 nói: Nếu cõng mẹ trên vai trái, cha trên vai phải, cả ngàn năm; cũng chưa đủ để báo ơn của họ.

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: có bốn thứ ân tình khó trả:

1. Mẹ
2. Cha
3. Đức Thế Tôn
4. Thuyết Pháp Sư 說法師.

Nếu có thể cúng dường cho bốn hạng người này, thì sẽ đắc vô biên phước báu, sẽ được người tán thán kiếp này và đắc giác ngộ trong tương lai. Nếu kiếp này không có lòng hiếu thuận cũng không biết trả ơn cha mẹ thì không tròn bổn phận làm con. Còn thật tệ hại hơn nhiều nếu phạm tội ngũ nghịch 五逆.

Kinh nói rằng bất hiếu là tội nặng nhất. Người đó sẽ đọa vào địa ngục vô gián để chịu khổ cả ngàn vạn ức kiếp mà không có hy vọng giải thoát.

Lời Kinh:

Nếu có chúng sinh nào làm chảy máu thân Phật, phỉ báng

Tam Bảo, bất kính tôn kinh: sẽ đọa Vô Gián ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà khó mong thoát khỏi.

Lời giảng:

Nếu có chúng sinh nào làm chảy máu thân Phật, phỉ báng Tam Bảo, bất kính tôn kinh: sẽ đọa Vô Gián ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà khó mong thoát khỏi.

Làm **chảy máu thân Phật**, sau khi Phật nhập Niết Bàn là hủy phá hình tượng. Loại tội này không thể sám hối được 不通懺悔. Khai duyên 開緣 là trừ phi say rượu hoặc bị điên.

Một hôm Phật đi dạo dưới núi Linh Thứu, Đề Bà Đạt Đa 提婆達多, người em họ 堂弟, dùng thần thông để tạo núi lở, làm đá rơi để giết Phật 山厭佛. Kim Cang lực sĩ 金剛力士 (hộ pháp này giữ núi) tên là Bì La 埤羅 dùng Kim Cang bảo chùy 金剛寶杵 đánh nát một tảng đá to sắp đè Phật. Một mảnh đá chạm ngón chân út của Phật và làm chảy chút máu. Ngay lúc đó, mặt đất hở ra, xuất hiện một xe ngựa lửa kéo Đề Bà Đạt Đa xuống địa ngục. Đốt kinh và hình tượng Phật cũng tương đương tội làm chảy máu thân Phật.

Tội **phỉ báng Tam Bảo** là nói xấu Tam Bảo hoặc bàn về khuyết điểm của người xuất gia hoặc tội của tứ chúng. Làm như thế có thể đóng Pháp Nhãn của người khác. Quả báo là:

1. Sẽ bị tật nguyền, co quắp, không tay chân.
2. Có thể câm ngọng, điếc
3. Phải chịu đựng các loại độc khổ.

4. Gặp những sự đau đớn và khổ não rất khó nhẫn.

Phàm phu không thể nào hiểu được cảnh giới của thánh nhân.

Có hai câu chuyện.

Thời Lương Võ đế 梁武帝, có thiền sư tên là Trí Công 智公. Mỗi ngày, thầy ăn hai chim bồ câu 鴿子. Đầu bếp của thầy, vì thèm ăn nên đánh cắp một cánh. Thiền sư lập tức gọi đầu bếp vào và quở trách ông ta đã đánh cắp thức ăn. Đầu bếp chối dài và đòi bằng cớ. Thiền sư nói: "Ông chối tội à! Muốn bằng chứng hả? Đây, tôi chứng minh là ông đã ăn cắp một cánh". Nói xong, ngài khạc nhổ ra hai con chim bồ câu còn sống. Nhưng có một bồ câu chỉ còn một cánh. Bấy giờ đầu bếp liền thú tội và sám hối.

Tiếp theo đây là câu chuyện thứ hai

Tại Linh Ẩn 靈隱 tự ở Tây Hồ 西湖 vùng Hàng châu 杭州 có thiền sư Tế Công 濟公. Thầy nổi tiếng thích ăn thịt cầy và uống rượu. Sư luôn luôn say sưa. Nhưng thật ra, đó là lúc thầy giáo hóa chúng sinh (mật hạnh). Một hôm chùa cần thếp y vàng cho tượng Phật. Sư say lãnh phần công tác này. Phương trượng đồng ý. Cả chùa chờ đợi một thời gian khá lâu, tượng vẫn chưa làm xong. Sư phương trượng hỏi Tế Công, sư hẹn tối hôm đó sẽ hoàn tất. Trời tối đã lâu, mọi người thấy thầy vẫn tiếp tục uống rượu. Sau khi mọi người đi ngủ, thiền sư đến trước tượng, dùng miệng phun ra vàng để đắp. Phương trượng nghe kể chuyện này liền ra lệnh thầy phải ngừng hành động thiếu cung kính này. Sáng hôm sau, phương trượng đến xem xét pho tượng thì khám phá rằng còn

có một chỗ trên đỉnh đầu chưa mạ vàng. Dầu sau đó thợ vàng tu bổ lại nhưng vàng của ông thợ không thể sánh với phẩm chất vàng của thiền sư.

Bất kính tôn kinh: nên biết cung kính kinh điển. Kinh Kim Cang nói rằng: "*Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ, tắc vi hữu Phật* 若是經典所在之處，則為有佛 nghĩa là: bất cứ chỗ nào có kinh điển, là nơi có Phật". Phải nên kính trọng kinh điển vì là nguồn gốc của chư Phật. Kinh là Pháp Thân của Phật. Nên đặt kinh lên chỗ cao.

Bất kính kinh điển là đụng với tay dơ, lấy vải dơ bẩn mà bao lại, đặt trên giường hoặc chỗ dơ nhớp, hoặc tâm không cung kính.

Lời Kinh:

Nếu có chúng sinh nào xâm tổn của thường trú, điếm ô tăng ni, ngay trong chốn già lam mà mặc ý dâm dục, hoặc sát hoặc hại; những kẻ này sẽ đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.

Lời giảng:

Nếu có chúng sinh nào xâm tổn của thường trú, điếm ô tăng ni, ngay trong chốn già lam mà mặc ý dâm dục, hoặc sát hoặc hại; những kẻ này sẽ đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.

xâm tổn của thường trú là đánh cắp hoặc dùng đồ mà không bồi tiền. Ví dụ, khi ở lại chùa thì nên cúng dường. Ngay cả người xuất gia cũng nên vậy. Chú ý đừng xài hết tài

nguyên của đạo tràng. Nếu không có tiền thì có thể bồi đắp bằng cách khác như làm việc v.v...

Có bốn loại Thường Trụ 常住 (từ danh từ Phạn 僧祇: nghĩa là tứ phương tăng vật 四方僧物):

1. Thường trụ thường trụ 常住常住: vật cố định và bất động như nhà, cây, vườn, súc vật 舍樹木田園僕畜 mà không thể chia chác 體局當處 • 不通餘界 • 但得受用 • 不通分賣 • 故重言常住.
2. Thập phương thường trụ 十方常住: những thứ mà có thể chia dùng bởi tăng ni tại bất cứ nơi nào 僧家供僧常食 • 體通十方 • 唯局本處 • 此二名僧祇物.
3. Hiện tiền thường trụ 現前常住: vật riêng tư của tăng ni đang trú ngụ tại đó 現前現前: 得施之物 • 唯施此處現前僧 •
4. Thập phương hiện tiền thường trụ 十方現前常住: tất cả mười phương tăng ni đều có phần, như vật sở hữu của những thành phần của ngũ chúng đã qua đời mà có thể chia được (có mặt lúc đó hoặc đến sau). Hiện tiền hiện tiền thường trụ 現前現前常住 chỉ những ai có mặt lúc đó thôi (đến sau không kể). 亡五眾物 • 未羯磨 • 從十方僧得罪 • 已羯磨望現前僧得罪 •

Chỗ nào có hình tượng thì không nên hành dâm. Một con quỉ bị ung thư bộ phận tình dục đến hỏi Ma ha Mục Kiền Liên 目連, ngài trả lời rằng lý do bị bịnh là vì phạm điều này khi làm người. Bịnh này nan y.

Tránh sát sinh hoặc hại chúng sinh tại các đạo tràng.

Thời Đường, có một vị tỳ kheo ni qua đời. Đêm đó thân nhân nghe giọng kể rằng lúc sư cô còn tại thế đã thường phạm tội trong phòng. Sư cô thích ăn thịt, nên đã giết rất nhiều chúng sinh. Sư cô lại thích ăn cá nên cũng giết rất nhiều cá. Bây giờ thì phải chịu tội tại địa ngục Dao Kiếm 受刀劍地獄. Bảy dao đâm chém xương tủy. Sư cô cầu cứu người bà con. Họ xin đại sư của chùa này chép bảy cuốn kinh Kim Cang và tổ chức lễ sám hối cho cô trước chư Phật. Mỗi cuốn Kinh Kim cang được sao chép thì bớt một dao đâm vào thân cô. Cuối cùng kẻ chết thoát được khỏi địa ngục.

Lời Kinh:

Nếu có chúng sinh, giả tướng sa môn, mà tâm không phải sa môn, lạm dụng của thường trú, khinh lừa bạch y, vi phạm giới luật, tạo đủ các ác; những kẻ này sẽ đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.

Lời giảng:

Nếu có chúng sinh, giả tướng sa môn, mà tâm không phải sa môn, lạm dụng của thường trú,

Có bốn loại **sa môn**:

1. Thánh Đạo sa môn 聖道沙門 (Phật và Bồ Tát),
2. Thuyết Pháp sa môn 說道沙門 (Pháp sư, A la hán giảng Chánh Pháp 正法)
3. Hoạt Đạo sa môn 活道沙門 (tu các thiện phẩm 修諸善品)
4. Ô Đạo sa môn 污道沙門 (được miêu tả ở đây: bên ngoài giả vờ tu hành nhưng bên trong thì che dấu lỗi lầm và ô uế 諸邪行者 • 偽者 • 詭詐也 • 外現修行之狀 • 內藏瑕穢之情 • 即污道也)

Sa môn nghĩa là "cần 勤: cần mẫn" (tinh tấn tu tam vô lậu học) và "túc 息: dẹp" (tam độc).

Chúng sinh mê muội bối giác hợp trần: quay lưng với giác ngộ, tham đắm bụi trần.

chúng sinh giả tướng sa môn, mà tâm không phải sa môn: họ không mạnh mẽ tu giới, định và huệ. Ngược lại, họ **lạm dụng của thường trú**: chúng ta nên cẩn thận, ngay cả phung phí một sợi chỉ của Tam Bảo thì cũng không nên. Có câu: "Một cọng cỏ, một miếng gỗ cũng không nên tự ý lấy nếu không cho 一草一木不得不與而取". Hoặc, "Một cây kim, một sợi chỉ đều là của bố thí 一針一線皆為布施". Chúng ta không nên tự ý dùng bất cứ đồ cúng dường gì cho chùa vì như thế là phạm tội ăn cắp.

khinh lừa bạch y,

bạch y chỉ người tại gia, họ thường mặc áo trắng.

vi phạm giới luật,

Giới là nền tảng tu hành của người xuất gia. Đó là nhân hạnh đưa đến Niết Bàn. Đại Luận kể: Phật bảo Tăng Hộ 僧護 tỳ kheo: "Trì giới rất nhiều hỉ lạc. Thân không bị những khổ não. Ngủ nghỉ thường bình an. Khi thức tỉnh, tâm thần hoan hỉ. Nếu phạm giới luật, đường thiên nhân chấm dứt và cửa địa ngục mở toang."

tạo đủ các ác; những kẻ này sẽ đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.
Làm ác thì phải khổ sở trong địa ngục rất lâu, không mong thoát ra được.

Lời Kinh:

Nếu có chúng sinh trộm cắp tài vật, thốc mễ, ẩm thực, y phục của thường trú; cho đến một vật không cho mà lấy, thì sẽ đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.

Lời giảng:

Nếu có chúng sinh trộm cắp tài vật, thốc mễ, ẩm thực, y phục của thường trú có kẻ thích rình rập người xuất gia vì nghĩ rằng họ có nhiều tiền, **chúng sinh trộm cắp tài vật, thốc mễ, ẩm thực, y phục của thường trú; cho đến một vật không cho mà lấy** nghĩa là lấy bất cứ gì mà không được cho

phép**, thì sẽ đọa Vô Gián địa ngục, ngàn vạn ức kiếp, cầu thoát mà không được.**

Ngài nói rằng chúng sinh có thể giết cha mẹ cả ngàn lần thì vẫn có thể cứu được. Nhưng nếu trộm cắp của Thường trú thì vô phương cứu giúp.

Quán Phật Tam Muội Kinh 觀佛三昧經 nói: "Tội trộm cắp thóc hoặc vật dụng của tăng còn nặng hơn giết cha mẹ 84.000 lần 盜僧鬘物者，過殺八萬四千父母罪".

Hoa Tụ華聚 Bồ Tát nói: "Phạm ngũ nghịch và tứ trọng giới thì còn có thể cứu được. Nhưng tôi không thể cứu kẻ trộm cướp của tăng."

Lời Kinh:

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật mẫu: Nếu có chúng sinh tạo những nghiệp như thế, thì sẽ đọa ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tạm ngừng khổ trong một niệm cũng không được.

Ma Gia phu nhân lại bạch Địa Tạng Bồ Tát: Tại sao gọi là Vô Gián địa ngục?

Địa Tạng đại sĩ đáp: Phật mẫu, địa ngục ở trong dãy núi đại Thiết Vi. Đại địa ngục thì có mười tám chỗ. Loại kế đó thì có năm trăm, tên gọi khác nhau. Loại kế đó nữa thì có trăm ngàn, tên gọi cũng khác. Vô Gián ngục, thành ngục chu vi hơn tám vạn dặm, làm toàn bằng sắt; thành ấy cao một vạn dặm, trên thành lửa cháy, ít có chỗ trống. Trong thành,các ngục nối liền nhau nhưng tên gọi khác

nhau, tựu trung có một ngục sở tên Vô Gián, chu vi một vạn tám ngàn dặm. Tường ngục cao một ngàn dặm, toàn làm bằng sắt; lửa trên suốt dưới, lửa dưới thấu trên; rắn sắt và chó sắt phun lửa mà chạy đuổi nhau Đông Tây trên tường ngục.

Lời giảng:

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật mẫu: Nếu có chúng sinh tạo những nghiệp như thế,
Năm ác nghiệp trước thuộc về thập ác, thượng phẩm.

thì sẽ đọa ngũ Vô Gián địa ngục, cầu tạm ngừng khổ trong một niệm cũng không được.

Ma Gia phu nhân lại bạch Địa Tạng Bồ Tát: Tại sao gọi là Vô Gián địa ngục?

Đức Phật thừa nhận rằng ngài đã từng đọa địa ngục chịu khổ trường kiếp. Ngài cũng từng làm sâu bọ và ác nhân. Ngài lại từ từ khôi phục thiện căn và đắc đại trí huệ. Bây giờ thì đã thành Phật với vô biên thần thông. Tất cả chúng sinh cũng có thể được như vậy. Chỉ cần tinh tấn tu hành, mong chóng đắc giải thoát.

Địa Tạng đại sĩ đáp: Phật mẫu, địa ngục ở trong dãy núi đại Thiết Vi. Đại địa ngục thì có mười tám chỗ. Loại kế đó thì có năm trăm, tên gọi khác nhau.

Ở đây miêu tả địa ngục A Tỳ. Tên tiếng Phạn nghĩa là vô gián, được đặt tên như vậy vì khổ không gián đoạn: **cầu tạm ngừng khổ trong một niệm cũng không được**.

Sau khi chết bỏ thân ngũ ấm này, trước khi nhận thân đời sau, chúng sinh thường tạm ở Trung Ấm Thân và vào địa ngục để chờ phán quyết, thường thì chờ bảy tuần để được thân đời sau. Ở đó, cứ bảy ngày họ chết một lần tiếp tục như thế bảy lần. Mỗi lần sống lại là nhờ hai loại gió "xảo phong". Chúng sinh nào phải đọa địa ngục thì gió thối thổi đến làm cho họ trở thành xấu xí, kẻ sắp thăng cõi Trời thì được gió thơm thổi khiến hình dáng họ trở nên đẹp đẽ.

Các loại địa ngục liên tục 相連.

Địa ngục thứ tám gọi là vô gián 無間, cũng được gọi là nhiệt địa ngục. Mỗi địa ngục lại có địa ngục phụ thuộc.

Chỉ có vô gián là nơi khổ không bao giờ ngừng. Ngược lại, tất cả các địa ngục khác thì tra tấn không thường xuyên 非恆.

Địa ngục thuộc trong 25 hữu 有: gồm có 4 châu 洲, 4 ác thú 惡趣, 6 Dục Thiên 欲天, Phạm Thiên 梵天, 4 Thiền, 4 Không xứ 空處, Vô Tưởng Thiên 無想天, và 5 A Na Hàm Thiên 那含天.

Vô Gián ngục, thành ngục chu vi hơn tám vạn dặm, làm toàn bằng sắt.

chu vi hơn tám vạn dặm: được tạo ra làm quả báo cho thập ác và bát tà.

thành ấy cao một vạn dặm, trên thành lửa cháy, ít có chỗ

trống. Trong thành,các ngục nối liền nhau nhưng tên gọi khác nhau, tựu trung có một ngục sở tên Vô Gián, chu vi một vạn tám ngàn dặm. Tường ngục cao một ngàn dặm, toàn làm bằng sắt; lửa trên suốt dưới, lửa dưới thấu trên.

ngàn dặm, toàn làm bằng sắt tượng trưng hạng người cực ác, tâm lạnh lùng, máu lạnh lùng, và kết tập tội ???? cao một ngàn tuần 旬 (khoảng tám phút). Sắt còn được gọi là vàng đen. Bản chất cứng rắn và lạnh lẻo.

lửa trên suốt dưới, lửa dưới thấu trên: tượng trưng cho chủng tử của ác nhân sinh khởi và thành thục. Những chủng tử ác này tự huân 熏 lẫn nhau và nối nhau không gián đoạn.

rắn sắt và chó sắt phun lửa mà chạy đuổi nhau Đông Tây trên tường ngục: ám chỉ lòng sân hận của ác nhân như rắn, Tham dục thì như chó. Tham và sân khiến họ hại lẫn nhau, ngày đêm không ngừng.

觀佛三昧海云•鐵城二隔間•有八萬四千鐵蟒大蛇•吐毒火中•身滿城內•其蛇哮吼•如天震雷•雨大鐵丸•四角有四大銅狗•廣長四十由旬•眼如至掣電`•牙如劍樹•齒如刀山•舌如鐵刺•一切身毛•皆然猛火•其烟臭惡•既吐毒火•復爭馳相`逐於獄墻之上•東西急走•使諸罪人•畏避無所

Tường ngục cao, nên không có ánh sáng mặt trời, lửa cháy chiếu sáng để thấy đường. **Trên thành lửa cháy, ít có chỗ**

trống (khắp bốn phía thành) là lửa nghiệp đốt cháy chúng sinh cho đến chết.

Nơi đây không có gì sung sướng cả. Chỉ có thống khổ không thể tưởng tượng được.

toàn làm bằng sắt tượng trưng cho sự kiên cố và sức mạnh của ác nghiệp khiến họ phải chịu quả khổ địa ngục.

Ở trên mỗi góc của địa ngục có **chó** cao 800 do tuần, mỗi con có tám đầu, mỗi đầu có sáu sừng (tức có tất cả 48 sừng). Khi chúng nó quậy đầu, những sừng ấy thành bánh xe dao cháy.

Rắn sắt và chó sắt phun ra lửa độc, hôi hám đến độ có thể làm chúng sinh ói ra cả ruột. Có 84.000 rắn sắt lớn. Bọn chúng khạc hơi độc và lửa. Rắn ở khắp mọi nơi.

Quán Phật Tam Muội 觀佛三昧 nói: Chúng sinh ngu si phỉ báng và chửi bới người bố thí, nói rằng bố thí không có ích lợi gì. Họ khuyến cáo người khác nên cất giấu và tích lũy. Với vua, đại quan và tất cả các chúng sinh, họ quả quyết rằng bố thí hoàn toàn không có nhân quả. Cho nên họ bị đọa vào địa ngục này.

Lời Kinh:

Trong ngục có cái giường rộng vạn dặm; một người thọ hình tự thấy thân mình nằm khắp mặt giường, mà ngàn vạn người cùng lúc thọ hình thì ai cũng tự thấy thân mình nằm khắp mặt giường. Do những nghiệp mà cảm ứng ra quả báo như vậy.

Các tội nhân phải chịu đủ thứ cực hình. Trăm ngàn Dạ Xoa và ác quỉ, nanh như gươm, mắt như điện, móng đồng móc kéo tội nhân. Lại có Dạ Xoa, cầm kích sắt lớn mà đâm tội nhân, vào mình, vào miệng, vào mũi, vào bụng, vào lưng, rồi thảy lên trên không giơ kích chỉa lấy, hoặc đặt trên giường. Lại thêm chim ưng sắt móc mắt tội nhân, rắn sắt quấn xiết cổ tội nhân. Cả trăm đốt và khớp của cơ thể đều bị đóng đinh dài. Lưỡi bị lôi ra mà cày, ruột bị rút ra mà cưa chặt, miệng bị rót nước đồng sôi, mình bị quấn giây sắt nóng. Chết đi sống lại cả ngàn vạn lần: nghiệp cảm ra như vậy. Trải qua ngàn kiếp, cầu thoát mà không được.

Lời giảng:

Trong ngục có cái giường rộng vạn dặm; một người thọ hình tự thấy thân mình nằm khắp mặt giường, mà ngàn vạn người cùng lúc thọ hình thì ai cũng tự thấy thân mình nằm khắp mặt giường. Do những nghiệp mà cảm ứng ra quả báo như vậy.

giường rộng đầy vạn dặm tượng trưng cho tâm của ác nhân không có một tí thiện gì cả. Vạn ác tràn đầy tâm họ.

một người thọ hình tự thấy thân mình nằm khắp mặt giường, mà ngàn vạn người cùng lúc thọ hình thì ai cũng tự thấy thân mình nằm khắp mặt giường chứng minh rằng ác nhân tạo nghiệp thì phải chịu quả khổ báo. Họ thấy thân họ tràn đầy địa ngục và bị tra tấn. Không thể nào thay thế cho nhau được.

Có người hỏi về tu luyện dụng công. Khi tụng kinh, niệm

Phật hoặc thần chú v.v..., chúng ta dùng khí: nó xuất thân từ đan điền và chúng ta nên chuyển nó trở về lại đó. Không nên dùng khí quá độ, chỉ vừa phải thôi để không tổn hại nó. Đó mới gọi là có công phu. Có công phu thì mới có thể giúp người khác sớm thoát địa ngục.

Do những nghiệp cảm ứng ra quả báo như vậy: Vi phạm giới luật như thảy banh sắt lên trời: nó không thể ngừng hoặc lơ lửng trong không trung mà sẽ rơi xuống đất rất nhanh.

十輪經云•(五逆)•復有四種大罪•同於四逆•犯根本罪••殺辟支佛•是名殺生犯根本罪婬阿羅漢比丘尼•是名邪婬犯根本罪••若人捨財•與佛法僧•主掌此物•而輒用之•是名盜犯根本罪•若人倒見•破壞比丘僧•是名破僧犯根本罪••其人既犯逆罪•又犯根本罪•譬如鐵丸•雖擲空中•終不暫住•速疾投地••如是五逆•犯四重禁•及二種衆生•毀壞正法•誹謗賢聖••如是等十一種人•犯一一罪者•身壞命終•皆墮無間獄中•豈非眾業所感•而獲報如是耶

Các tội nhân phải chịu đủ thứ cực hình. Lục căn thọ nhận lục trần không ngừng.

Trường A Hàm nói rằng tội nhân chết đi rồi sống lại, khi mở mắt ra thì chỉ thấy toàn sự thống khổ: tai nghe âm thanh chát chúa, mũi ngửi mùi xú uế, lưỡi bị nóng phỏng (vì nước đồng

sôi, than đỏ ....) thân thể thì bị hành hạ đau đớn quằn quại, tâm chỉ nghĩ đến ác pháp (lục căn xúc chạm với lục trần trong hoàn cảnh khốc liệt). Sự thống khổ liên tục không thể tạm ngừng, dù chỉ trong khoảnh khắc của búng ngón tay. Cho nên xứng đáng gọi là Vô Gián. Quí vị không muốn đến đây đâu dù chỉ là trong chốc lát mà thôi!

Trăm ngàn Dạ Xoa và ác quỉ, nanh như gươm, mắt như điện, móng đồng móc kéo tội nhân. Lại có Dạ Xoa, cầm kích sắt lớn mà đâm tội nhân, vào mình, vào miệng, vào mũi, vào bụng, vào lưng, rồi thảy lên trên không giơ kích chỉa lấy, hoặc đặt trên giường.

Ngũ lợi sử khởi lên nhanh chóng như quỉ. Cho nên mới cảm ra quả báo gặp dạ xoa và ác quỉ. Lợi sử có khắp cả Tam Giới, có 88 loại sử khiến cảm ứng quả báo gặp **trăm ngàn** ác quỉ và dạ xoa ở địa ngục.

Dạ Xoa là tiệp tật quỉ 捷疾鬼: cực kỳ mau chóng. Bản tính của chúng nó rất tàn ác. Chúng nó thuộc về địa hành dạ xoa 地行夜叉: tung hoành trên mặt đất. Miệng to như hang máu, và răng thì như dao. Chúng nó rất mạnh: có thể túm chúng ta và quăng cả 100 thước, hoặc đặt tội nhân trên **giường** mà đâm thọc với kích. Dạ xoa còn được gọi là thú quỉ, đầu trâu, tay người, chân có móc guốc, và thường cầm đinh ba.

Vấn: Lính địa ngục thuộc hữu tình hay vô tình?

Đáp: Những kẻ mới đến địa ngục là hữu tình. Những kẻ dùng đủ các loại hình cụ tra tấn tội nhân là vô tình. Diệu Lạc

妙樂云 nói: dầu hữu tình hoặc vô tình, cả hai đều do quả báo khiến tâm thay đổi (lính địa ngục mới đến thuộc hữu tình nhưng dần dần không còn cảm xúc trước sự đau đớn của tội nhân nên hóa ra vô tình).

此楞嚴所謂觸報招引惡果•神識自見牛頭獄卒•馬頭羅差剎•手執鎗稍•驅入無間也•銅爪拖拽•不足以苦罪人•

Có rất nhiều lính ngục: họ có tám đầu, và 64 sừng cháy rực. Sừng biến thành bánh xe dao. Miệng và răng thật ghê tởm. Lại có vuốt đồng và mạnh phi thường.

Nếu tâm quí vị thường chứa chấp sân hận và độc hại, thích tích tập ác nghiệp, thấy người khác khổ thì lòng cảm thấy thích thú: sau khi chết thì sẽ có cơ hội thành lính địa ngục.

nanh như gươm, mắt như điện, móng đồng móc kéo tội nhân tượng trưng cho ngũ lợi sử: tà kiến hảm hại người, ngũ căn hợp tác làm ác.

Lại có Dạ Xoa, cầm kích sắt lớn mà đâm tội nhân, vào mình, vào miệng, vào mũi, vào bụng, vào lưng: tượng trưng năm lợi sử lôi kéo chúng sinh tạo thân nghiệp. **vào miệng, vào mũi**: chỉ tạo khẩu nghiệp. **vào bụng, vào lưng**: tượng trưng tạo tâm nghiệp. Kinh nghiệm này rất đau đớn!

戟•兵器也•單枝為戈•雙枝為戟•格也•旁有枝格也• (兩邊橫刃長六寸•中刃長七寸半•橫

刃接柄處‧長四寸半‧並廣寸半)今言大鐵戟‧則長大燒赤‧非世戟可比‧

rồi thảy lên trên không giơ kích chỉa lấy: ngũ lợi sử tạo nghiệp trong không trung và phải chịu đựng quả báo. **Hoặc đặt trên giường**: đôi lúc hiện báo vẫn chưa đủ nên sau này vẫn phải còn bị tra tấn ở địa ngục.

準楞嚴‧由於怨習交嫌發於千銜恨‧二習相吞‧故有投擲擒捉擊射拋撮諸事‧循業發現也‧

Lại thêm chim ưng sắt móc mắt tội nhân, rắn sắt quấn xiết cổ tội nhân. Cả trăm đốt và khớp của cơ thể đều bị đóng đinh dài. Lưỡi bị lôi ra mà cày, ruột bị rút ra mà cưa chặt, miệng bị rót nước đồng sôi, mình bị quấn giây sắt nóng. Chết đi sống lại cả ngàn vạn lần: nghiệp cảm ra như vậy. Trải qua ngàn kiếp, cầu thoát mà không được.

Tiếp theo, kinh mô tả những quả báo phải chịu đựng sau khi chết.

Ngũ độn sử: là khi chúng ta gặp cảnh giới mà sinh tâm tham dục. Cho nên có thể có quả báo là, **chim ưng sắt móc mắt tội nhân** vì mắt bị cảnh giới chuyển. Hoặc có thể đối diện với hoàn cảnh mà sinh lòng sân hận và muốn phá hại sự hòa hợp, nên: **rắn sắt quấn xiết cổ tội nhân**. Vì ngũ độn sử nên đối cảnh mà sinh tâm ngu si, nên: **Cả trăm đốt và khớp của cơ thể đều bị đóng đinh dài** 長阿含云‧鐵釘地獄‧獄卒撲之‧偃熱鐵上‧舒卷其身‧以釘釘手足‧‧周邊身體‧盡五百釘‧苦毒號吟‧猶不復死

. **Lưỡi bị lôi ra mà cày**: vì sinh tâm ngạo mạn, tự thị làm theo ý 縱意, khinh thường kẻ khác, phỉ báng Phật Pháp. Tiếp theo, vì hay nghi ngờ nên tâm chứa chấp nhiều mê hoặc: **ruột bị rút ra mà cưa chặt**. 抽腸剉斬。此是抽腸拔肺地獄．所謂長叉拄助．肝心碓仇擣．裂膽抽腸．屠身會膾肉．剉之斬之．形如虀粉．此皆妄語所致．及餘惡業所感．

chim ưng sắt 鐵鷹 có thể mổ mắt hoặc làm vỡ xương đầu mà ăn óc. 毒痛不可忍．泥犁經．鐵蛇．如前．觀佛三昧經云．此由愚癡衆生．毀辱布施．言施無報．勸人藏積．向國王大臣．一切衆生．說施無因．亦無果報．故生此獄．

Theo sách ghi chép của triều đại đời Đường, có một người rất thích săn bắn. Ông ta giết rất nhiều chúng sinh. Năm thứ 11 của đời Đường, ông ta chết một đêm rồi sống lại, kể chuyện ông đã thấy trong lúc chết. Có hai người bắt ông leo tầng cấp lên núi. Bỗng nhiên, một chim ưng trắng có miệng sắt và vuốt sắt bay đến, bấu má bên trái của ông rồi bay đi. Kế đến một chim ưng đen chụp bấu vai phải và bay đi. Ông đau đớn vô cùng. Ba người tiếp tục đi về hướng Nam, đến một thành phố ở trên cao, đường đi rất hiểm nghèo. Họ gỏ cửa phía Bắc. Cửa mở. Trong thành toàn là lửa đang cháy mãnh liệt. Bên cạnh cửa, có rắn độc dài hơn 10 trượng 丈 (một trượng=3.33 mét hoặc 10.925 phút), có đầu khổng lồ (to năm đấu; đấu là đơn vị đo lường đời xưa, bằng thùng gỗ). Miệng rắn phun lửa đốt người. Thợ săn sợ khủng khiếp: không dám

nhìn, cúi đầu xuống mà niệm Phật. Nhờ niệm phật, cửa lập tức đóng lại. Ông ta được đưa đến gặp quan, quan bảo là số chưa hết đáng lẻ chưa chết. Rất tiếc là một khi vào thành này thì không thể nào ra được. Nhưng có một cách duy nhất là ông phải hứa khi trở về phải ra sức tu hành tạo công đức. Ông ta liền đồng ý. Thế là ông sống lại, vẫn còn đau buốt ở chỗ bị vuốt chim ưng chụp. Sau đó, ông từ bỏ gia đình ra đi. Ông lập một cái thất nhỏ, suốt ngày chuyên tụng kinh niệm Phật.

如冥報記•唐曹州城•武人方山開••少好遊獵•所殺無數•貞觀十一年•死經一宿•穌云•初死之時•二人引上一山•登梯至頂••忽有一大白鷹•鐵為嘴爪•飛來•攫左頰而去••又一黑應•攫右肩而去•二人即引南行•至一城•非常嶮峻••二人扣城•北門即開•城中總是猛火•門側有數箇毒蛇•皆長十餘丈•頭大如五斗塊•口中吐火射人•山開恐懼•唯叩頭念佛•門即自閉•乃見官人•欲遣受罪••侍者諫曰•未合即死•但恐一入此城•不可得出••未若且放•令修功德•官人放之•須兒即穌••爪跡極深•終身不滅••後捨妻子出家•以宅為佛院•恆以讀誦為業••

Lưỡi bị lôi ra mà cày do quả báo của các loại khẩu nghiệp.

miệng bị rót nước đồng sôi 烊銅灌口**: d**o dùng miệng để hại kẻ khác (ngũ độn căn bị khơi động bên ngoài) **mình bị quấn giây sắt nóng** (bên trong) 熱鐵纏身。即鐵鎴地獄•燒熱鐵鎴•表裏洞徹•纏裹裹其身••內灌烊銅•外裹熱鐵•餘業未盡•猶不死耳: do dùng thân để tạo ác nghiệp.

Tóm lại, ngũ lợi sử và độn sử tạo ra phiền não, nên tạo nghiệp tội và phải chịu quả báo ở địa ngục.

Mỗi ngày thường **chết đi sống lại cả ngàn vạn lần**. Trong cõi dương, nếu có một niệm tạo nghiệp, thì sẽ phải chịu quả sinh và tử trong địa ngục. Nếu niệm niệm tạo nghiệp, thì sẽ phải chịu vô số lượng sinh tử trong địa ngục. Tội nhân bị tra tấn đến chết, chết rồi liền sống lại để bị hành hạ tiếp.

動與靜對•心體本靜•人自動之•起信云•不知真如法一故動•動則有苦•果不離因故••此業相初動•漸至起惑•造業•受報••字書云•力重為動••凡夫業力甚深•故成地獄劫之壽•

Lời Kinh:

Lúc thế giới này hoại, thì chuyển qua thế giới khác. Lúc thế giới khác hoại, thì chuyển qua thế giới khác nữa, như thế mà chuyển đi. Sau khi thế giới này lại thành, thì bị chuyển về. Nghiệp báo Vô Gián ngục là như vậy.

Vì năm sự nghiệp cảm, nên mệnh danh Vô Gián. Năm sự nào?

Một là thọ hình ngày đêm, cho đến hết số lượng, không lúc nào gián đoạn, nên mệnh danh Vô Gián.

Hai là một tội nhân cũng đầy cả ngục; mà nhiều tội nhân cũng đầy cả ngục, nên mệnh danh Vô Gián.

Ba là hình cụ như chĩa gậy, ưng rắn sói chó, cối giã, cối xay bằng đá, cưa, đục, đồ chặt, đồ phát, vạc nấu, nước sôi, lưới sắt, giây sắt, lừa sắt, ngựa sắt, da sống để quấn đầu, sắt sôi để dội thân, viên sắt nóng để bắt nuốt khi van đói, nước sắt sôi để bắt uống khi kêu khát, từ năm qua kiếp, trọn hết na do tha số, khổ hình liên tục, không có gián đoạn, nên mệnh danh Vô Gián.

Bốn là bất kể nam nữ, mọi rợ văn minh, già trẻ, sang hèn, rồng thần, trời quỉ, hễ tạo tội thì cảm quả, đồng chịu như nhau, nên mệnh danh Vô Gián.

Năm là đọa vào ngục, từ khi mới vào cho đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày đêm chết đi sống lại vạn lần, cầu tạm ngừng một niệm cũng không được, trừ phi nghiệp tận, mới được thọ sinh: do sự liên miên như vậy nên mệnh danh Vô Gián.

Lời giảng:

Lúc thế giới này hoại, thì chuyển qua thế giới khác. Lúc thế giới khác hoại, thì chuyển qua thế giới khác nữa, như thế mà chuyển đi. Sau khi thế giới này lại thành, thì bị

chuyển về. Nghiệp báo Vô Gián ngục là như vậy.

Mỗi thế giới phải qua bốn chu kỳ: thành, trụ, hoại và không (成, 住, 壞, 空). Một kiếp: Gồm một tăng và một giảm. (Kiệp tăng : tuổi thọ trung bình từ 10 tuổi tăng dần đến 84.000 ; kiếp giảm từ 84.000 giảm dần đến còn 10 tuổi). Một tiểu kiếp là 1.000 kiếp. Một trung kiếp là 20 tiểu kiếp. Bốn trung kiếp hợp thành đại kiếp (thọ mạng của thế giới). Địa ngục ở ngay dưới Nam châu. Khi lửa kiếp hủy hoại Sơ Thiền Thiên thì địa ngục bị hủy hoại. Những tù nhân chưa mãn tội sẽ được chuyển qua một thế giới khác để tiếp tục chịu khổ (trong một loại địa ngục cùng loại). Nếu thế giới đó bị hủy hoại thì lại chuyển qua thế giới khác. Khi thế giới nguyên bản được thành lại thì tù nhân sẽ tự động được chuyển trở về địa ngục của thế giới đó.

Địa ngục Vô Gián 無間•八熱獄之最下者 là địa ngục thứ tám, thấp nhất của các nhiệt địa ngục 一薩婆多部•有八大地獄••一等活••二黑繩••三眾合••四叫喚••五大叫喚••六熱••七眾熱••八名無擇•亦名無間•

Nhiệt địa ngục chồng chất lên nhau dưới Nam châu theo thứ tự. Hai địa ngục đầu tiên có chủ nhân, Ba địa ngục tiếp theo ít cần cai quản. Ba địa ngục cuối cùng thì không có chủ nhân. Không thiếu bất cứ dụng cụ tra tấn nào cả 此八地獄•在閻浮洲下•重累而住••前貳有主治•次三少主治•後三無主治.

Vì năm sự nghiệp cảm, nên mệnh danh Vô Gián. Năm sự nào?

Một là thọ hình ngày đêm, cho đến hết số lượng, không lúc nào gián đoạn, nên mệnh danh Vô Gián.

Hai là một tội nhân cũng đầy cả ngục; mà nhiều tội nhân cũng đầy cả ngục, nên mệnh danh Vô Gián.

Ba là hình cụ như chĩa gậy, ưng rắn sói chó, cối giã, cối xay bằng đá, cưa, đục, đồ chặt, đồ phát, vạc nấu, nước sôi, lưới sắt, giây sắt, lừa sắt, ngựa sắt, da sống để quấn đầu, sắt sôi để dội thân, viên sắt nóng để bắt nuốt khi van đói, nước sắt sôi để bắt uống khi kêu khát, từ năm qua kiếp, trọn hết na do tha số, khổ hình liên tục, không có gián đoạn, nên mệnh danh Vô Gián.

Bốn là bất kể nam nữ, mọi rợ văn minh, già trẻ, sang hèn, rồng thần, trời quỉ, hễ tạo tội thì cảm quả, đồng chịu như nhau, nên mệnh danh Vô Gián.

Năm là đọa vào ngục, từ khi mới vào cho đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày đêm chết đi sống lại vạn lần, cầu tạm ngừng một niệm cũng không được, trừ phi nghiệp tận, mới được thọ sinh: do sự liên miên như vậy nên mệnh danh Vô Gián.

Vô gián vì không có một phút giây tạm ngừng bị tra tấn khổ sở, nói chi đến hỉ lạc. Ở những địa ngục khác, đôi khi có xảo phong 涼風 thổi làm hồi sinh kẻ bị tra tấn đến chết. Ngay lúc mới hồi sinh thì cái khổ tạm ngừng cho nên không gọi là vô gián.

1) **Thọ hình ngày đêm, cho đến hết số lượng, không lúc nào gián đoạn**: (thời 時) nghiệp cá nhân ảnh hưởng cộng đồng (như sự ô nhiễm của không khí, nhà nước nợ nần…).
2) **một tội nhân cũng đầy cả ngục; mà nhiều tội nhân cũng đầy cả ngục**: (hình 形) địa ngục không to, thân thể không nhỏ: 各見身形無間斷處 lúc còn tại thế, cái ác tạo ra chưa chắc phổ biến. Nhưng ác tâm thì tràn khắp pháp giới!
3) **khổ hình liên tục, không có gián đoạn** *(具)*: không có cái ác nào mà không tạo, cho nên phải chịu đủ loại khổ trong địa ngục.

Địa ngục có đủ thứ hình cụ tra tấn.

Ví dụ có khóa, roi và gậy để trả quả ăn gian. Ưng, rắn, sói, chó, lừa sắt và ngựa là quả báo của xúc. Đập, nghiến, cưa, khoan và đục là quả báo của tàn nhẫn và sân hận.

楞嚴云•詐習交誘•發於相調•引起不住•故有杻械枷鎖•鞭杖檛棒諸事••鷹蛇狼犬•鐵驢鐵馬•此由觸報招引••碓磨鋸鑿•此由枉習瞋習所感•

碓•即搗碓地獄•立世阿毘曇云•是時獄卒謂其伴言•我今共汝•一彈指頃•舂搗罪人••即捉諸罪人•納熱鐵槽中•以熱

鐵杵．搗最碎其身．．一彈指頃．當人中五百年壽．．

磨鋸．剉(砍)．斫．俱如後．．

罪業報經．信相菩薩．白佛言．今有受罪衆生．為諸獄卒剉斫斬身．從頭至足．乃至其頂．斬之已訖．巧風吹活．而復斬之．何罪所致．．佛言．以前世時．生不信三尊．不孝父母．屠兒魁膾．斬截衆生．故獲斯罪．

鑊湯．如後．

鐵網．獄中有七重鐵網．羅覆其上．．獄卒取熱鐵網．纏絡其身．燒熱焦爛鐵繩．．長阿含云．獄卒捉彼罪人．撲熱鐵上．以熱鐵繩．兵拼之使直．．以熱鐵斧．逐繩道斫罪人作百千段．復以鐵繩．拼鋸鋸之．．復懸熱鐵網．交橫無數．驅迫罪人．使行繩間．．惡風暴起．吹諸鐵繩歷絡其身．燒皮徹肉．焦骨沸髓．

生革絡首。長阿含云•獄卒捉罪人•剝取其皮•纏罪人身•著火車上•輪碾熱地•周迴往反••身體碎爛•皮肉墮落••既以生革絡首•復以鐵汁澆身•使令疾馳•

飢吞鐵丸等•準起世經云•從五叉小地獄出•詣向饑餓地獄中••守獄者即問•汝等何欲••答言•我等饑餓••守獄者•即便取地獄眾生•撲著熾然熱鐵地上•令其仰臥••使以鐵鉗•開張其口••用熱鐵丸•擲著口中•唇口應時燒然•次第燒舌•燒齶•乃至經過小腸•向下而出•其丸尚赤••從饑餓地獄出•詣向焦渴地獄中•守獄者問言•汝等今何所須••答言•我今甚渴••即取撲著熱鐵地上•在猛焰中•仰而沃之••使取鐵鉗•開張其口•融赤銅汁•灌其口中•唇口即便燒腸•燒胃•直破小腸•向下而出••由往昔所造若人非人身中一切惡業•於獄中次第而受•毒痛度可忍••泥犁中如是勤苦•經那由他劫•略無絲毫樂間•名苦無間也•

4) **quả đồng chịu như nhau** 果. Không cần biết quí vị là già (70 tuổi), trẻ (dưới 10 tuổi), đàn ông hoặc đàn

bà, xấu hoặc đẹp, thiên hoặc nhân, tôn quí (địa vị xã hội cao) hoặc hạ tiện, đều phải chịu quả báo của mình.

Rồng, thần, thiên hoặc quỉ 或龍或神。或天或鬼 : có thể rớt thẳng vào địa ngục.

5) **Mệnh vô gián 命**.

Quán Phật Tam Muội Kinh 觀佛三昧 nói: một ngày một đêm trong địa ngục tương đương 60 tiểu kiếp trong Diêm Phù Đề. Họ phải chịu đựng 84.000 đại kiếp khổ. Mỗi ngày phải chết hằng vạn lần, không có một giây phút ngừng bị tra tấn, cứ phải chịu đựng như thế cho đến khi mãn kỳ.

除非業盡。方得受生•準鐵城泥犁經•從第一泥犁出•乃至展轉入第八泥犁••復從第八•反入第七•乃至第一阿鼻泥犁來•遙見鐵城•皆歡喜•大呼萬歲••閻羅即呼罪人前•若非怨•今汝去•當復為人作子•當孝順••當事長年••當畏帝王禁戒••當承事沙們道人••端心••端口••端身••得阿羅漢者•諸泥犁道•皆為閉塞••於是從泥犁出•皆生善道•故言業盡受生•既初以至業盡•生死連綿故•名命無間.

Lời Kinh:

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật mẫu: Vô Gián ngục nói đại lược là như vậy. Nếu nói rõ ràng về tên hình cụ và sự khổ sở trong đó, thì suốt một kiếp cầu nói cũng không hết được.

Hoàng hậu Ma Gia nghe rồi, buồn và lo, chắp tay đảnh lễ lui về chỗ của mình.

Lời giảng:

Địa Tạng Bồ Tát bạch Phật mẫu: Vô Gián ngục nói đại lược là như vậy. Nếu nói rõ ràng về tên hình cụ và sự khổ sở trong đó, thì suốt một kiếp cầu nói cũng không hết được.
Không đủ thì giờ để diễn tả toàn bộ sự thống khổ trong địa ngục.

Hoàng hậu Ma Gia nghe rồi, buồn và lo, chắp tay đảnh lễ lui về chỗ của mình.

chắp tay 合掌: tượng trưng tâm không tán loạn.

buồn và lo 愁憂: Ma Gia phu nhân rất buồn khi nghe rằng tù nhân phải chịu đựng vô lượng khổ sở và lo rằng bổn thân không đủ sức cứu giúp họ.

đảnh lễ 頂禮: Phu nhân cảm ân Địa Tạng Bồ Tát đã thuyết giảng cho nghe và trở về chỗ ngồi.

Phẩm 4: Nghiệp Quả Của Chúng Sinh Diêm Phù

Chúng sinh tạo nghiệp phải chịu quả khổ. Sự thống khổ của họ khiến Phật và Bồ Tát xuất thế cứu độ. Kinh Pháp Hoa nói rằng Đức Phật coi chúng sinh trongTam Giới như con. Họ đang quá khổ sở trong cõi Ta Bà này. Chỉ có Phật mới đủ khả năng cứu độ họ. Nói một cách khác, chư Phật xuất thế do lòng đại bi muốn giúp chúng sinh diệt trừ thống khổ. Kinh nói: "*Tịnh Pháp Giới Thân, bổn vô xuất nhập, đại bi nguyện lực, thị hiện thọ thân* 淨法界身, 本無出入, 大悲願力, 示現受身, nghĩa là: Pháp thân thanh tịnh là Pháp Giới, nên không có đến đi; vì đại bi nguyện lực nên mới xuất hiện nhục thân". Chúng sinh của Diêm Phù đặc biệt rất ngoan cường 剛強 nên phải chịu nhiều khổ sở.

長阿含云•所以名閻浮者•下有金山•高三十由旬••由閻浮樹故•名閻浮金••樹有五大柧•(木四方為棱•八棱三棱為柧)•四面四柧•上有一柧•果大如摩伽陀國一斛之甕•摘其果時•汁隨流出•色如乳味甘如蜜•其東柧果•乾闥婆所食••其南柧者•七國人所食••一拘樓••(此云不正叫)二拘羅婆••(云叫喚)三毘提••(云不正體)四善毘提••(云賢)五漫陀••(云善賢)六婆羅••(云牢)七婆力梨••(云勝)西柧果

•海蟲所食••北柧果禽獸所食••上柧果•星宿天所食•

觀佛三昧云•閻浮提果•無以為譬••其形團圓滿半由旬••婆羅門食•即得先道•五通具足•壽命一劫••凡夫食之•得四沙門果•三明六通•無不悉備•

立世阿毘曇云•此樹•生在閻浮提地北邊•在泥民陀羅河南岸••是樹株本•正洲中央••從樹株中央•取東西角•並一千由旬•生長具足•形容可愛•枝葉相覆•久住不彫••次第相覆•高百由旬••下本洪直•都無瘤節•五百由旬••圍十五由旬••枝橫出五十由旬••間但亘度•一百由旬••周圍•三百由旬••其果•甘美無比•其核•如世間閻浮子大••上有烏獸之形••根悉金沙所覆••春雨不漏•夏則不熱•冬無風寒••乾闥婆•及藥叉神•依樹而住••然穢樹之名•前已略釋•今更解之•

立世云•一人乘通••欲行至閻浮提樹•辭竲北行•經過七山•至第七金邊山•登山頂向北•從身遠望•唯見黑暗•怖畏而返••佛言•此黑暗色•即閻浮提樹••(此取黑暗為穢)又其果

香氣•能染人心•發顛狂••(此取染污為穢) 長阿含云•何緣月有黑影•以閻浮提樹影•在於月中•故月有影•豈非月宮•本自光明••因樹•故現黑影••穢樹之名•得非取此義乎•

準今兩處所釋•則庶乎其不差矣••故載詳出•請證諸賢•

Phẩm này kể nhân duyên Địa Tạng Bồ Tát cứu giúp mẹ, rồi nới rộng thề nguyền mà lập đại nguyện.

Lời Kinh:

Khi ấy Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn, con nhờ oai thần lực của đức Thế Tôn mà khắp trong trăm ngàn vạn ức thế giới, phân thân hình, cứu vớt tất cả nghiệp báo chúng sanh. Nếu không nhờ thần lực từ bi vĩ đại của đức Thế Tôn, con không thể có sự biến hóa đó. Nay con lại được đức Thế tôn đem lục đạo chúng sinh, trong quãng thời gian từ nay đến ngày A Dật Đa thành Phật mà phó chúc cho con, khiến cho họ được độ thoát. Vâng, bạch đức Thế Tôn, con xin tuân lời. Cúi mong đức Thế tôn đừng lo nghĩ.

Lời giảng:

Khi ấy Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn, con nhờ oai thần lực của đức Thế Tôn mà khắp trong trăm ngàn vạn ức thế giới, phân thân hình, cứu vớt tất cả nghiệp báo chúng sanh.

Địa tạng Bồ Tát, dầu có nhiều thần thông, nhưng vẫn biết là những thành tựu đều được nhờ sự trợ lực của Phật.

oai thần lực: "oai 威**"** tức là bốn vô úy, "thần 神**"** chỉ về lục thông, và "lực 力**"** ý nói thập lực. Đức Phật có đầy đủ thập lực, nên đối với ngoại duyên 外緣 hoàn toàn không có sợ sệt. Ngài thường dùng đại thần thông 廣起神通 để giáo hóa chúng sinh ngoài khả năng của các vị Bồ Tát. Bồ Tát có phân thân 分身 đi khắp Pháp Giới, thật sự là nhờ đức Phật từ bi gia hộ.

Dùng phân thân để cứu độ chúng sinh là một loại hạnh "đồng sự 同事" của tứ nhiếp pháp.

Nếu không nhờ thần lực từ bi vĩ đại của đức Thế Tôn, con không thể có sự biến hóa đó.

Những vị Bồ Tát tu khổ hạnh 苦行事 thấy không dễ làm 辦 và khó thành tựu 成. Cho nên họ không khỏi chán nản, Chư Phật phải an ủi họ rằng: đừng bì yếm 疲厭: đừng chán nản, các con nên tinh tấn tiến lên; hãy dùng thập lực thì sẽ đắc vô lượng quả báo 果報. Vì thế mới nói là nếu không có đức Phật từ bi độ lượng thì Bồ Tát không thể có được những biến hóa như vậy. Cũng như câu: "Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt yên đắc mai hoa phác tị hương 不經一番寒澈骨 焉得梅花撲鼻香 nghĩa là: nếu không chịu đựng một phen Đông buốt giá thì làm sao hoa mai ngát hương như vậy?"

biến: 變 giữa hai thứ, hoặc trao đổi.

hóa: 化 trước không có thì biến hiện ra. Bồ Tát có thể hiện ra tám loại biến hóa:

1. Có thể hiện nhỏ 能作小.
2. Có thể hiện lớn 能作大.
3. Có thể hiện nhẹ 能作輕.
4. Có thể hiện có tự tại 能作自在.
5. Có thể làm chủ 能有主.
6. Có thể đến chốn xa 能遠到.
7. Có thể động đất 能動地.
8. Có thể biến hóa tùy ý 隨意所作.

Trên đây cũng được gọi là tám tự tại ngã 八自在我.

由菩薩善住和敬之法。與一切猶如水乳。欲生物希有之心。故現大神通力。

如化人所化事。本無有實。。故大品云。一切法皆是化。。於是法中。有聲聞。辟支。菩薩。豬佛法變化。。有煩惱法變化。有業因緣法變化。。若不生不滅無誑相涅槃。是法非變化。以一切平等故。今言作變化者。依生滅隨情說耳。

Nay con lại được đức Thế Tôn đem lục đạo chúng sinh,

trong quãng thời gian từ nay đến ngày A Dật Đa thành Phật mà phó chúc cho con, khiến cho họ được độ thoát. Vâng, bạch đức Thế Tôn, con xin tuân lời. Cúi mong đức Thế Tôn đừng lo nghĩ.

A Dật Đa: nghĩa là "Vô năng thắng 無能勝 không thắng được" (vì có trí huệ thù thắng) hoặc "Từ Thị 慈氏". Đó là một tên khác của Di Lặc Bồ Tát. Ngài tu Từ Tâm Tam Muội 慈心三昧.

唯•應速之辭•今佛不喚•何須速應•乃西域口辭也•

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy: Địa Tạng Bồ Tát, tất cả chúng sinh chưa giải thoát thì tính thức bất định: ác tập kết nghiệp, thiện tập kết quả, làm thiện làm ác theo hoàn cảnh; rồi luân chuyển ngũ đạo chẳng tạm ngưng,

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy: Địa Tạng Bồ Tát, tất cả chúng sinh chưa giải thoát thì tính thức bất định.

chưa giải thoát 未解脫 : họ chưa đắc A La Hán quả (trình độ giải thoát Tiểu Thừa) hoặc nhập Vô Dư Niết Bàn 入無餘涅槃 (Đại Thừa).

Có **tính thức bất định** 性識無定 nghĩa là thiếu ý chí. Họ thường do dự. Họ có thể quyết định muốn tu nhưng không lâu thì đổi ý. Họ không bền lòng, cứ theo sự đưa đẩy mà tiến hoặc thối. Vì không có ý chí vững vàng nên thường bị thối lui luôn.

ác tập kết nghiệp, thiện tập kết quả, làm thiện làm ác theo hoàn cảnh; rồi luân chuyển ngũ đạo chẳng tạm ngưng.

làm thiện làm ác theo hoàn cảnh: họ chỉ làm theo, nếu bạn tốt thì bắt chước làm thiện, nếu bạn xấu thì cũng không do dự làm ác (cho nên mới gọi là tính thức bất định). Đây đích thị như câu ca dao: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng 近珠者赤; 近墨者黑". Cho nên chúng ta nên chọn bạn bè cẩn thận. Kẻ mê muội không hiểu rằng tất cả đều giả, nên họ chấp trước ngũ dục, theo đuổi ác khí, và để phiền não làm thiếu sáng suốt. Cho nên họ tạo nghiệp và thường luân chuyển trong vòng luân hồi.

Tất cả đều do tâm tạo. Tâm tạo thiện và ác. Mật Nghiêm Kinh 密嚴經 nói: Từ vô thỉ, đệ bát thức của chúng sinh bị những chủng tử của ác nghiệp xâm lấn. Những chủng tử này khéo ngụy luận và ác tập khí huân 熏. • 阿賴耶識 • 從無始世來 • 為戲論熏習諸業所繫 • Vì thế, họ bị kẹt trong vòng luân hồi. Cũng như trong biển, những đợt gió thổi làm khởi lên những thức sóng. Sóng nhiều vô tận sinh tử không ngừng. Vì vô minh, chúng ta không biết rằng tâm tạo ra các cảnh giới. 輪迴不已 • 如海因風 • 起諸識浪 • 恆生恆滅 • 不斷不常 • • 而諸衆生 • 不自覺知 •

隨於自識•現眾境界••蓋由真如不守自性•隨染淨緣•不合而合•故輪轉五道也. Muốn thoát ly thì phải bắt đầu từ tâm, nghĩa là phải bảo vệ tự tính, không theo đuổi duyên trần bất tịnh.

Quốc Sư Trung nói: Khi mê thì tính bị vọng tâm che lấp, khi giác thì vọng trở thành (chơn) tính 忠國師云•迷時結性成心•悟時釋心成性•

Lời Kinh:

trải qua trần kiếp, mê hoặc chướng nạn. Như cá lội trong lưới, cuốn theo trường lưu: có lúc tạm thoát, rồi cũng sẽ mắc lại lưới. Vì họ mà Như Lai ưu niệm. Nay ngươi đã muốn hoàn thành bổn nguyện, nhiều kiếp đã phát thệ, quảng độ những kẻ tội khổ, thì Như Lai khỏi lo nghĩ nữa.

Lời giảng:

trải qua trần kiếp, mê hoặc chướng nạn. Như cá lội trong lưới, cuốn theo trường lưu: có lúc tạm thoát, rồi cũng sẽ mắc lại lưới.

mê hoặc: 迷惑• ám chỉ 10 sử. Lợi sử: kiến hoặc; Độn sử 鈍: tư hoặc.

將•入也

Dụ cá: Chúng sinh thường ở trong biển sinh tử. Vì thiếu Huệ Nhãn nên họ thường bị đọa vào ác đồ nhiều hơn là sinh vào

cõi thiện (nhân gian hoặc cõi trời). Nếu không nhờ có Địa Tạng Bồ Tát nhọc công trải qua vô lượng kiếp để cứu độ họ thì đức Phật không khỏi lo âu.

Cá tượng trưng ngũ đạo; **lưới**: tam giới; **trường lưu 長流:** quả báo, hàm ý thời gian lâu dài: khi một nghiệp thành thục thì có thể khiến cả trăm, ngàn, vạn nghiệp khác thành thục theo làm chúng ta chịu quả khổ trường kiếp; **tạm thoát** tạm thời sinh lên cõi trời hoặc người và **mắc lưới** ý nói kẹt trong vòng luân hồi (nhất là đọa tam ác thú). Cá và các loài sống trong nước tượng trưng cho bản tính và tâm thức của chúng sinh bất định. Loài cá tham ăn nên thường bị mắc lưới. Chúng sinh tham tình ái nên mắc lưới ma 魔網.

Vì họ mà Như Lai ưu niệm. Nay ngươi đã muốn hoàn thành bổn nguyện, nhiều kiếp đã phát thệ, quảng độ những kẻ tội khổ, thì Như Lai khỏi lo nghĩ nữa.

Đức Phật có nhiều nỗi lo âu: thân người khó đắc; lục căn khó có đầy đủ; trong các khẩu tài 口辯 khó khăn: tài nghệ và thông minh 才聰 khó đắc; trường thọ khó đắc; minh nhân 明人 khó gặp; Trực tín 直信 khó có; Đại tâm (tâm Bồ Đề) 大心 khó phát; Kinh và Pháp khó nghe; Như Lai khó gặp.

Thời không có Phật chúng sinh như cây không có hoa trái. Phật xuất thế cây trở nên tươi tốt trổ hoa và kết trái.

Những loại phước mà một người hưởng được trong kiếp này là do đã gieo trồng phước đức từ những kiếp trước:

- Tòng minh nhập minh 從明入明; từ sáng vào sáng (phước báu dẫn đến trí huệ),
- Tìm Như Lai vết tích 跡; theo dấu Như Lai ý nói theo gương hạnh của Như Lai mà làm,
- Lũy hành bất chỉ 累行不止: thực hành lâu năm không ngừng;
- Hội ư đạo tràng 會於道場; Hội họp tại đạo tràng (đồng tu)
- Vô hủy kì căn 無毀其根: không phá hoại căn cơ người;
- Bất vong thất tiền công 不亡失前功: không làm mất công lao trước.(tiếp tục tích công lũy đức)

Một khi mất Đạo ý 道意, thì sẽ mất trong rất nhiều kiếp 動有劫數. Cho nên Như Lai mới lo âu.

kẻ tội 罪輩: thích tạo nghiệp.

Vấn: Tại sao ở hai thiện đạo (nhân thiên) mà vẫn bị gọi là kẻ tội?

Đáp: Trời vẫn còn có cái khổ của họ: họ vẫn còn tạo nghiệp. Loài người nếu không biết tu thì sẽ luôn luôn bị mê muội về Đạo Pháp 恆迷道法; hoặc nếu muốn tu hành thiện pháp, thì lại không biết trừ tà báo 不除邪報.

Ví dụ, người tại gia vì chấp ngũ trần 取五塵, nên sinh tâm đấu tranh; người xuất gia vì chấp kiến, nên sinh tâm đấu tranh.

Lời Kinh:

Phật nói xong lời ấy, thì trong pháp hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi là Định Tự Tại Vương, bạch Phật: Thưa đức Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát từ bao kiếp đến nay, đã phát nguyện gì mà ngày nay được đức Thế Tôn ân cần tán than? Thỉnh cầu đức Thế Tôn lược thuyết cho.

Lúc đó, Đức Thế Tôn dạy Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Đế thính! Đế thính! Hãy khéo tư niệm, Như Lai sẽ phân biệt giải thuyết cho các người.

Lời giảng:

Phật nói xong lời ấy, thì trong pháp hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi là Định Tự Tại Vương, bạch Phật: Thưa đức Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát từ bao kiếp đến nay, đã phát nguyện gì mà ngày nay được đức Thế Tôn ân cần tán than? Thỉnh cầu đức Thế Tôn lược thuyết cho.

Ma Ha Tát là một vị đại Bồ Tát. Vị **Định tự tại vương** 定自在王 Ma Ha Tát đắc tự tại nhờ tu định. Ngài không còn vướng ái tình, đắc Thiền nhờ lìa xa dục vọng và thành tựu vô biên công đức. Trong tứ oai nghi ngài không bao giờ rời định.

Lúc đó, Đức Thế Tôn dạy Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Đế thính! Đế thính! Hãy khéo tư niệm, Như Lai sẽ phân biệt giải thuyết cho các người.

Nghe Pháp, nếu chúng ta chuyên tâm thì có thể thành tựu Văn

Pháp Trí Huệ 聞法智慧. Sau khi nghe Pháp thì quán ý nghĩa "思惟其義" thành tựu Tư Huệ. Rồi niệm niệm không quên, tiếp tục quán sâu hơn khiến chuyển được thân tâm (ý nghĩ và hành động) thì sẽ giác ngộ thành tựu Tu Huệ 修慧. Nghe Pháp chân thật phải có đầy đủ tam huệ. Cho nên đức Phật mới nói: "**Đế thính! Đế thính! Hãy khéo tư niệm**".

Lời Kinh:

Trong quá khứ, cách nay vô lượng a tăng kỳ na do tha bất khả thuyết kiếp, có đức Phật hiệu Nhất Thế Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng Phật là sáu vạn kiếp.

Lời giảng:

Trong quá khứ, cách nay vô lượng a tăng kỳ na do tha bất khả thuyết kiếp, có đức Phật hiệu Nhất Thế Trí Thành Tựu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng Phật là sáu vạn kiếp.

Thiên Nhãn của Phật có thể quán về quá xứ xa xôi và thấy rất rõ ràng.

Nhất thế trí thành tựu như lai 一切智成就如來: Ngài thành tựu đủ các loại trí huệ.

A tăng kỳ, na do tha và **bất khả thuyết** là những số rất lớn.

Có ba loại trí huệ:

1. Nhất Thiết Trí 一切智: liễu tri nội ngoại nhất thiết pháp tổng tướng 了知內外一切法總相: biết hết tất cả tổng tướng của các pháp dầu ở trong hay ở ngoài. Tổng tướng tức là Không tướng. Đây là trí huệ của Nhị Thừa.
2. Đạo Chủng Trí 道種智: liễu tri nội ngoại nhất thiết chư pháp biệt tướng 了知內外一切諸法別相: nhận diện được tất cả các biệt tướng của các pháp dầu ở trong hoặc ở ngoài. Biệt tướng là đủ các loại đạo pháp khác biệt 種種差別之道法. Đây là trí huệ của Bồ Tát.
3. Nhất Thiết Chủng Trí (bao gồm cả hai trí huệ trước) 一切種智. Đây là trí huệ của Phật.

Theo Thiên Thai tông, tam trí khởi xuất từ tam quán (Không 空, Giả 假 và Trung 中).

Tiếp theo kinh mô tả mười danh hiệu của Phật.

Như Lai : "Như" vốn không có chỗ hoặc phương hướng, "Lai" là cảm ứng và thị hiện. 來無所從, 如無所去: Ngài cũng không từ nơi nào đến mà cũng không đi đâu cả. "Như" là trí huệ của thỉ giác (始覺之智) và "Lai" là trí huệ của bổn giác (本覺之理): dựa trên lý của bổn giác mà khế hợp với trí huệ của thỉ giác (以本覺的理, 契始覺的智).

Ứng Cúng 應供: "Xứng đáng" , "Nên". Còn được tôn xưng là: "Khám Vi Phước Điền Hiệu 勘為福田號: có thể làm phước điền". Có hai loại công đức điền: 1. Tự lợi: nghiên cứu giáo lý và đắc giác ngộ 2. Lợi tha: dạy người khác khiến họ đắc đại lợi. Phật có thể làm phước điền cho chúng sinh. Ai cúng dường cho ngài sẽ được vô lượng công đức. Ngài xứng đáng nhận cúng dường của nhân thiên.

Chánh Biến Tri 正遍知": "Chánh" là để phân biệt với ngoại đạo (họ không hiểu rằng tất cả các pháp bất động bất hoại 諸法不動不壞); "biến" là để phân biệt với Nhị Thừa, họ đắc thiên Không 偏空 nhưng không hiểu được sự không khác biệt giữa Không và Hữu. Chư Phật không tạo ra một pháp hoặc hai; các ngài biết rõ rằng tất cả các pháp không thừa không tận 不為一法二法 • 以悉知一切法無餘不盡. Không có gì mà các ngài không biết 無所不知. Tri là để phân biệt với phàm phu. Danh hiệu riêng biệt là "Biến Tri Pháp Giới Hiệu 知法界號". Kinh Lăng Nghiêm nói: "Thân cây thông thẳng, gai cong, chim hạc trắng và quạ đen đều biết rõ nguyên nhân 松直棘曲，鵠白烏玄，皆了元由". Ngài biết lý do của tất cả các sự kiện, như biết số lượng của giọt mưa rơi, ngay ngoài cả Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

Minh Hạnh Túc 明行足": "Minh" nghĩa là minh bạch 明白: hiểu; "Hạnh" nghĩa là tu hành. Minh là huệ, hạnh là phước. Đây chỉ phước đức song toàn. Có ba loại minh: 1.

Thiên Nhãn Minh 天眼明 2. Túc Mệnh Minh 宿命明 3. Lậu Tận Minh 漏盡明. Tôn xưng là "Quả Hiển Nhân Đức hiệu 果顯因德號" vì đức hạnh hiển hiện ở trên nhân địa.

Thiện Thệ 善逝: Tôn xưng là "Diệu Vãng Bồ Đề hiệu 妙往菩提號", ám chỉ đức Phật có khả năng đi khắp mười phương và dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh. Hơn nữa, sau khi chứng Bồ Đề thì sẽ không bao giờ khởi phiền não nữa; cũng như quặng vàng, một khi đã luyện thành vàng ròng rồi sẽ không bao giờ trở về trạng thái quặng mõ như trước nữa. Cũng thế,chư Phật qúa khứ đã tu luyện thành Phật rồi (không còn phẩm vị nào cao hơn, thanh tịnh hơn) thì mãi mãi ở trong trạng thái ấy không hề bị thoái hóa 如先佛所去處•佛亦如是去•第一上升永不復還.

Thế Gian Giải 世間解: Ngài đạt ngụy thông chân 達偽通真; tức là hiểu biết rõ ràng tất cả các thế gian pháp. Cũng như Lục Tổ nói: "Phật Pháp tại thế, giác ngộ không lìa thế gian. Bỏ thế gian tìm giác ngộ như tìm thỏ có sừng 佛法在世間，不離世間覺，離世覓菩提，恰如求兔角". Theo một cách nhìn khác thì "giải" nghĩa là biết. Đức Phật thật tình biết rõ ràng cảnh giới chúng sinh. Vì hiểu tường tận nên hoàn toàn không có phiền não. Cho nên ngài chân thật hiểu thế gian.

Vô Thượng Sĩ 無上士: Không còn một tí mê hoặc (như kiến, tư và trần sa hoặc) nên không gì có thể thanh tịnh hơn.

Đức Phật đã trừ bỏ hết các vô minh. Ngài biết rằng ngã (nội) và cảnh (ngoại) đều là không, là giả. Biệt hiệu là "Thông Ngụy Đạt Chân hiệu 通偽達真號". Nói một cách khác, Niết Bàn vô thượng trong tất cả các pháp, đức Phật vô thượng trong tất cả chúng sinh: vì không còn có gì để đoạn trừ nên ngài là Vô Thượng Sĩ.

Điều Ngự Trượng Phu 調御丈夫: Ngài điều phục tất cả chúng sinh trong lục đạo và hướng dẫn họ tiến đến Phật quả. Biệt hiệu là "Nhiếp Hóa Tùng Đạo hiệu 攝化從道號". Ngài có thể thuần hóa tâm của chúng sinh dầu nhiều khi họ phóng túng như ngựa hoang.

Đây là một khái niệm quan trọng. Đức Phật có thể khéo điều phục tất cả các chúng sinh và khuyên họ khéo giữ các căn. Trường A Hàm nói: nên khéo cởi lục nhập. Bảo vệ, duy trì, điều phục chúng nó giống như đất bằng mà có thể điều khiển xe bốn ngựa. Nên biết dùng roi cương để điều khiển khiến chúng nó theo đúng đường.
佛能調伏衆生善護根門••長阿含云•善御六觸•護持調伏•猶如平地•駕四馬車•善調御者•執鞭執控•使不失轍•若云調女人•則不尊重•故名調御丈夫

Thiên Nhân Sư 天人師: làm gương cho người và trời. Biệt hiệu là "Ứng Cơ Thuyết Pháp hiệu 應機說法號". So với các loài khác thì con người có lợi căn và có thể nhập Đạo dễ dàng hơn. Đức Phật thuyết Pháp khiến vô biên nhân thiên

giác ngộ.

Trong những loài chúng sinh do Phật hóa giáo phần đông là nhân thiên.

Phật: biệt hiệu là "Tam Giác Viên Minh hiệu (tự lợi, lợi tha, giác hạnh viên mãn) 三覺圓明號".

Ngài thành tựu Nhất Thiết Trí và biết số lượng của chúng hữu tình cũng như vô tình, thường và vô thường pháp v.v… 一切智慧成就•知衆生非衆生數常無常等法•

Thế Tôn: vì ngài được tôn trọng nhất trong cõi này và cả trong tam giới. Biệt hiệu là "Tam Giới Độc Tôn hiệu 三界獨尊號". Khi Phật Thích Ca ra đời, ngài chỉ một tay lên trời, một tay xuống đất, bước bảy bước và nói: "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn 天上天下, 維我獨尊". Danh hiệu này còn có sáu nghĩa khác:

1. Tự tại 自在.
2. Sí thắng 熾勝.
3. Đoan nghiêm 端嚴.
4. Phổ Văn 普聞.
5. Cát tường 吉祥.
6. Tôn quí 尊貴.

Lời Kinh:

Khi chưa xuất gia, ngài làm một tiểu quốc vương, kết bạn với một tiểu quốc vương lân bang, cùng hành thập thiện, lợi ích chúng sinh. Nhưng đa số dân chúng của hai nước tạo đủ điều ác. Hai vị quốc vương bàn kế, rộng lập phương cách. Một vị phát nguyện chóng thành Phật đạo để độ chúng sanh không sót một ai. Một vị phát nguyện nếu không hóa độ những kẻ tội khổ, làm họ được an lạc, đắc Bồ-Đề trước, thì bản thân tôi chưa muốn thành Phật.

Phật nói với Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Vị quốc vương nguyện sớm thành Phật là Nhất Thế Trí Thành Tựu Như Lai, còn vị quốc vương nguyện nếu không vĩnh độ tội khổ chúng sinh thì chưa muốn thành Phật là Địa Tạng Bồ Tát.

Lời giảng:

Khi chưa xuất gia, ngài làm một tiểu quốc vương, kết bạn với một tiểu quốc vương lân bang, cùng hành thập thiện, lợi ích chúng sinh. Nhưng đa số dân chúng của hai nước tạo đủ điều ác. Hai vị quốc vương bàn kế, rộng lập phương cách.

Kiếp trước, Bồ Tát là một vị vua trước khi xuất gia.

Bạn 友: có thể có những khía cạnh như sau**:**

- 合志 Cùng chung chí hướng
- Giúp đỡ nhau.
- Khuyến khích nhau.

thập thiện 十善**:** là nhân địa căn bản để sinh lên cõi Trời. Kẻ có lòng tin thì phát tâm trồng phước. Như thế thì kiếp sau

không còn lo âu.

Sự Phật Cát Hung Kinh 事佛吉兇經 nói: Thập ác oan gia 十惡怨家: mười ác và kẻ thù oán, thập thiện hậu hữu 十善厚友: mười tốt và bạn thân thiết, an thần đắc Đạo 安神得道: tâm an nhiên và thành Đạo, giai tòng thiện sinh 皆從善生: đều do thiện mà sinh. Hữu năng thủ tín, phước báo tự nhiên 有能守信 • 福報自然: những kẻ có thể giữ lòng tin thì tự nhiên có phước báo. Tòng thiện chí thiện 從善至善: từ tốt để đến chốn tốt. Phi thần thọ dữ 非神授與與: Không do quỉ thần ban cho. Tín giả đắc thực 信者得植: người có lòng tin có cơ hội trồng chủng tử. Tòng sinh vô ưu 後生無憂: kiếp sau không một chút lo âu.

đủ ác chỉ thập ác.

Một vị phát nguyện chóng thành Phật đạo để độ chúng sanh không sót một ai.

Đại Luận nói có hai cách cứu **độ** chúng sinh:

1) Trước hết thì tự độ, sau độ chúng sinh.
2) Trước hết thì độ chúng sinh, rồi sau mới tự độ.

Một vị vua nguyện thành Phật để có đủ trí lực cứu độ chúng sinh.

Một vị phát nguyện nếu không hóa độ những kẻ tội khổ, làm họ được an lạc, đắc Bồ-Đề trước, thì bản thân tôi

chưa muốn thành Phật.

Phật nói với Định Tự Tại Vương Bồ Tát: Vị quốc vương nguyện sớm thành Phật là Nhất Thế Trí Thành Tựu Như Lai, còn vị quốc vương nguyện nếu không vĩnh độ tội khổ chúng sinh thì chưa muốn thành Phật là Địa Tạng Bồ Tát.

xuất gia: Hiền Ngu Kinh 賢愚經 mô tả công đức xuất gia còn lớn hơn núi Tu Di, sâu hơn đại dương, và rộng như không trung. Nhờ thiện căn xuất gia sẽ đắc đạo Bồ đề.

Có bốn loại xuất gia:
1) Thân và tâm xuất gia.
2) Thân xuất nhưng tâm không xuất.
3) Tâm xuất nhưng thân không.
4) Cả thân tâm đều không xuất.

Hai loại thì tốt, hai loại thì xấu.

Lại có ba bậc xuất gia:
1) Xuất thế tục gia 出世俗家: rời gia đình và tình cảm thông thường.
2) Xuất tam thế tục gia 出三世俗家: liễu sinh tử, chứng A La Hán.
3) Xuất vô minh gia 出無明家: chứng Pháp Thân và thành Đạo.

nguyện lực có từ tâm. Trong tất cả các lực, trí lực mạnh nhất.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng a tăng kỳ kiếp trước, có đức Phật xuất thế, danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Ngài thọ mạng bốn mươi kiếp. Trong thời tượng pháp, có một vị La Hán đem phước độ chúng sinh. Nhân khi đi hóa duyên, vị La Hán ấy gặp một nữ nhân tên Quang Mục, thiết trai cúng dường.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng a tăng kỳ kiếp trước, có đức Phật xuất thế, danh Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Ngài thọ mạng bốn mươi kiếp.

xuất thế. Theo Nhân Quả Kinh 因果經, trước khi xuất thế, còn là Đẳng Giác Bồ Tát, trụ ở Đâu Suất Đà thiên, ngài quán năm thứ:

1) Căn cơ chúng sinh thành thục chưa,
2) Đúng thời chưa
3) Sinh vào nước nào,
4) Sinh vào giòng dõi nào,
5) Nên chọn ai làm cha mẹ (theo nhân duyên cũ).

Hoa sen bên Ấn Độ màu xanh, tương tự như mắt Phật. Cho nên có danh hiệu là **Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai**. Trong các 32 tướng hảo, mặt Phật đều đặn, phúc hậu, tươi sáng, hòa dịu ví như mãn nguyệt (trăng tròn) và mắt đẹp đẽ hiền từ như cánh hoa sen. Đó là do tất cả các ác đều đoạn xong và các thiện đã hoàn tất, cho nên mắt ngài tự nhiên tỏa ra vẻ đẹp tuyệt diệu và thanh khiết giống như Tịnh Hoa Sen.

Trong thời tượng pháp, có một vị La Hán đem phước độ chúng sinh. Nhân khi đi hóa duyên, vị La Hán ấy gặp một

nữ nhân tên Quang Mục, thiết trai cúng dường.

Đời xưa, sau khi đắc Đạo thì những bậc tu hành thường xuống núi giúp đời 遊化人間, 廣度有緣人.

La Hán: Danh từ Phạn này có ba nghĩa:

1. Vô sinh 無生: Họ không còn phải trải qua sinh tử trong tam giới.
2. Sát tặc 殺賊: 98 sử của kiến tư phiền não tặc đều bị tiêu diệt 九十八使見思煩惱賊滅.
3. Vô lậu 無漏: Ngài chứng đắc vô lậu và có thể giúp loài người đắc vô lậu phước (Giới định huệ) 自福不漏.

thiết trai cúng dường có năm công đức:

1. Bố thí mạng 施命.
2. Bố thí sắc 施色.
3. Bố thí lực 施力.
4. Bố thí an 施安.
5. Bố thí biện 施辯.

Tổng cộng thành năm phước. Nếu cúng dường cho A La Hán thì phước tăng thêm trăm lần.

Quang Mục: Người Trung Hoa tin rằng nguyên khí của ngũ tạng và lục quan trụ ở mắt. Tinh khí ở mắt. Tinh của xương trụ ở ngươi, càng thuần thì màu ngươi càng đậm 準靈樞 •

五藏六府之精氣•皆上住於目•而為精••精之窠為眼••骨之精為瞳子••節之精為黑眼•

Lời Kinh:

Vị La Hán hỏi: Muốn cầu nguyện gì?

Quang Mục thưa: Từ ngày mẹ mất, con rộng tu phước để cứu vớt cho mẹ; không biết hiện nay sinh đến chỗ nào?

Lời giảng:

Vị La Hán hỏi muốn cầu nguyện gì?

A La Hán là thánh nhân. Cúng dường cho họ tạo phước cõi người và trời và có thể giúp được như ý 人天之福皆能如意.

Quang Mục thưa: Từ ngày mẹ mất, con rộng tu phước để cứu vớt cho mẹ; không biết hiện nay sinh đến chỗ nào?

Cô ta chỉ muốn biết mẹ ở nơi nào, biểu lộ lòng biết ơn thâm sâu với mẹ.

Kinh Niết Bàn nói: Biết ơn là nguồn gốc của đại bi. Người không biết ơn còn tệ hơn súc sinh 知恩者•大悲之本•不知恩者•蜃於畜生•

Lời Kinh:

Vị La Hán thương tình nhập định quan sát, thấy mẹ Quang Mục đọa ác đạo, thọ cực đại khổ. Ngài hỏi Quang Mục: Mẹ con lúc sống tạo hạnh nghiệp gì mà nay phải thọ cực đại khổ trong ác đạo?

Lời giảng:

Vị La Hán thương tình nhập định quan sát, thấy mẹ Quang Mục đọa ác đạo, thọ cực đại khổ. Ngài hỏi Quang Mục: Mẹ con lúc sống tạo hạnh nghiệp gì mà nay phải thọ cực đại khổ trong ác đạo?

A La Hán cần tác ý để quán sát 作意觀察, còn Bồ Tát thì có thể biết mà không cần tác ý.

thấy 見: chỉ khả năng thấy qua Huệ Nhãn.

thọ cực đại khổ: bà ta đang ở trong địa ngục vô gián.

Ngài hỏi Quang Mục: Mẹ con lúc sống tạo hạnh nghiệp gì mà nay phải thọ cực đại khổ trong ác đạo?

Vấn: Theo Đại Luận, Huệ Nhãn đã hoàn toàn ngừng phân biệt bất cứ tướng nào 盡滅一異相, cũng không thọ nhận tất cả các pháp 不受一切法. Nhưng Huệ Nhãn không thể độ chúng sinh vì thiếu sự phân biệt 無所分別 • 故生法眼. Vị này là A La Hán đã chứng không tịch 了知空寂, làm sao mà ngài có thể thấy được nơi chốn mà mẹ cô ta đang thọ quả báo?

Đáp: Huệ Nhãn liễu Không 慧眼知空, vì không chấp cảnh nên điều phục được cảnh 調於境不著. Chứ không phải họ không thấy gì cả như người mù 豈如生亡盲•全無所見也? Cho nên Đại Phẩm mới nói 故大品云: Huệ Nhãn của Bồ Tát 慧眼菩薩•không có pháp nào mà không thấy 無法不見•và không có pháp nào mà không nhận 無法不識. (Vì huệ nhãn bình đẳng trong không tịch)Mặc dầu vị A La Hán có thể quan sát (với Thiên Nhãn) những sự việc trong Đại Thiên Thế Giới 能觀大千世界事, nhưng lại không biết nguyên nhân 但不能知其因 cho nên ông ta mới hỏi.

Lời Kinh:

Quang Mục thưa: Thói quen của mẹ con chỉ thích ăn loài cá và ba ba. Thích ăn nhất là cá và ba ba con. Hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn. Số lượng sinh mạng của chúng, tính ra, hơn ngàn vạn. Xin tôn giả từ mẫn mà dạy cho con biết làm cách nào để cứu mẹ.

Lời giảng:

Quang Mục thưa: Thói quen của mẹ con chỉ thích ăn loài cá và ba ba. Bà ta thích ăn đồ biển như rất nhiều người đời nay**. Thích ăn nhất là cá và ba ba con. Hoặc chiên hoặc nấu, tha hồ mà ăn. Số lượng sinh mạng của chúng, tính ra, hơn ngàn vạn. Xin tôn giả từ mẫn mà dạy cho con biết làm cách nào để cứu mẹ.**

Có thói quen như vậy thì đã tạo ra thật nhiều nghiệp! Bà mẹ ham ăn nên đã giết khá nhiều chúng sinh. Có câu thơ:

"千百年來碗裏羹 Cả trăm ngàn năm nay, bao nhiêu tô canh,
寃深似海恨難平 Tạo oán hận sâu như biển, không thể giải.
欲知世上刀兵劫 Nếu muốn biết tại sao thế gian có nạn binh đao,
試聽屠門夜半聲 Hãy nghe âm thanh từ cửa hàng đồ tể lúc nữa đêm."

Lời Kinh:

Vị La Hán vì xót thương ,chỉ dạy cách thức, khuyên Quang Mục hãy chí thành trì niệm danh hiệu của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, và đắp vẽ hình tượng của ngài mà thờ phụng, thì kẻ còn người mất đều được phước báo.

Lời giảng:

Vị La Hán vì xót thương ,chỉ dạy cách thức, khuyên Quang Mục hãy chí thành trì niệm danh hiệu của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai

Muốn được cảm ứng thì phải có tâm **chí thành**.

A La Hán chưa diệt trừ tất cả vô minh nên chưa chứng Pháp Thân. Thần thông của họ còn thua thần thông của Bồ Tát.

Họ chưa đủ sức cứu chúng sinh thoát khổ.

và đắp vẽ hình tượng của ngài mà thờ phụng, thì kẻ còn người mất đều được phước báo.

kẻ còn người mất: tạo hình tượng sẽ làm lợi cho cả người quá cố và người còn sống. Không những phước báo tăng trưởng mà trí huệ cũng tăng trưởng.

Bàn về lập vẽ hình tượng Phật Bồ Tát, một vị vua hỏi đức Phật: "sau khi Phật nhập Diệt, nếu chúng sinh tạo hình tượng Phật thì được phước gì?" Đức Thế Tôn đáp: "Những kẻ tạo hình tượng của Như Lai sẽ đắc vô tận phước đức không kể xiết. Đời đời, họ sẽ không đọa ác thú. Họ sẽ sinh vào cõi Trời, người để hưởng phước lạc, cho đến sinh làm Phạm Thiên Vương. Tướng mạo đoan trang vô cùng. Đến khi đầy đủ phước đức nhân duyên họ sẽ sinh vào quốc độ của Phật A Di Đà, thành đại Bồ Tát, cho đến thành đại Bồ Tát tôn quí và cuối cùng sẽ thành Phật".

Lời Kinh:

Quang Mục nghe vậy, tức khắc xả bỏ những gì mình yêu thích, đắp vẽ tượng Phật mà cúng dường. Cùng cực tôn kính, Quang Mục thầm khóc, chiêm ngưỡng mà lễ lạy. Bỗng sau nữa đêm ấy, Quang Mục mộng thấy thân Phật ánh vàng rực rỡ, như núi Tu Di, phóng ánh sáng lớn.

Lời giảng:

Quang Mục nghe vậy, tức khắc xả bỏ những gì mình yêu thích, đắp vẽ tượng Phật mà cúng dường.

Cô ta hy sinh hết tất cả các vật sở hữu để cúng dường, chứng tỏ một hành động cực kỳ thành tâm. Cho nên cô ta được cảm ứng và thấy thân Phật.

Cùng cực tôn kính, Quang Mục thầm khóc, chiêm ngưỡng mà lễ lạy. Bỗng sau nữa đêm ấy, Quang Mục mộng thấy thân Phật,

mộng thấy Phật là rất tốt.

Có bốn loại mộng:

1. Tứ đại bất hòa mộng 四大不和夢 (thấy núi sập, bị giặc cướp, cọp, chó sói v.v... đuổi bắt).
2. Tiên kiến mộng 先見夢 (ban ngày thấy thì ban đêm mơ).
3. Thiên nhân mộng 天人夢 (trời người báo mộng thiện ác khiến người đắc thiện ác sự 天人現善惡 • 令人得善惡事).
4. Tưởng mộng 想夢 (do phước báu hoặc nghiệp chướng từ kiếp trước; bây giờ thị hiện ra thiện hoặc ác mộng).

Hai loại mộng đầu là giả, hai loại mộng sau là thật. Giấc mơ của Quang Mục thuộc hai loại sau.

Xuất Sinh Bồ Đề Tâm Kinh 出生菩提心經 nói: "Nếu có thể mơ thấy hình tượng Phật toàn vẹn và trang nghiêm, chúng sinh nên sinh tâm hoan hỉ. Họ sẽ chắc chắn thành Điều Ngự Sư 調御師.

ánh vàng rực rỡ, như núi Tu Di, phóng ánh sáng lớn.

ánh vàng rực rỡ 金色晃耀: Mặt phía Đông của núi Tu Di toàn làm bằng vàng 大須彌東面 • 及小須彌七山 • 純是黃金. Ánh sáng thân Phật còn sáng hơn áng sáng của kim sơn.

Lời Kinh:

mà bảo Quang Mục : Mẹ con không bao lâu nữa sẽ sinh vào nhà con, vừa biết đói lạnh là biết nói.

Sau đó, nữ tỳ trong nhà Quang Mục sinh một đứa bé, chưa đầy ba ngày đã biết nói. Cúi đầu, tủi khóc, đứa bé bảo Quang Mục: Sinh tử nghiệp duyên, phải tự chịu quả báo. Ta là mẹ con đây, lâu nay phải ở trong chỗ tối tăm. Từ khi biệt ly con, phải đọa trong đại địa ngục. Nhờ phước lực con làm mới được sinh lại làm người, nhưng vào hạng hèn hạ và chết yểu ; năm mười ba tuổi sẽ lại bị đọa ác đạo. Con có cách gì cứu mẹ cho vĩnh thoát?

Lời giảng:

mà bảo Quang Mục : Mẹ con không bao lâu nữa sẽ sinh vào nhà con, vừa biết đói lạnh là biết nói.

Sau đó, nữ tỳ trong nhà Quang Mục sinh một đứa bé, chưa đầy ba ngày đã biết nói.

Đây là điển hình công đức chuyển quả báo nặng thành nhẹ.

chưa đầy ba ngày mà đã biết nói: thông thường thì phải hai ba năm thì con nít mới biết nói. Chắc đây là do thần lực Phật giúp đức bé nhớ nhân duyên kiếp trước.

Cúi đầu, tủi khóc, đứa bé bảo Quang Mục: Sinh tử nghiệp duyên, phải tự chịu quả báo. Ta là mẹ con đây, lâu nay phải ở trong chỗ tối tăm.

Chúng ta không nên nghi ngờ luật nhân quả. Tạo nghiệp thì chắc chắn phải chịu **quả báo**.

Từ khi biệt ly con, phải đọa trong đại địa ngục. Nhờ phước lực con làm mới được sinh lại làm người, nhưng vào hạng hèn hạ và chết yểu ; năm mười ba tuổi sẽ lại bị đọa ác đạo. Con có cách gì cứu mẹ cho vĩnh thoát?

Thập Địa Luận 十地論 nói: Tạo nghiệp sát sinh sẽ phải chịu ba quả báo:

1. Nhất dị thục quả 一異熟果: nghĩa là sinh vào tam ác thú.
2. Đẳng lưu quả 等流果: khi sinh vào cõi người thì bị nhiều bịnh và chết yểu.
3. Tăng thượng quả 增上果: ngoại vật sở hữu thường là hạ phẩm và không bền.

Nếu không nhờ công đức cúng dường của cô ta thì mẹ đã không thoát được tam ác thú! Thoát ra thì phải sinh vào hàng hạ tiện!

Lời Kinh:

Quang Mục nghe nói, biết đích thật mẹ mình, nghẹn ngào

khóc mà hỏi: Nếu đúng là mẫu thân thì biết bổn tội, đã làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa ác đạo?

Đứa bé nói : Sát hại và hủy mạ, vì hai nghiệp ấy mà phải thọ báo. Nếu không nhờ phước con làm để cứu khổ nạn cho mẹ, thì vì nghiệp ấy đáng lẽ mẹ chưa được giải thoát.

Quang Mục hỏi : Tội báo địa ngục như thế nào?

Đứa bé nói : Tội khổ ấy nói ra thật bất nhẫn. Mà có nói đi nữa, trăm ngàn năm cũng không cùng.

Lời giảng:

Quang Mục nghe nói, biết đích thật mẹ mình, nghẹn ngào khóc mà hỏi: Nếu đúng là mẫu thân thì biết bổn tội, đã làm hạnh nghiệp gì mà phải đọa ác đạo?

Trước thì Quang Mục mơ thấy Phật nay lại nghe đứa bé kể. Cho nên cô ta không còn nghi ngờ gì nữa.

Đứa bé nói : Sát hại và hủy mạ, vì hai nghiệp ấy mà phải thọ báo. Nếu không nhờ phước con làm để cứu khổ nạn cho mẹ, thì vì nghiệp ấy đáng lẽ mẹ chưa được giải thoát.

Quang Mục hỏi : Tội báo địa ngục như thế nào?

Đứa bé nói : Tội khổ ấy nói ra thật bất nhẫn. Mà có nói đi nữa, trăm ngàn năm cũng không cùng.

Nghiệp sát sinh (nặng nhất trong các loại nghiệp 眾罪之上) và phỉ báng (được kể là nặng vì đây là sự bắt đầu của vạn ác

萬惡之先) đã làm cho bà mẹ đọa địa ngục.

Hiền Ngu Kinh 賢愚經 kể, một người mẹ bảo con 蘇曼女告諸子曰: tạo nghiệp sát sinh thì sẽ bị đọa địa ngục chịu đủ loại khổ sở phiền não trăm ngàn vạn ức kiếp. Có thể đọa thành hưu, thỏ hoặc đủ loại súc vật và lính ngục giành giựt nhau tra tấn. Nỗi khổ này phải trải qua trường kiếp, có mong thoát khỏi cũng không được. Tuân tử nói rằng: 荀子云 lời êm ngọt như vải mềm mại giử cho ấm áp, thô ngữ thì làm đau đớn như bị giáo đao đâm chém. Tội phỉ báng thì chịu quả khổ tệ hơn nữa. Cho nên Thành Luận 成論 nói: nếu có người dùng bạo ngữ, hoặc thô ngữ, thì sẽ phải đọa vào loại địa ngục tương ưng mà chịu khổ. Sát sinh liệt vào hàng đầu của các nghiệp. Phỉ báng là bước đầu của vạn ác.

Lời Kinh:

Quang Mục nghe vậy, hướng lên hư không gào khóc mà bạch rằng : Nguyện cho mẹ con vĩnh thoát địa ngục, hết mười ba tuổi thì không còn trọng tội, và miễn vào ác đạo. Chư Phật mười phương xin từ mẫn con, chứng minh cho con vì mẹ mà phát đại quảng nguyện: "Nếu mẹ con được vĩnh thoát tam ác đồ và thân người hèn hạ, cho đến thân nữ nhân cũng vĩnh viễn không làm nữa, thì trước tượng đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, con nguyện từ nay sắp đi, cho đến trăm ngàn vạn ức kiếp sau, bao nhiêu tội khổ chúng sinh ở trong địa ngục và tam ác đạo của các thế giới, con thề nguyện cứu vớt, khiến họ lìa địa ngục, ác thú, súc sinh, ngạ quỉ đẳng khi những kẻ tội báo ấy thành Phật cả rồi ,con mới thành Chánh Đẳng Chánh Giác."

Lời giảng:

Quang Mục nghe vậy, hướng lên hư không gào khóc mà bạch rằng : Nguyện cho mẹ con vĩnh thoát địa ngục, hết mười ba tuổi thì không còn trọng tội, và miễn vào ác đạo.

Quang Mục hiểu được sự thống khổ cõi địa ngục. Cho nên cô ta mong rằng mẹ mình sẽ không bao giờ chịu quả khổ như thế nữa. Lại mong rằng sau khi trả quả định nghiệp cho đến lúc **mười ba tuổi**, thì sẽ vĩnh viễn rời ác đạo.

Chư Phật mười phương xin từ mẫn con, chứng minh cho con vì mẹ mà phát đại quảng nguyện:

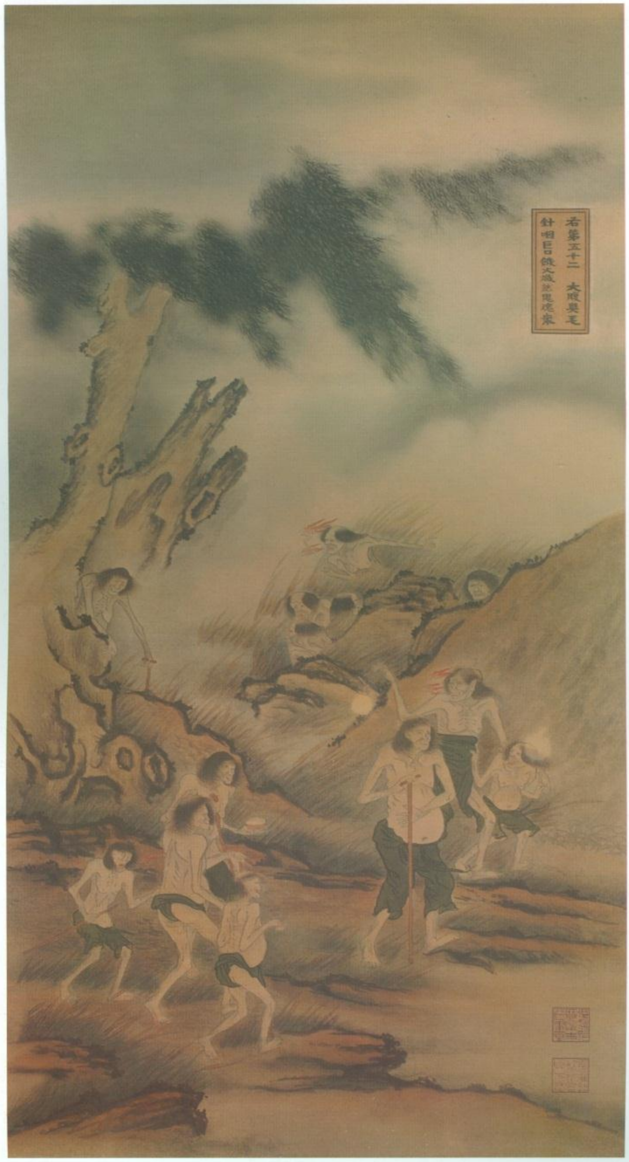
Cô ta liền lập đại nguyện để tạo đại phước báu giúp mẹ mình liễu khổ mau chóng.

Chư Phật mười phương: Quang Mục cầu xin chư Phật mười phương chứng minh:

1. Chứng nhận rằng tâm lập nguyện thật quảng đại.
2. Phát Bồ đề tâm, hiển hiện lòng từ mẫn của chư Phật cho tam ác thú và hàng hạ tiện

Đây là dùng nước thác mà dẹp tiêu lửa nhỏ (tượng trưng cho nghiệp của mẹ cô).

右序第五十二 大腹臭毛针咽巨口饥火炽鬼魂众



Ngạ quỉvới bụng to như trống và cổ nhỏ như kim

"Nếu mẹ con được vĩnh thoát tam ác đồ và thân người hèn hạ, cho đến thân nữ nhân cũng vĩnh viễn không làm nữa, thì trước tượng đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, con nguyện từ nay sắp đi, cho đến trăm ngàn vạn ức kiếp sau, bao nhiêu tội khổ chúng sinh ở trong địa ngục và tam ác đạo của các thế giới, con thề nguyện cứu vớt, khiến họ lìa địa ngục, ác thú, súc sinh, ngạ quỉ đẳng khi những kẻ tội báo ấy thành Phật cả rồi ,con mới thành Chánh Đẳng Chánh Giác."

Sau khi đọa địa ngục, chịu vô lượng khổ sở (chánh báo thứ nhất), thì sau đó ra khỏi địa ngục, sinh vào loại súc sinh phải cày bừa lao nhọc và không đủ cỏ ăn, nước uống (chánh báo thứ nhì). Sau đó thì sinh làm ngạ quỉ và chịu quả khổ đói khát: họ không nghe được danh từ nước, và các thức uống, món cả trường vạn kiếp. Cổ họ nhỏ bằng cây kim và bụng thì to như trống. Nhận được ẩm thực đưa đến miệng thì biến thành hỏa than (chánh báo thứ ba). Hết nghiệp nơi tam đồ, họ sinh vào cõi người nhưng thuộc vào hạng bần cùng hạ tiện, làm tôi tớ cho người, không có tự do, thường xuyên không được sở cầu như ý, chẳng có của cải châu báu gì cả.

Lời Kinh:

Phát thệ nguyện rồi, lại nghe rõ Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai bảo: Quang Mục, lòng từ mẫn của con thật lớn lao, biết vì mẹ mà phát đại nguyện. Ta thấy mẹ con hết mười ba tuổi, bỏ báo thân này rồi, sẽ sinh làm một phạm chí, sống trăm năm. Hết quả báo ấy thì vãng sinh Vô Ưu quốc độ, thọ mạng bất khả tính kiếp. Sau thành Phật quả, quảng độ nhân thiên, nhiều như cát sông Hằng.

Lời giảng:

Phát thệ nguyện rồi, lại nghe rõ Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai bảo: Quang Mục, lòng từ mẫn của con thật lớn lao, biết vì mẹ mà phát đại nguyện. Ta thấy mẹ con hết mười ba tuổi, bỏ báo thân này rồi, sẽ sinh làm một phạm chí, sống trăm năm.

Đức Phật có thể biết tương lai và thấy rằng đại nguyện lực của Quang Mục chuyển quả báo hạ tiện thành tôn quí (**Phạm chí** là giòng Bà La Môn, giai cấp xã hội cao nhất lúc đó). Thọ mạng lại tăng trưởng để có thể hưởng nhiều phước lạc.

Hết quả báo ấy thì vãng sinh Vô Ưu quốc độ, thọ mạng bất khả tính kiếp. Sau thành Phật quả, quảng độ nhân thiên, nhiều như cát sông Hằng.

Vô Ưu quốc độ: là Tây Phương Cực Lạc; ở đó không có khổ não, tâm cảnh đều hỷ lạc.

Lưu lạc trong luân hồi tạo những khổ nạn như sau:

1. Đọa địa ngục: chịu quả báo rất thống khổ.
2. Sinh giòng hạ tiện.
3. Thọ mạng ngắn ngủi: Sống khổ sở trong 13 năm rồi lại đọa xuống ác thú.
4. Sinh làm Phạm chí: sẽ theo tà đạo và sinh tâm ngạo mạn.

Trong Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh 一切法高王經, đức Phật bảo A Nan Đà: "Tất cả Bồ Tát, Ma Ha Tát, khi họ phát Bồ Đề tâm lần đầu tiên, ngay lúc ấy, họ đã là phước điền cho các Thanh Văn, Duyên Giác và chúng sinh. Số lượng

những người được cứu độ nhiều như cát sông Hằng".

Lời Kinh:

Phật dạy Định Tự Tại Vương: Vị La Hán phước độ Quang Mục lúc ấy, nay là Vô Tận Ý Bồ Tát. Mẹ của Quang Mục nay là Giải Thoát Bồ Tát. Còn Quang Mục thì chính là Địa Tạng Bồ Tát; trong nhiều kiếp lâu xa về quá khứ, đại sĩ đã từ mẫn, phát nguyện nhiều như cát sông Hằng, quảng độ chúng sinh.

Lời giảng:

Phật dạy Định Tự Tại Vương: Vị La Hán phước độ Quang Mục lúc ấy, nay là Vô Tận Ý Bồ Tát. Mẹ của Quang Mục nay là Giải Thoát Bồ Tát. Còn Quang Mục thì chính là Địa Tạng Bồ Tát;

Vô Tận Ý Bồ Tát, trong quá khứ tu theo Tiểu Thừa. Bây giờ đã chuyển hướng theo Đại Thừa. Cho nên hạnh nguyện đều vô tận. Tất cả đều vô tác 無作.

Giải Thoát Bồ Tát đã nguyện đi vòng quanh tam giới rồi xuống địa ngục để cứu thoát chúng sinh

trong nhiều kiếp lâu xa về quá khứ, đại sĩ đã từ mẫn, phát nguyện nhiều như cát sông Hằng, quảng độ chúng sinh.

từ mẫn: Đại Luận nói: "Căn bản của thiện căn là gì? Là từ tâm. Nếu từ tâm thiếu Thập Lực, Tứ Vô Úy, và 32 tướng hảo của Phật thì đó là tâm từ của Tiểu Thừa. Nếu có đầy đủ thì

đó là tâm từ của Như Lai, là đại Pháp tụ 大法聚, là đích thị Niết Bàn. Lực của từ tâm rất quảng đại thâm sâu, có đầy đủ các phước đức và trang nghiêm."

Lời Kinh:

Trong đời vị lai, bất cứ nam tử hay nữ nhân, không làm lành mà làm ác, cho đến không tin nhân quả, hoặc tà dâm vọng ngữ, hay lưỡng thiệt ác khẩu, phỉ báng Đại Thừa, những nghiệp chúng sinh như vậy, tất đọa ác thú. Nếu gặp thiện tri thức, khuyến khích qui y Địa Tạng Bồ Tát, dẫu chỉ trong một khảy móng tay, những chúng sinh ấy tốc giải thoát tam ác đạo báo.

Nếu hết lòng qui kính, chiêm lễ, tán thán, hay cúng dường hương hoa, y phục, các thứ trân bảo, hoặc ẩm thực, thì trong vị lai trăm ngàn vạn ức kiếp, thường tại cõi thiên, thọ thắng diệu lạc. Nếu phước hết, sinh xuống nhân gian, cũng còn trăm ngàn kiếp thường làm đế vương, nhớ được nhân quả gốc ngọn về đời trước của mình.

Định Tự Tại Vương, Địa Tạng Bồ Tát có như thị bất khả tư nghị đại oai thần lực, quảng ích lợi chúng sinh. Chư vị Bồ Tát đẳng hãy nhớ kinh này và rộng tuyên lưu bố.

Định Tự Tại Vương thưa Phật: Bạch đức Thế Tôn, xin đức Thế Tôn đừng lo nghĩ. Chúng con, trăm ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát, tất năng thừa oai thần của Phật mà quảng diễn thuyết kinh này tại châu Diêm Phù, lợi ích chúng sinh.

Thưa đức Thế Tôn như vậy rồi, Định Tự Tại Vương chắp

tay cung kính đảnh lễ lui về chỗ của mình.

Lời giảng:

Trong đời vị lai, bất cứ nam tử hay nữ nhân, không làm lành mà làm ác, cho đến không tin nhân quả, hoặc tà dâm vọng ngữ, hay lưỡng thiệt ác khẩu, phỉ báng Đại Thừa, những nghiệp chúng sinh như vậy, tất đọa ác thú. Nếu gặp thiện tri thức, khuyến khích qui y Địa Tạng Bồ Tát, dẫu chỉ trong một khảy móng tay, những chúng sinh ấy tốc giải thoát tam ác đạo báo.

Theo Đại Luận: một con quỉ có đầu heo. Miệng đầy sâu bọ. Thân lại có ánh sáng vàng. Trong kiếp trước, hắn là một tỳ kheo thường mắng nhiếc khách tăng. Nhưng lại giữ thân giới thanh tịnh. Cho nên bây giờ thì thân có áng sáng vàng. Vì dùng thô ngữ nên qủa báo miệng đầy sâu bọ. Đại Luận lại bổ túc: chẳng thà dùng dao cắt lưỡi hơn là dùng ác ngữ, thô ngôn phỉ báng Đại Thừa, đó là nhân đọa vào ác thú.

thiện tri thức: có khả năng (thiện 善 nghĩa là năng 能: có thể) để tri (知: biết; biết rằng tam giới như nhà cháy) và thức (識: nhận thức ngoại cảnh). Có ba loại thiện tri thức:

1. Ngoại hộ 外護: giúp người khác tu.
2. Đồng hạnh 同行: tu chung (có thể khéo léo làm như cái gương để giúp người khác nhận ra lỗi của họ; hơn nữa, cũng như chuốt ngọc: có khi phải cắt, khi thì mài, lúc thì đánh bóng).
3. Giáo thọ 教授: giảng Pháp và phổ biến Phật Pháp.

知 tri: nghe đến tên; Thức (識): gặp mặt 見形.

Một **khảy móng tay** khoảng 64 sát na. Mỗi sát na 刹那 khoảng 20 nháy mắt (瞬) và có 900 sinh diệt 生滅. Mỗi nháy mắt có khoảng 20 niệm 念. Trong một khảy móng tay, Địa Tạng Bồ Tát có thể tiêu diệt vô lượng nghiệp nặng của chúng sinh tránh quả khổ cho họ. Đó là vai trò của thiện tri thức.

Nếu hết lòng qui kính, chiêm lễ, tán thán, hay cúng dường hương hoa, y phục, các thứ trân bảo, hoặc ẩm thực, thì trong vị lai trăm ngàn vạn ức kiếp, thường tại cõi thiên, thọ thắng diệu lạc.

hương: tượng trưng cho khả năng hưởng thiền lạc. Vì sự cúng dường này, chúng ta trồng nhân để đắc Trí Vô Ngại của Như Lai 是能悅懌三昧 • 以此供養 • 即得如萊無礙之智.

hoa là bảo trang nghiêm tam muội. Vì cúng hoa mà chúng ta sẽ mau thành tựu 48 diệu tướng của Như Lai 是寶莊嚴三昧 • 以此供養 • 速得如萊四八妙相.

Chiên Đàn Hương tỳ kheo: khi ông ta ra đời, chân lông tiết ra mùi hương chiên đàn. Miệng thì thơm mùi hoa sen xanh (優鉢華 ưu bát hoa). Đó là vì đã dùng hương chiên đàn cúng dường bảo tháp của Tỳ Bà Thi Phật 毘婆尸.

y phục để che nắng che mưa.

Trân bảo trang sức quý báu để tạo vẻ đẹp.

Nếu phước hết, sinh xuống nhân gian, cũng còn trăm ngàn kiếp thường làm đế vương, nhớ được nhân quả gốc ngọn về đời trước của mình.

Định Tự Tại Vương, Địa Tạng Bồ Tát có như thị bất khả tư nghị đại oai thần lực, quảng ích lợi chúng sinh. Chư vị Bồ Tát đẳng hãy nhớ kinh này và rộng tuyên lưu bố.

nhớ được nhân quả gốc ngọn về đời trước của mình 憶宿命因果本末: chỉ túc mạng thông. Trong Kinh A Ma Họa 阿摩晝經, đức Phật nói rằng vì tâm ngài trong định nên thanh tịnh không ô nhiễm, nhu nhuyễn, khéo điều hòa. Vì thế có thể nhớ được những biến cố của nhiều kiếp. Nếu tâm thanh tịnh, chúng ta có thể nhớ sự kiện của một đời cho đến vô lượng đời; thấy thành kiếp và hoại kiếp, đã từng chết ở thế giới này và sinh vào thế giới khác. Lại còn nhớ giòng họ và giai cấp, ẩm thực đầy đủ hay thiếu thốn, ngon hay dỡ, mạng sống dài hay ngắn, và những hình dạng, sắc mặt, sang hèn...

Chư vị Bồ Tát đẳng hãy nhớ kinh này và rộng tuyên lưu bố: nhờ thế mà chúng ta mới có cơ hội gặp kinh này.

Định Tự Tại Vương thưa Phật: Bạch đức Thế Tôn, xin đức Thế Tôn đừng lo nghĩ. Chúng con, trăm ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát, tất năng thừa oai thần của Phật mà quảng diễn thuyết kinh này tại châu Diêm Phù, lợi ích chúng sinh.

Kinh này nên được phổ biến rộng rãi để lợi ích nhiều chúng sinh.

Thưa đức Thế Tôn như vậy rồi, Định Tự Tại Vương chắp tay cung kính đảnh lễ lui về chỗ của mình.

Lời Kinh:

Lúc ấy bốn vị Thiên vương cùng đứng dậy, chắp tay cung kính mà thưa: Bạch đức Thế Tôn, từ cữu viễn kiếp, Địa Tạng Bồ Tát đã phát đại nguyện như trên, vì sao đến nay sự hóa độ của đại sĩ vẫn chưa xong, lại phải phát thêm quảng đại thệ, chúng con thỉnh cầu đức Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.

Lời giảng:

Lúc ấy bốn vị Thiên vương cùng đứng dậy, chắp tay cung kính mà thưa,

Tứ Thiên Vương cư trú ở bốn phương giữa lưng chừng núi Tu Di trong các lâu đài cao 42.000 do tuần 由旬, làm bằng thất bảo: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, xa cừ, xích châu, và mã não. Lâu đài được bao quanh bởi bảy vòng lan can, bảy vòng lưới, và bảy hàng cây. Chim chóc hót líu lo. Tứ Thiên Vương có rất nhiều thần thông.

Vị vua phương Đông, Đề Đầu Lại Trá 提頭賴吒, dịch ra là "Trì Quốc Vương 持國王," 黃金埵, đất bằng vàng. Ông có 99 con trai, đều tên Nhân Đà La. Vua thủ lảnh hai nhóm quỉ thần: Càn thát bà 乾闥婆 và Phú đan na 富單那.

Càn thát bà 乾闥婆 (nghĩa là tầm hương 尋香) là nhạc sĩ ở cõi trời. Họ rất thích hương nên thường tụ họp tại nơi nào có đốt hương. Đế Thích, thủ lảnh của các Nhân Đà La, có một loại hương tuyệt diệu, hiếm có (hương chiên đàn). Mỗi khi muốn gọi Càn thát bà đến để hòa tấu nhạc, Đế Thích ra lệnh đốt hương. Ngài vẫn còn chấp trước vào các trần và thích nghe nhạc.

Phú đan na 富單那 là quỉ hôi hám. Họ đến đâu thì đem theo mùi hôi nồng nặc, truyền loại bịnh nhiệt và là loại quỉ đói thượng lưu (主熱病鬼; 餓鬼中勝者).

Vị vua phương Nam gọi là Bỳ Lưu Lặc Xoa 毘留勒叉, dịch là "tăng trưởng 增長," 琉璃埵 (đất bằng lưu ly) vì có thể tăng trưởng thiện căn của chúng sinh. Vua cũng có 99 người con trai, đều tên Nhân Đà La 因陀羅. Thật ra, mỗi Tứ Thiên Vương đều có 99 người con trai tên Nhân Đà La, cho nên có hết thảy 396 Nhân Đà La.

Vua Bỳ Lưu Lặc Xoa cũng lãnh đạo hai loại quỉ thần: Cưu bàn trà 鳩槃茶 và Lệ tiết đa 薜荔多.

Cưu bàn trà được gọi là "viễn" quỉ (遠鬼) vì chúng nó thường lánh xa loài người, và cũng được gọi là thùng quỉ hoặc dưa quỉ vì hình thù (không có chân tay hoặc đầu; họ có thể hiện ra trong mộng, ngồi trên thân khiến chúng ta ngộp thở 夢壓鬼). Lệ tiết đa còn được gọi là “cận" quỉ (近鬼) vì bọn chúng thích thân cận loài người. Họ thường giả làm

linh hồn của tổ tiên ở các bài vị tổ tiên (最劣的惡鬼).

Vị vua phương Tây gọi là Bì lưu bác xoa 毘留博叉, dịch thành "tạp ngữ 雜語," vì có thể nói tất cả các thứ ngôn ngữ của các nước, đất bằng bạc白銀埵; vua cũng còn gọi là Quảng Mục Thiên Vương 廣目天王. Cũng như các vị vua khác, ông ta thủ lỉnh hai nhóm quỉ thần: Tỳ xá xà 毗舍闍 và Độc long毒龍.

Tỳ xá xà, còn được gọi là điên cuồng quỉ 顛狂鬼 vì có thể tạo bịnh điên cuồng không chửa được nơi người. Bọn nó ăn tinh khí 噉精氣鬼, nhất là của loài người, và thường tụ tập tại các nơi mà hành động tình dục tạo ra tinh chất. Nhóm kia là Độc long 毒龍. Chúng nó có thể dùng nhãn độc 眼毒 (nhìn thì bị trúng độc), thanh độc 聲毒 (nghe thì bị trúng độc), khí độc 氣毒 (hít thì bị trúng độc), hoặc chỉ cần ở gần: xúc độc 觸毒 để hại người.

Vị vua phương Bắc, Tỳ sa môn 毘沙門, dịch thành "đa văn 多聞," là lảnh đạo của bốn Thiên vương, 水精埵, đất bằng thủy tinh. Phước đức của ông ta nổi tiếng khắp bốn phương. Họ thường họp tại cung điện của ông. Hai nhóm quỉ thần dưới quyền là Dạ Xoa 夜叉 và La Sát 羅剎. Có ba loại Dạ Xoa: loại sống trên đất, trên không trung, và trên trời. Vì Dạ Xoa di chuyển với vận tốc của áng sáng (飛行鬼), nên còn

được gọi là Tiệp tật quỉ 捷疾鬼. La sát, nghĩa là "khả úy quỉ 可畏鬼 (hoặc bạo ác quỉ 暴惡鬼)," được đặt tên như thế vì có hình thù ghê tởm..

Bốn vị vua chấp tay để tỏ lòng cung kính và khát vọng được nghe Pháp.

Bạch đức Thế Tôn, từ cữu viễn kiếp, Địa Tạng Bồ Tát đã phát đại nguyện như trên, vì sao đến nay sự hóa độ của đại sĩ vẫn chưa xong, lại phải phát thêm quảng đại thệ, chúng con thỉnh cầu đức Thế Tôn dạy cho chúng con rõ.

Họ phát biểu nghi vấn để đại diện cho những ai có cùng thắc mắc như thế.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn bảo bốn vị Thiên vương: Lành thay! Lành thay! Như Lai vì lợi ích lớn cho các ông, cũng như chư thiên, nhân chúng trong đời này và vị lai, nói về công hạnh của Địa Tạng Bồ Tát trong các nẽo đường sanh tử của châu Diêm phù ở Ta Bà thế giới. Vì lòng từ bi muốn độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ mà lập nhiều phương tiện.

Bốn vị Thiên vương thưa: Bạch đức Thế Tôn, chúng con nguyện muốn được nghe.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn bảo bốn vị Thiên vương: Lành thay! Lành

thay! Như Lai vì lợi ích lớn cho các ông, cũng như chư thiên, nhân chúng trong đời này và vị lai, nói về công hạnh của Địa Tạng Bồ Tát trong các nẽo đường sanh tử của châu Diêm phù ở Ta Bà thế giới. Vì lòng từ bi muốn độ thoát tất cả chúng sanh tội khổ mà lập nhiều phương tiện.

Đức Phật khen Tứ Thiên Vương hai lần:

1. Lần thứ nhất cho đặt câu hỏi: thật ra họ không có nghi vấn gì cả.
2. Lần thứ nhì là để khen công lao họ bảo hộ chúng sinh Nam châu mặc dầu dân chúng thích làm ác.

Chúng sinh có đủ loại bịnh tật. Cho nên Bồ Tát dùng đủ loại dược 藥 để chữa. Trí huệ phương tiện của các ngài thật vô biên, nên họ có thể cứu độ vô tận chúng sinh.

Bốn vị Thiên vương thưa: Bạch đức Thế Tôn, chúng con nguyện muốn được nghe.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy bốn vị Thiên vương: từ những kiếp lâu xa cho đến ngày nay, Địa Tạng Bồ Tát độ thoát chúng sinh mà vẫn chưa hoàn tất đại nguyện. Một mặt vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh tội khổ trong thế giới này , mặt khác vì quán vô lương kiếp vị lai, những ác nhân của chúng sanh vẫn dây dưa không đoạn dứt nên đại sĩ phải phát trọng nguyện.

Vì thế , ở tại châu Diêm Phù của thế giới Ta Bà, Bồ Tát đã vận dụng trăm ngàn vạn ức phương tiện mà giáo hóa.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy bốn vị Thiên vương: từ những kiếp lâu xa cho đến ngày nay, Địa Tạng Bồ Tát độ thoát chúng sinh mà vẫn chưa hoàn tất đại nguyện,

Đức Phật bảo Tứ Thiên Vương rằng Địa Tạng Bồ Tát thấy hết thảy nhân duyên của chúng sinh. Hành vi nghiệp lực của chúng ta ngày càng phát triển sâu rộng thêm như cây cỏ luôn sinh sôi nảy nở. Chúng ta hành động tốt hoặc xấu trong kiếp này rồi tiếp tục có hành động tương tự trong kiếp sau, nên nghiệp cứ như thế mà tăng gia. Thường thì ác nghiệp nhiều hơn thiện nghiệp khiến nghiệp xấu ngày càng nặng công đức càng ngày càng ít. Nếu chỉ có một ít công đức thì chúng ta không thể thành Phật được. Ngược lại, nếu chướng ngại nặng nề thì có thể thành quỉ.

Người thiếu sự hiểu biết cho rằng không có quỉ thần. Lý luận của họ: cái gì không biết cho là không có. Con nít, đôi khi còn khôn hơn họ, thường tin lời giải thích có lý, trong lúc những người không tin có quỉ thần thì không chịu tham khảo chân lý của nó. Nếu không có quỉ thần thì sẽ không có Phật, vì ma và Phật chỉ khác nhau một cái rẻ đường. Nếu quí vị rẻ đúng thì sẽ thành Phật; trái lại thì thành quỉ. Loài người thường như đang đứng ở ngã ba đường, nếu nghiệp nặng nề, thiên về tà đạo rất dễ đọa vào loài quỉ thần.

Những nghiệp của chúng sinh tạo ra có bốn loại quả báo:

1. Hiện báo 現報: quả báo đến ngay đời nay.
2. Sinh báo 生報: kiếp sau mới chịu quả,
3. Hậu báo 後報: trải qua nhiều kiếp sau mới chịu quả

báo.

4. Vô báo 無報: như những loại nghiệp vô ký 無記等業.

Quả báo vô báo có bốn loại:

1. Thời gian không thay đổi nhưng nghiệp báo có thể chuyển.
2. Báo định thời bất định: Báo không thể bị chuyển, nhưng thời gian có thể thay đổi.
3. Thời báo cụ định 時報俱定: Thời và báo đều nhất định, không thể đổi.
4. Thời báo đều bất định 時報俱不定: Cả thời và báo đều không khẳng định.

Một mặt vì lòng từ mẫn đối với chúng sanh tội khổ trong thế giới này , mặt khác vì quán vô lượng kiếp vị lai, những ác nhân của chúng sanh vẫn dây dưa không đoạn dứt nên đại sĩ phải phát trọng nguyện.

Vì thế , ở tại châu Diêm Phù của thế giới Ta Bà, Bồ Tát đã vận dụng trăm ngàn vạn ức phương tiện mà giáo hóa.

Đại Luận nói rằng Pháp Thân Bồ Tát biến hóa thành vô lượng thân để thuyết Pháp cho chúng sinh nhưng tâm Bồ Tát hoàn toàn không có sự phân biệt. Không khác gì nhạc cụ cõi Trời có thể hòa tấu nhạc không cần người điều khiển mà vẫn có thể làm cho người nghe thích thú. Hơn nữa, tâm của các ngài cũng không tán loạn. Họ không chấp tướng nói Pháp. Vì có nhiều phước đức và định huệ, nên họ có thể tùy ý tạo ra đủ thứ Pháp âm.

Trong phần kế tiếp, đức Phật mô tả cho Tứ Thiên Vương những phương tiện mà Địa Tạng Bồ Tát xử dụng.

Vấn: Tại sao kinh cứ nêu ra ác?

Đáp: Để giúp chúng ta nhận diện tướng ác. Sau khi hiểu biết thì thường sinh khởi tâm yếm ly 厭離: ghê sợ và muốn xa lìa.

Lời Kinh:

Tứ Thiên vương! Địa Tạng Bồ Tát gặp người sát sinh thì nói về quả báo chết yểu; gặp người trộm cắp thì nói về quả báo bần cùng và khổ sở; gặp người tà dâm thì nói về quả báo làm chim sẻ, bồ câu và uyên ương; gặp người ác khẩu thì nói về quả báo quyến thuộc kình chống nhau;

Lời giảng:

Tứ Thiên vương! Địa Tạng Bồ Tát gặp người sát sinh thì nói về quả báo chết yểu;

Trước tiên, kinh bàn về thập ác. Tam thân ác: sát sinh là nghiệp nặng nhất.

người sát sinh. Ai cũng muốn sống. Bản chất của chúng sinh là tham sống sợ chết. Ngay cả sâu bọ cũng có Phật tính. Kẻ tạo nghiệp sát sinh là tạo nghiệp với Phật tương lai. Quả báo sẽ bị đoản mệnh và nhiều bịnh hoạn.

Một con quỉ hỏi Ma Ha Mục Kiền Liên: con tôi, cả con trai và con gái, đều chết yểu. Tôi đã tạo nghiệp gì để phải chịu quả

báo như thế? Trả lời: lúc làm người, ông thấy con nít giết súc sinh, ông giúp chúng nó và rất thích thú. Ông cùng với con nít ăn thịt con vật đó. Vì sát sinh nên nay con ông bị chết yểu. Vì thích thú nên nay ông bị khổ não.

gặp người trộm cắp thì nói về quả báo bần cùng và khổ sở. Trộm cắp bao gồm lấy đồ đạc, tiền của hoặc dùng vật sở hữu của người khác mà không được sự cho phép. Khi Địa Tạng Bồ Tát gặp hạng người này thì giảng cho họ nghe về **quả báo bần cùng và khổ sở**. Lý do có nhiều người nghèo khó trên thế gian này là vì trước kia họ đã từng trộm cắp, nay phải chịu quả báo. Ăn cắp càng nhiều thì kiếp sau càng nghèo khó. Càng nghèo khó họ lại càng sợ cái nghèo vì cảnh nghèo rất cay đắng, vì vậy tìm mọi cách làm giàu. Để thoát ra sự nghèo khó, chúng ta nên ra sức làm việc, làm phước để tạo nhân tốt thay vì trộm cắp tài sản.

Tiền bạc, của cải, ngọc thạch, tơ lụa: chỉ là ngoại sở y (外所依), đồ vật chất bên ngoài thôi; chùa chiền (tràng phướng, hoa hương): là nội cúng dường (內供養). Trộm cắp ngoại vật còn có thể sám hối được. Trộm cắp nội vật thì khó mà cứu vớt: thường sẽ bị đọa tam ác đồ, chịu vô biên quả khổ. Khi sinh lên cõi người thì sẽ bần cùng, gặp đủ các loại khó khăn, thiên nhân né tránh chúng ta. Bên ngoài thì không có được một nơi nương tựa, và không có bạn hữu. Bên trong thì không có phước đức. Kinh nói rằng khổ sở của sự bần cùng tương tự như tại địa ngục, và không khác gì cái chết.

gặp người tà dâm thì nói về quả báo làm chim sẻ, bồ câu và uyên ương;

tà dâm gồm các loại ngoại tình. Chúng ta cũng không nên cho rằng trong liên hệ của hôn nhân thì tha hồ hành dâm với vợ chồng. Vợ chồng cũng nên bớt làm chuyện dâm dục vì sẽ làm tâm thần thẫn thờ. Càng dây dưa với chuyện tình dục thì càng ít phát quang. Nếu không hành dâm thì có ánh sáng và khai huệ.

chim sẻ 雀: bản tính vốn ganh tỵ. Chúng nó thích tự vuốt lông, và không cần bạn hữu.

Chim **bồ câu** 鴿 được coi là loài chim dâm dật nhất và có thể đẻ rất nhiều con mỗi năm. Đa phần súc sinh và chim chóc giao hợp với đực trên cái, nhưng chim bồ câu thì quá dâm đảng nên lại làm ngược tư thế.

Ngỗng vịt rất nặng tình cảm với đối tượng và chúng nó thường không bao giờ tách rời nhau, dầu trong nước, trên đất hoặc trong không trung. Nếu một con bị người bắt thì con kia chết dần mòn vì thương nhớ.

Chim chóc có vẻ được nhiều tự do nhưng thật ra cảnh giới chúng nó không tốt đâu. Những kẻ tà dâm thì sẽ đọa làm chim chóc, cho nên Địa Tạng Bồ Tát mới thuyết giảng cho họ nghe.

Sau khi đắc thân người, họ phải chịu lãnh hai quả báo:

1. Thân hậu đấu tụng 親厚鬥訟: họ hàng và người thân thường đấu tranh và tố cáo nhau.
2. Vương pháp sở gia 王法所加: bị luật lệ kềm chế.

gặp người ác khẩu thì nói về quả báo quyến thuộc kình

chống nhau.

Kế tiếp, bốn khẩu nghiệp được bàn. Ác khẩu đi trước. Phỉ báng bao gồm ba cái còn lại.

ác khẩu: tạo ra quả báo quyến thuộc không hòa hợp, thường thích đấu tranh nhau.

Được sinh làm người thì phải chịu hai quả báo:

1. Thường nghe ác thanh 惡聲.
2. Thường bị tranh chấp và kiện tụng 諍訟.

Bồ Tát bảo những người hay mắng nhiếc, phỉ báng, nói dối và nói thô tục rằng họ sẽ luôn luôn gặp tranh chấp và không được yên thân. Kẻ thích nói vớ vẩn và tầm phào, thích phỉ báng Tam Bảo, sẽ thành câm ngọng. Đây cũng là lý do thỉnh thoảng có người bị lở loét trong miệng.

Trong Kinh Báo Ân, đức Phật bảo A Nan Đà: hỡi người thế gian, họa tùng khẩu xuất 禍從口出: tai họa xuất ra từ miệng. Nên giữ gìn miệng như mãnh hỏa vì lửa có thể đốt cháy hết thảy tài sản thế gian. Thô ngữ quá đáng có thể đốt cháy hết cả thất thánh tài; nó như rìu chém thân hoặc tai họa hủy hoại thân.

Lời Kinh:

gặp người phỉ báng thì nói về quả báo không lưỡi hoặc lở miệng; gặp người sân nhuế thì nói về quả báo xấu xí tàn tật; gặp người keo lẫn thì nói về quả báo sở cầu trái ý; gặp người ăn uống vô độ thì nói về quả báo đói khát và bịnh

cổ; gặp người ham săn bắn thì nói về quả báo kinh hãi điên cuồng mà mất mạng; gặp người phản nghịch cha mẹ thì nói về quả báo trời tru đất diệt; gặp người thiêu đốt núi rừng thì nói về quả báo điên cuồng mà tự chuốc lấy cái chết;

Lời giảng:

gặp người phỉ báng thì nói về quả báo không lưỡi hoặc lở miệng;

phỉ báng, nhất là những người tốt và hiền thánh.

Kinh nói: phỉ báng là tội rất nặng. Ngay cả chỉ phỉ báng một câu kệ, thì sẽ đọa địa ngục, không bao giờ được gặp Phật, và chịu quả báo không có mắt và lưỡi. Xin thận trọngl!
大方廣總持經云•謗法之人•極大重業•墮三惡道•難可出離••以謗他故•七十劫中•受大苦惱••況彼愚人•實無所知•而自貢高•乃至誹謗一四句偈•定墮地獄•永不見佛•得無眼無舌之報••故不可不慎也•

Tiếp theo, kinh nêu ra ba quả báo của tâm nghiệp.

gặp người sân nhuế 瞋恚 thì nói về quả báo xấu xí tàn tật. Quả báo này chuyên dành cho những người có tính tình như A tu la: đụng một tí thì thịnh nộ. Khi nổi giận thì mặt đổi sắc tím, mắt trợn như lồi ra, gân máu nổi đỏ trông rất ghê sợ. Kẻ nào thường nổi giận thì phải chịu quả báo xấu xí.

Phân Biệt Thiện Ác Sở Khởi Kinh 分別善惡所起經 nói: Người thế gian thích oán hận và không phân biệt thiện ác. Sau khi chết, họ sẽ vào địa ngục Thái sơn 太山 ở vạn kiếp. Khi trở lại làm người, mặt và mắt thường có nét ác. Nếu gặp người có hình tướng ác, đó là do quả báo của nghiệp oán hận đời trước.

Nếu quí vị nổi giận thường xuyên thì trong tương lai quí vị không những sẽ xấu xí mà hiện tại sẽ sinh nhiều bịnh hoạn, nhất là bịnh gan.

gặp người keo lẩn thì nói về quả báo sở cầu trái ý;

Người **keo lẫn** 慳吝 sẽ chịu quả báo không được như ý.

Có tài sản mà không chịu bố thí: những người này thật sự không thương ai cả. Họ không bố thí cho kẻ bần cùng, không cúng dường cho bậc tu hành, làm ngơ trước những kẻ ăn xin, trẻ mồ côi và bịnh nhân không thuốc men. Bản thân họ còn không dám ăn no, không dám may quần áo cho đủ mặc, chỉ biết bo bo giữ tiền. Vì bỏn xẻn, họ thường mắng nhiếc thuộc hạ là phí của. Khi chết họ sẽ đọa vào cõi ngạ quỉ: Gặp nước và lấy uống thì lập tức biến thành nước đồng sôi hoặc máu mủ 便化消銅膿血. Nếu được sinh làm người thì thường là hạng bần cùng, luôn luôn phải chịu đựng đói rét. Người nghèo cùng đến nỗi phải đi ăn xin, đó là do kiếp trước đã từng keo kiệt, tham lam và ngu si.

gặp người ăn uống vô độ thì nói về quả báo đói khát và bịnh cổ;

Có những người, **ăn uống vô độ** ngày đêm thích ăn uống không ngừng 無度**:** vô độ như vậy chứng tỏ thiếu sáng suốt: Ăn no nê thì ngủ, thức dậy lại ăn tiếp theo thói quen họ hoàn toàn thiếu tự chủ, không biết chừng mực. Địa Tạng Bồ Tát bảo cho họ biết rằng trong tương lai phải chịu quả khổ đói khát, và cổ lại bị bịnh hoạn và sưng phồng đến độ ngay cả nước cũng không uống được. Kinh nói rằng bịnh cổ bị làm tắc nghẹn có thể nguy hiểm tính mạng. Đó là một hiện tượng báo trước sẽ đọa làm ngạ quỉ hoặc kiếp trước đã từng là ngạ qũy.

誠餓鬼之前相.

Tiếp theo, kinh bàn các loại quả báo khác.

Trước hết, kinh bắt đầu với săn bắn: vì trên quả địa cầu có nhiều súc sinh nên loài người thích đi săn. Họ cũng có thể giết thú vật hoặc côn trùng vì chúng nó hại mùa màng.

gặp người ham săn bắn thì nói về quả báo kinh hãi điên cuồng mà mất mạng;

người ham săn bắn chỉ những người thích đi săn. Giết được con thú thì họ cảm thấy thỏa mãn, chiến thắng. Đối những kẻ ấy, Địa Tạng bồ Tát nói về **quả báo kinh hãi điên cuồng mà mất mạng**. Ngài có thể nói, "Kiếp sau, con bị điên cuồng và hoạnh tử." Đây chỉ sự chết vì tai nạn như tông xe, máy bay nổ, hoặc bị xe lửa cán, đây là các loại bất đắc kỳ tử rất đáng sợ (như bị ngựa dập chết), và chết yểu. Nghe như vậy có thể khiến người ta ngừng săn bắn.

Xưa kia, có một vị trưởng giả duy nhất chỉ có một người con trai. Một hôm, cậu ta leo lên cây hái hoa cho vợ, bị té xuống chết. Trưởng lão đến hỏi Phật thì ngài nói: "Trong quá khứ, có một em bé dùng tên bắn chim sẻ. Có ba người đi theo em cảm thấy thích thú. Em bé đó nay là cậu con trai, ba người đi theo là cha mẹ và vợ.

gặp người phản nghịch cha mẹ thì nói về quả báo trời tru đất diệt;

người phản nghịch cha mẹ. Chúng ta do cha mẹ sinh ra và nuôi nấng đến trưởng thành. Cho nên, hiếu thảo là luật của thiên nhiên. Ai làm trái lại định luật tự nhiên này ắt sẽ bị trời tru đất diệt.

gặp người thiêu đốt núi rừng thì nói về quả báo điên cuồng mà tự chuốc lấy cái chết.

người thiêu đốt núi rừng giết vô số chúng sinh. Họ lại còn hủy hoại tài nguyên của quốc gia. Hành động này sẽ đem lại quả điên cuồng tự vận.

Theo Tam Pháp Độ Luận 準三法度論: Khốc địa ngục 哭地獄 dành cho những kẻ đốt núi rừng, hoang dã và nhà cửa của dân chúng 即焚燒曠野•及黑燒穴居衆生果報處也.

Lời Kinh:

gặp cha ghẻ mẹ ghẻ ác độc thì nói về quả báo đời sau trở lại bị roi đòn; gặp người lưới bắt chim non thì nói về quả

báo cốt nhục phân ly; gặp người phỉ báng Tam Bảo thì nói về quả báo mù điếc câm ngọng; gặp người khinh pháp mạn giáo thì nói về quả báo vĩnh trụ ác đạo; gặp người phá tán lạm dụng của thường trú thì nói về quả báo ức kiếp luân hồi địa ngục; gặp người làm nhơ phạm hạnh, vu không tăng ni thì nói về quả báo vĩnh trụ súc sinh đạo; gặp người sát hại sinh vật bằng nước sôi, bằng lửa, bằng sự chém chặt, thì nói về quả báo luân hồi đền mạng lẫn nhau;

Lời giảng:

gặp cha ghẻ mẹ ghẻ ác độc thì nói về quả báo đời sau trở lại bị roi đòn;

Khổng Phu Tử có một người đệ tử tên là Mẫn Tử Khiên 閔子騫. Mẹ ghẻ nuông chìu con mình nhưng lại không thích Mẫn Tử Khiên. Mùa Đông, đáng lẻ phải mặc áo độn bông gòn, bà ta chỉ làm cho Mẫn Tử Khiên một cái áo độn bằng cỏ. Trong lúc con bà ta thì ấm áp, Mẫn Tử Khiên phải chịu đựng hàn rét.

Một hôm người cha bảo Mẫn Tử Khiên đánh xe ngựa chở ông đi công việc. Ông thấy con trai run cầm cập dầu ngày đó trời không lạnh lắm. Tưởng rằng Mẫn Tử Khiên lười không muốn đi, ông quở mắng và lấy roi ngựa quất một cái. Roi làm tét áo khiến cỏ đổ ra. Thấy áo vừa làm bằng vải mỏng và chỉ độn cỏ, người cha rơi lệ, cảm thấy xót xa vì con mình bị ngược đãi, quyết định về nhà đuổi vợ kế.

Mẫn Tử Khiên liền quì xuống để van lơn cho kế mẫu: "Mẹ

còn tại nhà thì một thân con mang áo mỏng, nhưng khi mẹ ra đi thì hai người con trai sẽ cóng lạnh." Bà kế mẫu bị chồng khiển trách rất lấy làm hổ thẹn lại biết rằng nhờ Mẫn Tử Khiên mà mình không bị đuổi đi. Từ đó về sau, bà ta đối đãi hai người con trai như nhau.

Trung Hoa có phong tục nhận con nuôi. Những em bé này thường bị cha mẹ nuôi ngược đãi. Quả báo của hành động đó là bị roi vọt trong đời sau.

gặp người lưới bắt chim non thì nói về quả báo cốt nhục phân ly;

cốt nhục phân ly, là quả báo cho những người bắt bẩy súc vật, như phá ổ chim v.v.. Danh từ "cốt nhục phân ly" chỉ gia đình của mình bị phân tán và không có cơ hội gặp lại nhau. Loài người và chim chóc tuy có thân thể khác nhau nhưng tình mẹ thương con không khác.

chim non 雛 là chim còn nhỏ chưa đủ lông cánh để bay phải nhờ chim mẹ mớm mồi. Có một người chuyên môn dùng lưới bẩy chim và chim sẻ để sinh sống. Hôm nọ, một bầy chim sẻ đậu trên cành nghỉ ngơi trong lúc bay tránh mùa Đông. Ông ta một tay nắm gậy, vội trèo lên cành cây. Cành cây bị gảy, ông rớt xuống và bị chính cây gậy của mình đâm vào đầu, ông bất tỉnh và chảy máu từ từ cho đến khi chết. Câu chuyện này rất nổi tiếng trong Phật pháp.

gặp người phỉ báng Tam Bảo thì nói về quả báo mù điếc câm ngọng;

Những người **mù điếc câm ngọng** vì đã phỉ báng Tam Bảo,

bị đọa địa ngục vô số kiếp. Sau khi mãn nghiệp, họ trở lại làm súc sinh; trải qua vô số kiếp sau đó họ mới có cơ hội làm người, lại sinh vào gia đình bần cùng hoặc bị mù điếc.

Đức Phật ví như y vương, Phật Pháp như thần dược và tăng già như người khám bịnh 瞻病人. Phỉ báng Tam bảo thường là vì thiếu lòng tin. Không khác gì mù nên không thấy Tam Bảo, điếc nên không nghe được tên của Tam Bảo, câm nên không thể tán thán công đứcTam Bảo. Sống như thế còn khổ hơn là chết.

gặp người khinh pháp mạn giáo thì nói về quả báo vĩnh trụ ác đạo;

người khinh pháp mạn giáo, không có Phật giáo, thì ai sẽ giúp quí vị khỏi đọa **ác đạo**?

Thay vì coi Pháp Sư như thiện tri thức, bày tỏ lòng cung kính đối với sứ giả Như Lai, họ lại kiêu ngạo. Nếu đức Phật bỏ ra một kiếp để nói công đức của những Pháp Sư đó thì qua một kiếp cũng nói không xong. Kẻ khinh mạn sẽ đọa tam ác đạo và chịu vô số quả khổ. Muốn được lại thân người thì khó như con rùa mù trăm năm trồi lên mặt biển một lần trúng vào một lỗ nhỏ trên bọng cây đang trôi trên mặt nước 盲龜值浮木孔. Sao lại có thể phỉ báng Phật pháp khi cơ hội gặp được rất khó khăn!

gặp người phá tán lạm dụng của thường trú thì nói về quả báo ức kiếp luân hồi địa ngục để trả quả tương đương. Phải coi chừng cấp số nhân!

gặp người làm nhơ phạm hạnh, vu khống tăng ni thì nói về quả báo vĩnh trụ súc sinh đạo;

gặp người làm nhơ phạm hạnh, vu khống tăng ni, ví dụ, họ rêu rao tin đồn người tăng nọ gian lận, rượu chè, hoặc sát sinh dầu ông ta không có làm gì quấy cả. Tội này trước tiên đọa địa ngục và sau đó thành súc sinh vô số kiếp.

gặp người sát hại sinh vật bằng nước sôi, bằng lửa, bằng sự chém chặt, thì nói về quả báo luân hồi đền mạng lẫn nhau. Nếu như dùng nước sôi hoặc lửa để diệt kiến hoặc ổ của sâu bọ, hoặc chém hoặc đập súc sinh chết thì phải trả quả báo tương ưng.

Nhúng gà vịt trong nước sôi để lóc da hoặc nhổ lông, hoặc dùng lửa nướng: có ai đã từng làm vậy chưa? Kinh kể chuyện người ăn thịt dê bị trở thành dê; còn con dê bị giết hại thì trở thành người để ăn thịt dê. Họ cứ ăn thịt nhau qua lại như thế. Vòng luẩn quẩn không bao giờ dứt.

Lời Kinh:

gặp người phá giới phạm trai thì nói về quả báo cầm thú đói khát; gặp người tiêu dùng phi lý thì nói về quả báo nhu cầu thiếu thốn; gặp người kiêu ngạo thì nói về quả báo tôi tớ hèn hạ; gặp người lưỡng thiệt đâm thọc gây rối thì nói về quả báo không lưỡi hay nhiều lưỡi; gặp người tà kiến thì nói về quả báo sinh biên địa;

Lời giảng:

gặp người phá giới phạm trai thì nói về quả báo cầm thú

đói khát;

phá giới là làm điều mà mình biết rõ ràng là sai lầm, nghiệp này đặc biệt rất nặng, so với những người không biết. Nếu sát sinh sau khi thọ giới không sát sinh, thì phạm giới đó. Cũng như thế đối với các giới trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và uống rượu.

Vừa rồi chỉ là các tướng có thể thấy được. Còn có một loại phạm giới khác mà ít ai biết vì không thấy. Phật giáo coi loại phạm giới vô hình tướng không khác gì có hình tướng, mặc dầu các tôn giáo khác không quan niệm như vậy.

Các loại nghiệp thô có thể thấy được. Duy trì giới tướng thì vi tế hơn và rất khó thấy. Đức Phật bảo Ca Diếp 十住毘婆沙 • 佛告迦葉: Có bốn loại vi phạm không có hình tướng và không thể thấy được. Loại đầu tiên, là có thể giữ giới thanh tịnh, nhưng trong tu hành vẫn còn có ngã kiến 有比丘於戒經中 • 盡能具行 • 而說有我: "Tôi trì giữ giới. Tôi làm này làm nọ." Dầu người này không thực sự phạm giới, nhưng ông ta vẫn không giữ giới chân thật, vì người đó vẫn còn tư tưởng rằng mình cao quý hơn người.

Loại thứ nhì, họ đọc tụng, thọ trì kinh điển, thường xuyên giữ giới theo lề luật, nhưng vẫn còn thân kiến 有誦持經律 • 守護戒行 • 於身見中 • 不動不離. Phạm loại giới đầu vì luôn luôn có tư tưởng bản ngã. Trường hợp sau này, dầu không luôn luôn có tư tưởng về ngã, nhưng lại thường lo lắng cho thân thể, sợ sẽ không được thỏai mái. Có kẻ thích để cho thân thể lười biếng, luộm thuộm, hay nuông chìu nó.

Dầu người này không có vi phạm một giới nào cả, nhưng cũng không thật sự gọi là trì giữ giới.

Loại vi phạm thứ ba liên quan đến những người có thể tu 12 hạnh đầu đà: khổ hạnh. Họ tu hành với rất nhiều sức lực, tinh tấn, và đề cao cảnh giác: "Tôi không bao giờ ngủ, vậy mà luôn luôn có nhiều sức; thay vì ngủ thì tôi ngồi thiền. Người ta thích ăn, nhưng tôi thì ngay cả nước cũng không uống." Mặc dầu tu được các khổ hạnh, nhưng vẫn còn chấp rằng các pháp thật sự là có 見諸法定有, và cũng chưa xả bỏ ngã kiến. Người tu đến trình độ như vậy, nhưng vẫn chưa thấy được ngã và pháp đều không, có vẻ đang giữ giới, nhưng thật sự việc tu hành bị lệch.

Loại vi phạm thứ tư, người này có thể tu hành và có tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, nhưng lại kinh sợ khi nghe rằng các pháp vốn không, bất sinh bất diệt 有緣衆生行慈心 • 聞諸行無生相 • 心則驚怖. Trong trường hợp này, cũng như ba loại vi phạm trên, mặc dầu không thật sự phạm giới, đạo đức vẫn chưa được hoàn hảo.

phạm trai chỉ về ăn chay và ăn không đúng giờ. Ví dụ, nếu như nguyện rằng không ăn sau ngọ mà lại ăn sau ngọ thì không phải chỉ phạm giới ăn thanh tịnh, mà lại còn phạm giới ăn cắp nữa. Khi bị hỏi là có ăn quá thời không thì người này có thể nói không, như vậy lại phạm giới vọng ngữ. Người cung cấp thực phẩm cho kẻ phạm giới cũng phạm giới luôn, và đức Phật nói về hạng người này: "Họ không phải là đệ tử của tôi." Họ chỉ là chim biển ăn rác hoặc quỉ ăn phân. Họ thật đáng thương, và Địa Tạng Bồ Tát cảnh cáo họ rằng sẽ phải chịu **quả báo cầm thú đói khát**.

gặp người tiêu dùng phi lý thì nói về quả báo nhu cầu thiếu thốn;

người tiêu dùng phi lý cũng sẽ chịu quả khổ. Ví dụ, có một tách trà được dùng đã lâu rồi. Nếu không có lý do chính đáng mà đập bể nó (để mua cái mới) thì tạo nghiệp này. Việc này áp dụng không những cho tách trà mà cho tất cả các vật dụng hằng ngày của chúng ta. Trong tương lai, những người tạo nghiệp này sẽ không thể được sở cầu như ý.

gặp người kiêu ngạo thì nói về quả báo tôi tớ hèn hạ. Ngạo mạn như gánh nặng. Nếu không biết xả bỏ nó thì sẽ bị đọa địa ngục. Hơn nữa, ngã kiến có thể đoạn huệ mạng.

gặp người lưỡng thiệt đâm thọc gây rối thì nói về quả báo không lưỡi hay nhiều lưỡi;

người lưỡng thiệt đâm thọc gây rối thì nói về quả báo không lưỡi hay nhiều lưỡi. Nhiều lưỡi nghĩa là nói ú ớ không rõ. Lưỡng thiệt có thể tạo vô số cải cọ, lừa bịp nhau, phỉ báng v.v…

gặp người tà kiến thì nói về quả báo sinh biên địa.

tà kiến chỉ hạng người nhất định không chịu tuân theo chân lý 違理. Các tà kiến tệ hại nhất có thể đoạn thiện căn. Có hai loại tà kiến 中論明二種:

1. Phá hoại thế gian pháp, nói rằng không có tội, phước, thánh hiền • 破世間樂 • 言無罪福聖賢等.
2. Phá hoại đạo Niết Bàn vì họ tham lam, chấp trước tà ác và có tâm phân biệt pháp Không, pháp Hữu 破涅槃

道•貪著於握•分別有無.

Tà kiến khiến sẽ chịu quả **sinh biên địa**, những nơi này khó sinh sống và rất nghèo nàn. Chốn này thiếu nghĩa lý(thiếu đạo đức) 義理. Cha và con chê bai nhau, lại có thể bán vợ con cho người làm nô lệ. Bản thân họ thường phải làm tôi tớ phải theo lệnh người khác, thường xuyên bị đánh đập hoặc trừng phạt. Mặc dầu có thân người nhưng lại sống như súc vật.

Lời Kinh:

Chúng sanh Diêm Phù như thế, từ thân khẩu ý nghiệp, ác khí kết thành quả có đến hàng trăm hàng ngàn báo ứng, nay Như Lai chỉ nói sơ lược. Đối với nghiệp ứng khác nhau như vậy của Diêm phù chúng sinh, Địa Tạng Bồ Tát vận dụng hàng trăm hàng ngàn phương tiện mà giáo hóa cho họ. Vì lẽ những người ấy, sau khi chịu những quả khổ như Địa Tạng đại sĩ đã nói, họ còn đọa địa ngục, trải qua đời kiếp khó có hy vọng thoát khỏi. Nên các ông hộ nhân và hộ quốc, đừng để cho các nghiệp mê hoặc chúng sinh.

Tứ Thiên Vương nghe đức Thế Tôn dạy, buồn khóc, chắp tay mà lui về chỗ của mình.

Lời giảng:

Chúng sanh Diêm Phù như thế, từ thân khẩu ý nghiệp, ác khí kết thành quả có đến hàng trăm hàng ngàn báo ứng, nay Như Lai chỉ nói sơ lược. Đối với nghiệp ứng khác

nhau như vậy của Diêm phù chúng sinh, Địa Tạng Bồ Tát vận dụng hàng trăm hàng ngàn phương tiện mà giáo hóa cho họ. Vì lẽ những người ấy, sau khi chịu những quả khổ như Địa Tạng đại sĩ đã nói, họ còn đọa địa ngục, trải qua đời kiếp khó có hy vọng thoát khỏi. Nên các ông hộ nhân và hộ quốc, đừng để cho các nghiệp mê hoặc chúng sinh.

Những ác nghiệp của thân khẩu ý cọng chung gồm có mười. Ba thuộc về thân: sát sinh, trộm cắp và tà dâm. Bốn thuộc về khẩu: vọng ngữ, ác ngữ, ỷ ngữ và lưỡng thiệt . Tâm thì có ba ác: tham, sân, và si. Tóm lại thành thập ác.

Chúng ta luân chuyển không ngừng trong vòng luân hồi, tạo nghiệp rồi chịu quả báo. Có lúc, chúng ta sinh lên cõi Trời (cho đến phi tưởng phi phi tưởng thiên, cõi trời cao nhất) để hưởng phước lạc. Sau khi phước hết thì chúng ta lại đọa. Chúng ta có thể đọa địa ngục khi nghiệp thành thục để chịu cực kỳ thống khổ qua vô số kiếp.

Tứ Thiên Vương nghe đức Thế Tôn dạy, buồn khóc, chắp tay mà lui về chỗ của mình. Họ rơi lệ: Thứ nhất vì thương cho những chúng sinh đã chịu đựng các loại khổ sở kể trên; thứ nhì vì lòng hổ thẹn đã không làm tròn bổn phận bảo hộ chúng sinh. Cho nên tâm họ rất giao động, chắp tay, trở về chỗ.

Quán Tứ Diệu Đế Huệ nói: Phương Đông thuộc Tập, phương Nam thuộc Khổ, phương Tây thuộc Đạo và phương Bắc thuộc Diệt. Tứ Thiên Vương bảo vệ cảnh giới Tứ Diệu Đế. Nói cách khác, họ bảo vệ chúng sinh.

Hộ thế nghĩa là bảo vệ người đời. Họ canh giữ tâm vương. Nếu không quán chiếu Tứ Diệu Đế, thì kiến và tư hoặc sẽ xâm lấn và hại tâm vương, phá hoại các cảnh giới. Nếu tâm vương chết, cảnh giới sẽ tiêu diệt và chúng sinh cũng tan rã. Cả hai cảnh giới và trí huệ đều bị quỉ thần làm phiền não. Nếu như chúng ta quán Khổ và Tập, thì sẽ có thể chế ngự kiến tư hoặc. Nhờ đó đất nước hòa bình và dân chúng an toàn. Vì nhiệm vụ ấy cho nên Tứ Thiên Vương được gọi là Quán Tâm Thích Hộ Thế Tứ Thiên Vương.

觀心釋護世四天王•云東集•南苦•西道•北滅•四諦理•是四天••觀四諦智•為四王•護四諦境•名護國護心數•是護衆生••世者•他也•為他說心數•名護他衆生•若不照四諦理•見思二惑•侵害心王•毀損境界••心王亡•境國敗•心數人民迸散•境智俱為鬼神所惱••能觀苦集••控御見思•則國安民寧••能為他說四諦•是護他國土•遮彼見思•使彼安樂•是為觀心護世四天王也••央掘云•護真實法•名為護世也•

Quyển thượng kết thúc.

Phẩm 5: Danh Xưng Địa Ngục

Bắt đầu cuốn trung.

Địa ngục được tạo trong chớp nhoáng theo duyên (nghiệp báo) khởi (thành hình khi chúng ta phải trả quả khổ địa ngục). Địa ngục được gọi là Âm Gian 陰間 vì không có ánh sáng mặt trời hoặc mặt trăng: nơi đó rất tối tăm.

Chữ Hoa của "địa ngục" là 地獄": chỉ chốn tù lao tối tăm trong mặt đất.

Chúng sinh ở Nam châu vì hay tạo nghiệp cho nên khi còn sống ở thế gian họ phải trả quả báo hiện tiền như : bị lương tâm cắn rứt, bị tù đày, bị trả thù v.v..,; đây thuộc "hoa báo 花報". Sau khi chết lại phải chịu các khổ ở địa ngục, thuộc về quả báo.

Tiếng Phạn địa ngục, gọi là "Nê 泥 Lê 犁" nghĩa là vô hữu 無有: không thật sự có. Nhất thiết duy tâm tạo: tất cả đều do tâm tạo ra. Đừng vội hiểu lầm ý này. Nếu cho rằng ác mộng không thật có, vậy trong chúng ta khi gặp ác mộng có ai không sợ hãi chăng? Có ai muốn mỗi đêm đều gặp ác mộng không? Tuy nói là không thật sự có vì là huyễn nhưng địa ngục không phải là chẳng có gì cả, cũng không phải là tưởng tượng.

Mỗi nghiệp của chúng ta tạo ra một quả báo tương ưng.

Công dụng của địa ngục rất tốt : Đối với kẻ hạ căn, họ ngừng tạo ác; những kẻ trung căn biết hướng thiện; những kẻ thượng căn có cơ hội ý thức rằng pháp tính vốn Không và nhờ thế mà phát Bồ Đề tâm.

Lời Kinh:

Khi ấy đại Bồ Tát Phổ Hiền bạch với Địa Tạng Bồ Tát: Thưa nhân giả, tôi thỉnh cầu ngài nói cho thiên long, bốn chúng, và tất cả mọi người trong hiện tại vị lai, về tên gọi và cực hình của địa ngục, nơi chịu quả khổ của những kẻ tội ác ở thế giới hệ Ta Bà, trong đó có châu Diêm Phù, để chúng sanh đời sau, trong thời kỳ mạt pháp, biết rõ quả khổ ấy.

Lời giảng:

Khi ấy đại Bồ Tát Phổ Hiền bạch với ngài Địa Tạng Bồ Tát,

Khi ấy 爾時: Sau khi nói về nghiệp duyên và nghiệp cảm 業感, kinh tiếp tục bàn về những biệt tướng của nghiệp báo 業報.

Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát cưỡi voi trắng có sáu ngà. Hạnh tu của ngài khắp trong Pháp Giới 行彌法界, nên gọi là Phổ. Địa vị của ngài rất gần Thánh vị 位臨極聖: nên gọi là Hiền. Kinh Hoa Nghiêm mô tả Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là Đồng tử và Phổ Hiền Bồ Tát là Trưởng lão tử. Với địa vị của trưởng lão, Phổ Hiền Đại Sĩ hướng dẫn các Bồ Tát khác tu

hành vạn hạnh. Khi các hạnh ấy viên mãn, thì sẽ chứng quả Bồ Đề. Ngài trú ở núi Nga Mi thuộc vùng Tây Xuyên 四川的峨嵋山. Đây là một trong năm núi linh thiêng ở Trung Quốc, đỉnh núi có ánh sáng. Tại vùng này, nhiều gia đình có phong tục đốt đèn cúng Phật, noi theo một trong vạn hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát. Ai thành tâm quán chiếu, một hoặc nhiều ngọn đèn sẽ hiện ra lúc ban đêm (mỗi người sẽ có kinh nghiệm khác nhau tùy phước huệ cá nhân). Ví dụ, Đại Sư Hư Vân thấy vô lượng đèn ban đêm.

Trong quá khứ, ngài vốn là con trai thứ năm của Vô Tranh Niệm Vương, tên là Vô Sở Úy 無所畏: Không sợ gì cả. Vì hạnh của ngài thù thắng hơn hạnh của các Bồ Tát khác nên Bảo Tạng Phật 寶藏佛 đổi hiệu thành Phổ Hiền.

Khả năng dùng đạo chế phục của ngài là đệ nhất vì rộng khắp mọi nơi: đó là Phổ. Sau khi kiến Đạo, tiến gần đến thánh vị: đó là Hiền 文句云•伏道之頂•其因周徧曰普•斷道之後•隣於極聖曰賢.

Hoặc cũng có thể nói rằng một khi được chứng nhận gọi là Chân 真, chưa chứng thì gọi là Tương Tự 似. Phổ Hiền đạt đến Đẳng Giác và rất gần Phật vị, cho nên gọi là Hiền. 記云•已證名•未證名似•普賢等覺•望極名似•故立賢名.

Trí huệ và đạo hạnh của ngài ảnh hưởng khắp pháp giới cho nên những nguyện đại bi của ngài vô cùng quãng đại 以見

行彌法界 • 方能悲願偏弘.

thưa nhân giả, tôi thỉnh cầu ngài nói cho thiên long, đại diện cho thiên long bát bộ hộ Pháp, **bốn chúng, và tất cả mọi người trong hiện tại vị lai, về tên gọi và cực hình của địa ngục, nơi chịu quả khổ của những kẻ tội ác ở thế giới hệ Ta Bà, trong đó có châu Diêm Phù, để chúng sanh đời sau, trong thời kỳ mạt pháp, biết rõ quả khổ ấy.**

nhân giả biểu lộ lòng cung kính và ngưỡng mộ. Nhân là tổng thể của tâm và đức 仁為心德之統體. Thiên tượng trưng cho chư Phật, địa tượng trưng cho chúng sinh. Tâm ai có thể tương ưng, hòa hợp thiên địa thì sẽ cùng Phật đồng nhất thể 人心 參合其中 • 直令生佛一體: cùng một thể với Phật.

bốn chúng: gồm tăng, ni, cận sự nam, cận sự nữ.

Lời Kinh:

Địa Tạng đại sĩ nói: Thưa nhân giả, tôi sẽ dựa vào uy thần của đức Thế Tôn và đại lực của nhân giả mà nói sơ lược về tên gọi và cực hình của địa ngục.

Lời giảng:

Địa tạng đại sĩ nói: "Thưa nhân giả, tôi sẽ dựa vào uy thần của đức Thế Tôn và đại lực của nhân giả mà nói sơ lược về tên gọi và cực hình của địa ngục."

nhân giả có đầy đủ từ bi.

uy thần: chỉ người có nhiều khả năng vượt bực và đã từng thành công trong việc cứu độ vô lượng chúng sinh. Phổ Hiền Bồ Tát có vô biên hạnh nguyện. Ngài biết rõ rằng vạn hạnh nhất tính (nên tùy duyên bất biến) và độ chúng sinh ở nhất tâm (bất biến tùy duyên)了萬行之一性•度衆生於一心. Ngài có thể thiết lập những phương tiện thù thắng như thế nên Địa Tạng Bồ Tát mới tôn xưng là đại sĩ lực.

sơ lược 略說 là lời khiêm tốn.

Lời Kinh:

Thưa nhân giả: Phía Đông Diêm Phù có dãy núi tên Thiết Vi. Giữa dãy núi ấy rất tối tăm, không có ánh sáng của mặt trời mặt trăng, có địa ngục lớn nhất tên là Cực Vô Gián, có địa ngục tên Đại A Tỳ, có địa ngục tên Bốn Góc, có địa ngục tên Phi Dao, có địa ngục tên Tên Lửa, có địa ngục tên Núi Ép, có địa ngục tên Phóng Giáo, có địa ngục tên Xe Sắt, có địa ngục tên Giường Sắt, có địa ngục tên Bò Sắt, có địa ngục tên Áo Sắt, có địa ngục tên Ngàn Mũi Nhọn, có địa ngục tên Lừa Sắt, có địa ngục tên nước Đồng Sôi, có địa ngục tên Ôm Cột Đồng, có địa ngục tên Lửa Tuôn, có địa ngục tên Cày Lưỡi, có địa ngục tên Chặt Đầu, có địa ngục tên Đốt Chân, có địa ngục tên Ăn Mắt, có địa ngục tên Viên Sắt, có địa ngục tên Cãi Cọ, có địa ngục tên Rìu Sắt, có địa ngục tên Giận Nhiều.

Lời giảng:

Thưa nhân giả: Phía Đông Diêm Phù có dãy núi tên Thiết Vi. Giữa dãy núi ấy rất tối tăm, không có ánh sáng của

mặt trời mặt trăng.

Trong Trường A Hàm 長阿含 • 世記經地獄品, đức Phật bảo các tỳ kheo: tứ châu này được bao vây bởi 8.000 tứ thiên hạ. Ở ngoài, lại có đại dương bao quanh, gọi là đại hải thủy 大海水. Tiếp đến có Đại Kim Cang Sơn bao vây. Ở ngoài Đại Kim Cang Sơn lại có một Đại Kim Cang Sơn khác. Khu vực giữa hai Đại Kim Cang Sơn rất tối tăm. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng và thần thông của thiên nhân cũng không thể chiếu tới (cho nên kinh mới nói: thăm thẳm 邃: rất xa và đen tối vô cùng • 邃 • 深遠 • 黑而且邃 • 闇之極者). Theo Thế A Tỳ Đàm Luận 世阿毘曇論: Đó là nơi của tám đại địa ngục. Chốn đó tối tăm đến độ không thấy được bàn tay của mình. Nhưng khi Phật xuất thế, ánh sáng ngài phổ chiếu nhờ đó những chúng sinh ở đây lập tức có thể thấy nhau.

có địa ngục lớn nhất tên là Cực Vô Gián, có địa ngục tên Đại A Tỳ.

Kinh điển không thống nhất, không nói rõ rằng địa ngục Cực Vô Gián 極無間 và Đại A Tỳ là một hay là hai. Theo Trường A Hàm và Quán Phật Tam Muội 觀佛三昧: thì chỉ là một. Theo kinh này và Kinh Lăng Nghiêm: thì khác nhau.

Có địa ngục lớn nhất tên Cực vô gián, có địa ngục tên Đại a tỳ. "Vô Gián" có năm ý nghĩa đã bàn ở trên. A Tỳ là tiếng Phạn, nghĩa là "A 阿= vô **無,** Tỳ 鼻= già 遮 (che lấp, ngăn chận): không ai có thể ngăn chận, không ai can thiệp được, vô

cứu 無救(không thể giúp được): không ai có thể giúp thoát khổ", khác biệt với Cực Vô Gián. A tỳ so với Cực vô gián, là chốn để hạng người cực ác chịu cực khổ dài hạn. Nội trong A tỳ có vô số địa ngục nhỏ phụ thuộc.

Cực ác: là kẻ tạo ngũ nghịch 五逆. Họ cũng có thể phạm tứ trọng tội 大罪, tương đương với tứ nghịch 四逆 • 犯根本罪 • Những kẻ phạm bất cứ một trong các loại tội này lúc chết sẽ bị đọa vào địa ngục A tỳ.

Đức Phật nói có chín hạng người thường viếng Đại A Tỳ 大阿鼻, những kẻ:

1. Ăn thức ăn của tăng,
2. Ăn thức ăn của Phật,
3. Giết cha,
4. Giết mẹ,
5. Giết A la hán,
6. Phá hòa hợp tăng 破和合僧,
7. Phá tỳ kheo tịnh giới 破比丘淨戒,
8. Tỳ kheo ni phạm tịnh hạnh 比丘尼 犯淨行,
9. Nhất xiển đề 作一闡提.

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: Khổ của địa ngục A Tỳ một ngàn lần hơn các địa ngục khác. Kéo dài thọ mạng một đại kiếp để chịu khổ. Hơn nữa, Quán Phật Tam Muội Hải Kinh 觀佛三昧海經 nói: địa ngục A Tỳ 8.000 do tuần vuông. Có bảy lớp tường sắt, bảy lớp võng sắt và bảy lớp

rừng sắt... Mỗi lớp có 18 hàn, nhiệt và các loại địa ngục khác.

có địa ngục tên Bốn Góc, có địa ngục tên Phi Dao, có địa ngục tên Tên Lửa, có địa ngục tên Núi Ép, có địa ngục tên Phóng Giáo, có địa ngục tên Xe Sắt, có địa ngục tên Giường Sắt, có địa ngục tên Bò Sắt, có địa ngục tên Áo Sắt, có địa ngục tên Ngàn Mũi Nhọn, có địa ngục tên Lừa Sắt, có địa ngục tên nước Đồng Sôi, có địa ngục tên Ôm Cột Đồng, có địa ngục tên Lửa Tuôn, có địa ngục tên Cày Lưỡi, có địa ngục tên Chặt Đầu, có địa ngục tên Đốt Chân, có địa ngục tên Ăn Mắt, có địa ngục tên Viên Sắt, có địa ngục tên Cãi Cọ, có địa ngục tên Rìu Sắt, có địa ngục tên Giận Nhiều.

Còn có địa ngục 復有地獄 : Các địa ngục theo sau đều phụ thuộc địa ngục A Tỳ 阿鼻地獄眷屬.

Địa ngục **Bốn Góc** 四角 hình vuông với bốn mủi nhọn như bốn cái sừng đâm chúng sinh. Những kẻ giả dạng làm tu sĩ, thích hưởng thụ các khoái lạc bất tịnh và làm mất sự thanh tịnh của người xuất gia bị đọa vào đây sau khi chết. Đây thuộc nhiệt địa ngục. Có tường dài 500 do tuần bao quanh. Có mưa lửa và sắt rơi từ trên xuống. Thân thể tội nhân thường bị nấu chín hoặc đốt cháy.

Hoặc cũng có hình sáu góc hoặc tám góc hoặc bốn góc 或為六角 • 或八角 • 或四稜. Kẻ nào thường tự mình hoặc biểu người khác chặt tứ chi chúng sinh, xẻo mũi, cắt tai, lóc thịt v.v… sẽ đọa vào đây.

Địa ngục **Phi Đao** 飛刀 (刀輪地獄; cũng thường gọi là địa ngục bánh xe đao). Tù nhân bị núi đao bao vây bốn phía. Trong không trung, có 800 vạn ức bánh xe đao rất lớn lần lượt hạ xuống như mưa rơi 八百萬億極大刀輪 • 隨次而下 • 猶如雨滴. Hoặc đao bỗng nhiên hiện ra và phóng đến đâm tội nhân khiến họ chết một cách đau đớn (身分斷絕 • 頭首分離) nhưng lập tức hồi sinh để tiếp tục bị đâm chết. Sống chết, chết sống cứ liên tục như thế mãi. Địa ngục này dành cho những người thích đấu tranh, tiếp tế vũ khí đao gậy cho người ta đánh nhau. Họ lấy làm hứng thú trong chiến tranh và sát hại rất nhiều chúng sanh 肆意殺害.

Địa ngục **Tên Lửa** 火箭 có vô lượng tên lửa bắn xuyên qua thân. Tội nhân bị đặt trên giường sắt, tên lửa phóng từ trên xuống, hoặc đâm từ dưới lên; vô lượng tên lửa xuyên qua thân. Một ngày một đêm chết 600 ức lần 六百億生死. Kiếp trước, họ ngu si, tham lam và có nhiều dục vọng: bất hiếu, không tôn kính sư trưởng, không thuận thiện giáo 不順善教 và sát hại nhiều chúng sinh, lại còn thích gạc người. Họ bị đày vào chốn này.

Địa ngục **Núi Ép** 夾山cửa phía Đông mở ra, tù nhân chạy tháo ra ngoài, họ thấy một cặp núi liền đến trốn vào giữa. Bỗng nhiên lửa cháy ở trước và sau, khiến họ không có lối thoát; ngay lúc ấy hai núi kẹp lại nhau, nghiền nát họ; máu chảy thành sông, xương thịt bầy nhầy. Cả bốn hướng Đông Tây Nam Bắc đều xảy ra như thế. Đây là quả báo cho những người hay dùng quyền thế áp bức kẻ khác.

Địa ngục **Phóng Giáo** 通槍: Các giáo còn lớn hơn tên lửa của địa ngục trên. Giáo từ các phương bay đến đâm thủng thân thể, tạo ra những vết thương lớn, giết chết tội nhân đó là vì nghiệp sát sinh quá nặng lớn (giết nhiều mạng người) vì tâm thích đấu tranh không ngừng.

Địa ngục **Xe Sắt** 鐵車: tội nhân bị xe sắt khổng lồ cán, xe nghiền lui nghiền tới giết chết họ. Khi Phật Thích Ca đang ở nhân địa (tu Bồ Tát đạo), ngài mở thiên nhãn và thấy sự thống khổ trong cõi địa ngục này. Ngài liền phát tâm từ bi và nguyện cứu độ hết tất cả các tù nhân trong ấy. Đó là lúc đầu tiên ngài phát tâm đại từ bi.

Địa ngục **Giường Sắt** 鐵床: Tù nhân bị bắt nằm trên giường sắt, lính ngục đốt lửa (giường hoặc cột trụ đồng 銅柱). Bánh xe đao từ trên hạ xuống và dưới đưa lên chém họ chết. Tập khí tà dâm tạo ra loại địa ngục giường sắt và trụ sắt này. Một hình phạt khác là tội nhân ôm cột trụ đồng, trụ biến thành lửa đốt cháy họ. Lính ngục đốt lửa lên tra tấn họ.

Địa ngục **Bò Sắt** 鐵牛**:** Có bò sắt khắp nơi. Chúng nó đâm chết tù nhân với sừng làm bằng sắt nung nóng. Địa ngục vang rền âm thanh hung tợn của bò và sự gào thét của tội nhân. Đây là vì khi làm người, tánh khí bất thường, tàn ác, vô lý, và thích làm não loạn hữu tình.

Địa ngục **Áo Sắt** 鐵衣 đặc biệt dành cho những kẻ thọ giới mà không trì giữ. Móc, ngạnh và dao chém rơi cả áo quần. Khi lỏa lồ, họ thấy áo sắt bay trong không trung. Kêu thì áo đến, áo quấn lấy họ, nung nóng và đốt họ chết. Lập tức được

xảo phong cứu sống lại và áo sắt tự nhiên biến mất. Cổ đức có câu: "khi thấy những người xuất gia không đắp y, biết họ sẽ đến địa ngục này mà mang áo sắt". Cũng do nhân hay đánh đập chúng sinh, hoặc người xuất gia phạm giới mà nhận đồ cúng dường đất đai, áo quần v.v.. Cũng là cho những người xuất gia không mang y theo mình.

Địa ngục N**gàn Đao** 千刃 ("nhiều lưỡi đao" 匕首名刃，千刃刺體): ngàn lưỡi dao đâm thân tù nhân như mưa, cắt chém họ chết. Họ lại được xảo phong cứu sống. Đây dành cho những kẻ không theo lời thầy dạy, lại khởi tâm ác nghịch 興惡逆心, không biết ơn nuôi dưỡng 不知恩養, ăn cắp và hại thầy, làm ô uế thức ăn thanh tịnh của thầy, ngồi trên ghế giường của thầy, ăn cắp bình bát của thầy, mắng nhiếc hoặc phỉ báng thầy, đánh, giết, và đầu độc thầy. Lại thêm những người thường dân hoặc Bà la môn làm chuyện phi pháp 作諸非法, không biết hổ thẹn, phá hủy hình tượng, chùa tháp, ăn cắp Pháp và châu báu, giết cậu chú, cha mẹ, và anh chị em. Khi chết, họ sinh về đây, thấy mình ngồi lên giường dao lớn. Tức thời trăm ức dao lửa đốt và đâm thân thể. Bánh xe dao hạ xuống từ trên chém thân thành vạn mảnh.

Địa ngục **Lừa Sắt** 鐵驢: nhiều lừa sắt giẫm nát thân tội nhân.

Địa ngục **Nước Đồng Sôi** 烊銅: Nước đồng sôi được đổ vào miệng tù nhân, giết họ chết.

Địa ngục **Ôm Cột Đồng** 抱柱: Hòa Thượng Tuyên Hóa có giảng trong kinh Lăng Nghiêm. Những người có lửa tình dục cao thường bị trừng phạt tại đây. Họ tưởng lầm cột đồng là người yêu. Cả sáu giác quan đều bị đốt cháy. Sâu bọ sắt nóng đỏ chui vào miệng họ và ra từ nam căn. Ngày đêm bị chết 900 ức 九百億 lần.

Địa ngục **Lửa Tuôn** 流火 (cũng được gọi là đại khốc 大哭: khóc to): lửa di chuyển như giòng sông, đốt cháy cả xương tủy. Đây là quả báo của hành động dâm dục: tạo ra do lửa dâm dục. Có một núi sắt đầy lửa. Lính ngục rất tàn nhẫn, la hét hung tợn, dùng chùy sắt nóng đánh nát đầu tội nhân. Đây là quả báo cho những người hay quấy nhiễu và giày xéo gây khổ cho vạn người khi còn sống.

Địa ngục **Cày Lưỡi** 耕舌: là nơi dành cho những kẻ phỉ báng Tam Bảo hoặc tạo ra các loại khẩu nghiệp khác. Lưỡi bị móc kéo dài ra nhiều thước (vừa làm dài vừa làm sưng) rồi bị cày trên đó .

Địa ngục **Chặt Đầu** 剉首: dành cho những kẻ chặt đầu thú vật, hoặc ngắt đầu chúng sanh (những người làm nghề cào tôm thường ngắt đầu tôm lúc chúng còn sống, số nhiều không đếm xuể) hoặc là nghiền nát đầu của bò cạp, rết, sâu bọ độc. Lính ngục dùng dao búa bén để lột da hoặc chặt tù nhân, không khác gì chặt đầu dê; da và thịt bị rời rã 解散.

Địa ngục **Đốt Chân** 燒脚 (cũng được gọi là nhiệt than hoặc tro 熱灰): chân bị đốt, bị đầy than cháy "炭". Cũng có thể

(sau khi thoát ra khỏi đại địa ngục), đặt chân chỗ nào (đều thấy là đất bằng phẳng, nên mừng rỡ tưởng gặp được nơi an toàn; mà dẫm lên thì hóa thành tro nóng), lửa phừng lên đốt thịt. Đây là do xưa kia đã thảy chúng sinh vào lửa, than nóng hoặc cát nóng, hoặc tà dâm với vợ người. Người xuất gia trụ tại đạo tràng mà phạm giới hoặc phá hoại đạo tràng 或躡踐四支提境界 • 及履支提影 sẽ đến đây.

Địa ngục **Ăn Mắt** 噉眼: chim kên kên thình lình xuất hiện chụp tội nhân với móng sắt rồi móc mắt, đôi khi còn uống nước trong mắt, và làm vỡ xương đầu để uống nước não. Đây là quả báo của ngu si và đưa rượu cho người 本與酒惡業果報.

Địa ngục **Viên Sắt** 鐵丸: viên sắt bay từ nhiều phía trúng đầu và thân của tội nhân cho đến chết. Hoặc có cách khác: chúng sinh đói nên uống nhằm những viên sắt nóng.

Địa ngục **Tranh Cãi** 諍論 dành cho những kẻ thích tranh cãi (vì tham lam và ganh tỵ; thường sinh tâm sân hận). Tù nhân luôn luôn bị vô số quỉ giày xéo và mắng nhiếc. Lại dùng móc sắt để hại nhau. Vuốt sắt tự nhiên mọc ra trên tay, bén như dao cạo.

Địa ngục **Rìu Sắt** 鐵鈇: nơi này họ dùng rìu sắt chém đầu người tội. Vừa thoát ra khỏi địa ngục viên sắt, tù nhân còn kinh hoàng, tìm lối thoát. Họ bỗng nhiên thấy mình đến đây (rộng khoảng 500 do tuần vuông). Lính ngục lại bắt họ, đặt trên sắt nung, dùng búa chặt tay, cắt tai, xẻo mũi, và xẻ thân.

Tù nhân gào thét vì đau đớn và kinh sợ. Đây là vì đã dùng miệng như búa: dùng ác ngữ để chém người.

Địa ngục **Giận Nhiều** 多瞋 dành cho những người thích nổi giận. Lửa sân hận đốt cháy cả thân tâm. Họ dùng vuốt sắt để hại nhau. Vuốt sắt hình bán nguyệt rất bén tự nhiên hiện ra trên tay. Tâm thì khởi tư tưởng trách móc nhau: hắn ta áp bức tôi thì tôi có quyền trả đũa lại. Hai bên vì thế mà rất giận dữ.

Lời Kinh:

Địa Tạng đại sĩ nói với đại Bồ Tát Phổ Hiền : Thưa nhân giả : Trong dãy núi Thiết Vi có những địa ngục như vậy, số lượng vô số. Lại còn có địa ngục Kêu La, địa ngục Rút Lưỡi, địa ngục Phẫn Giải, địa ngục Xích Đồng, địa ngục Voi Lửa, địa ngục Chó Lửa, địa ngục Ngựa Lửa, địa ngục Bò Lửa, địa ngục Núi Lửa, địa ngục Đá Lửa, địa ngục Giường Lửa, địa ngục Cầu Lửa, địa ngục Chim Ưng Lửa, địa ngục Cưa Răng, địa ngục Lột Da, địa ngục Uống Huyết, địa ngục Đốt Tay, địa ngục Đốt Chân, địa ngục Đâm Ngược, địa ngục Nhà Lửa, địa ngục Nhà Sắt, địa ngục Sói Lửa ...

Ngoài những địa ngục lớn như vậy còn có những địa ngục nhỏ phụ thuộc, hoặc một hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn, cho đến hàng trăm hàng ngàn, tên gọi khác nhau.

Lời giảng:

Địa Tạng đại sĩ nói với đại Bồ Tát Phổ Hiền : Thưa nhân giả : Trong dãy núi Thiết Vi có những địa ngục như vậy,

số lượng vô số.

Trên chỉ nói sơ lược về các địa ngục trong dãy núi Thiết Vi. Mỗi địa ngục còn có nhiều tiểu địa ngục riêng. Số lượng đếm không được.

số lượng vô số 有(如是等地獄): Phàm phu hay vọng tưởng và khởi tâm ái thủ: thương yêu và chấp chặt. Họ chấp trước vào cảnh giới, coi là chân thật. Cho nên mới tạo nhân (nghiệp) và quả báo khổ lạc.

Duy Thức Luận 唯識論 nói: Tất cả đều như ở trong địa ngục, tự thấy lính địa ngục và các dụng cụ tra tấn v.v... Lính địa ngục áp bức tội nhân không một chút thương xót vì ác nghiệp của tội nhân hiện tiền trong tâm tội nhân và lính ngục thấy rất rõ. Ngoài ác tâm ra thật sự không có chó đồng, rắn sắt v.v... Tất cả các thế gian pháp đều như vậy 一切如地獄 • 同見獄卒等 • 能為逼迫事 • 皆是罪人惡業心現 • 並無心外實銅狗鐵蛇等事 • 世間一切事法 • 亦復如是.

Lại còn có địa ngục Kêu La, địa ngục Rút Lưỡi, địa ngục Phẫn Giải, địa ngục Xích Đồng, địa ngục Voi Lửa, địa ngục Chó Lửa, địa ngục Ngựa Lửa, địa ngục Bò Lửa, địa ngục Núi Lửa, địa ngục Đá Lửa, địa ngục Giường Lửa, địa ngục Cầu Lửa, địa ngục Chim Ưng Lửa, địa ngục Cưa Răng, địa ngục Lột Da, địa ngục Uống Huyết, địa ngục Đốt Tay, địa ngục Đốt Chân, địa ngục Đâm Ngược, địa ngục Nhà Lửa, địa ngục Nhà Sắt, địa ngục Sói Lửa ...

địa ngục Kêu La 叫喚: Trong 18 địa ngục, có tám lạnh, và tám nóng. Trong tám địa ngục nóng (theo Trường A Hàm, đây là nóng thứ tư; thứ năm gọi là Đại Kêu La; mỗi địa ngục lại có 16 tầng 遊增): nơi này rất ồn ào cả ngày lẫn đêm vì tù nhân kêu la không ngừng. Lính ngục chụp tội nhân và thảy vào trong vạc lớn để chiên, nấu hoặc làm chết đuối. Đây là quả báo của hành động ác từ sân hận, nuôi dưỡng tâm ác độc và tà kiến. Đại Kêu La địa ngục là nơi lui tới của kẻ hay có tà kiến và tạo ác nghiệp vì lòng dâm dục.

địa ngục Rút Lưỡi 拔舌 chuyên môn kéo lưỡi tù nhân ra với móc sắt.

địa ngục Phẫn Giải 糞尿 đầy dẫy đồ ô uế. Khi đói thì tù nhân phải ăn phân, khi khát thì phải uống nước tiểu.

địa ngục Xích Đồng 銅鎖: Vô phương thoát ra khỏi địa ngục này (còn gọi là Hắc thằng địa ngục 黑繩地獄: Dây đen địa ngục). 800 khóa sắt cột cổ các tù nhân. Đây là do bảy loại đệ tử và 96 loại Bà la môn tuyên bố tà pháp là chính pháp, chính pháp là tà pháp hoặc phạm giới nhẹ nhưng không chịu thú tội sau thời gian lâu dài. Mỗi ngày đêm họ phải chết 90 vạn lần.

địa ngục Voi Lửa 火象: hỏa tượng dẫm họ chết. Lúc Ca Diếp Phật 迦葉佛 còn tại thế, có một tỳ kheo không chịu gỏ bảng trước khi dùng trưa. Một cư sĩ hỏi tại sao. Ông ta trả lời（tạo ác khẩu 惡口）: các tỳ kheo này như voi trắng: họ

không bao giờ no cả. Làm thế thì có thể để dành đồ cúng dường cho ngày sau. Ông ta khi chết rơi xuống địa ngục này làm voi（火燒受苦‧至今不絕）. Tù nhân chịu quả khổ theo tiền nghiệp. Có người đến đây vì nghĩ rằng làm voi say rượu thì sẽ khiến nó giết nhiều địch thủ hơn và có thể thắng trận. Nên họ cho voi uống rượu khiến voi say.

địa ngục Chó Lửa 火狗: Thân chó (màu đen tím 黑紫色; rất dơ dáy và trông khủng khiếp) bốc cháy và đầy khói. Chúng nó ăn xương thịt của tội nhân. Đây là quả báo của những người thường nuôi gia súc rồi nấu nướng chúng nó.

địa ngục Ngựa Lửa 火馬: thân cháy rực. Chúng nó chạy lung tung như điên và rượt tù nhân.

địa ngục Bò Lửa 火牛: thân bò cháy rực. Bò húc lủng thân thể tội nhân bằng sừng. Địa ngục này và địa ngục trước là do đã làm các hành động dâm dục với ngựa và bò. Bây giờ thấy chúng nó, tội nhân liền đến gần theo thói quen. Họ vào bộ phận sinh dục và bỗng nhiên thấy bị vào bụng chúng nó, đang đầy lửa. Như thế mà bị tra tấn liên tục.

địa ngục Núi Lửa 火山: có lửa khắp núi, đốt tội nhân chết cháy. Núi lại còn tiến sát vào nhau đánh nhau hoặc mài nhau, nghiền chết tù nhân (và trở lại vị trí cũ).

địa ngục Đá Lửa 火石: lính canh dùng đá để đè dẹp tội nhân cho chết. Tù nhân bị đặt nằm ngữa mặt lên trên đá rồi dùng đá để đè nát hoặc đốt họ. Cứ như thế mà xảy ra cho đến khi thân và thịt bầy nhầy.

địa ngục Giường Lửa 火床: giường bằng lửa. Tương tự như giường sắt ở trước.

địa ngục Cầu Lửa 火梁 có cột lửa. Tội nhân hoặc bị treo trên cột hoặc bị cột đè bẹp.

địa ngục Chim Ưng Lửa 火鷹: tương tự như địa ngục giường sắt tả ở trước. Có một núi đầy lửa, cao 5.000 do tuần. Núi có cây sắt đầy chim ưng sắt với thân cháy rực. Chim ưng thích mổ bể sọ người mà ăn óc. Chúng nó lại thích ăn mắt người (và óc, tim, bao tử, ruột già và ruột non). Ăn mắt xong thì chúng nó bay đi.

địa ngục Cưa Răng 鋸牙: tù nhân ở trên đất sắt cháy, bị cột bằng giây đen cháy. Thân thể bị cưa bằng cưa lửa. Răng cũng bị cưa như vậy. Đây là quả báo của tứ ác khẩu nghiệp.

địa ngục Lột Da 剝皮: tù nhân bị lột da, sau đó thì bị lóc thịt. Họ vốn trước cung cấp thịt (giết cừu, lợn, bò và hưu), cá và chim.

địa ngục Uống Huyết 飲血: Sâu bọ uống máu người. Máu thành hồ. Sâu bọ lại nhai gân 筋 và uống tủy. Hoặc tù nhân bị bắt phải uống máu của mình. Đây là do nghiệp trộm cắp: họ ăn cắp dê 羊 hoặc lừa 驢 để hành dâm vì không có đàn bà.

địa ngục Đốt Tay 燒手筋: Ở đây, tay bị xối nước đồng

chảy, khiến toàn thân bị đốt cháy 通身俱燒. Đây là địa ngục nhiệt thứ sáu 八熱地獄第六燒炙. Cùng với:

địa ngục Đốt Chân 燒腳: Bị đi trên than cháy nên toàn thân đều bị đốt nóng 通身俱燒. Đây là nhiệt địa ngục thứ bảy. Địa ngục này và địa ngục trước là chốn trả quả báo giết chúng sinh, chặt tay chân để nướng, đốt, nấu hoặc chiên.

địa ngục Đâm Ngược 倒刺: còn được gọi là "Nạo Lao Hà 撓撈河: sông quấy nhiễu". Rộng 20.000 do tuần vuông. Hai bên sông đều có cây sắt. Mỗi cây có nhiều móc sắt treo thòng xuống (ngày đêm đều cháy rực; các cây cao một do tuần, móc dài 16 phân 寸). Thân tội nhân bị móc lên cây. Gai chích họ từ dưới lên trên. Kiếp trước, họ là đàn bà thường lén ngoại tình sau lưng chồng.

địa ngục Nhà Lửa 火屋. Mỗi nhà đều bằng sắt lửa cháy rực bên trong. Lính ngục chụp tù nhân, quăng vào các phòng ở trong lửa đó, họ không thể chịu đựng nổi.

địa ngục Nhà Sắt 鐵屋, các phòng đều bằng sắt và cháy nóng bỏng. Tội nhân gào thét thảm thiết.

địa ngục Sói Lửa 火狼 là nơi rất khủng khiếp, tàn nhẫn và hung bạo: chó sói lửa rượt tù nhân, chụp mà ăn (chó sói nhai thịt xương; lấy chân đè lên thân họ, dùng răng nanh xé ra). Đây là quả báo của các ác nghiệp.

Ngoài những địa ngục lớn như vậy còn có những địa ngục nhỏ phụ thuộc, hoặc một hoặc hai, hoặc ba hoặc bốn, cho đến hàng trăm hàng ngàn, tên gọi khác nhau.

Mỗi địa ngục đều có nhiều địa ngục phụ thuộc.

Lời Kinh:

Địa Tạng đại sĩ nói với đại Bồ Tát Phổ Hiền: Thưa nhân giả : Tất cả địa ngục ấy được chiêu cảm ra bởi nghiệp lực của những kẻ làm ác ở Nam châu Diêm Phù. Nghiệp lực cực lớn: cao như Tu Di, sâu hơn cự hải, ngăn chướng thánh đạo. Vì vậy, chúng sinh đừng khinh thường lỗi nhỏ, cho là không có tội. Chết rồi đều phải thọ báo, dẫu chỉ nhỏ nhặt. Đến như cha con cùng thân nhân, cũng đường ai nấy đi. Dầu cho gặp nhau, cũng không thể chịu tội thay cho nhau. Tôi nay dựa vào uy lực của đức Thế Tôn, lược kể địa ngục tội báo. Ước mong nhân giả tạm nghe.

Lời giảng:

Địa Tạng đại sĩ nói với đại Bồ Tát Phổ Hiền: Thưa nhân giả : Tất cả địa ngục ấy được chiêu cảm ra bởi nghiệp lực của những kẻ làm ác ở Nam châu Diêm Phù. Nghiệp lực cực lớn: cao như Tu Di, sâu hơn cự hải, ngăn chướng thánh đạo.

Tâm tính của chúng sinh trong Diêm Phù Đề bất định, tuy có hướng thiện nhưng theo hoàn cảnh lại thường tạo ác nghiệp nên mới có các thứ địa ngục để chịu quả báo.

Nghiệp do tâm tạo. Tâm có vô tận lực, cho nên, các quả báo tạo ra cũng vô hạn lượng: cao hơn núi Tu Di, và sâu hơn đại dương. Tệ hơn nữa, quả báo còn làm chướng ngại Đạo, khiến chúng ta dù gặp Phật pháp cũng không tin không hiểu. Đó là vì nghiệp lực 業力: nghiệp lực ngăn thánh Đạo**.** Hữu lậu nghiệp có thể chướng ngại Tam thừa thánh Đạo. Vô lậu nghiệp có thể chướng ngại Phật tính Trung Đạo. Cho nên, người tu hành phải biết sợ sức mạnh ác liệt của quả báo. Kẻ có trí huệ, như chư Bồ Tát, sợ nhân nên không dám phạm tội.

Vì vậy, chúng sinh đừng khinh thường lỗi nhỏ, cho là không có tội. Chết rồi đều phải thọ báo, dẫu chỉ nhỏ nhặt.

Phải biết cẩn thận!

Kinh Niết Bàn nói: "Đừng coi thường việc ác nhỏ, cho rằng không có hậu quả: một giọt nước tuy ít nhưng có thể dần dần làm đầy thau."

Mỗi người phải chịu trả quả báo do nghiệp của mình tạo ra. Không ai có thể trốn tránh nghiệp quả của mình.

Trong Tam Muội Kinh 三昧經, đức Phật bảo A Nan Đà:"Tại sao người thế gian không đắc Đạo? Đó là vì tâm đầy vọng tưởng khi ngồi thiền. Tư tưởng đến rồi lại đi, cái này đi thì cái kia đến. Một ngày đêm có 840.000 八億四千萬 tư tưởng theo đuổi nhau không ngừng. Tư tưởng thiện tạo ra thiện báo. Tư tưởng ác tạo ra ác báo, như tiếng vang theo âm thanh, bóng theo hình".

Đến như cha con cùng thân nhân, cũng đường ai nấy đi. Dầu cho gặp nhau, cũng không thể chịu tội thay cho nhau, không thể thế cho nhau**. Tôi nay dựa vào uy lực của đức Thế Tôn, lược kể địa ngục tội báo. Ước mong nhân giả tạm nghe.**

Vì thế nên người tu hành thường bắt đầu với sám hối nghiệp chướng. Chúng ta nên thường xuyên tu pháp sám hối khiến tâm dần dần trở nên thanh tịnh hơn. Mỗi ngày, chúng ta tụng kinh, niệm Phật, tụng chú v.v... Dần dần, thì sẽ được cảm ứng và xóa trừ nghiệp chướng. Lúc đó thì mọi việc khai thông: dễ tu hành hơn, gặp Pháp, gặp thiện tri thức, hiểu kinh điển, hoặc đủ duyên xuất gia.

Lời Kinh:

Phổ Hiền Bồ Tát nói: Tôi biết từ lâu về tam ác đồ báo, nên mong nhân giả nói để làm cho thời mạt pháp về sau chúng sinh hành ác nghiệp, nghe lời nhân giả mà biết quay về với Phật.

Lời giảng:

Phổ Hiền Bồ Tát nói: Tôi biết từ lâu về tam ác đồ báo, nên mong nhân giả nói để làm cho thời mạt pháp về sau chúng sinh hành ác nghiệp, nghe lời nhân giả mà biết quay về với Phật.

Có sinh thì phải có tử. Trong vòng sinh tử, nếu đủ phước, chúng ta gặp Phật pháp, được thiện tri thức hướng dẫn và biết rằng chỉ có Tam Bảo, là nơi nương tựa vững chắc nhất. Thì chúng ta có thể thoát ra được. Tam Bảo gồm Phật Pháp

Tăng, ngoài ra còn tự tánh Tam Bảo vốn sẵn có, vì thế nên mỗi ngày chúng ta đều tụng tam qui y.

Lời Kinh:

Địa Tạng bạch: Thưa nhân giả , địa ngục tội báo như vầy: Hoặc có địa ngục kéo lưỡi tội nhân cho bò cày. Hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho dạ xoa ăn. Hoặc có địa ngục đun vạc sôi cuồn cuộn mà nấu thân tội nhân. Hoặc có địa ngục nung đỏ cột đồng mà bắt tội nhân ôm lấy. Hoặc có địa ngục phun lửa táp vào tội nhân. Hoặc có địa ngục toàn là băng lạnh. Hoặc có địa ngục tràn đầy phẫn giải. Hoặc có địa ngục phóng toàn viên sắt có cạnh sắc gai nhọn. Hoặc có địa ngục đâm toàn giáo lửa. Hoặc có địa ngục chuyên đánh lưng ngực. Hoặc có địa ngục chỉ đốt tay chân. Hoặc có địa ngục rắn sắt quấn xiết. Hoặc có địa ngục xua chó sắt cắn. Hoặc có địa ngục toàn là bắt cỡi lừa sắt ...

Lời giảng:

Địa tạng bạch: thưa nhân giả, địa ngục tội báo như vậy.

Tiếp theo kê liệt ra các loại quả báo tổng quát tại địa ngục. Có đủ các loại tra tấn tại địa ngục.

Hoặc có địa ngục kéo lưỡi tội nhân cho bò cày. Hoặc có địa ngục moi tim tội nhân cho dạ xoa ăn. Hoặc có địa ngục đun vạc sôi cuồn cuộn mà nấu thân tội nhân. Hoặc có địa ngục nung đỏ cột đồng mà bắt tội nhân ôm lấy. Hoặc có địa ngục phun lửa táp vào tội nhân. Hoặc có địa ngục toàn là băng lạnh. Hoặc có địa ngục tràn đầy phẫn

giải. Hoặc có địa ngục phóng toàn viên sắt có cạnh sắc gai nhọn. Hoặc có địa ngục đâm toàn giáo lửa. Hoặc có địa ngục chuyên đánh lưng ngực. Hoặc có địa ngục chỉ đốt tay chân. Hoặc có địa ngục rắn sắt quấn xiết. Hoặc có địa ngục xua chó sắt cắn. Hoặc có địa ngục toàn là bắt cỡi lừa sắt ...

Hoặc có địa ngục, kéo lưỡi tội nhân cho bò cày (hoặc đổ đồng chảy vào miệng): chỗ này dành cho những kẻ thích chửi bới người, cho những người tạo tứ khẩu nghiệp hay phỉ báng Tam Bảo. Tội nhân cực kỳ thống khổ, muốn chết cũng không chết được.

Hoặc có địa ngục, moi tim tội nhân cho dạ xoa ăn: những ai thích nuôi dưỡng tư tưởng ác suốt ngày đêm sẽ đến đây. Họ thích nghĩ cách hảm hại chúng sinh, tư tưởng tàn ác tràn đầy tâm. Nhất là, họ thích ăn cắp của cha mẹ, và sư trưởng. Sau khi chết, tự nhiên họ đến đây để quỉ dạ xoa hoặc chó ăn tim họ. Trong một ngày một đêm, họ trải qua 500 ức sinh tử, chịu đựng vô lượng thống khổ 諸罪人生灰河中 • 諸劍樹間 • 有一羅剎 • 以叉 • 叉其心出 • 與夜叉食者.

Hoặc có địa ngục, đun vạc sôi cuồn cuộn mà nấu thân tội nhân: những ác nhân này tạo nghiệp với thân: họ giết, đánh, hại, hoặc ăn cắp. Mỗi địa ngục có 18 vạc, mỗi vạc rộng 40 do tuần, đầy sắt chảy. 500 la sát quạt các tảng than đá để nấu vạc đồng. Lửa tảng đá hợp thành một đường dài liên tục cả 60 ngày mà không tắt, tương đương với 13.000 năm trong cõi Diêm Phù. Đồng sôi trào lên nhanh chóng rồi phân tán, biến thành bánh xe lửa và trở về vạc. Tội nhân bị nấu trong vạc,

thịt nhừ nát ra hết chỉ còn xương mà thôi. Quỉ lại vớt ra, đem cho chó sắt ăn. Chó khạc nhổ trên mặt đất, tội nhân nhờ uống đàm dãi này mà sống lại. Quỉ lính bắt họ trói lại rồi thảy vào vạc nước sắt đang sôi. Đây là quả báo của phá giới, sát sinh để cúng tế cho quỉ thần rồi ăn thịt và uống máu; hoặc do tội đốt núi giết nhiều thú rừng.

Hoặc có địa ngục, nung đỏ cột đồng mà bắt tội nhân ôm lấy: (như đã bàn ở trước) cho những kẻ tạo nghiệp dâm dục và phá hoại trinh tiết người khác.

Hoặc có địa ngục, phun lửa táp vào tội nhân: dành cho những người thích đàn áp kẻ tốt. Sau khi chết, họ bị đọa vào chốn này. Lửa mãnh luôn luôn rượt họ. Càng chạy thì lửa càng mãnh liệt hơn. Họ chạy không thoát nên cuối cùng bị đốt cháy chết.

Hoặc có địa ngục, toàn là băng lạnh: hình 20.000 do tuần vuông. Ai vào trong địa ngục này, gió từ bốn phương thổi làm họ giá băng. Tù nhân phải chịu đựng hàn phong và nước đông lạnh. Thân, bụng, và bắp thịt đều bị đông và nứt. Đây là quả báo của bất thiện.

Hoặc có địa ngục, tràn đầy phẫn giải: tù nhân phải ăn phân và uống nước tiểu. Lưỡi và tim của họ còn bị đầy sâu bọ ăn phân. Lúc trước tù nhân thường phạm bát quan trai giới và tạo bất tịnh ác nghiệp 不淨惡業.

Địa Ngục Kinh 地獄經 nói: Địa ngục phân giải có 18 khu vực. Mỗi khu vực rộng 8.000 do tuần, gồm có 18 thành phố sắt. Mỗi thành phố lại có 18 khu vực ngăn chia bằng bốn

tường sắt. Có trăm ngàn ức cây dao sinh trưởng sâu bọ sắt. Tù nhân ăn phân trong đó có đầy sâu bọ sắt nên bị sâu bọ cắn lưỡi và tim 沸屎獄・有十八隔・各八千由旬・十八鐵城・一一有十八隔・隔中四壁・百萬億劍樹・皆生鐵蟲・口中熱屎有情飲屎・此蟲唼舌啖心.

Hoặc có địa ngục, phóng toàn viên sắt có cạnh sắc gai nhọn. Loại viên sắt này giống trái táo hoặc chanh. Trên mặt có rất nhiều kim hoặc gai. Viên sắt có thể trên mặt đất hoặc phóng bay dầu là bằng sắt. Nếu bay thì đâm thủng đầu, mắt, tai, mũi: toàn thân cho đến vào trong tủy. Tù nhân sống cả 500 vạn ức kiếp 經五百萬億歲. Trước đây, họ từng làm lính và đào hầm đặt mìn, đặt chông để hại người.

Hoặc có địa ngục, đâm toàn giáo lửa: đâm lục căn và tứ chi và đốt chết cháy. Tương tự như địa ngục Phóng Đao tả ở trước, nhưng dao ở đây có phun lửa.

Hoặc có địa ngục, chuyên đánh lưng ngực: bị đánh ở trước và sau bởi búa sắt nóng bỏng (熱鐵鎚). Đây là quả báo của nghiệp đó trong quá khứ.

Hoặc có địa ngục, chỉ đốt tay chân: lửa đốt tay và bước trên than đỏ đốt chân.

Hoặc có địa ngục, rắn sắt quấn xiết: trong địa ngục này, tù nhân bị rắn sắt cuốn và siết. Có loại rắn trên thân rất nhiều miệng, mỗi miệng phun ra nhiều rắn nhỏ, mỗi rắn nhỏ có 20 miệng sắt. Rắn đâm thủng mắt mà vào và đi ra qua nam căn.

Quả báo cực kỳ đau đớn này do hành dâm bất chánh .

Hoặc có địa ngục, xua chó sắt cắn: chúng nó luôn luôn đuổi theo tội nhân để cắn và giết họ. Rắn sắt và chó sắt như được tả ở trước.

Hoặc có địa ngục, toàn là bắt cỡi lừa sắt: Trong thời Phật Ca Diếp, một tỳ kheo tự cho mình gấp hai hoặc ba phần khi chia thực phẩm. Các tỳ kheo khác trách móc ông ta. Ông ta đáp: "Tôi phải khó nhọc nấu ăn. Vậy mà quí vị không biết ơn. Mặc dầu thân quí vị mạnh khỏe như lừa nhưng công lao quí vị thua chúng nó." Sau khi chết, vì đã tạo khẩu nghiệp như thế nên lãnh thân lừa. Tù nhân cưỡi lừa sắt, và lửa đốt thân họ.

Lời Kinh:

Thưa nhân giả , quả báo như vậy ,trong các địa ngục có hàng trăm hàng ngàn hình cụ toàn là đồng, sắt, đá và lửa. Cả bốn thứ này đều do nghiệp chúng sanh đã tạo mà cảm ra. Nếu kể cho rõ về những địa ngục quả báo, thì trong mỗi địa ngục, lại có cả trăm cả ngàn cảnh tượng thảm khốc, huống chi là nhiều chỗ. Tôi nay dựa vào uy lực của đức Thế Tôn và vì nhân giả hỏi, mà nói sơ lược như trên. Nói và giải thích cho rõ thì tận kiếp cũng không hết được.

Lời giảng:

Thưa nhân giả , quả báo như vậy ,trong các địa ngục có hàng trăm hàng ngàn hình cụ toàn là đồng, sắt, đá và lửa. Cả bốn thứ này đều do nghiệp chúng sanh đã tạo mà cảm ra. .

Kinh chỉ nêu ra một số ít địa ngục. Địa ngục Kêu La là nhiệt ngục thứ tư. Có 18 nhiệt ngục trong danh sách đó.

Ngoài tâm thì không có địa ngục nào cả. Địa ngục do ác tâm, ác nghiệp của chúng sanh tạo ra và tự chiêu cảm lấy: Tự nhiên thấy cảnh địa ngục với nhiều lính quỷ, ác thú, khí cụ hành hình, thấy mình bị hành hạ đau đớn, khổ sở v.v...

Kẻ nào không có tâm phân biệt tự và tha, không vì tư lợi mà lấn áp hoặc hại người, luôn cư xử tốt trong tinh thần thập thiện thì chắc chắn không bị sống trong địa ngục. Tất cả chỉ là ảo ảnh: Đối với ác nhân thì có địa ngục, đối với thiện nhân thì không; đây là tùy tâm mỗi người mà hiện hữu. Thật ra tất cả thế gian pháp đều là không, đều như huyễn vì do nhân duyên sinh, do thức biến. Địa ngục không cần có chủ nhân.

Nếu kể cho rõ về những địa ngục quả báo, thì trong mỗi địa ngục, lại có cả trăm cả ngàn cảnh tượng thảm khốc, huống chi là nhiều chỗ. Tôi nay dựa vào uy lực của đức Thế Tôn và vì nhân giả hỏi, mà nói sơ lược như trên. Nói và giải thích cho rõ thì tận kiếp cũng không hết được.

Tất cả các địa ngục đều do tâm tạo, mà tâm mỗi người lại khác nhau cho nên không thể thế nhau để chịu khổ trong địa ngục.

Nghiệp ác của chúng sanh tạo ra, qui nạp lại, không ngoài thập ác. Thập ác do tam độc (tham, sân, si làm nguyên nhân) thúc đẩy tạo tác và dựa vào thân miệng ý và hoàn cảnh bên ngoài (duyên) mà sinh ra. Các dụng cụ tra tấn nhiều vô số vì hằng ngày họ đã tạo ra vô số ác nghiệp.

Phẩm 6: Thế Tôn Tuyên Dương

Chỉ có Phật mới biết được phạm vi thần thông của Bồ Tát. Chỉ có ngài mới tán thán được Địa Tạng Bồ Tát. Tại sao lại tán thán? 1) Để chứng nhận rằng Bồ Tát thật sự có những thần lực như vậy 2) Để giúp chúng sinh đắc đủ các loại lợi ích.

Tại sao đức Phật chỉ tán thán thần thông mà không khen công đức? Lục ba la mật công đức là nhân và thần thông bất khả tư nghì là quả. Đại Luận nói: "Có hai loại chúng sinh: 1) kẻ thích thiện pháp 樂善法 2) kẻ thích thiện pháp quả báo 樂善法果報. Đối với kẻ thích thiện pháp, thì tán thán công đức. Đối với kẻ thích quả báo thiện pháp thì tán thán thần thông". Vì thế nên chư Phật tán thán thần thông: để giúp chúng sinh đắc đủ các loại lợi ích.

Lời Kinh:
Lúc bấy giờ, toàn thân đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng vĩ đại, chiếu khắp trăm ngàn vạn ức Hằng sa các thế giới chư Phật, rồi xuất ra âm thanh vĩ đại, phổ cáo các thế giới chư Phật tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát cùng thiên, long, quỉ, thần, nhân và phi nhân đẳng: hãy nghe, hôm nay Như Lai xưng tán việc Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát khắp trong thế giới mười phương, thị hiện bất khả tư nghì uy thần và từ bi lực, cứu hộ hết thảy những cảnh tội khổ. Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các người, Bồ Tát đại sĩ và thiên long quỉ thần đẳng, quảng tạo phương tiện mà thủ hộ kinh này, để cho tất cả chúng sinh chứng Niết Bàn lạc.

Lời giảng:

Lúc bấy giờ, toàn thân đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng vĩ đại, chiếu khắp trăm ngàn vạn ức Hằng sa các thế giới chư Phật.

Toàn thân Phật phát quang để nhấn mạnh sự quan trọng của kinh này. Nếu chúng sinh nào được ánh sáng chiếu thì chắc chắn sẽ đắc vô thượng chánh giác.

rồi xuất ra âm thanh vĩ đại, phổ cáo các thế giới chư Phật tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát cùng thiên, long, quỉ, thần, nhân và phi nhân đẳng: hãy nghe, hôm nay Như Lai xưng tán việc Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát khắp trong thế giới mười phương, thị hiện bất khả tư nghì uy thần và từ bi lực, cứu hộ hết thảy những cảnh tội khổ.

Chúng sanh nào nghe được lời Phật thuyết giảng là một đại phước vì **âm thanh** êm dịu như suối từ khiến người nghe nhập Văn pháp tam muội 聞法三昧 (nghe pháp nhập định và có thể chứng quả). Hơn nữa nội dung của Phật ngôn có tác dụng mãnh liệt như sấm vang đánh thức kẻ mê muội từ lũy kiếp, hoặc như Sư tử hống làm tà ma ngoại đạo phải run sợ mà qui phục.

âm thanh vĩ đại: cũng như Đại Phạm Thiên Vương có thể tạo ra năm loại âm thanh:

1. Thậm thâm như lôi 甚深如雷: sâu thẳm như sấm sét.
2. Tịnh triệt viễn văn: văn giả duyệt lạc 清徹遠聞 •

聞者悅樂: thanh tịnh, thấu suốt và vang xa âm thanh, khiến người nghe thích thú và an lạc.

3. Nhân tâm cung ái 入心敬愛: khiến người nghe sinh tâm cung kính và ái mộ.
4. Đế liễu dịch giải 諦了易解: người nghe hiểu Chân Lý và hiểu lời giảng dễ dàng.
5. Thinh giả dục văn vô yếm 聽者欲聞無厭: khiến người nghe thích nghe thêm mà không biết nhàm chán.

hiện 現 nghĩa là khởi 起. Mặc dầu ngài biết rằng chư pháp vô tính 雖知諸法無性, nhưng Phật chủng tòng duyên khởi 佛種從緣起: chủng tử thành Phật phải dựa theo duyên mà tích tụ. Chúng sinh dựa những nhân này mà cảm 衆生以此因而感. Vì vậy Địa Tạng Bồ Tát mới dựa những duyên này mà ứng 地藏以此緣而應.

Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các người, Bồ Tát đại sĩ và thiên long quỉ thần đẳng, quảng tạo phương tiện mà thủ hộ kinh này, để cho tất cả chúng sinh chứng Niết Bàn lạc.

Trước tiên thì nên lập nguyện từ bi cứu độ chúng sinh. Rồi phải phát triển thần thông để có thể cứu giúp họ. Địa Tạng Bồ Tát đã từng làm như thế. Đức Phật khuyến khích Bồ Tát, thiên, long, quỉ thần bảo vệ kinh này vì nếu không có kinh thì chúng sinh sẽ không biết rằng có thể nương tựa vào Địa Tạng Bồ Tát.

Tại sao đức Phật thị hiện nhập **Niết Bàn**? Cũng như khi cơ củi cháy trụi thì lửa cũng phải tắt 蓋以機薪盡而應火亡 (cái dĩ cơ tân tận nhi ưng hỏa vong; cơ củi: ám chỉ tính chất của củi hễ gặp lửa thì cháy thành tro, dụ cho chúng sinh). Phật và Bồ Tát vì muốn độ chúng sanh phải dùng thân tứ đại (tùy thuận chúng sanh) mà thuyết pháp. Theo luật tự nhiên, thân này phải chịu sự chi phối của tử thần nên quý ngài thị hiện nhập Diệt 順波旬而現滅也. Nói cách khác: sau khi đã độ xong những chúng sinh có thể được độ thì đức Phật thị hiện Niết Bàn như củi hết lửa tắt vậy. Đây là dùng phương tiện thiện xảo khéo độ chúng sanh.

Đối với **phương tiện**: Phương tiện bao gồm hai mặt từ bi và trí huệ. Bồ Tát không thể tách rời khỏi chúng được dù chỉ trong chốc lát 乃菩薩二利之器・不可須兒暫離. Duy Ma Cật nói: Không có phương tiện là bị huệ cột. Có phương tiện là huệ giải. Họ không dùng tâm ái kiến mà dùng tâm đại bi để trang nghiêm Phật độ và thành tựu chúng sinh. Đối với Không, Vô Tướng, và Vô Tác Pháp: các ngài tự điều phục và không nhàm chán 故維摩云・無方便・慧縛・有方便・慧解・謂不以愛見心・莊嚴佛土・成就衆生・於空・無相・無作法中・以自調伏・而不疲厭・是名有方便慧解・不・則縛矣.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn nói xong thì trong pháp hội có một vị Bồ Tát danh hiệu Phổ Quảng, chắp tay cung kính mà thưa : Bạch đức Thế Tôn, hôm nay nghe đức Thế Tôn tán thán Địa

Tạng Bồ Tát có bất khả tư nghì đại uy thần đức, nên con thỉnh cầu đức Thế Tôn vì những chúng sanh vị lai thời mạt pháp mà tuyên thuyết về việc Địa Tạng Bồ Tát ích lợi nhân thiên nhân quả, để bát bộ thiên long cùng chúng sinh đời vị lai biết tôn kính tiếp nhận huấn dụ của đức Thế Tôn.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn nói xong thì trong pháp hội có một vị Bồ Tát danh hiệu Phổ Quảng, chắp tay cung kính mà thưa : Bạch đức Thế Tôn, hôm nay nghe đức Thế Tôn tán thán Địa Tạng Bồ Tát có bất khả tư nghì đại uy thần đức.

Phổ Quảng: Bao trùm khắp pháp giới làm lợi ích chúng sinh. Dùng tâm phát chí nguyện 從心發志 mà có hiệu nghiệm khắp Pháp Giới 彌法界: đó là Phổ. Dùng trí huệ xuất thế để hướng dẫn 導行 chúng sinh, hạnh nguyện tràn đầy không gian: đó là quảng. Tâm là cảnh thể 境體. Phổ quảng là tâm dụng 用. Tâm là Pháp Thân. Phổ là Bát Nhã. Quảng là Giải Thoát. Vị Bồ Tát này đã chứng đắc tam đức từ lâu rồi và đã quảng độ chúng sinh từ lâu. Tuy dụng không lìa thể nhưng thể cậy dụng mà hiện. Dựng tên theo dụng 雖用不離體 • 而體藉用彰 • 故從用立名.

Đại Luận giải thích tại sao Phật tán thán chư Bồ Tát. (Tâm Phật bình đẳng hư dung, vượt qua tất cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp, không có mảy may một chấp trước; họ không có năng sở; coi ngoại đạo, ác nhân, Bồ Tát, và A la hán, đồng

đều, không phân biệt; thì tại sao ở đây đặc biệt khen ngợi Bồ Tát?) “Vì khi Phật tán thán chư Bồ Tát, vô lượng chúng sinh ái mộ tuân theo sự chỉ dạy của Bồ Tát, tạo tượng, cung kính và cúng dường. Nhờ thế tất cả sẽ thành Đạo”. Đối với Phật Nhãn, tất cả các chúng sinh đều bình đẳng, ai cũng là Phật sẽ thành: các ngài không có tâm phân biệt như chúng ta.

Sở dĩ Địa Tạng Bồ Tát được Thế Tôn tán thán công đức vì Bồ Tát tuy biết rằng Niết Bàn là cứu cánh vô thượng của Phật đạo nhưng ngài vẫn không màng; đây là sự xả bỏ cao qúy nhất vì muốn cứu độ chúng sanh cho đến khi không còn ai đau khổ trong tam ác đạo.

Ngài còn biết rằng chúng sanh mạng sống ngắn ngủi như phù du, thân tứ đại thì giả hợp, tất cả giống như ảo ảnh nhưng họ mù quáng cứ tạo ác nghiệp mãi nên ngài phải lập vô biên hoằng thệ nguyện. Tâm ngài là đại từ bi.

nên con thỉnh cầu đức Thế Tôn vì những chúng sanh vị lai thời mạt pháp bao gồm cả chúng ta ngày hôm nay**, mà tuyên thuyết về việc Địa Tạng Bồ Tát ích lợi nhân thiên nhân quả, để bát bộ thiên long cùng chúng sinh đời vị lai biết tôn kính tiếp nhận huấn dụ của đức Thế Tôn.**

biết tôn kính tiếp nhận huấn dụ của đức Thế tôn 頂受 : 領納於心名受•人身以頂為尊•今云頂受•敬之極•信之深也 biểu hiện sự cung kính và lòng tin thâm sâu: nên nhớ đây là lời của đức Phật!

Lời Kinh:

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy Bồ Tát Phổ Quảng, và tứ chúng: Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Như Lai sẽ lược thuyết cho các người về việc Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên phước đức.

Phổ Quảng thưa: Bạch đức Thế Tôn, chúng con rất hoan hỉ và rất muốn được nghe.

Lời giảng:

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy Bồ Tát Phổ Quảng, và tứ chúng: Hãy nghe cho kỹ, hãy nghe cho kỹ! Như Lai sẽ lược thuyết cho các người về việc Địa Tạng Bồ Tát lợi ích nhân thiên phước đức.

Bàn về phước, trời giúp người thiện. Vì thế, thiện thuận thiên đạo. Biết hòa hợp khí (tánh khí ở trong ta) và mặt trời (đạo đức luân lý bên ngoài), khiến thuận với thiên ý thì được phước.

Đối với đức, nên cũng cố cái thiện đã có sẵn. Tuy đôi lúc cũng phải tùy duyên nhưng vẫn giữ được trực tâm và sống theo bản tính chơn thiện.

福者。天道佑善也。善則順天。和氣日相湊泊。從示。從[幅-巾]。會其意耳。德者。固有之善也。直心為德。性命本來之正。學問易簡之功.

Phẩm "Hoằng Phạm 弘範: kế hoạch qui mô" của Thơ Kinh 書經 liệt kê ra ngũ phước như sau :

- Thứ nhất phước thọ 福壽. "**Phước**" chỉ trạng thái rất tự tại trong mọi việc, và "thọ" chỉ sống lâu.

  Loại phước này gồm ba thứ (三星拱照; tam tinh củng chiếu): phước福, chỉ những ngoại vật sở hữu mà tự nhiên được; lộc 祿 là lợi tức hoặc lương bổng; và thọ壽 là sống lâu dài. Nếu có ba loại này đầy đủ là người thật sự có phước.

  (Trung quốc có Thọ Tinh Công 壽星公, đầu trọc và râu dài bạc phơ; Đạo giáo gọi là Nam Cực Tử 南極子: ông ta có ba cuốn thiên văn trong đầu: cuốn thượng, trung và hạ, nên cái gì cũng biết cả).

  Thứ nhì là "phú quí 富貴," chỉ vừa giàu có vừa tôn quí.

  Thứ ba là "khang ninh 康寧: thân khoẻ mạnh,tâm yên ổn".

  Thứ tư là "tu hảo đức 修好德 (biết tu hành và tích phước)"

  Thứ năm là "khảo chung mệnh 考終命: mạng sống kết thúc thù thắng"- nói cách khác, chết yên lành.

Ngoài ra còn có 論語示五德 ngũ **đức** 德.

Thứ nhất là ôn 溫, tức là ấm, không quá lạnh như tượng đá,

cũng không nồng nhiệt quá lố. Quân tử ôn khi nên ôn, cười khi nên cười, và phát ngôn khi cần nói.

Thứ nhì là lương thiện 良善. Không làm những việc trái phép tắt luật lệ.

Thứ ba là cung 恭, ai cũng nên có đức tính này, không nên cao ngạo và khinh thường kẻ khác.

Thứ tư, kiệm 儉, không nên phung phí, nhất là đối với chính mình; đức tính này rất quan trọng.

Thứ năm, nhượng 讓 : nhường cái tốt cho người.

Tiết kiệm tức là tránh phung phí về thực phẩm cũng như đồ dùng, tằn tiện tối đa. Ví dụ, nếu thường ăn năm tô cơm, chúng ta có thể quyết định giảm lại còn ba tô, để dành hai tô cho những kẻ thiếu thốn. Người tu hành nên hạn chế những nhu cầu cần thiết của bản thân, càng đơn giản càng tốt; sống xa hoa sang cả là phí phạm công đức làm tổn phước của mình. Nên luôn luôn sống thanh đạm.

Thứ năm, nhượng讓 có hai nghĩa: Lễ phép, nhường cho kẻ khác đi trước; chịu thiệt thòi để phần tốt cho người.

Thời Tam Quốc ở Trung Hoa, có một vị quan tên Khổng Nhung. Có thành ngữ "Nhung tứ tuế, năng nhượng lê 容四歲，能讓梨: do câu chuyện Khổng Nhung mới bốn tuổi mà có thể nhượng trái lê". Lúc Khổng Nhung mới bốn tuổi,

một người khách đến thăm nhà và đem cho một giỏ lê. Tất cả con nít trong nhà được gọi lại để chọn lê. Khổng Nhung cố ý chọn một trái lê nhỏ nhất. Khi bị hỏi tại sao thì trả lời rằng: Vì thấy thân phận nhỏ nhất nên lấy phần ít nhất để nhường cho anh chị lớn.

Ngoài ra còn có thành ngữ, "Hoàng hương cửu linh, năng ôn tịch 香九齡, 能溫席," kể câu chuyện Hoàng Hương lúc mới chín tuổi, khi mùa Đông đến đã biết tự động nằm trên chiếu giường cha mẹ để ủ cho ấm rồi mới lên giường mình ngủ. Hai câu chuyện trên tiêu biểu ngũ đức.

Phổ Quảng thưa: Bạch đức Thế Tôn, chúng con rất hoan hỉ và rất muốn được nghe.

Theo Tứ Thiên Vương Kinh 準四天王經, trong sáu ngày trai, sử giả, thái tử và thiên vương đến Diêm Phù điều tra hành động chúng sinh: xét hạnh bố thí, tu, tốt hoặc xấu. Nếu như trong những ngày đó mà có thể tịnh tâm thủ trai 淨心守齊, qui y, cung kính, lễ bái và cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, thì chư thiên sẽ sai thiện thần đến bảo hộ nhà cửa, khiến bịnh dịch và tà chúng, các âm mưu họ đều bị tiêu diệt. Đêm không có ác mộng. Tham quan và cướp tặc, thủy hỏa tai biến, rốt cuộc không thể hại. Lúc lâm chung, thần hồn của họ sẽ được thăng lên cõi trời. Phước đức cõi trời khiến sở nguyện tùng tâm: muốn gì tự nhiên được, lại sống trong thất bảo cung điện như ý. Khi thiên phước hết, họ hạ sinh vào nhà vương hầu. Sắc mặt tươi sáng. Ai thấy cũng thích. Họ sẽ gặp Phật nghe Pháp. Rốt cuộc sẽ đắc Niết Bàn. Tất cả các quả báo trên nhờ biết giữ ngũ giới, hành thập thiện, thủ tình nhiếp dục 情攝

欲. Tu pháp lục trai có thể sinh trưởng phước đức nhân thiên như vậy.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn bảo Phổ Quảng Bồ Tát: Trong vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mà hoặc chắp tay, tán thán, lễ bái hay ngưỡng mộ, thì người ấy siêu việt ba mươi kiếp tội.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn bảo Phổ Quảng Bồ Tát: Trong vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mà hoặc chắp tay, tán thán, lễ bái hay ngưỡng mộ, thì người ấy siêu việt ba mươi kiếp tội.

Nghe tên Địa Tạng Bồ Tát có thể tiêu trừ nghiệp chướng.

thiện nam tử hay thiện nữ nhân: họ tu thập thiện, bao gồm hiếu thảo với cha mẹ, báo hiếu, và chăm sóc cho họ lúc già cả. Ngoài ra, thiện là nhẫn ác.

chắp tay: Tượng trưng cho Quyền và Thật chỉ là một thể. Cửu giới là Quyền và Phật giới là Thật. Chúng sinh và chư Phật đồng thể.

lễ bái: Nếu chúng ta đảnh lễ với thân cung kính tâm chân thành, thì sẽ có cảm ứng. Năng lễ sở lễ tính không tịch 能禮

所禮性空寂: người lạy và đối tượng bản tính vốn là Không. Khi thể nhập được cái Không này thì "dữ Bồ Tát đả thành nhất phiến 與菩薩打成一片": cùng Bồ Tát hợp thành một khối. Dựa trên thần lực Bồ Tát thì có thể xóa **ba mươi kiếp tội**. Đây là do từ bi lực của Địa Tạng Bồ Tát.

ngưỡng mộ 戀慕: nghĩa là cung kính ngắm nhìn, không để ý đến việc gì khác.

Lời Kinh:

Phổ Quảng! Thiện nam hay thiện nữ nào vẽ hình tượng, hoặc dùng đất đá, keo sơn, bạc vàng, đồng sắt làm tượng hình Bồ Tát này, hoặc một lần chiêm ngưỡng hay một lần lễ bái, kẻ đó được trăm lần sinh lên Đao Lợi, vĩnh không đọa ác đạo. Giả sử thiên phước hết, sinh xuống nhân gian, vẫn còn làm quốc chúa, không mất lợi ích lớn lao.

Lời giảng:

Phổ Quảng! Thiện nam hay thiện nữ nào vẽ hình tượng, hoặc dùng đất đá, keo sơn, bạc vàng, đồng sắt làm tượng hình Bồ Tát này, hoặc một lần chiêm ngưỡng hay một lần lễ bái, kẻ đó được trăm lần sinh lên Đao Lợi, vĩnh không đọa ác đạo.

Tạo hình tượng gây thiên phước.

Tại sao dùng những vật liệu khác nhau? Vì tùy theo khả năng của mỗi người. Vàng có năm màu khác nhau. Bạc còn được gọi là vàng trắng. Đồng được coi là một trong các loại vàng.

Sắt còn gọi là vàng đen; rất bền chắc sau khi luyện lâu. Sắt là loại vàng ít giá trị nhất nhưng lại thịnh hành nhất.

Đời xưa, không được dùng keo để ráp tượng vì dễ tan rã với thời gian. Không được tạc tượng bán thân (nữa người). Nếu tạo tượng không đủ vẽ trang nghiêm đoan chánh thì người thợ sẽ bị đoạ trong sinh tử luân hồi.

Tạo hình tượng vốn là thiên nghiệp 天業. Vì thế mới gầy dựng thiên phước.

Thời Lương Võ Đế 梁武帝, có đại đức Trương Tăng Dao 張僧繇. Ông ta vẽ hình Địa Tạng Bồ Tát với oai nghi một tăng sĩ. Khi ông ngồi thiền thì hình đó phát quang. Sau này, một người khác bắt chước vẽ giống hệt như thế thì hình này cũng phát quang. Lại có câu chuyện vợ của một thương gia mang thai cả 28 tháng nhưng vẫn chưa sinh. Khi bà ta phát tâm bắt chước vẽ hình, thì tối đó sinh ra đứa con trai tuấn tú và đoan chánh, ai thấy cũng thích.

Giả sử thiên phước hết, sinh xuống nhân gian, vẫn còn làm quốc chúa, không mất lợi ích lớn lao.

Tạo Tượng Công Đức Kinh 造像功德經 nói: nếu có người lúc lâm chung muốn tạo hình tượng, dầu với cỏ, thì có thể tiêu trừ 81 ức kiếp tội nghiệp trong ba đời. Lại còn có 11 công đức:

1. Đời đời kiếp kiếp mắt thanh tịnh.
2. Nơi sinh không có ác.
3. Sinh vào quí gia.

4. Tử a kim sắc 紫磨金色: Thân màu vàng tía.
5. Phong nhiêu trân ngoạn 豐饒珍玩: nhiều thứ quí báu và đồ chơi.
6. Sinh hiền thiện gia 生賢善家: sinh vào nhà hiền thánh hoặc thiện.
7. Thành vua.
8. Thành Chuyển Kim Luân Thánh Vương.
9. Sinh cõi Phạm thiên.
10. Không đọa ác thú.
11. Biết tôn kính Tam Bảo trong tương lai.

Kinh còn nói: "Những hạng người này, dần dà tích tụ công đức, và đầy đủ tâm đại bi: họ sẽ thành tựu Phật Đạo.

quốc chúa là những người đã từng sùng kính và cúng dường Địa Tạng Bồ Tát trong quá khứ. Đời nay họ làm tổng thống.

Lời Kinh:

Phổ Quảng ! Nữ nhân nào chán thân nữ, tận tâm cúng dường hình tượng Địa Tạng Bồ Tát: tượng vẽ, tượng làm bằng đất đá, keo sơn, đồng sắt đẳng; ngày ngày liên tục cúng dường hương hoa, ẩm thực, y phục, gấm lụa, tràng phan, tiền, bảo vật...., thì nữ nhân ấy,khi hết báo nữ thân này thì trăm ngàn vạn kiếp không còn sinh vào thế giới có nữ nhân, huống chi phải thọ lại. Đó là nhờ lực cúng dường Địa Tạng và công đức trên , mà trăm ngàn vạn kiếp không thọ nữ thân. Trừ phi vì từ nguyện lực, muốn thọ thân nữ để độ thoát chúng sinh.

Lời giảng:

Phổ Quảng ! Nữ nhân nào chán thân nữ, tận tâm cúng dường hình tượng Địa Tạng Bồ Tát: tượng vẽ, tượng làm bằng đất đá, keo sơn, đồng sắt đẳng; ngày ngày liên tục cúng dường hương hoa, ẩm thực, y phục, gấm lụa, tràng phan, tiền, bảo vật...., thì nữ nhân ấy,khi hết báo nữ thân này thì trăm ngàn vạn kiếp không còn sinh vào thế giới có nữ nhân, huống chi phải thọ lại.

Thân nam và thân nữ không có định tính. Những kẻ có nhiều phiền não thường thọ thân đàn bà 蓋女人因淫業而致•乘愛心而來. Đàn ông tương đối ít phiền não hơn.

Những kẻ có tập khí nặng như ganh tỵ, tạo chướng ngại, tham lợi nhỏ, thích xinh đẹp v.v... sẽ sinh làm đàn bà.

Nếu trừ bỏ được tập khí phụ nữ, thì trong tương lai sẽ không còn thọ thân nữ.

Hiện tại ai đang thọ thân nữ, phải biết nghiệp chướng của mình rất nặng nề nhưng nhờ thần lực của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta có thể chuyển thân nam thành thân nữ trong kiếp sau. Tuy nhiên đừng quá chú trọng đến hình tướng này vì ngay cả long nữ cũng thành Phật được. Ai nổ lực tu hành thì thành tựu trước.

Phụ nữ thường gặp ngũ chướng và thập ác.

Trước hết bàn về ngũ chướng.

Thứ nhất là không thể thành Phạm Thiên Vương vì chức vị này cần thanh tịnh mà thân nữ có nhiều bất tịnh.

Thứ nhì, không thể thành Đế Thích. Quí vị có thể phân trần rằng trước đây bàn về 33 người phụ nữ thành thiên vương. Khá lắm, nhưng nên biết rằng khi họ sinh lên cõi Trời thì đổi thành thân nam vì thế mới có thể làm vua trời. Mặc dầu Đế Thích vẫn còn dục vọng, nhưng thật ra rất ít và nhẹ; ngược lại, phụ nữ thì nhiều dục vọng nên không thể làm Đế Thích được.

Thứ ba, không thể thành ma vương. Cũng không mất mát gì lớn lao cả. Phụ nữ không đắc được địa vị này vì ma thì rất cứng rắn nhưng phụ nữ thì yếu mềm.

Thứ tư, chúng sinh không thể thành Chuyển Luân Thánh Vương - kim, bạc, đồng và thiết – nếu có thân đàn bà. Thánh vương có tâm từ bi; họ dạy chúng sinh trì ngũ giới và tu thập thiện để giúp họ được thiện phước. Còn phụ nữ khi thấy người khác gặp chuyện tốt thường sinh lòng đố kỵ, vì thế nên thiếu lòng từ bi mà không thể thành Thánh Luân Vương.

Thứ năm, họ không thể trở thành Phật. Phật có vạn đức; phụ nữ có vạn ác. Họ thường ganh ghét và thích cản trở người.

Tuy nhiên nếu phụ nữ có thể diệt trừ đố kỵ, tham dục, yếu đuối, bất tịnh, và các ác, thì có thể trở thành đàn ông, nên vẫn còn hy vọng. Trở lại ví dụ của con gái long vương (Long Nữ). Khi Xá Lợi Phất quả quyết rằng cô ta không thể trở thành Phật được, long nữ lấy ngọc như ý, món quí giá nhất của mình (còn quí hơn cả sinh mạng nữa) cúng dường cho Phật. Phật ứng khả. Cô ta bèn quay sang Xá Lợi Phất, hỏi rằng: Phật nhận cúng dường có nhanh chóng không? Đệ nhất trí huệ đáp: Có. "Tôi cũng thành Phật mau chóng như vậy," cô ta nói xong liền thành Phật trước mắt Xá Lợi Phất. Câu

chuyện này chứng minh rằng thân nữ vẫn có thể thù thắng. Họ chỉ cần tinh tấn và dũng mãnh tu hành thì cũng có thể thành Phật.

Phụ nữ lại có thập ác.

Thứ nhất, cha mẹ không vui khi sinh ra con gái. Mặc dầu không phải tất cả các bậc cha mẹ luôn luôn phật lòng vì sinh con gái, nhưng đa phần các xã hội đều như vậy. Con gái mới vừa sinh ra đã không tạo được ấn tượng tốt cho cha mẹ.

Thứ hai là nuôi dưỡng con gái không có nhiều hứng thú.

Thứ ba, phụ nữ thường sợ sệt. Ví dụ như sợ người lạ chỗ lạ v.v.. Con trai thường mạnh dạn hơn.

Thứ tư, cha mẹ phải lo lắng nhiều về việc hôn nhân của con gái. Ở xứ Mỹ này không thành vấn đề, nhưng đa số các quốc gia khác cha mẹ phải rất nhọc công tìm chồng xứng đáng cho con gái. Ví dụ ở Ấn Độ gia đình nào có con gái phải lo đủ tiền cưới chồng và phải có của hồi môn hậu hỷ.

Thứ năm, họ phải rời bỏ cha mẹ khi đi lấy chồng.

Thứ sáu là sau khi lấy chồng thì thường sợ cả gia đình chồng và người vợ sướng hay khổ là tùy theo người chồng vui hoặc giận 畏夫喜怒. Khi chồng vui vẻ thì còn có thể thích, nhưng khi ông ta thịnh nộ thì người phụ nữ thường lo sợ bị đánh đập hay đuổi đi.

Thứ bảy là thai nghén và sinh đẻ khó khăn 懷生甚難.

Thứ tám, bất cứ họ nói hoặc làm gì đi nữa cũng bị báo cáo không tốt đến tai cha mẹ 少為父母檢錄. Dầu có làm chuyện tốt, nhưng hầu như không có ảnh hưởng gì với cha mẹ vì họ không màng đến.

Thứ chín, họ thường bị chồng kềm chế và sai khiến, nếu không tuân theo sẽ bị ly hôn.

Chín thứ trên áp dụng cho phụ nữ còn trẻ.

Thứ mười, lúc lớn tuổi thì con cháu coi thường. Chúng nó xầm xì với nhau như câu châm ngôn nói: "Già mà chưa chết là làm kẻ trộm." Trên chỉ nói sơ lược về thập ác (những điều bất lợi của phụ nữ), không đủ thì giờ bàn thêm chi tiết.

cúng dường: Chúng sinh chấp trước về tiền tài, nhà cửa châu báu và các thứ khác. Nếu có thể xả bỏ tiền tài hoặc sinh mạng mà tâm không chút luyến tiếc, thì tâm đã tiêu trừ tham lam và bỏn xẻn, như thế phước đức vô biên. Cúng dường là một hình thức xả bỏ.

Đó là nhờ lực cúng dường Địa Tạng và công đức trên , mà trăm ngàn vạn kiếp không thọ nữ thân. Trừ phi vì từ nguyện lực, muốn thọ thân nữ để độ thoát chúng sinh.

Những bậc chân tu như Bồ Tát v.v.. có thể thọ thân nữ (Ứng thân) vì đã phát nguyện dùng thân phụ nữ để giáo hóa chúng sanh. Đây là hạnh đồng sự của Tứ Nhiếp Pháp. Cho nên dầu họ không thích muốn thân phụ nữ, nhưng vì bổn nguyện, họ phải làm.

Ví dụ thân mẫu của đức Phật Thích Ca là Ma Gia phu nhân

摩耶夫人, ngao du trong các cõi với Đại Hoằng Nguyện Trí Pháp Môn 大幻願智法門 và phát nguyện làm mẹ cho hết thảy 1,000 chư Phật xuất thế trong Hiền kiếp. Vì nguyện này, ngài phải luôn luôn thọ thân nữ trong Hiền kiếp.

Bồ Tát Quán Tự Tại, thường quán âm thanh thế gian để cứu độ. Bồ Tát vốn là nam tử , nhưng vì biết rằng nam nhân thích mỹ nhân nên thường hiện thân phụ nữ để giáo hóa họ. Dầu dùng thân nữ nhưng Quán Âm Bồ Tát không bị cảm tình làm mê muội, cũng như không có những nghiệp xấu của nữ nhân thường tình .

Phương pháp giáo huấn này của Quán Âm Bồ Tát nên được nghiên cứu và giảng dạy: Nếu muốn cứu độ chúng sinh, chúng ta phải biết hướng dẫn họ thoát khỏi nạn mà không bị họ ảnh hưởng ngược trở lại, không bị họ lôi kéo để rồi cùng với họ bị chìm đắm trong biển khổ. Những ai muốn cứu độ chúng sanh, trước hết tự mình phải có định lực. Người thiếu định lực thường bị lôi cuốn và bị hoàn cảnh bên ngoài làm điên đảo hoặc bị mê muội trong khoái lạc tình cảm. Khi Quán Tự Tại Bồ Tát thị hiện ra thân nữ, ngài hoàn toàn không bị tình làm ô uế, và hạnh từ bi của ngài thật sự yêu thương, đùm bọc chúng sinh một cách bình đẳng.

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Nữ nhân nào chán ngán thân xấu xí, đa bịnh, hãy đối trước tượng Điạ Tạng chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái; dầu chỉ khoảng bữa ăn, người ấy sẽ ngàn vạn kiếp thọ thân nam tướng mạo viên mãn, không bịnh hoạn. Nếu nữ nhân xấu xí ấy không nhàm chán thân nữ

nhân, thì trong trăm ngàn vạn ức đời sau thường làm vương nữ, vương phi, con gái tể tướng, quí tộc, đại trưởng giả, đoan trang, tướng mạo viên mãn. Nhờ lòng chí thành chiêm bái Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như vậy.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Nữ nhân nào chán ngán thân xấu xí, đa bịnh, hãy đối trước tượng Địa Tạng chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái; dầu chỉ khoảng bữa ăn, người ấy sẽ ngàn vạn kiếp thọ thân nam tướng mạo viên mãn, không bịnh hoạn.

Lại có thập bất thiện khiến phụ nữ thành xấu xí.

Thứ nhất là hảo hành phẫn nộ 好行忿怒: thường hay oán giận. Có nhiều phụ nữ ít khi nổi giận, nhưng khi họ giận ai thì giận suốt đời. Lại có những người khác thì dễ nổi cơn thịnh nộ vì các chuyện nhỏ nhen như cây kim; khi họ nổi giận họ lại cảm thấy thích thú.

Thứ nhì, hảo hoài hiềm hận 好懷嫌恨: thích nuôi nghi ngờ và thù hận. Họ luôn luôn nghi kỵ về mọi chuyện, thường xuyên kể lể họ bị ngược đãi như thế nào;cứ ôm mối hận như thế mà thường sinh ác khẩu, gieo tiếng oán cho người.

Thứ ba, cuống hoặc ư tha 誑惑於他: thích nói dối và tìm mọi cách khiến người mê muội tin theo .

Thứ tư là nảo loạn chúng sinh 惱亂眾生: chuyên môn thích náo loạn người Ví dụ thấy gia đình người ta ấm êm hạnh phúc

thì chịu không nổi tìm mọi cách phá hại gia cang của họ.

Thứ năm, đối với cha mẹ thì không biết yêu thương và cung kính 於父母所無愛敬心 vì từ khi lấy chồng chỉ biết lo cho bên chồng. Đây là nói chung mà thôi, cũng có một ít người giữ được lòng hiếu kính, nhưng đa phần thì không.

Thứ sáu, không biết cung kính các chỗ linh thiêng, chùa chiền, hoặc các nơi có hiền thánh nhân 於賢聖所不生恭敬.

Thứ bảy là xâm lấn hoặc chiếm đoạt vật sở hữu của hiền thánh nhân 侵奪賢聖資生田業.

Thứ tám, thường dẹp tắt đèn đóm trước chư Phật 於佛塔廟斷滅燈明.

Thứ chín, gặp kẻ xấu xí thì nhạo báng và khinh khi 見醜陋者，毀呰輕賤.

Thứ mười, có khuynh hướng tiêm nhiễm những ác hạnh, thích học đủ các loại biến đổi của ác hạnh 習諸惡行 thói hư tật xấu . Trên là mười nhân khiến đàn bà trở thành xấu xí.

Có mười nguyên nhân tại sao phụ nữ hay bị bịnh 多病報.

Thứ nhất, đánh đập chúng sinh.

Thứ nhì là bảo người đánh đập chúng sinh, như xúi họ đánh mèo, quất chó, dẫm chuột, hoặc đánh con nít.

Thứ ba, đánh xong rồi kể lại cho kẻ khác một cách thú vị.

Thứ tư là thích thú khi thấy người khác bị đánh đập.

Thứ năm là thích thú khi thấy người bị bịnh. Có sách cho là não loạn cha mẹ 惱亂父母.

Thứ sáu là không thích khi thấy người lành bịnh. Có sách cho là não loạn hiền thánh 惱亂賢聖.

Thứ bảy là trong quá khứ họ cho bịnh nhân uống lầm thuốc. Ví dụ, họ lấy thuốc đau bụng cho người bị nhức đầu và khoe là đã khéo léo giúp lành bịnh. Có sách cho là nhìn thấy kẻ oan cừu bịnh khổ thì sinh lòng đại hoan hỉ 見怨病苦 • 心大歡喜.

Thứ tám là sinh lòng ganh tỵ khi thấy bác sĩ chữa bịnh nhân lành và đôi khi còn mong bác sĩ chết phứt. Có sách cho là oán cừu lành bịnh thì tâm không thích 見怨病癒 • 心生不樂.

Thứ chín là hy vọng người bịnh luôn luôn bệnh tật và không bao giờ lành. Có sách cho là oán cừu bị bịnh thì cho thuốc sai 於怨病所 • 與非治藥.

Thứ mười là ăn không ngừng. Khi chưa kịp tiêu hóa bữa ăn trước thì lại bắt đầu ăn tiếp. Nếu không vì 20 thói xấu trên thì

phụ nữ sẽ đẹp, ít bịnh, tánh tình rộng rãi.

Khi có **tướng mạo viên mãn** 相貌圓滿, mỗi bộ phận có hình tướng rõ ràng; tai giống như tai, mắt giống mắt, v.v... Thỉnh thoảng quí vị thấy có người mắt khác thường như hình tam giác hoặc hình vuông, tai thì quá nhọn như tai của ông Spock v.v...

Nếu sinh ra xấu xí thì làm sao thay đổi được? Chỉ có một cách thôi: chuyển nghiệp 轉業. Nghiệp chuyển thì quả báo cũng chuyển 業轉報改.

Nói chung, dung nhan lộ ra công đức. Nếu lỗ mũi hở, thì ít công đức; nếu mắt hình tam giác thay vì hình quả hạnh thì không nên tin tưởng người này.

Đàn ông thì có thể có miệng rộng, nhưng phụ nữ thì không tốt. Dầu là người tốt, nhưng chồng của người đàn bà có gò má cao và miệng rộng sẽ chết sớm. Nhìn tướng mạo có thể biết trước cuộc đời sẽ ra sao: quá trình từ trẻ đến trung niên và tuổi già. Tướng học của người Trung Hoa rất tinh thâm. Chúng ta có thể được tướng mạo tốt đẹp nhờ tôn sùng Địa Tạng Bồ Tát.

Nếu nữ nhân xấu xí ấy không nhàm chán thân nữ nhân, thì trong trăm ngàn vạn ức đời sau thường làm vương nữ, vương phi, con gái tể tướng, quí tộc, đại trưởng giả, đoan trang, tướng mạo viên mãn. Nhờ lòng chí thành chiêm bái Địa Tạng Bồ Tát mà được phước như vậy.

Khi kinh nói rằng người phụ nữ sẽ **đoan trang, tướng mạo**

viên mãn, tức là các nét tướng đều hòa hợp với nhau. Nếu mắt tốt nhưng mũi thì không được tốt thì không thể gọi là hoàn mỹ. Nếu một tai nhỏ một tai lớn trong khi mắt và mũi đều đẹp, thì tướng mạo không tròn. Các nét phải đồng đều trên khuôn mặt và không tụ nhiều quá ở giữa. Nếu muốn được tướng tốt và xinh đẹp nên thành tâm tôn kính Địa Tạng Bồ Tát.

Thưở xưa vua Ba Tư Nặc 波斯匿 có đứa con gái tên Kim Cang. Mới sinh ra đã xấu xí, càng lớn càng xấu thêm: tóc như chổi chà, da như vỏ cây, mặt trông như quỉ. Vua cha xấu hổ, nhốt trong cung không cho ra ngoài. Sau khi lấy chồng, chồng cũng nhốt trong cung luôn. Công chúa nghĩ: "Ta sinh vào hoàng tộc, lúc nhỏ thì cha cấm ra ngoài, lớn lên thì chồng nhốt ở trong. Thật không có tự do gì cả. Ta đã tạo nghiệp gì trong quá khứ để bây giờ mặt mày xấu xí khó coi và phải trả những quả báo tàn nhẫn không công bằng như vầy? Nay đức Thế Tôn còn tại thế, ta nên sám hối nghiệp cũ với đấng Đại Từ Bi". Cô ta đến trước đức Phật đảnh lễ và chiêm ngưỡng hảo tướng của ngài. Khi ngẩng đầu lên nhìn tóc ngài, tóc cô tự nhiên trở thành mềm mại. Khi nhìn dung nhan Phật thì mặt của cô trở nên xinh đẹp. Nhìn thân Phật thì bản thân cô trở nên trang nhã đoan nghiêm. Đức Phật dạy: "Đời trước, con chế diễu thánh nhân, cho nên mới nhận quả báo như vậy."

lòng chí thành: cực kỳ thành tâm thì chắc chắn sẽ được cảm ứng. Đây là điểm rất quan trọng.

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Thiện nam thiện nữ nào đối trước

hình tượng Địa Tạng Bồ Tát mà múa hát, dùng âm nhạc ca vịnh, tán dương hoặc hương hoa cúng dường, lại khuyến cáo từ một người cho đến nhiều người cùng làm như vậy, thì những người ấy, trong hiện tại cũng như trong tương lai, thường được trăm ngàn quỉ thần ngày đêm hộ vệ, không để cho việc dữ lọt vào tai, huống chi để họ bị mọi sự ngang trái.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Thiện nam thiện nữ nào đối trước hình tượng Địa Tạng Bồ Tát mà múa hát, dùng âm nhạc ca vịnh, tán dương hoặc hương hoa cúng dường, lại khuyến cáo từ một người cho đến nhiều người cùng làm như vậy, thì những người ấy, trong hiện tại cũng như trong tương lai, thường được trăm ngàn quỉ thần ngày đêm hộ vệ, không để cho việc dữ lọt vào tai, huống chi để họ bị mọi sự ngang trái.

Tiếp theo kinh mô tả cúng dường âm nhạc.

Nếu ai có thể **ca vịnh**, ngâm nga, hoặc **tán dương** Địa Tạng Bồ Tát (người Hoa có nhiều loại tán xướng Phật và Bồ Tát) và **cúng dường hương hoa**, thì kiếp này và kiếp sau sẽ thường được nhiều hộ pháp vây quanh bảo vệ, nên có thể tránh những tai họa như rớt máy bay, tông xe, chết đuối, trật đường rầy xe lửa, xe buýt lái ra sườn núi v.v... Loại bảo hộ này cũng cho những người trì chú Đại Bi hoặc chú Lăng Nghiêm: họ cũng có rất nhiều hộ pháp theo bảo vệ khắp nơi. Trong lúc cúng dường hoặc trì chú nếu có đủ thành tâm và không vọng tưởng thì các ngài sẽ giúp đỡ quí vị.

Những người tin Phật và tu hành chân chánh thì không nên sợ quỉ thần vì chúng nó phải lễ những kẻ tu hành có công đức. Dĩ nhiên là nếu không chịu tu công đức thì không có hộ pháp và bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Kinh Pháp Hoa nói rằng làm nhạc cúng Phật thì chắc chắn sẽ thành Đạo.

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, nếu có người ác, thần ác hay quỉ ác, thấy thiện nam thiện nữ nào biết qui kính, cúng dường, tán thán, chiêm ngưỡng hay lễ bái hình tượng Địa Tạng Bồ Tát mà mỉa mai, phỉ báng rằng việc làm ấy vô phước và vô ích, hoặc nhe răng ra cười, hoặc chê trách sau lưng hay trước mặt, hoặc khuyên người chê, hoặc một người hay nhiều người cùng chê, cho đến chỉ sinh một niệm phỉ báng; những kẻ ấy, sau khi ngàn vị Phật của Hiền kiếp nhập diệt, quả báo của sự phỉ báng làm cho họ vẫn còn ở trong A Tì địa ngục, chịu cực trọng tội. Hiền kiếp qua rồi mới được làm ngạ quỉ, ngàn kiếp sau đó mới được làm súc sinh, ngàn kiếp sau đó nữa mới được làm người. Dầu được làm người, nhưng bần cùng hạ tiện, các căn không đủ, đa phần bị ác nghiệp kết lại nơi tâm, nên không bao lâu lại đọa vào ác đạo. Vì vậy Phổ Quảng, phỉ báng tha nhân cúng dường mà còn bị quả báo như vậy, huống chi sinh phỉ báng, hủy hoại và những ác kiến khác.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, nếu có người ác,

thần ác hay quỉ ác, thấy thiện nam thiện nữ nào biết qui kính, cúng dường, tán thán, chiêm ngưỡng hay lễ bái hình tượng Địa Tạng Bồ Tát mà mỉa mai, phỉ báng rằng việc làm ấy vô phước và vô ích, hoặc nhe răng ra cười, hoặc chê trách sau lưng hay trước mặt, hoặc khuyên người chê, hoặc một người hay nhiều người cùng chê, cho đến chỉ sinh một niệm phỉ báng; những kẻ ấy, sau khi ngàn vị Phật của Hiền kiếp nhập diệt, quả báo của sự phỉ báng làm cho họ vẫn còn ở trong A Tì địa ngục, chịu cực trọng tội. Hiền kiếp qua rồi mới được làm ngạ quỉ, ngàn kiếp sau đó mới được làm súc sinh, ngàn kiếp sau đó nữa mới được làm người.

Cúng dường tạo phước. Chê trách tạo nghiệp báo.

ác: có ba loại 1) ác 2) đại ác 3) ác trong ác 顎中之惡.

người ác hành thập ác hoặc phạm ngũ nghịch.

thần ác chuyên môn gây chuyện, không theo lề luật 不守規矩. Một số thần đến đền thờ, giả dạng làm chủ thần trời, và nhận cúng dường. Miếu Quan Công thường không có mặt Quan Công. Khi ông ta vắng bóng thì ác thần có thể đến giục người cúng tế thịt máu. Chúng ta thường sợ rằng nếu ác thần xuất thế thì chúng nó sẽ làm mất đời sống an bình của chúng ta.

quỉ ác, loại lớn thường gặp là Cưu Bàn Trà 鳩槃茶, nhưng còn có rất nhiều loại khác. Cưu Bàn Trà thân hình tròn, to, giống như trái dưa, và còn được gọi là yếm mị quỉ 壓寐鬼,

vì chúng thích ngồi đè lên người ngủ khiến họ kinh hoàng và khi tỉnh ngủ vẫn không cử động được.

Ngoài những quỉ này ra , lại còn có nhiều loại tiểu ác quỉ sống ở cỏ cây và hay biểu diễn thần lực của chúng khiến người phải tin sợ. Thí dụ người bịnh có thể đến trước cây cúng hương xin được chữa; nếu mất đồ đạc gì thì cũng vái thần cây giúp tìm cho ra. Khi có kết quả, thì người ta sẽ cúng tế gà, vịt, heo lợn, hoặc các súc sinh khác, họ không biết đó là đang cúng cho ác quỉ trụ ở cây. Tuy nhiên cũng có những thần cây biết tu ví dụ có cây chương 樟樹 tại Nam Hoa Tự, đã qui y và thọ ngũ giới với Tổ Sư Hư Vân.

Trên thế giới này có nhiều chuyện kỳ lạ xảy ra. Những kẻ không hiểu thường nghĩ rằng đó là cảm ứng huyền diệu từ Phật và Bồ Tát, nhưng người có chánh kiến thì tin rằng không phải bất cứ sự kiện nào cũng là cảm ứng từ Phật và Bồ Tát nên không bị quỉ thần lừa gạt.

hoặc nhe răng ra mà cười, hoặc chê trách sau lưng trước mặt, hoặc khuyên người chê. Chê bai thường xảy ra trước mặt, còn phỉ báng xảy ra sau lưng. Ví dụ, có người nói: "Tôi đã từng đến chùa, thấy người thì đắp y, kẻ mặc áo tràng, phủ phục cúi đầu sát đất lạy Phật. Cả ngày chỉ lạy Phật và tụng kinh. Nghi lễ có ích lợi gì đâu! Tại sao không chịu nghỉ mà đánh một giấc cho khỏe?"

Nghe vậy, có người sẽ nói thêm vào **khuyên người chê**: "Tụng kinh thật vô ích, nghe giảng Pháp hoàn toàn phí thì giờ, và tụng chú thật vô dụng. Thay vì phí sức như vậy, chỉ cần dùng một chút ma túy này thì sẽ thấy hồn lâng lâng như đã vãng sinh Tây Phương Cực Lạc." Lý luận này rất thông

thường, của những người muốn phá đạo. Tại sao họ muốn phá đạo? Vì nghiệp chướng sâu dày, họ thích đi đường ma nên thường tạo vi cánh, khuyên người cùng chê bai Phật pháp, chê bai kẻ tu hành. Càng kéo thêm được nhiều bè lũ thì họ cảm thấy mình có lý và khi bị chất vấn về hành động này, họ sẽ giải thích rằng không phải riêng cá nhân họ mà ai ai cũng làm như vậy.

chê 譏: người có tâm ganh tỵ hoặc tự cao tự đại hay tìm lỗi kẻ khác để chê bai.

trách 毀: khi khởi tâm tham tiếc hoặc sân hận thì trách người.

Tâm này là nguồn gốc của tà ác. Miệng nói lời chê trách là mở đầu cho triệu họa.

Thời kỳ này gọi là Hiền kiếp 賢劫 vì có 1.000 vị Phật xuất thế, mà Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư. Thông thường, sau khi một vị Phật nhập Niết Bàn thì phải trải qua một thời kỳ rất lâu vị Phật tiếp mới xuất thế. Ví dụ sau khi Phật Thích Ca nhập diệt, phải mấy triệu năm sau Phật Di Lặc mới ra đời. Như vậy thời gian để tất cả 996 vị Phật còn lại xuất thế và nhập Niết Bàn thật quá lâu. Thế mà những kẻ chịu khổ trong địa ngục A tỳ vì phạm tội hủy báng vẫn chưa ra khỏi được.

Nói về thời gian, chúng ta biết rằng nó có tính cách tương đối, mỗi cõi đều có sự khác biệt: Một ngày một đêm ở cõi Tứ thiên vương bằng 50 năm ở cõi người; một ngày đêm ở cõi trời Đao lợi tương đương với 100 năm cõi người.

Để giải thích thời gian tâm lý, chúng ta có thể dùng thành ngữ " nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại". Cùng là một ngày trôi qua nhưng kẻ trong tù thấy dài lê thê như cả ngàn năm. Cũng thế, cùng là một ngày một đêm nhưng kẻ ở địa ngục bị hành hạ khổ sở, đau đớn, chết đi sống lại nhiều lần nên tự họ cảm thấy đã trải qua 60 ức kiếp, kéo dài vô cùng tận. Sung sướng thì thấy thời gian qua mau, lúc đau đớn khổ sở thì thời khắc trôi qua rất chậm chạp, vài phút thôi cũng dài như thế kỷ.

Dầu được làm người, nhưng bần cùng hạ tiện, các căn không đủ, đa phần bị ác nghiệp kết lại nơi tâm, nên không bao lâu lại đọa vào ác đạo. Vì vậy Phổ Quảng, phỉ báng tha nhân cúng dường mà còn bị quả báo như vậy, huống chi sinh phỉ báng, hủy hoại và những ác kiến khác.

Sau khi chịu khổ trong tam ác đồ trường kiếp, những kẻ phạm tội phỉ báng sẽ được sinh vào hạng bần cùng. Những kẻ nghèo nàn trong kiếp này thường là do quả báo từ nhiều kiếp trước. Muốn giải quyết thì không nên trông cậy một cách ỷ lại vào các chương trình cung cấp xã hội. Đạo Phật dạy họ hành thiện, làm công quả, làm các việc công ích và chừa bỏ tập khí tham lam trộm cắp đã khiến họ nghèo cùng như vậy. Cho tiền không thể giúp họ cải tạo đời sống và không tiêu diệt được nguyên nhân chính của sự bần cùng. Nhiều khi giúp đỡ xã hội (social welfare) không bằng dạy họ cung kính Phật và tránh phỉ báng Tam Bảo.

chư căn không đủ: như thiếu mắt, tai, mủi, lưỡi, tay, chân v.v... Lục căn không đầy đủ.

đa phần bị ác nghiệp lại kết nơi tâm: đại khái, họ có vẻ như thường lâm nạn, vạn sự không như ý. Khi Tam Bảo tại thế

thì có nhiều cơ hội trồng công đức và tránh nhân bần cùng. Trong nhiều hoàn cảnh, chuyện không tốt thường xảy ra cho người phỉ báng Tam Bảo. Nếu họ không thiếu thức ăn thức uống, thì họ thiếu áo quần hoặc chỗ nương tựa, và không bao lâu nữa lại sẽ tạo nghiệp khiến họ đọa vào ác thú. Câu chuyện Quang Mục cứu mẹ ở phần trên cho thấy bà mẹ bị ác nghiệp kết nơi tâm, nhờ phước của Quang Mục, bà được tái sanh làm người nhưng chỉ sống được 13 năm, sau lại phải lọt xuống ác đạo.

Những thời hạn bị đọa trong tam đồ mà kinh đã nêu ra có khẳng định không? Nói cách khác, những người đó thật sự sẽ chịu quả làm ngạ quỉ ngần ấy kiếp hoặc làm súc sinh triệu kiếp chăng? Những quả báo đó rất chính xác như lời giảng của đức Phật. Tuy nhiên có nhiều trường hợp ngoại lệ. Ví dụ, một ngạ quỉ phát đạo tâm nên tự nguyện làm hộ pháp cho người tu hành, tự phát tâm lạy Phật. Vì quỉ đó trồng thiện căn trong lúc đang trả quả báo nên có thể sớm thoát khỏi cảnh giới ngạ quỉ và sinh lên làm súc sinh hoặc làm người.

Súc sinh mà được thân cận kẻ tu hành, như các con vật được sống trong chùa có thể nhờ được thấm nhuần Phật Pháp nên từ từ phát lòng tin và tiêu trừ nghiệp chướng. Khi Hư Vân đại sư trụ tại Nam Hoa Tự, một con gà thường lẻo đẻo đi theo các tăng khi họ đi nhiễu Phật. Tu ba năm như thế thì con gà đứng trước điện Phật mà vãng sinh. Dầu các quả báo có thời gian quy định, nhưng bao giờ cũng có trường hợp đặc biệt khiến diễn biến có thể thay đổi. Điều này chứng tỏ nhất thiết duy tâm tạo.

Những ai ý thức được rằng bị bần cùng, hạ tiện, và tật nguyền là do không biết cung kính Địa Tạng Bồ Tát hoặc đã phỉ báng

Tam Bảo, có thể cải quá tự tân 改過自新: đổi sai lầm tự cải tiến. Họ có thể phát tâm ăn chay và niệm Phật, hoặc xuất gia. Có thể họ sẽ không bị đọa ác thú. Dầu nhân quả là chân lý rõ ràng nhưng rất uyển chuyển, không cứng cáp 死板; cho nên phải xét mỗi trường hợp để coi hoàn cảnh khác nhau ra sao. Nếu có người trót tạo nghiệp nhưng biết sám hối và sửa hành động, thì có thể miễn đọa tam ác thú.

Trong chương cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện có nói rằng: Nếu nghiệp chướng có hình thể thì nghiệp của một người thôi cũng đủ làm đầy cả không trung. Mặc dầu nghiệp không có hình tướng nhưng chúng ta không nên coi thường nghiệp chướng. Tạo một nghiệp ác nhỏ, nay một ít mai một ít là điều rất nguy hiểm, nhất là sau khi đã hiểu giới và đã thọ giới. Sám hối thì có thể tiêu trừ nghiệp chướng, vì thế nên có câu: "*Phật tiền đảnh lễ, tội diệt hà sa; xả tiền nhất văn, tăng phước vô lượng* 佛前頂禮, 罪滅河沙; 捨錢一文, 增福無量: nghĩa là đảnh lễ Phật thì tiêu trừ tội nghiệp nhiều như cát sông Hằng; cúng một đồng tiền thì phước tăng vô lượng". Muốn được phước vô lượng thì khi phát tâm cúng dường chúng ta không cầu phước cho mình mà chỉ thật lòng góp phần xây dựng, hộ trì Tam Bảo.

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, nam tử nữ nhân nào đau ốm nằm liệt giường, cầu sống không được, muốn chết không xong. Đêm mộng thấy ác quỉ, cho đến người thân, hoặc đi vào hiểm đạo, hoặc lắm yểm mị, hoặc đi với

quỉ thần. Ngày tháng dần dà trở thành gầy yếu, trong mộng kêu khổ rên la, thê thảm phiền muộn. Đây toàn là đang bị luận định về nghiệp đạo, nặng nhẹ chưa quyết, nên chết không đặng, muốn lành không xong. Mắt phàm không thể phân biệt được việc ấy.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, nam tử nữ nhân nào đau ốm nằm liệt giường, cầu sống không được, muốn chết không xong.

Phật Thuyết Y Kinh 佛說醫經 nói rằng thân người có bốn loại bịnh tật: 1) Thổ 2) Thủy 3) Hỏa 4) Phong. Đó chẳng qua vì thân thể do tứ đại tạo thành nên sẽ bị phá hủy qua tứ đại. Theo Đại Luận, mỗi thành phần của tứ đại tạo duyên cho 101 loại bịnh. Có 202 hàn bịnh khởi từ thủy và phong đại. Nhiệt bịnh cũng có 202 loại, khởi từ hỏa và thổ đại. Chúng ta bị quấy nhiễu vì thân tứ đại cả cuộc đời. Thân thể thường là duyên để tạo khổ.

Tại sao chúng sinh lại cố chấp vào thân như vậy? Hãy nhớ rằng hữu thân, hữu khổ

Đoạn kinh này không bàn về các loại bịnh thông thường, nhưng về các loại bịnh nặng (như **liệt giường** và kinh niên). Nguồn gốc của các bịnh là gì? Đó là do vì tâm quá dâm dật. Các chứng bịnh này (tê bại 癱瘓 hoặc hao mòn 萎症) khiến họ không thể đi đứng. Đó là vì chân thuộc về thận 腎. Nhiều người đi đứng khó khăn vì chân họ sưng. Họ cần chống gậy mà di chuyển. Đó không phải vì họ bị tai nạn hoặc

bị thương trên chiến trường. Tại xứ Mỹ này, có rất nhiều người như vậy vì tình dục quá cao. Họ thật sự không biết tại sao mình bị khốn khổ như thế!

Những người bị bịnh này rất thống khổ, có thể muốn chết đi để khỏi khổ, nhưng cầu chết không được, cầu sống bình thường cũng không xong.

Đêm mộng thấy ác quỉ, cho đến người thân, hoặc đi vào hiểm đạo, hoặc lắm yểm mị, hoặc đi với quỉ thần.

Trong **mộng** họ có thể đồng lỏa với ác quỉ và có những hành vi bất tịnh hay tà ác. Có càng nhiều loại hành động như thế thì bịnh càng nặng. Hơn nữa, họ có thể mơ thấy người thân quá cố, đây là điềm không tốt. Tại mỗi nhà đều có thần bảo vệ, họ cho phép các người họ che chở ra vào. Nhưng khi các ác quỉ muốn hảm hại người sống, chúng nó thường không thể qua khỏi các thần hộ vệ trước cửa nên phải lén theo một thân nhân đã chết mà vào. Mơ thấy người thân đã chết là điềm xấu vì mặc dầu thân nhân không có ý hảm hại người sống, nhưng họ bị bạn ác đi theo, trong số bạn của họ có thể có quỉ rất hiểm ác.

Những người bị bịnh này cũng có thể mơ thấy mình đi bộ trên vùng núi cao bị lở đất mà té xuống. Hoặc thấy đi trên đường có nhiều chó sói, cọp, và quái vật. Họ có thể bị quỉ Cưu bàn trà đè khiến họ không thể cử động không thể la lên cầu cứu họ bị ngộp thở, chết điếng hoặc nằm tê liệt như đã nhập ma định. Loại ma này có thể tấn công nhiều lần trong đêm. Nạn nhân có thể không biết bị quỉ ám, lại có thể mơ thấy vui chơi với chúng nó, vì trong giấc mơ họ không biết chúng là ma qủy nên không thấy sợ.

Duy Thức Luận nói rằng có bốn loại mộng:

1. Vô minh tập khí 無明習氣: do từ thói quen vô minh.
2. Thiện ác tiên trưng 善惡先徵: tiên báo chuyện tốt xấu sắp xảy ra.
3. Tứ đại thiên tăng 四大偏增: tứ đại bị mất thăng bằng.
4. Tuần du cựu thức 巡遊舊識: người quen xưa đến thăm.

Ở đây, mơ thấy ác quỉ: thuộc loại tiên báo số 2; mơ thấy thân thuộc: loại số 4; mộng thấy đi đến chốn nguy hiểm thuộc loại số 3; và mộng thấy quỉ thần thuộc loại thứ 1.

Ngày tháng dần dà trở thành gầy yếu, trong mộng kêu khổ rên la, thê thảm phiền muộn. Đây toàn là đang bị luận định về nghiệp đạo, nặng nhẹ chưa quyết, nên chết không đặng, muốn lành không xong. Mắt phàm không thể phân biệt được việc ấy.

Bịnh nhân trở nên ốm yếu, bạc nhược, thường đau đớn và bị co giật, họ thường khóc lóc. Đây cũng là vì đã tạo quá nhiều nghiệp nên mặc dầu chưa chết nhưng quả báo của họ đang được quyết định tại địa ngục.

Lời Kinh:

Vậy nên đối trước tượng chư Phật Bồ Tát, lớn tiếng tụng một biến kinh này. Hoặc lấy đồ vật mà bịnh nhân ưa thích, như y phục, của quí báu, ruộng vườn, nhà cửa, đối trước bịnh nhân, lớn tiếng nói rõ mình tên họ như vậy, xin vì bịnh nhân xả bỏ những thứ kể trên để cúng dường

kinh tượng, hoặc tạo chùa tháp, hoặc thắp đèn dầu, hoặc thí thường trú. Hãy ba lần nói với bệnh nhân như vậy cho họ nghe hiểu.

Giả sử thần thức phân tán, đến nỗi hơi thở đã hết, thì nội trong một ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, cao tiếng mà nói như thế và cao tiếng tụng kinh. Người ấy, sau khi chết, đời trước tạo trọng nghiệp, dầu nặng như ngũ vô gián tội, vĩnh được giải thoát khỏi; sinh ra ở đâu thường biết đời trước của mình. Huống chi chính thiện nam thiện nữ nào tự sao chép kinh này hoặc khuyên người sao chép, tự đắp vẽ hình tượng Bồ Tát hay khuyên người đắp vẽ, thì quả báo nhận được thật đại lợi ích.

Lời giảng:

Vậy nên đối trước tượng chư Phật Bồ Tát, lớn tiếng tụng một biến kinh này,

lớn tiếng tụng một biến kinh này: để giải tỏa nhân quả của quá khứ.

Bịnh tật của con người thường có hai loại: 1) bịnh tứ đại thuộc về thân bịnh 2) tam độc (tham sân si) thuộc về tâm bịnh. Thân bịnh có thể dùng thuốc chữa. Tâm bịnh phải dùng phước trị.

Hoặc lấy đồ vật mà bịnh nhân ưa thích, như y phục, của quí báu, ruộng vườn, nhà cửa,

Tại sao cúng dường những đồ vật bịnh nhân ưa thích ? Tâm tam độc khiến trước đây người bịnh tham lam tích lủy. Bây

giờ thì bỏ cái khó bỏ để nhẹ nghiệp đi.

y phục (thường để trang điểm thân thể), **của quí báu** (thích tích lũy để làm giàu), **ruộng vườn** (để thu huê lợi và tiêu khiển), **nhà cửa** (nơi nương tựa của bịnh nhân và gia đình): dám hy sinh bán tất cả tài sản đã nêu ra để đắp hình tượng Phật và Bồ Tát--- những việc làm này tạo rất nhiều công đức. Tại sao? Bởi vì đây là sự hy sinh to lớn chỉ kẻ nào cực kỳ thành tâm mới dám làm. Hơn nữa dùng số tiền lớn như thế để tô đắp hình tượng Phật thì vật liệu dùng phải là thứ qúy giá và hình tượng càng qúy đẹp càng tạo sự ngưỡng mộ cho mọi người.

đối trước bịnh nhân, lớn tiếng nói rõ mình tên họ như vậy, xin vì bịnh nhân xả bỏ những thứ kể trên để cúng dường kinh tượng, hoặc tạo chùa tháp, hoặc thắp đèn dầu, hoặc thí thường trú. Hãy ba lần nói với bệnh nhân như vậy cho họ nghe hiểu.

Khi tuyên bố sự cúng dường, những người đại diện cho bịnh nhân bố thí nên nêu rõ tên: "Tôi, tên là v.v..đã vì bịnh nhân tên ....làm công đức cúng dường này " Tuyên bố ba lần để bịnh nhân hiểu biết được sự việc. Khi bịnh nhân qua đời, tất cả đều phân tán 分散. Rốt cuộc chỉ còn lại nguyện vương. Đây là nguyện đại cúng dường.

Giả sử thần thức phân tán, đến nỗi hơi thở đã hết, thì nội trong một ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, cao tiếng mà nói như thế và cao tiếng tụng kinh. Người ấy, sau khi chết, đời trước tạo trọng nghiệp, dầu nặng như ngũ vô gián tội, vĩnh được giải thoát khỏi; sinh ra ở đâu thường biết đời trước của mình.

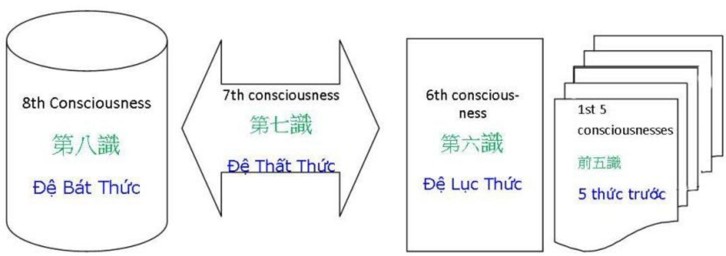
thức: ám chỉ tất cả tám thức:

1) Đệ bát thức: A lại gia thức hoặc tạng thức, tích trữ vô lượng chủng tử.
2) Đệ thất thức: Mạt na thức 末那識. Vốn chịu trách nhiệm sự chấp trước về bản ngã. Thức này dẫn dắt chủng tử của nghiệp đến đệ bát thức. Khi chấp trước về ngã bị phá bỏ, thì A lại gia thức chỉ còn giữ lại chủng tử vô lậu thôi.
3) Đệ lục thức: ý thức 意識. Niệm niệm phân biệt ngã và tha, thị phi 是非: sai trái, thủ xả 取捨: giữ lấy hoặc bỏ đi, tăng ái 憎愛: thù hận hoặc yêu thương. Tùy theo hoàn cảnh thuận hay bất thuận, mà tạo ra nghiệp tốt xấu tương ưng. Nó hợp tác với đệ thất thức, chấp ngã thức, để tạo chủng tử sinh tử trong đệ bát thức.
4) Năm thức đầu (Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức). Thức thứ sáu có thể phân biệt nhưng không thể nhận thức được cảnh giới 境. Cho nên phải cần dựa vào năm thức đầu, điều khiển ngũ căn để tiếp xúc với ngũ trần.

Người tu hành nên bắt đầu tu từ thức thứ sáu bằng cách không còn phân biệt. Với trí huệ không phân biệt, chúng ta có thể phá tan chấp ngã. Nhờ đó những chủng tử hữu lậu trong bát thức không có khả năng thành thục và từ từ bị khô héo. Khi A lại gia thức chỉ còn vô lậu chủng tử, đó là Pháp Thân. Khi những chủng tử vô lậu này sinh khởi, tức là tòng tính khởi tu 從性起修, tích cực tu hành lục ba la mật một cách rộng lớn để thành thục từng chủng tử một. Đó là Báo

Thân. Từ Báo Thân khởi ứng 從報起應; biết dùng Diệu Quán Sát Trí để quán cơ đậu giáo 觀機逗教: tùy căn cơ người mà ban cho pháp; lại dùng Thành Sở Tác Trí 成所作智 hiện thân để nói Pháp giáo hóa khắp nơi mà thành tựu Hóa Thân.

Bát thức mô hình:



Huống chi chính thiện nam thiện nữ nào tự sao chép kinh này hoặc khuyên người sao chép, tự đắp vẽ hình tượng Bồ Tát hay khuyên người đắp vẽ, thì quả báo nhận được thật đại lợi ích.

Phần cuối bàn về việc **khuyên người** nên quyên tiền để làm

hình tượng.

Tạo Tượng Phước Báo Kinh 造像福報經 nói: nếu thiên hạ chúng sinh có thể tạo hình tượng Phật, thì đời đời kiếp kiếp, sẽ có mắt sáng và thanh tịnh, đoan trang đẹp đẽ, thân thể, tay chân mềm mại. Nếu sinh lên trời thì cũng thanh tịnh như thế, xuất chúng trong hàng trời, thân có màu tím vàng, và đoan nghiêm vô cùng. Tạo hình tượng Bồ Tát cũng có những phước báo tương tự như vậy. Những ai xây chùa tháp đều được phước báo như trên. Hơn nữa, kinh này nói rằng nếu xây chùa tháp thì lúc mạng chung sẽ sinh lên trời Đao Lợi. Còn nếu cúng dường đèn đuốc dù là nhỏ mọn nhất cũng có công đức 燃燈: chỉ có chư Phật mới biết tường tận mà thôi (Phật bảo Xá Lợi Phất như thế).

Lời Kinh:

Vì vậy Phổ Quảng! Hễ thấy ai đọc hay tụng kinh này, cho

đến chỉ một niệm tán thán, hay tôn kính, ngươi cần phải dùng trăm ngàn phương tiện, khuyến khích cho họ nỗ lực đừng thoái chí. Như thế quyết chắc trong hiện tại cũng như trong tương lai, họ được ngàn vạn ức công đức bất khả tư nghị.

Lời giảng:

Vì vậy Phổ Quảng! Hễ thấy ai đọc hay tụng kinh này, cho đến chỉ một niệm tán thán, hay tôn kính, ngươi cần phải dùng trăm ngàn phương tiện, khuyến khích cho họ nỗ lực đừng thoái chí.

Các công đức nêu ra thật bất khả tư nghì!

đọc hay tụng: phản ảnh có lòng tin, **tán thán**: chứng tỏ có tu hành, **tôn kính**: sẽ tạo chủng tử đầu tiên 初下種子.

Như thế quyết chắc trong hiện tại cũng như trong tương lai, họ được ngàn vạn ức công đức bất khả tư nghị.

Đại Phương Quảng Tổng Trì Kinh 大方廣總持經 nói: Sau khi Phật nhập Niết Bàn, nếu có một vị pháp sư thiện tùy lạc dục 善隨樂欲: khéo biết tùy sở thích, thuyết Pháp cho người khác, và có thể khiến người nghe sinh khởi một tí thích thú, cho đến thoáng rơi một giọt lệ: ngươi nên biết đều là do thần lực của Phật."

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Những chúng sinh trong thời vị lai, hoặc chiêm bao hay ngủ say, thấy các quỉ thần với nhiều hình trạng: buồn có, khóc có, rầu có, than có, sợ có, hãi có. Ấy toàn là cha mẹ con cái, anh em chị em, hay vợ chồng quyến thuộc, trong quá khứ một đời, mười đời hay trăm đời ngàn đời, hiện đang ở trong ác đạo chưa được xuất ly, không chỗ hy vọng tìm phước lực cứu vớt, nên về báo cho người quyến thuộc trong quá khứ, khiến họ lập phương tiện để giúp thoát ác đạo.

Phổ Quảng! Ngươi hãy dùng thần lực, khiến quyến thuộc ấy biết đối trước tượng chư Phật Bồ Tát, chí tâm tự tụng kinh này, hay thỉnh người khác tụng cho, số lượng phải ba biến hay bảy biến. Như vậy, những quyến thuộc còn

trong ác đạo, hễ tiếng tụng kinh đủ biến chấm dứt, thì được giải thoát, ngay đến mộng mị cũng không bao giờ còn thấy nữa.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Những chúng sinh trong thời vị lai, hoặc chiêm bao hay ngủ say, thấy các quỉ thần với nhiều hình trạng: buồn có, khóc có, rầu có, than có, sợ có, hãi có. Ấy toàn là cha mẹ con cái, anh em chị em, hay vợ chồng quyến thuộc, trong quá khứ một đời, mười đời hay trăm đời ngàn đời, hiện đang ở trong ác đạo chưa được xuất ly, không chỗ hy vọng tìm phước lực cứu vớt, nên về báo cho người quyến thuộc trong quá khứ, khiến họ lập phương tiện để giúp thoát ác đạo.

Loại mộng này khác với mộng đã bàn ở phần trước. Trước đây là do bổn nghiệp. Bây giờ là từ quyến thuộc ở âm giới 自身業對 • 此為遠屬陰纏. Tất cả các giấc mơ loại này đều có thật.

Theo sách y học Trung Hoa, khi âm khí quá lố 陰氣所乘 chúng ta thường thấy quỉ thần 見鬼神. Khi phổi khí quá thừa 肺氣盛 thì thường mơ thấy khóc lóc, hoặc bay nhảy 則夢哭泣飛揚. Khi tâm khí quá nhiều 心氣盛 thì thường mơ thấy sung sướng, vui cười hoặc chuyện dễ sợ 則夢喜笑恐畏. Ở đây, quyến thuộc chúng ta được cảm ứng 親屬致感 và không có liên quan gì đến âm dương hoặc hư

thật 非關陰陽虛實. Khi họ buồn, khóc, lo âu, than vãn 悲恹啼愁歎 đó là quyến thuộc quỉ van xin thương hại và giúp đỡ 親鬼乞憐之狀.

Chuyện này rất thông thường nhưng ít ai chú ý hoặc kể cho nhau. Tôi có một người đệ tử. Cô ta có bà nội rất thương mến cô. Bà nội qua đời nhiều năm rồi nhưng cô ta thỉnh thoảng mơ thấy bà đang ở trong trạng thái khổ sở: lo âu, tiều tụy. Tôi bảo cho cô biết đó là người thân đến cầu cứu và chỉ đủ phước thông báo như thế thôi. Cô ta nghe lời khuyên, thỉnh một bài vị vãng sinh tại chùa mặc dầu gia đình đã lo hậu sự cho bà cụ lúc trước rồi. Sau khi thỉnh bài vị thì cô không còn mơ thấy bà cụ nữa. Khoảng một năm rưỡi sau thì lại mơ thấy bà cụ về hai đêm liên tiếp, mặt mày hớn hở và mặc áo đẹp. Tôi báo cho cô biết là bà cụ đã vãng sinh về với Phật A Di Đà rồi. Từ đó về sau không còn mơ thấy bà cụ nữa.

chiêm bao 寐 chỉ trạng thái giữa tỉnh thức và ngủ, hay sắp hết ngủ. **ngủ say** 夢 thường có bốn loại mộng đã bàn sơ ở trước:

1. Vô minh tập khí mộng 無明習氣夢,
2. Thiện ác tiên chinh mộng 善惡先征夢 còn gọi là cát hung dự báo mộng 吉凶預報夢,
3. Tứ đại thiên tăng mộng 四大偏增夢,
4. Tuần du cựu thức mộng 巡遊舊識夢.

Loại mộng thứ nhất xảy ra bởi các thói quen mê muội và tối tăm. Vì loại này mơ hồ nên khi tỉnh dậy thì ít còn nhớ.

Loại mộng thứ hai gồm có những loại tiên báo của sự kiện sắp xảy ra, hoặc tốt hoặc xấu. Ngài Hư Vân mơ thấy Lục Tổ Huệ Năng nói: "Trở lại, về đó, còn có việc phải làm" là một thí dụ của loại mơ này; thật ra, giấc mơ đó kêu gọi ngài Hư Vân trở về Nam Hoa Tự để tu bổ chùa. Nhiều khi mơ thấy cảnh cáo: không nên làm gì đó nếu không thì sẽ bị tai nạn. Nhiều khi vì không nghe lời cảnh cáo nên nhiều người bị tổn hại.

Loại mộng thứ ba xảy ra vì tứ đại mất điều hòa. Theo y học người Hoa, có 440 loại bịnh và 880 loại thuốc chữa. Phật giáo thì cho rằng có 84.000 Pháp để chữa cùng bao nhiêu đó thứ bịnh. Khi bất cứ một trong tứ đại nào quá nhiều 偏增, thì một loại bịnh tương ưng sẽ hiện ra, và có thể mơ thấy chuyện liên quan đến bịnh đó.

Loại mộng thứ tư dựa trên ký ức. Nằm mơ thấy bạn cũ và chỗ cũ, nhưng khi thức dậy thì cảm thấy như không chân thật và chỉ như giấc mơ thôi.

Có nhiều loại quỉ có thể hiện ra trong giấc mơ: một vài loại thì mặt xanh 青臉, tóc đỏ 紅髮, miệng khổng lồ 巨口, răng hô 獠牙 (như ngà voi); một số thì khóc lóc than van, nước mắt như suối và nước mũi như ngòi; một số giống bạn bè và thân thuộc rất khổ sở và lo âu; và đủ các loại hình thức khác. Một số quỉ là cha mẹ và người thân từ kiếp trước, vì thế chúng ta nên coi tất cả chúng sinh như cha mẹ và Phật tương lai. Nếu nhìn tất cả chúng sinh như thế ấy thì chúng ta sẽ không dám tạo phiền não cho họ.

Phổ Quảng! Ngươi hãy dùng thần lực, khiến quyến thuộc

ấy biết đối trước tượng chư Phật Bồ Tát, chí tâm tự tụng kinh này, hay thỉnh người khác tụng cho, số lượng phải ba biến hay bảy biến. Như vậy, những quyến thuộc còn trong ác đạo, hễ tiếng tụng kinh đủ biến chấm dứt, thì được giải thoát, ngay đến mộng mị cũng không bao giờ còn thấy nữa.

Những loại quỉ hiện ra trong mộng như vậy đang khổ sở và cầu cứu. Họ không có ai giúp đỡ. Chúng ta nên tạo phước cho ông bà cha mẹ hay các quyến thuộc bằng cách tụng kinh, niệm Phật, làm việc phước thiện , cúng dường, bố thí, phóng sanh v.v.. rồi hồi hướng cho họ. Nếu thấy họ đói thì nên cúng ẩm thực. Những người đang khổ sở hoạn nạn, nhờ nhận được công đức hồi hướng mà thoát khổ nạn.

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: Chúng ta nên tu phước và thay thế người quá cố mà bố thí. Nếu họ bị đọa vào quỉ đạo thì sẽ được những phước báu đó. Lúc đó họ sẽ cảm thấy hối hận, hổ thẹn về những hành động keo kiệt và tham lam trong đời trước. Vì vậy nếu thay thế họ mà bố thí thì họ rất sung sướng. Họ không thể nào tự lực mà đắc giải thoát ra khỏi cảnh giới ấy. Chúng sanh đang ở trong cảnh giới địa ngục hay đọa vào hàng súc sinh chắc chắn không có phương tiện giúp đỡ họ. Chỉ có những người đang sống ở dương gian, biết tu hành, có chánh kiến và tuân theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát mới biết phương pháp giúp đỡ họ thôi. Họ hiện thân quỉ không phải để dọa nạt hay làm chúng ta sợ hãi, họ chỉ muốn báo rằng cảnh giới này rất đáng sợ và cực kỳ đau khổ nên cầu được thoát khỏi.

Nếu con cháu của họ không thể tụng kinh thì nên thỉnh chư Tăng Ni cùng đạo tràng thay thế mình để tụng. Nên tụng ba

biến hoặc bảy biến. Số lẻ thuộc về dương, còn số chẳn thuộc âm. Tụng kinh theo số dương có ý nghĩa phá tan nghiệp chướng của địa ngục.

Số ba là thiên địa số. Trước tiên, bắt đầu với số một. Một dẫn đến hai: dương sinh ra âm. Tiếp theo đến số ba: khi âm dương quân bình thì có thể sinh khởi vạn vật (đời đời kiếp kiếp không nghèo và dễ dàng 生生無窮易). Số bảy là số dương nhỏ 少陽之數. Chín là số dương lớn 老陽. Vì muốn họ chuyển từ địa ngục, quỉ (thuộc về âm) tiến đến hướng sinh lên cõi trời người (dương), thì chúng ta nên tụng nhiều lần số dương: ba, bảy v.v… Chúng ta tránh dùng số âm như sáu, tám v.v… vì không đúng pháp và sẽ không giúp họ thoát ra khỏi chốn tối tăm.

được giải thoát 解脫: họ có thể rời ác thú; hoặc có thể sinh cõi trời người, được gặp Phật pháp, tu Tam Thừa Thánh Đạo. Khi người thân quá cố đắc giải thoát thì không còn hiện ra trong mộng nữa.

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong đời vị lai, những người hạ tiện, hoặc tôi hoặc tớ, cho đến những người nô lệ, giác thức nghiệp cũ mà muốn sám hối, thì hãy chí tâm chiêm bái hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, cho đến trong một tuần, niệm danh hiệu Bồ Tát cho được vạn biến, thì những người ấy hết quả báo này, trong ngàn vạn đời sau thường sinh dòng tôn quí, không còn trải qua ba ác đạo khổ.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong đời vị lai, những người hạ tiện, hoặc tôi hoặc tớ, cho đến những người nô lệ, giác thức nghiệp cũ mà muốn sám hối.

Đại khái có năm nguyên nhân sinh vào hàng **hạ tiện** 下賤 (Là giai cấp thấp kém, thường là bần cùng.)

Thứ nhất là ngạo mạn 憍慢不敬二親, không phải loại ngạo mạn thông thường nhưng là ngạo mạn với cha mẹ, xem thường họ.

Thứ hai là cứng đầu 剛強無恪心, tức là không cung kính sư trưởng và không chịu nghe lời.

Thứ ba là thiếu tinh tấn, không theo lề luật. Cũng không biết cung kính Tam Bảo 放逸不禮三尊.

Thứ tư là trộm cắp. Có hạng người chuyên môn sống bằng nghề trộm cắp. Khi trộm không được họ bèn ăn cướp. Họ dùng của trộm cướp mà ăn uống rượu chè, vui chơi, và sử dụng các chất ma túy. Xài hết thì lại đi trộm cướp tiếp. Họ sẽ sinh vào hàng hạ tiện 盜竊以為生業.

Thứ năm là mượn tiền mà chạy nợ không trả 負債逃避不償. Dầu tiền bạc là hư huyễn nhưng không thể phung phí. Mược tiền rồi không trả, coi như không có nợ nần gì cả vì nghĩ việc này không quan trọng. Như vậy sẽ sinh làm tôi tớ và nghèo nàn.

hoặc tôi hoặc tớ: phải phục vụ cho người (thay vì đại gia 大家). Và **những người nô lệ**: bị kẻ khác sai khiến, kềm chế.

Bàn về tôn quí và hạ tiện dựa theo bốn phương: Bắc Cu lô châu không có phân biệt, ba châu kia thì có. Họ có vua chúa và thường dân. Có sáu tầng lớp:

1. Quí trung chi quí 貴中之貴 như chuyển luân thánh vương,
2. Quí trung chi tự 貴中之次 như vua và hoàng tộc,
3. Quí trung chi hạ 貴中之下 như bách quan,
4. Tiện trung chi tiện 賤中之賤 như nô lệ,
5. Tiện trung chi tự 賤中之次 như tôi tớ,
6. Tiện trung chi hạ 賤中之下 như tỳ thiếp, người múa hát (đời xưa có quan niệm là "xướng ca vô loài").

Lại có năm nguyên nhân khiến sinh vào nhà giàu sang và tôn quí.

Thứ nhất là bố thí khắp nơi 普遍作布施.

Thứ hai là kính trọng cha mẹ, sư trưởng 恭敬父母師長. Những người thường trách cha mẹ dễ ghét, cha mẹ thường ngăn cấm và làm khó dễ họ: Chê cha mẹ ngu đần hoàn toàn sai lầm. Đối với Sư trưởng, nếu lễ thầy rồi nói xấu sau lưng thầy thì đó là điều không tốt. Đối đãi với cha mẹ, sư trưởng như thế là tạo nghiệp xấu, khó được sinh vào nhà quyền quí.

Thứ ba là cung kính lễ bái Tam Bảo 恭敬禮拜三寶.

Thứ tư là nhẫn nhục 忍辱 và không có giận hờn 無有瞋恚 , 柔和謙下: chúng ta nên nhỏ nhẹ và khiêm tốn. Khi bị mắng nhiếc, tốt nhất là vui vẻ và không giận. Việc này không dễ làm, vì khó mà có thể kiên nhẫn và lễ phép với tất cả mọi người.

Thứ năm là rộng nghe kinh luật 博聞經律, nghĩa là thường nghe giảng kinh, thọ trì giới luật.

Hàng tôn quí và giàu sang thường có quyền thế. Lý tưởng nhất là tạo đủ năm công đức trên nhưng nếu có được một thì sẽ không bị sinh vào hàng hạ tiện.

thì hãy chí tâm chiêm bái hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, cho đến trong một tuần, niệm danh hiệu Bồ Tát cho được vạn biến, thì những người ấy hết quả báo này, trong ngàn vạn đời sau thường sinh dòng tôn quí, không còn trải qua ba ác đạo khổ.

Nếu muốn đắc giải thoát thì phải biết sám hối.

cho đến trong một tuần, niệm danh hiệu bồ tát cho được vạn biến: niệm cho đến bảy ngày hoặc đến khi đắc cảm ứng. 10.000 biến tượng trưng cho tiêu trừ 10.000 ác và tích tụ 10.000 thiện.

một tuần 一七 tức là bảy ngày: số thế gian cao là bảy. Ví dụ, nếu niệm một ngày mà không thấy cảm ứng thì chắc phải tiếp tục niệm cho đủ bảy ngày mới được cảm ứng 世數極於七也 • 如一日念之不應 • 念之七日 • 必遂所求.

Lời Kinh:

Hơn nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, tại châu Diêm Phù, Sát đế lợi, Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ, tất cả những người thuộc giai cấp và sắc tộc khác nhau, có con mới sinh, thì dù trai hay gái, trong bảy ngày, hãy sớm đọc tụng cho chúng bản kinh không thể nghĩ bàn này, lại trì niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ vạn biến.

Lời giảng:

Hơn nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, tại châu Diêm Phù, Sát đế lợi, Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ, tất cả những người thuộc giai cấp và sắc tộc khác nhau, có con mới sinh, thì dù trai hay gái,

Đoạn này đặc biệt nêu ra **châu Diêm Phù** 閻浮提, chỗ chúng ta đang ở. Sinh đẻ có sự khác nhau. Ở Bắc cu lô châu thì sinh con ra dưới cây. Thật là giản dị: người mẹ đến dưới cây như gà đẻ trứng và sinh ra con mà không đau đớn khó khăn gì cả. Ở Tây Ngưu hóa châu và Đông thắng thần châu thì ít có sinh đẻ vì nơi ấy ít có chuyện tình dục.

Ở Nam Thiệm bộ châu, có nhiều sinh sản, và người mẹ sinh đẻ gặp nhiều khó khăn. Có vài trường hợp, hài nhi sinh ra ngược. Hoặc có trường hợp một chân hài nhi sinh ra trước. Đại khái là sinh đẻ khó khăn, đau đớm và nguy hiểm .

trưởng giả ở đây không cần thuộc Bà la môn hoặc hoàng tộc (hai hạng ưu tú xã hội), nhưng phải có nhiều của cải, phước đức và được người nể trọng .

trong bảy ngày, hãy sớm đọc tụng cho chúng bản kinh không thể nghĩ bàn này, lại trì niệm danh hiệu của Bồ Tát đủ vạn biến.

Vì biết tụng kinh này (bảy ngày trước khi sinh đẻ) và niệm hồng danh Địa Tạng Bồ Tát (10.000 biến) có thể khiến những người đáng lẽ phải thọ nhận tai họa (từ ác nghiệp kiếp trước) được sống thọ. Chúng ta có thể thấy rằng thọ mạng không nhất định. Nếu làm thiện thì thọ mạng tăng trưởng; nếu làm ác thì sẽ thuyên giảm. Tất cả tùy thuộc theo hành vi thiện ác của mỗi cá nhân.

Theo Hộ Chư Đồng Tử Chú Kinh 護諸童子咒經, sau khi Phật mới đắc Đạo, một vị Đại Phạm Thiên Vương đến đảnh lễ. Thiên Vương tâu rằng: "có 15 Dạ Xoa và La Sát quỉ vương thích ăn bào thai, khiến loài người không có con cái. Khi đàn ông và đàn bà làm chuyện tình dục, quỉ vương dùng thần lực khiến họ bị mê muội và bừa bãi. Phụ nữ sẽ không thụ thai. Đến khi sinh đẻ, quỉ vương có thể giết trẻ sơ sinh." Phạm Vương tiếp tục nêu ra tên và mô tả hình tướng của 15 vị quỉ vương này. Nếu tụng kinh này và niệm hồng danh Địa Tạng Bồ Tát, thì thiện thần sẽ bao vây và bảo vệ nhà cửa, và khiến ác quỉ thần xa lánh.

đa điệt tha 多経他
a già la 阿伽羅
già ninh 伽甯
na già 那伽
già ninh 伽甯

bà lậu lệ 婆漏隸
kì lệ 秖隸
già bà lệ 伽婆隸
bà lệ 婆隸
bất lệ 不隸
la tra nễ 羅扠禰
tu la tỉ 修羅俾
già la tỉ 遮羅俾
ta ni 娑尼
ba la ha 波羅呵
sa ni 沙尼
na dịch 那易
di na dịch 彌那易
tô bà ha 穌婆呵.

Lời Kinh:

Những trẻ sơ sinh ấy, dù nam hay nữ, nếu đời trước có ương báo tức được giải thoát, an lành dễ nuôi, thọ mạng tăng trưởng; nếu sinh ra bởi phước đức, thì an lạc và thọ mạng lại càng thêm lên.

Lời giảng:

Những trẻ sơ sinh ấy, dù nam hay nữ, nếu đời trước có ương báo tức được giải thoát, an lành dễ nuôi, thọ mạng

tăng trưởng;

Phần này giảng làm sao tránh ác báo. Nghiệp báo có thể do nhân quá khứ của hài nhi hoặc người mẹ không chuẩn bị đàng hoàng (như hút thuốc hoặc uống rượu).

Rất nhiều việc xấu có thể xảy ra trong thời kỳ mang thai (do nghiệp báo như bào thai ra ngược) và lúc sinh đẻ (đầu quá to, v.v...). Tất cả đều có thể miễn tránh với pháp Địa Tạng Bồ Tát. Đứa trẻ nhờ đó được thêm phước, dễ nuôi dưỡng 易養 thọ mạng dài lâu và hạnh phúc.

nếu sinh ra bởi phước đức, thì an lạc và thọ mạng lại càng thêm lên.

Đại Phạm Thiên Vương bạch Phật: "Các phụ nữ muốn sinh đẻ dễ dàng và con cái sống lâu, thì nên thường tụng kinh chú và hành thiện. Trong những ngày chay của tháng, họ nên thọ bát quan trai giới, giữ thanh tịnh, và tắm rữa sạch sẻ. Những ai tụng thần chú của con sẽ sinh đẻ dễ dàng và đứa bé sẽ không gặp tai nạn cho đến khi mạng tận". Nếu chúng ta tụng kinh này hoặc niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát thì ác quỉ không dám làm phiền chúng ta, mạng sống lại gia tăng. Nếu thực hành lâu dài thì phước hiện nay sẵn có sẽ tăng thêm mãi.

Tu Hành Đạo Địa Kinh 修行道地經 nói: Hành vi chúng ta bất định: Khi thì thiện, khi thì ác. Từ lúc còn trong bụng mẹ cho đến khi gần được sinh ra, tùy theo nghiệp báo của mỗi người, có một cơn gió tự nhiên thổi. Nếu người này tốt thì sẽ có gió thơm thổi khiến hài nhi được thân tâm nhu nhuyễn và hoàn hảo. Khiến đứa bé sinh ra đẹp đẽ phúc hậu ai thấy cũng

thích. Khi gió trong bụng mẹ khởi lên, dầu hoặc là thượng phong hoặc là hạ phong, nó có thể làm bào thai đổi hướng và đẩy nó đến gần cửa sinh. Lúc đó, những đứa trẻ có phước sẽ có cảm tưởng muốn vào hồ bơi hoặc cảm thấy như đang ở trên vườn cao có nhiều hoa và hương thơm. Những đứa trẻ có ác báo thì sẽ có cảm tưởng ngược lại, nghĩa là sợ sệt và không thoải mái.

Nếu chúng ta có thể tụng kinh này và niệm hồng danh Bồ Tát trong thời gian từ lúc mới thụ thai cho đến khi sanh nở, thì nhờ phước này mẹ con đều được an toàn sung sướng và sống thọ.

Lời Kinh:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, mỗi tháng các ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín hay ba mươi, là những ngày kết tập tội, phán định nặng nhẹ. Mà chúng sinh Diêm Phù thì cử chỉ động niệm vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội, huống chi mặc ý sát hại, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ: trăm ngàn nghiệp trạng. Trong mười ngày trai trên, mà biết đối trước tượng Phật Bồ Tát hay Hiền thánh mà tụng một biến kinh này, thì Đông Tây Nam Bắc trong vòng một trăm do tuần không có mọi sự tai nạn, và tại nhà ấy, bất luận người lớn kẻ nhỏ, từ hiện tại đến vị lai, trong cả trăm cả ngàn năm, vĩnh ly ác thú. Mỗi ngày thập trai biết tụng kinh này một biến, ngay trong đời này, làm cho người nhà không có tai họa, bịnh tật, ăn mặc sung túc.

Lời giảng:

Lại nữa Phổ Quảng! Trong thời vị lai, mỗi tháng các ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín hay ba mươi, là những ngày kết tập tội, phán định nặng nhẹ.

Phần này nêu ra những ngày Địa Tạng Bồ Tát.

Những ngày ăn chay này giúp chúng ta nhớ tránh điều tà ác và xả bỏ dục vọng. Chúng ta nên ăn ít hơn và dưỡng chí khí 節食養志. Chúng ta duy trì thân tâm thanh tịnh, noi gương Phật và chư Bồ Tát.

Quán Thế Âm Bồ Tát có sáu ngày chay 齋日: mồng 8, 14, 15, 23, 29 và 30. Mỗi năm lại có ba tháng chay trường 長齋月.

Trong mười ngày (Địa Tạng Bồ Tát) nêu ra ở kinh này (mồng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, và 30), các quỉ thần tụ họp lại kiểm điểm hành vi của chúng sinh, phán xét đức độ hoặc tội lỗi của mỗi người.

Theo Văn Thù Bồ Tát Thiện Ác Túc Diệu Kinh 文殊菩薩善惡宿曜經: Mồng 1: thích hợp cho thiện nghiệp 善業 như bố thí vì mọi cát tường 吉祥. Mồng 8, 23: thích hợp cho lực chiến 力戰; 宜力用之事 thích hợp cho dùng sức và tranh đấu. Ngày 14, 29: là ngày dũng mãnh 勇猛. Ngày 24: hung mãnh 凶猛 không tốt. Ngày 28: tối thắng 最勝. Ngày 15, 30: cát tường 吉相: thích hợp cho cúng tế tổ tiên

宜祭先亡. Mười ngày này thích hợp cho sự cúng dường tổ tiên, bố thí, cúng dường cha mẹ, thánh hiền và trời, thọ trai giới và cử hành lễ 祭祀.

Theo Tứ Thiên Vương Kinh, Đế Thích trông cậy Tứ Thiên Vương cai quản một phương. Trong ngày bạch nguyệt mồng tám 白月八日, họ phái sứ giả đi kiểm tra sự thiện ác của chúng sinh. Ngày mồng 14, họ phái thái tử đi thanh tra. Ngày rằm, nhà vua đích thân đến. Hắc nguyệt ba ngày cũng tương tự như thế 黑月三日. Thiên vương đi đến đâu thì có quỉ sứ tùy tùng. Nếu gặp những người giữ giới và ăn chay, vua Trời sẽ vui và ghi điểm tốt vào sổ.

Bạch và hắc nguyệt dựa trên lịch Ấn Độ, theo trăng khuyết đang giảm hoặc tăng:

「月盈至滿，謂之白分。月虧至晦，謂之黑分。黑分或十四日十五日，月有大小故也。黑前白後，合為一月。」

月盈至滿 Trăng tăng cho đến khi tròn,
謂之白分 Là bạch phần.
月虧至晦 Trăng giảm cho đến khi tối,
謂之黑分 Gọi là hắc phần.
黑分或十四日十五日 Hắc phần có thể 14 hoặc 15 ngày.
月有大小故也 Trăng có đại hoặc tiểu.

黑前白後 Hắc trước, bạch sau
合為一月 Hợp thành một tháng.

Mà chúng sinh Diêm Phù thì cử chỉ động niệm vô bất thị nghiệp, vô bất thị tội, huống chi mặc ý sát hại, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ: trăm ngàn nghiệp trạng.

Chúng ta có thể dùng sự thông minh của mình để tạo nghiệp một cách tài tình.

Trong mười ngày trai trên, mà biết đối trước tượng Phật Bồ Tát hay Hiền thánh mà tụng một biến kinh này, thì Đông Tây Nam Bắc trong vòng một trăm do tuần không có mọi sự tai nạn, và tại nhà ấy, bất luận người lớn kẻ nhỏ, từ hiện tại đến vị lai, trong cả trăm cả ngàn năm, vĩnh ly ác thú.

Kinh nói rằng nếu có một người giữ trai giới (đối với người xuất gia là không ăn quá ngọ), và tụng kinh một lần trong ngày thì chung quanh chu vi một do tuần sẽ không có tai họa và chuyện rắc rối xảy ra.

cử chỉ động niệm vô bất thị nghiệp 舉止動念, 無不是業, 無不是罪! Cử chỉ nói chung là những động tác, hành vi bên ngoài; động niệm là tư tưởng khởi lên bên trong. Chúng ta do vì si mê nên nói năng động tịnh đều có sai trái huống gì là những việc tội lỗi quá rõ ràng. Kinh nói rằng ở cõi Diêm phù này mỗi một cử chỉ động niệm của chúng ta đều tạo nghiệp sai quấy, động niệm 動念 là vọng niệm. Mỗi cảnh giới có mỗi loại ma quỉ gây chướng ngại và cản trở sự tu

hành chúng ta. Cho nên muốn tu phải có thầy hướng dẫn.

Thuở xưa có một người xin pháp sư chỉ giáo. Thầy nói: "nhữ niên vị mãn 汝年未滿: con chưa đến tuổi, thả chánh tâm niệm 且正心念: chỉ cần sửa đổi tâm và tư tưởng cho được chân chánh." Thầy dạy ông ta quán xét tâm : Nếu một tư tưởng ác khởi lên thì bỏ một hạt đậu đen trong bao. Nếu tư tưởng thiện khởi lên thì bỏ một hạt đậu trắng vào bao. Mỗi ngày, ông ta cứ như thế mà làm. Trước khi đi ngủ phải kiểm xem đậu đen nhiều hay đậu trắng nhiều để xét tính tình mỗi ngày, coi có tiến bộ chăng? Người học trò cứ như thế mà làm và tu một cách rất thành tâm cho đến khi tất cả các hạt đậu đều trắng cả. Ông ta cuối cùng chứng A la Hán quả.

Mặc dầu chỉ có tư tưởng tạo nghiệp thôi thì thật ra đã có tội rồi; do đó nếu thực hiện thì nghiệp sẽ nặng hơn rất nhiều. Phải cố gắng giữ năm giới căn bản cho trọn vẹn: sát sinh, trộm cắp, nói dối, tà dâm và uống rượu. Đối với người Tây Phương tà dâm là chuyện nhỏ nhặt, nhưng nên nhớ rằng đây là một trong năm giới cấm.

Mỗi ngày thập trai biết tụng kinh này một biến, ngay trong đời này, làm cho người nhà không có tai họa, bịnh tật, ăn mặc sung túc.

Kinh khuyên nên tụng kinh này trong mười ngày ăn chay, là những ngày cố định, phát nguyện tránh ăn những thứ bất tịnh (thịt cá), lại thêm niệm Phật thì các nghiệp sẽ được tiêu trừ và tạo ra phước.

Lời Kinh:

Vì vậy Phổ Quảng! Các ngươi nên biết Địa Tạng Bồ Tát có những việc lợi ích như thế do bất khả thuyết bách thiên vạn ức đại uy thần lực. Chúng sinh cõi Diêm Phù có đại nhân duyên với Đại sĩ. Người ở đây nghe danh hiệu hay thấy hình tượng của Bồ Tát, cho đến nghe kinh này dầu chỉ được ba chữ hay năm chữ, một bài kệ hay một câu đủ nghĩa thì hiện tại được thù diệu an lạc, mà vị lai thì trăm ngàn vạn đời thường sinh ra trong nhà tôn quí, tướng mạo đoan trang.

Lời giảng:

Vì vậy Phổ Quảng! Các ngươi nên biết Địa Tạng Bồ Tát có những việc lợi ích như thế do bất khả thuyết bách thiên vạn ức đại uy thần lực. Chúng sinh cõi Diêm Phù có đại nhân duyên với Đại sĩ. Người ở đây nghe danh hiệu hay thấy hình tượng của Bồ Tát, cho đến nghe kinh này dầu chỉ được ba chữ hay năm chữ, một bài kệ hay một câu đủ nghĩa thì hiện tại được thù diệu an lạc.

Chúng ta nên tin lời dạy của đức Phật khi ngài nói rằng chúng ta có thiện duyên với Địa Tạng Bồ Tát (ngài cứu mẹ hai lần, một kiếp làm vua; tất cả đều ở Diêm Phù Đề) nhờ thế chúng ta có cơ hội nghe đến vị Bồ Tát này và gặp ngài. Thiện duyên do đã trồng nhân với ngài từ xa xưa. Ba chữ được nêu ra trong kinh tượng trưng cho sự tiêu diệt của tam hoặc:

1. Thô hoặc 粗惑.
2. Tế hoặc 細惑.
3. Trần sa hoặc 塵沙惑.

Thô hoặc là kiến hoặc; tế hoặc là tư hoặc; và trần sa hoặc là vô minh.

ba chữ hàm nghĩa tam chướng được tiêu trừ:

1. Báo chướng 報障.
2. Nghiệp chướng 業障.
3. Phiền não chướng 煩惱障.

Có người nói rằng họ đã từng học kinh rất lâu nhưng nghiệp chướng vẫn chưa được xóa. Có tư tưởng như thế, có thể đây là một triệu chứng đã bắt đầu tiêu trừ. Nếu không thì làm sao biết được mình đang có vấn đề. Người không thấy vấn đề sẽ vẫn còn coi phiền não như châu báu và nhất định không muốn xả bỏ đâu!

Hơn nữa, **ba chữ** còn tượng trưng cho sự thành tựu của Tam Trí:

1. Đạo Chủng Trí 道種智.
2. Nhất Thiết Trí 一切智.
3. Nhất Thiết Chủng Trí 一切種智.

Và cũng đại biểu cho sự hoàn tất của Tam Đức:

1. Pháp Thân Đức 法身德.
2. Bát Nhã Đức 般若德.
3. Giải Thoát Đức 解脱德.

Năm chữ thì chỉ về sự phá tan của Ngũ Trụ phiền não 破五住煩惱.

Trụ thứ nhất là Kiến Ái Trụ phiền não 見愛住煩惱. Vì có kiến nên cũng có ái: yêu thương (ái tâm; chấp trước người thương), sinh khởi từ đối tượng của kiến.

Trụ thứ hai là Dục Ái Trụ phiền não 欲愛住煩惱. Vì có dục vọng mà khởi ái và tiếp theo đó là phiền não. Những người không có ái thì không có hận và nếu không có hận thì không có phiền não.

Trụ thứ ba là Sắc Ái Trụ phiền não 色愛住煩惱, khởi lên khi ái chấp vào sắc.

Trụ thứ tư là Vô Sắc Ái Trụ phiền não 無色愛住煩惱, sinh khởi sau khi sinh vào cõi Vô Sắc giới.

Trụ thứ năm là Vô Minh Trụ phiền não 無明住煩惱. Chỉ những bậc Bồ Tát chưa phá hết vi tế vô minh.

Nghe kinh này thì có thể phá tan Ngũ Trụ phiền não và rời ngũ đạo (A tu la đạo phân tán ra vào trong các đạo phàm phu khác). Và còn có thể khiến kiên cố hóa Ngũ Căn, phát triển Ngũ lực, và thành tựu Ngũ phần pháp thân 五分法身. Ngũ căn là:

1. Tín căn 信根.
2. Tấn căn 進根.
3. Niệm căn 念根.
4. Định căn 定根.
5. Huệ căn 慧根.

Ngũ lực là sức mạnh có được do sự phát triển của Ngũ căn. Ngũ Phần Pháp Thân gồm có:

1. Giới 戒.
2. Định 定.
3. Huệ 慧.
4. Giải Thoát 解脫.
5. Giải Thoát tri kiến 解脫知見. Ngay cả tri thức, hiểu biết quan điểm cũng không còn chấp vào đó!

Nghe **bài kệ 一偈 hay một câu đủ nghĩa 一句** của kinh này có thể giúp chúng ta nhất môn siêu xuất 一門超出: đắc giải thoát qua đệ nhất môn. Nghe một câu cũng có thể khiến chúng ta đắc Nhất tính viên minh 一性圓明: Thể tính sáng ngời tròn đủ 性海圓明 tính hải viên minh.

mà vị lai thì trăm ngàn vạn đời thường sinh ra trong nhà tôn quí, tướng mạo đoan trang.

tướng mạo 相貌 là toàn thể mặt mày và hình dáng. Đoan trang : đường nét hòa hợp ở mặt, tay chân và thân thể cân đối tạo ra vẽ dễ nhìn có oai nghi. Trái ngược với tướng mạo đoan trang là những người có diện mạo hình dáng khác thường. Ví dụ một số người sinh ra với tay khỉ, mũi ngựa, hoặc mắt chuột. Trung Quốc có câu ca dao" "Đầu thỏ 兔頭 mắt rắn 蛇眼, tai chuột 鼠耳 mỏ ưng 鷹腮." Người như vậy thì không có tướng mạo tốt; mặt giống như nhiều súc vật tụ hợp

thành.

Chúng ta cũng còn có thể giàu có vì có đức hạnh. Ngược lại, những kẻ bần cùng, hoặc hạ tiện, đã từng phỉ báng Tam Bảo.

Lời Kinh:

Lúc ấy Phổ Quảng Bồ Tát nghe đức Phật Như Lai xưng dương và tán thán Địa Tạng Bồ Tát rồi, quì xuống chắp tay thưa: Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị đại sĩ này có bất khả tư nghị thần lực và đại thệ nguyện lực như thế. Nhưng vì muốn chúng sinh đời sau biết được những lợi ích ấy nên đã thỉnh vấn Như Lai. Con xin cung kính tiếp nhận những lời đức Thế Tôn huấn dụ.

Bạch đức Thế Tôn! Kinh này gọi là gì và chúng con truyền bá như thế nào?

Phật bảo Phổ Quảng: Kinh này có ba danh hiệu: một tên là Địa Tạng bổn nguyện, cũng gọi là Địa Tạng bổn hạnh, lại có thể gọi là Địa Tạng bổn thệ lực kinh. Đều căn cứ vào nhân hạnh mà Bồ Tát này đã từ bao kiếp lâu xa, phát đại trọng nguyện lợi ích chúng sinh. Vì vậy, các ngươi hãy thể theo nguyện này mà truyền bá.

Phổ Quảng nghe đức Thế Tôn huấn dụ xong , chắp tay cung kính, làm lễ mà lui về chỗ của mình.

Lời giảng:

Lúc ấy Phổ Quảng Bồ Tát nghe đức Phật Như Lai xưng dương và tán thán Địa Tạng Bồ Tát rồi, quì xuống chắp

tay thưa: Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu con đã biết vị đại sĩ này có bất khả tư nghị thần lực và đại thệ nguyện lực như thế. Nhưng vì muốn chúng sinh đời sau biết được những lợi ích ấy nên đã thỉnh vấn Như Lai. Con xin cung kính tiếp nhận những lời đức Thế Tôn huấn dụ.

Bạch đức Thế Tôn! Kinh này gọi là gì và chúng con truyền bá như thế nào?

Có hai cách qùi. Loại thứ nhất, hồ qùi 胡跪: qùy thấp bằng cách ngồi trên chân qùi (Ở Thái Lan, Cam Bốt, hoặc các nước tu Tiểu Thừa, tiểu tăng khi gặp đại tăng cũng thường hồ qùi; Sa Di cũng phải cúi đầu và không được nhìn Tỳ Kheo; hồ qùi còn có nghĩa là cúi đầu vì không nên tự ý nhìn bề trên; điều này áp dụng cho cả nam lẫn nữ). Loại thứ hai thì phổ thông hơn: qùi cao, qùi cả hai chân trên mặt đất và còn được gọi là Trường qùi長跪 vì dễ qùi lâu với tư thế này; tư thế trước chỉ có thể giữ được tạm thời thôi. Đức Phật nói rằng phụ nữ có thể trường qùi và đàn ông thì nên hồ qùi.

Tại Tích Lan và một số nước khác, tiểu tăng qùi khi gặp tăng cao hạ hơn, và sa di qùi khi gặp tỳ kheo: họ nhìn xuống và không dám nhìn mặt tỳ kheo.

Phật bảo Phổ Quảng: Kinh này có ba danh hiệu: một tên là Địa Tạng bổn nguyện, cũng gọi là Địa Tạng bổn hạnh, lại có thể gọi là Địa Tạng bổn thệ lực kinh. Đều căn cứ vào nhân hạnh mà Bồ Tát này đã từ bao kiếp lâu xa, phát đại trọng nguyện lợi ích chúng sinh. Vì vậy, các ngươi hãy thể theo nguyện này mà truyền bá.

Do ba tên của kinh này, chúng ta có thể thấy lòng xả kỷ vị tha của Bồ Tát, tu theo các đại nguyện. Theo hạnh này một người dám hy sinh thân mạng cắt đầu bố thí nếu việc làm có lợi cho chúng sinh, nhưng lại không chịu nhổ một sợi lông nếu có thể làm hại kẻ khác. Nên **truyền bá** và phổ biến kinh này khắp thế gian, theo như các nguyện rộng lớn của ngài Địa Tạng.

Lực có bốn loại:

1. Không thể phá hoại: Từ khi Bồ Tát phát nguyện cho đến nay, chí khí không thể vì bất cứ sự phá hoại nào mà tiêu mòn
2. Có thể lợi ích: Ngài có thể lợi ích tất cả các chúng sinh
3. Hữu đảm 有膽: Đủ can đảm đi vào hết thảy các địa ngục trong mười phương
4. Có thể qui y: Chúng sinh lục đạo có thể tin tưởng qui y và được hướng dẫn thoát tam ác đạo hoặc miễn luân hồi.

Nguyện: mục tiêu mà tâm tư và hành động hướng về một cách quyết liệt.

Phổ Quảng nghe đức Thế Tôn huấn dụ xong , chắp tay cung kính, làm lễ mà lui về chỗ của mình.

Đại Sĩ cung kính đảnh lễ đức Thế Tôn để bày tỏ lòng biết ơn được giáo huấn và trở về chỗ ngồi.

Phẩm 7: Lợi Ích Người Còn Kẻ Mất

Phẩm này bàn về những việc người còn sống có thể làm để giúp người chết. Làm vậy thì người sống cũng được lợi ích (tăng trưởng phước đức). Chỉ có Tam Bảo mới có thể cứu độ chúng sinh còn kẻ mê tín, lễ bái và cúng dường quỉ thần chỉ vô dụng mà thôi.

Lời Kinh:

Lúc ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch đức Thế Tôn: Con thấy người Diêm Phù đề cử tâm động niệm toàn là tạo nghiệp; bỏ việc thiện đã được, đa phần thối lui tâm tốt ban đầu. Nếu gặp ác duyên tội lỗi thì niệm niệm tăng trưởng.

Lời giảng:

Lúc ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bạch đức Thế Tôn: Con thấy người Diêm Phù đề cử tâm động niệm toàn là tạo nghiệp,

Thức và tâm của chúng sinh trong Nam châu bất định, nhưng thường ngã về đường ác.

cử tâm động niệm: "tâm niệm 心念" chỉ sáu thức đầu. "động niệm 舉動" chỉ về công năng 功能 của chúng. Thức thứ sáu và bảy hợp tác 和合 dễ trược loạn 濁亂: làm ô uế và tạo náo loạn, thức thứ tám, còn được gọi là chủ nhân 主

人. Lại khiến năm thức đầu tham âm thanh, chấp trước sắc, thích nếm vị, ngửi hương và va chạm thân mềm mại và trơn tru 身軟滑. Các thức theo duyên sinh khởi và bị duyên ràng buộc 處處貪緣. Nên mới nói, toàn là **tạo nghiệp** 無非是罪. Nói năng nghĩ ngợi hành vi đều tạo tội vì muốn hưởng thụ

Khi chúng sinh ở **Diêm phù đề** suy nghĩ, họ thường **tạo nghiệp** 舉心動念, 無非是罪, vì phần lớn các tư tưởng có tính cách tham lam, sân hận, ganh ty, chướng ngại, và kiêu mạn. Tư tưởng chính đáng là biết kính trọng người hơn chúng ta về một phương diện nào đó và sẵn sàng giúp đỡ kẻ kém khả năng hơn mình. Vì đa số chúng ta không làm như thế nên nhất cử nhất động đều tạo nghiệp.

bỏ việc thiện đã được, đa phần thối lui tâm tốt ban đầu. Nếu gặp ác duyên tội lỗi thì niệm niệm tăng trưởng.

Nhiều người tu học Phật pháp một hai năm rồi bỏ cuộc. Năm đầu, đức Phật luôn luôn hình như trước mặt họ. Sau hai năm thì ngài có vẻ xa xa, và đến năm thứ ba thì cách xa vạn dặm. Sau đó thì ngài đã rút lui đến tận bìa của pháp giới. Câu nói trên chứng tỏ rằng lúc mới phát tâm thì rất hăng hái tinh tấn nhưng về sau thì cứ lui sụt dần dần và bỏ cuộc. Ngay những người không có tư tưởng bỏ cuộc cũng nên tự kiểm điểm tâm tư và hành động để xem có còn tương ưng với chí nguyện xuất gia thuở ban đầu không. Ví dụ, những người xuất gia không nên nói chuyện quá lố, vì như thế là phung phí khí và thần, cản trở việc tu hành. Nếu Luôn luôn kiểm điểm như thế thì đây là một bằng chứng để tự biết mình không thối chí.

Lắm người bắt đầu tu thì rất tinh tấn nhưng không bao lâu, gặp ma chướng hoặc các loại trở ngại khác liền bỏ cuộc. Một khi gặp ác duyên và bị trở ngại thì thường khó thoát được vì ác duyên có khuynh hướng tăng triển rất nhanh tạo nhiều phiền não nên dễ thối lui. Khi mới phát tâm tu có hai trường hợp xảy ra, một là chí nguyện ngày càng tăng trưởng nếu người này có nhiều phước gặp thuận duyên; hai là chí nguyện lúc ban đầu ngày càng yếu đi vì không đủ sức phấn đấu với cảnh ngộ khó khăn. Đa phần chúng sinh thường bị sa sút chí hướng giác ngộ hoặc lý tưởng cao đẹp của đời tu mà tăng thêm những tư tưởng tà ác nhất là trong thời mạt pháp này, họ dễ bị lôi cuốn vào những thói xấu ở chung quanh.

Hiền Ngu Kinh 賢愚經 nói: Thân người khó đắc. Nếu gặp ác duyên thì rất dễ mất mạng. Trong đời ngủ trược này thì ác nhiều mà thiện ít. Hằng ngày, chúng ta có thể có ngàn vạn tư tưởng ác nhưng không có một tư tưởng thiện nào cả. Tâm chúng ta thường tán loạn và khó giữ đúng chánh pháp, lại dễ thối chí. Nếu ai có thể điều phục tâm thì sẽ có sức mạnh bất khả tư nghì. Rất tiếc, chúng sinh cõi Nam châu có tư tưởng loạn xạ và khó tự chế. Thông thường, tư tưởng thiện giảm trong lúc tập khí ác tăng.

Lời Kinh:

Những kẻ như vậy khác nào đi trên đường bùn lầy mà vác thêm đá nặng, càng khốn khổ thêm, chân lún càng sâu. Nếu gặp được thiện tri thức vác bớt hay vác hết cho vì thiện tri thức có đại lực. Lại dìu đỡ kẻ ấy, khuyến khích vững chân lên. Nếu đến đất bằng, phải hiểu là đã rời ác đạo, để tránh bước vào đó nữa.

Lời giảng:

Những kẻ như vậy khác nào đi trên đường bùn lầy mà vác thêm đá nặng, càng khốn khổ thêm, chân lún càng sâu.

Trong đoạn này, **đá** tượng trưng gánh **nặng** của ác nghiệp, **bùn lầy** tượng trưng tam ác đồ, và **thiện tri thức** là đức Phật, Bồ Tát, hoặc một thiện tri thức có đại trí tuệ và có thể gánh bớt.

Nếu gặp được thiện tri thức vác bớt hay vác hết cho vì thiện tri thức có đại lực.

Khi bị khổ nạn, nếu có phước, dù chỉ có một ít thiện căn, thì sẽ có thể gặp thiện tri thức. Nếu không có phước thì sẽ khó gặp được.

Hơn nữa, thiện tri thức có thể gánh hết hoặc một phần gánh nặng cho mình.

Lại dìu đỡ kẻ ấy, khuyến khích vững chân lên. Nếu đến đất bằng, phải hiểu là đã rời ác đạo, để tránh bước vào đó nữa.

Chúng sinh lâm nạn và không thể tự giải thoát. Họ cần lực công đức vô lậu của Tam Bảo để tiêu trừ các nghiệp hữu lậu và giúp họ đắc giải thoát. Đây là lý do tại sao chúng ta cần tu pháp Đại thừa: để phát triển định lực, trí lực hầu giúp chúng sinh thoát nạn.

Lời Kinh:

Bạch đức Thế Tôn ! Khí ác của chúng sinh ban đầu rất nhẹ, về sau đến vô lượng.

Lời giảng:

Bạch đức Thế Tôn ! Khí ác của chúng sinh ban đầu rất nhẹ, về sau đến vô lượng.

Từ vô thỉ, chúng ta đã trồng chủng tử vô minh, tham lam và sân hận. Ngay cả một tư tưởng ác cũng tạo ra một chủng tử xấu trong đệ bát thức. Theo luật nhân quả khi những chủng tử này tăng trưởng và thành thục chúng sẽ tác động lẫn nhau, khiến chúng ta tạo nghiệp và phải lãnh chịu hậu quả. Chúng ta thường thiếu tự chủ, cứ theo tập khí chấp pháp, cho hết thảy đều là thật rồi sinh tâm phân biệt, rồi ôm giữ những gì mình thích. Thăng thì khó nhưng đọa thì rất dễ. Chúng ta quá chấp trước vào cái thân. Phật giáo có một pháp sám hối cử hành trước khi mặt trời mọc: đó là để diệt trừ các chủng tử ác trước khi chúng nó được thành thục.

Ác khí 惡習: chỉ về sự tồn tại của chủng tử ác.

khí ác 習惡: chỉ về hành động của bổn thân. Những chủng tử ác thành thục khiến có hành vi ác. Có thể từ những chủng tử nhỏ nhặt nhất cho đến vô lượng chủng tử.

Chiêm Sát Kinh 占察經 nói: Cầu tâm hình trạng 求心形狀 tìm bóng dáng của tâm để cầu đắc chứng thật là vô ích vì

không có một thứ gì có thể đắc 無一區分而可得者. Nhưng, do sự vô minh, ngu si, tập khí tối tăm và các nhân duyên khác của chúng sinh, họ chấp lấy các cảnh giới hư huyễn hiện tiền là thật có. Cho nên sinh tâm phân biệt và từ đó tạo ra đủ các loại tư tưởng (tốt xấu, giàu nghèo, vinh nhục, để chọn lấy hoặc loại bỏ) đối với các pháp. Từ đó chúng ta tạo ra vô lượng nghiệp báo. Quang Minh Huyền 光明玄云 cho rằng: thăng khó mà đọa dễ. Đây tại vì chúng ta bị gặp quá nhiều ác duyên 多緣諸惡身故.

Lời Kinh:

Vì chúng sinh có những tập khí như vậy, lúc lâm chung, cha mẹ quyến thuộc nên tạo phước để giúp cho đời sau của họ; hoặc treo phan cái, hoặc đốt dầu đèn, hoặc tụng tôn kinh, hoặc cúng tượng Phật và tượng chư Thánh; cho đến niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát và Duyên Giác. Làm cho mỗi danh một hiệu đều thấu vào thính căn của người lâm chung, hoặc họ được nghe qua bản thức.

Lời giảng:

Vì chúng sinh có những tập khí như vậy, lúc lâm chung, cha mẹ quyến thuộc nên tạo phước để giúp cho đời sau của họ; hoặc treo phan cái, hoặc đốt dầu đèn, hoặc tụng tôn kinh, hoặc cúng tượng Phật và tượng chư Thánh; cho đến niệm danh hiệu của Phật, Bồ Tát và Duyên Giác.

Tạo phước giúp người quá cố:

Lúc còn sống thì chúng ta không biết tu cứ vì lòng tham mà

tạo vô số tội. Ví dụ vì muốn có nhiều tài sản ta dùng mọi thủ đoạn dầu phải chèn ép hoặc hảm hại người khác! Đến lúc chết thì có hy vọng được người thân còn sống giúp không?

Tôi quen một người lớn tuổi rất khả giả. Mẹ ông ta chết và để lại nhà cửa cho ông. Tôi khuyên ông nên tạo phước hồi hướng giúp mẹ được vãng sinh. Tôi còn nhắc khéo ông rằng tài sản ông được thừa hưởng đây cũng do bà để lại, tuy nhiên ông không nghe lời tôi khuyên và chỉ bỏ ra một ít tiền lo cho bà. May thay, bà ta được sinh lên cõi trời vì suốt đời bà ta sống một cách lương thiện. Đáng tiếc cho ông ta, bà mẹ rất giận ông. Bà không ngờ đứa con trai cưng của bà, vì tham tiền mà trở thành keo kiết ngay cả đối với mẹ của mình. Cho đến bây giờ, bà vẫn chưa tha thứ cho người con trai.

Như thế, mỗi người chúng ta nên tự tạo phước cho mình ngay từ bây giờ đừng mong chờ nơi con cháu, không có gì chắc chắn cả.

Biết **lập phước** sẽ có hai loại quả báo:

1. Tu sự phước quả: 修事福果.
    a. **hoặc treo phan cái, hoặc đốt dầu đèn** 懸繙蓋及燃油燈.
2. Kính Tam Bảo quả: 敬三寶果.
    a. **hoặc tụng tôn kinh, hoặc cúng tượng Phật và tượng chư Thánh. .. cho đến niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát** 轉讀尊經。或供像念佛菩薩辟支佛名.

Phổ Quảng Kinh 普廣經 nói: Sau khi tứ chúng đệ tử qua đời, nếu vì người chết mà tạo phước và treo phan cái thì người đó sẽ thoát bát nạn và được sinh vào cõi Tịnh độ ở mười phương. Nếu cúng dường phan cái thì mọi sự như ý, cho đến đắc Bồ Đề. Phan xoay trong gió hủy phá các chướng ngại và khiến biến thành trần sa. Khi phan chuyển hướng, thì có thể đắc vị Chuyển Luân Thánh Vương. Hoặc khi trần sa bị thổi, thì sẽ đắc vị tiểu vương quả. Các quả báo vô tận. Cúng dường hình tượng cũng tương tự như thế. Phước báu của tụng niệm sẽ được mô tả sau này.

Nếu thắp đèn dầu để cúng dường, thì sẽ soi sáng bóng tối. Những kẻ đang khổ sở gặp được ánh sáng này thì nhờ công đức ấy, sẽ có thể thấy nhau. Nhờ công đức này chúng sinh được tạm ngừng khổ.

Vấn: Thời nay không còn dùng đèn dầu nữa, thì nên làm gì?

Đáp: Có thể dùng bất cứ loại đèn nào.

Trong Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經, Tu Dạ Ma thiên vương nói cho dân trời: nếu có thể niệm Phật thì cuộc sống tốt lành vì tâm không rời Phật. Tâm không rời Phật thì rất thù thắng vì được mọi sự vi diệu. Niệm Pháp và niệm Tăng cũng như vậy.

Lúc lâm chung, đệ bát thức lưu lại sau khi đệ thất thức đã rời. Khi âm thanh niệm Phật qua lỗ tai thì sẽ được dự trữ vào A lại gia thức, không bao giờ bị hủy hoại. Cũng như khi Kim Cang vào bụng: nó sẽ không bao giờ bị tiêu hóa. Chủng tử tụng kinh và niệm Phật sẽ huân tập cho đến khi thành thục.

Khi đó chúng ta có cơ hội nghe Phật thuyết Pháp.

Làm cho mỗi danh một hiệu đều thấu vào thính căn của người lâm chung, hoặc họ được nghe qua bản thức.

Đệ bát thức là **bản thức**. Nó là căn bản của sinh tử, nên mới gọi là bản.

Nếu kẻ nào có nhiều gánh nghiệp nặng sẽ đọa địa ngục, thì những người còn sống có thể tạo công lập phước mà giúp họ. Họ có thể niệm Phật, Bồ Tát và Bích Chi Phật với một giọng rõ ràng khiến người sắp chết nghe được những âm thanh ấy và tích trụ vào bản thức – thức thứ tám. Thức này đến trước hết (khi thọ thai) và rời sau cùng (sau khi chết). Có câu thơ về đệ bát thức:

Hạo hạo tam tạng bất khả cùng 浩浩三藏不可窮,
Nghĩa là: Tam tạng mênh mông trong biển rộng vô cùng,
Uyên thâm thất lãng cảnh tiên phong 淵深七浪境前風.
Nghĩa là: Bỗng nhiên sóng gió xoáy vực sâu.
Thọ huân trì chủng căn thân khí 受薰持種根身器,
Nghĩa là: Thu nhận chủng tử, giữ gìn huân tập để thuần thục căn thân thế giới,
Quá hậu lai tiên tác chủ ông 去後來先作主翁.
Nghĩa là: Đi sau hết, tới trước tiên, làm chủ nhân.

Trong kệ này, đệ bát thức được so như biển vô cùng rộng lớn 浩浩 , chứa đựng các chủng tử của quá khứ, hiện tại và vị lai (tam tạng). Vạn tư tưởng của chúng sinh như sóng trong biển. Sáu thức đầu (phân biệt cảnh giới) lao xao như sóng. Thức thứ bảy (còn được gọi là Truyền tống thức) do nơi phân

biệt mà sinh khởi tư tưởng ưa ghét lấy bỏ lợi hại v.v... tạo ra đủ loại chủng tử rồi chuyển qua thức thứ tám là kho tàng trử. Kho này rộng sâu như biển chứa đủ chủng tử quá khứ, hiện tại và vị lai; huân tập khiến chúng thành thục và tạo ra mầm móng của căn thân thế giới. Khi thọ sanh thức thứ tám này đến trước, mang theo tất cả kho tàng của mình; và khi chết, nó rời thân xác sau cùng. Cho nên gọi nó là chủ nhân ông. Mặc dầu vọng tưởng hiện ra như công dụng của lục thức, thật ra chúng nó xuất thân từ những chủng tử trong thức thứ tám.

Khi bảy thức đã tan rã và rời bỏ thân xác sau khi chết thì bản thức 本識, hoặc đệ bát thức còn lưu lại một thời gian ngắn. Lúc đó, chúng ta nên lớn tiếng tụng **kinh** Đại Thừa hoặc niệm Phật, âm thanh đủ to để thức này có thể thu nhận được.

"*Pháp âm kinh nhĩ, công báo di kiếp, nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi Đạo chủng* 法音經耳, 功報彌劫, 一歷耳根, 永為道種": nghĩa là âm thanh Pháp đi qua lỗ tai, quả báo tốt đẹp kéo dài nhiều kiếp; một khi đã qua tai, chủng tử Đạo vĩnh viễn không mất.

Còn có thể làm chuyện khác để giúp người chết.

Lời Kinh:

Những ác nghiệp của chúng sinh đó làm, theo nhân qủa chiêu cảm, đáng lẽ phải đọa vào ác thú. Nhưng nhờ quyến thuộc, vì người lâm chung, đã tạo phước điền với thánh nhân, nên những nghiệp đó đều được tiêu diệt.

Lời giảng:

Những ác nghiệp của chúng sinh đó làm, theo nhân qủa chiêu cảm, đáng lẽ phải đọa vào ác thú,

Ác Thú 趣: nghĩa là đến cảnh giới xấu 到. Cũng còn gọi là ác đạo 道.
Thiện hoặc ác nhân của chúng ta có thể đưa đẩy chúng ta đến các cõi sinh tử 彼善惡因道 • 能運到生趣處. Những nghiệp xấu hay nói rộng hơn là tất cả các nghiệp hữu lậu sẽ đưa đẩy chúng ta về ba cõi sáu đường tức là trong vòng sinh tử luân hồi.

Đại Thừa Đồng Tính Kinh 大乘同性經 nói: Lăng Giả Vương 楞伽王 hỏi đức Phật: "Làm sao chúng sinh lìa thân này và đắc thân sau?" Đức Thế Tôn đáp: "Sau khi chúng sinh lìa thân đang có, họ bị gió nghiệp lực thổi 業力吹, khiến thức bị dời đến quả báo của tiền nghiệp 移識將去 • 自所受業 • 而受其果." Vì thế nên Khuê Phong đại sư 圭峯大師 nói nếu muốn biết lúc chết có thể được tự tại hay không, chỉ cần coi thử có tự tại trong ngày thường!

Nhưng nhờ quyến thuộc, vì người lâm chung, đã tạo phước điền với thánh nhân, nên những nghiệp đó đều được tiêu diệt.

Vun trồng **thánh nhân** – như cúng dường Tam Bảo, tụng kinh, niệm Phật v.v... – có thể giúp đắc thánh quả. Cho nên, những công đức vô lậu chắc chắn sẽ tiêu trừ các nghiệp.

Lời Kinh:

Sau khi người ấy chết rồi, trong 49 ngày, nếu quyến thuộc lại rộng làm thêm cho họ nhiều việc thiện, thì có thể làm cho, người này vĩnh thoát ác thú, được sinh nhân thiên, thụ thắng diệu lạc. Những quyến thuộc hiện tại cũng được lợi ích vô lượng.

Lời giảng:

Sau khi người ấy chết rồi, trong 49 ngày, nếu quyến thuộc lại rộng làm thêm cho họ nhiều việc thiện, thì có thể làm cho, người này vĩnh thoát ác thú, được sinh nhân thiên, thụ thắng diệu lạc.

Trong thời kỳ **49 ngày** sau khi chết, tất cả là 49 ngày, nghiệp báo chưa được phán quyết thì có thể làm những việc phước thiện để giúp đỡ người chết. Những hành động này không những tăng phước, xóa nghiệp cho người qua đời mà người còn sống cũng được hàm triêm lợi lạc.

Những quyến thuộc hiện tại cũng được lợi ích vô lượng.

Nên nhớ rằng thân là nguồn gốc của những sự khổ sở 眾苦之本, của các hoạn nạn 患禍之元. Những kẻ chấp ngã 吾我縛著, sẽ luôn luôn ở trong vòng sinh tử luân hồi không thoát ra được 生死不息.

Lời Kinh:

Vì vậy, nay trước đức Phật Thế Tôn, và thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng, con khuyên người Diêm Phù, trong

lúc lâm chung, phải thận trọng đừng sát hại và tạo duyên ác như bái tế quỉ thần, cầu chư võng lượng. Tại vì sao? Sự sát hại cho đến tế bái ấy không có một mảy may ích lợi cho người chết, ngược lại, chỉ làm cho duyên nghiệp sâu nặng thêm.

Lời giảng:

Vì vậy, nay trước đức Phật Thế Tôn, và thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng, con khuyên người Diêm Phù, trong lúc lâm chung, phải thận trọng đừng sát hại và tạo duyên ác như bái tế quỉ thần, cầu chư võng lượng.

Cúng tế cho quỉ thần không có lợi gì cả! Chúng nó không có sức giúp người chết.

Ở Mỹ không có phong tục cúng tế qủy thần như bên Trung Hoa. Có một loại qủy tên là **Võng lượng** 魍魎. Loại qủy kỳ quái này trụ trên núi hẻo lánh, còn gọi là Sơn yêu 山妖 (nếu ở trong nước, gọi là thủy quái 水怪); lại còn có nhiều loại sơn tinh thủy quái khác nữa 山精水怪之類. Câu kệ nói về tai hại của sự cúng tế qủy thần như sau:

Hữu đẳng mê nhân bắt an khang 有等迷人不安康,
Nghĩa là: Những kẻ mê muội và bất an,
Đối thần kỳ hứa tái trư dương 對神期許賽豬羊.
Nghĩa là: cúng tế heo dê cho quỉ thần,
Sát sinh oan nghiệp tiền sinh sự 殺生冤業前生事.
Nghĩa là:Trước đã tạo oán nghiệp vì sát sinh,
Như hà tuyết thượng hựu gia sương 如何雪上又加霜?

Nghĩa là: Sao lại còn thêm sương (nghiệp mới) vào tuyết (nghiệp cũ)?

Hưu vật nhận định thi trư dương 休勿認定是豬羊,

Nghĩa là: đừng tin rằng chỉ là heo dê,

Cải thủ hoán diện cơ thiên tràng 改頭換面幾千場.

Nghĩa là: Chúng sẽ đổi mặt thay lốt ngàn phen,

Như xa luân chuyển tương hoàn báo 如車輪轉相還報,

Nghĩa là: Theo bánh xe chuyển (luân hồi), tìm gặp nhau để ân đền oán trả,

Vân hải đằng không vô xứ tạng 雲海騰空無處藏.

Nghĩa là: Dù biển sâu, trời rộng thế mấy cũng không có chỗ nào trốn được!

Ở Trung Quốc, gia đình thường theo phong tục, nghi lễ trong việc quan hôn tang tế. Hôn lễ là chuyện vui, gọi là hồng sự 紅事. Nhà có đám tang gọi là bạch sự 白事. Trong những dịp này họ thường giết gà mỗ heo hoặc để ăn mừng, hoặc cúng cho người chết. Họ cũng cúng tế cho Trời và Thần đủ thứ các thịt chúng sanh để cầu cho người thân khỏi bị đọa địa ngục. Họ không biết làm cho đúng, cứ theo lệ xưa mà thi hành, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Nên nhớ rằng quỉ thần có thể biết thọ mạng, nghiệp báo và phước lộc của chúng sinh. Nhất là chúng nó biết lúc nào quả báo sẽ đến hoặc đang đến. Nhưng đừng hiểu lầm. Chúng nó không thể cứu sống kẻ đã chết hoặc giúp người nghèo hèn trở thành giàu có, tôn qúi. Chúng nó thường xui khiến con người trở nên tàn ác, sát sinh hại vật bằng cách làm họ bị mê muội.

Thật ra, sự sát sinh liên tục này phát xuất từ oán thù trong quá

khứ. Một khi sát sinh, thì phải trả quả bị giết, bị giết lại tìm cách trả thù...cứ như thế mà tạo ra vòng luẩn quẩn, tất cả chỉ là oan oan tương báo kéo dài từ kiếp này sang kiếp khác. Điều này rất vô lý vì nghiệp cứ chồng thêm nghiệp, không khác gì đổ băng đá lên tuyết.

Xin quí vị đừng nghĩ rằng heo chỉ là heo, hoặc cừu chỉ là cừu: họ thật ra là người bị đọa vào cõi súc sinh. Người có thể trở thành heo, heo có thể trở thành người. Nếu quí vị quan sát cho kỹ những người dân của các nước, thì sẽ thấy rằng họ giông giống những loại súc vật mà họ thích ăn nhất. Các nước mà dân chúng thích ăn thịt heo thì có nét heo lợn, và nét mắt của những người thích ăn thịt bò giông giống mắt bò. Trong nhiều nước Á Đông (như Thái lan), dân chúng thích ăn thịt ếch thì nhiều người có mắt như cóc nhái. Những sự biến chuyển như vậy đang xảy ra rất thường xuyên.

Tại vì sao? Sự sát hại cho đến tế bái ấy không có một mảy may ích lợi cho người chết, ngược lại, chỉ làm cho duyên nghiệp sâu nặng thêm.

Kinh Lăng Nghiêm giải thích làm sao dê biến thành người. Có thể dùng lý luận này để giải thích cho các loài súc vật khác. Tánh linh của con heo có thể chuyển qua thân người (đang giết nó), và người ấy khi chết có thể biến thành thân heo. Đây không khác gì dọn nhà. Chúng ta có thể dọn từ nơi lầu các sang trọng đến khu nhà lụp xụp tồi tàn. Bây giờ, chúng ta làm người, nhưng chưa chắc chúng ta sẽ luôn luôn làm người. Khi quí vị đầu thai làm heo lợn thì sẽ cảm thấy rất là khổ sở. Đa phần mọi người muốn rằng sẽ không bao giờ đổi như thế, những ai có túc mạng thông sẽ thấy được sự biến chuyển không ngừng này và sự thay hình đổi dạng qua

lại giữa các loài chúng sinh.

Lời Kinh:

Giả sử người chết, đời sau hoặc trong tương lai, có được thánh phần để sinh trong cõi nhân thiên, nhưng vì lúc lâm chung bị quyến thuộc tạo những ác nhân trên, nên làm cho người đó phải đối chất về tai lụy như vậy mà trì hoãn việc sinh vào thiện xứ. Huống chi người lâm chung ấy lúc sống đã không trồng được một tí thiện căn, căn cứ bổn nghiệp tự thọ ác thú, lại bị quyến thuộc bồi thêm nghiệp xấu.

Lời giảng:

Giả sử người chết, đời sau hoặc trong tương lai, có được thánh phần để sinh trong cõi nhân thiên, nhưng vì lúc lâm chung bị quyến thuộc tạo những ác nhân trên, nên làm cho người đó phải đối chất về tai lụy như vậy mà trì hoãn việc sinh vào thiện xứ.

thánh phần 聖分: Là những công đức thuộc hàng thánh mà người chết trước kia đã tu được như: Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo hoặc Bồ Tát quả phần. Thay vì làm thêm phước đức giúp cho thánh quả mau thành thục, những người thân còn sống làm điều sai quấy như sát sinh cúng tế qủy thần sẽ làm cho người chết bị chậm trể sinh vào thiện xứ.

Khi người chết đến gặp Diêm Vương để chịu phán xét, những cúng tế của người thân cho họ đã được ghi vào sổ, và dầu người chết phủ nhận trách nhiệm với sự cúng tế đó, họ vẫn phải chịu ảnh hưởng. Cho nên, sau khi người thân qua đời,

tốt hết nên ăn chay, niệm Phật, và tụng kinh để tăng phước giảm nghiệp cho người quá cố.

Tạo **ác nhân** cho người chết giống như đưa thêm gánh nặng cho người mệt đang đói lã. Và có thể làm trì hoản sinh vào cõi tốt (không cho thánh phần 聖分 thành thục) hoặc có thể làm hoàn cảnh người tạo tội trở nên trầm trọng hơn.

Huống chi người lâm chung ấy lúc sống đã không trồng được một tí thiện căn, căn cứ bổn nghiệp tự thọ ác thú, lại bị quyến thuộc bồi thêm nghiệp xấu.

Thêm gánh nặng khiến người chết chịu nhiều điêu đứng khổ sở hơn. Ở đây, hành lý tượng trưng cho ngũ uẩn, và trọng lượng trăm cân tượng trưng thập ác. Người láng giềng gởi thêm đồ đạc nặng nề dụ cho thân nhân sát sinh để cúng tế cho người ấy.

Nếu muốn cúng tế thì nên dùng hoa, hương, trái cây và đồ chay. Như thế sẽ tạo phước cho người chết.

Lời Kinh:

Giống như có kẻ từ xa đến, hết lương thực đã ba ngày, đồ vật gánh vác nặng quá trăm cân, bỗng gặp người láng giềng chất thêm một ít vật, nên đồ gánh càng nặng và càng khốn khổ thêm.

Lời giảng:

Giống như có kẻ từ xa đến, hết lương thực đã ba ngày, đồ vật gánh vác nặng quá trăm cân.

Đức Phật dùng ví dụ để sáng tỏ điều trên.

Giống như có kẻ: chỉ chúng sinh trong Diêm phù đề, **từ xa đến**: tượng trưng bỏ nhà tổ tiên mà rơi vào giòng sinh tử.

lương ... ba ngày: ý nói tam vô lậu học.

quá trăm cân: vì nghiệp nặng nên chìm đắm trong biển sinh tử.

bỗng gặp người láng giềng chất thêm một ít vật, nên đồ gánh càng nặng và càng khốn khổ thêm.

chất thêm một ít vật: sát sinh để cúng tế quỉ thần.

Hành vi sai lầm của người thân còn sống có thể rất tai hại cho người chết.

Người láng giềng gửi thêm gánh nặng dụ cho cho người thân sát sinh để cúng tế.

Lời Kinh:

Bạch đức Thế Tôn! Con thấy người Diêm phù nếu biết làm lành theo những sự huấn thị của đức Thế Tôn, thì dầu chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước, hay một hạt cát, một trần sa đi nữa, cũng tự được ích lợi.

Lời giảng:

Bạch đức Thế Tôn! Con thấy người Diêm phù nếu biết làm lành theo những sự huấn thị của đức Thế Tôn, thì

dầu chỉ bằng một sợi lông, một giọt nước, hay một hạt cát, một trần sa đi nữa, cũng tự được ích lợi.

Công đức tạo nơi phước điền Tam Bảo như một miếng kim cang. Nó bất hoại và rất cứng, ngay cả một mảnh nhỏ cũng có thể phá hoại bất cứ vật gì.

Lời Kinh:

Kế đó trong pháp hội có trưởng giả tên Đại Biện, từ lâu đã chứng vô sinh, vì hóa độ chúng sanh mười phương nên hiện thân trưởng giả, chắp tay cung kính, hỏi Địa Tạng Bồ Tát: Kính bạch đại sĩ! Chúng sinh châu Diêm Phù sau khi chết, quyến thuộc lớn nhỏ vì họ tu công đức cho đến thiết trai, tạo mọi thiện nhân, thì người chết ấy được hay không được ích lợi và siêu thoát?

Lời giảng:

Kế đó trong pháp hội có trưởng giả tên Đại Biện, từ lâu đã chứng vô sinh, vì hóa độ chúng sanh mười phương nên hiện thân trưởng giả, chắp tay cung kính, hỏi Địa Tạng Bồ Tát,

trưởng giả tên Đại biện có đầy đủ Tứ Vô Ngại Biện Tài 無礙辯才:

1. Nghĩa Vô Ngại Biện 義無礙辯: Từ một nghĩa lý mà có thể giảng vô tận nghĩa lý,
2. Pháp Vô Ngại Biện 法無礙辯: Có thể thuyết về vô biên các Pháp,

3. Từ Vô Ngại Biện 詞無礙辯: Có thể sử dụng vô lượng danh từ
4. Lạc Thuyết Vô Ngại Biện 樂說無礙辯: Có thể bàn về ba thứ trên một cách thú vị cho đến tận thời gian.

Trưởng lão đã chứng **vô sinh** (Vô Sinh Pháp Nhẫn) từ lâu. Kẻ mê muội có sinh vì chứa chấp tri kiến sai lầm. Chính kiến nghĩa là thấy chư pháp bất sinh. Ngay cả sinh tử cũng vô hữu. Bát nhã vô sinh; Vô-sinh vô sinh. Còn có gì để liễu đây?

Kinh Pháp Hoa nói: "*Chư Pháp tùng bổn lai, thường trụ tịch diệt tướng* 諸法從本來, 常住寂滅相: Tất cả các pháp vốn thường trụ, tướng của họ là Tịch Diệt."

Trung Luận nói: "*Chư pháp bất tự sinh, dịch bất tòng tha sinh, bất cọng sinh, bất vô nhân sinh, thị cố thuyết vô sinh* 諸法不自生, 亦不從他生, 不共生, 不無因生, 是故說無生 tất cả các pháp không tự sinh ra, không do kẻ khác sinh ra, không cùng sinh ra, không sinh nếu không có nguyên nhân; cho nên mới gọi là vô sinh".

Kính bạch đại sĩ! Chúng sinh châu Diêm Phù sau khi chết, quyến thuộc lớn nhỏ vì họ tu công đức cho đến thiết trai, tạo mọi thiện nhân, thì người chết ấy được hay không được ích lợi và siêu thoát?

quyến thuộc lớn nhỏ 小大眷屬: Nhỏ 小 chỉ con cháu, lớn 大: chỉ cha mẹ và sư trưởng.

Lời Kinh:

Địa Tạng đáp: Trưởng giả ! Vì tất cả chúng sinh vị lai và hiện tại, tôi tựa theo nương vào uy lực của đức Thế Tôn mà nói sơ lược về điều ấy. Trưởng giả! Tất cả chúng sanh đời vị lai và hiện tại, trong ngày lâm chung, nếu nghe được một danh hiệu Phật đà, một danh hiệu Bồ Tát, một danh hiệu Duyên Giác, thì bất luận có tội hoặc không tội, đều được giải thoát.

Lời giảng:

Địa Tạng đáp: Trưởng giả ! Vì tất cả chúng sinh vị lai và hiện tại, tôi tựa theo nương vào uy lực của đức Thế Tôn mà nói sơ lược về điều ấy.

tựa theo uy lực của đức Thế Tôn: tượng trưng lòng sùng kính đức Phật.

Trưởng giả! Tất cả chúng sanh đời vị lai và hiện tại, trong ngày lâm chung, nếu nghe được một danh hiệu Phật đà, một danh hiệu Bồ Tát, một danh hiệu Duyên Giác, thì bất luận có tội hoặc không tội, đều được giải thoát.

trong ngày lâm chung chỉ lúc hấp hối và sắp qua đời. Mệnh căn 命根 gồm ba thứ: hơi ấm 暖, hơi thở 息, và thức 識. Sau khi hơi ấm hết và hơi thở ngừng, thần thức sẽ tan rã. Lúc này được mô tả trong câu: "*Điểu chi tương tử, kỳ minh dã ai* 鳥之將死, 其鳴也哀: nghĩa là khi con chim sắp chết thường kêu tiếng bi thương; *nhân chi tương tử, kỳ ngôn dã thiện*人之將死, 其言也善: người sắp chết thì lời nói rất

lương thiện." Phút cuối của cuộc đời, con người thường thức tỉnh về những hành động sai lầm trong quá khứ và phát tâm thánh thiện. Họ có thể thành tâm sám hối. Lúc đó nếu họ được nghe hồng danh Phật, Bồ Tát, hoặc Bích Chi Phật thì có thể tiêu trừ vô lượng nghiệp chướng và trồng vô biên thiện căn.

Giây phút lâm chung này cực kỳ quan trọng như thế nhưng khi tư tưởng hối hận ăn năn khởi lên, rất khó duy trì, lại cũng khó nhớ câu niệm Phật. Tốt hơn hết, chúng ta phải huân tập câu niệm Phật và thiện tâm tránh làm điều ác, đừng chờ đến lúc chết mới thực hiện vì không dễ làm được đâu.

Tuy nhiên, nếu lúc lâm chung mà có thể phát tâm sám hối thì rất hiệu nghiệm: có thể xóa bỏ các nghiệp.

Trong quá khứ, một vị vua hỏi sư Na Tiên 那先: "Nếu một người làm ác từ nhỏ cho đến khi 100 tuổi rồi mới sám hối bắt đầu niệm Phật, ông ta có thể vãng sinh cõi Tịnh Độ không ? Ngài Na Tiên tỳ kheo đáp: Được! Vua nói: Tôi không tin! Nhà sư giải thích: "Cũng như bỏ tảng đá 100 cân lên chiếc tàu thì đá không bị chìm, lại có thể được chở tới bờ bên kia. Một người dù cực ác nhưng biết ăn năn và niệm Phật, nhờ lực niệm Phật nên không bị đọa địa ngục. Ngược lại, một viên sỏi nếu bỏ xuống nước tất sẽ bị chìm cũng như kẻ làm ác lại không biết sám hối cũng không niệm Phật chắc chắn bị đọa địa ngục."

Lời Kinh:

Nếu có nam tử hay nữ nhân, lúc sống không tu thiện nhân mà lại tạo nhiều nghiệp. Sau khi chết, quyến thuộc lớn

nhỏ, vì họ tạo phước lợi bằng mọi thánh sự, thì trong bảy phần, người chết hưởng một, còn lại sáu phần người làm tự hưởng. Do đó, vị lai và hiện tại thiện nam nữ đẳng, nghe như vậy thì phải tự tu lúc còn khỏe mạnh: tự hưởng trọn phần.

Lời giảng:

Nếu có nam tử hay nữ nhân, lúc sống không tu thiện nhân mà lại tạo nhiều nghiệp. Sau khi chết, quyến thuộc lớn nhỏ, vì họ tạo phước lợi bằng mọi thánh sự, thì trong bảy phần, người chết hưởng một, còn lại sáu phần người làm tự hưởng.

Vì muốn giúp người quá cố mà tạo công đức:

Nếu còn sống không biết tu hành (như niệm Phật, bố thí cúng dường v.v..) lại tạo nhiều ác nghiệp thì khi chết đi, dù người thân cố gắng tạo nhiều phước đức để hồi hướng cho nhưng trong bảy phần, người chết chỉ hưởng được một phần (nghĩa là không được nhiều). Tại sao? Vì lúc còn sống thì không tin đạo đức, nhân quả.

Do đó, vị lai và hiện tại thiện nam nữ đẳng, nghe như vậy thì phải tự tu lúc còn khỏe mạnh: tự hưởng trọn phần.

lúc còn khỏe mạnh: tượng trưng cho lúc còn trẻ, còn có sức trước khi quá trễ! Hơn nữa khi còn mạnh khỏe thì chúng ta nên niệm Phật không ngừng.

Lời Kinh:

Đại quỉ Vô Thường không hẹn mà đến. Trong cảnh tối tăm thần thức chơi vơi, chưa biết sẽ chịu tội hay hưởng phước. Nên trong 49 ngày, như ngây như điếc, hoặc tại những sở quan biện luận về nghiệp quả. Sau khi thẩm định mới tùy báo mà thọ sinh. Trước khi được phán đoán, đã phải chịu ngàn vạn sầu khổ, huống chi đọa vào các ác thú.

Lời giảng:

Đại quỉ Vô Thường không hẹn mà đến. Trong cảnh tối tăm thần thức chơi vơi, chưa biết sẽ chịu tội hay hưởng phước.

Vô Thường ám chỉ:

1. Tương tục pháp hoại 相續法壞: các pháp liên tục tan rã.
2. Niệm niệm sinh diệt 念念生滅: tư tưởng liên miên sinh khởi và biến mất.

Vô thường có bốn tướng:

1. Quả báo thô: sinh, lão, bịnh và tử 生 • 老 • 病 • 死.
2. Quả báo vi tế: sinh, trụ, dị và diệt 生 • 住 • 異 • 滅.

Tại sao gọi là **Vô Thường đại quỉ**? Vì khi nó xuất hiện thì mạng sống của ta bị tiêu vong tức khắc, lại không biết nó sẽ đến với ta lúc nào. Người Trung Hoa có câu: "*Cô phần đa thị thiếu niên nhân, mạt đãi lão lai phương tu hành* 孤墳多是

少年人, 末待老來方修行 nghĩa là rất có nhiều mộ của người trẻ tuổi, đừng nên đợi đến già mới chịu tu hành!”

thần thức 魂魄 tức là Trung Ấm Thân. Trong thập nhị nhân duyên đây thuộc về hữu有, Hữu này duyên sanh生**.** Ngũ ấm thân trước đã tan rã và ngũ ấm thân sau chưa thành hình. Trung ấm thân này nhìn quả đất thì chỉ thấy tối tăm; thế giới hoàn toàn không có ánh sáng.

Nên trong 49 ngày, như ngây như điếc, hoặc tại những sở quan biện luận về nghiệp quả. Sau khi thẩm định mới tùy báo mà thọ sinh.

Trong thời gian 49 ngày thì vẫn chưa biết là có **tội** hay có **phước**, thần thức trong trạng thái điên dại (**như ngây**) và cũng **như điếc** (có tai mà không nghe được gì cả!).

Trung Ấm Thân rất vô thường. Bảy ngày thì nó chết. Rồi sống lại cho đến cả bảy lần: tổng cộng là 49 ngày trước khi đầu thai.

Địa phủ 地府 (triều đình của Diêm Vương) có năm vị quan:

1. Tiên quan 鮮官: phụ trách điều tra nghiệp sát sinh 禁殺.
2. Thủy quan 水官: lo thẩm tra nghiệp trộm cắp 禁盜.
3. Thiết quan 鐵官: liệt kê sổ sách về chúng sinh đã tà dâm bao nhiêu lần 禁淫.
4. Thổ quan 土官: điều tra lưỡng thiệt và khẩu nghiệp

禁兩舌.

5. Thiên quan 天官: thanh tra chúng ta uống bao nhiêu rượu 禁酒.

Nghiệp báo 業報 có ba phẩm. Lúc tạo nghiệp, tâm thái có sự khác biệt với tâm khi chưa tạo nghiệp . Chúng ta phải theo nghiệp lực mà gánh chịu quả báo. Ví dụ, nếu tạo nghiệp sát sinh, thì có thể thành một loại ruồi (magflies): sáng sinh tối thác. Không chịu trả nợ 捍債者 thì sẽ thành lừa, ngựa hoặc bò. Vì trộm cắp thì trong tương lai sẽ phải làm heo, hoặc dê để bị giết. Hành dâm thì sẽ lấy thân chim hạc, ngỗng vịt, hoặc nai sông. Những kẻ lưỡng thiệt sẽ biến thành chim cú.

Trước khi được phán đoán trong lúc chờ đợi xét xử**, đã phải chịu ngàn vạn sầu khổ.**

Lúc đó thì rất lo ngại, buồn khổ vì không biết tương lai, số phận của mình ra sao. Những chủ nợ cũ lợi dụng cơ hội này để công kích và đòi nợ.

huống chi đọa vào các ác thú.

Trong khi chờ phán xét đã bị thống khổ rồi huống chi là phải đọa vào địa ngục ngạ qủy súc sanh.

Lời Kinh:

Người chết ấy, lúc chưa thọ sinh, nội trong 49 ngày, niệm niệm ngóng chờ thân bằng quyến thuộc tạo giúp phước lực để cứu vớt cho. Sau thời gian này, phải tùy nghiệp thọ

quả. Nếu là có tội thì trải qua hàng trăm hàng ngàn năm cũng chưa có ngày giải thoát. Nếu là năm vô gián tội thì bị đọa vào đại địa ngục, trải qua ngàn vạn kiếp, vĩnh thọ tất cả khổ.

Lời giảng:

Người chết ấy, lúc chưa thọ sinh, nội trong 49 ngày, niệm niệm ngóng chờ thân bằng quyến thuộc tạo giúp phước lực để cứu vớt cho.

Trong thời kỳ bảy tuần sau khi chết, người ấy hoặc như ở trong bóng tối đen, hoặc ở tòa biện luận việc tố tụng. Trong địa ngục có mười Diêm Vương, mỗi vị lại có năm quan phụ tá 五司. Năm phòng này phụ trách phán xét nghiệp cũ và quả báo tương ưng phải trả.

Ở Trung Quốc có phong tục thỉnh sư tụng kinh và hành các pháp để giúp người quá cố trong bảy tuần sau khi qua đời. Phong tục này xuất thân từ nguyên lý được nêu trên.

Sau thời gian này, phải tùy nghiệp thọ quả. Nếu là có tội thì trải qua hàng trăm hàng ngàn năm cũng chưa có ngày giải thoát. Nếu là năm vô gián tội thì bị đọa vào đại địa ngục, trải qua ngàn vạn kiếp, vĩnh thọ tất cả khổ.

Quả báo của **năm vô gián tội** là:

1. Thời gian vô gián 時無間: từ khi vào cho đến khi ra, không thể nào rời địa ngục được,
2. Hình vô gián 形無間: một người thì thấy thân mình tràn đầy địa ngục, nhiều người cũng như vậy,

3. Khổ vô gián 苦無間: sự tra tấn không bao giờ có sự gián đoạn,
4. Mệnh vô gián 命無間: mỗi chốc lác của mạng sống đều phải chịu cực hình không ngừng,
5. Quả báo vô gián 果報無間: phải chịu quả báo không ngừng.

Lời Kinh:

Lại nữa, trưởng giả Đại Biện! Những chúng sinh có tội nghiệp sau khi chết, thân bằng quyến thuộc vì họ thiết trai để giúp trong phước nghiệp, thì lúc soạn trai và trước khi cúng, nước gạo và lá rau đừng đổ vãi xuống đất. Nhất là chưa hiến cúng Phật và Tăng, thì đừng ăn trước. Nếu ăn trước hay thiếu tinh khiết, thiếu cẩn trọng, thì người chết chẳng hưởng được phước lực nào cả. Nếu tinh cẩn, giữ gìn sạch sẽ mà phụng hiến Phật và Tăng, thì người chết được hưởng một trong bảy phần.

Lời giảng:

Lại nữa, trưởng giả Đại Biện! Những chúng sinh có tội nghiệp sau khi chết, thân bằng quyến thuộc vì họ thiết trai để giúp trong phước nghiệp.

Phần này mô tả pháp cúng đồ chay.

Nên rữa tay cho sạch khi cúng dường, hoặc ngay khi cả nấu ăn (như vo gạo).

Chư Phật thật ra không cần ăn đâu. Các ngài chỉ thị hiện như

vậy để lợi ích chúng sinh. Kinh nói rằng: Trước khi chư Phật nhận thức ăn cúng dường thì chúng ta không thể tiêu hóa nó được. Ăn uống trước chư Phật tức là cúng dường đồ ăn thừa, như vậy không khác gì chẳng cúng dường! Đây cũng áp dụng cho việc nếm thức ăn trong khi nấu! Người nếm (khiến trời, quỉ và thần rất bất mãn) phải chịu trải qua 500 kiếp làm ngạ quỉ.

thì lúc soạn trai và trước khi cúng, nước gạo và lá rau đừng đổ vãi xuống đất. Nhất là chưa hiến cúng Phật và Tăng, thì đừng ăn trước.

lúc soạn trai và trước khi ăn, nước gạo và lá rau đừng đổ vãi xuống đất: chúng ta không thể bừa bãi khi sửa soạn thức ăn cúng dường, phải làm việc này một cách ngăn nắp và sạch sẽ, nếu không như vậy là thiếu cung kính.

Truyền thống đạo Phật là chuẩn bị những thức ăn đặc biệt để **hiến cúng** Phật trong những ngày lễ hoặc ngày đặc biệt. Ở đây nhấn mạnh rằng chúng ta không nên ăn hoặc nếm trước khi cúng Phật và tăng (vì như thế là cúng đồ thừa!). Việc nầy áp dụng cho tất cả những thức ăn trong Phật điện và trai đường.

Khi cúng dường thì nên dùng chum số lẻ (ba, năm, bảy, chín hoặc nhiều hơn) chỉ dành riêng để cúng Phật và sắp đặt ngay ngắn trước hình tượng Phật. Bày một cách cẩn thận và ngăn nắp phản ảnh tâm cung kính; không nên thảy bừa bãi trước Phật. Người có tính ngăn nắp và sạch sẽ cảm thấy khó chịu nếu gặp người bừa bãi. Vì chư Phật tối thanh tịnh và trang nghiêm nếu bày đồ cúng một cách bừa bãi trước các ngài thật khó coi. Nơi để cúng dường cũng không nên có đủ thứ khác

ngỗn ngang không có liên quan đến việc cúng dường; nên dành chỗ riêng biệt để cúng dường chư Phật.

Bất cứ những gì cúng dường cho Phật không những nên được bày ra một cách cung kính mà còn nên được sắp cho đẹp mắt. Không nên bày hộp bánh mứt chưa mở để cúng Phật. Đó là lịch sự căn bản cũng như chúng ta không bao giờ mời khách đến ăn tối mà lại để một hộp bánh chưa mở trước họ. Tất cả nên được bày ra ngăn nắp và đối xứng. Đôi khi có thể cúng dường cả trăm thứ, nhiều thứ là thức ăn, loại khác có thể là y phục, châu báu, hương hoa v.v… Những thứ ấy có thể được truyền từ người này qua người khác để mỗi người đều có cơ hội cúng dường.

Cũng có thứ tự đối với người xuất gia: người được thọ giới trước, dù trong chốc lát thì được coi là cao hơn. Kẻ dưới phải tuân lời bề trên nếu không thì phạm lề luật. Đây không có liên quan gì về tuổi tác, chỉ tính theo hạ lạp, thời gian thọ cụ túc giới. Một người trăm tuổi mà mới xuất gia thì được coi là đàn em của mọi người. Khi tỳ kheo qua đời, tuổi họ được vô sổ hai lần, và có thể tuyên báo rằng: "Thế thọ 世壽 là sáu tuần và tăng thọ 僧壽 (lạp 臘) là bốn tuần." Khi thọ giới thì người thọ trước cao hạ hơn. Mỗi người nên xưng hô nhau bằng giới huynh 戒兄 (không có giới đệ 戒弟) thì lễ phép hơn. Nhất là, sa di nên tuân lời tỳ kheo, nếu không thì phạm tội phạm thượng 犯上. Người xuất gia rất chú ý về trưởng ấu tôn ti 長幼尊卑: có tôn ti trật tự.

Chúng ta nên đợi sau khi dùng xong mới cho súc vật ăn đồ thừa.

Nếu ăn trước hay thiếu tinh khiết, thiếu cẩn trọng, thì người chết chẳng hưởng được phước lực nào cả. Nếu tinh cẩn, giữ gìn sạch sẽ mà phụng hiến Phật và Tăng, thì người chết được hưởng một trong bảy phần.

Những việc trên có vẻ giản dị nhưng rất quan trọng trong Phật giáo. Đại Thừa bắt đầu mọc rễ tại Tây phương nên chúng ta phải biết rõ những chi tiết này hầu giữ lại những điều quan trọng trên, không để bị biến thể ở Âu Mỹ.

Nếu biết cúng dường với lòng thành kính, nếu tăng già không ăn trước khi cúng Phật, nếu người tại gia đợi người xuất gia dùng trước, nếu tất cả đều y như Pháp mà làm thì người chết sẽ lãnh **một trong bảy phần** phước.

Lời Kinh:

Cho nên, trưởng giả Đại Biện! Chúng sinh cõi Diêm Phù nếu vì cha mẹ hay quyến thuộc đã chết mà thiết trai cúng dường với chí tâm cần khẩn, làm phước như vậy thì người còn kẻ mất đều được ích lợi.

Lời giảng:

Cho nên, trưởng giả Đại Biện! Chúng sinh cõi Diêm Phù nếu vì cha mẹ hay quyến thuộc đã chết mà thiết trai cúng dường với chí tâm cần khẩn, làm phước như vậy thì người còn kẻ mất đều được ích lợi.

Cúng dường bữa ăn theo Pháp sẽ mang lại lợi ích cho cả người sống lẫn người chết. Quan trọng ở chỗ biết **chí tâm cần khẩn**.

Có thể cúng bất cứ gì cho Tam Bảo. Nhưng chỉ nên cúng đồ mới. Không nên cúng những thứ mà quí vị không muốn nữa (như đồ cũ). Lòng thành (không phải tình cảm) sẽ đem lại cảm ứng.

Lời Kinh:

Địa Tạng Bồ Tát nói xong, tại Đao Lợi thiên cung có ngàn vạn ức na do tha quỉ thần ở châu Diêm phù đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trưởng giả Đại Biện thì đảnh lễ mà lui về chỗ của mình.

Lời giảng:

Địa Tạng Bồ Tát nói xong, tại Đao Lợi thiên cung có ngàn vạn ức na do tha quỉ thần ở châu Diêm phù đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Trưởng giả Đại Biện thì đảnh lễ mà lui về chỗ của mình.

Nói xong, tại Đạo lợi thiên cung có ngàn vạn ức na do tha quỉ thần ở châu Diêm phù đều phát tâm vô thượng Bồ Đề Những ai đã phát tâm Bồ đề thì trong tương lai, do sự tinh tấn tu hành đúng chánh pháp, đều sẽ thành Phật. Vô thượng Bồ Đề có những lực bất khả tư nghì như vậy! Quí vị đã phát Bồ Đề tâm chưa?

Trưởng giả Đại biện thì đảnh lễ rồi lui về chỗ của mình.

Không những đệ tử nên đảnh lễ thầy mà đệ tử nhỏ cũng nên đãnh lễ đệ tử cao hạ hơn. Không nên bắt chước thói ở xứ Mỹ này: Cha mẹ anh em cô bác ... đều coi như ngang hàng nhau cả. Nên biết cung kính đàng trên nếu không thì sẽ phải chịu

quả bị đốt chết cháy.

đảnh lễ mà lui về chỗ của mình: trước là bước ra để thỉnh cầu. Bây giờ thì trở về chỗ ngồi của mình, tượng trưng cho mỗi người đều trụ trong định.

Phẩm 8: Chúa Tôi Diêm La Xưng Tụng

Thông thường có mười **Diêm La**, là quan cai quản các quỉ. Trong kinh này, chúng ta không những chỉ bàn về mười Diêm La của châu Diêm Phù, mà vô lượng Diêm La đến từ các thế giới khác, từ các mặt trăng, hành tinh, ngôi sao và các thiết vi sơn khác. Đại khái, chỗ nào có người thì sẽ có Diêm La, và nơi không có người thì không có Diêm La. Đây là tại vì nếu không có người thì không có quỉ. Nếu không có quỉ thì sẽ không có Phật. Nếu không có Phật thì sẽ không có Diêm La. Điều quan trọng nhất là phải biết rằng nếu không có người thì sẽ không có gì cả. Con người do nhu cầu, đã tạo ra và tự thọ dụng. Nếu không có người thì sẽ không có Phật, Bồ Tát, súc sinh, ngạ quỉ hoặc địa ngục.

Vấn đề là tại sao có con người? Nhân loại, cũng như chín giới khác trong thập pháp giới đều do duy tâm tạo. Kinh Hoa nghiêm nói: "Nếu muốn biết Phật tính của tam thời, thì nên quán Pháp giới tính: tất cả đều do tâm tạo." Tư tưởng liên miên trong tâm chúng ta như sóng trên mặt nước, và núi, sông, đại địa là kết quả của những tư tưởng đó. Khi bên trong có vọng tưởng thì bên ngoài có vật thể; nếu như chúng ta không suy tư thì sẽ không có gì cả.

Chúa tôi: là quyến thuộc của Diêm La. Cũng như đế vương thường có bá quan, cận vệ, người hầu v.v...

Xưng tụng là sự bất khả tư nghì của trí huệ, cảnh giới và thần thông của Địa Tạng Bồ Tát.

Lời Kinh:

Lúc ấy trong dãy núi Thiết Vi, có vô lượng chúa quỉ đã tháp tùng Diêm la thiên tử mà lên Đao Lợi, cùng đến chỗ đức Thế Tôn. Đại loại như : chúa quỉ Ác Độc, chúa quỉ Đa Ác, chúa quỉ Đa Tranh, chúa quỉ Cọp Trắng, Chúa quỉ Cọp Huyết, chúa quỉ Cọp Đỏ, chúa quỉ Gieo Tai Họa, chúa quỉ Phi Thân, chúa quỉ Ánh Điện, chúa quỉ Nanh Sói, chúa quỉ Ngàn Mắt, chúa quỉ Ăn Thú Vật, chúa quỉ Vác Đá, chúa quỉ Chủ Hao Tổn, chúa quỉ Chủ Tai Họa, chúa quỉ Chủ Thực Phẩm, chúa quỉ Chủ Tài Sản, chúa quỉ Chủ Gia Súc, chúa quỉ Chủ Loài Chim, chúa quỉ Chủ Loài Thú, chúa quỉ Chủ Quỉ Mị, chúa quỉ Chủ Sản Dục, chúa quỉ Chủ Sinh Mạng, chúa quỉ Chủ Bịnh Tật, chúa quỉ Chủ Hiểm Nguy, chúa quỉ Ba Mắt, chúa quỉ Bốn Mắt, chúa quỉ Năm Mắt, chúa quỉ Kỳ Lợi Thất, chúa quỉ Đại Kỳ Lợi Thất, chúa quỉ Kỳ Lợi Xoa, chúa quỉ Đại Kỳ Lợi Xoa, chúa quỉ A Na Tra, chúa quỉ Đại A Na Tra ... Những chúa qũy như vậy, ai cũng có trăm ngàn tiểu chúa quỉ, cùng ở tại châu Diêm Phù, có nhiệm vụ và có quyền hành riêng.

Lời giảng:

Lúc ấy trong dãy núi Thiết Vi, có vô lượng chúa quỉ đã tháp tùng Diêm la thiên tử mà lên Đao Lợi, cùng đến chỗ đức Thế Tôn:

Trong Hoa Tạng Thế Giới Hải có một Liên Hoa Tràng Thế Giới 蓮花幢世界 với 20 tầng. Thế giới chúng ta ở thuộc tầng thứ 13. Bao quanh Liên Hoa Tràng là bảy kim sơn và bảy hương hải, và ở ngoài (thất hương hải) có một đại thiết vi

sơn. Dãy núi này toàn làm bằng sắt. Núi có vô số quỉ vương.

Tất cả các Diêm La đến tụ họp tại **Đao lợi** Pháp hội đều là thiên tử, cùng danh hiệu với Đức Chúa Trời. Một số hoàng đế cũng được gọi là thiên tử, nhưng không có thiên tử nào quan trọng hơn nhau cả. **Diêm La**, được đức Phật công nhận là thiên tử, các hoàng đế cũng như vậy.

Thiên tử, có thể không phải là chức vụ quan trọng lắm, nhưng Diêm La lại không nghĩ rằng địa vị của mình thấp kém, vì tự thấy phạm vi và trách nhiệm của mình quá rộng lớn. Trong Phật giáo, sau khi thọ tỳ kheo giới, thì trở thành thiên nhân sư. Không những tỳ kheo có thể được coi là thiên tử, mà cũng có thể coi là thiên tổ nữa.

Lúc ấy trong dãy núi Thiết Vi, có vô lượng chúa quỉ đã tháp tùng Diêm la thiên tử mà lên Đao Lợi, cùng đến chỗ đức Thế Tôn. Đại loại như : chúa quỉ Ác Độc, chúa quỉ Đa Ác, chúa quỉ Đa Tranh, chúa quỉ Cọp Trắng, Chúa quỉ Cọp Huyết, chúa quỉ Cọp Đỏ, chúa quỉ Gieo Tai Họa, chúa quỉ Phi Thân, chúa quỉ Ánh Điện, chúa quỉ Nanh Sói, chúa quỉ Ngàn Mắt, chúa quỉ Ăn Thú Vật, chúa quỉ Vác Đá, chúa quỉ Chủ Hao Tổn, chúa quỉ Chủ Tai Họa, chúa quỉ Chủ Thực Phẩm, chúa quỉ Chủ Tài Sản, chúa quỉ Chủ Gia Súc, chúa quỉ Chủ Loài Chim, chúa quỉ Chủ Loài Thú, chúa quỉ Chủ Quỉ Mị, chúa quỉ Chủ Sản Dục, chúa quỉ Chủ Sinh Mạng, chúa quỉ Chủ Bịnh Tật, chúa quỉ Chủ Hiểm Nguy, chúa quỉ Ba Mắt, chúa quỉ Bốn Mắt, chúa quỉ Năm Mắt, chúa quỉ Kỳ Lợi Thất, chúa quỉ Đại Kỳ Lợi Thất, chúa quỉ Kỳ Lợi Xoa, chúa quỉ Đại Kỳ Lợi Xoa, chúa quỉ A Na Tra, chúa quỉ Đại A Na Tra ...

Chúa quỉ Ác Độc 惡毒鬼王, (Ác: chỉ thập ác, độc: chỉ tam độc; tam độc thuộc về ý 意, căn bản 本 của bảy thân và khẩu ác; gốc và ngọn đều là được sáng tỏ 本末兼明, nên gọi là ác độc 故名惡毒) là thủ lãnh của tất cả các chúa quỉ nên được nêu ra trước. Ông ta rất tàn bạo, muốn nuốt sống tất cả các chúng sinh mà ông ta gặp. Miệng rất ác độc. Nhưng không cần phải sợ chúa quỉ này, vì ông ta chỉ hại những người ác độc thôi; ông ta dùng ác để trị 攻 ác, và độc để xuất 出 độc. Nếu quí vị niệm Phật thì sẽ được ông ta kính trọng: ông ta sẽ đảnh lễ quí vị. Nếu như quí vị niệm Phật, tụng kinh, và cột tâm vào Bồ Đề, thì sẽ không có vấn đề gì với vị chúa quỉ này, vì mặc dầu ông ta có hình tướng hung tợn và ác độc nhưng tâm ông là tâm Bồ Tát; Diêm La cũng như thế. Cho nên những kẻ tu đạo Phật không cần sợ ông.

Chúa quỉ Đa Ác 多惡鬼王 cũng chống đối những kẻ tà ác, cho nên tôi không nghĩ rằng những ai tu đạo Phật và đã biết hối cải thì sẽ bị ông ta dọa nạt. Vị chúa quỉ này uy hiếp những kẻ đã giết cha, giết mẹ, giết La Hán, phá hòa hợp tăng, hoặc làm thân Phật chảy máu. Mỗi tư tưởng của vị chúa quỉ này đều là ác.

Những người thích tranh cãi, thường biện luận một cách vô lý, nói rằng không phạm giới trong lúc họ phạm, và hay lừa gạt người, trước sau cũng sẽ gặp **chúa quỉ Đa tranh** 大諍鬼王. Thật ra, đa tranh sẽ trở thành vô tranh bởi vì ông ta giúp chúng sinh giải tỏa sân hận và gở mối oán thù. Trong Trường A Hàm, Phật Thích Ca bảo Đế Thích: “Oán 怨 được tạo ra vì

tham lam và ganh tỵ, nên khiến chúng sinh cầm dao gậy để tạo thêm hận thù 刀杖相加.” Đế Thích hỏi: “Tham và ganh 貪嫉 từ đâu đến?” Phật đáp: “Từ ái và tăng 憎 (hận)”. Chư tổ sư còn nói thêm cho rõ: “Lìa 離 được ái và tăng 憎, thì tâm chúng ta hiểu tường tận”. Tức là không có vấn đề gì xảy ra.

Theo Trang Tử 莊子, sự cãi vã và xung đột giữa nàng dâu và mẹ chồng xuất từ tâm ác. Khẩu là dụng cụ của tai họa 口為禍器.

Chúa quỉ Cọp Trắng 白虎鬼王 có thân quỉ và đầu cọp. Cọp là cầm thú của phương Tây 西方之獸.

Chúa quỉ Cọp Huyết 血虎鬼王: Miệng nó như chậu máu 血盆.

Chúa quỉ Cọp Đỏ 赤虎鬼王 có thân màu đỏ (lông tóc màu đỏ như đang cháy 毛如火赤) và đầu cọp. Những quỉ này trông rất đáng sợ (đều có đầu cọp) vì thường khủng bố kẻ lâm chung nếu người này tạo thập ác và ngũ nghịch. Nếu không nhờ sự từ bi gia hộ của Bồ Tát, thiện thần thì khi lâm chung lỡ gặp phải gặp bọn quỉ này sẽ rất khốn khổ. Người biết tu hành niệm Phật sẽ được hộ pháp bảo vệ, có thể tránh được việc này.

Cọp sống trên núi, tự coi mình là chúa tể, nó rất ngạo mạn,

hung dữ và tàn bạo.

Chúa quỉ Gieo Tai Họa 散殃鬼王 đem lại đủ sự xui xẻo, như cướp giặc, trộm cắp, và lửa cháy, làm quả báo cho những người đáng phải nhận. Tất cả các sự kiện, ngay cả tai họa, là do nhân trồng từ quá khứ (như không tôn trọng thiên địa 不敬天地, bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng sư trưởng, khinh thần gạt quỉ 欺負神理, tâm điên đảo, khẩu thị tâm phi 口是心非: miệng nói nhưng tâm lại không nghĩ như vậy, v.v…

Chúa quỉ Phi Thân 飛身鬼王 bay đến mọi nơi. Ông ta còn bay lẹ hơn phi tiễn. Chúa quỉ này phụ trách phi hành dạ xoa 飛行夜叉.

Chúa quỉ Ánh Điện 電光鬼王: có mắt sáng chói như tia chớp, làm kinh hải những kẻ gặp ông ta.

Chúa quỉ Nanh Sói 狼牙鬼王: có răng nanh lòi ra ngoài và đáng sợ như răng nanh chó sói. Mắt màu xanh 青.

Chúa quỉ Ngàn Mắt 千眼鬼王 khác Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tư Tại Bồ Tát, mỗi tay ngài có một mắt. Ông ta cũng không giống như quỉ có nhiều sừng, mỗi sừng đều có mắt. Thân chúa quỉ có nhiều lỗ hổng, nơi mà chỉ có xương không có da thịt, mỗi chỗ xương đó có một con mắt sáng như đèn bin.

Chúa quỉ Ăn Thú Vật 噉獸鬼王 ăn cọp và các loài cầm thú khác. Ông ta vừa là quỉ vừa là thú vật. Thông thường, ông ta có hình người và mặt heo.

Chúa quỉ Vác Đá 負石鬼王 thường vác một tảng đá mà ông ta dùng để đè bẹp những người đã tạo nghiệp.

Ông ta còn sai quỉ nhỏ mang đá, và cát sạn chất đầy sông tạo ra sự cản trở.

Chúa quỉ Chủ Hao Tổn 主耗鬼王 phụ trách sự truyền báo những tin xấu như điềm báo trước cái chết trong giấc mơ.

Chúa quỉ Chủ Tai Họa 主禍鬼王 không những báo tin xấu, mà lại còn tạo ra tai nạn bất ngờ như rớt máy bay, đụng xe v.v...

Hai chúa quỉ trên hợp tác với nhau. Họ phân loại ra tùy theo trình độ nặng nhẹ của tội. Nếu tội nhẹ thì chỉ nhận tin xấu. Nếu tội nặng thì sẽ gặp tai họa.

Chúa quỉ Chủ Thực Phẩm 主食鬼王 phụ trách những ẩm thực chúng ta dùng, và những gì dùng để nấu nướng. Những gì chúng ta ăn đã được định trước: nó chỉ được âm thầm phân phối thôi. Làm thiện thì hưởng phước (ẩm thực là một thành phần của phước). Làm ác thì phước hao tổn. Ví dụ dám phá thiên vật thì sẽ phải chịu quả chết vì đại nạn đói kém.

Chúa quỉ Chủ Tài Sản 主財鬼王: Nếu quí vị nhận được bố thí là vì chúa quỉ này "bảo" một người làm như vậy. Đó là

đều do nhân quả cả.

Chúa quỉ Chủ Gia Súc 主畜鬼王 đảm trách tất cả các gia súc (chúng nó có thể có sẵn danh sách bốn loại sinh: thai, noãn, ẩm thấp, và hóa; 住有三處). Có ba vị chúa quỉ lãnh đạo các gia súc, chim chóc và cầm thú, hoặc ở trong biển, hoặc trên mặt đất hoặc trên không trung. Mỗi chỗ lại có bốn loại súc vật: loại có lông, loại thú có da, loại có cánh, loại có vỏ.

Chúa quỉ Chủ Loài Chim 主禽鬼王 lãnh đạo các loài bay, nhất là loài có lông.

Chúa quỉ Chủ Loài Thú 主獸鬼王 phụ trách các loài súc sinh đi đứng 走; chúng nó thuộc loại có bộ da lông. Chúng nó tương đối mạnh hơn, khó mà bắt bẩy và thường bị canh giữ.

Theo Đại Tập 準大集, ở phương Đông có một núi lưu ly nơi đó là chỗ trú ngụ của chúa quỉ có nhiệm vụ trông chừng cọp, thỏ và rồng. Phương Nam có núi thủy tinh, nơi đó chúa quỉ đảm trách về rắn, ngựa, và cừu. Phương Tây có núi kim ngân của chúa quỉ coi về khỉ, gà và chó. Trên núi vàng rất khó đến của phương Tây có chúa quỉ đảm trách về heo, chuột, và bò.

Mỗi phương đều có hai la sát nữ thường cúng dường cho ba thần. Hang động của họ là nơi trú ngụ của Bồ Tát. Mỗi cầm thú đang tu pháp từ của A la hán và đã từng phát nguyện

trước chư Phật. Họ thường đi tuần ở Diêm Phù Đề 遍閻浮提. Thời gian còn lại thì để tu đạo và hành từ tâm. Từ mồng một tháng bảy thì chuột làm chủ. Bò thay phiên ngày thứ hai, … vân vân cho đến ngày thứ mười ba thì trở về lại chuột. Đây là vị Thú Vương Bồ Tát 獸王菩薩 mà mọi phương đều tôn trọng.

Chúa quỉ Chủ Quỉ Mị 主魅鬼王 phụ trách những loại quỉ (魑魅魍魎) biến thành từ tinh vật của núi, đất, đá, cây v.v… 老精物. Những loại quỉ này và các hiện tượng quái lạ khác (như ở các cây cổ thụ) thường được gọi là si mị và võng lượng. Phần ba của Chú Lăng Nghiêm có nêu chúng nó: Ra xà bà dạ 囉闍婆夜, chủ ra bạt dạ 主囉跋夜, a kỳ ni bà dạ 阿祇尼婆夜, ô đà ca bà dạ 烏陀迦婆夜, tỳ sa bà dạ 毗沙婆夜, xá tát đa ra bà dạ 舍薩多囉婆夜, bà ra chước yết ra bà dạ 婆囉斫羯囉婆夜, đột sắt xoa bà dạ 突瑟叉婆夜 (tên của chúa quỉ).

Chúa quỉ Chủ Sản Dục 主產鬼王 làm chủ việc sinh sản và có thể giúp cho sự việc được dễ dàng suông sẽ (nếu người mẹ tốt lành) hoặc làm cho nhiều đau đớn, tùy theo nghiệp của mẹ và con. Làm như thế, cũng như các chúa quỉ trước, nhằm mục đích dạy chúng sinh cải tạo những nghiệp sai lầm.

Chúa quỉ Chủ Sinh Mạng 主命鬼王 phụ trách sinh mạng của tất cả chúng sinh dưới tứ thiên hạ, thuộc những loài có

máu và hơi thở 四天下人命.

Chúa quỉ Chủ Bịnh Tật 主疾鬼王 đảm trách những bịnh dịch xảy đến cho chúng sinh.

Chúa quỉ Chủ Hiểm Nguy 主險鬼王 làm chủ các tai họa và nguy hiểm. Ví dụ, họ tạo ra tuyết lở, núi lỡ, đất chồi. Nếu chúng sinh nào chưa hết mạng thì chúa quỉ này sẽ bảo vệ.

Theo Đại Luận, địa ngục có hai khu vực chính: hàn băng 寒冰 và viêm hỏa 炎火 (mô tả cảm giác trên thân thể: đó là cách chúng ta thọ khổ). Có một khu vực rất tối tăm và khó đến vì rất nguy hiểm: đây là nơi quỉ vương này trú ngụ.

Mắt của **chúa quỉ Ba Mắt** 三目, **Bốn Mắt,** và **Năm Mắt** 四目, 五目鬼王khác với ngũ nhãn đắc được qua sự tu hành. Mắt chúa quỉ ba mắt hình tam giác (豎亞一目 • 如摩醯壯). Mắt chúa quỉ bốn mắt theo hình vuông (額上又橫開二目 • 與倉頡同), và mắt chúa quỉ năm mắt sắp theo hình vuông với một mắt ở trung tâm (於上下中 • 豎生一目也). Đại khái, các chúa quỉ này trông thật khủng khiếp.

Chúa quỉ Kỳ Lợi Thất 祁利失王 sống trên núi phía Nam và phụ trách lửa (còn được goi là thần lửa). C**húa quỉ Đại Kỳ Lợi Thất** 大祁利失王 sống về phía cực Nam (trên núi rất to) và cũng là đại hỏa thần.

Chúa quỉ Đại Kỳ Lợi Xoa 大祁利叉王 lãnh đạo những tiểu quỉ lửa trong vùng.

Chúa quỉ A Na Tra 阿那吒王: Tên dịch ra là Đại Lực Tận Vương (大力盡王), là một vị hộ pháp và con trưởng của Đa Văn Trưởng tử 多聞長子.

Và **Chúa quỉ Đại A Na Tra** 大阿那吒王 : cũng thống lãnh tiểu chúa quỉ.

Những chúa quỉ như vậy, ai cũng có trăm ngàn tiểu chúa quỉ, cùng ở tại châu Diêm Phù, có nhiệm vụ và có quyền hành riêng.

34 quỉ vương này được nhiều tiểu quỉ, quỉ con, quỉ mẹ, và quỉ cháu tháp tùng. Mỗi vị phụ trách khu vực của mình. Họ không từ phương khác đến, tất cả đều trú ngụ tại nam châu.

Lời Kinh:

Những chúa quỉ này cùng Diêm la thiên tử, nhờ thần lực của đức Thế Tôn và của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, mà cùng nhau đến Đao Lợi thiên cung, đứng vào một phía. Bấy giờ Diêm la thiên tử quì xuống, chắp tay mà thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con với các chúa quỉ nhờ thần lực của đức Thế Tôn và của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, mới đến được đại hội Đao Lợi này. Ấy là thiện lợi mà chúng con được hưởng. Bây giờ con có một nỗi hoài nghi nhỏ, dám xin thỉnh vấn đức Thế Tôn. Xin đức Thế Tôn từ bi tuyên thuyết.

Lời giảng:

Những chúa quỉ này cùng Diêm la thiên tử, nhờ thần lực của đức Thế Tôn và của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, mà cùng nhau đến Đao Lợi thiên cung, đứng vào một phía.

đứng vào một phía: họ đứng vì muốn tỏ lòng cung kính. Đây biểu lộ ra vai vế của họ trong đại chúng của Phật. Ví dụ, Bồ Tát thì lại có chỗ ngồi.

Theo Trường A Hàm, tiểu thiên thế giới có một ngàn Diêm La.

Bấy giờ Diêm la thiên tử quì xuống, chắp tay mà thưa: Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con với các chúa quỉ nhờ thần lực của đức Thế Tôn và của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, mới đến được đại hội Đao Lợi này. Ấy là thiện lợi mà chúng con được hưởng. Bây giờ con có một nỗi hoài nghi nhỏ, dám xin thỉnh vấn đức Thế Tôn. Xin đức Thế Tôn từ bi tuyên thuyết.

Diêm la thường tưởng niệm Phật và Địa Tạng Bồ Tát vì biết được các ngài gia hộ. Cho nên họ mới có đại phước được tham dự pháp hội này. Nhân tiện, họ hy vọng có cơ hội giải quyết một **hoài nghi nhỏ**.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn bảo Diêm la thiên tử: Tùy ý ông hỏi, Như Lai sẽ nói cho.

Lúc ấy, Diêm la thiên tử chiêm ngưỡng và đảnh lễ đức

Thế Tôn, rồi xoay nhìn Địa Tạng Bồ Tát mà bạch Phật: Thế Tôn! Con thấy Địa Tạng Bồ Tát ở trong lục đạo, vận dụng trăm ngàn phương tiện độ những tội khổ chúng sinh, không nề mệt nhọc. Đại Bồ Tát có thần lực bất khả tư nghị như vậy, nhưng chúng sinh thoát khỏi tội báo không bao lâu lại đọa ác đạo.

Bạch đức Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát đã có thần lực bất khả tư nghị như vậy, tại sao chúng sinh không y chỉ thiện đạo để siêu thoát mãi mãi? Con thỉnh cầu đức Thế Tôn giải thích giùm con.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn bảo Diêm la thiên tử: Tùy ý ông hỏi, Như Lai sẽ nói cho.

Lúc ấy, Diêm la thiên tử chiêm ngưỡng và đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi xoay nhìn Địa Tạng Bồ Tát mà bạch Phật: Thế Tôn! Con thấy Địa Tạng Bồ Tát ở trong lục đạo, vận dụng trăm ngàn phương tiện độ những tội khổ chúng sinh, không nề mệt nhọc. Đại Bồ Tát có thần lực bất khả tư nghị như vậy, nhưng chúng sinh thoát khỏi tội báo không bao lâu lại đọa ác đạo.

Diêm la không những cung kính đối với đức Phật nhưng cũng bày tỏ sự kính ngưỡng với Địa Tạng Bồ Tát nữa

chiêm ngưỡng và đảnh lễ 瞻禮: Đây thường là qui cách bày tỏ cung kính đối với chư Phật và cầu Pháp.

Theo Trường A Hàm, có 1,000 Diêm la trong tiểu thiên thế

giới.

100 năm trong cõi người tương đương với một ngày một đêm trong địa ngục. Diêm la từng thấy nhiều kẻ ra khỏi địa ngục rồi lại trở vào nữa. Cho nên ông ta mới có nghi vấn:

1. Địa Tạng Bồ Tát có thần thông bất khả tư nghì, có thể giúp chúng sinh dựa vào thiện đạo và đắc giải thoát
2. Chúng sinh lục đạo được Địa Tạng Bồ Tát giúp thoát nạn, nhưng rồi lại đọa. Đó là vì thần lực của Địa Tạng Bồ Tát chưa đủ chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Địa Tạng Bồ Tát đã có thần lực bất khả tư nghị như vậy, tại sao chúng sinh không y chỉ thiện đạo để siêu thoát mãi mãi? Con thỉnh cầu đức Thế Tôn giải thích giùm con.

Kinh Duy Ma Cật nói rằng thập thiện là cõi Tịnh độ của Bồ Tát. Những chúng sinh nào biết nương tựa thập thiện thì sẽ tự động thoát được sinh tử.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy: Diêm la thiên tử! Chúng sanh ở Diêm Phù, tính khí cang cường, khó điều khó phục. Vị đại Bồ Tát này, từ trăm ngàn kiếp, lần lượt cứu vớt họ, làm cho mỗi người sớm được giải thoát. Đến nỗi những người tội báo đọa vào đại ác thú, Bồ Tát cũng dùng năng lực phương tiện mà cứu họ thoát khỏi nghiệp duyên căn bản, rồi làm cho họ rõ biết việc đời trước.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy: Diêm la thiên tử! Chúng sanh ở Diêm Phù, tính khí cang cường, khó điều khó phục.

Pháp tính vốn nhu hòa 柔和, ngược lại tính tình chúng sinh (hoặc tập tính 習性) thì **cương cường** 剛強. Địa Tạng Bồ

Tát giáo huấn chúng sinh, chuyển cương 剛 thành nhu nhuyễn và cường 強 thành hòa hợp.

Những người tánh khí cương cường và hung bạo (ví như voi ác) lại vô dụng (như ngựa tồi駑馬). Họ coi thường pháp luật, thích sống ngang tàng trong sự hỗn loạn. Như thế làm sao có được sự an bình cho mọi người nếu quốc gia xã hội không có quy cũ luật phá 不以規矩, 不能成方圓.

Cá tính của người này không nhu hòa 柔和.

Vị đại Bồ Tát này, từ trăm ngàn kiếp, lần lượt cứu vớt họ, làm cho mỗi người sớm được giải thoát. Đến nỗi những người tội báo đọa vào đại ác thú, Bồ Tát cũng dùng năng lực phương tiện mà cứu họ thoát khỏi nghiệp duyên căn bản, rồi làm cho họ rõ biết việc đời trước.

Địa Tạng Bồ Tát bỏ rất nhiều thời gian cứu thoát chúng sinh từng người, rồi phải cứu họ lại (vì họ tiếp tục tạo tội và bị đọa).

Theo Trí luận: Nhược bất đoạn ái, ái tắc nhuận sanh, thị cố tứ sanh, giai do ái khởi. Nghĩa là nếu không dứt ái thì sẽ khiến

có sinh. Cho nên bốn loại sinh đều do ái mà ra.

Tam độc là nhân tạo ác. Thành Thật Luận 成實論 nói: "Nếu không nhổ gốc cây thì nó sẽ mọc lại 樹根不拔, 其樹有生; gốc tham không nhổ 貪根不拔, cây khổ vẫn còn tồn tại 苦樹常在. Cho nên phải biết rằng sinh tử 故知生死, do tham ái làm căn bản 貪愛為本, nếu diệt được tham ái 若滅貪欲, đó là đệ tam đế 名第三帝"(Diệt đế trong Tứ diệu đế). Thập Luân Kinh 十輪經 nói: diệt trừ tất cả mê hoặc, chướng ngại và tập khí như mặt trời nóng làm chảy tan băng đá 滅除一切惑障息氣, 猶如烈日銷釋輕冰.

Lời Kinh:

Bởi vì chúng sinh ở Diêm Phù đã kết ác khí qúa nặng, nên cứ phải ra vào các ác đạo, khiến Bồ Tát phải công khó từ lũy kiếp để độ thoát.

Lời giảng:

Bởi vì chúng sinh ở Diêm Phù đã kết ác khí qúa nặng, nên cứ phải ra vào các ác đạo, khiến Bồ Tát phải công khó từ lũy kiếp để độ thoát.

Kinh nói rằng chúng sinh **kết** nhiều **ác khí**. Kết nghĩa là cột thắt lại cho dính vào nhau. Mạng sống quá khứ, hiện tại và vị lai đều liên kết bằng nghiệp báo. Đây là vì chúng sinh tự ràng buộc chứ không phải vì Bồ Tát làm!

Loại **ác khí** thứ nhất là dâm dục 婬欲, vấn đề chủ yếu của chúng sinh, khó giải quyết nhất, còn khó hơn là nhảy lên không trung. Nếu đàn ông và đàn bà có thể đoạn trừ các tư tưởng dâm dục thì có thể gọi là đã điều phục được cọp 降虎; nếu có thể đoạn phiền não, thì gọi là điều phục rồng 伏龍. Phiền não và vô minh như con rồng chưa được điều phục vẫn thường dùng vô lượng biến hóa và hiện ra các tướng kỳ dị. Những người tu hành nên tự kiểm điểm xem đã biết điều phục được cọp hoặc rồng chưa. Nếu chúng sinh hoàm toàn diệt trừ tất cả dục vọng, thì có thể nói rằng họ vô lậu; nếu còn dục vọng thì vẫn còn lậu.

Ác khí thứ nhì là tham "貪". Vì tham lam khoái lạc nên mới có dục vọng, rồi tìm cách thỏa mãn dục vọng.

Thứ ba là mạn "慢". Đúng ra, chúng ta không khác gì ai cả, nhưng lại thích nghĩ mình hơn người và khinh thường kẻ khác. Thích đứng đầu, càng xa càng tốt, luôn luôn tìm cầu được công nhận như vậy, gọi là ngạo mạn.

Thứ tư là sân "瞋", muốn hại người khác, không chịu tha vì người khác đã làm điều không tốt cho mình.

Thứ năm là trá "詐", tức là lừa gạt hoặc làm chuyện gian trá. Người này thích đi đường tắt và thỉnh thoảng rất thích thú khi gạt được người khác.

Thứ sáu là cuống "誑", tức là nói láo: Dùng lời nói tốt đẹp, hiền lành để che đậy cái xấu của mình, tức là lời nói không có

sự chân thật trong đó.

Thứ bảy là oán "怨", thù hận, nhất là trách người khác và đổ tội cho người.

Ác khí thứ tám là tà kiến "邪見".

Thứ chín là uổng "枉", cong hoặc sai trái. Người này thường gieo oan giáng họa cho kẻ khác hay tạo chuyện oan ức "怨枉".

Thứ mười là tụng "訟", hay kiện tụng kẻ khác mặc dầu mình không có lý.

Phần trên trích từ Kinh Lăng Nghiêm kể rõ mười nhân vi tế khiến ta phải trả quả báo trong lục đạo. Vì có mười loại tập nhân "習因" này nên kết thành ác khí nặng "結惡習重".

Cho nên, tham lam và ái tình là nguồn gốc của sinh tử.

Vô Thường kệ 無常偈 nói:
"*Minh nhãn vô quá huệ* 明眼無過慧.
Nghĩa là: Mắt sáng không hơn trí huệ,
Hắc ám vô quá si 黑闇不過癡.
Nghĩa là: đen tối không hơn ngu si
Kim căn bản nghiệp duyên kí bạt 今根本業緣既拔.
Nghĩa là: Nay bổn nghiệp đã bị nhổ

Tự ngộ túc thế chi sự 自悟宿世之事.
Nghĩa là: tự nhớ lại chuyện đời trước
Ví cổ kính chi trọng khai 譬古鏡之重揩,
Nghĩa là: ví như phủi bụi tấm gương cũ
kỳ thường quang nhi tự hiện 其常光而自現 (矣)
Nghĩa là: nên ánh sáng thường trực của gương lại hiện tiền."

Lời Kinh:

Như kẻ quên mất nhà mình, lầm vào đường hiểm. Đường ấy lắm dạ xoa và cọp, sói, sư tử, hổ mang bò cạp... Trong đường hiểm như vậy, kẻ lầm đường chỉ trong chốc lát là sẽ bị hại. May có thiện tri thức, biết nhiều đại thuật, ngăn các thứ độc, lại còn trị được Dạ Xoa và các hiểm độc, thấy kẻ lầm đường đang muốn đi vào đường hiểm, vị này ngăn lại mà hỏi: Này nam tử! Tại sao anh muốn đi vào đường này? Anh có phép thuật nào để chế ngự những độc hại chăng?

Lời giảng:

Dùng ví dụ để giải thích.

Như kẻ quên mất nhà mình, lầm vào đường hiểm. Đường ấy lắm dạ xoa và cọp, sói, sư tử, hổ mang bò cạp... Trong đường hiểm như vậy, kẻ lầm đường chỉ trong chốc lát là sẽ bị hại.

quên mất nhà mình: không thể kiếm đường về nhà nữa. Nhà dụ cho cõi thiện lành, an ổn.

Trên con **đường hiểm, dạ xoa** tượng trưng cho nghi, một trong ngũ độn sử. Nghi nghĩa là không tin gì cả; **cọp** tượng trưng cho tham; **sói** đại biểu cho sân; **sư tử** tượng trưng cho si; **hổ mang bò cạp** đại biểu cho mạn. Vậy chúng nó tiêu biểu ngũ độn sử. **Trong đường hiểm như vậy, kẻ lầm đường trong chốc lát là sẽ bị hại** nghĩa là sẽ tạo nghiệp mà khiến bị đọa vào ác đạo.

Dạ xoa có trí 智 và thần thông. Chúng nó bay và di động rất nhanh, cũng như lợi sử và tà kiến: tuyên bố rằng không có nhân quả. Chúng có biện tài và thị hiện rất nhanh chóng. Cọp, sói, là súc vật vừa ngu si vừa cứng đầu 愚頑 tượng trưng cho độn sử. Theo Câu Xá Luận 俱舍論, mạn được tượng trưng bởi sư tử, và cọp; sân được tượng trưng bởi rắn, và bò cạp 蚖蛇蝮蠍. Cọp đại biểu cho tánh ngạo mạn. Theo Phân Biệt Thiện Ác Kinh 分別善惡經, nếu khinh mạn người thì sẽ thành cọp.

Hoặc cũng có thể nói rằng sói tượng trưng cho tham sử: chúng nó không ngừng tìm kiếm thức ăn cho đến khi được thỏa mãn. Sư tử tượng trưng cho si: trong quá khứ, mặc dầu giữ giới nghiêm túc nhưng không khai mở trí huệ; khi giữ giới lại ngạo mạn với người khác nên bị đọa vào cõi súc sinh; nhớ giới lực nên đắc thân vua các loài thú nhưng vì không có trí huệ nên coi là si. Rắn và bò cạp 蚖蛇蝮蠍 tượng trưng cho sân sử 瞋使.

Theo Kinh Niết Bàn, rắn có bốn loại độc:

1. Kiến độc 見毒 •

2. Xúc (đụng) độc 觸毒 •
3. Niết (cắn) độc 齧毒 •
4. Thích (chích) độc 螫毒.

May có thiện tri thức, biết nhiều đại thuật, ngăn các thứ độc, lại còn trị được Dạ Xoa và các hiểm độc, thấy kẻ lầm đường đang muốn đi vào đường hiểm, vị này ngăn lại mà hỏi: Này nam tử! Tại sao anh muốn đi vào đường này? Anh có phép thuật nào để chế ngự những độc hại chăng?

tri thức là Địa Tạng Bồ Tát, ngài có rất nhiều thần thông bất khả tư nghì và trí huệ, vì thế nên **biết nhiều đại thuật**. Ngài có thể khéo **trị được dạ xoa và chư ác độc.**

Tư Ân Kinh 思恩經 nói: đối với những chúng sinh đã đọa vào tà đạo, ngài khởi tâm đại bi, khiến họ vào chánh đạo, không cần biết ơn hoặc báo ơn, cho nên mới coi là đạo sư 導師 hoặc tri thức 即知識也.

Đại Kinh 大經 nói: Người có thể kiến Phật tính 能見佛性 được gọi là trượng phu 名為丈夫. Vì chúng ta còn mê muội về Phật tính 今迷佛性 nên mới gọi là nam tử 故以男子(tức là phàm phu).

phép lạ 異術: chỉ cho phương tiện có thể điều phục các pháp ác và giúp hiển hiện Đệ Nhất Nghĩa Đế 第一義諦.

thuật: chỉ thần thông.

Lời Kinh:

Kẻ lạc đường nghe vậy mới biết đây là đường hiểm, tức khắc lùi bước, cầu tránh khỏi đường ấy. Thiện tri thức nắm tay mà dắt, dẫn anh ta ra khỏi đường hiểm, thoát chư độc ác, đem đến đường tốt, khiến được an lạc, rồi bảo: này mê nhân, từ nay về sau đừng bước vào con đường ấy nữa. Đường ấy mà lỡ đi vào thì chẳng những khó ra mà còn mất tính mạng.

Lời giảng:

Kẻ lạc đường nghe vậy mới biết đây là đường hiểm, tức khắc lùi bước, cầu tránh khỏi đường ấy.

Kẻ lạc đường không nhận ra được các nguy hiểm ở trước nếu không được giúp.

Nghe vậy 忽聞: ý nói được nghe Tứ Diệu Đế. Hắn ta chưa bao giờ nghe cả, nay bỗng nhiên được nghe. Cũng như Tô Đạt Đa 蘇達多 lần đầu tiên nghe hồng danh Phật, thì lông thân dựng đứng.

biết là đường hiểm 知險道: Ông ta biết sợ khổ 苦 và tập 集 (nguyên nhân của khổ), như chúng ta nhờ biết Phật pháp nên cũng sợ như vậy.

lùi bước: ngừng ác, không tạo nghiệp, không khởi vọng tưởng.

cầu tránh khỏi đường ấy: rộng tu các thiện pháp cầu thoát ly ác đạo.

Thiện tri thức nắm tay mà dắt, dẫn anh ta ra khỏi đường hiểm, thoát chư độc ác, đem đến đường tốt, khiến được an lạc.

Địa Tạng Bồ Tát còn **nắm tay mà dắt, dẫn ra khỏi đường hiểm, thoát chư độc ác, đem đến đường tốt**. Ra khỏi đường ác nghĩa là không tạo ác: trừ bỏ tam độc, đoạn ác khí, sinh cõi người trời, thiện đạo.

rồi bảo: này mê nhân, từ nay về sau đừng bước vào con đường ấy nữa. Đường ấy mà lỡ đi vào thì chẳng những khó ra mà còn mất tính mạng.

tính mạng: nghĩa là mất Pháp thân và Huệ mạng.

Đại Luận nói: Chúng ta nên nhìn đường cho kỹ trước khi bắt đầu. Trên đường thì nên tinh tấn. Khi tinh tấn thì nên tưởng niệm lời giáo huấn của thiện tri thức. Cứ tưởng niệm như thế mà nhất tâm tiến tới: Đó là chánh đạo. Đừng theo tà đạo.

Lời Kinh:

Kẻ lạc đường cảm kích ơn nặng. Lúc chia tay, thiện tri thức lại bảo: Nếu thấy người quen hoặc các người đi đường, bất luận nam nữ, hãy bảo cho họ biết đường ấy lắm độc ác, có thể làm thương tổn tính mạng. Đừng để họ tự rước lấy cái chết.

Lời giảng:

Kẻ lạc đường cảm kích ơn nặng. Lúc chia tay, tri thức lại bảo: nếu thấy người quen hoặc các người đi đường, bất luận nam nữ, hãy bảo cho họ biết đường ấy lắm độc ác, làm thương tổn tính mạng. Đừng để họ tự rước lấy cái chết.

Bồ Tát còn nhắc người lạc đường nên báo cho người quen biết (như lục thân và quyến thuộc trong nhiều đời; chuyển báo không ngừng 化化不絕) về sự nguy hiểm của tam ác đạo, nơi ấy có **lắm độc ác**.

người đi đường 路人: là những kẻ còn luân hồi trong lục đạo.

thấy người quen 親知: đang còn luẩn quẩn trong luân hồi chưa đắc giải thoát, **hoặc các người đi đường** 諸路人: chưa thọ Đạo và đang còn trong vòng sinh tử**, bất luận nam nữ** 若男若女: Lời khuyên này có ý nhắc nhở những kẻ còn si mê nên thức tỉnh, cũng có nghĩa là giúp cho họ có định và huệ 表授定慧.

Ngũ Khổ Chương Kinh 五苦章經 nói: Một lần, Diêm Vương hỏi tội nhân: tại sao đến đây? Họ nói: Lúc chúng tôi chết, chúng tôi không biết rằng mình đã làm ác nhưng tự nhiên được dẫn đến đây. Vua nói: các ngươi phải lãnh chịu quả báo của hành động cũ.

Lời Kinh:

Như thế, Địa Tạng Bồ Tát tâm đại từ bi, cứu vớt tội khổ chúng sinh,giúp họ sinh vào nhân thiên, thọ diệu lạc.

Lời giảng:

Như thế, Địa Tạng Bồ Tát tâm đại từ bi, cứu vớt tội khổ chúng sinh,giúp họ sinh vào nhân thiên, thọ diệu lạc.

từ là ban vui, **(đại) bi** giúp cho hết khổ.

Bồ Tát có thể giúp chúng ta được sinh lên cõi trời người và đắc pháp khí, hưởng diệu lạc.

Lời Kinh:

Những chúng sinh ấy, biết nghiệp đạo khổ, nên khi thoát ly được rồi thì không bao giờ còn dám trở lại. Như kẻ lạc đường, lầm vào đường hiểm, gặp thiện tri thức dẫn ra rồi thì không bao giờ trở vào đó. Gặp ai khác, biết khuyên can đừng đi vào, bằng cách tự nói chính mình đã lầm vào đó và rõ biết là đường hiểm; nay ra được rồi thì không dám vào lại nữa. Nếu kẻ nào vẫn trở lại chỗ hiểm nạn đó, ấy là vì còn mê muội, không nhớ là đường hiểm mà trước đây mình đã lạc vào, nên có thể mất mạng. Khác nào kẻ đọa ác thú, được Địa Tạng Bồ Tát dùng năng lực phương tiện giúp giải thoát, sinh lên nhân thiên, nhưng lại tiếp tục mê lầm sa vào đường dữ. Nếu nghiệp kết quá nặng thì ở mãi trong địa ngục, không biết bao giờ thoát khỏi.

Lời giảng:

Những chúng sinh ấy, biết nghiệp đạo khổ, nên khi thoát

ly được rồi thì không bao giờ còn dám trở lại.

thoát ly 脫出得離 nghĩa là thoát khỏi và xa lìa các **nghiệp đạo khổ** (tam ác đồ).

Như kẻ lạc đường, lầm vào đường hiểm, gặp thiện tri thức dẫn ra rồi thì không bao giờ trở vào đó. Gặp ai khác, biết khuyên can đừng đi vào, bằng cách tự nói chính mình đã lầm vào đó và rõ biết là đường hiểm; nay ra được rồi thì không dám vào lại nữa.

Không những thoát được mà lại còn báo những **ai khác** không nên dùng **đường** ấy.

Quán Phật Tam Muội Kinh 觀佛三昧經 nói: Bồ Tát mắng ngạ qủy : những đời trước, trải qua vô số kiếp, các ngươi đã tạo ra vô biên nghiệp, phỉ báng Tam Bảo vì không có lòng tin, đã đọa vào địa ngục A tỳ, chịu đủ các loại thống khổ không thể kể xiết. Nay, quí vị nên phát tâm từ bi. Sau khi nghe, chúng ngạ qủy nói: "Nam mô Phật". Nhờ thế cuối đời, chúng nó được sinh lên cõi Trời Tứ Thiên Vương.

Nếu kẻ nào vẫn trở lại chỗ hiểm nạn đó, ấy là vì còn mê muội, không nhớ là đường hiểm mà trước đây mình đã lạc vào, nên có thể mất mạng. Khác nào kẻ đọa ác thú, được Địa Tạng Bồ Tát dùng năng lực phương tiện giúp giải thoát, sinh lên nhân thiên, nhưng lại tiếp tục mê lầm sa vào đường dữ. Nếu nghiệp kết quá nặng thì ở mãi trong địa ngục, không biết bao giờ thoát khỏi.

Mặc dầu đã hiểu biết hơn, nhưng đôi khi vì **nghiệp kết quá**

nặng khiến hắn ta mê muội trở lại, không thể nhận được **đường hiểm** nên lại bị đọa.

Lời Kinh:

Lúc ấy chúa qủy Ác Độc chắp tay cung kính thưa: Bạch đức Thế Tôn! Chúa qủy như chúng con số lượng nhiều lắm. Tại châu Diêm Phù, có kẻ giúp ích cho người, có kẻ gây họa cho người, việc làm khác nhau. Nhưng vì nghiệp báo, thuộc hạ của chúng con đi đến đâu cũng làm việc ác nhiều hơn điều thiện. Tuy nhiên, nếu họ qua nhà cửa ai, hoặc đô thị làng xóm hay trang trại phòng ốc nào mà có kẻ, hoặc nam hoặc nữ, biết làm nghiệp lành dầu bằng tơ tóc, cho đến treo một tràng phan hoặc một bảo cái, sắm một ít hương hay một ít hoa mà cúng dường tượng Phật hay tượng Bồ Tát, hoặc đọc tụng tôn kinh, đốt hương, cúng dường một câu kinh hay một bài kệ thì những chúa quỉ như chúng con vẫn kính lạy những người ấy như kính lạy chư Phật trong quá khứ hiện tại và vị lai.

Lời giảng:

Lúc ấy chúa qủy Ác Độc chắp tay cung kính thưa: Bạch đức Thế Tôn! Chúa qủy như chúng con số lượng nhiều lắm. Tại châu Diêm Phù, có kẻ giúp ích cho người, có kẻ gây họa cho người, việc làm khác nhau. Nhưng vì nghiệp báo, thuộc hạ của chúng con đi đến đâu cũng làm việc ác nhiều hơn điều thiện.

Bảo hộ những người làm việc thiện.

chúa qủy Ác Độc có thể rất hung tợn nhưng trước Đức Thế

Tôn thì không dám.

Chánh xứ 正處: 500 do tuần dưới Nam châu, thuộc sự chỉ huy của Diêm Vương, là nơi trú ngụ của quyến thuộc họ. Những kẻ có oai đức 威德者thì trụ trong núi, thung lũng, không trung hoặc đại dương: tất cả đều có lâu đài. Những kẻ thiếu oai đức thì phải chui rúc nơi dơ bẩn, cỏ, cây, hoặc mồ mã. Một số không có nơi nương tựa.

Trong Trường A Hàm, đức Phật dạy A Nan đà: các người đàn ông và đàn bà lúc ra đời có nhiều qủy thần bao vây mà bảo vệ. Tại sao có người lại bị qủy thần não hại và có người lại không bị? Bởi vì có những kẻ làm việc phi pháp 非法, tâm đầy tà kiến, tạo thập ác. Những người như thế thì trong 100 người có thể có một thần hộ pháp. Ngược lại, đối với những kẻ hành thiện pháp, có chánh kiến, có lòng tin, và tu thập thiện, một người như thế có thể được 100 hoặc 1.000 thần hộ pháp. Cho nên, tác thiện thì làm lợi ích cho nhiều người xung quanh hơn, mà tác ác thì hại nhiều người xung quanh hơn.

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: Vì tham lam, ganh tỵ, tà ác, gian lận, nói dối, hoặc quanh co để tích tập tài sản và không chịu bố thí, thì trong tương lai sẽ thành quỉ.

Những qủy vương và quyến thuộc, **có kẻ giúp ích cho người, có kẻ gây họa cho người**. Họ giúp ích cho chúng sinh để khuyến khích họ. Họ hảm hại chúng sinh để điều phục họ. Tất cả đều tương ưng với quả báo của nghiệp cũ, nên mới nói **làm việc ác nhiều hơn điều thiện**.

Âm thầm tạo thiện 造善於幽, quả báo sẽ hiển hiện ra 得報於顯. Đó gọi là âm đức 世謂陰德: không thấy được. Mọi người sẽ tin tưởng quí vị. Công khai tạo thiện 造善於顯 (có tính cách phô trương), thì quả báo lại ẩn núp 得報於幽斯理灼然. Làm sao mà không tin được 寧不信耶?

Vì thế, thánh nhân hiện phước để khuyến khích chúng ta hành thiện 故聖人陣福以勸善 và hiện tai họa để can ngăn làm ác 示禍以戒惡. Tất cả các thiện và ác đều có nguyên nhân, nếu thiếu chánh nhân, chúng sẽ không xảy ra.

Trong Trường A Hàm, đức Phật bảo A Nan Đà: Nhà của mọi người đều có qủy thần, không có chỗ nào trống cả.

Tuy nhiên, nếu họ qua nhà cửa ai, hoặc đô thị làng xóm hay trang trại phòng ốc nào mà có kẻ, hoặc nam hoặc nữ, biết làm nghiệp lành dầu bằng tơ tóc, cho đến treo một tràng phan hoặc một bảo cái, sắm một ít hương hay một ít hoa mà cúng dường tượng Phật hay tượng Bồ Tát, hoặc đọc tụng tôn kinh, đốt hương, cúng dường một câu kinh hay một bài kệ thì những chúa quỉ như chúng con vẫn kính lạy những người ấy như kính lạy chư Phật trong quá khứ hiện tại và vị lai.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, có một cư sĩ Ấn Độ nhặt cành hoa (Am ma la hoa 菴摩羅花) trên đường. Ông ta vào chùa, tưởng niệm công đức Như Lai và dâng hoa cho hình tượng Phật Thích Ca. Sau đó, ông ta hỏi thầy tri khách: "Cúng hoa có lợi ích gì?" Sư đáp: "Tôi không biết, chúng ta

nên đến hỏi vị thầy thường đọc kinh sách". Vị sư này đáp: "Tôi chưa mở thiên nhãn, xin đi hỏi vị La Hán tu thiền. Vị A la hán nhập định và quan sát thấy người cúng hoa sẽ được sinh lên cõi Trời hưởng thụ thiên phước cả 80.000 đại kiếp vẫn chưa hết. Vị La Hán phải lên trời Đâu Suất hỏi Di Lặc Bồ Tát và được đáp rằng: "Phật điền vô tận và vô thượng, có thể tạo ra vô biên phước báo. Ngay chính tôi cũng không biết. Cả vạn Bồ Tát Đẳng Giác cũng không thể biết được. Chỉ có chư Phật mới biết được!"

Đại Phẩm 大品 nói: Thảy hoa lên không trung (để cúng dường) 一華散空 có thể liễu khổ 乃至畢苦. Phước báo vô tận 其福不盡. Luận nói: thuyết giảng liễu khổ 言至畢苦者, tức là tận hai tử 二死盡也. Phước dâng hoa cúng Phật thì vô tận có thể khiến thành Phật 蓋言成佛散華之福 • 猶尚不盡.

Còn những loại cúng dường khác: như một câu 句 hoặc một kệ 偈, khiến tăng tiến đến Bồ Đề 增進菩提. Ngay cả dâng một vật hoặc hương 一色一香 thì sẽ vĩnh viễn bất thối chuyển Bồ Đề 永不退轉.

Vấn: Quỉ là thứ tà ác, tại sao lại cung kính những người chỉ làm một ít thiện thôi?

Đáp: Chư Phật thành Đạo nhờ tu thiện Pháp. Vì chúng sinh tác thiện, tức là trồng chủng tử Phật nên khiến bọn họ kính trọng.

Lời Kinh:

Chúng con lại hạ lịnh cho những quỉ nhỏ nhưng có thần lực, cho kẻ có trách nhiệm về khu vực ấy, vây quanh và hộ vệ, làm cho việc dữ, việc ngang trái, bịnh dữ và bịnh hiểm độc, cho đến mọi sự không vừa ý, đều không đến gần được những chỗ họ ở, huống chi để cho xâm nhập vào nhà.

Lời giảng:

Chúng con lại hạ lịnh cho những quỉ nhỏ nhưng có thần lực, cho kẻ có trách nhiệm về khu vực ấy, vây quanh và hộ vệ, làm cho việc dữ, việc ngang trái, bịnh dữ và bịnh hiểm độc, cho đến mọi sự không vừa ý, đều không đến gần được những chỗ họ ở, huống chi để cho xâm nhập vào nhà.

việc dữ 惡事: là những chuyện ngoài ý muốn, như cháy nhà hoặc các sự bất hạnh xảy mà không biết trước gì cả.

việc ngang trái 橫事 như tai nạn xe cộ, rớt máy bay hoặc xe lửa trật đường rầy.

bịnh dữ và bịnh ngang trái 惡病橫病 là những bịnh có thể chết. Đây gồm có các bịnh nan y.

cho đến mọi sự không vừa ý 乃至不如意事 chỉ việc xui xẻo.

Những người tạo công đức, cúng dường Tam Bảo và người tu hành gặp chuyện tốt vì ác sự không thể đến chỗ ở của họ.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn khen chúa quỉ Ác Độc: Lành thay, lành thay! Các người với Diêm la ủng hộ những thiện nam nữ được như vậy. Như Lai cũng báo Phạm Vương và Đế Thích, bảo hộ cho các người.

Khi ấy, trong pháp hội có một chúa quỉ, tên Chủ Sinh Mạng, thưa với Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bổn nghiệp duyên của con là chủ trì sinh mạng của người Diêm Phù. Lúc sinh cũng như lúc chết, con chủ trì cả. Bản nguyện của con rất muốn làm ích lợi cho họ. Nhưng tự họ không biết ý con, nên khi sinh và khi chết đều không yên. Tại sao vậy?

Lời giảng:

Đức Thế Tôn khen chúa quỉ Ác Độc: Lành thay, lành thay! Các người với Diêm la ủng hộ những thiện nam nữ được như vậy. Như Lai cũng báo Phạm Vương và Đế Thích, bảo hộ cho các người.

Phạm vương và Đế thích làm chủ của Sơ Thiền thiên và Đao Lợi Thiên. Họ chăm sóc cho chúng ta như vua tốt thường nên làm.

Khi ấy, trong pháp hội có một chúa quỉ, tên Chủ Sinh Mạng, thưa với Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bổn nghiệp duyên của con là chủ trì sinh mạng của người Diêm Phù. Lúc sinh cũng như lúc chết, con chủ trì cả. Bản nguyện của con rất muốn làm ích lợi cho họ. Nhưng tự họ không biết ý con, nên khi sinh và khi chết đều không yên. Tại

sao vậy?

Chủ Sinh Mạng phụ trách mạng sống loài người.

Dầu họ có oai đức 威德 nhưng các qủy vương vẫn phải tuân lời chư thiên.

không biết ý con: chính họ tự tạo ra tai họa cho mình chứ không phải con (lời của quỉ vương phân trần).

Khi còn sống nếu có hành động cung kính, thuận Đạo, và có oai nghi: thì sẽ ảnh hưởng tốt cho mạng sống và được hạnh phúc. Hành thiện kéo dài mạng sống, tác ác khiến ngắn lại.

Lời Kinh:

Vì người Diêm phù mới sinh con, không kể nam nữ, hoặc lúc sắp sinh thì chỉ nên làm lành, để tăng lợi cho nhà cửa, làm thổ địa rất hoan hỷ, ủng hộ cả mẹ lẫn con, được đại an lạc, ích lợi quyến thuộc. Lúc sinh rồi thì phải hết sức thận trọng, tránh sự sát sinh để kiếm vị tươi cung cấp cho sản phụ ăn, tránh tụ tập thân quyến uống rượu ăn thịt, ca hát đàn thổi. Nếu làm như vậy thì cả mẹ lẫn con không được yên vui.

Lời giảng:

Vì người Diêm Phù mới sinh con, không kể nam nữ, hoặc lúc sắp sinh thì chỉ nên làm lành, để tăng lợi cho nhà cửa, làm thổ địa rất hoan hỷ, ủng hộ cả mẹ lẫn con, được đại an lạc, ích lợi quyến thuộc;

Lúc **mới sinh**, nên làm thiện hạnh- hành động có lợi cho người khác- khiến một luồng ánh sáng cát tường chiếu lên và bảo vệ nhà cửa. Như vậy thần thổ địa sẽ vui mừng và phát tâm bảo vệ gia đình. Những hạng thần **thổ địa** bàn tại đây thuộc cấp thấp, và mỗi người cai quản vùng của mình. Họ thành hạng qủy đó vì chỉ thích hành thiện nhưng không thích tu hành.

làm lành tức là làm lợi cho chúng sinh chứ không phải làm lợi cho bản thân mình.

Lúc sinh rồi thì phải hết sức thận trọng, tránh sự sát sinh để kiếm vị tươi cung cấp cho sản phụ ăn, tránh tụ tập thân quyến uống rượu ăn thịt, ca hát đàn thổi. Nếu làm như vậy thì cả mẹ lẫn con không được yên vui.

vị tươi 鮮味 như mua gà sống, vịt tươi và cá sống mà nấu ăn.

uống rượu: đoạn chủng tử trí huệ.

ăn thịt: cắt đứt chủng tử từ bi.

ca hát đàn thổi: khiến tâm thần mê mẫn.

Vân Tê đại sư 云棲大師曰 nói: Khi sinh con cái thì không nên sát sinh. Người không con thì khổ sở, kẻ có con thì sung sướng. Loài người không hiểu rằng chim chóc và súc vật cũng biết thương con. Làm tiệc mừng con ra đời mà giết con của chúng sinh: như thế thì làm sao mà yên vui được?

Lời Kinh:

Tại sao? Bởi vì lúc sinh nở có vô số ác quỉ, võng lượng và tinh mị, muốn ăn huyết hôi tanh; con đã sớm ra lịnh linh kì cho thổ địa, nên họ lo hộ vệ cho mẹ con nhà ấy, khiến được an lạc và lợi ích. Bọn họ, vì thấy an lạc, thì lẽ ra phải biết làm phước, để đáp tạ thổ địa, ngược lại, sát hại và tụ tập quyến thuộc, yến tiệc ăn mừng. Làm như vậy là phạm tội và phải tự chịu tai họa, mẹ con nhà ấy cùng bị thương tổn.

Lời giảng:

Tại sao? Bởi vì lúc sinh nở có vô số ác quỉ, võng lượng và tinh mị, muốn ăn huyết hôi tanh.

võng lượng và tinh mị bao gồm tinh quái của núi và nước: có rất nhiều loại. Họ đến tranh giành đồ ăn, không khác gì chim kên kên hoặc súc vật ăn xác thối. Quí vị có bao giờ thấy linh cẩu vây quanh xác chết mà giành ăn không?

con đã sớm ra lịnh linh kỳ cho thổ địa, nên họ lo hộ vệ cho mẹ con nhà ấy, khiến được an lạc và lợi ích.

Loài người không biết rằng sinh sản thành công là nhờ vị chúa qủy này giúp. Thật ra, khi đứa trẻ ra đời, thiên thần rất hứng thú, cung kính hát 1.600 âm thanh 唱奉一千六百聲.

Bọn họ, vì thấy an lạc, thì lẽ ra phải biết làm phước, để đáp tạ thổ địa, ngược lại, sát hại và tụ tập quyến thuộc, yến tiệc ăn mừng. Làm như vậy là phạm tội và phải tự chịu tai họa, mẹ con nhà ấy cùng bị thương tổn.

Có những quỉ dạ xoa và la sát thích ăn bào thai loài người khiến họ không thể có con. Hoặc có thể hại họ trong thời kỳ thai nghén hoặc giết hài nhi khi mới sinh ra. Đó chẳng qua là quả báo của nghiệp sát sinh, không phải vì thần thổ địa không chịu bảo vệ.

Lời Kinh:

Lại nữa, người Diêm Phù khi sắp chết, bất cứ họ là thiện hoặc ác, con đều muốn giúp họ khỏi đọa ác đạo. Nếu họ tự biết làm lành thì tăng thêm năng lực cho con. Tại châu Diêm Phù này, những người biết làm lành khi sắp chết, vẫn có trăm ngàn ác đạo quỉ thần, hoặc biến làm cha mẹ cho đến chư quyến thuộc, dẫn tiếp người chết, làm họ sa vào ác đạo, huống gì những kẻ vốn chỉ biết làm ác.

Lời giảng:

Lại nữa, người Diêm Phù khi sắp chết, bất cứ họ là thiện hoặc ác, con đều muốn giúp họ khỏi đọa ác đạo. Nếu họ tự biết làm lành thì tăng thêm năng lực cho con.

tự biết làm lành thì tăng thêm năng lực cho con nên công việc của con dễ dàng hơn một tí.

Tại châu Diêm Phù này, những người biết làm lành khi sắp chết, vẫn có trăm ngàn ác đạo quỉ thần, hoặc biến làm cha mẹ cho đến chư quyến thuộc, dẫn tiếp người chết, làm họ sa vào ác đạo, huống gì những kẻ vốn chỉ biết làm ác.

Lúc lâm chung, ngay cả người làm thiện cũng bị ác qủy thần hành hạ. Nếu vậy thì kẻ làm ác sẽ còn bị tệ hại hơn nữa.

Qủy thần có ngũ thông. Chúng nó có thể dùng thần thông để giả làm thân nhân để giao động tinh thần người sắp chết và dẫn họ đi theo chúng về ác đạo.

Trong Đại Luận Dẫn Phân Biệt Nghiệp Kinh A 大論引分別業經啊, đức Phật nói với A Nan Đà: Ngay những người tu thiện cả một cuộc đời cũng có thể sinh vào cõi dữ. Tương tự như vậy, người ác cũng có thể sinh vào cõi thiện. Phải coi loại nghiệp cũ nào chín mùi lúc lâm chung!

Tịnh Độ Tam Muội Kinh 淨土三昧經 nói: sinh vào cõi Trời hoặc địa ngục, mỗi cõi sẽ có nhân viên tiếp đón khác nhau. Khi bịnh và sắp chết thì có thể thấy được những nhân viên đó. Nếu như đáng lên Trời thì sẽ thấy thiên thần mặc thiên y đem thiên nhạn đến. Nếu như phải đọa địa ngục, sẽ thấy lính địa ngục cầm binh khí đến bao vây. Hiện tướng có khác biệt vì mỗi người phải chịu quả báo khác nhau.

Lời Kinh:

Bạch đức Thế Tôn! Những kẻ nam nữ ở Diêm Phù, lúc sắp chết, thần thức hôn mê, không biết phân biệt thiện ác, ngay đến mắt tai cũng không thấy nghe. Những quyến thuộc của họ, đáng lý nên thiết đại cúng dường, tụng tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật Bồ Tát. Những thiện duyên này có năng lực làm cho người chết thoát khỏi chư ác đạo, làm cho chúng ma quỉ thần đều lùi bước và tản mất.

Lời giảng:

Bạch đức Thế Tôn! Những kẻ nam nữ ở Diêm Phù, lúc sắp chết, thần thức hôn mê, không biết phân biệt thiện ác, ngay đến mắt tai cũng không thấy nghe. Những quyến thuộc của họ, đáng lý nên thiết đại cúng dường, tụng tôn kinh, niệm danh hiệu của Phật Bồ Tát.

thần thức là đệ bát thức hoặc trung ấm thân.

hôn mê nghĩa là tâm mờ mịt vì thức đã rời thân rồi mà vẫn chưa biết rằng mình đã chết.

Lúc lâm chung, tứ đại tản mát, chúng ta không còn có thở được nữa, thân thể lạnh cóng, các giác quan không hoạt động, các thức không còn có thể phân biệt được nữa. Ví dụ, tai vẫn còn đó nhưng không nghe được gì cả, lúc này tâm không biết gì cả.

Kinh Niết Bàn nói: có một người đang chết. Thân thuộc bạn bè vây quanh giường, khóc lóc thảm thiết. Người hấp hối kinh hoàng và không biết cầu cứu ở đâu. Ông ta không cảm giác được thân thể nữa, có cảm tưởng rằng có thể di động tứ chi nhưng lại không thể tự ngồi dậy. Thân thể có vẻ như giả tạo và sự lạnh lẽo xua đuổi hơi ấm đi, hơi thở như muốn ngừng.

Bên Trung Hoa, có truyền thống thỉnh tăng **tụng tôn kinh** hoặc **niệm danh hiệu của Phật Bồ Tát** cho người quá cố trong vòng bảy tuần. Ví dụ, sau khi ngài Hư Vân qua đời, đại chúng tạo ra hơn 160 ngày công đức. Họ tụng toàn bộ Kinh Bát Nhã, một việc chưa bao giờ được làm trước đó, từ khi Phật Thích Ca nhập Diệt. Đó là thiết lập **đại cúng dường**.

Trong thời gian này, trung ấm thân hỗn loạn và không biết rằng đã chết. Nó không thể phân biệt thiện ác và không có cảm giác gì cả. Đây là lúc mà những người còn sống nên lập đại công đức để giúp người mới chết.

Những thiện duyên này có năng lực làm cho người chết thoát khỏi chư ác đạo, làm cho chúng ma quỉ thần đều lùi bước và tản mất.

Vì thế nên Phật tử có truyền thống dùng pháp 49 ngày để trồng thiện duyên giúp thân nhân quá cố đắc vãng sinh. Chúng tôi chủ trương nên cải tiến pháp trợ vãng sinh này để giúp họ có nhiều cơ hội đắc vãng sinh hơn. Xin đón xem Kinh Phật Thuyết A Di Đà của bổn tự hoặc các sách Tịnh Độ khác như Cẩm Nang Tịnh Độ để biết thêm chi tiết.

Lời Kinh:

Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy chúng sinh khi sắp chết, nếu được nghe một danh hiệu Phật đà, một danh hiệu Bồ Tát, hoặc một câu đủ nghĩa hay một bài kệ của kinh điển Đại thừa, thì con thấy những người ấy, ngoại trừ năm tội vô gián thì, các ác nghiệp nhỏ hơn, đáng lẽ làm cho họ đọa ác thú, thì tức khắc được giải thoát.

Lời giảng:

Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy chúng sinh khi sắp chết, nếu được nghe một danh hiệu Phật đà, một danh hiệu Bồ Tát, hoặc một câu đủ nghĩa hay một bài kệ của kinh điển Đại thừa, thì con thấy những người ấy, ngoại trừ năm tội vô gián thì, các ác nghiệp nhỏ hơn, đáng lẽ làm cho họ đọa ác

thú, thì tức khắc được giải thoát.

khi sắp chết chỉ lúc hơi ấm, hơi thở, và thần thức đã ngừng.

Đại Phẩm 大品 nói: Nếu có người niệm Phật một lần thì có thể giúp liễu khổ. Phước đức được tạo ra vô biên. Tại sao? Vì nghe hồng danh Phật có thể cứu độ sinh, lão, bịnh và tử.

Kinh nói rằng: Nghe được hồng danh Phật Bồ Tát có thể giúp chúng ta thoát được tất cả các tội trạng trừ ra **năm vô gián tội**. Tội nặng như thế thì phải trả tại địa ngục A tỳ. Ngược lại, cũng có thể giải thích rằng ngay cả ngũ nghịch cũng có thể được tiêu trừ. Nếu có thể sinh một niệm cực chí thành lúc lâm chung, tất cả các nghiệp đều có thể tiêu trừ. Vấn đề là không dễ làm đâu.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy chúa quỉ Chủ Sinh Mạng: Chính vì lòng đại từ, ông mới có thể phát ra đại thệ như vậy; nguyện ở trong sinh tử mà hộ chư chúng sinh. Trong thời vị lai, khi có người nam nữ hoặc sinh hoặc tử, ông đừng thối nguyện này, hãy giúp khiến họ được giải thoát, mãi mãi an lạc.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy chúa quỉ Chủ Sinh Mạng: Chính vì lòng đại từ, ông mới có thể phát ra đại thệ như vậy; nguyện ở trong sinh tử mà hộ chư chúng sinh. Trong thời vị lai, khi có người nam nữ hoặc sinh hoặc tử, ông đừng thối nguyện này, hãy giúp khiến họ được giải thoát, mãi mãi an lạc.

Đức Thế tôn dạy chúa quỉ Chủ Sinh Mạng nên giữ lời **nguyện**, nhất là lúc lâm chung của chúng sinh dầu họ tạo hay không tạo ác nghiệp, hoặc là đại hoặc tiểu gian ác. Chúa quỉ hứa sẽ cứu họ thoát khỏi tam ác đồ, khiến họ sinh cõi Trời người để hưởng an lạc.

đại từ: như tâm của Phật; **đại thệ**: như tâm của Bồ Tát.

Lời Kinh:

Chúa quỉ Chủ Sinh Mạng bạch đức Thế Tôn: Xin đức Thế Tôn đừng ưu tư. Con nguyện suốt đời này, niệm niệm ủng hộ Diêm phù chúng sinh, làm cho họ lúc sinh cũng như lúc chết đều được an ổn. Con chỉ mong mọi chúng sinh, lúc sinh hay lúc tử, tin thọ lời con, thì không ai mà không được giải thoát và được đại ích lợi.

Lời giảng:

Chúa quỉ Chủ Sinh Mạng bạch đức Thế Tôn: Xin đức Thế Tôn đừng ưu tư. Con nguyện suốt đời này, niệm niệm ủng hộ Diêm phù chúng sinh, làm cho họ lúc sinh cũng như lúc chết đều được an ổn. Con chỉ mong mọi chúng sinh, lúc sinh hay lúc tử, tin thọ lời con, thì không ai mà không được giải thoát và được đại ích lợi.

Chúa quỷ này cực kỳ độc lập và thường làm theo ý thích. Nếu ông ta muốn một người sống thì người đó tiếp tục sống. Nếu ông ta muốn người nào chết thì người đó phải chết. Vì sinh mạng chúng ta trong tay ông, nếu ông ta là kẻ tham nhũng như những quan lại tham ô trên thế giới này, thì chắc sẽ có rất nhiều người đến cầu cạnh lo lót cho ông.

Trong thời của Pháp sư Đạo Sinh 道生, chúa qủy này đến nghe giảng kinh. Ngài Đạo Sinh khuyên ông ta nên làm người. Qủy đáp: "Tôi đã có thân qủy 3.000 năm rồi, được hoàn toàn vô ưu vô tư. Sinh Công nói tôi nên thành người, nhưng tôi cảm thấy không làm được. Tôi sẽ tạo ra rất nhiều nghiệp và đọa vào những cảnh giới tệ hơn bây giờ nhiều. Tôi nghĩ rằng tốt hơn là cứ làm qủy." Đó không khác gì câu ca dao Trung Hoa: "Người ăn mày khất thực ba năm thì sẽ không muốn làm quan."

Chúa qủy xưng thầy là "Sinh Công 生公." Đây là phong tục dùng một chữ của tên rồi gắn theo chữ công để bày tỏ lòng đại cung kính. Chúng ta có thể dùng bất cứ chữ nào trong tên tùy theo chữ nào thuận khẩu hơn.

Nhưng danh từ Hòa Thượng lại còn cung kính hơn nữa và nên dùng thay vì dùng chữ công khi đúng lúc. Nhất là, khi hầu chuyện với Hòa Thượng thì không nên chăm chú nhìn mặt: ngược lại nên thâu nhiếp thân tâm 收攝身心, như chú ý vào đan điền theo như phương pháp luyện công của chúng ta.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn nói với Địa Tạng Bồ Tát: Chúa quỉ Chủ Sinh Mạng này từng đã trăm ngàn đời làm đại chúa quỉ, ở trong sinh tử mà ủng hộ chúng sinh. Vì nguyện từ bi mà vị đại sĩ này hiện thân đại quỉ, thật không phải quỉ đâu. Sau này, qua một trăm bảy chục kiếp nữa, sẽ thành Phật với danh hiệu Vô Tướng Như Lai, thời kỳ tên An Lạc, quốc độ tên Tịnh Trú, thọ mạng bất khả tính kiếp. Địa

Tạng! Việc của đại chúa quỉ này bất khả tư nghì, những nhân thiên được độ cũng bất khả hạn lượng.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn nói với Địa Tạng Bồ Tát: Chúa quỉ Chủ Sinh Mạng này từng đã trăm ngàn đời làm đại chúa quỉ, ở trong sinh tử mà ủng hộ chúng sinh. Vì nguyện từ bi mà vị đại sĩ này hiện thân đại quỉ, thật không phải quỉ đâu.

Đây là một ví dụ điển hình của ẩn đại thị tiểu, giấu cái lớn mà chỉ lộ ra cái nhỏ, để cứu độ chúng sinh.

Sau này, qua một trăm bảy chục kiếp nữa, sẽ thành Phật với danh hiệu Vô Tướng Như Lai, thời kỳ tên An Lạc, quốc độ tên Tịnh Trú, thọ mạng bất khả tính kiếp.

thời kỳ tên An lạc 安樂劫: trong lúc này chúng ta ở Hiền kiếp. Lúc làm qủy thì không hưởng thụ được an lạc vì thường bị sai khiến. Chúa qủy lúc trước thường ở các chốn bất tịnh. Sau khi thành Phật, thế giới tên Tịnh Trú.

Vô Tướng: nghĩa là không có tướng sinh 生, trụ 住, dị 異 và diệt 滅. Ngay cả tướng cũng không có. Mặc dầu chúa qủy chứng đắc vô tướng từ qủy tướng, từ tướng khủng khiếp (Diệu Hữu) ông ta tiến tới Chân Không (Vô Tướng).

Địa Tạng! Việc của đại chúa quỉ này bất khả tư nghì, những nhân thiên được độ cũng bất khả hạn lượng.

Vì thế chúng sinh không nên quá chấp tướng.

Phẩm 9: Xưng Tụng Danh Hiệu Chư Phật

Các phẩm trước bàn về nhân duyên cứu độ chúng sinh. Từ chương này đến hết, chúng ta bàn về nhân thành Phật. Tên của phẩm: Xưng Phật Danh Hiệu Phẩm 稱佛名號品, xưng 稱 nghĩa là niệm 念.

Phàm phu niệm Phật. Hồng danh ngài đại biểu cho công đức. Sau khi niệm hồng danh ngài một thời gian, thì chúng ta sẽ ý thức được công đức của ngài. Rồi y theo đó tu hành, để rốt ráo thành tựu. Nói tóm lại, niệm Phật là chánh nhân để đắc Bồ Đề vì có thể tạo vô lượng công đức.

Chư Phật vốn có vạn danh hiệu riêng biệt, nhưng vì không ai có thể nhớ được nên phải bớt xuống còn ngàn danh hiệu. Rồi lại phải bớt xuống còn trăm danh hiệu vì đa số người vẫn không thể nhớ được. Cuối cùng thì phải bớt xuống thành mười. Mười danh hiệu chung của chư Phật đã được giải thích tại phẩm bốn. Đó là: Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Lời Kinh:

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát khi ấy thưa rằng : Bạch đức Thế Tôn ! Bây giờ con xin vì những người trong đời vị lai mà nói đến một sự ích lợi. Trong sinh tử, đều được đại ích lợi. Thỉnh cầu đức Thế Tôn nghe con.

Lời giảng:

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát khi ấy thưa rằng : Bạch đức Thế Tôn ! Bây giờ con xin vì những người trong đời vị lai mà nói đến một sự ích lợi. Trong sinh tử, đều được đại ích lợi. Thỉnh cầu đức Thế Tôn nghe con.

Cứu độ chúng sinh vì tâm từ bi là động cơ thúc đẩy ngài.

Phật Thuyết Tứ Bất Khả Đắc Kinh 佛說四不可得經 nói: thế gian có bốn việc không thể đắc:

1. Trẻ trung, dung nhan hồng hào 年幼, 顏色煒燁, mọi người thương kính 眾人愛敬. Chúng ta tự nhiên sẽ trở nên già, tóc bạc và răng rụng. Những ai mong luôn luôn trẻ trung không già 欲使常少不老, rốt cuộc không thể có được 終不可得.
2. Thân thể cường tráng 身體強健. Người khỏe mạnh bỗng nhiên có thể bị bịnh nan y 為謂毫強疾病卒至 • 眾患難癒. Muốn được thường an lạc và miễn bịnh 欲免常安無病, rốt cuộc không thể có được 終不可得.
3. Muốn sống thọ 欲求長壽. Nếu ngũ dục còn bừng cháy như gió thổi mây 五欲永存 • 非常對至 • 如風吹雲, những ai mong trường sinh 冀念長生 rốt cuộc không thể có được 終不可得.
4. Có đầy đủ cha mẹ anh em, vợ chồng xum họp an lạc

父母兄弟・恩愛榮樂. Nhưng khi nghiệp cũ bỗng đến 宿對卒至, thì giống nước sôi làm tan tuyết 如湯消雪. Mong cầu bất tử 欲求不死 rốt cuộc không thể có được.

Từ xưa đến nay, qua biết bao nhiêu lần tạo thiên lập địa, không thể tránh bốn nạn này. Vì có bốn nạn này nên chư Phật xuất thế. Nếu thật sự muốn thoát bốn nạn này thì không có gì hay hơn niệm Phật để cầu về xứ Phật.

Đại Tích 大集 nói: Nếu bỏ một tháng ra để bố thí áo quần và thức ăn cho tất cả các chúng sinh, thì vẫn thua người niệm Phật một lần. Công đức niệm Phật đó hơn 16 lần công đức cúng dường. Cũng vậy chúng ta dùng vàng đúc thành tượng người và để lên xe cùng các châu báu để bố thí. Công đức này còn thua phát Bồ Đề tâm và tinh tấn bước về hướng đó. Công đức này thật vô biên.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy Địa Tạng Bồ Tát: Ngươi vì lòng từ bi nên muốn cứu vớt tất cả tội khổ chúng sinh trong lục đạo, mà định nói đến sự bất khả tư nghị thì thật đúng lúc, nên nói ngay đi. Như Lai sắp nhập Niết Bàn; thệ nguyện của ngươi sớm được hoàn tất, thì Như Lai hết phải lo âu về hiện tại và vị lai chúng sinh.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy Địa Tạng Bồ Tát: Ngươi vì lòng từ bi nên muốn cứu vớt tất cả tội khổ chúng sinh trong lục đạo, mà định nói đến sự bất khả tư nghị thì thật đúng lúc, nên

nói ngay đi. Như Lai sắp nhập Niết Bàn.

Đức Phật hứa khả lời thỉnh cầu của Bồ Tát.

thật đúng lúc: Kinh này được giảng sau Kinh Pháp Hoa và trước Kinh Niết Bàn. Phật khen Đại sĩ hỏi đúng lúc vì ngài muốn giảng giải vấn đề này trước khi ngài ra đi.

Niết Bàn là nơi ở của chư Phật. Đại sư Huyền Trang dịch là "Viên tịch 圓寂": không thiếu một đức nào nên gọi là viên; không còn một chướng ngại nào nên gọi là tịch. Đó cũng là chốn an toàn và yên lành cho tất cả các chúng sinh. Phật Thích Ca bỏ 49 năm thuyết Pháp tại hơn 300 pháp hội. Những kẻ có thể được cứu độ đã được cứu độ. Những ai sẽ được cứu độ đã trồng thánh nhân. Bây giờ thì đuốc sắp tàn.

thệ nguyện của ngươi sớm được hoàn tất, thì Như Lai hết phải lo âu về hiện tại và vị lai chúng sinh.

Trong tất cả các pháp môn mà Thích Ca Mâu Ni Phật dạy, niệm Phật là một trong những pháp môn quan trọng, nhất là trong thời kỳ mạt pháp này. Pháp môn này có thể đem vô lượng chúng sinh qua bờ bên kia. Đó thật là từ hàng trong biển khổ.

Lời Kinh:

Địa Tạng Bồ Tát bạch đức Thế Tôn: Trong quá khứ, vô số a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Vô Biên Thân Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà sinh tâm tôn kính, dầu chỉ trong chốc lát, cũng siêu vượt được tội nặng sinh tử trong bốn mươi

kiếp, huống chi còn biết đắp vẽ hình tượng, cung kính và tán thán, người này đắc vô lượng vô biên phước.

Lời giảng:

Địa Tạng Bồ Tát bạch đức Thế Tôn: Trong quá khứ, vô số a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Vô Biên Thân Như Lai.

a tăng kỳ là một số lớn bên Ấn Độ.

Vô Biên Thân Như Lai: Vô biên là biệt hiệu; thân ngài rộng cho đến tận không gian và có khắp cả pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm nói: "*Phật chân pháp thân, do như hư không; ưng vật hiện hình, như thủy trung nguyệt* 佛真法身，猶如虛空；應物現形，如水中月 nghĩa là Pháp thân chân thật của Phật giống như hư không; ngài tùy theo ý nguyện chúng sinh mà hiện ra hình sắc, như mặt trăng hiện trên mặt nước".

Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà sinh tâm tôn kính, dầu chỉ trong chốc lát, cũng siêu vượt được tội nặng sinh tử trong bốn mươi kiếp,

sinh tâm tôn kính, dẫu chỉ trong chốc lát 暫生恭敬: Tạm thời 暫 nghĩa là không lâu. Sinh tâm 生: nghĩa là phát tâm. Tôn kính có hai phương diện:

1. Cung 恭: cung kính với thân, như ngước lên nhìn 謂束身翹仰.
2. Kính 敬: cung kính với tâm (hết sức tôn trọng, không

nghĩ gì khác cả 謂心無異緣).

Một tư tưởng cung kính có thể **siêu vượt** 超越 nghiệp nặng vì lý tính khai mở.

huống chi còn biết đắp vẽ hình tượng, cung kính và tán thán, người này đắc vô lượng vô biên phước.

Trồng phước với Tam Bảo thì sẽ được vô lượng lợi ích.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ Hằng hà sa kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Bảo Tánh Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà phát tâm qui y, thì dầu chỉ bằng thời gian khảy móng tay, người ấy đối với Vô Thượng Đạo cũng không còn thoái chuyển.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ Hằng hà sa kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Bảo Tánh Như Lai.

trong quá khứ Hằng hà sa kiếp 過去恆河沙劫 trước đây rất lâu, còn lâu hơn vị Phật đã đề cập ở trên.

Bảo Tánh: tự tính của ngài rất quí báu và cao cả 寶貴. Ngài có thể tùy duyên mà bất biến (ngài thị hiện ra các loại thân khắp pháp giới để cứu độ chúng sinh nhưng tự tính không đổi). Tuy không biến đổi mà vẫn có thể tùy duyên. Đây tượng trưng cho Pháp Thân. Bảo tính chỉ là bốn đức của Niết

Bàn: thường, tịnh, (chân) ngã và lạc. Liên Hoa Diện Kinh 蓮華面經 nói: tất cả chư Phật là châu báu của chúng sinh.

Vàng đứng đầu trong các bảo vì bốn lý do:

1. Sắc vô biến 色無變: màu không đổi.
2. Thể vô nhiễm 體無染: tính chất đơn thuần.
3. Chuyển tác vô ngại 轉作無礙: uốn nắn không hư.
4. Lệnh nhân phú 令人富: khiến giàu có.

Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà phát tâm qui y, thì dầu chỉ bằng thời gian khảy móng tay, người ấy đối với Vô Thượng Đạo cũng không còn thoái chuyển.

Nếu có người nghe danh hiệu ngài thì trong khoảnh khắc của búng ngón tay mà phát tâm muốn qui y thì sẽ không bao giờ thối chuyển trong vô thượng Đạo.

Tam Thừa Đại Sĩ 三乘大士 phải trải qua a tăng kỳ kiếp tu hành và có khi phải thối chuyển; pháp môn niệm Phật giúp đắc vị bất thối nội trong thời gian của khảy móng tay.
qui y: Hi Hữu Kinh 希有經 nói: Thiên hạ và trong lục Dục Thiên, đắc tứ quả thua qui y tự tánh Tam Bảo. Hơn nữa trong A Hàm Tạng, có câu kệ nói rằng những kẻ quy y sẽ không đọa tam ác thú.

không còn thoái chuyển: sẽ không thối chuyển vô thượng

Bồ Đề Đạo vì không bao giờ lìa tự tính, cũng như câu kệ trong Tam Qui Y: "Tự qui y Phật, đương nguyện chúng sinh thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm".

Có một tài liệu khá chuyên môn mà tôi kèm ở đây cho mọi người có thể tham khảo. 於無上道•永不退•此唯約圓教•纔(只)聞佛名•以根利故•或超入十信•即淨六根••或頓入初住•開佛知見••故位不退•從初信至七信•見思麤垢•任運先落•見圓真諦理••行不退•在八九十信•入假位中•起四門諸行•斷內外塵沙•備俗諦理••念不退•在圓初住去•念念進趣果海•任運流入真源.

Tức tốc đắc bất thối, làm sao có thể được? Đó cũng như đã có sẵn một viên trân châu được khâu trong áo. Bây giờ thì chỉ cần báo cho biết để sử dụng thì ngay lâp tức trở thành giàu có.

Câu chuyện về sức mạnh của sự thật "Act of truth": Lửa cháy đến chỗ ở của chư tăng. Họ hoảng sợ nên muốn xây đai trắng phòng lửa (ở rừng, cánh đồng cỏ...). Một số chạy đến đức Thế Tôn cầu cứu. Ngài chọn một chỗ và biểu họ đứng ở đó. Khi lửa cháy lan đến, thì tự tắt trong vòng chu vi khoảng "6 thước chiều dài". Hỏi Phật tại sao thì mới nghe về câu chuyện của sức mạnh của sự thật "Act of truth". Chỗ đó sẽ không bị cháy cả kiếp. Tại sao? Lúc trước Phật sinh làm chim cút. Chim cha mẹ thường mớm đút thức ăn. Một hôm nọ, có lửa cháy nên ngay cả cha mẹ chim đều bỏ chạy. Chim

cút nhỏ bị kẹt trong vỏ trứng, và không thể chạy trốn được. Làm sao bây giờ? Chim cút con nghĩ: "Trong thế gian này, có sự "Linh nghiệm của Thiện" và "Linh nghiệm của sự Thật". Trong quá khứ đã có nhiều Phật thành tựu Ba la mật. Các ngài đắc giải thoát nhờ thiện pháp, tịch tĩnh và trí huệ. Các ngài lại còn biết phân biệt tri kiến của sự giải thoát, và có đầy đủ chân thật, từ bi, lòng vị tha, kiên nhẫn. Các ngài không có tâm phân biệt và nhiếp thọ tất cả mọi loài. Có sự linh ứng trong những công đức các ngài đã thành thục. Ta cũng thành tâm tin vào một sự thật: tôi tin vào Đệ Nhất Đế của tự tính. Cho nên, tôi tưởng niệm hết thảy chư Phật của quá khứ và sự linh ứng mà các ngài đã thực hiện và nhất tâm tin vào chân lý của tự tính và sức mạnh của sự thật "the Act of Truth": xin khiến cho những ngọn lửa này thối lui, để cứu chính tôi và các chim khác". Sự kiện này sau được gọi là "Kiếp thần công Aeon Miracle".

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Ba Đầu Ma Thắng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào được danh hiệu của ngài lướt qua nhĩ căn, thì sẽ được ngàn lần sinh vào lục Dục thiên, huống chi còn biết chí tâm xưng niệm.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Ba Đầu Ma Thắng Như Lai.

Ba Đầu Ma 波頭摩 là hoa sen màu đỏ, đứng hạng đầu và vô thượng; hoa này hơn các hoa sen màu khác như vàng,

xanh và trắng: cho nên mới gọi là T**hắng** 勝. Hoa sen đỏ tượng trưng bổn tâm 本心 của chúng sinh. Tâm có thể tạo ra vạn vật nhưng không bị chúng nó làm ô nhiễm; cũng như đại địa phát sinh ra vạn vật mà không chấp trước. Nếu chúng ta không bị lấm bùn, không chấp vào bất cứ một pháp nào, thì có thể hiểu được bổn tâm.

Hoa sen cõi người có mười cánh hoa 瓣. Hoa sen cõi Trời có một trăm cánh hoa. Hoa sen của chư Phật có một ngàn cánh hoa, tượng trưng một ngàn pháp minh môn 法明門. Vì thế mà trở lại một ngàn lần.

Nam tử hay nữ nhân nào được danh hiệu của ngài lướt qua nhĩ căn, thì sẽ được ngàn lần sinh vào lục Dục thiên, huống chi còn biết chí tâm xưng niệm..

Chỉ cần nghe hồng danh của **Ba Đầu Ma Thắng Như Lai** thì sẽ sinh lên lục Dục Thiên đã bàn sơ ở trước. Vậy thì niệm Phật chắc chắn sẽ có nhiều công đức hơn.

Hoa sen sinh trưởng trong bùn lầy nhưng không bị bùn ô nhiễm. Đây tượng trưng rằng dầu sinh lên cõi Dục Thiên nhưng không chấp trước ngũ trần. Làm sao được? Họ xa lìa văn tính vì hiểu rằng nó vốn không 以解離聞性本空. Hơn nữa, sinh lên cõi Trời không lìa tịch 生天亦寂. Vì biết rằng không cũng huyễn, nên họ dùng phương tiện thị hiện thân Trời để giáo hóa những kẻ còn chấp trước dục vọng 以空處即假 • 權示天身 • 以度實生著欲之者.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, bất khả thuyết bất khả thuyết a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Sư Tử Hống Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà phát tâm qui y, thì dầu trong chốc lát mà thôi, người ấy sẽ được vô lượng chư Phật xoa đầu thọ ký cho.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, bất khả thuyết bất khả thuyết a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Sư Tử Hống Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà phát tâm qui y, thì dầu trong chốc lát mà thôi, người ấy sẽ được vô lượng chư Phật xoa đầu thọ ký cho.

Sư Tử Hống dụ đức Phật thuyết Nhất Thừa (không phải Nhị hoặc Tam Thừa). Lúc bắt đầu hoằng Pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết Tam Thừa theo phương tiện để chuẩn bị đệ tử thọ nhận thật Pháp của Nhất Thừa.

Trong Trường A Hàm, Phật bảo Ca Diếp 迦葉: Sư tử dụ khi đức Thế Tôn rộng thuyết Pháp cho đại chúng, ngài hoàn toàn vô ngại và vô úy.

Khi sư tử hống, tất cả các cầm thú đều kinh sợ. Cũng như thế, khi đức Phật thuyết Pháp, âm thanh của ngài có thể hàng phục 降伏 tất cả các ngoại đạo. Sư tử hống dụ tướng thuyết Pháp của Phật.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Câu Lưu Tôn Phật. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà chí tâm chiêm lễ hoặc tán thán, thì người ấy, trong Hiền kiếp thiên Phật hội, đều làm vị Đại Phạm vương, và được sự thọ ký tối thượng.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Câu Lưu Tôn Phật.

Câu Lưu Tôn Phật 拘留孫佛: Dịch là Sở Ưng Đoạn 所應斷 (nên cắt đức đứt gì? Phiền não; cũng có thể nói là đoạn ngũ trụ và lưỡng tử 此約五住二死). Hoặc cũng có thể dịch thành Tác Dụng Trang Nghiêm 作用莊嚴.

Đây không phải vị Phật thứ chín của Hiền Kiếp cùng tên đã xuất thế trong kiếp giảm mà thọ mạng trung bình 60.000 năm. Vạn Phật Danh Kinh nói rằng có vô lượng Phật đồng có một danh hiệu như thất Phật.

Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà chí tâm chiêm lễ hoặc tán thán, thì người ấy, trong Hiền kiếp thiên Phật hội, đều làm vị Đại Phạm vương, và được sự thọ ký tối thượng.

nghe: chỉ tâm nghiệp, hiển hiện chánh nhân Phật tính 顯正因佛性; **chiêm lễ** 瞻禮: chỉ thân nghiệp, hiển hiện duyên

nhân Phật tính 顯緣因佛性; **tán thán**: ám chỉ khẩu nghiệp, thị hiện liễu nhân Phật tính 顯了因佛性. Vậy thì tất cả tam nghiệp thị hiện chánh nhân Phật tính. Nhờ ba nhân duyên này mà chúng sinh trong thời kỳ Cát Tường Kiếp Vạn Phật hội sẽ làm **Phạm vương**.

Trong thời Hiền Kiếp này, gồm có Hoại, Không, Thành, và Trụ 壞, 空, 成, 住, chúng ta đang ở Trụ kiếp 住劫. Một ngàn vị Phật xuất thế. Ba vị đã xuất thế rồi, vị thứ tư là Phật Thích Ca. Theo Lập Thế A Tỳ Đàm Luận 立世阿毗曇論, tám tiểu kiếp đã trôi qua, 11 còn lại. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Đạo trong tiểu kiếp thứ chín.

Làm sao có thể có 996 vị Phật khác?

Theo Dược Vương Dược Thượng Kinh 藥王藥上經, đức Phật nói: Vô lượng kiếp trước, trong thời kỳ Mạt Pháp của Diệu Quang Phật 妙光佛, tôi xuất gia và tu Đạo. Tôi nghe được hồng danh của 53 tôn Phật. Tâm rất hoan hỉ. Tôi chuyển dạy hồng danh các ngài cho người khác và khuyến khích họ niệm. Chúng tôi thay phiên chuyển dạy người khác cho đến khi được tất cả một ngàn người tuy khác miệng nhưng đồng âm niệm Phật và, chúng tôi nhất tâm đảnh lễ. Cho nên chúng tôi có thể tiêu trừ vô lượng ức kiếp sinh tử nghiệp. Một ngàn người này sau này thành Phật, trong đó Hoa Quang Phật 花光佛 là vị lãnh đạo, ngài thành Đạo trong Trang Nghiêm Kiếp 莊嚴劫. Ngàn người tiếp cũng thành Phật, với Câu Lưu Tôn Phật 拘留孫佛 làm thượng

thủ, ngài thành Đạo trong Hiền Kiếp 賢劫. Ngàn người tiếp theo cũng thành Phật, với Nhật Quang Phật 日光佛 làm thượng thủ, ngài thành Đạo trong Tinh Tú Kiếp 星宿劫.

Phật Danh Kinh 佛名經 thì có danh sách 1.000 vị Phật khác. Thật ra, chư Phật chỉ xuất thế khi nhân duyên thành thục thôi, khoảng cách giữa các vị Phật xuất thế không nhất định.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Tỳ Bà Thi Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài, vĩnh không đọa ác đạo, thường sinh trong nhân thiên, thọ thắng diệu lạc.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Tỳ Bà Thi Như Lai.

Tỳ Bà Thi: 毗羅尸; Tỳ Bà nghĩa là thắng, Thi dịch thành quán. **Tỳ Bà Thi** nghĩa "thắng quán 勝觀" và "chủng chủng quán 種種觀."

Phật Pháp khuyến khích chúng ta quán tâm. Chữ tâm tiếng Hoa "心" có ba chấm:

1. Chấm thứ nhất tượng trưng Không quán 空觀: Mỗi pháp được thâu thập bởi tâm đều không. Vì vốn không

nên tâm có thể tích trữ được tất cả các pháp. Nếu có một pháp nào chẳng phải là không thì sẽ tạo ra chướng ngại trong tâm.

2. Điểm thứ nhì tượng trưng Tục quán 俗觀. Tất cả các pháp tòng duyên sinh. Chúng nó là ảo tưởng hoặc biến hóa. Bồ Tát nhập giòng sinh tử nhưng không bị sinh tử chướng ngại. Các ngài chứng đắc Niết Bàn nhưng không trụ Niết Bàn vì đó cũng chỉ là ảo tưởng. Các ngài lại chọn thâm nhập sinh tử hải để cứu độ chúng sinh. Các ngài tu hành đầy đủ trí huệ và đại bi để tự lợi và lợi tha. Đó là vì hiểu rằng tất cả pháp như ảo tưởng, có thể biến chuyển nên các ngài có thể giúp chúng sanh chuyển phiền não thành Bồ đề .
3. Chấm thứ ba tượng trưng Trung quán 中觀: không rơi vào cực đoan 不落兩邊. Tất cả các pháp không sinh không diệt, không thường không hoại, không một không khác, và không đi không đến. Đây là trí huệ Phật: Nhất Thiết Chủng Trí 一切種智 nhờ trí này các ngài thấy chân tướng của vạn pháp.

Tam quán cũng không phải một cũng không phải ba, và cũng là một nhưng cũng là ba. Ba và một viên dung 三一圓融. Cho nên mới gọi là "thắng quán".

Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài, vĩnh không đọa ác đạo, thường sinh trong nhân thiên, thọ thắng diệu lạc.

Khi kinh nói rằng chỉ cần nghe hoặc niệm hồng danh của chư Phật thì chúng sinh sẽ không đọa ác thú, chúng ta phải hiểu rằng đó là với điều kiện phải ngừng làm ác. Sau khi nghe

hồng danh của các ngài mà tiếp tục làm ác thì vẫn có thể đọa địa ngục. Những ai nghĩ rằng sau khi nghe được hồng danh rồi thì chắc chắn sẽ miễn bị đọa, nên tha hồ làm bậy: giết chóc, đốt nhà, trộm cắp, lừa gạt và đủ thứ hành vi tác hại xã hội, thì họ là những người bị đọa trước tiên.

Theo luận 準論: Trong a tăng kỳ kiếp đầu, Phật Thích Ca nhờ pháp này mà không thọ thân đàn bà và xa rời bốn ác đạo. Theo Diệu Huyền Thích Thiêm 妙玄釋籤: a tăng kỳ kiếp thứ ba, ngài miễn ngũ chướng, không đọa ác thú và thường sinh lên cõi Trời. Theo Như Giới Số 如戒疏, trong a tăng kỳ kiếp đầu, ngài được năm phước:

1. Sinh cõi nhân thiên,
2. Sinh vào nhà tôn quí,
3. Đắc thân nam,
4. Lục căn đầy đủ,
5. Có túc mạng thông.

Văn Cú 文句云 nói: không đọa ác thú tức là vị bất thối; không sinh biên địa, các căn đầy đủ, và không thọ thân nữ: đó là hạnh bất thối; có túc mạng thông tức là niệm bất thối.

thọ thắng diệu lạc 受勝妙樂: được sinh cõi nhân thiên để hưởng thụ pháp và định lạc. Như trong Đại Trang Nghiêm Luận 大莊嚴論, Phật thuyết kệ 佛說偈 nói: Không bịnh là tối lợi 無病第一利; tri túc là tối phú 知足第一富; thiện hữu là tối thân 善友第一親; Niết Bàn tối là lạc 涅槃第一樂. Đây có nghĩa thọ tức là bất thọ, vô thọ tức là

thọ 此乃受即不受•無受即受也.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Bảo Thắng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì người ấy tuyệt đối không còn đoạ ác đạo, thường ở cõi trời hưởng thắng diệu lạc.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Bảo Thắng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì người ấy tuyệt đối không còn đoạ ác đạo, thường ở cõi trời hưởng thắng diệu lạc.

Bảo Thắng 寶勝. Bảo, tiếng Phạn là La Đát Nang 囉怛囊 và thắng, tiếng Phạn là Tỳ Bà 毗婆.

Bảo không chỉ châu báu của thế gian mà là châu báu xuất thế. Châu báu xuất thế đại diện cho bốn đức của Niết Bàn (thường, chân ngã, lạc, và tịnh; tất cả các châu báu xuất thế đều phát sinh từ bốn đức này). Khi có đầy đủ bốn đức này thì sẽ không bị rơi vào vòng sinh tử hoặc Hữu Dư Niết Bàn, nên có thể đạt được chân Niết Bàn. Vì vậy mới gọi là Bảo Thắng vì xa lìa điên đảo của thế gian cũng như sai lầm của Nhị Thừa.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Bảo Tướng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài mà sinh lòng cung kính, thì người ấy không lâu sẽ đắc quả A La Hán.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Bảo Thắng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì người ấy tuyệt đối không còn đoạ ác đạo, thường ở cõi trời hưởng thắng diệu lạc.

Bảo Tướng 寶相: Ngài Trí Giả 智者 nói: "實相尊貴, 故名寶相 Thật tướng rất tôn quí, cho nên mới gọi là thật tướng". "Thật tướng" chỉ thật tướng của các pháp.

Kinh Kim Cang nói: "Nếu có người 若復有人, nghe được kinh này 得聞是經, và có tín tâm thanh tịnh 信心清淨, tức sinh Thật Tướng 則生實相". Kinh lại nói: "Thật Tướng 是實相者, tức là Không tướng 則是非相, cho nên Như Lai 是故如來, gọi là Thật Tướng 說名實相". Từ Thật Tướng, hai Pháp (Đốn và Tiệm), Tam Đạo (Tam Thừa), Tứ Quả (Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật) mới sinh trưởng.

Kinh Hoa Nghiêm nói rằng trong đại dương, có bốn thứ sí nhiên quang minh đại bảo 熾然光明大寶 (châu báu lớn, tỏa ánh sáng rực rỡ):

1) Nhật Tạng 日藏 (tượng trưng Đại Viên Kính Trí 大圓鏡智)
2) Ly nhuận 離潤 (lìa ẩm ướt; đại biểu cho Diệu Quán Sát Trí 妙觀察智),
3) Hỏa châu 火珠 (tượng trưng cho Bình Đẳng Tính Trí 平等性智)
4) Cứu cánh vô dư 究竟無餘 (tượng trưng cho Thành Sở Tác Trí 成所作智).

Nếu không có bốn châu bảo này thì thiên hạ từ tứ châu cho đến cõi trời phi tưởng phi phi tưởng 非想非非想 sẽ bị ngập dưới nước 漂沒 (cũng được gọi là Tiêu Thủy Châu 消水珠 trong Đại Luận).

Phật nói: Vô khứ vô lai 無去無來, không đi không đến, là Pháp tính chân tướng 法性實相. Chân Tướng rất tôn quí 實相尊貴. Cho nên mới gọi là Bảo Tướng.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng a tăng kỳ kiếp, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Ca Sa Tràng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì vượt được tội lỗi sinh tử trong một trăm đại kiếp.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, vô lượng a tăng kỳ kiếp, có đức

Phật xuất thế, danh hiệu Ca Sa Tràng Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì vượt được tội lỗi sinh tử trong một trăm đại kiếp.

Ca Sa Tràng 袈裟幢: Dùng cà sa làm tràng, cờ. Đây là bảo tràng của tam thế chư Phật. Khi đắp y, nếu biết quán là bảo tràng, tất cả các ngoại đạo không dám phá hoại hoặc tấn công, và có thể tiêu trừ đủ thứ nghiệp lại sinh trưởng vô số phước đức.

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì người ấy được gặp hằng hà sa chư Phật vì họ rộng thuyết pháp, tất thành đạo Bồ Đề.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Phật xuất thế, danh hiệu Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Nam tử hay nữ nhân nào nghe được danh hiệu của ngài thì người ấy được gặp hằng hà sa chư Phật vì họ rộng thuyết pháp, tất thành đạo Bồ Đề.

Đại Thông Sơn Vương 大通山王: Đại thông là trí huệ Bát Nhã (đắc được khi chứng Pháp Thân nhờ đó thông đạt tất cả các pháp; đây là Bát Nhã nhân 般若因). Sơn vương (dụ núi Tu Di) chỉ Phật đức (bốn đức Niết Bàn được đại biểu bởi bốn báu cấu tạo núi Tu Di, vua của các núi; đây là Báo Thân quả

報身果).

Lời Kinh:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Tựu Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thanh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật... như thị đẳng bất khả thuyết Phật. Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại và vị lai, tất cả chúng sinh, hoặc trời hoặc người, hoặc nam hoặc nữ, chỉ niệm danh hiệu của một ngài, công đức cũng đã vô lượng, huống chi niệm nhiều danh hiệu. Những chúng sinh ấy, lúc sinh tử, tự được đại ích lợi, không bao giờ còn đọa ác đạo.

Lời giảng:

Lại nữa, trong quá khứ, có đức Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Tựu Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thanh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật... như thị đẳng bất khả thuyết Phật

Tịnh Nguyệt 淨月: ám chỉ Pháp Thân Phật như hư không, thị hiện các loại thân để cảm ứng với chúng sinh, như nước phản ảnh mặt trăng; ngài đến thế gian nhưng không bị thế gian ô nhiễm.

Sơn Vương 山王: Phật đức đáng kính nể như vua núi, núi Tu Di.

Trí Thắng 智勝: ám chỉ Nhất Thiết Chủng Trí 一切種智. Trong tất cả các trí huệ của Tam Thừa, Phật trí tối thượng. A La Hán và Bích Chi Phật có Nhất Thiết Trí 一切智; Bồ Tát thì có Đạo Chủng Trí 道種智.

Tịnh Danh Vương 淨名王: Tịnh ám chỉ thể, danh chỉ dụng; từ thể sinh khởi dụng 從體起用, chúng ta có thể tự tại đối với tất cả các pháp; ngũ trụ và nhị tử đều hoàn toàn thanh tịnh 五住二死淨盡淨.

Trí Thành Tựu 智成就: chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí 一切種智. Cả hai Quyền và Thật trí đều thành tựu cả.

Vô Thượng 無上: chỉ có Phật mới vô thượng vì hoàn toàn không có gì để đoạn cả. Cũng như Phật Thuyết Vô Thượng Xứ Kinh 佛說無上處經 nói: nếu chúng sinh đối với vô thượng xứ của Phật mà sinh lòng tin tưởng và phát nguyện muốn đắc, thì sẽ đắc vô thượng quả ở trong cõi nhân thiên.

Diệu Thanh 妙聲: khiến chúng sinh sinh tâm đại hoan hỉ khi nghe ngài thuyết pháp. Âm thanh của chúng sinh không thể nào sánh bằng.

Mãn Nguyệt 滿月: Các đức của Phật đều toàn vẹn như trăng tròn ngày rằm.

Nguyệt Diện 月面: Khuôn mặt của Phật đầy đặn, phúc hậu

và sáng ngời ví như trăng rằm. Trăng chiếu ánh sáng khắp mười phương ban rải từ, bi, hỉ, xả. Trăng là vua các tinh tú, rất thù thắng, không vị sao nào sánh được. Dùng hai chữ nguyệt diện để tượng trưng sự thanh tịnh hoàn hảo về dung nhan của Phật mà người thế gian không bì được.

Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại và vị lai, tất cả chúng sinh, hoặc trời hoặc người, hoặc nam hoặc nữ, chỉ niệm danh hiệu của một ngài, công đức cũng đã vô lượng, huống chi niệm nhiều danh hiệu. Những chúng sinh ấy, lúc sinh tử, tự được đại ích lợi, không bao giờ còn đọa ác đạo.

Mỗi hồng danh chứa đựng vô lượng công đức khắp pháp giới. Mỗi công đức đều bao gồm các công đức khác. Vì thế nên tụng một công đức tạo ra vô lượng công đức và rốt cuộc sẽ giúp chúng ta **không bao giờ còn đọa ác đạo**.

Ngũ trụ là nơi trú ngụ của phiền não và sinh trưởng phiền não. Ngũ trụ gồm có:

1. Kiến trụ.
2. Dục giới ái trụ.
3. Sắc giới ái trụ.
4. Hữu ái trụ.
5. Vô minh trụ.

Bổn chú thích Phật Thuyết A Di Đà Kinh giảng tường tận hơn.

Hai tử là:

1. Phần đoạn sinh tử 分段生死: Phàm phu có thân thể với hình dáng và thọ mạng ngắn hoặc dài; có từng đoạn, từng phần sinh tử khác nhau vì những kiếp số khác nhau.

2. Biến dịch sinh tử: 變易生死: Đây là vì tâm thức sinh khởi niệm niệm không ngừng (người đời gọi là "suy nghĩ liên miên"), niệm trước thay đổi và niệm sau lại biến hóa 由心識之念念相續而前變後易. Vì ngoại duyên, dựa trên nguyện đại bi vô lậu nhằm độ tận chúng sanh, Bồ Tát chuyển căn nguyên đoạn phần sinh tử (thân thô của chúng sinh) và hóa thành thân vi tế với vô số hình dáng vi diệu, và có thọ mạng vô tận. 係由無漏之悲願力改轉原先的分段生死之粗身，而變為細妙無有色形、壽命等無定限之身. Thọ mạng vô tận này có sự biến dịch sinh tử vì mỗi lần Bồ Tát phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân là có sự thăng hóa, cũng gọi là biến dịch.

Lời Kinh:

Những kẻ sắp mệnh chung, nếu quyến thuộc trong nhà, dầu chỉ một người vì bịnh nhân mà cao tiếng niệm danh hiệu của một đức Phật, thì kẻ mệnh chung ấy, ngoại trừ ngũ vô gián nghiệp, các nghiệp báo khác đều tiêu diệt. Ngũ vô gián nghiệp tuy cực kỳ trọng, phải trải ức kiếp vẫn chưa thoát khỏi, nhưng nhờ lúc mệnh chung, được người khác niệm cho nghe danh hiệu của Phật, nên nghiệp dữ ấy cũng tiêu dần đi, huống chi có chúng sinh tự mình xưng niệm: đắc vô lượng phước và tiêu vô lượng tội.

Lời giảng:

Những kẻ sắp mệnh chung, nếu quyến thuộc trong nhà,

dầu chỉ một người vì bịnh nhân mà cao tiếng niệm danh hiệu của một đức Phật, thì kẻ mệnh chung ấy, ngoại trừ ngũ vô gián nghiệp, các nghiệp báo khác đều tiêu diệt.

Lúc **mệnh chung**, khi hồng danh Phật lọt vào tai, tâm thần người sắp chết lúc đó rất mãnh liệt 猛利, sẽ bám vào hồng danh như một cái phao cứu mệnh, niệm niệm không xả 念念不捨. Ngoại trừ ngũ nghịch, người mệnh chung nếu (bàn nhiều hơn ở sau), dựa vào Phật lực như thế thì các nghiệp chướng có thể được tiêu trừ không khác gì ánh sáng phá tan bóng tối. Mặc dầu **ngũ vô gián nghiệp** là loại tội nặng nhất, nhưng vẫn có thể từ từ xóa được với pháp môn niệm Phật.

Ngũ vô gián nghiệp tuy cực kỳ trọng, phải trải ức kiếp vẫn chưa thoát khỏi, nhưng nhờ lúc mệnh chung, được người khác niệm cho nghe danh hiệu của Phật, nên nghiệp dữ ấy cũng tiêu dần đi, huống chi có chúng sinh tự mình xưng niệm: đắc vô lượng phước và tiêu vô lượng tội.

唐法照 Đại sư Pháp Chiếu tham phỏng Ngũ Đài sơn, thấy Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền Bồ Tát thuyết Pháp cho đại chúng. Ngài đảnh lễ và hỏi: "Pháp nào tối thượng cho chúng sinh thời Mạt Pháp?" Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đáp: "Trong tất cả các pháp môn, không có gì tốt hơn niệm Phật. Nhờ niệm Phật mà tôi đắc Nhất Thiết Chủng Trí". Sư lại hỏi: "Niệm vị Phật nào?" Bồ Tát đáp: "A Di Đà Phật của cõi Tây Phương Cực Lạc có bất khả tư nghì nguyện lực. Ông nên hệ niệm 繫念, niệm hồng danh ngài một cách chí thành và không gián đoạn. Lúc mệnh chung chắc chắn sẽ đắc vãng sinh."

Đại Trí 大智 luật sư phát nguyện thường sinh vào cõi Ta Bà để làm đại sư. Sư còn tâm sự với pháp sư Huệ Bố 慧布 rằng dầu biết Tây Phương Cực Lạc có thể thanh tịnh nhưng vẫn không muốn vãng sinh về đó. Cho nên luật sư không muốn nương tựa pháp môn niệm Phật. Sư lại còn phỉ báng những người tu niệm Phật. Sau này sư bị bịnh nặng, và tâm trí trở nên hồ đồ. Sư bỗng ngộ ra nghiệp phỉ báng lúc trước và tự khiển trách gắt gao.

Thiên Thai Luận còn nói rằng những vị Bồ Tát mới phát Bồ Đề tâm và chưa đắc vô sinh thì nên ở bên cạnh Phật (cầu vãng sinh).

Đại Luận còn nêu ra rằng nếu phàm phu có tâm từ bi, và muốn phát tâm sinh vào ác thế để cứu độ chúng sinh: thì điều đó rất sai lầm. Tại sao? Như hài nhi không nên rời mẹ, hoặc chim non chỉ nên lui tới các cành cây lân cận, đừng vội bay xa, người có chút trí huệ, muốn làm việc lớn (cứu độ chúng sanh) sẽ từ bỏ tất cả từ kiến thức đến địa vị tài sản của một cuộc đời để tu niệm Phật cầu đắc vãng sinh.

Có luận nêu ra: làm sao niệm Phật lúc lâm chung có thể hơn niệm Phật cả cuộc đời được? Bởi vì tâm lúc đó tự biết rằng mình chỉ còn phút giây rất ngắn ngủi nên sức mạnh tăng lên thập bội phần. Tâm người lâm chung khi ấy hết sức thành khẩn và tha thiết họ chỉ có một niệm duy nhất là được vãng sanh nên rất dễ có cảm ứng.

Phẩm 10: Trắc Lượng Công Đức Bố Thí

Phẩm trước bàn về Phật Bảo. Phẩm này sẽ bàn về Pháp Bảo (vô thượng chân lý), mà cũng là nhân để đắc Đạo.

Ngộ lý có sâu và cạn. Cho nên có bốn trình độ thánh quả. Mê muội về lý cũng có nặng và nhẹ, vì thế có lục đạo. Tam ác đồ thị hiện vì mê muội quá nặng. Thuần thiện mà không có ác nhân thì sinh cõi trời. Cõi người thì vừa có thiện vừa có ác nhân. Luân hồi vì mê muội về chân lý.

Phẩm này bàn về Pháp thành Phật: lục độ và vạn hạnh. Lục độ sinh ra vạn hạnh. Bố thí bao gồm các ba la mật khác.

Có ba loại bố thí: tài thí (dùng tiền của bố thí gọi là ngoại thí, đem sức ra làm công quả hay giúp người hoặc cho người một bộ phận trong thân thể thì gọi là nội thí), Pháp thí (dùng giáo lý Phật đà để giúp người trở về chánh đạo. Thí dụ giảng về lý nhân quả để giúp người đoạn ác tu thiện) và vô úy thí (an ủi, giúp đỡ chúng sinh đang lo lắng sợ hãi. Thí dụ Bồ tát Quán Thế Âm thường lắng nghe những lời cầu cứu của kẻ đang bị nạn để ứng thân cứu khổ).

Phân tích theo lục Ba la mật thì bố thí gồm có:

1. Bố thí ba la mật.
2. Trì giới (Giữ giới luật nghiêm minh không cho phiền não tham sân si dấy khởi).
3. Nhẫn (cam chịu những hoàn cảnh khó khăn hoặc

những đối xử đầy ác ý mà tâm không thù hận) ba la mật thuộc về bố thí vô úy.

4. Tinh tấn (chuyên tu giới định huệ không thối chuyển. Nhờ định huệ sẽ không thuyết pháp sai lầm khiến người nghe lầm 錯機 và hiểu lầm 不顛倒) thuộc về Pháp thí.
5. Thiền định: Chuyên tu thiền định để tiêu trừ vọng tưởng
6. Trí huệ: Nếu có đầy đủ năm pháp trên mà không chấp vào người hành pháp, cũng không chấp vào pháp đang tu; ngã pháp đều buông thì đắc trí huệ Bát Nhã.

Thí dụ khi tu pháp Bố thí: phàm phu vì chấp tướng nên chỉ được nhân thiên phước, Thánh nhân lìa tướng nên có thể chứng đắc Niết Bàn Thường Lạc.

Một lần, Xá Lợi Phất dâng cơm cho Phật. Thế Tôn liền lấy cơm cho con chó ăn. Rồi ngài hỏi Xá Lợi Phất: "Công đức của ông và của tôi cái nào lớn hơn ?" Đệ tử đáp: "Của Thế Tôn". Đây là căn cứ vào tâm mà nói chứ không phải dựa vào phước điền (con chó không có phần trong 10 phước điền).

Ngược lại, phẩm 11 của Tứ Thập Nhị Chương Kinh nói rõ sự khác biệt giữa việc cúng dường cho kẻ ác, người thiện, người tu hành với các trình độ khác nhau cho đến chư Phật. Mỗi tầng lớp cao hơn, số nhân của phước báu tăng bội phần. Đó là dựa vào phương diện phước điền chứ không phải tâm.

Trong Kinh Duy Ma Cật, Thiện Đức trưởng lão, hiến cúng một xâu chuỗi cho Duy Ma Cật. Duy Ma Cật chia làm hai phần, một phần cúng dường cho Nan Thắng Như Lai 難勝

如來 và phần kia thì cho người ăn xin hạ tiện nhất trong đại chúng. Mặc dầu như vậy, công đức của hai việc bố thí bằng nhau. Đó là do bố thí với tâm bình đẳng.

Trong một kiếp trước, Kiều Trần Như cúng cơm thô cho một vị Bích Chi Phật và đắc 91 kiếp thiên nhân phước và không bao giờ nghèo khó. Phước còn lại giúp ngài đắc A La Hán. Đó là về phương diện quả báo cúng dường cho thánh nhân khó gặp.

Phẩm này nêu ra những nhân duyên của công đức bố thí.

Lời Kinh:

Lúc ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nương theo uy thần của đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy , quì xuống, chắp tay thưa: Bạch đức Thế Tôn! Con quan sát những nghiệp đạo chúng sinh, xem xét sự bố thí của họ thì thấy có nhẹ có nặng, có kẻ hưởng phước một đời, có kẻ hưởng phước mười đời, có kẻ hưởng phước lớn trong trăm đời ngàn đời. Vì lý do nào có sự sai khác như thế, thỉnh cầu Thế Tôn dạy cho con rõ.

Lời giảng:

Lúc ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nương theo uy thần của đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy , quì xuống, chắp tay thưa: Bạch đức Thế Tôn! Con quan sát những nghiệp đạo chúng sinh, xem xét sự bố thí của họ thì thấy có nhẹ có nặng.

Bồ Tát hỏi về sự khác biệt về quả báo giữa các loại **bố thí**.

nghiệp đạo chúng sinh 業道眾生 chỉ lục đạo hàm thức. Vì mê muội 迷, chúng sinh của lục đạo tạo nghiệp rồi phải chịu quả khổ. Sát sinh, trộm cắp v.v… là hắc nghiệp 黑業.

có kẻ hưởng phước một đời, có kẻ hưởng phước mười đời, có kẻ hưởng phước lớn trong trăm đời ngàn đời. Vì lý do nào có sự sai khác như thế, thỉnh cầu Thế Tôn dạy cho con rõ.

Bố thí, v.v… là bạch nghiệp 白業. Làm sao cùng một hành động bố thí mà quả báo có người hưởng phước một đời, có người hưởng trăm ngàn đời? Chúng ta không thể nào biết được. Như ví dụ của người dâng hoa cúng Phật ngay cả một vị A La Hán cũng không biết tới nơi tới chốn!

Lời Kinh:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Địa Tạng Bồ Tát: Hôm nay, trước toàn thể đại hội đầy đủ đại chúng tại Đao Lợi thiên cung nầy, Như Lai sẽ nói về sự bố thí tại châu Diêm Phù, bằng cách so sánh công đức nhiều ít của sự bố thí. Đại sĩ hãy nghe cho kỹ Như lai sẽ vì ông mà nói rõ.

Địa Tạng bạch Phật: Con hoài nghi về việc ấy, nên rất mong muốn và thích thú được nghe.

Lời giảng:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Địa Tạng Bồ Tát: Hôm nay, trước toàn thể đại hội đầy đủ đại chúng tại Đao Lợi thiên cung nầy, Như Lai sẽ nói về sự bố thí tại châu Diêm Phù,

bằng cách so sánh công đức nhiều ít của sự bố thí. Đại sĩ hãy nghe cho kỹ Như lai sẽ vì ông mà nói rõ.

Địa Tạng bạch Phật: Con hoài nghi về việc ấy, nên rất mong muốn và thích thú được nghe.

Thật ra Bồ Tát không có nghi vấn gì cả. Ngài chỉ đại diện chúng sinh thỉnh pháp để giúp giải đáp những nghi vấn của chúng ta. Đừng nên nghĩ rằng Bồ Tát còn mê muội. Mà cũng không nên nghĩ rằng họ giả bộ. Các ngài không có ý lừa gạt ai cả vì tâm hoàn toàn không tư lợi và cũng không muốn ai bị thiệt thòi.

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy Địa Tạng Bồ Tát: Tại cõi Nam Diêm Phù, có những vị quốc vương, tể tướng đại thần, đại trưởng giả, đại sát lợi, đại bà la môn, nếu gặp những người tối tăm, bần cùng, cho đến tật nguyền, câm ngọng, điếc lác, đui mù, cơ thể đủ cách không hoàn chỉnh như vậy, mà những vị quốc chúa này, trong lúc bố thí, vẫn đủ đại từ bi tâm, khiêm nhượng, với nụ cười, tự tay mình bố thí, hay bảo người khác bố thí rồi dịu dàng an ủi, thì những vị quốc vương ấy được phước lợi như công đức bố thí một trăm Hằng Hà sa chư Phật. Tại vì sao? Vì những vị quốc vương ấy đối với những người tối bần, cơ thể không hoàn chỉnh, lại phát đại từ tâm, nên họ được phước lợi , qủa báu tốt đẹp trong trăm ngàn đời: bảy thứ báu luôn luôn đầy đủ, huống chi y phục, thực phẩm và những thứ cần dùng khác.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy Địa Tạng Bồ Tát: Tại cõi Nam Diêm Phù, có những vị quốc vương, tể tướng đại thần, đại trưởng giả, đại sát lợi, đại bà la môn, nếu gặp những người tối tăm, bần cùng, cho đến tật nguyền, câm ngọng, điếc lác, đui mù, cơ thể đủ cách không hoàn chỉnh như vậy.

Phần này dạy về cách người tôn quí nên làm khi bố thí cho kẻ hạ tiện (nhất là những kẻ có tật nguyền không có đầy đủ lục căn).

trưởng giả: vừa có tài sản và đức hạnh 德行. Danh từ này có mười nghĩa (đức):

1. Tính quý 性貴, giòng họ tôn kính.
2. Vị cao 位高, địa vị cao trong xã hội.
3. Đại phước 大福, nhiều phước báu giàu có.
4. Oai mãnh 威猛, có oai phong khiến người khâm phục.
5. Trí thâm 智深, có trí huệ sâu sắc.
6. Hạnh tịnh 行淨, thường làm những việc tốt.
7. Niên kỳ 年耆, tuổi cao.
8. Lý bị 禮備, biết phép tắc.
9. Thượng tán 上歎, bề trên khen ngợi.
10. Hạ qui 下歸, cấp dưới tuân lời.

Ấn Độ có bốn giai cấp: S**át lợi** 剎利 hoặc hoàng tộc 王種 hoặc quí tộc 貴族; **Bà la môn** 婆羅門 là con cháu giòng

Tịnh duệ 淨裔- cũng được coi là quý tộc貴族; phệ xả 吠舍: hàng thương mãi và chiên đà la (như đồ tể) 旃陀羅.

Đẳng 等 chỉ các người cư sĩ khác.

Đại Luận Tam Thập Nhị 大論三十二 nói: người tu bố thí và trì giới thì sẽ được sinh vào giòng Sát lợi. Người thiên về trí huệ, kinh điển, không não hại chúng sinh, tu bố thì và trì giới, thì sẽ sinh vào gia đình Bà la môn. Cư sĩ có thể giai cấp không cao nhưng lại giàu có: đó là do đã hành bố thí kiếp trước, nên bây giờ hưởng quả báu giàu có và tôn quí.

những người tối tăm, bần cùng: Đại Ái Đạo Kinh大愛道經 nói: Một nhân duyên cho quả báo này là vì khi phát tâm bố thí cho kẻ bần cùng, khiến người hi vọng và sung sướng nhưng sau đó lại đổi ý và không cho.

cho đến tật nguyền, câm ngọng, điếc lác, đui mù: đây là vì trong kiếp trước, thấy người ăn xin đến xin mà nhăn mặt hay khó chịu tỏ vẻ không thích, lại buông lời mắng nhiếc hoặc hằn học, chửi bới, hay đánh đập người cầu xin. Hoặc nói rằng không tin bố thí được phước, hay khi thấy người khác bố thí, tâm không biết tùy hỉ công đức mà trái lại còn chỉ trích và chê bai, khiến thí chủ đổi ý. Hay là được cho một phần tài sản của gia đình chung với người khác nhưng tham lam cố ý lấy nhiều hơn và cả đời không hề bố thí.

mà những vị quốc chúa này, trong lúc bố thí, vẫn đủ đại từ bi tâm, khiêm nhượng, với nụ cười, tự tay mình bố thí, hay bảo người khác bố thí rồi dịu dàng an ủi.

Nếu có thể bố thí cho người gặp hoàn cảnh thiếu thốn với **đại từ bi tâm**, **tâm khiêm nhượng** (tâm không tự cao hách dịch thương hại 憐憫 lân mẫn), **với nụ cười, tự tay biên bố thí** (tâm bình đẳng), **hay bảo người khác bố thí, dịu dàng an ủi** (tâm thương xót) thì khiến chư Phật rất vui lòng (vì đó là tâm Bồ Tát, không có sự phân biệt). Cho nên mới có cùng công đức như bố thí cho vô số chư Phật.

thì những vị quốc vương ấy được phước lợi như công đức bố thí một trăm Hằng Hà sa chư Phật. Tại vì sao? Vì những vị quốc vương ấy đối với những người tối bần, cơ thể không hoàn chỉnh, lại phát đại từ tâm, nên họ được phước lợi , qủa báu tốt đẹp trong trăm ngàn đời: bảy thứ báu luôn luôn đầy đủ, huống chi y phục, thực phẩm và những thứ cần dùng khác.

luôn luôn đầy đủ nghĩa là họ sẽ không bao giờ thiếu gì cả nhất là những thứ cần thiết.

Đại Ái Đạo Kinh 大愛道經 nói: Có của cải mà không chịu bố thí thì sẽ thành bần cùng đời đời kiếp kiếp.

Bố thí mà mong được khen, thấy người bần cùng mà mắng nhiếc và đuổi đi rồi sau đó mới cho thì tuy bố thí rất nhiều của cải nhưng quả báo thật ít. Đây là tại vì chúng ta không phải là bi điền 悲田 chân thật.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến bà la môn, gặp được chùa tháp của Phật, hoặc hình

tượng của Phật, cho đến hình tượng của Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật, đích thân cúng dường bố thí, thì những vị quốc vương ấy được phước ba kiếp làm thân Đế Thích, thọ thắng diệu lạc.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến bà la môn, gặp được chùa tháp của Phật, hoặc hình tượng của Phật, cho đến hình tượng của Bồ Tát, Thanh Văn, Bích Chi Phật, đích thân cúng dường bố thí, thì những vị quốc vương ấy được phước ba kiếp làm thân Đế Thích, thọ thắng diệu lạc.

Phần trước nói về vì lòng vị tha mà bố thí cho người nghèo khó ở dưới. Phần này thì bàn về cúng dường cho bề trên.

Bích Chi Phật 辟支佛 tu thập nhị nhân duyên. Các ngài còn được gọi là "Duyên Giác" hoặc "Độc Giác".

Trong Đại Luận, một vị tỳ kheo hỏi Phật về chuyện ngài Tôn Đà La Nan Đà 孫陀羅難陀 xuất gia và chứng quả. Đức Thế Tôn bảo rằng sau khi Tỳ Bà Thi Phật 毗婆尸佛 nhập Niết Bàn, Tôn Đà La Nan Đà là một vị trưởng giả. Tại tháp của một vị Bích Chi Phật, trên một tường bùn đen, ông ta vẻ hình vị Bích Chi Phật, nguyện rằng đời đời kiếp kiếp sinh vào giòng tôn quí, thân thể sẽ có ánh sáng màu vàng, sẽ gặp Phật và đắc Đạo. Cả 91 đại kiếp, ông ta không bao giờ đọa địa ngục.

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: Sự khoái lạc của

Kim Chuyển Luân Thánh Vương ít hơn 1/16 của Đế Thích.

Nếu quan nhỏ biết kính trọng quan lớn và tất cả quan lại đều tôn kính vua , thì sẽ có ảnh hưởng tốt cho dân chúng!

Trong Trung A Hàm, một tỳ kheo hỏi Phật: nhân duyên nào khiến gọi là Thích Đề Hoàn Nhân 釋提桓因. Đó là vì lúc làm người đối với sa môn, Bà la môn, kẻ bần cùng và những kẻ khổ sở, mà biết bố thí ẩm thực, tiền của, đèn dầu v.v…

ba kiếp 三劫: chỉ tiểu kiếp.

Lời Kinh:

Nếu biết đem phước lợi bố thí ấy hồi hướng cho pháp giới, thì những vị đại quốc vương ấy trong mười kiếp thường làm Đại Phạm thiên vương.

Lời giảng:

Nếu biết đem phước lợi bố thí ấy hồi hướng cho pháp giới, thì những vị đại quốc vương ấy trong mười kiếp thường làm Đại Phạm thiên vương.

Từ lúc bắt đầu, còn có ngã trong hành vi bố thí. Nếu có thể phát tâm hồi hướng công đức cho pháp giới để cho mọi người có thể đồng hưởng, cái tâm này thật là rộng lượng. Cho nên, phước báu cũng tương ưng tăng triển. Phước báu này rộng như hư không, khiến chúng ta có thể thành **Đại Phạm thiên vương**.

hồi hướng cho pháp giới 迴向法界. Hồi hướng có ba nghĩa:

1. Hồi sự hướng lý 迴事向理. Muôn sự việc đều vốn đầy đủ lý tánh và sự dụng 元由理具 • 方有事用. Trong quá trình hồi hướng, chúng ta nhờ sự mà hướng tâm này về Thật Tế 今迴此心 • 向於實際 (chứng đắc Chân Đế không giới 真諦空界說; Thập giới đều không). Đây cũng gọi là hồi sự hướng Chân Như.
2. Hồi tự hướng tha 迴自向他. Trong quá khứ, chúng ta đã từng bị mê muội về nơi mình đến (không biết từ đâu đến) lại thích trang sức tự thân 昔迷理遍 • 善嚴自身(luôn luôn thích tô điểm cho cái ngã, cái lợi về phần mình). Bây giờ thì thuận bổn tính và hồi hướng chúng sinh 今順本性 • 迴向衆生. Chúng ta có thể quên tự ngã (bản thân) để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh (nhờ vậy chứng đắc Tục Đế giả giới 俗諦假界; Thập giới đều giả).
3. Hồi nhân hướng quả 迴因向果 (chứng đắc Trung Đế trung giới 中諦中界; Thập giới trung dung). Chúng ta hồi hướng thiện sự cho việc thành tựu tam đức (Bát Nhã, Giải Thoát và Pháp Thân). Đây là Trung Đạo.

Nếu hội đủ ba yếu nghĩa này khi phát tâm hồi hướng cho pháp giới, chúng ta sẽ đắc 3 pháp Không, Giả, Trung và viên thành đạo quả.

Theo Đại Luận có thể trồng bốn nhân để được phước cõi Phạm Thiên:

1. Thanh tịnh tâm 清淨心.
2. Bổ trị tự 補治寺. Tu bổ sửa sang chùa tháp.
3. Năng hòa hợp thánh chúng 能和合聖眾.
4. Những nhân thiên thỉnh Phật chuyển Pháp Luân lần đầu tiên 諸天世人勸請•佛初轉法輪.

Phước báu cõi Phạm Thiên cao hơn cõi Dục Giới. Nếu có thể bố thí và hồi hướng, nếu hiểu rằng tam luân thể đều vốn không, bốn tướng cũng đều không, sinh tâm không trụ nơi nào, thì tương ưng với trí huệ Bát Nhã.

mười kiếp 十劫: chỉ trung kiếp.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến bà la môn, nếu gặp chùa tháp hay kinh tượng của Phật quá khứ, bị hủy hoại hư rách mà biết phát tâm tu bổ, bằng cách tự mình lo liệu hay khuyến khích người khác, cả trăm cả ngàn người, bố thí kết duyên, thì những vị quốc vương ấy trăm ngàn đời thường làm Chuyển Luân vương, còn những người cùng làm thì trăm ngàn đời thường làm tiểu quốc vương. Nếu còn biết đem công đức như vậy đối trước chùa tháp hay kinh tượng đã tu bổ mà phát nguyện hồi hướng, thì những vị quốc vương cho đến những người cùng phát tâm, đều sẽ thành Phật Đạo, vì quả báo đó thật vô lượng vô biên.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến bà la môn, nếu gặp chùa tháp hay kinh tượng của Phật quá khứ, bị hủy hoại hư rách mà biết phát tâm tu bổ, bằng cách tự mình lo liệu hay khuyến khích người khác, cả trăm cả ngàn người, bố thí kết duyên.

Tu bổ chùa tháp và hình tượng khiến những người thí chủ trước (những người đã tạo dựng) được tiếp tục nhận phước trong lúc phước báu của mình cũng tăng trưởng, đây là nhất cử lưỡng lợi. Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh 像法決疑經 nói: "Xây mới không bằng tu bổ 造新不如修故, tạo phước không bằng tránh nạn 作福不如避禍". Tránh nạn khiến chúng ta có thể tiếp tục hưởng phước báu hiện có.

Đức Phật đến viếng Câu Tát La Quốc 拘薩羅國 và đi ngang một người Bà la môn đang cày ruộng. Nông phu tựa lên cây gậy bò mà lễ Phật. Đức Thế Tôn mỉm cười. Thị giả hỏi tại sao thì Phật đáp: "Người Bà la môn này lễ hai vị Phật, Như Lai và tháp Ca Diếp Phật 迦葉佛塔 dưới cây gậy bò." Thị giả xin được thấy tháp Phật Ca Diếp. Ông ta nhìn về phía ruộng người Bà la môn và tháp hiện ra. Đức Phật giảng rằng dầu có cúng dường ngàn cân vàng, cũng không bằng cung kính lễ Phật tháp, cũng không bằng người lấy đất sét tạo hình tháp để cúng dường.

Bách Duyên Kinh 百緣經 nói: "Một vị trưởng giả giàu có sinh ra một đứa con trai rất khôi ngô, cao thượng và phi thường. Cậu ta được Trời người thương mến. Sau khi trưởng

thành, cậu ta gặp được Phật và đắc A La Hán quả. Đây là tại vì trong quá khứ, một tháp của Tỳ Bà Thi 毗婆尸 Phật bị hoang nát. Một đứa bé vào tháp và cùng đám đông vui vẻ lấy đất bùn đắp sửa lại. Rồi cậu ta phát nguyện Bồ Đề và bỏ đi. Vì công đức đó mà trong 91 kiếp, cậu ta không đọa ác đạo, hưởng thụ vô thượng khoái lạc trong nhân thiên. Sau lại còn được gặp Phật, xuất gia và chứng quả.

thì những vị quốc vương ấy trăm ngàn đời thường làm Chuyển Luân vương, còn những người cùng làm thì trăm ngàn đời thường làm tiểu quốc vương.

Chuyển Luân vương: Nếu như không tu đạo Bồ đề thì sẽ trở thành Kim Chuyển Luân Thánh Vương, còn biết phát Bồ đề tâm tu hành thì sẽ thành Phật. Được làm Chuyển luân vương là do tu hành bảy pháp:

1. Bố thí kẻ bần cùng 給施貧乏.
2. Kính dân hiếu dưỡng 敬民孝養豬 hiếu dưỡng phụ mẫu tôn kính mọi người
3. Cúng dường pháp hội (四時八節以祭四海).
4. Tu hạnh nhẫn nhục 時修忍辱.
5. 6 và 7: Trừ tam độc tham, sân, si. 除三毒.

Kim Chuyển Luân Thánh Vương đệ nhất trong loài người.

Nếu còn biết đem công đức như vậy đối trước chùa tháp hay kinh tượng đã tu bổ mà phát nguyện hồi hướng, thì những vị quốc vương cho đến những người cùng phát tâm, đều sẽ thành Phật Đạo, vì quả báo đó thật vô lượng vô biên.

phát nguyện hồi hướng: giúp chúng ta phá kiến chấp và ngã chấp. Hồi nhân hướng quả 迴因向果, sẽ khiến chúng ta đắc Báo Thân; hồi sự hướng lý 迴事向理 sẽ giúp chúng ta đắc Pháp Thân; hồi tự hướng tha 迴自向他 sẽ khiến chúng ta thành tựu Hóa thân.

Nếu chúng ta tu hạnh bố thí mà không biết hồi hướng như trên thì chỉ được phước báu nhân thiên chứ không trồng nhân Niết Bàn. Khi Lương Võ Đế hỏi Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma: "Từ khi làm hoàng đế, trẫm đã xây vô số chùa và cho phép, hộ trì vô số người xuất gia, như vậy có bao nhiêu công đức?" Tổ sư đáp: "Thật ra không có công đức gì cả. Đó chỉ là nhân thiên phước báu nho nhỏ, là những nhân hữu lậu". Hoàng đế liền hỏi: "Vậy công đức chân chính là gì?" Bồ Đề Đạt Ma đáp: "Tịnh trí diệu viên 淨智妙圓, thể tự không tịch 體自空寂: Những công đức đó không thể kiếm trong nhân gian được". Vì thế, chúng ta nên hồi sự hướng lý, như thế mới có thể tương ưng với Bát Nhã Thật Trí 與般若實智相應.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến Bà la môn đẳng, thấy những người già, bịnh và phụ nữ lâm bồn mà, dầu chỉ trong một niệm, phát đại từ tâm, chu cấp y dược, ẩm thực và ngoạ cụ, khiến họ an lạc, thì phước lợi này bất khả tư nghị, trong một trăm kiếp thường làm chúa trời Tịnh cư, trong hai trăm kiếp thường làm chúa trời Lục Dục, cuối cùng thành Phật, vĩnh viễn không đoạ ác đạo, cho đến trăm ngàn đời không nghe đến âm thanh đau khổ.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến Bà la môn đẳng, thấy những người già, bịnh và phụ nữ lâm bồn mà, dầu chỉ trong một niệm, phát đại từ tâm, chu cấp y dược, ẩm thực và ngoạ cụ, khiến họ an lạc, thì phước lợi này bất khả tư nghị.

Phần này đề cập phước điền.

phát đại từ tâm: Phát khởi tâm đồng thể đại bi (thương người như thể thương thân) dầu chỉ trong giây lát thôi, cũng tạo công đức bất khả tư nghì.

Người già và kẻ bịnh thật khổ sở, họ thuộc về phước điền cho chúng ta (ba loại phước điền: người già, bịnh nhân và phụ nữ sinh sản). Những người này nếu không được giúp đỡ thì họ có thể bị chết một cách rất đau đớn. Nếu phụ nữ sinh đẻ mà không có thức ăn, nước uống, thuốc men và thầy thuốc đúng lúc thì cả mẹ lẫn con có thể chết. Vì thế mà đức Phật nói có tám loại phước điền:

1) Đức Phật、
2) Thánh nhân、
3) Hòa Thượng 、
4) A xà lê、
5) Tăng ni、
6) Cha、
7) Mẹ、
8) Bịnh nhân: giúp người bịnh là đệ nhất.

trong một trăm kiếp thường làm chúa trời Tịnh cư, trong

hai trăm kiếp thường làm chúa trời Lục Dục, cuối cùng thành Phật, vĩnh viễn không đoạ ác đạo, cho đến trăm ngàn đời không nghe đến âm thanh đau khổ.

chúa trời Tịnh cư 淨居天主 ở trên cõi trời Tứ Thiền.

một trăm kiếp 百劫: chỉ đại kiếp.

hai trăm kiếp thường 二百劫: chỉ trung kiếp.

Đại Luận Tam Thập Nhị nói: Bố thí mà không lìa dục 未離欲布施 khiến được sinh cõi người vào hàng phước quí 福貴 và lục Dục Thiên. Nếu bố thí mà lìa dục tâm 離欲心布施, thì sẽ được sinh lên cõi Phạm Thiên cho đến Quảng Quả Thiên 生梵世天上 • 乃至廣果. Nếu bố thí mà lìa sắc tâm 離色心布施, thì sẽ sinh lên cõi Vô Sắc. Nếu có thể bố thì mà lìa tam giới 離三界布施, (dục giới, sắc giới và vô sắc giới) thì đó là Niết Bàn: chắc chắn sẽ đắc A La Hán quả. Nếu bố thí mà lìa ác, không đấu tranh 布施時 • 厭惡憒鬥,không mê muội và tán loạn (có định và huệ), thích nhàn hạ và yên tỉnh 好樂閑靜: thì sẽ đắc Bích Chi Phật. Khi bố thí mà sinh tâm đại bi 起大悲心, muốn cứu độ các chúng sinh: thì sẽ đắc đệ nhất thậm thâm rốt ráo trí huệ (Nhất thiết chủng trí) và thành Phật .

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến bà la môn, làm bố thí được như vậy thì đắc vô lượng phước. Nếu còn biết hồi hướng, bất cứ nhiều hay ít, thì cuối cùng đều thành Phật, huống chi quả báo làm Đế thích, Phạm vương hay Luân vương. Vì vậy Địa Tạng, hãy khuyến khích chúng sinh nên làm theo như vậy.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, những vị quốc vương cho đến bà la môn, làm bố thí được như vậy thì đắc vô lượng phước. Nếu còn biết hồi hướng, bất cứ nhiều hay ít, thì cuối cùng đều thành Phật.

biết hồi hướng, bất cứ nhiều hay ít thì cuối cùng đều thành Phật vì thế pháp hồi hướng rất quan trọng.

Nên học cách bố thí với từ tâm, bi tâm, bình đẳng tâm, lân mẫn tâm 憐憫心, và thông cảm tâm. Như vậy thì phước báu vô lượng. Lại còn có thể tăng bội phần nếu biết hồi hướng Pháp Giới. Cũng như đổ tách nước vào đại dương, dầu nước rất ít thì vẫn thành nước của đại dương.

huống chi quả báo làm Đế thích, Phạm vương hay Luân vương. Vì vậy Địa Tạng, hãy khuyến khích chúng sinh nên làm theo như vậy.

Hiền Ngu Kinh 賢愚 kể: Trưởng giả Tô Đạt Đa 蘇達多 và Xá Lợi Phất 身子 đang dùng dây đo tịnh xá. Xá Lợi Phất bỗng nhiên mỉm cười, trưởng lão hỏi tại sao. Thân Tử đáp: "Trong lúc ông đang xây cất tịnh xá này thì cung điện trời

trong lục Dục Thiên đã hoàn tất cho ông. Và Xá Lợi Phất tiếp tục dùng Thiên Nhãn quan sát, ngài bỗng nhiên trở nên đăm chiêu và buồn bả. Tô Đạt Đa hỏi, ngài trả lời: "Trước đây, khi Phật Tỳ Bà Thi 毗婆尸cũng đang xây cất tịnh xá ở đây, những con kiến này mới ra đời. Sau khi trải qua thất Phật mà chúng nó vẫn còn làm thân kiến ở đây. Chúng thọ thân kiến cả 91 đại kiếp mà không thoát được. Sinh tử thật lâu dài và vô tận. Trồng phước rất quan trọng cho sự giải thoát. Nhưng, nếu không cầu phước cho riêng mình mà biết hồi hướng cho pháp giới thì dầu chủng tử nhỏ đến đâu chúng ta cũng sẽ thành Đạo.

Trong Hiền Ý Kinh 堅意經, đức Phật nói với A Nan Đà: rộng thuyết về bố thí sẽ trồng phước cho sinh tử. Cũng giống như trồng chủng tử: gieo hạt gì thì đắc cây ấy. Không thể có quả mà không trồng nhân. Trồng chủng tử thiện giúp chúng ta đắc phước báo cho bản thân.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong đời vị lai, thiện nam tử thiện nữ nhân nào, trồng một ít thiện căn ở trong Phật Pháp, dầu chỉ bằng sợi lông cọng tóc hay hạt bụi đi nữa, phước báo họ nhận được cũng không thể ví dụ.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong đời vị lai, thiện nam tử thiện nữ nhân nào, trồng một ít thiện căn ở trong Phật Pháp, dầu chỉ bằng sợi lông cọng tóc hay hạt bụi đi nữa, phước báo họ nhận được cũng không thể ví dụ.

Ai cũng có cơ hội hành pháp Bố thí. Bố thí là pháp đầu tiên của lục Ba la mật, là phương pháp tu của Bồ Tát Đạo.

Lục Tổ nói: "Nội xả tham kiên 內捨貪慳, ngoại lợi chúng sinh 外利衆生, thị danh bố thí 是名布施; nghĩa là: bên trong xả bỏ tham lam và keo kiệt, bên ngoài làm lợi cho chúng sinh, thì gọi là bố thí".

Kiếp trước, A Dục Vương là một đứa bé ăn xin đang chơi trên bờ biển. Em bé thấy đức Phật đi ngang qua liền lấy cát đắp thành cái bánh mà cúng dường Phật. Như thế mà trồng được nhân để thành một trong những vị đại hoàng đế của Ấn Độ.

Đại Luận nói: "Dầu có đủ các loại phước điền, Phật phước điền thù thắng nhất, vì có đầy đủ vô tận Phật Pháp".

Đại Luận lại nói: Phật phước điền thanh tịnh, vì đã bức nhổ tất cả các ái dục v.v... phiền não. Giới luật là đất bằng phẳng. Đại từ bi tạo nên đẹp đẽ và lương thiện: vì có thể diệt trừ đất tà ác và nước mặn. Thất Bồ Đề Phần ví như bờ đê giữ đồng ruộng 溝塍. Thập Lực, Tứ Vô Úy và Tứ vô biên Trí cũng như bức tường 牆. Tất cả có thể tạo Tam Thừa, và quả Niết Bàn. Trồng trong cánh đồng vô thượng và vi diệu này thì sẽ được vô tận phước báu.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào gặp hình tượng Phật, Bồ Tát, Duyên Giác hay Luân vương, biết bố thí cúng dường thì được phước

vô lượng, thường ở trong nhân thiên thọ thắng diệu lạc. Nếu biết hồi hướng cho pháp giới, thì phước lợi của họ không thể ví dụ.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào gặp hình tượng Phật, Bồ Tát, Duyên Giác hay Luân vương, biết bố thí cúng dường.

Đức Phật dạy A Nan Đà: Dạy người để họ thoát khổ não gọi là kính điền 敬田 của chúng sinh.

Trong thời không có Phật tại thế, nếu cúng dường cho **hình tượng** Phật cũng tạo ra phước bất khả tư nghì.

Hai cõi nhân thiên thuận tiện cho sự đắc Đạo. Trong cõi người, kiết sử tương đối nhẹ 結使薄, và tâm chán bỏ thế tục có thể dễ sinh ra 厭心易生. Trên cõi Trời, trí huệ thì sắc bén 智慧利. Cho nên hai cõi này dễ tu Đạo hơn.

Quang Minh Sớ 光明疏 nói: cõi người tượng trưng cho Tam Hiền và cõi Trời tượng trưng cho Thập Thánh Địa.

Đại Luận nói: "Những người tu hành bố thí, được nổi tiếng khắp thập phương và được thánh nhân kính mến. Họ được vô úy trong cõi người và sẽ sinh lên cõi Trời khi chết. Rốt cuộc, họ cũng nhập Niết Bàn.

thì được phước vô lượng, thường ở trong nhân thiên thọ

thắng diệu lạc. Nếu biết hồi hướng cho pháp giới, thì phước lợi của họ không thể ví dụ.

Đại Luận nói: "Giàu có là nhân duyên tạo ra ác tâm. Chúng ta nếu biết từ bỏ tài sản cũng sẽ tạo ra đại phước tài. Bàn về không chịu bố thí, keo lẫn là tướng của những sự không may và bại hoại慳為凶衰相 khan vị hung suy tướng • 為之生憂危畏 vị chi sanh ưu nguy úy (tạo ra sầu não và sợ sệt). Phải biết tẩy nó với nước bố thí 洗之以施水 • 則為生福利 vì bố thí sẽ sinh phước lợi.

Cũng theo Đại Luận, đức Phật giảng rằng trong hai loại bố thí, Pháp thí đứng đầu. Tài thí: quả báo còn có hạn lượng 果報有量. Pháp thí thì quả báo lại vô hạn lượng. Tài thí tạo ra quả báo trong Dục Giới. Pháp thí thì tạo ra vừa quả báo trong tam giới vừa quả báo xuất thế. Nếu không cầu danh, tài, lợi, và quyền lực, chỉ vì tâm đại từ bi muốn cứu độ chúng sanh đang khổ não thì gọi là thanh tịnh bố thí.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào gặp được kinh điển Đại Thừa, dầu chỉ nghe được một bài kệ hay một câu đủ nghĩa, mà thiết tha, trân trọng, tán thán, cung kính và bố thí cúng dường, thì kẻ đó được vô lượng vô biên đại phước báo. Nếu biết hồi hướng cho pháp giới, thì phước đó không thể ví dụ.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào gặp được kinh điển Đại Thừa, dầu chỉ nghe được một bài kệ hay một câu đủ nghĩa, mà thiết tha, trân trọng, tán thán, cung kính và bố thí cúng dường,

Đoạn trước mô tả Phật phước điền. Tiếp theo, chúng ta nghe về Pháp điền.

kinh điển Đại Thừa rất hiếm có. Ngay nếu có kinh tiếng Việt, có bao nhiêu chú thích chân thật là được giảng rõ ràng theo ý Phật Bồ Tát?

Đại Thừa: Tại sao gọi là đại? Theo Khởi Tín Luận 起信論, có ba lý do:

1) Đại thể: Tất cả các Pháp, Chân Như đều bình đẳng, không tăng không giảm.
2) Đại tướng: Như Lai Tạng có đầy đủ vô biên công đức.
3) Đại dụng: có thể tạo ra tất cả thế gian và xuất thế nhân quả của thiện.

Kinh Đại Niết Bàn nói: Từ thinh văn 聽聞, chúng ta có thể thân cận Niết Bàn lạc, nhờ mở Pháp Nhãn. Có ba hạng người:

1) Không mắt 無目: Như phàm phu, họ thường không được nghe Pháp,
2) Một mắt: Như Nhị Thừa, họ nghe được một thời gian ngắn nhưng tâm không trụ tại đó.
3) Hai mắt: Như Bồ Tát, họ nhất tâm nghe và tu hành theo.

Sau khi chủng tử Pháp vào đệ bát thức thì chắc chắn sẽ giúp

chúng ta thành Đạo khi nhân duyên thành thục.

Của cải có giới hạn nhưng Pháp thì vô giới hạn.

thì kẻ đó được vô lượng vô biên đại phước báo. Nếu biết hồi hướng cho pháp giới, thì phước đó không thể ví dụ.

Đức Phật bảo A Nan Đà: Nếu được Thầy chỉ dạy rồi nghe lời và hành trì dù chỉ một câu kinh hay một bài kệ thì ân của vị Thầy rất lớn lao. Để trả ơn dù cỏng trên lưng cả ngàn kiếp, thường đảnh lễ và cúng dường cũng không thể nào báo ân được. Kẻ nào có tư tưởng không kính trọng thầy và thường nói xấu thầy, Như Lai bảo rằng đó là quá đổi ngu si, sẽ bị quả báo cực thống khổ. Người như vậy chắc chắn sẽ đọa vào ác đạo. Cho nên Như Lai mới dạy chúng ta nên thường có tâm kính trọng, tôn quí Tam Bảo. Làm như thế thì sẽ đắc vô lượng đại quả.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng! Trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, gặp chùa tháp Phật, và kinh điển đại thừa mà biết bố thí cúng dường, chiêm lễ tán thán, cung kính chắp tay; hoặc tu bổ chỉnh đốn chùa tháp kinh điển hư hoại, tự mình phát tâm ra sức làm, hay khuyến khích nhiều người cùng phát tâm chung sức. Những người chung sức thì trong ba mươi đời thường làm tiểu quốc vương, còn người chủ xướng thì làm luân vương, lại đem thiện pháp giáo hóa các tiểu quốc vương.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng! Trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, gặp chùa tháp Phật, và kinh điển đại thừa mà biết bố thí cúng dường, chiêm lễ tán thán, cung kính chắp tay; hoặc tu bổ chỉnh đốn chùa tháp kinh điển hư hoại, tự mình phát tâm ra sức làm, hay khuyến khích nhiều người cùng phát tâm chung sức. Những người chung sức thì trong ba mươi đời thường làm tiểu quốc vương, còn người chủ xướng thì làm luân vương, lại đem thiện pháp giáo hóa các tiểu quốc vương.

tự mình phát tâm ra sức làm [người chủ xướng (Đàn Việt)] 檀越之人: là người lãnh đạo đề xướng việc cúng dường này.

Các chùa và kinh điển đều có hộ pháp cả. Cho nên cúng dường bằng cách đảnh lễ hoặc sửa chửa chùa tháp hoặc kinh sách sẽ tạo ra vô lượng phước.

Không nên nghi ngờ rằng nhiều nhà vua hoặc tổng thống đã thường từng cúng dường Tam Bảo.

Có năm vị vua làm bạn thân thiết với nhau. Vị vua có quyền thế nhất tên là Phổ An 普安. Vua hành Bồ Tát đạo. Bốn vua kia thì thích tà hạnh. Vua Phổ An lập phương tiện và mời bốn vua bạn đến vui chơi một tuần. Khi chia tay, họ lần lượt phát biểu chí nguyện. Một vị vua muốn mặt trăng luôn sáng tỏ, rừng và cây cối luôn xanh tươi để ông ta tha hồ du ngoạn ngắm cảnh. Vua khác muốn được luôn luôn làm vua, và được mọi người tôn quí. Vua kế tiếp muốn tất cả hoàng tử đều tuấn

tú và cung phi đoan trang, hòa hợp. Vua sau cùng muốn cha mẹ và quyến thuộc sống theo luân thường đạo đức. Đại hoàng đế nói: "Tất cả mong ước đó đều không phải hạnh phúc lâu dài!" Bốn vua bạn hỏi: Vậy hoàng đế muốn gì? Ông ta đáp: "Tôi mong không sinh không tử, không khổ không vui, không đói không khát, không lạnh không nóng, và được tự tại dầu sống hoặc chết". Các vị vua kia đều phản đối: "Có gì thích thú đâu?" Cả năm vị vua quyết định đến hỏi đức Phật. Đại hoàng đế thỉnh Phật giảng cho các bạn nghe Khổ Đế. Đức Phật giảng tường tận về bát khổ. Nghe xong, bốn tiểu vương hoan hỷ và đắc Sơ quả A La Hán. Họ đảnh lễ đại vương và nói: "Ngài thật sự là Bồ Tát đã dẫn dạy chúng tôi một các rất kiên nhẫn. Chúng tôi không thể đắc quả nếu như không được ngài giúp đỡ. Trước đây, chúng tôi rất chấp trước vương cung. Bây giờ, chúng tôi coi đó chỉ như phòng tắm và không còn mê thích nữa". Bốn vị đều bỏ ngôi vua và xuất gia tu Đạo. Chuyện được kể trong A Hàm Tạng.

Lời Kinh:

Lại nữa Địa Tạng, trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, trồng thiện căn trong Phật pháp, hoặc bố thí cúng dường, hoặc tu bổ chùa tháp, hoặc trang lý kinh điển, dẫu chỉ bằng một sợi lông, một mảy bụi, một hạt cát, một giọt nước đi nữa, nếu biết đem thiện sự như vậy, hồi hướng cho pháp giới, thì công đức người ấy, được trăm ngàn đời thọ thượng diệu lạc. Nếu chỉ biết hồi hướng cho tự thân quyến thuộc, hay chỉ biết cầu tư lợi bản thân, thì kết quả chỉ được ba đời thọ lạc. Tâm hồi hướng càng rộng thì qủa báo tốt đẹp càng lớn lao. Bỏ một được cả vạn báo.

Vì vậy Địa Tạng, bố thí nhân duyên qủa báo là như thế.

Lời giảng:

Lại nữa Địa Tạng, trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, trồng thiện căn trong Phật pháp, hoặc bố thí cúng dường, hoặc tu bổ chùa tháp, hoặc trang lý kinh điển, dẫu chỉ bằng một sợi lông, một mảy bụi, một hạt cát, một giọt nước đi nữa.

Phước Điền Kinh 福田經 nói: "Đức Phật bảo Đế Thích, trong 96 loại đạo, Phật Đạo đệ nhất; trong 96 loại Pháp, Phật Pháp chân thật nhất; trong 96 loại người xuất gia, Tăng đoàn Phật giáo chân chính nhất". Tại sao vậy? Tại vì từ a tăng kỳ kiếp trước, chư Phật phát nguyện tìm sự Thật 發願誠諦 và hy sinh tính mệnh để tích lũy đức. Các ngài thề nguyện thành thục chúng sinh, đã tu lục độ, vạn hạnh v.v… Thiện căn của quý ngài viên mãn và tỏa rộng khắp nơi. Hậu đắc Trí huệ thành tựu hoàn mỹ. Các vị Trời tôn quí nhất trong tam giới không thể so sánh được.

Đại Luận nói: "Có ba loại thiện căn: vô tham, vô sân và vô si. Tất cả các thiện Pháp phát triển từ ba thiện căn này".

Thiện căn là phước báu.

Trong Đại Luận, đức Phật và A Nan Đà đang khất thực. Lúc ấy, một vị vua tin đạo Bà la môn ra chiếu muốn phạt 500 đồng vàng bất cứ ai hầu chuyện với hoặc cúng dường cho Phật. Vì thế nên cả hai đều trở về với bình bát trống trơn. Họ gặp một người nô bộc già nua đang cầm một bình sứ vỡ có

thức ăn dơ bẩn và hạ hạng. Bà ta thấy bình bát trống của Phật nên phát tâm muốn cúng dường. Đức Phật biết nên duỗi tay cầm bình bát mà khất thực. Bà nô bộc cúng dường với tâm thanh tịnh. Đức Phật nói A Nan Đà rằng nhờ sự cúng dường đó, bà ta sẽ hưởng 15 kiếp phước báu và khoái lạc trong cõi nhân thiên. Bà ta không bao giờ đọa ác đạo. Sau này bà ta được thân đàn ông, xuất gia và đắc Bích Chi Phật.

Ví Dụ Kinh 譬喻經 kể câu chuyện này. Ngoài thành Xá Vệ 舍衛城, có một người đàn bà có tịnh tín. Đức Phật đến nhà bà ta khất thực. Bà ta để thức ăn trong bình bát của Phật để cúng dường và đảnh lễ. Đức Phật nói: trồng một sinh mười 種一生十, trồng 10 sinh 100, trồng 100 sinh 1,000, trồng 1,000 sinh 10,000, trồng 10,000 sinh 100,000. Con sẽ kiến Đế Đạo 得見諦道. Chồng không tin, và âm thầm chỉ trích Phật. Ông ta nghĩ: Vô lý! Làm sao chỉ cúng dường một tô cơm mà có thể được nhiều phước báu như vật và lại có thể đắc Đạo? Đức Phật hỏi: ông có thấy cây Ni Câu Đà 尼拘陀 न्यग्रोध không? Thân to lớn nhưng hạt thì nhỏ bé. Ông có nói là thân to chủng tử nhỏ thật là vô lý không? Ông chồng trả lời là không. Đức Phật nói tiếp: "Cũng như vậy, đại địa vô tri nhưng báo lực quảng đại 地是無知•其報力尚爾. Huống gì loài người biết hoan hỉ cúng dường cơm cho Phật, những phước báo còn nhiều hơn nữa. Ông chồng sáng trí và đắc Sơ quả A La Hán.

Một người Bà la môn đến gặp Phật và nói: "Ngài là thái tử con Tịnh Phạn Vương. Tại sao lại đi khất thực và vọng ngữ?" Đức Phật thè lưỡi ra, lưỡi rộng đến có thể che mặt và dài đến

có thể đụng chân tóc và nói: "Ông có bao giờ thấy người có lưỡi dài như vậy mà nói dối chưa?" Bà La Môn phát tín tâm và nói: "Tôi không hiểu sao bố thí một ít mà lại có thể tạo ra quả báo lớn như vậy được." Đức Phật nói: "Ông có bao giờ thấy vật gì kỳ lạ chưa?" Bà La Môn nói: "Tôi có lần thấy một cây Ni Câu Đà có cành lá có thể che 500 xe ngựa." Đức Phật hỏi: "Chủng tử cây bao lớn?" Ông ta đáp: "Nó khoảng một phần ba của hạt mè." Đức Phật hỏi: "Làm sao có thể được?" Bà La Môn nói: "Nhưng thật như thế!" Đức Thế Tôn bảo: "Tôi thấy người đàn bà đó cúng dường với tịnh tâm nên mới đắc được quả báo lớn lao như vậy, không khác gì cây đó: một nhân nhỏ có thể tạo ra quả báo lớn" Tâm người Bà La Môn khai mở và bỗng nhiên hiểu. Ông ta xin lỗi và sám hối với Phật. Phật giảng Pháp cho ông ta. Nghe xong, ông ta chứng Sơ quả A La Hán và tuyên bố: "Quý vị ơi! Pháp môn cam lồ đã mở rộng, tại sao lại không chịu bước qua ngưỡng cửa?" Nhiều người nghe lời ông ta. Họ đem 500 đồng vàng đến trước vua (để xin đóng tiền phạt vì vua cấm họ không được cúng dường cho Phật) và xin cúng dường cho Phật. Thấy vậy, Vua và bá quan cũng đến qui y với Phật. Ngài nói Pháp cho họ. Tất cả đều đắc quả. Cho nên kinh khuyên chúng ta nên bố thí dầu không có nhiều tiền của.

Một lần, Ma Ha Mục Kiền Liên thấy một tiên nữ ngồi trên hoa sen rộng 100 do tuần. Hoa sen tuyệt vời và không hoa nào có thể sánh bằng. Mọi sự cần dùng của tiên nữ: cung điện, ẩm thực v.v... đều như ý. Mục Kiền Liên sinh tâm hiếu kỳ và hỏi tiên nữ làm sao có nhiều phước như vậy. Cô ta đáp rằng sau khi Phật Ca Diếp nhập Diệt, chư đệ tử xây tháp để thờ xá lợi của ngài. Lúc ấy, bà ta là một người phụ nữ đến viếng chùa. Bà ta thấy hình tượng Phật, niệm hồng danh của ngài và tháo hoa cài trên đầu xuống cúng dường hình tượng.

Nhờ thế có phước báu như vậy!

nếu biết đem thiện sự như vậy, hồi hướng cho pháp giới, thì công đức người ấy, được trăm ngàn đời thọ thượng diệu lạc. Nếu chỉ biết hồi hướng cho tự thân quyến thuộc, hay chỉ biết cầu tư lợi bản thân, thì kết quả chỉ được ba đời thọ lạc.

Có năm nhân duyên để thành quyến thuộc (cha /con, chồng/vợ, anh chị em, gia đình):

1) Oán gia 怨家 (như cha con giết nhau).
2) Trái chủ 債主 (như con trai phí phạm tài sản cha mẹ).
3) Thường trái 償債 (như con gái cúng dường cho cha mẹ).
4) Bổn nguyện 本願. (như phát nguyện kiếp trước, nên bây giờ gặp lại để giúp đỡ, vui lòng làm như vậy.
5) Chân hữu 真友 (như kiếp trước đã cùng tu giờ gặp lại để giúp đỡ lẫn nhau).

Bỏ một được cả vạn báo.

Vì vậy Địa Tạng, bố thí nhân duyên qủa báo là như thế.

Xả bỏ một thì sẽ đắc một vạn 捨一得萬報: hành động bố thí có cấp số nhân.

bố thí nhân duyên qủa báo là như thế: Ví Dụ Kinh 譬喻經 nói: Trong quá khứ, có hai tỳ kheo chứng Sơ quả A La Hán. Một vị tu hạnh bố thí và khất thực để tạo phước. Vị kia

thì lại thích ngồi thiền và tự thủ 自守. Ông ta không thích tu phước. Ông ta lại khuyên người bạn tỳ kheo: "Tại sao huynh không tọa thiền? Trụ nơi tĩnh Không thì được tự tại, xúc cảnh sinh Động chỉ tạo khổ thôi 空自動苦". Người tu phước trả lời: "Đức Phật thường khuyên các tỳ kheo hành bố thí". Sau khi hai người này chết đều sinh vào gia đình trưởng giả. Người tu phước sinh làm con trai: được gia bộc chăm sóc kỹ lưỡng, áo quần đầy đủ, và hoan lạc. Người tu thiền sanh làm con của người nô bộc, ngồi một mình trên đất, đói, khát và tủi thân mà khóc. Cả hai đều có túc mạng thông. Lúc đó người con trưởng giả bảo con của nô bộc: "Tôi đã khuyên huynh tu bố thí nhưng huynh nhất định không tin. Bây giờ có khổ sở âu cũng là lỗi của mình. Khóc lóc làm gì?" Sau này, cả hai đều xuất gia và chứng A La Hán quả. Con trưởng giả thường ngồi thiền những đệ tử thường đến cúng dường ẩm thực và y phục. Vị kia phải đi khất thực nhưng ít ai chịu cúng dường, thường phải chịu đói khát. Vì thế, người tu Đạo nên giữ giới, hành thiền, tụng kinh và tu phước.

Đại Ái Đạo Kinh 大愛道經 nói: Nếu diệt trừ nghiệp trong kiếp này thì kiếp sau sẽ được khoan hồng 今世滅罪 • 後世得申. Nếu giàu có mà không chịu bố thí, thì đời đời kiếp kiếp sẽ bần cùng 有財不施 • 世世受貧. Cho nên, nhập Đạo cần phải có trí huệ làm căn bản 故入道必以智慧為本. Trí huệ thì cần có phước đức để làm căn bản 智慧必以福德為基. Đây không khác gì chim cần hai cánh để bay 10,000 tầm 尋, xe cần hai bánh xe để đi 1,000 lý. Duyên phải có mặt mới thành tựu chánh nhân. Duyên liễu thì tư

lương thành Chánh nhân. Đó là giúp độ khai Phật tính 緣了之資成正因•是度之助開佛性.

Phẩm 11: Thần Đất Hộ Trì

Hai phẩm trước bàn về Phật và Pháp Bảo. Phẩm này kể chuyện thần đất phát tâm làm hộ pháp. Khi tu luyện, thì cần chỗ ở và ẩm thực. Chỗ ở và thức ăn đều dựa vào thần lực của thần đất.

Tên của **địa thần** 地神 được bàn trong phẩm này tên là "Kiên Lao 堅牢", vì đó là đặc tính chủ yếu của đất. Đối với quả đất, chúng sinh nhỏ nhít không khác gì sâu bọ trên thuyền vượt đại dương: dầu có chạy lui chạy tới trên thuyền nhưng không thể nào xê dịch thuyền được, cũng vậy, quả địa cầu di động trong không gian với chúng sinh ở trên.

Có rất nhiều thần đất. Trong Kinh Trường A Hàm, thần đất lỗi lạc nhất, Kiên Lao, hiện trước đức Phật với thái độ cao ngạo, và quả quyết rằng không có thần nào quan trọng hơn mình, chỉ cô ta mới là vị thần tối cao. Thần nầy rất bất mãn khi nghe Phật giảng rằng còn có thủy thần, hỏa thần cũng như có địa thần khác. Ngài dùng nhiều phương tiện để thuyết phục Kiên Lao; Phật giảng Tứ Diệu Đế, cô ta lập tức xa lìa trần lao và đắc pháp nhãn tịnh 遠塵離垢 • 得法眼淨. Kiên Lao không còn tự mãn và xin qui y Tam Bảo, phát nguyện cho đến tận cuộc đời sẽ không sát sinh, cho đến cả không uống rượu, và làm cận sự nữ.

Cũng như tứ đại thần hiện diện trong không gian, tứ đại cũng có mặt trong thân thể của chúng sinh.

Danh từ "địa" được giải thích ở đầu kinh. Theo phương diện sự, địa có thể sinh trưởng tất cả thứ. Bây giờ, địa sẽ được giảng nghĩa theo phương diện lý, qua bốn đặc tính của Niết Bàn: thường, lạc, tịnh, và chân ngã. Địa bất biến nên có thể gọi là **thường**; vì địa là nơi nương tựa của vạn vật nên có thể gọi là có **lạc** đức. Địa sinh trưởng và dựng lập tất cả vì tất cả vốn thanh tịnh lúc thành lập nên địa có **tịnh** đức; địa tự lập và tự tại 地力自在, và có thể coi là có đức tính **chân ngã.**

Tưởng niệm Đạo và hoằng Pháp đều cần nương tựa vào địa (tâm thể, lý tánh) 意道弘經必藉地. Chuyển Pháp Luân cần có thức ăn 轉法須賴食(dụng). Địa thần này cảm thấy mình làm chủ mặt đất và thức ăn không thể phát triển nếu không có cô ta (tướng) 地由我主之•食亦由我生之.

Trong chương này, địa thần phát nguyện bảo vệ những người tụng kinh này và niệm hồng danh Địa Tạng Bồ Tát.

Lời Kinh:

Bấy giờ thần đất Kiên Lao bạch đức Thế Tôn: Từ xưa đến nay, con chiêm ngưỡng và lễ bái vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, họ đều có bất khả tư nghì đại thần thông và trí huệ, quảng độ chúng sinh. Đối với châu Diêm Phù này, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ma Tát có đại nhân duyên. Như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc, cũng hóa thân làm trăm ngàn thân hình để độ lục đạo chúng sanh, nhưng thệ nguyện của các ngài vẫn có lúc hoàn tất. Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa tất cả lục đạo chúng sinh, phát thệ nguyện trải qua số kiếp nhiều như ngàn trăm ức Hằng hà sa.

Lời giảng:

Bấy giờ thần đất Kiên Lao bạch đức Thế Tôn: Từ xưa đến nay, con chiêm ngưỡng và lễ bái vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, họ đều có bất khả tư nghì đại thần thông và trí huệ, quảng độ chúng sinh

chiêm ngưỡng 瞻視 tức là nhìn không chớp mắt.

Đối với châu Diêm Phù này, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ma Tát có đại nhân duyên. Như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc, cũng hóa thân làm trăm ngàn thân hình để độ lục đạo chúng sanh, nhưng thệ nguyện của các ngài vẫn có lúc hoàn tất.

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ma Tát có đại nhân duyên: Ngài đã từng cứu vô lượng chúng sinh thoát khỏi địa ngục.

Ngoại trừ các ngài Văn Thù Sư Lợi, Phổ Hiền, Quan Âm và chư Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, nếu so sánh về phương diện thệ nguyện thì có thể có hạn chế hay không, nhưng các nguyện của Địa Tạng Bồ Tát thì vô tận.

Văn Thù: đi khắp mười phương để dạy chúng sinh phát Bồ Đề tâm. Ngài không đến Nam Châu thường xuyên. Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh 首楞嚴三昧經 nói: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát vốn là Long Chủng Tôn Phật 龍種尊佛. Ngài làm Bích Chi Ca Phật 辟支迦佛 cả 72 ức kiếp 七十二億劫. Trong Văn Thù Sư Lợi Niết Bàn Kinh 文殊師利涅槃經, đức Phật bảo Bạt Đà La: "Văn Thù Sư Lợi có

đại từ bi. Ngài sinh tại Đa La quốc vào nhà Bà La Môn. Lúc ra đời, dựa liên hoa mà sinh từ phía hữu của mẹ. Thân màu tử kim (tím vàng). Chân đụng đất thì có thể nói được và trên đầu thì có bảo cái che. Ngài xuất gia với Phật và trụ trong Thủ Lăng Nghiêm Định. 450 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn, ngài đến Tuyết Sơn và thuyết thập nhị bộ cho 500 tiên nhân, hóa độ và khiến họ trụ tại bất thối. Rồi đến chốn hoang vu, dưới cây bên hồ mà nhập Thủ Lăng Nghiêm Định. Chân lông xuất kim sắc quang, phổ chiếu thập phương thế giới. Khi độ những kẻ có duyên với ngài, thì thị hiện tử kim sắc thân cao trượng sáu sáng ngời trong ngoài và rất trang nghiêm. Bao quanh có 500 hóa Phật, mỗi Phật có 500 hóa thân Bồ Tát làm thị giả.

Văn Thù Sư Lợi thị hiện vô lượng thần thông nói không xiết. Truyện kể: Một vị thầy tên Biện Thông có việc đi đến đô thành. Trước khi đi, một vị tăng nhờ thầy giao thơ cho Bột Hà (nghĩa là cây bạc hà). Khi thầy đi ngang qua bờ sông thì nghe một đứa trẻ gọi tên con heo là Bột Hà, nên thầy giao thơ cho con heo có lông vàng. Heo nuốt thơ, đứng lên như người mà chết. Sau này Biện Thông mới vở lẻ rằng thầy của mình là Văn Thù Sư Lợi và heo là Phổ Hiền Bồ Tát. Chủ nhân heo là một đồ tể đã chỉ cho heo ăn lá bạc hà suốt 15 năm qua nên heo mới có tên là Bột Hà. Tỳ Kheo Hám Sơn và Xả Đắc cũng là Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền tái lai."

Phổ Hiền: bận rộn dạy tất cả các Bồ Tát tu vạn hạnh. Ngài ít khi trụ tại thế giới chúng ta.

Quan Âm: gởi phân thân khắp thập phương, hưởng ứng lời cầu khẩn của chúng sinh. Ngài chỉ thị hiện các loại hóa thân với những chúng sinh có duyên với ngài. Cho nên cũng ít

đến cõi này thường xuyên lắm.

Di Lặc: trụ tại trời Đâu Suất và dạy Vô Sinh Pháp Nhẫn. Ngài cũng ít đến Nam Châu.

Huệ Thượng Bồ Tát Kinh 慧上菩薩經 nói: Trong thời Câu Lâu Tần Phật 拘樓秦佛, có một tỳ kheo tên Vô Cấu 無垢. Ông ta sống trong hang núi. Ở gần thì có năm tiên nhân 神仙. Hôm nọ, một phụ nữ vào hang núi tránh mưa. Mưa tạnh thì cô ta bỏ đi. Năm tiên ông thấy vậy nên nghĩ rằng tỳ kheo phạm giới. Tỳ kheo nghe xong thì bước chân đi lên giữa không trung. Năm tiên ông hổ thẹn và sinh lòng sợ hải. Họ đảnh lễ tỳ kheo và sám hối. Tỳ kheo đó là Di Lặc Bồ Tát.

Chỉ có **Địa Tạng Bồ Tát** mới luôn luôn cứu độ chúng sinh trong tam ác thú. Đó là địa thần đã chứng kiến được.

Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa tất cả lục đạo chúng sinh, phát thệ nguyện trải qua số kiếp nhiều như ngàn trăm ức Hằng hà sa: Ngài lập những nguyện đó không phải chỉ với một vị Phật, nhưng thật ra, ngài thân cận vô lượng Phật và phát những nguyện như vậy trước mặt chư Phật.

Lời Kinh:

Bạch đức Thế Tôn: Con thấy chúng sanh trong đời hiện tại và vị lai kẻ nào nơi chỗ cư trú của mình, hướng về phương Nam, trên vùng đất sạch sẽ, lấy đất đá tre gỗ mà dựng cái thất, trong đó đắp vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hay đem vàng bạc đồng sắt đúc hình tượng Ngài, rồi

đốt hương mà cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ bái, tán thán, thì người ấy và chỗ ở chung quanh, được mười sự ích lợi.

Lời giảng:

Bạch đức Thế Tôn: Con thấy chúng sanh trong đời hiện tại và vị lai kẻ nào nơi chỗ cư trú của mình, hướng về phương Nam, trên vùng đất sạch sẽ, lấy đất đá tre gỗ mà dựng cái thất, trong đó đắp vẽ hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, hay đem vàng bạc đồng sắt đúc hình tượng Ngài, rồi đốt hương mà cúng dường, chiêm ngưỡng, lễ bái, tán thán, thì người ấy và chỗ ở chung quanh, được mười sự ích lợi.

Bàn về cúng dường hình tượng Bồ Tát: Hình tượng là để cho chúng sinh sinh tâm cung kính 起敬之門.

Hạnh chiêm ngưỡng hình tượng Phật Bồ Tát là mắt nhìn mãi không muốn rời. Cái nhìn này thanh tịnh vì không khởi tình cảm dục vọng. Khi chúng ta chiêm ngưỡng Phật thì các tham dục được biến thành trí huệ, nên sự ngắm nhìn hồn nhiên và kính cẩn vì vậy gọi là **chiêm ngưỡng, đảnh lễ và tán thán** 瞻禮讚歎. Chúng ta có thể chiêm ngưỡng một hình tượng, trong một thời gian rất dài, nhờ thế có thể chứng Phật vị qua pháp chiêm ngưỡng. Cũng vậy, nếu chúng ta chiêm ngưỡng hình tượng Địa Tạng Bồ Tát thì có thể đắc trí huệ.

Lời Kinh:

Thế nào là mười lợi ích? Một là đất đai phì nhiêu, hai là

nhà cửa luôn yên ổn, ba là tổ tiên được sinh thiên, bốn là người sống tăng thọ, năm là ước muốn được toại ý, sáu là không bị tai họa nước lửa, bảy là không bị mọi sự hao tổn, tám là dứt hẳn ác mộng, chín là ra vào thần hộ vệ, mười là thường gặp thánh nhân.

Lời giảng:

Thế nào là mười lợi ích? Một là đất đai phì nhiêu, hai là nhà cửa luôn yên ổn, ba là tổ tiên được sinh thiên, bốn là người sống tăng thọ, năm là ước muốn được toại ý, sáu là không bị tai họa nước lửa, bảy là không bị mọi sự hao tổn, tám là dứt hẳn ác mộng, chín là ra vào thần hộ vệ, mười là thường gặp thánh nhân.

Mô tả những lợi ích của sự cúng dường hình tượng Bồ Tát.

Trước tiên, kinh nêu ra công dụng của đất đai là nền tảng mà nhà cửa được xây dựng trên đó. Tiếp theo, thì nói về gia đình và quyến thuộc, được yên ổn và an toàn, đó là do quỉ thần hộ trợ và bảo vệ. Sau cùng, phước báu cao nhất là gặp thánh nhân.

Ai tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát thì sẽ có **đất đai phì nhiêu 土地豐壤**, (**壤:無塊柔土** dịch từ chữ Hoa "nhưỡng": nghĩa là đất mềm, xốp; màu mỡ dân chúng dễ trồng trọt; **土: 以萬物自生** , thổ nghĩa là vạn vật có thể sinh trưởng) và trồng bất cứ gì thì cũng được mùa. Thu hoạch tốt không phải là không quan trọng, nhưng cũng cần có **nhà cửa luôn yên ổn 家宅永安 (家:擇吉託處)** để mà hưởng. Cho nên, lợi ích thứ

hai trong mười lợi là gia đình an lạc. Ngoài ra những ai biết tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát thì những thân quyến đã qua đời sẽ **sinh thiên** 先亡生天. Kim Quang Minh Kinh 金光明 nói: Nếu chúng sinh cúng dường kinh điển bằng cách trang nghiêm nhà cửa, (nơi có thờ kinh) cho đến treo tràng phan, bảo cái, lọng che, thì trên cõi trời Dục giới đã có một lâu đài thất bảo được thiết lập cho họ. Sau khi chết, họ sẽ được sinh lên đó và được bảy thiên nữ phục vụ để hưởng thiên phước. Ngày đêm, họ sẽ luôn luôn hưởng thọ vi diệu hỷ lạc không thể kể xiết.

Có người, nghi ngờ và nói rằng: Không ai có thể chứng minh rằng người đó sẽ được sinh lên cõi Trời. Đáp: Nếu quí vị tu hành tinh tấn, thì sẽ mở thiên nhãn và có thể tự mình thấy cõi Trời. Dầu sao đi nữa, lợi ích tiếp theo, có thể quan sát được là: **tăng thọ** 現存益壽.

Những lợi ích trên ảnh hưỡng lẫn nhau. Thứ năm là sở cầu tùy ý 所求遂意 (**遂: 從志; 莫不隨意; 在內**): mọi sự mong muốn như ý. Nếu muốn gặp được người hôn phối tốt, thì sẽ cưới được. Đương nhiên, tốt nhất là không tham muốn những việc này, nhưng có muốn đi nữa thì cũng được toại nguyện. Nếu xuất gia muốn thành tỳ kheo và tỳ kheo ni tốt thì cũng được như ý nguyện vậy.

Thứ sáu là không bị thủy hỏa tai 無水火災 (在外). **Hỏa** thần trông giống như một con chim màu đỏ một chân. Nó lập tức chạy xa khi bị ai gọi tên, Phương Miễn 方勉 (họ là Phương; tên là Miễn: khuyên lơn). **Thủy** thần, tên là Võng Tượng 罔象, trông giống như đứa bé có mắt màu đỏ, da màu

đen, móng dài (để bấu chụp và kìm hãm lại 鎖縛) và có tai rất dài đến đất.

Thứ bảy là miễn **tai họa** (gồm cả không bị nạn sâu bọ xâm chiếm) và tai nạn bất ngờ 虛耗辟除 (耗:多而亂; 俗謂正月十六日•為耗磨日官司不開倉庫) .

Lợi ích thứ tám là **dứt hẳn ác mộng** 杜絕惡夢. Đôi lúc, có người mơ và thức dậy thì khám phá rằng có một quái vật rất nặng đè trên thân khiến không thể cựa quậy được hoặc không thể nói được. Đó là vì bị một loại quỷ tên là yếm mị quỷ 魘魅鬼, hoặc Cưu bàn trà 鳩槃茶. Nếu biết tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát thì sẽ không còn bị loại qủy này làm phiền nữa.

Lợi thứ chín là **ra vào thần hộ** 出入神護: đi ở đâu cũng có qủy thần bảo vệ. Ví dụ, nếu lở bị tai nạn xe cộ thì sẽ thoát mà không bi sứt mẻ, nhờ được bảo hộ như thế. Quang Minh 光明 nói: Chúng tôi, Tứ Thiên Vương và 28 bộ quỉ thần, dùng thiên nhãn mà sức mạnh nhiều hơn mắt con người, để luôn luôn quan sát và bảo vệ Nam châu.

Chín lợi ích trước thuộc về thế gian.

Thứ mười là **thường gặp thánh nhân** 多遇聖因. Đây bao gồm cả nghe giảng kinh và cơ hội tu hành. Nhất là sẽ được gặp thiện tri thức. Theo Kinh Niết Bàn, thiện tri thức khiến chúng ta từ từ xa lánh ác pháp và tăng trưởng thiện pháp. Những ai chưa đắc định, huệ, giải thoát tri kiến, thì sẽ đắc

được. Những người đã đắc rồi thì được tăng trưởng.

Lời Kinh:

Bạch đức Thế Tôn, chúng sanh trong đời hiện tại và vị lai, tại chỗ ở của mình mà làm những sự cúng dường như vậy, thì được những sự ích lợi như thế đó.

Lời giảng:

Bạch đức Thế Tôn, chúng sanh trong đời hiện tại và vị lai, tại chỗ ở của mình mà làm những sự cúng dường như vậy, thì được những sự ích lợi như thế đó.

Nên chọn chỗ thờ trong nhà hướng Nam để thờ Địa Tạng Bồ Tát .

Thập Luận Kinh 十輪經 nói: Thiện nam tử, giả sử có người đối với Di Lặc, Diệu Cát Tường, Quan Âm, Phổ Hiền v.v… những vị lãnh đạo của Bồ Tát chúng đông như cát sông Hằng, qui y cả trăm kiếp với tâm chí thành, niệm hồng danh các ngài, tưởng niệm, tụng, đảnh lễ và cúng dường, để cầu mong toại nguyện, thì không tốt bằng trong giây lát qui y với Địa Tạng Bồ Tát. Đó là vì Đại sĩ muốn thành tựu tất cả các chúng sinh nên đã tu hành trường kiếp, lập đại nguyện kiên cố, có tâm ai từ, dũng mãnh tinh tấn, siêu hơn tất cả các Bồ Tát khác.

Lời Kinh:

Thần Đất lại bạch đức Thế Tôn: Trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, nơi chỗ ở có kinh điển và

hình tượng Bồ Tát, người ấy lại chuyển tụng kinh điển và cúng dường Bồ Tát, thì cả ngày lẫn đêm, con thường vận dụng thần lực mà hộ vệ cho họ. Thủy tai, hỏa hoạn, trộm cướp, giặc giã, tai họa ngang trái lớn, tai họa ngang trái nhỏ, tất cả ác sự đều tiêu diệt.

Lời giảng:

Thần Đất lại bạch đức Thế Tôn: Trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào, nơi chỗ ở có kinh điển và hình tượng Bồ Tát, người ấy lại chuyển tụng kinh điển và cúng dường Bồ Tát,

Thần đất đã nguyện bảo vệ bất cứ chỗ nào có kinh này. Quỉ thần sẽ âm thầm bảo vệ chỗ đó ngày đêm.

thì cả ngày lẫn đêm, con thường vận dụng thần lực mà hộ vệ cho họ. Thủy tai, hỏa hoạn, trộm cướp, giặc giã, tai họa ngang trái lớn, tai họa ngang trái nhỏ, tất cả ác sự đều tiêu diệt.

Đại họa như chết vì tai nạn xe cộ: tham khảo Kinh Dược Sư về chín hoạnh tử:

1. Chết yểu.
2. Bị vương luật xử tử.
3. Bị ma quỉ cướp tinh khí.
4. Bị chết cháy.
5. Bị chết đuối.
6. Bị thú dữ ăn thịt.
7. Rơi xuống sườn nuí.
8. Bị đầu độc, bùa chú hại, hoặc quỉ tử thi giết.
9. Chết đói khát.

Tai họa nhỏ: như bị thương nhẹ vì chuyện xui xẻo. Cửu Hoạnh Kinh 九橫經 bàn rõ hơn. Đây bao gồm tất cả các ác kiện 一切惡事, ác mộng, cổ đạo 惡夢蠱道, ngũ tinh chư túc 五星諸宿, biến dịch và tai họa 變異災禍.

Quỉ thần thường canh giữ bốn phương.

Thời đại này, nhiều chuyện bất hạnh thường xảy ra. Giàu có nên biết giấu, nếu không thì sẽ dễ bị trộm cắp. Kẻ nào giàu có mà tự mãn, thích phô trương thì càng dễ bị đánh cướp. Tương tợ như vậy, tự tính bảo 自性寶 (ngược lại với ngoại tài 外財), thường bị yêu quái 妖怪 đánh cướp. Lục quan là những yêu quái đó: chúng nó cản trở khiến chúng ta không thể thành Phật được.

Lục căn có thể biến thành hộ pháp nếu chúng ta biết xử dụng chúng nó. Ví dụ, nếu chúng ta nhìn gì mà tự biết mình sinh khởi niệm chính đáng thì đó là hộ Pháp. Ngược lại, nếu sinh khởi tà niệm và bị nó lôi cuốn thì đó là bị ma quỉ dẫn đường. Lục Tổ nói: "Tà niệm chi thời ma tại xá 邪念之時魔在舍: lúc có tà niệm là có ma tại nhà; chính niệm chi thời Phật tại đường 正念之時佛在堂: lúc có chánh niệm thì Phật hiện diện tại phòng khách".

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy, thần đất Kiên Lao: đại thần lực của

ông ít có thần nào sánh nổi. Vì sao? Diêm phù thổ địa đều nhờ ông hộ. Cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, thóc gạo, bảo bối, tất cả do đất mà có - tất cả đều nhờ thần lực của ông. Vậy ông lại còn luôn luôn xưng dương sự ích lợi chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát, thì công đức và thần lực của ông bội gấp trăm lần các vị thần đất bình thường.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy, thần đất Kiên Lao: đại thần lực của ông ít có thần nào sánh nổi. Vì sao? Diêm phù thổ địa đều nhờ ông hộ. Cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, thóc gạo, bảo bối, tất cả do đất mà có - tất cả đều nhờ thần lực của ông.

tất cả do đất mà có: vạn vật sinh trưởng nhờ thần lực của thân (dụ cho đất) . Vì biết dùng thân lực để lợi ích chúng sinh nên những thần lực ấy tăng trưởng mỗi ngày!

Sự tăng trưởng cũng do phước báu của chúng sinh: tu thập thiện thì phước báu sẽ tăng trưởng mau chóng. Ngược lại, làm thập ác thì sẽ chịu quả thiếu thốn ngoại vật 外物 • 悉不具足. Khi chúng sinh làm quá nhiều thập ác thì địa thần sẽ không chịu bảo vệ họ nữa: 減損萬物.

Vậy ông lại còn luôn luôn xưng dương sự ích lợi chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát, thì công đức và thần lực của ông bội gấp trăm lần các vị thần đất bình thường.

xưng dương 稱揚 là hạnh nguyện thứ hai của Phổ Hiền Bồ

Tát. Một niệm xưng dương có đầy đủ vạn đức 蓋一念稱揚 • 萬德自具.

Lời Kinh:

Trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào biết cúng dường Bồ Tát và chuyển tụng kinh này, dầu chỉ theo một việc của kinh Bản nguyện Địa Tạng mà tu hành,thì ông cũng nên vận dụng bổn thần lực mà ủng hộ cho họ, đừng để tai họ phải nghe những thứ tai hại và bất như ý, huống chi để họ phải lãnh thọ. Không phải chỉ mình ông hộ cho, mà Đế thích, Phạm vương, chư thiên và quyến thuộc của họ, cũng ủng hộ cho những người ấy. Tại sao họ được sự hộ vệ của những thánh hiền như vậy? Vì họ chiêm lễ hình tượng Địa Tạng và chuyển tụng kinh Bổn nguyện này. Đương nhiên cuối cùng họ xuất ly khổ hải, chứng Niết Bàn lạc. Đó là nhờ được đại ủng hộ.

Lời giảng:

Trong đời vị lai, thiện nam tử hay thiện nữ nhân nào biết cúng dường Bồ Tát và chuyển tụng kinh này, dầu chỉ theo một việc của kinh Bản nguyện Địa Tạng mà tu hành,thì ông cũng nên vận dụng bổn thần lực mà ủng hộ cho họ, đừng để tai họ phải nghe những thứ tai hại và bất như ý, huống chi để họ phải lãnh thọ.

Y 依: 憑此經功 : nương theo công đức của kinh này.

Sau khi hiểu biết thì phải tu hành. Nếu không, thì không khác gì nói về ăn uống mà không được ăn, như thế chẳng bao giờ

chúng ta được no cả. Có câu ca dao: *thuyết đắc nhất trượng bất như hành đắc nhất thốn* 說得一丈,不如行得一村: nói được một trượng còn thua đi được một phân". Không có hành thì không thể chứng đắc quả vị được.

Khi nhất tâm tu hành một Pháp (như niệm Phật, trì chú, tọa thiền v.v…) thì sẽ đạt được kết quả : "*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất bạn* 制心一處, 無事不辦, nghĩa là nếu biết nhiếp tâm tại một chỗ thì không có gì mà làm không được".

Có một tỳ kheo tham thiền. Sư ngồi mòn cả bảy cái toạ cụ mới giác ngộ được. Lúc đó đã hơn tám mươi tuổi.

Thiền sư Thiên Nhiên 丹霞天然禪師 có một đệ tử vốn là người chăn trâu. Sau khi xuất gia, mặc dầu hơi đần độn và ít học thức nhưng ông ta quyết tâm nghiên cứu kinh điển. Thiền sư dạy: "Con nên cố gắng học kinh điển và đảnh lễ Quan Âm Bồ Tát để cầu khai mở trí huệ. Con không nên ngủ nghỉ trước nữa đêm". Nghe lời thầy dạy mỗi ngày vị đệ tử ấy làm việc như mọi người, ban đêm thì lạy Bồ Tát cho đến thật khuya. Tu ròng rã như thế 13 năm trời. Một đêm kia, khoảng 9 giờ tối, ông ta đang lạy thì bỗng thấy Quan Âm vẩy tay. Ông ta bèn đi ngủ. Thầy hỏi tại sao bữa nay lại đi nghỉ sớm như vậy ? Ông trả lời: "Con đã lạy cho đến khi thấy Bồ Tát vẩy tay". Sư phụ nói: "Chưa được! Con nên tiếp tục lạy cho đến khi được nghe tiếng ngài". Lần này, Bồ Tát hiện ra trước thiền sinh hỏi: "Con cầu gì vậy?" Ông ta đáp: "Con không biết! Con nghĩ rằng rồi thầy con cũng dạy con điều này". Ông ta tiếp tục lạy thêm ba năm nữa. Bồ Tát lại hiện ra hỏi: "Con cầu gì đây?" Ông ta đáp: "Trí huệ". Quan Âm Bồ Tát bảo ông ta uống nước cúng trên bàn thờ Phật. Uống xong,

thân thể cảm thấy mát mẻ, lục căn thanh tịnh, và mở đại trí huệ. Sau này được tấn phong làm phương trượng chùa.

Nhất tâm tu hành một pháp môn cho đến tột cùng thì sẽ đắc đại thành công.

Không phải chỉ mình ông hộ cho, mà Đế thích, Phạm vương, chư thiên và quyến thuộc của họ, cũng ủng hộ cho những người ấy. Tại sao họ được sự hộ vệ của những thánh hiền như vậy? Vì họ chiêm lễ hình tượng Địa Tạng và chuyển tụng kinh Bổn nguyện này. Đương nhiên cuối cùng họ xuất ly khổ hải, chứng Niết Bàn lạc. Đó là nhờ được đại ủng hộ.

Nếu chúng ta thành tâm tu hành thì trời thần và bát bộ sẽ làm hộ pháp.

Những người tu hành pháp môn ngài Địa Tạng (như chiêm ngưỡng, đảnh lễ hình tượng; tụng niệm kinh này) sẽ được Trời thần phò hộ. Hơn nữa, họ cũng sẽ **cuối cùng xuất ly khổ hải, chứng Niết Bàn lạc**.

Phẩm 12: Lợi Ích Của Sự Thấy Nghe

Phẩm này bàn về Tăng Bảo. Tiếng Phạn chữ tăng già (tiếng Hoa là Tăng Già Da 僧伽耶) nghĩa là hòa hợp chúng 和合眾. Tăng Bảo có đầy đủ vô biên công đức mà có thể làm lợi cho chúng sinh, dầu được nghe pháp âm hay thấy công hạnh, chúng sanh đều đắc vô biên phước lợi.

Lời Kinh:

Lúc bấy giờ, từ trên đỉnh đầu, đức Thế Tôn phóng ra trăm ngàn vạn ức đại hào tướng quang: bạch hào tướng quang và đại bạch hào tướng quang, lành hào tướng quang và đại lành hào tướng quang, ngọc hào tướng quang và đại ngọc hào tướng quang, tía hào tướng quang và đại tía hào tướng quang, thanh hào tướng quang và đại thanh hào tướng quang, bích hào tướng quang và đại bích hào tướng quang, hồng hào tướng quang và đại hồng hào tướng quang, lục hào tướng quang và đại lục hào tướng quang, kim hào tướng quang và đại kim hào tướng quang, khánh vân hào quang và đại khánh vân hào quang, thiên luân hào quang và đại thiên luân hào quang, bảo luân hào quang và đại bảo luân hào quang, nhật luân hào quang và đại nhật luân hào quang, nguyệt luân hào tướng quang và đại nguyệt luân hào tướng quang, cung điện hào quang và đại cung điện hào quang, hải vân hào quang và đại hải vân hào quang...

Lời giảng:

Lúc bấy giờ, từ trên đỉnh đầu, đức Thế Tôn phóng ra trăm ngàn vạn ức đại hào tướng quang:

Phật thuộc về giác ngộ. Một khi giác ngộ thì tất cả các Pháp hiển hiện. Phật Pháp thuộc về lý. Hiểu lý thì sẽ giúp trí huệ khai mở, đó là Phật. Pháp và Phật hoà hợp thì sẽ tạo ra Tăng, với vô lượng công đức.

đại: 大 đại biểu Pháp Thân đức 法身德, **hào tướng**: 毫相 đại biểu Giải Thoát đức 解脫德, **quang**: 光đại biểu Bát Nhã đức 般若德.

đỉnh đầu 頂門上 chỉ vô kiến đỉnh tướng, một "cửa" vô hình 無見頂相 trên đỉnh đầu Phật. Thật ra không phải riêng Phật mà tất cả chúng ta cũng có cái "cửa" đó. Người tu hành tới một trình độ cao thì có thể để Phật tính rời thân lúc lâm chung qua cửa này. Khi ra đi thì có thể tùy nguyện mà đến một nơi khác. Cái đỉnh môn 頂門 này tượng trưng Nhất Thiết Đạo Chủng Trí 一切道種智, siêu nhân cực quả 超因極果.

hào tướng quang, chiếu sáng tất cả chúng sinh trong cửu giới vì đức Phật soi sáng vô lượng vô biên thế giới để nhấn mạnh sự quan trọng của kinh này đối với chúng sinh. Những hào tướng quang này nhắc chúng ta nên vì chúng sanh khổ nhọc mà thuyết giảng, ấn tống, và lưu thông kinh này.

Việc ấn tống và lưu thông kinh điển là nhân ích lợi có thể dẫn đến sự khai mở trí huệ. Hiện giờ, tại Tây phương ít kinh điển

lưu hành nói chi đến chú giải. Nơi này như đang bị hạn hán: mặt đất khô ran và đang đợi trời mưa Pháp. Lưu thông những kinh Đại thừa như kinh này cũng giống như có Pháp vũ rơi xuống làm mát mẻ và cây cỏ nhờ đó mà tươi tốt.

Tên của các hào tướng quang cho chúng ta những ký hiệu để hiểu ánh sáng biểu lộ gì và chúng nó có dụng gì. Ví dụ, ngũ sắc tượng trưng ngũ đạo:

- Xanh 青: địa ngục;
- Hoàng 黃: ngạ quỉ;
- Xích 赤: súc sinh;
- Bạch 白: nhân thiên;
- Hắc 黑: A tu la (có thể thuộc năm đạo kia; vô hữu).

Còn những hào tướng quang:

- Tiểu sắc tướng 少色像 • 譬二乘 tượng trưng Nhị Thừa,
- Đại sắc tướng 大色像 • 譬通菩薩 tượng trưng Thông Bồ Tát.
- Đoản sắc tướng 短色像 • 譬別菩薩 tượng trưng Biệt Bồ Tát.
- Trường sắc tướng 長色像 • 譬佛因果 tượng trưng Phật nhân quả.

bạch hào tướng quang và đại bạch hào tướng quang, thụy hào tướng quang và đại thụy hào tướng quang, ngọc hào tướng quang và đại ngọc hào tướng quang, tía hào tướng quang và đại tía hào tướng quang, thanh hào tướng quang

và đại thanh hào tướng quang, bích hào tướng quang và đại bích hào tướng quang, hồng hào tướng quang và đại hồng hào tướng quang, lục hào tướng quang và đại lục hào tướng quang, kim hào tướng quang và đại kim hào tướng quang, khánh vân hào quang và đại khánh vân hào quang, thiên luân hào quang và đại thiên luân hào quang, bảo luân hào quang và đại bảo luân hào quang, nhật luân hào quang và đại nhật luân hào quang, nguyệt luân hào tướng quang và đại nguyệt luân hào quang, cung điện hào quang và đại cung điện hào quang, hải vân hào quang và đại hải vân hào quang...

攬而可識曰相 • 熾然如燄曰光.白毫相光 (một trong 32 tướng hảo) và **đại bạch hào tướng quang** tượng trưng khả năng của Bồ Tát và kinh này phá tan sự đen tối trong thế gian.

Bạch 白: là nguồn gốc của các màu 居眾色之先**.** Màu trắng có thể chấp nhận các màu khác 白可受彩. Màu này giúp cho ánh sáng thêm khởi sắc 起諸光之色.

hào tướng quang ám chỉ: 1. Có thể thấy được 2. Sáng攬而可識曰相 • 熾然如燄曰光.

bạch hào tướng quang tượng trưng Bố thí. Màu trắng là căn bản 本 của tất cả các màu, cũng như Bố thí là căn bản của tất cả pháp. Bố thí đầy đủ cả hai đức Giải Thoát và Bát Nhã. Khi Tam Luân Thể Không 三輪體空, thì chúng ta có thể thấy được Thật Tướng của Bố thí có đầy đủ tam đức. Lúc đó

thì gọi là **Đại**.

Thụy hào tướng quang và đại thụy hào tướng quang 瑞毫相光 đem sự may mắn đến cho chúng sinh.

Cũng có thể nói rằng **thụy hào tướng quang** tượng trưng cho Giới. Chúng ta ngừng tác ác thì các thiện hiện tiền, khiến vạn sự đều cát tường. **Đại** ám chỉ lúc thấy được chân tướng của giới.

ngọc hào tướng quang và đại ngọc hào tướng quang 玉毫相光: Loại ánh sáng này như ngọc thạch.

Cũng có thể nói rằng **ngọc hào tướng quang** tượng trưng cho Nhẫn. Nhờ biết nhẫn nhục, tất cả các ác đều không sinh; phiền não không khởi, không khác gì ngọc không có tì vết. **Đại** tượng trưng cho Vô Sinh Pháp Nhẫn, có thể thấy được chân tướng của Nhẫn.

tía hào tướng quang và đại tía hào tướng quang 紫毫相光 màu tím.

Cũng có thể nói rằng **tía hào tướng quang** tượng trưng Tinh tấn. Chúng ta tu hành các thiện pháp, không để lẫn lộn với ác pháp (tinh 精), và tiến tới thay vì thụt lùi (tấn 進). **Đại** là khi thân và tâm, cả hai tướng đều mất hết, chúng ta không còn thấy tướng tinh tấn. Chúng ta lìa giả: tinh 精 và ngộ lý: tấn 進.

thanh hào tướng quang và đại thanh hào tướng quang 青毫相光: Lại có ánh sáng màu xanh đậm.

Thanh 青: gần như màu đen nhưng lạt hơn 似黑而淺 • 色則揚矣.

Cũng có thể nói rằng **thanh hào tướng quang** tượng trưng Thiền. Thanh thuộc phương Đông (thuộc thổ 屬木), lãnh đạo của chúng động 群動之首. Trong cái động thì có bất động: đó là Thiền. Khi gặp cảnh giới, tâm không động. **Đại** đại biểu Phật định (các ngài không bao giờ ngoài định, luôn trụ trong Thủ Lăng Nghiêm định 首楞嚴定).

bích hào tướng quang và đại bích hào tướng quang 碧毫相光: **bích** 碧: là màu xanh đậm 深青色.

Cũng có thể nói rằng **bích hào tướng quang** ám chỉ Bát Nhã, đã không tất cả các tướng, phá tan các chấp trước, thành tựu Nhất Thiết Trí 一切智, và đáo bỉ ngạn: qua đến bờ kia rồi; cũng như bích ngọc, đệ nhất trong các loại ngọc. **Đại** hoặc xuất thế Bát Nhã, làm kiểu mẫu cho tất cả các pháp, hướng dẫn đến bờ kia. Không có pháp nào không phải là Phật Pháp.

hồng hào tướng quang và đại hồng hào tướng quang 紅毫相光: Nam phương thuộc về hỏa 南方屬火.

Cũng có thể nói rằng **hồng hào tướng quang** đại biểu

phương tiện, có thể bóc ra, tháo gút, đoạn mê hoặc và chứng Chân Thật; cũng như ánh sáng đỏ chiếu sáng một ngàn thế giới. **Đại** chỉ Phương tiện của Nhất Thừa. Phương tiện giúp Tam Thừa giảng Quyền để hiển lộ Thật 開權顯實.

lục hào tướng quang và đại lục hào tướng quang 綠毫相光: Lục là màu giữa xanh và vàng.

Cũng có thể nói rằng **lục hào tướng quang** tượng trưng Nguyện, đi vào biển sinh tử để cứu độ chúng sinh đang khốn khổ trong nhà lửa, như giàn lá cây có thể đem lại bóng mát cho chúng sinh. Nhưng việc này không dễ làm nếu không phát nguyện mạnh mẽ và vững chắc. Nguyện càng lớn thì quả vị Bồ Tát càng cao. **Đại**: Nguyện giúp chúng sinh thành Phật. Như Địa Tạng Bồ Tát đã và đang làm: Nếu tôi không xuống địa ngục thì ai sẽ xuống đây?

kim hào tướng quang và đại kim hào tướng quang 金毫相光: Vàng có năm loại màu sắc, mà màu vàng đứng đầu. Có thể chôn vàng rất lâu nhưng không mất gì đặc tính của nó cả. Có thể đánh uốn nắn cả trăm ngàn lần mà vẫn không nhẹ đi.

Cũng có thể nói rằng **kim hào tướng quang** tượng trưng Lực. Dùng thần lực để độ chúng sinh, lìa khổ đắc lạc; cũng như vàng. **Đại** chỉ Phật Thập Lực, có đầy đủ tất cả những sức mạnh cần thiết để cứu độ chúng sinh.

khánh vân hào quang và đại khánh vân hào quang 慶雲

毫相光: Cũng có thể nói rằng **khánh vân hào quang** chỉ Trí Ba la mật. Phật Pháp ví như đại dương chỉ có thể vượt qua bằng Trí Ba la mật; cũng như mây khánh vân hào quang che đậy biển sinh tử. **Đại** ám chỉ Nhất Thiết Chủng Trí 一切種智.

Thiên luân hào quang 千輪毫光 biểu lộ sự thị hiện của bánh xe ngàn que. Dưới chân Phật có dấu hiệu này là một trong 32 tướng tốt của ngài.

Thập Luận 十論 nói, **luân** 輪 chỉ ánh sáng của mặt trăng chiếu khắp không trung và soi sáng tất cả vô ngại.

Cũng có thể nói rằng **thiên luân hào quang** đại biểu tâm Từ, có thể cho thế gian các niềm vui. **Đại** ám chỉ tâm rộng lớn và bình đẳng (đại từ) đối với những kẻ không có duyên cũng cho họ sự hoan hỉ.

bảo luân hào quang và đại bảo luân hào quang 寶輪毫光: Luân làm bằng châu báu.

Cũng có thể nói rằng **bảo luân hào quang** tượng trưng cho tâm Bi, có thể nhổ các loại khổ sở của thế gian. **Đại** ám chỉ đại Bi vì đồng thể tính; có thể vừa tiêu trừ phần đoạn sinh tử của chúng sinh vừa giúp sự biến dịch sinh tử của các Bồ Tát. Hai loại sinh tử này một thứ tạo khổ não, một thứ thì gây chướng ngại.

nhật luân hào quang và đại nhật luân hào quang 日輪毫

光: giống như mặt trời.

Cũng có thể nói rằng **nhật luân hào quang** đại biểu Hỉ: tùy hỉ công đức người; cũng như ánh sáng mặt trời chiếu sáng đại địa, đem lợi ích và hơi nóng đến cho vạn vật. **Đại** chỉ Đại Hỉ. Khi chúng sinh thành Phật trước ta thì ta sinh tâm đại hoan hỉ; cũng như mặt trời soi sáng vạn vật, khiến cây trổ hoa và sinh trái.

nguyệt luân hào tướng quang và đại nguyệt luân hào quang 月輪毫光: ánh sáng này như ánh sáng mặt trăng.

Cũng có thể nói rằng đây là Xả; cả bạn và cừu đều phải xả, tâm thanh lương như mặt trăng. **Đại** chỉ đại Xả: Tất cả các công đức, mà chúng ta đã làm để giúp tất cả chúng sinh; cũng như mặt trăng lớn có thể chiếu sáng khắp địa cầu và khiến tất cả được hưởng sự mát mẻ dễ chịu mà trăng không hề thấy mình đang làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

cung điện hào quang và đại cung điện hào quang 宮殿毫光: Ánh sáng này biểu lộ ra nhiều cung điện làm bằng thất bảo.

Cung điện 殿: nhà đẹp cao có nhiều tầng rất đồ sộ. Có đặc tính to lớn, oai nghiêm và tôn quý. Lại còn có kiến trúc mỹ thuật.

Cũng có thể nói rằng **cung điện hào quang** chỉ Tam Thừa Bồ Đề, trang nhiêm như cung điện. **Đại** tượng trưng Nhất Thừa Bồ Đề: thành Pháp Vương, tự tại với tất cả các pháp.

hải vân hào quang và đại hải vân hào quang 海雲毫光: ánh sáng này khởi lên từ biển.

vân hào quang phổ che như đại dương bao la vô tận.

Cũng có thể nói rằng **hải vân hào quang** tượng trưng Tam Thừa Niết Bàn, che đậy biển sinh tử. **Đại** là Đại Niết Bàn, che biển Pháp Giới.

Lời Kinh:

Từ đỉnh môn phóng ra những hào tướng quang như thế rồi, lại xuất ra âm thanh vi diệu, báo chư đại chúng, thiên long bát bộ, nhân, phi nhân đẳng: Hãy lắng nghe, hôm nay, tại Đao Lợi thiên cung, Như Lai sẽ tuyên dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát: sự đem lại lợi ích trong nhân thiên, sự bất khả tư nghị, sự siêu thánh nhân, sự chứng Thập Địa, sự cứu cánh không thoái chuyển đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lời giảng:

Từ đỉnh môn phóng ra những hào tướng quang như thế rồi, lại xuất ra âm thanh vi diệu, báo chư đại chúng, thiên long bát bộ, nhân, phi nhân đẳng:

Trước kia, Phật mỉm cười và phóng ra đủ loại ánh sáng và dùng âm thanh vi diệu để tán thán chúng sinh bổn tính đức.

Bây giờ, ngài phát quang từ đỉnh đầu, dùng âm thanh vi diệu để khen chúng sinh tu hành công đức. Bồ Tát khởi hạnh từ

tính 從性起修. Khi tu hành có công 修德有功, tính đức hiển hiện 性德顯現. Tự tính có thể tạo vô biên công đức để lợi ích vô biên chúng sinh.

Tính đức 性德 đã có sẵn trong chúng sinh nhưng muốn diệu dụng được tính đức phải nương vào Phật và Pháp. Bồ Tát gặp Phật, được nghe thuyết pháp, rồi y giáo phụng hành để hòa hợp和合 tánh tướng khiến cho sự lý viên dung 事理圓融 thì vô biên công đức mới phát sinh nhờ đó có thể lợi ích chúng sanh.

âm thanh vi diệu chỉ Tứ Vô Ngại và Bát Âm.

Tứ Vô ngại Tài thứ nhất là Ý Vô Ngại Tài 義無礙辯. Mặc dầu theo lý tánh thì không có gì để bàn luận, nhưng Phật phải tùy duyên thuyết Pháp để giúp chúng sinh giác ngộ cảnh giới ngoài ngôn ngữ, ví như phải dùng ngón tay để chỉ mặt trăng. Vì căn cơ trình độ của chúng sanh có rất nhiều sai khác cho nên các ý nghĩa và lý thuyết trở thành vô tận, tùy theo nhu cầu của chúng sinh.

Thứ hai là Pháp Vô Ngại Tài 法無礙辯. Đúng ra chỉ có một loại Pháp thôi, nhưng khi Phật thuyết, lại biến thành vô lượng vô biên Pháp. Mặc dầu có nhiều Pháp hiện tiền, nhưng tất cả đều trở về một. Cho nên có câu: " Nhất bổn tán vi vạn thù, vạn thù tán vi nhất bổn. Một bổn tản mát thành vạn số 一本散為萬數, vạn số lại quay về một căn 萬數仍歸一本 ."

Thứ ba là Từ Vô Ngại Tài 辭無礙辯. Thông thường khi chúng ta nói được vài câu thì không biết gì để nói tiếp. Ngược lại, khi Phật thuyết Pháp thì ngôn và ý hầu như thao thao bất tuyệt 滔滔不決, như nước cuồn cuộn không ngừng.

Thứ tư là Lạc Thuyết Vô Ngại Tài 樂說無礙辯. Người thuyết pháp cảm thấy hứng thú và người nghe cũng thích thú không biết nhàm chán.

Ngoài Tứ Vô Ngại Tài còn có Bát Âm:

1. Cực hảo âm 極好音: Âm thanh của Phật không có khô khan như của loài người. Ngược lại rất êm dịu khiến và người nghe thích nghe tiếp, âm thanh có sức lôi cuốn.
2. Nhu nhuyễn âm 柔軟音: Âm thanh trong trẻo dịu dàng như tiếng róc rách của suối chảy.
3. Hợp thích âm 合適音: rất chính xác khiến người nghe cảm thấy không thể đổi bất cứ tiếng nào.
4. Tôn huệ âm 尊慧音: Tiếng nói của Phật có đặc tính vi diệu là không cần biết gì về ý nghĩa, chỉ cần nghe được âm thanh thì cũng đủ để phát huệ.
5. Bất âm âm 不陰音: Âm đối nghịch với dương. Âm tượng trưng cho tiêu cực, bên trừ, phái nữ, thổ địa, v.v... Dương đại biểu cho tích cực, bên cọng, nam tính, cõi trời, v.v... Giọng người có âm tính thì có tính cách cao và yểu điệu. Âm thanh Phật không có âm tính như thế.
6. Bất ngộ âm 不誤音: Tất cả những gì Phật nói ra đều chính đáng không có sự sai lầm.

7. Thâm viễn âm 深遠音: Có lần, Ma Ha Mục Kiền Liên, đệ nhất thần thông trong hàng đệ tử Phật Thích Ca, bay qua vô lượng thế giới phía Đông để coi thử âm thanh Phật xa đến đâu. Dầu bay xa như vậy mà vẫn nghe tiếng nói của Phật không khác gì đang còn đứng trước mặt ngài .

8. Bất kiệt âm 不竭音: Âm thanh Phật không bao giờ bị yếu đi, luôn luôn liên tục.

Khi Phật thuyết Pháp, ngài có thể dùng một, vài hoặc tất cả tám loại âm thanh này. Một người có thể nghe được Thâm viễn âm trong lúc người khác thì nghe Nhu nhuyễn âm, tùy theo căn tính của mỗi chúng sinh.

Hãy lắng nghe, hôm nay, tại Đao Lợi thiên cung, Như Lai sẽ tuyên dương tán thán Địa Tạng Bồ Tát: sự đem lại lợi ích trong nhân thiên, sự bất khả tư nghị, sự siêu thánh nhân, sự chứng Thập Địa, sự cứu cánh không thoái chuyển đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

sự siêu thánh nhân 超聖因事: Thánh huệ sẽ khai mở mau chóng.

Kinh nêu ra **Thập Địa**,là 10 vị trong 52 ngôi vị thuộc về quá trình tu hành của các vị Bồ Tát. Có thể tham khảo Kinh Hoa nhiêm và Lăng Nghiêm để có nhiều chi tiết hơn.

Thứ nhất là Sơ Địa, tên là Hoan Hỉ Địa 歡喜地. Ở giai đoạn này, Bồ Tát luôn luôn sung sướng, ngay cả khi bị đánh đập, chê bai. Vì thường hoan lạc nên tâm ngài ít vọng động ,có thể đạt đến Nhị Địa, tức là Ly Cấu Địa 離垢地. Ly cấu

nghĩa là bỏ sự tham lam những tiện nghi thỏa mái, nhất là tình dục. Khi tất cả các dục vọng và tư tưởng bất thanh tịnh được đoạn thì đến Tam Địa, Phát Quang Địa 發光地. Khi tâm phát quang thì nó sẽ trở thành ánh sáng rực rỡ của trí huệ. Cho nên, gọi Tứ Địa là Diễm Huệ Địa 燄慧地. Thứ năm là Nan Thắng Địa 難勝地, vì ở trình độ này, Bồ Tát có rất nhiều thần thông huyền diệu nên khó ai tranh luận hoặc đấu thắng được ngài. Lục địa là Hiện Tiền Địa 現前地, vì trí huệ như vầng ánh sáng tỏa rộng rực rỡ như mặt trời đã lên cao. Thứ bảy là Viễn Hành Địa 遠行地 (đã đi rất xa trên đường hành Bồ tát đạo), thứ tám là Bất Động Địa 不動地. Ở đệ bát địa, Bồ Tát không cần rời nơi giác ngộ điền mà vẫn có thể thị hiện để giáo hóa chúng sinh khắp pháp giới "*Bất động Đạo tràng nhi hóa thập phương đích chúng sinh* 不動道場而化十方的衆生". Địa vị này Bồ Tát đã có thể tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên: Tuy dùng nhiều phương tiện nhưng tất cả đều không ngoài tánh thể, do đó gọi là bất động. Thứ chín là Thiện Huệ Địa 善慧地, (trí huệ đã tròn đủ và thuần thiện) thứ mười là Pháp Vân Địa 法雲地. Lúc ấy, trí huệ và tâm đại bi của Bồ Tát như mây lành giăng phủ khắp nơi để che chở cho chúng sinh.

Phần trên đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát không thoái chuyển đối với **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác** 無上正等正覺, quả vị Phật. Mặc dầu Địa Tạng Bồ Tát chưa thành Phật nhưng trình độ giác ngộ của ngài không khác Phật.

Giác ngộ có nhiều trình độ khác nhau. Nhị Thừa – Thanh Văn và Bích Chi Phật – đều thua giác ngộ Bồ Tát. Giác ngộ Bồ Tát được gọi là Chánh đẳng 正等, vì bình đẳng với giác ngộ Phật. Nhưng cái giác ngộ đó vẫn chưa tối cao và vẫn còn thấp hơn Phật. Chỉ Phật mới có thể gọi là Vô Thượng Chính Đẳng Chánh Giác.

Danh từ "bất thối 不退" chỉ tam bất thối. Thứ nhất là Vị bất thối, được gọi như thế vì không thối lui về Nhị Thừa nữa. Thứ nhì là Hạnh bất thối: không trở về lại tình trạng không tu hành của phàm phu. Thứ ba là Niệm bất thối, vì tâm niệm luôn luôn trụ nơi hành pháp Đại Thừa.

Địa Tạng Bồ Tát có những sự thành tựu như vậy (**bất khả tư nghị**: thần thông, **thánh**: trí lực, **Thập Địa**: có thể giúp người khác đạt đến vị này, và **không thoái chuyển**: cũng có thể khiến chúng sinh đắc bất thối trên đường đến Bồ Đề).

Lời Kinh:

Khi Thế Tôn nói như vậy xong thì trong pháp hội có một vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát, danh hiệu Quán Thế Âm, từ chỗ ngồi đứng dậy, quì xuống, chắp tay mà thưa: Bạch đức Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hoàn mãn từ bi, thương xót tội khổ chúng sinh, nên trong ngàn vạn ức thế giới, hóa ngàn vạn ức thân. Công đức và thần lực bất khả tư nghị của ngài, con đã được nghe đức Thế Tôn cùng thập phương vô lượng chư Thế Tôn, khác khẩu đồng âm tán thán: dẫu chư Phật quá khứ hiện tại và vị lai diễn đạt công đức và thần lực ấy cũng không cùng tận. Vừa rồi lại được đức Thế Tôn báo đại chúng biết đức Thế Tôn muốn

tuyên dương những việc lợi ích của Địa Tạng Bồ Tát. Do vậy mà con thỉnh cầu đức Thế Tôn vì chúng sanh hiện tại và đời vị lai, tuyên dương những sự bất khả tư nghị của Địa Tạng Bồ Tát, để cho thiên long bát bộ biết mà chiêm lễ và được phước.

Lời giảng:

Khi Thế Tôn nói như vậy xong thì trong pháp hội có một vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát, danh hiệu Quán Thế Âm, từ chỗ ngồi đứng dậy, quì xuống, chắp tay mà thưa: Bạch đức Thế Tôn, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hoàn mãn từ bi, thương xót tội khổ chúng sinh, nên trong ngàn vạn ức thế giới, hóa ngàn vạn ức thân. Công đức và thần lực bất khả tư nghị của ngài

Khi **Quán Thế Âm**, hoặc Quán Tự Tại Bồ Tát nói rằng đã nghe mười phương chư Phật khác miệng đồng lời tán thán Địa Tạng Bồ Tát, thì có hai cách giải thích. Thứ nhất là mỗi vị Phật nói tại mỗi thời điểm và chỗ khác nhau, nhưng đồng nói cùng lời. Hoặc có thể nói là chư Phật đồng nói như vậy cùng một lúc (các ngài có thể bàn về công đức của Địa Tạng Bồ Tát mà không bao giờ xong).

Quán 觀: bàn về trí huệ có thể quán sát. Chúng ta có thể dùng ba loại trí huệ để soi sáng chánh tính và phân tích từ gốc tới ngọn 察本末也. Thế âm 世音: chỉ cảnh giới sở quán, cái gì được quán: vạn vật có tướng khác biệt nhau 所觀之境 • 萬像隔別.(Đây ám chỉ âm thanh kêu cứu của chúng sanh)

Theo Bi Hoa Kinh 悲華經: trong quá khứ, vua Vô Tranh Niệm 無爭念 có thái tử 太子, tên là Bất Thuấn 不眴: (mắt không láo liên ý nói người chính trực), phát Bồ Đề tâm và lập bốn hoằng thệ. Cho nên Bảo Tạng 寶藏 Phật bảo: "Ông quán sát cõi nhân thiên cũng như tam ác đồ, tất cả các chúng sinh, rồi phát tâm đại bi, muốn đoạn 斷 tất cả các khổ não 苦惱. Ông muốn giúp họ trụ an lạc 住安樂. Như Lai vì vậy gọi ông là Quán Thế Âm. Khi ông tu Bồ Tát đạo thì sẽ có trăm ngàn vô lượng na do tha chúng sinh 百千無量億那由他衆生 sẽ nhờ ông mà đắc giải thoát, ra khỏi ác đạo. Khi ông thành Bồ Tát thì sẽ có thể làm những Phật sự vĩ đại."

con đã được nghe đức Thế Tôn cùng thập phương vô lượng chư Thế Tôn, khác khẩu đồng âm tán thán: dẫu chư Phật quá khứ hiện tại và vị lai diễn đạt công đức và thần lực ấy cũng không cùng tận. Vừa rồi lại được đức Thế Tôn báo đại chúng biết đức Thế Tôn muốn tuyên dương những việc lợi ích của Địa Tạng Bồ Tát. Do vậy mà con thỉnh cầu đức Thế Tôn vì chúng sanh hiện tại và đời vị lai, tuyên dương những sự bất khả tư nghị của Địa Tạng Bồ Tát, để cho thiên long bát bộ biết mà chiêm lễ và được phước.

Mặc dầu công đức tôn thờ Phật vô biên, chúng ta có thể nêu ra năm loại lợi ích điển hình. Những kẻ đảnh lễ và tôn thờ Phật Bồ Tát sẽ có nét đoan trang viên mãn 端正圓滿, hình tướng khiến người thấy đều mến thích và tôn trọng. Thứ hai là đắc diệu âm (trong trẻo và rõ ràng) 得妙聲. Lợi thứ ba là

đa nhiêu tài (có nhiều tiền của và châu báu) 多饒財. Thứ tư là sinh vào giòng cao quí (có địa vị, đức độ và tôn quí) 生處高貴. Thứ năm là sinh thiên 生天上. Vì thế nên khuyến khích thiên nhân đảnh lễ Đại Sĩ để họ được nhiều phước báu.

Phật Kệ nói 佛偈云: Cuộc sống như đèn dầu trong gió, không biết lúc nào sẽ bị tắt. Tại sao chúng ta không lo tạo phước và tu hành?

Lời Kinh:

Đức Thế Tôn dạy Quán Âm Bồ Tát: Đối với thế giới Sa bà này, ông có đại nhân duyên. Thiên long, nam nữ, quỉ thần, cho đến những tội khổ chúng sinh trong lục đạo, ai nghe danh hiệu của ông, ai thấy hình tượng của ông, mà luyến mộ ông, tán thán ông, những người ấy đối với tuệ giác vô thượng quyết chắc không còn thoái chuyển; thường sinh trong nhân thiên, hưởng thụ đầy đủ diệu lạc, khi nhân quả sắp thành thục thì họ sẽ gặp Phật và được Phật thọ ký cho. Nay, vì lòng từ bi, ông xót thương chúng sinh, cùng thiên long bát bộ, nên muốn nghe Như Lai nói những sự ích lợi bất khả tư nghị của Địa Tạng Bồ Tát. Ông hãy nghe cho kỹ Như Lai sẽ nói đây.

Lời giảng:

Đức Thế Tôn dạy Quán Âm Bồ Tát: Đối với thế giới Sa bà này, ông có đại nhân duyên.

Quán âm có **nhân duyên** với tất cả các loại chúng sinh trong thế giới chúng ta. Họ thường cầu cứu ngài khi gặp hoạn nạn

hoặc khó khăn.

Thiên long, nam nữ, quỉ thần, cho đến những tội khổ chúng sinh trong lục đạo, ai nghe danh hiệu của ông, ai thấy hình tượng của ông, mà luyến mộ ông, tán thán ông, những người ấy đối với tuệ giác vô thượng quyết chắc không còn thoái chuyển.

Những ai Phát tâm tin tưởng vào sự gia hộ của Quán Âm Bồ Tát thì những người ấy dần dần cũng sẽ đắc đạo Bồ đề.

thường sinh trong nhân thiên, hưởng thụ đầy đủ diệu lạc, khi nhân quả sắp thành thục thì họ sẽ gặp Phật và được Phật thọ ký cho. Nay, vì lòng từ bi, ông xót thương chúng sinh, cùng thiên long bát bộ, nên muốn nghe Như Lai nói những sự ích lợi bất khả tư nghị của Địa Tạng Bồ Tát. Ông hãy nghe cho kỹ Như Lai sẽ nói đây.

Thế giới Ta bà của chúng ta sở dĩ gặp được Quán Âm Bồ Tát là nhờ sự phối hợp của:

1. Trí huệ và tâm đại từ bi của ngài (nhân)
2. Sự hoạn nạn sợ hãi và cầu cứu của chúng sanh (duyên).

Lời Kinh:

Quán Âm thưa: Bạch đức Thế Tôn! con xin tuân lời ngài, nguyện muốn được nghe.

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: “Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, có vị thiên nhân nào phước trời thọ hưởng đã hết, có Ngũ Suy Tướng hiện ra, có vị phải

đọa lạc nơi chốn ác đạo; các vị thiên nhân đó, hoặc nam hoặc nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà hoặc thấy được hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng hoặc nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, rồi một lần chiêm ngưỡng , một lần đảnh lễ, thì các vị thiên nhân đó được phước trời thêm lớn, hưởng nhiều sự vui sướng, vĩnh viễn không phải đọa lạc vào ba ác đạo nữa; huống chi là được thấy tượng, được nghe tên của Bồ Tát, rồi đem các thứ hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, vật báu, chuỗi anh lạc... mà bố thí cúng dường, thì công đức phước lợi đó sẽ vô lượng vô biên.”

Lời giảng:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: “Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, có vị thiên nhân nào phước trời thọ hưởng đã hết, có Ngũ Suy Tướng hiện ra, có vị phải đọa lạc nơi chốn ác đạo.

Dầu thiên phước rất vi diệu (ví dụ, thân thể họ mềm mại, mịn màng và trơn tru 其身體柔軟細滑), nhưng khi phước trời hết, họ sắp bị đọa thì sẽ có những hiện tướng rõ ràng. Thấy suy tướng thì họ cực kỳ đau khổ, giống như ở địa ngục. Thiên phước không khác gì mật độc: ban đầu thì ngọt nhưng sau đó thì sự khổ não hiện ra. Có thể có ngũ đại 大 tướng, ngũ tiểu 小 tướng hoặc thất tướng (suy hao).

Ngũ đại suy tướng 五大衰相 là:

1. Hoa quan nuy tạ 華冠光萎: Trời mang mũ làm bằng hoa tươi. Lúc này thì hoa bỗng nhiên héo.

2. Y trước trần cấu 衣著塵垢. Lúc trước thì thiên y không bao giờ bám bụi. Bây giờ thì bỗng nhiên dơ bẩn 衣服今穢.
3. Lưỡng dịch hàn xuất 兩腋流汗: họ thường không chảy mồ hôi. Bỗng nhiên thì nách chảy mồ hôi.
4. Thân thể xú uế 體生臭氣: Thân thể bắt đầu dơ và có mùi hôi.
5. Bất lạc bổn tọa 不樂本坐. Thông thường trời thích an tọa, như trong định. Khi ngũ suy tướng hiện ra, thì không thể ngồi yên được nữa.
Khi các suy tướng hiển hiện thì họ có thể bị đọa xuống loài người, ngạ quỉ, súc sinh, địa ngục v.v...

Chánh Pháp Niệm Kinh 正法念經 nói: Khi thiên phước hết, phiền não phát khởi 業盡懷憂惱. Viễn tượng phải rời thiên nữ khiến họ cảm thấy khốn khổ 捨離諸天女•退時大苦惱•不可譬喻. Cho nên họ cần cầu cứu 故須求救也. Nếu bị đọa ác đạo, thì phải theo nghiệp lực 或有墮惡道者•隋其業力.

Ngoài ngũ đại suy tướng, lại còn có ngũ tiểu suy tướng như sau:

1. Lạc thanh bất khởi 樂聲不起: Giọng họ thông thường mỹ diệu, nhưng bỗng nhiên thành khô khan và khó nghe.
2. Thân quang vi ám 身光微昧: ánh sáng thân thể bắt đầu lu mờ.
3. Dục thủy trước thân 浴水著身: thường ngày thì thân

thể họ không thấm nước như kính thủy tinh. Bỗng nhiên, họ bị nước hoặc mưa làm ướt.

4. Trước cảnh bất xả 著境不捨: Không thể xả bỏ cảnh giới, trái lại càng chấp chặt nhiều hơn.
5. Thân hư nhấn thuấn 身虛眼瞬: Mắt họ thường ngày thì khá kiên định, bây giờ thì luôn nhấp nháy.

Ngoài ngũ đại và ngũ tiểu **Suy Tướng**, lại có một số thất suy tướng, cũng không khác với những nhóm đã liệt kê ở trên:

1. Thân quang diệt 光滅. Thân mất ánh sáng
2. Hoa héo 華萎. Vòng hoa trên đầu tự khô héo
3. Sắc biến 色變: lúc trước thì sắc thân đẹp đẽ, bây giờ thì không hấp dẫn nữa.
4. Y trần 衣塵: áo bị dính bụi.
5. Dịch hàn 腋汗: chảy mồ hôi nách.
6. Thân xấu 身瘦: thân ốm gầy. Thường ngày, họ không cần ăn mà cũng không bị ốm gầy.
7. Ly bổn tọa 離本坐: không thể ngồi yên được nữa.

Kinh kể chuyện một vị trời Đao Lợi thấy bảy suy tướng trên thì hoảng sợ và sau khi chết đọa xuống thế gian làm heo 作豚.

các vị thiên nhân đó, hoặc nam hoặc nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà hoặc thấy được hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng hoặc nghe được danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, rồi một lần chiêm ngưỡng , một lần đảnh lễ, thì các vị thiên nhân đó được phước trời thêm lớn, hưởng nhiều sự vui sướng, vĩnh viễn không phải đọa lạc vào ba ác đạo

nữa.

chiêm ngưỡng là nhìn ngắm một cách thán phục và bị thu hút đến nỗi không thể rời mắt chỉ trong một giây lát.

Nếu khi thấy suy tướng hiện ra mà biết tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát, thì **phước trời** không những sẽ tiếp tục (suy tướng tiêu diệt; không đọa xuống cõi thấp hơn 衰相滅) mà lại còn chuyển nghiệp báo tăng phước 轉報增福.

Cõi Ta Bà có một tỉ Đế Thích. Một vị Đế Thích thấy suy tướng. Ông ta tìm Phật thỉnh giáo. Đức Phật nói pháp cho nghe khiến ông kiến Đế 見諦 (thấy chân lý). Ngũ suy tướng liền biến mất và ông được nhiều **phước trời** hơn. (Theo Trường A Hàm, sẽ có sự tăng trưởng của năm loại phước: 1. Thiên thọ, 2. Thiên sắc, 3. Thiên danh, 4. Thiên lạc, 5. Thiên oai nghi) Ông ta vô cùng sung sướng, thường diễn đạt trong kinh Phật là như "đến độ nhảy múa" và thốt lời tán thán như sau: "Phật Đà biết con đang an tọa và đã có được thiên phước lại. Xin ngài quan tâm và bảo vệ con!"

Một vị trời có hình dáng heo sữa 豚. Ông ta dĩ nhiên rất buồn rầu về hoàn cảnh của mình nhưng không biết phải làm gì. Các trời khác khuyên nên thỉnh giáo đức Phật. Phật bảo: muốn tiêu trừ nghiệp báo thì nên thường niệm Tam Qui Y 自歸依. Sau khi làm như vậy bảy ngày, ông ta sinh vào loài người làm con trưởng giả, lúc ra đời, quì xuống ba lần 跪三歸. Khi bảy tuổi, bé đang chơi bên lề đường thì gặp Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Em đảnh lễ hai ngài và thỉnh Phật

đến viếng nhà. Đức Phật nói Pháp cho bé, cha mẹ và cả họ hàng đều đắc bất thối 阿惟越致. 不退 (không đọa 退墮二趣及二乘地).

huống chi là được thấy tượng, được nghe tên của Bồ Tát, rồi đem các thứ hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, vật báu, chuỗi anh lạc... mà bố thí cúng dường, thì công đức phước lợi đó sẽ vô lượng vô biên.”

Cúng dường thì sẽ gặt hái được nhiều phước báu hơn nữa.

Lời Kinh:

“Lại nữa, này Quán Thế Âm! Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, nếu những chúng sanh trong Lục Đạo lúc sắp mạng chung mà được nghe một tiếng danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thoáng qua lỗ tai, thì các chúng sanh đó vĩnh viễn không còn phải trải qua nỗi khổ nơi Tam Ác Đạo nữa. Huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, tài vật, của báu, y phục v. v... của người sắp chết đó mà đắp, vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc làm cho người bệnh lúc chưa chết, được mắt thấy tai nghe, biết rằng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, vật báu v. v... vì mình mà đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; người đó nếu do nghiệp báo phải chịu bệnh nặng, thì nhờ công đức này liền được khỏi bệnh, tuổi thọ thêm lâu dài.

Còn nếu người đó nghiệp báo sanh mạng đã hết, đáng phải chịu tất cả tội chướng, nghiệp chướng, và đọa vào đường ác, song nhờ công đức này nên sau khi mạng chung

liền được sanh vào cõi trời, cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ.”

Lời giảng:

“Lại nữa, này Quán Thế Âm! Trong các thế giới về thuở hiện tại và vị lai, nếu những chúng sanh trong Lục Đạo lúc sắp mạng chung mà được nghe một tiếng danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng thoáng qua lỗ tai, thì các chúng sanh đó vĩnh viễn không còn phải trải qua nỗi khổ nơi Tam Ác Đạo nữa.

Nói cách khác, người thường thì mong đắc vãng sinh về cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật lúc lâm chung, người khôn ngoan cũng sẽ thường niệm hồng danh Địa Tạng Bồ Tát để phòng khi bị đọa xuống ác thú.

Huống chi là lúc sắp mạng chung, cha mẹ cùng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, tài vật, của báu, y phục v. v... của người sắp chết đó mà đắp, vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, hoặc làm cho người bệnh lúc chưa chết, được mắt thấy tai nghe, biết rằng hàng quyến thuộc đem nhà cửa, vật báu v. v... vì mình mà đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; người đó nếu do nghiệp báo phải chịu bệnh nặng, thì nhờ công đức này liền được khỏi bệnh, tuổi thọ thêm lâu dài.

nghiệp báo: Đáng lý phải thọ nhận quả báo nặng, có thể bịnh nặng hoặc nghiệp chướng đến làm điêu đứng, nhưng **nhờ công đức này liền được khỏi bệnh, tuổi thọ thêm lâu dài**.

Còn nếu người đó nghiệp báo sanh mạng đã hết, đáng

phải chịu tất cả tội chướng, nghiệp chướng, và đọa vào đường ác, song nhờ công đức này nên sau khi mạng chung liền được sanh vào cõi trời, cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ."

Đại Tích Kinh 大集經 nói: Tu một thiện tâm 修一善心 có thể phá 破 vạn loại ác. Cũng như một miếng Kim cang nhỏ cũng có thể phá tan núi Tu Di; cũng như ngọn lửa nhỏ có thể đốt hết thảy; một tí thuốc độc có thể hảm hại chúng sinh, một tiểu thiện có thể phá tan đại ác.

Muốn vậy chúng ta nên sám hối. Những kẻ biết sám hối đắc nhiều thiện và có nhiều phước rộng lớn.

Lời Kinh:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ nam người nữ nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ, cho đến chết mất anh em chị em, người đó khi khôn lớn thường nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng quyến thuộc, song không rõ họ lạc vào chốn nào, sanh về thế giới nào, hoặc sanh trong cõi Trời nào. Người đó như có thể đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, thậm chí nghe danh hiệu, một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, trong từ một ngày cho đến bảy ngày đừng thối thất tâm nguyện ban đầu; thì quyến thuộc của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào đường ác lẽ ra phải chịu đến nhiều số kiếp, nay nhờ công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và chiêm lễ của con cái, anh em chị em, nên liền được giải thoát, sanh trong cõi Trời cõi người, hưởng sự vui thù

thắng vi diệu.

Lời giảng:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ nam người nữ nào, hoặc lúc còn bú mớm, hoặc lúc lên ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà chết mất cha mẹ, cho đến chết mất anh em chị em.

bú mớm 乳哺時: vẫn còn bú sữa, nhiều khi cho đến ba tuổi.

người đó khi khôn lớn thường nhớ tưởng đến cha mẹ cùng hàng quyến thuộc, song không rõ họ lạc vào chốn nào, sanh về thế giới nào, hoặc sanh trong cõi Trời nào.

lạc vào chốn nào (của lục đạo), **sanh về thế giới nào** (cõi thế giới nào trong thập phương), **hoặc sanh trong cõi trời nào** (lục Dục Thiên).

Người đó như có thể đắp vẽ hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, thậm chí nghe danh hiệu, một lần chiêm ngưỡng một lần đảnh lễ, trong từ một ngày cho đến bảy ngày đừng thối thất tâm nguyện ban đầu; thì quyến thuộc của người đó nếu do ác nghiệp mà bị đọa vào đường ác lẽ ra phải chịu đến nhiều số kiếp, nay nhờ công đức đắp vẽ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và chiêm lễ của con cái, anh em chị em, nên liền được giải thoát, sanh trong cõi Trời cõi người, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

từ một ngày cho đến bảy ngày: thời gian cho đến khi được cảm ứng.

đừng thối thất tâm nguyện ban đầu từ lúc bắt đầu phát tâm đảnh lễ hình tượng Bồ Tát. Phần này quan trọng! Đa phần đều bỏ cuộc sớm hết!

Việc này rất có thể xảy ra cũng giống như cha mẹ giàu có nghe tin con cái bị lâm nạn thì có thể dùng tiền của để giúp con.

Lời Kinh:

Còn như quyến thuộc của người đó có phước lực, đã được sanh vào cõi Trời, cõi người và hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu rồi, thì sẽ nhờ công đức này mà nhân Thánh tăng trưởng, hưởng vô lượng sự vui.”

“Như người đó lại có thể trong hai mươi mốt ngày nhất tâm chiêm lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và niệm danh hiệu của Ngài đủ một vạn biến, thì sẽ được Bồ Tát hiện thân vô biên, mách bảo người đó cõi giới mà hàng quyến thuộc đã sanh về; hoặc trong giấc mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực, đích thân dắt người đó đến các thế giới để thấy hàng quyến thuộc của mình.

Lời giảng:

Còn như quyến thuộc của người đó có phước lực, đã được sanh vào cõi trời, cõi người và hưởng thọ sự vui thù thắng vi diệu rồi, thì sẽ nhờ công đức này mà nhân Thánh tăng trưởng, hưởng vô lượng sự vui.”

Pháp môn này có thể khiến người giàu có trở thành giàu hơn nữa và kẻ có phước đắc nhiều phước hơn nữa. Phật và Bồ Tát luôn có tâm bình đẳng không những chỉ lo cho người thiếu phước lại còn quan tâm đến những người có phước đức, có tu hành để giúp họ thăng tiến mãi.

"Như người đó lại có thể trong hai mươi mốt ngày nhất tâm chiêm lễ hình tượng Bồ Tát Địa Tạng và niệm danh hiệu của Ngài đủ một vạn biến, thì sẽ được Bồ Tát hiện thân vô biên, mách bảo người đó cõi giới mà hàng quyến thuộc đã sanh về; hoặc trong giấc mộng, Bồ Tát hiện đại thần lực, đích thân dắt người đó đến các thế giới để thấy hàng quyến thuộc của mình.

Phần trước kinh nói về cách bày tỏ lòng tôn kính và cúng dường. bây giờ thì bàn về thời gian: **hai mươi mốt ngày** thì có thể thấy được họ hàng. Trong thời gian ba tuần này, chúng ta cần phải rất cung kính và nhất tâm chiêm ngưỡng và đảnh lễ hình tượng Bồ Tát, niệm hồng danh ngài cả vạn lần với sự thành tâm. Lúc ấy, vạn nghiệp sẽ được tiêu trừ và vạn phước được tích tụ: thì sẽ có cảm ứng đạo giao 感應道交.

thân vô biên 無邊身: Không có chỗ nào mà ngài không thể thị hiện thân. Hơn nữa, ngài có thể hiện bất cứ loại thân nào của chúng sinh "無類不現身".

Chúng sanh, ngay cả những Phật tử, thường sống trong điên đảo mê hoặc nên Bồ Tát không thể đến với họ trong lúc họ thức mà thường đến trong **giấc mộng**.

Phàm phu có nhiều lậu và không thể nhập định, nên chỉ có thể

thấy được thân nhân trong giấc mơ thôi. Bằng thần lực của mình, Bồ Tát có thể dẫn thần thức của họ đến cõi thế giới khác để gặp những người thân nhân mà họ đang muốn giúp đỡ.

Lời Kinh:

Nếu người đó lại có thể mỗi ngày đều niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn biến, luôn đến một ngàn ngày, thì người đó sẽ được Bồ Tát sai các quỷ thần và thổ địa sở tại hộ vệ trọn đời, hiện đời y phục thức ăn dư dật, không có các thứ bệnh khổ, cho đến các hoạnh sự còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân! Người đó rốt ráo sẽ được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho."

Lời giảng:

Nếu người đó lại có thể mỗi ngày đều niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn biến, luôn đến một ngàn ngày, thì người đó sẽ được Bồ Tát sai các quỷ thần và thổ địa sở tại hộ vệ trọn đời.

niệm danh hiệu Bồ Tát một ngàn biến, luôn đến một ngàn ngày: khoảng ba năm.

sai các quỷ thần và thổ địa: Địa Tạng Bồ Tát sẽ ra lệnh địa thần và các quỉ thần đến bảo vệ và phù hộ chúng ta trong kiếp này.

hiện đời y phục thức ăn dư dật, không có các thứ bệnh khổ, cho đến các hoạnh sự còn không hề vào đến cửa, huống nữa là đến nơi thân! Người đó rốt ráo sẽ được Bồ

Tát xoa đảnh thọ ký cho.”

hoạnh sự 橫事: những tai nạn nhỏ hoặc lớn, đều không thể xâm nhập nhà cửa của họ.

Lời Kinh:

“Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tu Đạo Bồ Đề Vô Thượng, muốn ra khỏi Tam Giới; những người đó thấy hình tượng Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe danh hiệu, rồi chí tâm quy y, hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn thức uống để cúng dường chiêm lễ, thì điều nguyện cầu của các thiện nam thiện nữ đó sẽ chóng được thành tựu, vĩnh viễn không bị chướng ngại.”

Lời giảng:

“Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn phát lòng từ rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, muốn tu Đạo Bồ Đề Vô Thượng, muốn ra khỏi Tam Giới,

Những hạng người này thật hiếm có!

những người đó thấy hình tượng Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe danh hiệu, rồi chí tâm quy y, hoặc đem hương hoa, y phục, vật báu, đồ ăn thức uống để cúng dường chiêm lễ, thì điều nguyện cầu của các thiện nam thiện nữ đó sẽ chóng được thành tựu, vĩnh viễn không bị chướng ngại.”

Bồ Tát được tôn làm nguyện vương không phải chỉ vì đã lập nhiều đại nguyện, nhưng cũng vì có thể giúp chúng sinh thành tựu nguyện của họ.

Tam Giới: gồm có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Tại Tống Không Quán Tự 宋空觀寺, có một tỳ kheo qui y với Địa Tạng Bồ Tát. Mỗi tháng thầy trì mười ngày chay, sao chép hình tượng Bồ Tát, đảnh lễ và cúng dường, khẩn cầu Bồ Tát hiện thân cho thấy. Sau khi tu như thế ba năm, bỗng có một tiểu sa di đến xin trú đêm tại chùa. Sư ra ngoài nói chuyện với sa di. Họ nói chuyện trong chốc lát thì bỗng nhiên sa di biến mất. Các người trong chùa hỏi sư: Sa di đã nói gì? Sư đáp: "Nguyện vọng của ông hôm này đã thành tựu. Tại sao lập nguyện thiển cận như vậy?" Khi nghe xong sư lập tức hiểu mình bị khiển trách nên phát nguyện Vô Thượng Bồ Đề. Sau này mơ thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân nói rằng: "Chú sa di đó là ta đấy. Con mong được gặp ta nhưng không chịu phát tâm Bồ Đề. Cho nên ta mới đến nhắc. Con chép rất nhiều hình của ta nên trong tương lai sẽ không bao giờ đọa ác thú. Lúc lâm chung, con sẽ sinh lên cõi trời Đâu Suất và gặp Di Lặc Bồ Tát. Khi ấy ngài sẽ thọ ký cho con. Ta nay đã thỏa ý nguyện của con, như bóng theo hình, nước theo bình". Sau khi thức dậy,vì qúa cảm kích Sư không cầm được nước mắt.

Lời Kinh:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn cầu trăm ngàn vạn ức điều nguyện, trăm ngàn vạn ức sự việc về hiện tại cùng vị lai, thì nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, ngợi khen

hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng; thì các điều sở nguyện sở cầu như thế tất đều thành tựu cả. Nếu lại cầu mong Bồ Tát Địa Tạng, đấng đầy đủ lòng đại từ bi, mãi mãi ủng hộ cho mình, thì người đó trong giấc chiêm bao liền được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho."

Lời giảng:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nào muốn cầu trăm ngàn vạn ức điều nguyện, trăm ngàn vạn ức sự việc về hiện tại cùng vị lai, thì nên chỉ quy y, chiêm lễ, cúng dường, ngợi khen hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng.

muốn cầu trăm ngàn vạn ức điều nguyện: Đủ các loại ước nguyện qua ba thời quá khứ hiện tại và vị lai.

thì các điều sở nguyện sở cầu như thế tất đều thành tựu cả. Nếu lại cầu mong Bồ Tát Địa Tạng, đấng đầy đủ lòng đại từ bi, mãi mãi ủng hộ cho mình, thì người đó trong giấc chiêm bao liền được Bồ Tát xoa đảnh thọ ký cho."

sở nguyện sở cầu: chỉ điều đang mong cầu.

Tại Tống Thiên Phước Tự 宋千福寺 ở Trung Quốc, có một tượng ngài Địa Tạng Bồ Tát cao một trượng sáu 一尺六寸. Không ai còn nhớ làm từ lúc nào nữa. Nhưng tượng rất linh. Người nào ở lại đêm đảnh lễ và sám hối thì chắc chắn sẽ có cảm ứng. Một hôm, có một cư sĩ mới 37 tuổi mà đã mất hết tất cả răng. Ông ta đến trước tượng cúng dường, đoạn thực 段食 và cầu nguyện. Đêm đó mơ thấy Bồ Tát từ hình tượng

bước ra, đến xoa đỉnh đầu ông: toàn thân ông cảm thấy lâng lâng và an lạc. Khi tỉnh dậy thì tự nhiên có đủ 38 cái răng.

Lời Kinh:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với kinh điển Đại Thừa sanh lòng trân trọng thâm sâu, phát tâm không nghĩ bàn muốn đọc, muốn tụng, dầu gặp được bậc minh sư dạy bảo cho thành thục, song đọc rồi lại quên, trải đến cả tháng, cả năm vẫn không đọc tụng được; những kẻ thiện nam này vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch, cho nên đối với kinh điển Đại Thừa không có thể đọc tụng." "Những hạng người này, khi nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cùng thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì nên đem hết bổn tâm mà cung kính bày tỏ; rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, cùng tất cả đồ chơi cúng dường Bồ Tát. Lại đem một chén nước trong đặt trước Bồ Tát một ngày một đêm, sau đó chắp tay thỉnh để uống, mặt day về hướng Nam; khi nước sắp vào miệng phải chí tâm trịnh trọng. Uống nước xong, phải kiêng cữ ngũ tân, rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ và các việc giết hại trong bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày.

Lời giảng:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với kinh điển Đại Thừa sanh lòng trân trọng thâm sâu, phát tâm không nghĩ bàn muốn đọc, muốn tụng, dầu gặp được bậc minh sư dạy bảo cho thành thục, song đọc rồi lại quên, trải đến cả tháng, cả năm vẫn không đọc tụng được.

đối với kinh điển Đại Thừa sanh lòng trân trọng thâm sâu 深生珍重: khi thấy được kinh Đại Thừa thì vui mừng như gặp được trân châu vậy.

Lúc đọc tụng kinh phải sử dụng mắt (nhìn), miệng (tụng) và tâm (quán ý nghĩa hoặc theo dõi âm thanh đang tụng).

dầu gặp được: hơn nữa, dẫu có gặp được...

những kẻ thiện nam này vì có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch, cho nên đối với kinh điển Đại Thừa không có tánh đọc tụng.”.

Lý do chúng sinh thường gặp **nghiệp chướng** trong việc tu hành vì họ chưa tiêu trừ được chướng ngại từ kiếp trước. Những khó khăn này chỉ hiện ra lúc chúng ta sắp thực hành những hạnh tu như tụng kinh, trì chú, tọa thiền v.v... Thí dụ, ngay khi bắt đầu muốn làm thì bỗng nhiên bị mệt mỏi và bị ma ngủ tấn công. Khi bỏ kinh sách xuống thì ma quỉ tha, tự nhiên tỉnh ngủ và muốn làm việc khác. Nếu phóng túng vui chơi, nói chuyện tàm phào, thì cảm thấy người tràn đầy sinh lực, không biết chán. Pháp môn để đối trị những loại chướng ngại này gồm: Sám hối, cúng dường hương hoa quả và ngay cả đồ chơi như trái banh của con nít. Đừng nên nghĩ rằng Bồ Tát thích những món như vậy. Ý nghĩa là cúng dường những gì mà chúng ta thích nhất: Những sự vui chơi không cần thiết. Pháp môn này đòi hỏi phải kiêng ăn ngũ tân (tỏi, hành lá, hành tây, hẹ, và tỏi tây v.v..). Những thứ ấy nên kiêng ăn vì thường làm tăng sự tham ăn, ngu si, sân hận, và tình dục.

có nghiệp chướng đời trước chưa trừ sạch: những chướng ngại này có thể phát xuất từ hai nguồn gốc: 1) Keo kiệt Pháp:

người đến thỉnh Pháp nhưng chúng ta không chịu ban cho 2) Ngăn cản kẻ khác thuyết Pháp, học kinh điển, đọc tụng kinh sách, không chịu thân cận Tam Bảo, không kính trọng Tăng; nên mất chủng tử trí huệ.

"Những hạng người này, khi nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cùng thấy hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát, thì nên đem hết bổn tâm mà cung kính bày tỏ.

cung kính bày tỏ: Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát, cầu xin ngài giúp con tiêu trừ ma ngủ và tăng thêm trí nhớ.

rồi dùng hương hoa, y phục, đồ ăn thức uống, cùng tất cả đồ chơi cúng dường Bồ Tát.

hương hoa: tượng trưng phát tâm Bồ Đề, **y phục** đại biểu Tịch Diệt nhẫn, **đồ ăn thức uống** tượng trưng tăng trưởng huệ mạng, **cùng tất cả đồ chơi**: đại diện cho thần thông, khiến chúng ta có thể du hí thần thông 遊戲神通. Trong mọi hoàn cảnh đều cảm thấy an lạc.

Lại đem một chén nước trong đặt trước Bồ Tát một ngày một đêm.

một chén nước trong: Nước thanh tịnh có thể rữa sạch và xoi mòn chướng ngại. Nước trong tượng trưng bát đức. Chén đại biểu cho chế tâm nhất xứ 制心一處. Nước có đặc tính trôi chảy và tẩy rữa. Và lại có thể nuôi dưỡng, duy trì mạng sống.

đặt trước Bồ Tát: để cầu định lực của ngài gia hộ cho. **Một**

ngày một đêm: tượng trưng diệt trừ ngu si và sinh trưởng trí huệ. Ngày đại biểu cho ánh sáng trí huệ. Đêm tượng trưng cho ngu si đen tối.

sau đó chắp tay thỉnh để uống, mặt day về hướng Nam.

mặt day về hướng Nam: đừng quên rằng Trung Quốc, Bồ Tát Địa Tạng trụ tại phương Nam (Cửu Hoa Sơn).

khi nước sắp vào miệng phải chí tâm trịnh trọng.

phải chí tâm trịnh trọng: nghĩa là phải biết quán tưởng Bồ Tát hiện thân đến gia bị 加被 người đang cầu khẩn bằng cách trì chú vào chén nước cúng dường.

Uống nước xong, phải kiêng cữ ngũ tân, rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ và các việc giết hại trong bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày.

Tránh dùng **ngũ tân, rượu, thịt** v.v... tượng trưng trì giới thanh tịnh. Nhờ trì giới nên dễ sinh định. Trong thời gian **bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày**: nên tuân theo lời dạy một cách nghiêm chỉnh, dầu đã được cảm ứng sớm hơn cũng phải giữ đủ số ngày đã phát nguyện.

Đối với ngũ tân, nếu dùng sau khi nấu, thì tăng trưởng tình dục; nếu dùng tươi thì tăng trưởng sân hận. Hơn nữa, lại có mùi hôi nồng khiến thập phương tiên thiên lánh xa trong lúc quỉ thần thì thích thú nên tìm đến liếm môi người đã ăn ngũ tân. Như thế vô tình đã làm bạn với yêu quỉ, sẽ khiến phước đức vơi bớt. Những kẻ dùng ngũ tân là đang trồng nhân để rớt xuống địa ngục phẩn dãi. Sau khi thoát địa ngục thì làm

thân heo hoặc chó. Làm người thì thân có mùi hôi hám.

Bàn về rượu, đức Phật nói nguồn gốc của tam ác nghiệp là rượu.

Tình dục đứng đầu tất cả các ác 萬惡首.

bảy ngày hoặc hai mươi mốt ngày: Cảm ứng có thể xảy ra nội trong ba tuần. Nếu có một tí nghi ngờ thì đừng mong có cảm ứng!

Lời Kinh:

Những người thiện nam thiện nữ này, trong giấc chiêm bao sẽ thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân vô biên đến chỗ họ ở mà rưới nước quán đảnh cho. Những người này thức dậy liền được thông minh, các kinh điển một phen lọt vào nhĩ căn thì liền nhớ mãi, không còn quên một câu kinh hay một bài kệ nữa!"

Lời giảng:

Những người thiện nam thiện nữ này, trong giấc chiêm bao sẽ thấy Bồ Tát Địa Tạng hiện thân vô biên đến chỗ họ ở mà rưới nước quán đảnh cho.

Mô tả cảm ứng: phát huệ 發慧. Loại cảm ứng thật không dễ đắc vì cần phải có tâm cực chí thành và thanh tịnh.

hiện thân vô biên: hoặc là Pháp Thân vô biên. Khi trong chiêm bao được thấy Bồ Tát hiện thân thì tâm liền thanh tịnh và nhờ đó chướng ngại được tiêu trừ.

rưới nước quán đảnh: Bồ Tát Địa Tạng dùng nước cam lồ rưới trên đảnh đầu. Bồ Tát Quán Thế Âm có 42 Thủ Nhãn, trong đó có bàn tay Cam Lồ. Bàn tay này giúp có cảm tưởng như tắm rữa vậy. Nó khiến ô uế và chướng ngại được gột rữa. Ai tu pháp này phải luyện mỗi ngày. Nếu không thì mất hết công phu, phải bắt đầu lại.

Những người này thức dậy liền được thông minh, các kinh điển một phen lọt vào nhĩ căn thì liền nhớ mãi, không còn quên một câu kinh hay một bài kệ nữa!"

Làm sao có thể nhớ được tất cả các kinh điển? Đó là nhờ thần lực của Bồ Tát hoặc thần lực của chú.

Lời Kinh:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có những người nào ăn mặc không đủ, cầu gì cũng trái nguyện, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc nhiều sự hung suy, nhà cửa không yên ổn, quyến thuộc bị phân tán, hoặc các hoạnh sự cứ xảy đến làm thiệt thân, khi ngủ thường mộng thấy điều kinh sợ; những người như thế, khi nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà chí tâm cung kính niệm đủ một vạn biến, thì những sự không như ý sẽ tiêu sạch lần lần, liền được an vui, đồ ăn mặc dư dật, cho đến trong giấc mộng thảy đều an lạc."

Lời giảng:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có những người nào ăn mặc không đủ,

Trước đây là cầu trí huệ, bây giờ là cầu phước báu.

ăn mặc không đủ ...衣食不足: là một trong những loại thống khổ nhất của nhân loại.

Xưa có một trưởng giả ở thành Xá Vệ rất giàu có. Không may ông ta bị đánh cướp mất hết tài sản. Bỗng nhiên trở thành nghèo khổ, mọi người đều từ bỏ ông: Vợ con đối xử lạnh nhạt tôi tớ bỏ đi, bạn bè thân thuộc xa lánh. Túng cùng quá ông phải làm ăn mày; khi phải đi ăn xin thì bị khinh khi và chê bai. Ông ta than: "Kẻ bần cùng ít có sự lựa chọn nơi muốn đến nói gì cũng chẳng ai nghe. Kẻ hạ tiện như quỉ tử thi (không ai muốn thấy cả). Họ giống như người bị bịnh nan y khó thoát khỏi bịnh nghèo. Nghèo cùng thì phải chịu đựng nhiều khó khăn: đói lạnh, khó nhẫn những oán ghét và sân hận của người khác trút lên đầu mình. Thường bị khinh chê, chửi bới và bị ngược đãi. Họ có nhiều ưu tư sầu khổ mà chẳng ai đoái hoài. Vô số khổ sở sinh khởi từ nghèo khó. Bần cùng thật đáng khiếp vì nó làm thân quyến của chính mình ruồng bỏ không chút do dự."

cầu gì cũng trái nguyện, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc nhiều sự hung suy, nhà cửa không yên ổn, quyến thuộc bị phân tán, hoặc các hoạnh sự cứ xảy đến làm thiệt thân, khi ngủ thường mộng thấy điều kinh sợ; những người như thế, khi nghe danh hiệu của Bồ Tát Địa Tạng, thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, mà chí tâm cung kính niệm đủ một vạn biến.

cầu gì cũng trái nguyện 求者乖願: Cầu bất cứ gì cũng không toại nguyện.

nhiều bệnh tật 多疾病: không thể đi làm để sinh sống vì quá bịnh. Hoặc lúc lâm bịnh thì không thể gặp thầy thuốc nên bịnh này kéo thêm bịnh khác. **nhiều sự hung suy** 多凶衰: mọi sự đều xui xẻo, không có gì thông suốt cả.

nhà cửa không yên ổn 家宅不安: Không những địa điểm chẳng an toàn mà người trong nhà cũng không an.

thì những sự không như ý sẽ tiêu sạch lần lần, liền được an vui, đồ ăn mặc dư dật, cho đến trong giấc mộng thảy đều an lạc."

Bồ Tát che chở ngày đêm.

Lời Kinh:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc vì việc làm ăn sinh sống, hoặc vì việc công chuyện tư, hoặc vì sự sanh sự tử, hoặc vì việc khẩn cấp, mà phải vào rừng lên núi, qua sông vượt biển, cho đến gặp nước lớn hoặc đi ngang hiểm đạo; người đó trước khi đi nên niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến, thì đi qua nơi nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ, đi đứng nằm ngồi mãi mãi được an lạc, cho đến dẫu gặp cọp, sói, sư tử... cùng tất cả mọi thứ độc hại, cũng đều không thể làm thương tổn đến được."

Lời giảng:

"Lại nữa, này Bồ Tát Quán Thế Âm! Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ nào, hoặc vì việc làm ăn sinh

sống, hoặc vì việc công chuyện tư, hoặc vì sự sanh sự tử, hoặc vì việc khẩn cấp, mà phải vào rừng lên núi, qua sông vượt biển, cho đến gặp nước lớn hoặc đi ngang hiểm đạo; người đó trước khi đi nên niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến

Vào đường nguy hiểm:

sự sanh sự tử: như báo sinh đẻ hoặc qua đời.

việc khẩn cấp: như đi công tác, giặc cướp, thiên tai, hoặc chiến tranh.

Nếu cần làm những việc ấy (sinh nhai, công tác công cọng hoặc riêng tư, nhà có người chết hoặc việc khẩn cấp), thì nên **niệm danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát một vạn biến**. Đừng có quá quan tâm với số 10,000. Thật ra, nghĩa là biết tụng niệm với cực thành tâm cho đến khi đủ 滿足.

thì đi qua nơi nào cũng có các vị quỷ thần hộ vệ.

Họ sẽ được bảo vệ trong mọi công việc.

đi đứng nằm ngồi mãi mãi được an lạc, cho đến dẫu gặp cọp, sói, sư tử... cùng tất cả mọi thứ độc hại, cũng đều không thể làm thương tổn đến được.”

Có nghĩa là chúng nó không thể nào hảm hại chúng ta được.

Lời Kinh:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: “Bồ Tát Địa Tạng có

đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề. Nếu nói về những việc lợi ích nhờ được thấy, được nghe của chư chúng sanh, thì trong cả trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết được.

Vì thế, này Quán Thế Âm! Ông hãy dùng thần lực mà lưu bố kinh này, làm cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà trong trăm ngàn vạn kiếp luôn được hưởng sự an lạc."

Lời giảng:

Đức Phật bảo Bồ Tát Quán Thế Âm: "Bồ Tát Địa Tạng có đại nhân duyên với cõi Diêm Phù Đề. Nếu nói về những việc lợi ích nhờ được thấy, được nghe của chư chúng sanh, thì trong cả trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết được.

Lợi ích của pháp môn này thật bất khả tư nghì.

Vì thế, này Quán Thế Âm! Ông hãy dùng thần lực mà lưu bố kinh này, làm cho chúng sanh ở thế giới Ta Bà trong trăm ngàn vạn kiếp luôn được hưởng sự an lạc."

Ông nên dùng thần thông để **lưu bố kinh này** khiến chúng sinh có thể được nhiều lợi ích.

Thập Luận 十論 nói: Địa Tạng Bồ Tát ban hoan hỉ cho chúng sinh, cứu độ cho họ thoát khỏi khổ ách và khiến đủ các loài mưa rơi. Kinh vô thượng này, không khác gì mắt của chúng sinh, cây đèn trong phòng tối, châu báu đối với người

nghèo cùng, và thiện dược cho người bị bịnh. Chúng ta nên mau lưu truyền kinh khắp mọi nơi.

Lời Kinh:

Vào lúc ấy, đức Thế Tôn lại nói những bài kệ sau đây.

Lời giảng:

Vào lúc ấy, đức Thế Tôn lại nói những bài kệ sau đây.

Đức Phật dùng kệ để tóm tắt Pháp vừa nói khiến chúng sinh dễ hiểu và dễ nhớ.

Có bốn lý do dùng trùng tụng 重頌:

1) Tùy quốc độ 隨國土: chẳng hạn như ở Ấn Độ thời ấy thì văn tự và phương tiện ghi chép rất hạn chế nên đa số phải dùng phương pháp truyền khẩu. Do đó Phật phải dùng kệ tóm tắt lại bài giảng cho dễ trùng tụng và dễ nhớ.
2) Tùy sinh giải 隨生解: Dùng dạng khác trình bày để giúp chúng sinh dễ hiểu hơn.
3) Tùy lạc dục 隨樂欲: Có người thì thích văn xuôi, có kẻ thì thích thơ.
4) Tùy lợi độn 隨利鈍: Có người thì hiểu ngay lập tức, có người thì cần phải lập đi lập lại mới hiểu.

Lời Kinh:

"Ta xem Địa Tạng sức oai thần,

Hằng hà sa kiếp nói chẳng cùng.

Thấy, nghe, một niệm chiêm ngưỡng lễ,

Lợi ích trời, người vô lượng sự.

Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc rồng, thần,

Báo tận sẽ sa vào đường ác,

Chí tâm quy y thân Đại Sĩ,

Thọ mạng chuyển tăng, tội chướng trừ.”

Lời giảng:

Phần lớn ý nghĩa câu kệ rõ ràng.

***Xem* 觀**: Phật Nhãn như 1.000 mặt trời, soi sáng và quan sát 照察 quá khứ và vị lai, không khác gì ở trong bàn tay 同於掌果.

Một lần chiêm ngưỡng, một lễ lạy hoặc một niệm có thể mang đến vô biên lợi ích cho thiên nhân.

Qui y với Địa Tạng Bồ Tát thì phước đức tăng trưởng không gián đoạn.

Lợi ích vô cùng tận nên không thể nào đủ thì giờ bàn cho hết.

Thiên nhân đều ham muốn trường thọ, an lạc và không tai

nạn 壽命安樂無患. Thế mới nói ***Thọ mạng chuyển tăng, tội chướng trừ* 壽命轉增除罪障.**

Lời Kinh:

"Trẻ thơ sớm mất tình phụ mẫu,

Chẳng rõ thần hồn lạc nơi đâu,

Anh em chị em cùng thân thuộc,

Sanh trưởng đến nay chẳng biết nhau.

Hoặc nặn hoặc vẽ hình Đại Sĩ,

Cảm thương chiêm lễ chẳng muốn rời,

Hăm mốt ngày luôn niệm danh hiệu,

Bồ Tát tất hiện thân vô biên,

Chỉ rành quyến thuộc ở nơi nào,

Dầu sa ác thú cũng ra mau;

Lời giảng:

Nếu muốn biết người thân sinh về cõi nào, thì nên lập hình tượng Bồ Tát để tôn thờ và chiêm ngưỡng không ngừng. Niệm hồng danh ngài trong ba tuần không thối chí nguyện ban đầu thì ngài sẽ giúp toại ý nguyện.

Lời Kinh:

Nếu giữ sơ tâm chẳng thối thất,

Liền đặng xoa đảnh, thọ Thánh ký.

Bồ Đề vô thượng muốn tu hành,

Thậm chí lìa xa khổ Tam Giới,

Người này đã phát đại bi tâm,

Trước nên chiêm lễ tượng Đại Sĩ,

Hết thảy nguyện ước chóng thành tựu,

Nghiệp chướng vĩnh viễn chẳng ngăn đặng. ”

Có người phát tâm tụng kinh điển,

Muốn độ quần mê vượt bỉ ngạn,

Dầu lập thệ nguyện chẳng nghĩ bàn,

Đọc rồi liền quên, luôn sót mất.

Người này nghiệp chướng khiến u mê,

Học Đại Thừa kinh chẳng nhớ được.

Cúng dường Địa Tạng với hương hoa,

Y phục, uống ăn, cùng ngoạ cụ,

Bày chén nước trong trước Đại Sĩ,

Cách một ngày sau bưng lấy uống.

Sanh lòng trân trọng, cữ ngũ tân,

Rượu, thịt, tà dâm, cùng vọng ngữ.

Hăm mốt ngày liền chớ sát sanh,

Chí tâm nhớ tưởng Đại Sĩ danh.

Trong mộng tất thấy thân vô biên,

Thức giấc nhĩ căn liền lanh lợi,

Đại Thừa kinh giáo nghe qua tai,

Suốt ngàn vạn đời mãi chẳng quên.

Chính nhờ Đại Sĩ bất tư nghì,

Thầm giúp người kia được huệ tài."

Lời giảng:

Bàn về các pháp diệt trừ chướng ngại.

Cách một ngày sau bưng lấy uống: đợi một ngày một đêm, qùy trước hình tượng, đảnh lễ bưng chén nước, hướng về phương Nam và dùng lòng thành kính mà uống nước.

Chí tâm nhớ tưởng Đại Sĩ danh 至心思念大士名: Xả bỏ các vọng tưởng, chuyên niệm danh hiệu ngài và quán đại thần lực cùng đức hạnh của ngài.

Tại sao tránh dùng ngũ tân? Tại vì tính chất của chúng nó rất dơ bẩn và hôi 穢著, có thể làm chướng ngại thánh Đạo.

Có một vị cao tăng đời Đường. Ông ta xây tụng kinh đường 誦經堂. Mỗi lần tụng Kim Quang Danh Kinh 金光名經, Tứ Thiên Vương thích đến nghe. Sau đó, dầu thầy tụng bất cứ Kinh Tạng nào, thầy cũng không quên một chữ. Cũng vậy, thần lực bất khả tư nghì của Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến người đần độn thành thông minh và người ngu si thành khôn ngoan.

Lời Kinh:

"Chúng sanh nghèo khổ lại bệnh tật,

Nhà cửa hung suy, quyến thuộc lìa,

Ngủ mê mộng mị không an giấc,

Cầu chi cũng hỏng, chẳng toại lòng,

Chí tâm chiêm lễ tượng Địa Tạng,

Tất cả việc ác thảy tiêu trừ,

Cho đến mộng mị đều an ổn,

Quỷ thần ủng hộ, dư ăn mặc.

Lời giảng:

Một nhóm người lên thuyền vượt biển. Họ gặp ác phong thổi đến Dạ Xoa quốc. Một người cất tiếng niệm hồng danh ngài Quán Âm và khuyên mọi người cùng niệm theo. Một vị tỳ kheo Nam Tông không chịu nghe lời. Kết quả: Sư là người duy nhất bị cột lại trong lúc mọi người đều thoát được. Sau đó Sư phát tâm niệm hồng danh Bồ Tát nên cũng được giải thoát.

Lời Kinh:

Muốn vào núi rừng, qua sông biển,

Cầm thú độc dữ cùng người ác,

Ác thần, ác quỷ, với ác phong,

Hết thảy tai nạn, mọi khổ não,

Chỉ cần chiêm lễ cùng cúng dường,

Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ tượng,

Núi rừng biển cả dẫu có vào,

Tất cả sự ác đều tiêu sạch.

Quán Âm hãy lắng nghe Ta nói,

Địa Tạng vô tận không nghĩ bàn,

Trăm ngàn muôn kiếp chẳng kể xiết,

Rộng tuyên Đại Sĩ sức như vậy!

Như người nghe đến Địa Tạng danh,

Thậm chí thấy hình cùng chiêm lễ,

Hương hoa, thực phẩm, và y phục,

Cúng dường trăm ngàn hưởng diệu lạc.

Nếu đem hồi hướng khắp Pháp Giới,

Rốt ráo thành Phật, thoát sanh tử.

Vì thế, Quán Âm, ông hãy nên,

Bảo khắp Hằng sa các cõi nước!"

Lời giảng:

sự ác 惡事: chuyện tà ác.

người ác, Ác thần, ác quỷ: mọi loài đều có ác thiện. ***ác phong*** thường thì trong loại gió này có ác quỷ thần nương theo để phá hoại nhà cửa cây cối hay làm chết người.

Làm sao Bồ Tát tiêu trừ ác thú và ác qủy? Đáp: Ví như sư tử gầm lên thì muôn ác thú phải bỏ chạy.

Chỉ có Quán Âm Bồ Tát mới có thể thấu biết được thần lực

của Địa Tạng Bồ Tát nên đức Phật mới nói những sự việc này với Quán Âm Đại sĩ.

Phẩm 13: Thế Tôn Ký Thác

Đây là phẩm cuối cùng của kinh.

Ký thác hoặc chúc phó 囑咐: Đức Phật gởi gắm chúng sinh cho chư Bồ Tát, khuyến khích quý ngài làm những công tác vừa khó nhọc vừa cay đắng. Nhất là Phật muốn gởi nhân thiên của đời vị lai 累劫 vì hai hạng hữu tình này có lợi căn nên dễ tu Đạo hơn.

Trong kinh có đặt câu hỏi: "Có thể lập nguyện khiến chúng sinh trong ngũ đạo thành Phật cùng một lúc được không?" Đức Phật đáp: "Không thể thành Phật nếu không có thân. Trước hết nên độ tam ác đạo, giúp họ đắc thân người hoặc trời. Sau đó mới có thể giúp họ thành Đạo".

Hơn nữa, trong lục đạo, quỉ thần chìm đắm trong tối tăm và lo âu, súc sinh phải tìm thức ăn và trốn tránh những loại thú ăn mồi sống, a tu la thì hay giận hờn, và trời đam mê lạc thú. Rốt cuộc, chỉ có loài người là thuận tiện nhất, cũng là môi trường tốt nhất để hành Bồ Tát đạo. Thân người khó đắc, vậy chúng ta có biết nỗ lực tu hành không?

Cũng như người mẹ đang hấp hối trên giường, rất quan tâm cho con cái còn nhỏ bé nên gửi gắm cho người lớn, khiến họ hứa sẽ dạy bảo chúng nó nên người. Phẩm này cũng có tinh thần tương tự như vậy.

Lời Kinh:

Lúc đó, Đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mà bảo rằng: "Này Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn, đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn, trí huệ của ông không thể nghĩ bàn, biện tài của ông không thể nghĩ bàn. Dầu cho chư Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự không nghĩ bàn của ông, trong ngàn vạn kiếp cũng chẳng nói hết được.

Lời giảng:

Lúc đó, Đức Thế Tôn giơ cánh tay sắc vàng xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát mà bảo rằng,

xoa đảnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: Phẩm trước thì Phật xoa đảnh của các phân thân Địa Tạng Bồ Tát để khuyến khích và an ủi Bồ Tát về công tác khó khăn cứu độ chúng sinh. Bây giờ thì Phật xoa một đảnh thôi, tượng trưng "*Bổn cơ nhất như* 本機一如: bổn thân và hiện thân chỉ là một, không có sự khác biệt."

giơ cánh tay sắc vàng 舉金色臂: tượng trưng Trung Đạo. Cánh tay có khả năng giơ ra và nhấc lên (tượng trưng một) và có thể đem chúng sanh ra khỏi lục đạo (ý nghĩa là nhiều). Một tức là nhiều, nhiều tức là một, tiêu biểu cho "*Qui Trung Đạo Nhất Tính* 歸中道一性: trở về Trung Đạo, một tính thể thôi."

Trước đây Phật xoa đỉnh Bồ Tát để chứng nhận sự khó nhọc của công việc cứu độ chúng sinh. Bây giờ thì Phật xoa đảnh để gởi gắm chúng sinh. Trước thì một tay xoa vô lượng đảnh,

tượng trưng "*Nhất đa tự tại* 表一多自在: Một và nhiều cùng tự tại." Bây giờ thì một tay xoa một đảnh, tượng trưng rằng chỉ có một Đạo, hiển hiện ra lục đạo, cửu giới và không có sự phân hai, tức là không phân biệt 表本同一道 • 則顯六道九界 • 更無二道也.

Này Địa Tạng! Địa Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn, đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn, trí huệ của ông không thể nghĩ bàn, biện tài của ông không thể nghĩ bàn.

Đức Phật gọi tên Bồ Tát **Địa Tạng** hai lần để diễn tả (vì Phật sắp nhập Niết Bàn) chiều sâu của tâm đại bi và lòng thương mến. **Thần lực** của Bồ Tát bất khả tư nghì vì có thể lợi ích cho tất cả các chúng sinh, khiến cho ngay những kẻ đáng lẽ không thể ra khỏi đường khổ mà có thể thoát được. Hơn nữa, tâm **từ bi** của Bồ Tát bất khả tư nghì vì không có ai mà ngài không ban vui cứu khổ.

Có ba loại tâm bi:

1. Ái Quán bi 愛觀悲: tâm bi với kẻ có duyên, như phàm phu thương yêu người gia đình họ hàng,
2. Pháp Duyên bi 法緣悲: tâm bi với Phật Pháp, như Nhị Thừa thương hại chúng sinh,
3. Đồng thể bi 同體悲: tâm bi vô điều kiện của đấng giác ngộ.

Đồng thể bi tuyệt diệu và bất khả tư nghì. Sức mạnh tâm bi của Địa Tạng Bồ Tát cực kỳ mạnh mẽ. Nhiều Bồ Tát khác cũng không thể so sánh được: chỉ có riêng ngài mới phát nguyện xuống địa ngục cứu độ chúng sinh. Quán Tự Tại,

Văn Thù Sư Lợi, và Phổ Hiền Bồ Tát đều có đại nguyện, nhưng họ dạy chúng sinh trong thế giới; duy nhất chỉ có Địa Tạng Bồ Tát không màng sự khổ nhọc trong địa ngục nên chuyên môn xuống đó cứu giúp chúng sinh. Cho nên ngài mới được gọi là U Minh Giáo Chủ.

Một bằng chứng của biện tài bất khả tư nghì của Địa Tạng Bồ Tát là khả năng dạy ngạ quỉ khiến chúng chuyển từ ác hướng về thiện. Nếu như biện tài của ngài không vô ngại thì không thể nào làm được như thế. Nếu muốn nghiên cứu sự bất khả tư nghì về các cảnh giới của Địa Tạng Bồ Tát thì không thể làm được, vì cảnh giới của ngài siêu vượt qua các tư tưởng. Nếu vậy thì có gì mà nghiên cứu đây?

Dầu cho chư Phật ở mười phương khen ngợi tuyên nói những sự không nghĩ bàn của ông, trong ngàn vạn kiếp cũng chẳng nói hết được.

Đại Luận 大論 nói: Chư Phật tán thán Bồ Tát có đầy đủ Thập Ba la mật, thần thông, trí huệ, biện tài, vô úy, 18 bất cộng Pháp v.v... nhưng không chịu trụ tại Niết Bàn mà trở lại sinh tử để cứu độ chúng sinh.

Lời Kinh:

Này Địa Tạng! Địa Tạng! Ông hãy nhớ hôm nay Ta, trong cung trời Đao Lợi, nơi đại hội có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết, không thể nói hết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, cùng Thiên Long Bát Bộ, một lần nữa đem các chúng sanh trong cõi trời, người, những kẻ còn ở trong nhà lửa, chưa ra khỏi Tam Giới, mà giao phó cho ông.

Ông đừng để cho các chúng sanh đó bị đọa vào đường ác dù là một ngày một đêm, huống là để cho họ phải đọa lạc vào địa ngục Ngũ Vô Gián cùng địa ngục A tỳ, trải đến ngàn vạn ức kiếp không lúc nào ra khỏi!

Lời giảng:

Này Địa Tạng! Địa Tạng! Ông hãy nhớ hôm nay Ta, trong cung trời Đao Lợi, nơi đại hội có trăm ngàn vạn ức không thể nói hết, không thể nói hết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, cùng Thiên Long Bát Bộ, một lần nữa đem các chúng sanh trong cõi trời, người, những kẻ còn ở trong nhà lửa, chưa ra khỏi Tam Giới, mà giao phó cho ông.

những kẻ còn ở trong nhà lửa, chưa ra khỏi Tam Giới: Có gì hay ho mà lại ham vui tại chỗ nguy hiểm như vậy?

Ông đừng để cho các chúng sanh đó bị đọa vào đường ác dù là một ngày một đêm, huống là để cho họ phải đọa lạc vào địa ngục Ngũ Vô Gián cùng địa ngục A-tỳ, trải đến ngàn vạn ức kiếp không lúc nào ra khỏi!

Ngũ Vô Gián 五無間: năm tội khiến đọa Đại Vô Gián địa ngục.

địa ngục A-tỳ 阿鼻地獄: nơi khổ sở nhất, nên tránh xa.

Phật Thích Ca giao phó chúng sinh 諸眾生等 cho Địa Tạng Bồ Tát trong giai đoạn rất dài: từ khi Phật nhập Diệt cho đến khi Di Lặc Bồ Tát xuất thế.

Một ngày một đêm trên cõi Tứ Thiên Vương tương đương với 50 năm trong cõi người. Một ngày một đêm trong cõi nhân gian tương đương với 500 năm trong địa ngục, tại vì có quá nhiều thống khổ nên thời gian dài đằng đẳng. Có sự khác biệt như thế là vì tâm lý: nơi nào có nhiều thống khổ thì nơi đó thì gian cảm thấy dài đẳng đẳng.

Lời Kinh:

Này Địa Tạng! Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này tánh tình không định, kẻ quen theo thói ác thì nhiều. Dầu phát thiện tâm nhưng chốc lát liền thối thất; nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng. Vì thế cho nên, Ta phải phân thân này ra làm trăm ngàn ức để hóa độ, tùy theo căn tánh mà độ thoát cho họ."

Lời giảng:

Này Địa Tạng! Chúng sanh ở cõi Nam Diêm Phù Đề này tánh tình không định, kẻ quen theo thói ác thì nhiều. Dầu phát thiện tâm nhưng chốc lát liền thối thất.

tánh tình không định 性無定 của chúng sinh thể hiện ra như sau: những người phát tâm tu học mới được một ngày thì hôm sau đã đổi ý. Có kẻ mới phát tâm hành thiện được chốc lát thì sau đó lại tác ác. Có khi quí vị phát tâm tu để đắc Pháp thân thanh tịnh, thế rồi đổi ý muốn tu Báo Thân. Không bao lâu sau quyết định muốn có một ức Ứng Thân vì cho rằng như thế là lý tưởng nhất. Vì tánh tình không định nên không có gì lâu dài hoặc nhất định trong chí nguyện cả.

Hơn nữa, cũng còn có thể quan sát tính tình bất định ở người

phát tâm tu thập thiện hôm nay để được sinh lên cõi Trời, thế nhưng ngày hôm sau họ lại tạo thập ác. Cũng vậy có khi buổi sáng thì. tâm hướng về cõi Trời nhưng buổi chiều thì cho rằng cõi súc sinh cũng không đến nỗi quá tệ.

Tính tình bất định còn được thấy rất rõ nơi những người phát tâm bỏ hút thuốc, uống rượu, hoặc dùng ma túy: những chí nguyện đó thường chỉ có được một chốc lát mà thôi. Cái tệ nhất của những người có tánh tình bất định là ở chỗ họ hay tự đính chính hoặc ngụy biện một cách tài tình.

nếu gặp ác duyên thì niệm niệm tăng trưởng.

Người có tính bất định dù gặp được thiện tri thức dạy tu hành, họ có thể phát tâm cố gắng làm nhưng lại thiếu nghị lực để đi tới nơi tới chốn. Những người như vậy là do phước mỏng nghiệp dày, đối với những việc xấu ác thì không cần được dạy mà tự động biết làm. Người thích cờ bạc là một ví dụ điển hình của khuynh hướng này: không cần ai dạy đánh bài nhưng chỉ quan sát một lần là họ biết một cách tài tình.

Đôi khi chúng sinh phát tâm làm thiện- như cúng tiền xây chùa, in kinh, hoặc tạo hình tượng- nhưng không bao lâu thì họ thường đổi ý không làm. Hoặc lúc trước thì họ muốn bố thí, nhưng về sau lại có tư tưởng: "Làm thế này có lợi gì cho tôi đây?" Một ví dụ của hạng người như vậy trong lịch sử là Lương Võ Đế. Ông ta xây cất nhiều chùa chiền, giúp người xuất gia và lo hoằng Pháp, nhưng tâm vẫn còn do dự nên cảm thấy cần phải hỏi Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma rằng vua đã tích tụ được bao nhiêu công đức rồi.

Khi chúng sinh có khuynh hướng thối lui trên đường thiện, họ

thường rẽ vào đường ác. Họ bị thu hút bởi nghiệp xấu cũ từ những đời trước khiến họ tự nhiên đi vào ác đạo. Những ác nhân được xếp vào hàng đầu là tam độc: tham lam tình dục và tài sản; sân hận, khiến sát hại người, đốt nhà, và tạo các hành vi phản loạn ngu si, khiến chúng ta đeo đuổi những gì không nên có hoặc ở ngoài tầm tay

Vì thế cho nên, Ta phải phân thân này ra làm trăm ngàn ức để hóa độ, tùy theo căn tánh mà độ thoát cho họ."

Vì những lý do trên nên Bồ Tát Địa Tạng phải bận bịu lo lắng cho chúng ta mãi! Công việc như thế rất có nhiều thử thách, tuy nhiên cũng không thiếu sự hứng thú!

Lời Kinh:

"Này Địa Tạng! Nay Ta ân cần đem chúng trời, người giao phó cho ông. Vào đời vị lai, nếu có hàng trời, người cùng thiện nam thiện nữ nào, ở trong Phật Pháp mà trồng chút thiện căn chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, thì ông nên dùng Đạo lực mà ủng hộ người đó, làm cho lần lần tu Đạo Vô Thượng, chớ để thối thất."

Lời giảng:

"Này Địa Tạng! Nay Ta ân cần đem chúng trời, người giao phó cho ông. Vào đời vị lai, nếu có hàng trời, người cùng thiện nam thiện nữ nào, ở trong Phật Pháp mà trồng chút thiện căn chừng bằng một mảy lông, một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước,

Vào đời vị lai: may thay chúng ta có mặt trong nhóm người này.

Tất cả các chúng sinh có đầy đủ Phật tính. Dầu Xiển Đề 闡提 rất tà ác, nhưng vẫn có đầy đủ thiện tính.

Nếu chúng ta có thể trồng chủng tử thiện dầu nhỏ bé nhất với Phật Pháp thì cũng sẽ thọ nhận quả báo vĩ đại nhất không thể tưởng tượng được.

Những người nghiên cứu bộ kinh này cũng thuộc nhóm người đã có trồng chủng tử thiện với Phật pháp vì nếu không thì họ đã bỏ cuộc từ lâu rồi. Ác nam tử và ác nữ nhân mà phát tâm tu hành thì không khác gì ngồi trên đinh: họ lập tức bỏ cuộc còn thiện nam tử thiện nữ nhân thì càng học càng thích.

Đoạn kinh này khuyến khích những kẻ có tính bất định như chúng ta không nên quá lo âu, vì Phật đã giao trách nhiệm cho Bồ Tát Địa Tạng rồi. Chúng ta chỉ cần tác thiện trong Phật Pháp.

thì ông nên dùng Đạo lực mà ủng hộ người đó, làm cho lần lần tu Đạo Vô Thượng, chớ để thối thất.”

Có người sẽ sinh nghi, nói rằng: Tôi đã từng làm việc thiện rất nhiều nhưng không thấy Địa Tạng Bồ Tát đến giúp lần nào cả. Quí vị suy nghĩ đi. Ngài có thể đã âm thầm giúp đỡ: Có bao giờ bị tai nạn mà đáng lý phải bị trọng thương nhưng lại thoát được mà không hề hấn gì chưa? Đó có thể là nhờ Bồ Tát đã bảo vệ cho.

Nếu quí vị chưa bao giờ bị tai nạn nên chưa bao giờ cần Bồ Tát giúp đỡ gì cả, thì suy nghĩ coi. Có bao giờ bị trọng bịnh mà được lành chưa? Hoặc có bao giờ ở trên thuyền bị bảo tố mà không đắm thuyền chưa? Những chuyện may mắn đó có thể là do trợ lực của Địa Tạng Bồ Tát. Hoặc có bao giờ đi máy bay gặp gió bão mà hoàn toàn không có một biến cố gì xảy ra chưa? Đó cũng là nhờ Địa Tạng Bồ Tát che chở. Cũng có thể là quí vị rất lo âu về một cuộc hành trình có tính cách nguy hiểm nhưng về sau lại khuất phục được sự lo lắng, đó cũng có thể là Bồ Tát đã âm thầm trợ lực khiến được dũng mãnh hơn thường lệ. Những hoàn cảnh mà ngài hiện ra cảm ứng thật vô tận vô biên. Vì Bồ Tát đã nhận lấy trọng trách do Phật giao phó tại cung trời Đao Lợi nên chúng sinh có thể an tâm và đặt trọn lòng tin vào Bồ Tát.

Xứ Thai Kinh 處胎經 nói về sự khó khăn của việc đắc thân người: " Như con rùa mù lòa khó có thể chui đầu qua lổ hổng của tấm ván nổi trên biển 盲龜浮木孔 • 時時猶可值. Thân người rất khó được lại trong một ức kiếp 人一失命根億劫復難事. Trong đại dương thì cái kim còn có thể tìm được 海水深廣大 • 三百三十六 • 一針投海中 • 求之上可得. Nhưng một khi mất thân người, thì khó mà đắc lại 一失人身命 • 難得過於是.

Lời Kinh:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, hoặc trời hoặc người, phải tùy theo nghiệp mà thọ báo ứng, đọa lạc vào ác đạo; lúc sắp bị đọa ác đạo hoặc vừa đến ngưỡng cửa,

những chúng sanh đó nếu có thể niệm được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, cùng một câu kinh một bài kệ của kinh điển Đại Thừa, thì ông hãy dùng thần lực, phương tiện để cứu vớt các chúng sanh đó; ở chỗ của các người đó hiện thân vô biên, vì họ mà phá tan địa ngục, làm cho họ được sanh thiên, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."

Lời giảng:

"Lại nữa, này Địa Tạng! Trong đời vị lai, hoặc trời hoặc người, phải tùy theo nghiệp mà thọ báo ứng, đọa lạc vào ác đạo,

nghiệp báo: của kiếp này hoặc có thể từ kiếp trước. Khi lâm chung chủng tử nào thành thục sẽ hiện ra dẫn mình đi.

lúc sắp bị đọa ác đạo hoặc vừa đến ngưỡng cửa, những chúng sanh đó nếu có thể niệm được danh hiệu của một đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ Tát, cùng một câu kinh một bài kệ của kinh điển Đại Thừa,

Có một bà cụ niệm Phật ngày đêm. Một hôm bà ta bịnh nặng, gia đình chở vào nhà thương nhưng bác sĩ bó tay. Lúc bà ta đang hấp hối thì con gái bà khuyên nên niệm Phật. Nhưng vì quá sợ chết nên líu lưỡi không ú ớ nổi hồng danh Phật. Điều quan trọng là ở chỗ "**có thể**".

thì ông hãy dùng thần lực, phương tiện để cứu vớt các chúng sanh đó; ở chỗ của các người đó hiện thân vô biên, vì họ mà phá tan địa ngục, làm cho họ được sanh thiên, hưởng sự vui thù thắng vi diệu."

phá tan địa ngục với tích trượng, Ngài mở toang cổng đia ngục, giải thoát tù nhân và ngạ quỉ.

Ví Dụ Kinh 譬喻 nói: Có một vị vua đã từng giết cha để giành ngôi. Sau một thời gian làm vua thì bịnh nặng, không thuốc nào chữa lành. Một vị A La Hán biết rằng vua không sống quá bảy ngày và sau khi chết chắc chắn sẽ đọa địa ngục A Tỳ chịu khổ trường kiếp. Vị A La Hán dạy vua chí thành niệm "Nam Mô Phật". Bấy giờ vua biết hối hận nên y lời dạy mà niệm ngày đêm không ngừng. Lúc chết bị quỉ dẫn đến cửa địa ngục A tỳ. Thần thức vua tiếp tục niệm Phật, các tù nhân khác nghe được đồng niệm theo. Lửa địa ngục A tỳ lập tức bị dập tắt và những kẻ niệm Phật đều được giải thoát. Họ đều sinh làm người; về sau gặp được vị A La Hán này, được nghe ngài giảng Pháp, khiến họ đều đắc Sơ Quả A La Hán 須陀洹.

Lời Kinh:

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng...

"Hiện tại, vị lai chúng thiên, nhân,

Nay Ta ân cần dặn bảo ông:

Dùng đại thần thông phương tiện độ,

Chớ để đọa vào các ác đạo."

Lời giảng:

Ý nghĩa câu kệ đã rõ ràng.

Chúng ta nên có lòng tin và đoạn ác tu thiện nhiều hơn nữa để Bồ Tát có nhiều cơ hội giúp chúng ta khỏi bị đọa **vào các ác đạo**.

Lời Kinh:

Bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát quỳ gối, chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn chớ lo! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với trong Phật Pháp mà có một niệm cung kính, con cũng dùng trăm ngàn phương tiện để độ thoát người đó, làm cho mau được giải thoát trong đường sanh tử; huống nữa là nghe các thiện sự rồi niệm niệm tu hành, thì sẽ tự nhiên ở nơi Đạo Vô Thượng vĩnh viễn không còn thối chuyển."

Lời giảng:

Bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát quỳ gối, chắp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn chớ lo! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào đối với trong Phật Pháp mà có một niệm cung kính, con cũng dùng trăm ngàn phương tiện để độ thoát người đó, làm cho mau được giải thoát trong đường sanh tử.

đối với trong Phật Pháp mà có một niệm cung kính, như chắp tay hoặc ngẩng đầu hướng về hình tượng Phật.

Kinh nói: Chúng ta phải biết nghĩ đến vô thường, mạng người

chẳng được dài lâu, nên lợi dụng thân tứ đại giả hợp này để tu hành cầu giải thoát. Nên biết rằng vạn vật sẽ trở về Không 歸空.

huống nữa là nghe các thiện sự rồi niệm niệm tu hành, thì sẽ tự nhiên ở nơi Đạo Vô Thượng vĩnh viễn được không còn thối chuyển."

Tứ Tự Xâm Kinh 四自侵經 nói: Người tu hành nên tự kiểm điểm. Đối với thân thì nên quán như mộng, như ảo. Để chống lại phiền não (tam độc), hãy dụng thân tâm như đoàn quân trên đường chiến đấu, dưới sự điều khiển của đại tướng (chí nguyện cầu giải thoát). Người tu hành cần chế phục tâm mình bằng cách tuân thủ Phật Pháp, y giáo phụng hành. Họ nên trì giới và giữ quy củ, luật lệ quốc gia . Thân tâm nên giữ cho thanh tịnh, không tỳ vết. Họ nên ban bố từ tâm và đức hạnh. Họ phải trục xuất sân hận, phẩn uất, ngạo mạn, tranh giành và cãi cọ. Họ thường chuyên tâm và tinh tấn hành Đạo. Ở một trình độ cao, họ hiểu rằng không có chứng đắc và cũng không có chướng ngại. Họ kiên trì chí nguyện. Nếu dạy chúng sinh, thì trước hết phải có tâm chính trực để tránh sai lầm. Vì không có sai lầm, họ đắc Đạo và liễu sinh tử. Cho nên Thập Luân Luận 十輪 nói: Những người tu hành chí thiện cũng như mặt trời sáng chói. Cho nên mới có thể **ở nơi Đạo Vô Thượng vĩnh viễn không còn thối chuyển 自然於無上道永不退轉.**

Có câu: "*Thiên lý viễn hành, thỉ ư sơ bộ* 千里遠行, 始於初步: Đi xa ngàn dặm, bắt đầu với bước thứ nhất; *thiên niệm*

vạn niệm, bất ly sơ niệm 千念萬念, 不離初念: một ngàn niệm hoặc một vạn niệm cũng không rời niệm đầu tiên”.

Phải thường nên tự hỏi chúng ta sống để làm gì? Có phải là để sống trong mê muội và chết trong hồ đồ không? Cuộc sống của chúng ta phải chăng chỉ là để ăn no rồi ngủ, rồi thức dậy mà ăn tiếp chăng? Chúng ta đến thế giới nầy có phải chỉ để đi làm việc, lãnh lương, mua nhà mua xe quần áo và thức ăn? Nếu chúng ta chỉ muốn ăn rồi ngủ, ngủ rồi ăn, trong lúc chờ đợi tử thần thì cuộc sống như vậy thật hoàn toàn không có ý nghĩa. Đừng nghĩ rằng sống như vậy là khôn khéo, nếu quán sát kỹ hơn mỗi người sẽ tự thấy rằng cách sống hạn hẹp như vậy đầy dẫy khó khăn và phiền não hơn là sung sướng và hạnh phúc. Thế thì thà chết còn hơn!.

Ngược lại, nếu chúng ta biết sống để lập công bồi đức và lợi ích cho thế hệ sau thì cuộc đời bắt đầu có ý nghĩa. Nên hiểu rằng cuộc sống là một dòng sinh mệnh tiếp nối, người trước dẫn dắt người sau; người có hiểu biết giáo huấn người không biết. Nếu mọi người biết sống và hiểu lý tu hành thì thế giới này sẽ vơi đi nhiều đau khổ. Nguyên tắc của người biết tu là khi làm bất cứ việc gì thì nên nghĩ đến cái lợi cho người thay vì tự tư ích kỷ. Hãy bắt chước những thiện hạnh của Phật Thích Ca Mâu Ni, chư Bồ Tát, các tổ sư thuở trước. Tất cả đều dốc lòng trong mục đích độc nhất của cuộc đời họ là lợi tha. Hãy nói ít mà làm nhiều, không nên chỉ biết "Khẩu đầu Thiền: Chỉ biết nói về thiền mà không hành thiền" hoặc bàn luận liên miên về Đạo mà chưa hề tu Đạo.

Nếu nghe có người đang lập công đức (như in dịch kinh, hoặc xây chùa) thì nên ủng hộ họ. Nếu có tiền thì cho tiền, có sức thì góp sức. Đại khái là trong mỗi hành động, nên giúp đở

người khác.

Lời Kinh:

Lúc nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng bạch Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con đến cung trời Đao Lợi nghe Đức Như Lai ngợi khen oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng. Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng trời, rồng, nghe kinh điển này cùng danh tự của Ngài Địa Tạng, hoặc chiêm lễ hình tượng, thì sẽ được bao nhiêu điều phước lợi? Cúi mong Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà lược nói việc ấy cho."

Lời giảng:

Lúc nói lời ấy xong, trong Pháp Hội có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng bạch Đức Phật rằng:

Hư Không Tạng Bồ Tát 虛空藏 đến từ một cõi cách chúng ta cả ngàn triệu ức thế giới. (80 Hằng sa thế giới hướng Tây của cõi Ta Bà này, có thế giới tên là Nhất Thiết Hương Tích Y 一切香積依, có Phật danh hiệu Thắng Hoa Phu Tạng Như Lai 勝華敷藏如來. Bấy giờ có một vị Bồ Tát tên là Hư Không Tạng, ngài có một châu báu (như ý châu 如意珠; ánh sáng này sáng hơn tất cả các loại ngọc khác và đức hạnh ngài chỉ thua Như Lai thôi) trên đỉnh đầu, nhờ đó muốn cầu gì cũng được toại nguyện. Nếu quí vị gặp được Bồ Tát nào có ngọc như ý trên đầu, thì nên biết đó là Hư Không

Tạng Bồ Tát, nếu biết nhận ra, ngài sẽ ban cho châu báu trong không trung và quí vị sẽ không bao giờ nghèo nữa. Có câu: "*Vô nhất pháp bất qui không như lai tạng cố* 無一法不歸空如來藏故: Không có một pháp nào không trở về lại Như Lai Tạng". Chỉ có vị Bồ Tát này mới có thể dung nạp 融納 vô biên công đức của Địa Tạng Bồ Tát.

"Bạch Đức Thế Tôn! Con đến cung trời Đao Lợi nghe Đức Như Lai ngợi khen oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ Tát Địa Tạng. Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào, cho đến tất cả hàng trời, rồng, nghe kinh điển này cùng danh tự của Ngài Địa Tạng, hoặc chiêm lễ hình tượng, thì sẽ được bao nhiêu điều phước lợi? Cúi mong Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sanh ở hiện tại và vị lai mà lược nói việc ấy cho."

Không và Giả bất nhị 空假不二. Thể thật ra chỉ là một và là Trung Đạo 當體即中, tuy nhiên có thể viên dung diệu hạnh 圓融妙行. Tất cả trở về Mật Tạng 同歸秘藏. Vì vậy mới gọi là Hư Không Tạng 故終乎虛空藏.

Lời Kinh:

Đức Phật bảo Bồ Tát Hư Không Tạng: "Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói rõ. Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, đồ ăn thức uống, y phục, châu báu, mà bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được hai

mươi tám điều lợi ích.”

1) ***Một là thiên long thường hộ niệm,***
2) ***Hai là thiện quả ngày càng tăng,***
3) ***ba là tích tập các nhân thánh thượng,***
4) ***bốn là tâm Bồ Đề không thối chuyển,***
5) ***năm là y phục, thực phẩm đầy đủ,***
6) ***sáu là dịch bệnh không đến nơi thân,***
7) ***bảy là xa lìa các tai nạn về nước và lửa,***
8) ***tám là không bị tai ách trộm cướp,***
9) ***chín là người khác thấy đều cung kính,***
10) ***mười là quỷ thần đều hộ trì,***
11) ***mười một là thân nữ chuyển thành thân nam,***
12) ***mười hai là làm con gái hàng vương giả, đại thần,***
13) ***mười ba là tướng mạo đoan chánh, tốt đẹp,***
14) ***mười bốn là phần nhiều được sanh lên cõi trời,***
15) ***mười lăm là có thể làm bậc đế vương,***
16) ***mười sáu là biết rõ việc đời trước,***
17) ***mười bảy là có mong cầu thì đều được toại ý,***
18) ***mười tám là quyến thuộc an vui,***
19) ***mười chín là các hoạnh sự đều dứt sạch,***
20) ***hai mươi là các nghiệp đạo đều trừ hẳn,***
21) ***hai mươi mốt là đi đâu cũng tới nơi cả,***
22) ***hai mươi hai là đêm nằm mộng được an ổn, vui vẻ,***
23) ***hai mươi ba là tổ tiên đã mất được lìa khổ,***
24) ***hai mươi bốn là nhờ phước đời trước mà thọ sanh,***
25) ***hai mươi lăm là chư thánh đều khen ngợi,***
26) ***hai mươi sáu là căn tánh thông minh, lanh lợi,***
27) ***hai mươi bảy là giàu lòng từ mẫn,***
28) ***hai mươi tám là rốt ráo thành Phật.***

Lời giảng:

Đức Phật bảo Bồ Tát Hư Không Tạng: "Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói rõ. Vào đời vị lai, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào trông thấy hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng cùng nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, đồ ăn thức uống, y phục, châu báu, mà bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được hai mươi tám điều lợi ích:

Quan trọng ở chỗ phải cực kỳ thành tâm trong những hành động thấy, nghe, ngắm, khen hoặc cúng. Phải biết chí thành khi dùng lục căn đối với kinh hoặc hình tượng.

Khéo biết thuyết Pháp 夫善說法者 tức là vô thuyết vô thị 無說無示: không có nói và cũng không giảng (tất cả chỉ là tùy duyên hóa độ). Khéo biết nghe Pháp 善聽法者 thì vô đắc vô văn 無得無聞: không chấp vào văn tự để hiểu nghĩa, không chấp vào lời nói mà tỏ rỏ ý đạo. **Lắng nghe! Lắng nghe!** 諦聽諦聽. Khéo biết phân biệt chư pháp tướng thì sẽ bất động tại Đệ Nhất Nghĩa 善能分別諸法相 • 於第一義而不動. Thế mới tương ưng với lời dạy của Như Lai 乃如來分別之指.

Khi kinh bàn về chúng sinh thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, tức là chỉ cái thấy chân thật. Nghe kinh ám chỉ cái nghe chân thật; tụng và cúng dường bày tỏ âm thanh và mùi vị chân thật; cúng dường hương hoa tượng trưng cái ngửi chân thật. Dùng y phục và châu báu biểu lộ cái xúc chân thật. Khi sáu giác quan (bao gồm cả ý) đều chân thật, chúng sinh có thể đắc 28 loại lợi ích.

Đa phần đều dễ hiểu, nên chúng tôi chỉ giảng qua loa thôi.

1.Thiên long thường hộ niệm. (天龍護念.) Đây bao gồm cả A Tu La cõi trời. Thần nhạc (Càn thát bà 乾闥婆) có nam lẫn nữ. Thần nam thì có một sừng trên đầu. Hễ ngửi hương thì liền đến nơi nhảy múa và ca hát (nên Đế Thích thường đốt hương khi muốn tiêu khiển). Khi quí vị tụng kinh này, họ tụ họp lại trong không trung mà tán thán quí vị.

2. Thiện quả ngày càng tăng 善果日增. Cho nên khiến không thối chuyển trong việc tu hành. Chúng ta có thể tinh tấn tiến tới. Thiện sinh ra thiện. Các thiện quả tăng trưởng vì nhân tốt. Nhân dựa quả mà tích tụ 事迹相連 • 果由因而增進 • 因藉果而積集.

3. Tích tập các nhân thánh thượng. 集聖上因. Nhân của trí huệ gồm có nghe giảng kinh và giảng Pháp, không phải người thường có thể làm được lâu dài. Nhân càng tích tụ, thì tâm Đạo càng ngày càng kiên cố, và nguyện lực càng dũng cảm.

4. Tâm Bồ Đề không thối chuyển. 菩提不退. Khi chúng ta tu hành, đôi khi thì rất tinh tấn, đôi khi thì muốn thối lui vì cảm thấy không có cảm ứng gì cả. Những lúc ấy, nếu chúng ta tụng kinh này, tâm Đạo mỗi ngày sẽ tăng trưởng và sẽ không thối chí. Nhân quả đi theo nhau. Cho nên chúng ta sẽ không thối Bồ Đề tâm.

5. Y phục, thực phẩm đầy đủ. 衣食豐足. Mỗi người

chúng ta nên tự xét và tự hỏi tại sao lại không có đủ áo quần hoặc ẩm thực trong cuộc đời này. Đó là do không biết trồng thiện căn trong quá khứ, đã không biết tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát và không chịu tụng kinh này. Chữ túc 足 nghĩa là biết đủ (nhờ biết đủ nên dừng được tâm tham lam): đó cũng một loại phước báu rất quí!

Áo quần che thân và thực phẩm nuôi dưỡng thân. Dầu có vẻ (duyên) không quan trọng lắm, nhưng lại giúp chúng ta dễ tu hành và thành tựu đại sự.

6. Dịch bệnh không đến nơi thân. 疾疫不臨. Bịnh khiến rất nhiều người bị chết cùng một lúc thì được gọi là bịnh dịch.

Bịnh là chướng duyên thường khiến thối Đạo 退道之緣 (nội chướng). Bịnh khiến thân lực giảm hoặc hao tổn 能令色力減損.

Thập Luận 十論 nói: Nếu chư hữu tình bị ác quỉ khống chế khiến sanh bịnh, mà biết cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, họ sẽ đắc giải thoát ra khỏi tất cả và không còn lo sợ nữa. Thân tâm sẽ an lạc. Cho nên mới nói là ***dịch bệnh không đến nơi thân***.

8. ***Xa lìa các tai nạn về nước và lửa***. 離水火災. Tụng niệm kinh Địa Tạng thì sẽ không có những loại tai nạn này (ngoại chướng). Quí vị có thể bị rơi xuống nước nhưng không chết đuối. Vào lửa thì không bị chết cháy. Ngay cả rớt xuống biển thì cũng được cứu. Hoặc đang bị hỏa tai cũng

thoát ra được.

Thập Luận 十論 nói: Nếu biết tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát thì ngay cả tam tai cũng được miễn.

9. ***Không bị tai ách trộm cướp***. 無盜賊惡. Chúng ta bị đánh cướp vì nhân đời trước (và bây giờ thì phải trả nợ; Bồ Tát có thể giúp chúng ta thoát khỏi kẻ thù xưa). Nên tập nhận ra nhân duyên của sự việc để có thể an nhiên trong mọi trường hợp xấu.

Thập Luận 十論 nói: Nếu chư hữu tình sợ kẻ thù, giặc cướp, quân lính và chiến tranh, nỗi sợ hải bao vây và quấy nhiễu họ khiến thân tâm bị khủng bố, ngay lúc ấy nếu họ phát tâm cúng dường và tôn kính lễ lạy Địa Tạng Bồ Tát, thì những chuyện kinh hoàng đó sẽ tiêu tan và họ được an toàn.

9. Người khác thấy đều cung kính. 人見欽敬. Chúng ta không cần phải treo bảng tự quảng cáo; không cần phải bỏ công lao ra làm để được người khác kính trọng vì sự kính trọng tự nhiên mà có. Người có thật đức đi đến đâu cũng được kính trọng, trái lại người khoe khoang chỉ tạo ra những điều lố bịch mà thôi. Dù bạn đang là một vị đại hộ pháp hay một thành phần quan trọng của hội từ thiện nhưng bạn âm thầm làm việc không cầu danh lợi thì bạn đang tạo âm đức, trái lại nếu tự phô trương và quãng cáo thì đối với những người có đôi mắt sáng họ sẽ thấy quí vị thật đáng thương.

10. Quỷ thần đều hộ trì. 神鬼助持. Những ai có công đức chân thật thì không cần quảng cáo. Khi gặp bất cứ khó khăn

nào, hộ pháp sẽ đến và âm thầm giúp đỡ. Không những thiện thần sẽ giúp mà ác thần cũng có thể giúp luôn. Đây là nhờ thần lực và Đạo đức của Bồ Tát, nên chúng nó đổi tính và muốn đến tạo công đức với chúng ta. Tại sao có người không được giúp? Có thể là vì chưa đủ phước. Cứ tiếp tục dụng công thì một ngày nào đó sẽ đến phiên quí vị.

11. Thân nữ chuyển thành thân nam. 女轉男生. Phần trước có bàn phụ nữ có năm loại chướng ngại khiến không thể giữ một số chức vụ. Phần này không phải khẳng định rằng đàn bà có thể thành đàn ông trong kiếp này. Nếu không thích thân đàn bà thì trong tương lai sẽ có thể đổi lấy thân đàn ông.

12. Làm con gái hàng vương giả, đại thần.為王臣女. Những người phụ nữ đã từng cúng dường lễ bái Địa Tạng Bồ Tát mà không sợ làm thân nữ thì sẽ sinh vào hoàng tộc. Họ có thể có rất nhiều quyền lực và biết dùng nó để giáo hóa chúng sinh.

13. Tướng mạo đoan chánh, tốt đẹp. 端正相好. Các bộ phận đều đặn và hòa hợp, dáng dấp vừa phải, cử chỉ đoan trang 端正 (những người như thế thường có trí huệ) và viên mãn 圓滿 (vì có phước báu).

14. Phần nhiều được sanh lên cõi trời. 多生天上. Thường xuyên sinh lên cõi Trời để hưởng thiên phước và diệu lạc.

15. Có thể làm bậc đế vương. 或為帝王. Nếu quí vị cảm

thấy rằng làm hoàng đế không thú vị gì lắm thì có thể phát tâm dùng phước này hồi hướng thành Phật đạo.

16. Biết rõ việc đời trước. 宿智命通. Bàn về biết những sự kiện đời trước. Đây chỉ về sự hiểu biết tiền nhân 了因之力. Họ không mê muội về những nhân mà họ đã làm trong kiếp trước 前因不昧, (nhờ vậy mới có thể cam tâm nhận lấy những quả xấu trong đời này) họ lìa bụi trần mà tu hành 離塵修道. Bồ Tát có trăm vạn hạnh, nhưng trí đứng hạng nhất 士有百行 • 智為其首.

17. Có mong cầu thì đều được toại ý. 有求皆從. Dầu mong cầu phú quí, con trai, con gái, ẩm thực, quyền lực đều được toại nguyện. Nhưng quí vị không nên quá chấp trước vào ngoại vật như vậy! Phát tâm cầu Bồ Đề đi!

18. Quyến thuộc an vui. 眷屬歡樂. Dầu cha con có tình ruột thịt nhưng đôi khi sự liên hệ có căng thẳng đến nổi không muốn nhìn mặt nhau. Con cái có thể cảm thấy rằng bậc cha mẹ không biết làm cha mẹ vì hoàn toàn lỗi thời và lạc hậu. Bậc cha mẹ thì, đôi khi biết rằng con cái hư hỏng và nghĩ không tốt về mình nhưng vì lòng thương yêu nên sẵn sàng bỏ qua những sơ khuyết của con cái; nhờ thế mà giử được mối liên hệ.

Giữa vợ chồng cũng có thể có những vấn đề tương tự. Trước khi cưới nhau thì không bao giờ có sự xích mích, nhưng sau khi ở chung mới lộ ra: Một người nóng nảy, người kia lại cố chấp. Nhờ tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát mà những vấn đề này sẽ

không xảy ra.

19. Các hoạnh sự đều dứt sạch. 諸橫消滅. Các tai họa và việc ngoài ý muốn 外意事 sẽ không xảy ra. Đa số mọi người không biết rằng chuyện không tốt xảy ra vì tâm họ không tốt. Giữ tâm sai quấy chỉ thú hút quỉ thần đến và đem lại những việc không may mắn cho gia đình của quí vị. Ngược lại, nếu biết trì tụng kinh này đủ lâu thì sẽ có tâm chính trực và nhờ thế mà tránh tai họa.

20. Các nghiệp đạo đều trừ hẳn. 業道永除. ***nghiệp đạo*** nghĩa là tam ác thú. Nhờ tích tụ vô lậu nghiệp nên tất cả các tam giới nghiệp hữu lậu đều được tiêu trừ. Những kẻ muốn tu hành thì phải biết tránh đọa tam ác đồ.

21. Đi đâu cũng tới nơi cả. 去處盡通. Quí vị muốn đi đến đâu thì sẽ tới nơi. Tất cả đều được may mắn và không có chướng ngại. Chúng ta có thể du hí khắp nơi hoàn toàn tự tại, không chút gì sợ sệt. Đó là do đã biết tôn thờ Địa Tạng Bồ Tát.

22. Đêm nằm mộng được an ổn, vui vẻ. 夜夢安樂. Họ có thể mơ thấy cúng dường cho Phật, đảnh lễ, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, hoặc những hạnh có lợi khác.

23. Tổ tiên đã mất được lìa khổ. 先亡離苦. Đây nói về tổ tiên đời này mà cả những tổ tiên đời trước. Tiên 先 nghĩa là tổ tiên; vong 亡 nghĩa là chết. Người Á Đông có truyền thống thờ phụng tổ tiên. Đó là một cách báo hiếu. Kho tàng

văn hóa này nên được bảo tồn và truyền dạy cho đời sau.

***24. Nhờ phước đời trước mà thọ sanh*. 宿福受生.** Những thiện căn và phước đức từ các đời trước sẽ tạo ảnh hưởng tốt cho đời này. Tại sao kiếp này nghèo khó vậy? Đó là vì không chịu giúp người nghèo khó, neo đơn trong những đời quá khứ.

Bồ Tát có bốn loại pháp để bảo tồn thiện căn, khiến không bị suy tổn 得先因力 • 不失善根:

1. Không thấy khuyết điểm của người 見他闕 • 不以為過.
   Ví dụ, bậc cha mẹ biết rõ con cái sai lầm nhưng không chấp vào sự sai lầm của chúng để ghét bỏ.
   Có người lập tức dơ tay lên phản đối, nói: "Nếu không thấy con cái sai lầm thì làm sao dạy chúng nó được? Vậy là không làm tròn bổn phận người mẹ chăng?"
   Một người học trò Tây phương phát biểu ý kiến: con cái có cách nhìn của chúng. Chúng ta khó bảo chúng nó nghe mình .
   Tôi chủ trương Trung Đạo.
   Tôi tin rằng, bình thường, con cái hiểu rõ những điều chúng ta muốn dạy chúng nó. Nhưng chúng nó cố ý bác bỏ ý kiến của mình, khiến có sự cãi vả giữa bậc cha mẹ về cách giáo dục con cái. Muốn dạy chúng nó là đúng. Nhưng đòi chúng nó hiểu và làm theo ngay lập tức là sai. Tâm lý là như vầy: chúng nó hiểu nhưng chỉ làm theo khi chúng nó thích mà thôi.
   Vậy cha mẹ phải làm gì đây?
   Quí vị có thể thấy một cách rõ ràng chúng nó sai lầm.

Nhưng quí vị nên tôn trọng chúng và để cho chúng nó có đủ tự do mà làm lỗi.
Khi chúng nó bị thất bại, chúng tự rút ra bài học cho mình, lúc đó thì bậc cha mẹ phải cần có mặt để chia sẽ cái đau đớn của chúng nó. Quí vị nhân cơ hội này hãy nói cho nó biết rằng quí vị cũng đau khổ y như chúng vậy. Nếu có thể hãy biểu lộ cho chúng biết bậc làm cha mẹ còn khổ sở hơn con nhiều vì bị lương tâm cắn rứt, vì đã không có đủ trí huệ và khéo léo để thuyết phục chúng trước khi chúng làm điều sai quấy.
Cư xử như thế thì con cái sẽ nhớ mãi và lần sau sẽ ít có khuynh hướng lập lại lỗi lầm đã phạm.
Đương nhiên, quí vị cũng nên ban phước cho chúng nó bằng phương pháp hồi hướng để giúp chúng tránh sự khốn khổ.
Không thấy sai lầm người khác không có nghĩa là quí vị có mắt mà không có ngươi, hoặc bỗng nhiên trở thành điếc và câm.
Ở đây nghĩa là biết mà không để cái sai lầm của người khác làm mình bị phiền não, không để vào tâm mình .

2. Đối với kẻ sân hận thì phải tu từ tâm 於怒人常修慈心.

   Pháp này có ba giai đoạn.
   Thứ nhất, quí vị không từ bỏ người sân hận mặc dầu họ đáng sợ và làm ta khó chịu đến tột cùng. Cũng như nhiều người khác, lúc chưa tu, tôi đã từng đã gặp nhiều trường hợp khó chịu đến nỗi muốn đấm lại một đấm cho hả dạ. Bây giờ thì tôi biết rải từ tâm lên họ, như vậy cái giận dịu xuống.
   Một trường hợp khác có thể chúng ta bị oan, cũng không nên đính chính.

Tại sao? Vì bước đầu là học cách nhẫn mà không than phiền hoặc đính chính. Ví dụ, nếu chúng ta đính chính thì mất cơ hội chịu đựng lửa giận để luyện tính nhẫn.
Tu pháp nhẫn cần tập chịu đựng thêm từ từ. Mỗi lần chịu đựng thêm một tí. Khi nào hết chịu nổi thì nên biết rút lui ngay lập tức. Đúng vậy, phải tập chịu thua. Chúng ta sở dĩ đấu tranh vì không ai chịu thua. Sau khi bình tỉnh lại, nếu phải chịu một trận nặng hơn thì càng phải kiên nhẫn hơn lần trước. Kiên nhẫn cần nhiều thời gian để xây đắp từ từ.
Giai đoạn thứ hai là biết chịu đựng cho đến khi người ta tự nguôi giận. Đó là một cách trả nghiệp. Khi trả nợ xong thì hắn ta sẽ tự nhiên không còn giận mình nữa.
Trong lúc này, chúng ta nên biết ơn người ấy vì họ cho chúng ta cơ hội tu hành pháp nhẫn.
Quí vị có biết rằng mỗi lần nổi giận thì tim và gan đều bị tổn thương không? Đông y biết rõ về vấn đề này. Đây là vì sao đời nay rất có nhiều người bị bịnh tim: vì họ thường nổi giận.
Một đệ tử của tôi đến than phiền rằng tim bị nhói và xin tôi giúp chữa trị. Tôi đáp rằng tôi đã đợi vài năm để có cơ hội giúp cô ta giải quyết vấn đề. Lúc ấy trình độ công phu khá cao nên cô có thể kềm hảm cái giận ở trong, không hề lộ ra ngoài, tuy vậy trái tim vẫn đau. Tôi nói cho cô biết nguyên nhân của bịnh tim là do lửa giận thiêu đốt. Từ đó cô không dám giận ai nữa: tim cũng không còn bị nhói nữa.
Nếu quí vị hiểu cái giá rất đắt mà họ phải trả để cho chúng ta có cơ hội tu hành pháp nhẫn thì quí vị có thể hành giai đoạn thứ ba: khởi tâm từ đối với người giận.

3. Nên thuyết nhân duyên các pháp 當說諸法因緣. Tất cả pháp đều do nhân duyên sanh, lại cũng do nhân duyên mà diệt thì không đáng bận tâm
4. Thường niệm Bồ Đề 常念菩提 Mình đã phát tâm cầu Phật đạo, cầu vãng sanh là những việc đại sự sao lại còn bận lòng vì phiền não!

25. Chư thánh đều khen ngợi. 諸聖讚歎. Thập phương chư Phật, Bồ Tát và La Hán tán thán quí vị vì đã biết tu thượng phước. Đại Luận nói: "Bồ Tát nghe thậm thâm bất khả tư nghì Pháp hoàn toàn không sinh tâm nghi ngờ 疑悔".

26. Căn tánh thông minh, lanh lợi. 聰明利根. Chúng ta thông minh, có trí nhớ tốt và có trí huệ. Ví như mắt sáng thì có thể nhìn xa. Tai bén nhậy. Lục căn đều tinh nhậy.

27. Giàu lòng từ mẫn. 饒慈愍心. Như Bồ Tát, tâm chúng ta nên từ bi với tất cả. Mặc dầu bị ngược đãi cũng không nên buồn giận! Tâm từ có năm lợi ích:

1. Không bị thương vì dao,
2. Không bị đầu độc,
3. Không bị lửa đốt,
4. Không bị chết đuối,
5. Kẻ sân hận thấy thì thích 瞋惡見喜. Những kẻ sân hận hay ác tâm khi gặp một người có lòng từ lớn tự nhiên họ cảm thấy mát mẻ dễ chịu và sinh tâm hoan hỷ.

28. Rốt ráo thành Phật. 畢竟成佛. Chắc chắn sẽ thành

Phật.

Lời Kinh:

Lại nữa, này Hư Không Tạng Bồ Tát! Như hàng trời, rồng, quỷ thần ở hiện tại và vị lai, nghe danh hiệu của Địa Tạng, lễ bái hình tượng của Địa Tạng, hoặc nghe các việc về bổn nguyện tu hành của Địa Tạng, mà ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được bảy điều lợi ích."

Lời giảng:

Lại nữa, này Hư Không Tạng Bồ Tát! Như hàng trời, rồng, quỷ thần ở hiện tại và vị lai, nghe danh hiệu của Địa Tạng, lễ bái hình tượng của Địa Tạng, hoặc nghe các việc về bổn nguyện tu hành của Địa Tạng, mà ngợi khen chiêm lễ, thì sẽ được bảy điều lợi ích."

lễ bái: Tại sao chúng ta nên lễ Phật? Tại vì có thể tiêu trừ nghiệp chướng nhiều như cát sông Hằng.

Lời Kinh:

1. ***một là mau lên thánh địa,***
2. ***hai là ác nghiệp được tiêu trừ,***
3. ***ba là chư Phật đến ủng hộ,***
4. ***bốn là Bồ Đề không thối thất,***
5. ***năm là bổn lực được tăng trưởng,***
6. ***sáu là việc đời trước đều rõ biết,***
7. ***bảy là rốt ráo thành Phật.***

Lời giảng:

1. Mau lên thánh địa. 速超聖地. Vượt qua mau (có thể nhảy; như tam thiền nhảy đến ngũ định). Việc này có thể áp dụng cho Thập Địa. Đây là nhờ có lợi căn và thượng căn.

2. Ác nghiệp được tiêu trừ. 惡業消滅. Ác nghiệp là những ô uế khiến chúng ta khó thành Phật được. Đây cũng là những tư tưởng đen tối mờ ám trong tâm mà chúng ta không muốn người khác biết. Mặc dầu chúng ta đã tạo ác nghiệp, nhưng nếu biết quy y lễ bái cúng dường Địa tạng Bồ Tát thì tam chướng đều được tiêu trừ.

3. Chư Phật đến ủng hộ. 諸佛臨護. Chúng ta có thể gặp chư Phật và được các ngài bảo hộ. Nếu tin tưởng nơi Phật và Bồ Tát thì lúc nào các Ngài cũng theo gia hộ chúng ta như mặt trăng soi sáng các giòng sông vậy.

4. Bồ Đề không thối thất. 菩提不退. Bất thối ***Bồ Đề*** nghĩa là phát tâm thành Phật và tiếp tục tu hành cho đến khi đạt mục tiêu, không bao giờ bỏ cuộc. Chúng ta bắt đầu tu bằng cách trì ngũ giới hoặc xuất gia, tu hành chứng quả thành đại sư, tổ sư, rồi sau viên mãn Bồ Tát Đạo sẽ thành Phật. Đương nhiên, quí vị phải giữ quyết tâm tu hành dù gặp hoàn cảnh khó khăn đến thế mấy. Không nên có tâm bất định: một ngày thì trì giới nghiêm mật, ngày hôm sau thì do dự hoặc phóng túng. Trên bước đường tu hành, giới luật là nền tảng quan trọng nhất. đừng nghĩ rằng nếu thọ giới mà phạm giới thì quá mất mặt nên không chịu thọ. Cũng như không nên khi thì tính xuất gia, lúc thì đắn đo không tin công đức lớn lao của sự xuất gia.

5. Bổn lực được tăng trưởng**.** 增長本力. Kinh nói rằng ***bổn lực được tăng trưởng*** có nghĩa là Phật tính sẵn có (bổn giác) sẽ tăng trưởng mỗi ngày. Nhờ sự gia hộ của Địa Tạng Bồ Tát họ tu hành các nhân để huân tập 熏 và tăng trưởng Chân Như bổn lực 增真如本力. Nhờ các hạnh thâm sâu, tâm bi và trí huệ của Bồ Tát ngày càng sâu rộng hơn chứng tỏ bổn lực tăng thêm.

6. Việc đời trước đều rõ biết. 宿命接通. Ngoài những lợi ích kể trên, qúi vị có thể đắc túc mạng thông biết việc ***đời trước.*** Ví dụ: " Tiền kiếp lâu xa về trước tôi làm một con kiến và bây giờ thì đắc thân to lớn của con người. Từ làm kiến, đổi thành bươm bướm, từ bươm bướm sinh làm chim ca hót; từ loài chim bé nhỏ thành chim ưng. Kiếp chim ưng tôi lại biết ăn chay, biết tu, v.v... và phước đức được tích lũy cho đến nay thì tôi đắc thân người." Khi quí vị đắc túc mạng thông thì sẽ biết tất cả những sự kiện như vậy. Một thân là do vô số nhân duyên tạo ra từ những thân trước rất khác biệt. Quí vị có thể nhìn ngược lại đến 80.000 đại kiếp (cũng như A La Hán vậy). Nếu chúng sinh biết cung kính và cúng dường Địa Tạng Bồ Tát đủ các loại vi diệu ẩm thực thì nhờ phước nghiệp này sẽ có được trí huệ đó.

7. Rốt ráo thành Phật 畢竟成佛. Thành tựu viên mãn đạo Bồ Đề tức là thành Phật.

Lời Kinh:

Bấy giờ không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật Như Lai cùng Đại Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ ở

mười phương nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngợi khen tuyên bày sức đại oai thần không thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, đều khen là việc chưa từng có.

Lời giảng:

Bấy giờ không thể nói hết không thể nói hết tất cả chư Phật Như Lai cùng Đại Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ ở mười phương nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngợi khen tuyên bày sức đại oai thần không thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, đều khen là việc chưa từng có.

Ai cũng đồng ý rằng chưa từng có một vị Bồ Tát nào hi hữu và bất khả tư nghì như ngài.

Lời Kinh:

Lúc đó, tại cung trời Đao Lợi mưa xuống vô lượng hương hoa, thiên y, châu báu để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng. Xong rồi, tất cả đại chúng trong Pháp Hội đều chiêm lễ, chắp tay mà lui ra.

Lời giảng:

Lúc đó, tại cung trời Đao Lợi mưa xuống vô lượng hương hoa, thiên y, châu báu để cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Địa Tạng.

Thiên nữ rãi đủ các **hương hoa, thiên y, châu báu** quí nhất để cúng dường Phật (năng thuyết chi giáo chủ 能說之教主

) và Địa Tạng Bồ Tát (năng hành chi nguyện vương 能行之願王).

Hương 香 tượng trưng nhân thông quả hải 因通果海, thành tựu Ngũ Phần Pháp Thân 五分法身. **Hoa** 華tượng trưng viên nhân khắc quả 圓因剋果, có đầy đủ 41 phẩm vị của Bồ Tát. **Thiên y** 天衣 được tạo ra trên cây: nhẹ 輕, mịn 細 và tự nhiên 自然, tượng trưng Chứng Tịch Diệt Chi Nhẫn 證寂滅之忍. Bảo **lạc** 珠瓔 tượng trưng bốn thù thắng 勝 pháp (giới, định, huệ và thần chú), để trang nghiêm Pháp Thân. Xâu chuỗi trang điểm cổ biểu hiện Trung Đạo tính đức. **Vô lượng** 無量 Pháp nhân quả có vô lượng công đức.

Xong rồi, tất cả đại chúng trong Pháp Hội đều chiêm lễ, chắp tay mà lui ra.

chắp tay 合掌: có ý nghĩa thập pháp giới chỉ cùng một thể (quy về một).

lui ra 退: biểu hiện vạn loại trở về một 顯萬類同歸.

Chú thích đến đây hoàn tất nhưng tu hành không hoàn tất cho đến khi thành Phật. Lúc đó mới có thể nói: "*Sở tác dĩ b*ạn 所作以辦: việc cần làm đã làm xong. *Phạm hạnh dĩ lập* 梵行以立: hạnh thanh tịnh đã thiết lập, *bất thọ hậu hữu* 不受

後有: không còn bị luân hồi nữa."

Những ai có duyên nghiên cứu kinh này là đã có thiện căn, nếu không thì không được cơ hội này đâu. Nếu không đủ thiện căn dầu muốn tu học cũng không làm được. Lúc tôi bắt đầu giảng kinh này khoảng ba năm trước, một nam cư sĩ xin phép tôi đến chùa Báo Ân mỗi tuần để nghe giảng kinh. Ông ta chỉ có đủ phước để được nghe khoảng năm lần thì bị chướng duyên không thể đến được nữa.

Có người thiếu thiện căn tuyên bố rằng họ không muốn thành Phật, chẳng thà đọa địa ngục để Địa Tạng Bồ Tát xuống cứu, như thế được tự do để tiếp tục tác quái cả một cuộc đời. Họ quên rằng Bồ Tát có đại thần thông nên biết rõ tâm tư của họ, Bồ Tát sẽ không cứu họ cứu họ quá sớm. Chúng ta không nên học theo thói xấu của những người vô minh đó để phải lãnh quả thống khổ nơi địa ngục.

Hãy tinh tấn tu hành theo những giáo lý của kinh này và không nên thối chuyển.

Nam Mô Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát



Tiểu sử thầy Thích Vĩnh Hóa

Thời niên thiếu, thầy vốn qua Mỹ du học với nguyện vọng trở về nước xây dựng tổ quốc và phục vụ đồng bào. Sau khi đạt chức vụ hành chánh (executive management), thầy không mấy thỏa mãn với ngành quản trị xí nghiệp và cảm thấy cuộc đời thiếu ý nghĩa. Nhờ có duyên học Pháp ngài Tuyên Hóa, thầy tìm được Chân lý nên xuất gia, dâng hiến cuộc đời còn lại để phục vụ cho Phật Pháp.

Tỳ kheo Thích Vĩnh Hóa thuộc dòng Qui Ngưỡng của Hòa Thượng Tuyên Hóa và Lâm Tế của Hòa Thượng Mãn Giác. Sau khi nghiên cứu Đại thừa và hành thiền 20 năm, thầy quyết định báo ân chư tổ và sư trưởng bằng cách rộng thuyết pháp và đào tạo nhân tài cho thế hệ sau. Trong bảy năm qua, thầy đã giúp nhiều thiền sinh đạt trình độ cao.

Thầy chủ trương Thiền Tịnh đồng tu khiến kẻ có căn cơ đắc giải thoát và người có lòng tin chân chính đắc vãng sinh Tịnh độ kiếp này. Thầy giảng giáo lý một cách thực tiễn và dễ hiểu khiến người nghe thông đạt thâm ý thánh hiền để áp dụng vào cuộc sống hằng ngày và chóng lìa khổ đắc lạc.